ĐINH NGỌC HẢI - M.PEARLIE IA TRADER

PHÂN TÍCH CƠ BẢN VÀ KỸ THUẬT

LIÊN THỊ TRƯỜNG

TRONG GIAO DỊCH TÀI CHÍNH



Bạn sẽ học được :

- Các quy tắc liên thị trường và mối tương quan giữa các thị trường với nhau.
- Cách kết hợp phân tích cơ bản và kỹ thuật trong phân tích liên thị trường.
- Kỹ năng đọc hiểu tin tức và hình dung được các sự kiện đang được Market quan tâm. Từ đó tiên đoán được Trader nhà nghề đang kỳ vọng điều gì trong sự kiện trên.
- Phương pháp lập kế hoạch giao dịch theo từng sự kiện HOT NHẤT của Market trong ngày, tuần.
- Cuốn sách bao gồm những ví dụ giao dịch thực tiễn ngắn hạn, phù hợp với phong cách giao dịch của đa số Trader Việt.

.....



"Trading là cả một chuỗi ngày dài học hỏi,
đúc rút kinh nghiệm từ chính những sai lầm của bản thân!"

http://www.intermarketanalysisblog.com/

TP. HỒ CHÍ MINH 01-2016

IACapital

PHÂN TÍCH CƠ BẢN VÀ KỸ THUẬT
LIÊN THỊ TRƯỜNG
TRONG GIAO DỊCH TÀI CHÍNH

ĐINH NGỌC HẢI - M.PEARLIE



Website:

http://iasignals.com/

And

https://iacapital.vn/

"Trading là cả một chuỗi ngày dài học hỏi,

đúc rút kinh nghiệm từ chính những sai lầm của bản thân!"

ABOUT

ĐINH NGỌC HẢI - M.PEARLIE IA TRADER

Tôi là một Trader bình thường như bao người khác. Với Tôi thị trường tài chính là niềm đam mê. Tôi thích được chia sẽ những kỹ năng, kiến thức và kinh nghiệm của bản thân đến với tất cả các bạn. Với mong muốn sẽ đóng góp được một phần công sức của mình tới với cộng đồng Trader Việt, hi vọng tất cả các Trader Việt sẽ giao dịch thành công và mang về những nguồn lợi nhuận tốt nhất.

Trước đây Tôi là một kỹ sư xây dựng cầu đường, và nhờ cơ duyên đã hướng Tôi đến với con đường đầu tư tài chính, ngoại hối này. Đầu năm 2012 Tôi chính thức tham gia giao dịch và làm việc cho một số tổ chức, sàn giao dịch ngoại hối trên cương vị là một Introducing Broker, sau đó Tôi chuyển sang làm một nhân viên phân tích thị trường cho một số sàn giao dịch ngoại hối. Từ những kinh nghiệm học được trong khoảng thời gian đó đến bây giờ, cũng đã trải qua rất nhiều lần cháy tài khoản, thậm chí là mất khá nhiều tiền bạc và hao tổn sức lực, thời gian… Với một niềm đam mê rất lớn với thị trường tài chính và không chịu chấp nhận bỏ cuộc, Tôi tìm đọc rất nhiều tài liệu, sách báo… Và thực sự may mắn khi Tôi tìm được đúng hướng đi cho mình, tìm được những người thầy, những anh chị đi trước có nhiều kinh nghiệm hơn đã chỉ bảo, dẫn dắt Tôi.

Không có một chặng đường nào là đơn giản và dễ dàng cả, tất cả đều phải đánh đổi, trải qua rất nhiều mất mát, đau thương thì mới có thể tiến bộ và đạt được những thành công nhất định. Riêng với Tôi có lẽ những mất mát trong suốt những năm tháng nghiên cứu thị trường là rất nhiều, và dù có chuyện gì xảy ra thì quan trọng nhất vẫn là niềm tin vào chính bản thân, vào con đường đang đi và đừng bao giờ bỏ cuộc.

Những kiến thức Tôi chia sẻ trong cuốn sách này chắc chắn là chưa đầy đủ và còn nhiều sai sót, nhưng hi vọng những kiến thức đó sẽ góp phần nhỏ giúp các bạn có những nhận định tốt hơn và hạn chế được những rủi ro không đáng có trong suốt quá trình giao dịch của mình.

MỤC LỤC

LỜI TỰA

Độc giả thân mến! Cuốn sách mà các bạn đang cầm trên tay đây sẽ là một cuốn cẩm nang khá đầy đủ cho những người đang tham gia vào thị trường Tài chính Ngoại hối tìm hiểu phương pháp để trở thành nhà đầu tư chuyên nghiệp và hơn thế nữa cuốn sách này sẽ mang đến cho các bạn những khái niệm cơ bản về thị trường cũng như các phương pháp giao dịch đã được đúc rút từ trước tới nay, bên cạnh đó cuốn sách cũng sẽ đề cập tới những sai lầm thường gặp khi các bạn mới bắt đầu tham gia vào thị trường và điều không thể thiếu đó chính là tâm lý trong giao dịch. Vậy làm thế nào để có thể khắc phục được nhược điểm về tâm lý mà chúng ta vẫn thường mắc phải? Tôi biết rằng có rất nhiều nhà đầu tư có thể phân tích và tiên đoán xu hướng thị trường rất tốt nhưng vẫn không thể thắng được thị trường, và cũng rất nhiều nhà đầu tư đã phải bỏ cuộc hoặc mất mát rất nhiều trong quá trình giao dịch với thị trường.

Mục đích của cuốn sách này là chia sẻ những kiến thức về phân tích cơ bản và kỹ thuật, sự kết hợp giữa phân tích cơ bản và kỹ thuật cùng với phương pháp đọc hiểu tin tức để có thể xâu chuỗi các số liệu và sự kiện được công bố, qua đó giúp nhà đầu tư khái quát và tiên đoán được xu hướng thị trường một cách khoa học và chính xác hơn để có thể đưa ra những quyết định giao dịch và đầu tư có khả năng sinh lời cao trên thị trường Ngoại hối, Chứng khoán, Hàng hóa, Trái phiếu và các giao dịch hợp đồng tương lai trong thực tế…

Những thành tựu của ngành công nghệ thông tin ngày nay đã cho phép tất cả chúng ta có thể tìm hiểu và tham gia giao dịch trên thị trường được tốt hơn. Các bạn có thể thực hiện các giao dịch của mình trên máy tính cá nhân hay chiếc smartphone hoặc chiếc máy tính bảng của mình. Chỉ cần vài cú nhấp chuột là các bạn có thể thực hiện được tất cả lệnh giao dịch một cách nhanh chóng, chính xác. Trên thế giới hiện nay có hàng triệu nhà đầu tư, không phân biệt tuổi tác, trình độ, vốn đầu tư và họ đang giao dịch trên thị trường hàng ngày thông qua chiếc máy tính cá nhân bằng kiến thức, kinh nghiệm của mình. Các bạn có thể sự dụng quỹ thời gian rảnh rỗi của mình hoặc bất kỳ thời điểm nào bạn cảm thấy sẵn sàng. Tuy nhiên Tôi vẫn khuyến cáo với các bạn là hãy tham gia vào thị trường nếu như

niềm đam mê của các bạn đủ lớn để có thể dành hàng giờ đồng hồ nghiên cứu thị trường, và thật sự muốn theo đuổi nghiệp trading này.

Cuốn sách này sẽ đưa ra các phương pháp cơ bản và chuyên sâu trong việc tổng hợp số liệu, cách xử lý số liệu và phương pháp xâu chuỗi các số liệu cũng như các sự kiện đang diễn ra nhằm giúp độc giả hình dung rõ hơn về bản chất và nắm rõ được các chính sách, sự kiện được chú ý sắp diễn ra. Tôi sẽ đề cập nhiều hơn tới phân tích cơ bản và phương pháp phân tích liên thị trường trong giao dịch tài chính nói chung.

Và đặc biệt cuốn sách này Tôi sẽ hướng dẫn cách để lấy số liệu và tổng hợp số liệu một cách khoa học với độ chính xác cao, như các bạn sẽ thấy trong cuốn sách này có một số lượng lớn các biểu đồ mà các bạn sẽ không thể tìm thấy free trên internet. Để có thể có được những biểu đồ mang nhiều ý nghĩa đó các trader pro đã phải bỏ ra một khoản phí không hề nhỏ khoảng 1700$ mỗi tháng để mua lại từ những tổ chức uy tín chuyên tổng hợp dữ liệu như Bloomberg hay Reuters. Trong cuốn sách này Tôi sẽ cố gắng vạch ra thật chi tiết và rõ ràng những kế hoạch trade trong ngày, tuần, lý do và cách thức xem tin tức cũng như xâu chuỗi những dữ liệu trước đó, kết hợp với lối tư duy của riêng mỗi cá nhân khi tham gia vào thị trường để qua đó có thể tiên đoán được sự kiện nào đang thật sự là tâm điểm chú ý của market cũng như dòng smart $ đang đặt tiền cho sự kiện đó như thế nào. Sẽ là tốt nếu chúng ta hiểu được sự kiện đó là gì và dòng tiền thật sự đang đặt cược vào sự kiện đó như thế nào để tiên đoán được xu hướng của thị trường, lúc đó chúng ta sẽ dễ dàng hơn trong việc vạch ra những kế hoạch trade cho chính mình và điều quan trọng nhất đó là sau khi đã có được kế hoạch trade đó rồi thì khi chúng ta đặt tiền vào thị trường sẽ tự tin hơn và nắm phần thắng cao hơn, cũng chính vì chúng ta hiểu rõ smart $ đang đi tiền vì lý do gì và với món hàng nào thì chắc chắn sẽ hạn chế được mức rủi ro là thấp nhất.

Cuốn sách này có sử dụng các nguồn tài liệu và tổng hợp từ nhiều cuốn sách của những Nhà đầu tư, những Chuyên gia nổi tiếng trên thế giới cũng như ở Việt Nam. Tác giả xin chân thành cảm ơn những Nhà đầu tư, những Chuyên gia đã giúp tác giả hoàn chỉnh cuốn sách. Và cuối cùng tác giả xin chân thành cảm ơn sự quan tâm và ý kiến đóng góp của quý độc giả!

Nội dung chính trong cuốn sách này!

Trong xã hội hiện đại ngày nay và sự phát triển vượt bậc của khoa học công nghệ đã giúp chúng ta xích lại gần nhau hơn, mọi trao đổi thao tác của chúng ta đều được thực hiện thông qua mạng internet cùng với những chiếc máy tính cá nhân, những chiếc smartphone. Và chắc hẳn những thay đổi mạnh mẽ mang tính đột phá đó đã mang đến cho chúng ta thêm nhiều cơ hội mới, thêm nhiều những công việc và có thể nói rằng cuộc sống của chúng ta đã thay đổi rất nhiều nhờ vào internet.

Việt Nam đang từng bước vươn lên sánh vai với các cường quốc năm châu. Sự tăng trưởng vượt bậc trong nền kinh tế đã góp phần không nhỏ đưa đất nước tiến xa hơn nữa và trong một tương lai không xa Việt Nam sẽ trở thành nước công nghiệp theo đúng nghĩa. Để có được những thành tựu như vậy không thể không kể đến những nhân tài kiệt xuất, những tập đoàn lớn mạnh của chính những ông chủ Việt tạo nên, với sự thay đổi như vậy thì kênh đầu tư chứng khoán đã và đang thật sự trở thành một trong những kênh đầu tư sinh lợi cao và thu hút được một lượng lớn các nhà đầu tư cá nhân tham gia vào. Mặc dù thị trường chứng khoán Việt Nam vẫn còn khá non trẻ và quy mô chưa thật sự lớn mạnh, nhưng bên cạnh đó từng ngày trôi qua chính chúng ta, những nhà đầu tư cá nhân đã và đang góp phần đưa thị trường chứng khoán nước nhà vươn tầm ra thế giới. Trong một vài năm gần đây, bên cạnh thị trường chứng khoán trong nước thì không thể không nhắc đến sự nổi lên của thị trường giao dịch tiền tệ-ngoại hối đã và đang tiếp bước là một kênh đầu tư hấp dẫn và đầy thách thức cũng như cơ hội. Với những đặc tính thanh khoản rất cao, đòn bẩy lớn, thị trường tiền tệ đã và đang thu hút được một lượng lớn các nhà được tư nói chung và những trader nói riêng tham gia. Với mục đích tham gia vào thị trường giao dịch tiền tệ-ngoại hối nói riêng và tất cả các thị trường khác nói chung cũng là để kiếm lợi nhuận. Do vậy bất kể nhà đầu tư hay những người đầu cơ nhỏ lẻ tham gia vào thị trường này cũng đều luôn mong muốn tích lũy được lượng kiến thức, kinh nghiệm và tìm tòi học hỏi những phương pháp giúp họ kiếm được lợi nhuận và dành chiến thắng trong thị trường.

Vậy nhưng không phải tất cả các nhà đầu tư tham gia vào thị trường này đều có lợi nhuận, theo những thống kê không chính thức thì chỉ có khoảng 20% người tham gia vào

thị trường này là có lợi nhuận và con số 80% còn lại thì đang gặp phải những thua lỗ có thể là nhiều hoặc ít, hoặc trong số họ đang gặp phải những khó khăn trong việc tìm kiếm một phương pháp để có thể giao dịch được tốt hơn. Mặc dù có khoảng 20% người tham gia vào có lợi lợi nhuận nhưng con số thật sự kiếm được nhiều tiền và trở nên giàu có trên thị trường này là rất ít, chỉ khoảng 1% mà thôi.

Mặc dù thị trường giao dịch tiền tệ-ngoại hối và hàng hóa đã được du nhập vào Việt Nam cũng được một thời gian tương đối lâu (theo Tôi được biết thì khoảng hơn 10 năm cách đây) nhưng những tài liệu tham khảo bằng tiếng việt thật sự rất khan hiếm. Có chăng trôi nổi trên thị trường là những tài liệu được dịch lại từ nhiều nguồn, nhưng chủ yếu cũng chỉ là những tài liệu phân tích kỹ thuật thuần túy. Có thể nói những nguồn tài liệu này thiên về cách trade, vào lệnh theo thiên hướng phân tích lịch sử giá mà không hề nói đến những động lực thật sự tác động vào thị trường. Tuy là cũng có khá nhiều tài liệu viết về phân tích cơ bản, nhưng có chăng cũng chỉ là những tài liệu đơn lẻ, hay nói cách khác là không cho thấy được cái nhìn bao quát của thị trường và giúp người trader nhìn nhận được những biến động tương quan trên tất cả bốn bộ phận cấu thành market.

Do vậy Tôi sẽ viết một cuốn sách đi sâu vào phân tích cơ bản và những tác động tương quan giữa các thị trường với nhau. Trong cuốn sách này Tôi cũng sẽ đề cập chi tiết về phương pháp phân tích liên thị trường, kết hợp với phân tích cơ bản và phân tích kỹ thuật để tiên đoán những tác động từ những sự kiện đang được chờ đợi nhất và HOT NHẤT tại thời điểm đó để qua đó có thể biết được dòng tiền đang thật sự chạy về khối tài sản nào, dòng smart $ đang đổ về thị trường nào và những kỹ năng để nhận biết thị trường nào đang đóng vai trò dẫn dắt các thị trường còn lại. Những cái này sẽ được Tôi đi sâu vào chi tiết trong từng bài phân tích, từng lệnh giao dịch trực tiếp của Tôi. Để có thể hiểu được những vận động đó chắc hẳn Tôi và Các Bạn sẽ phải thật sự đi sâu vào tìm hiểu bốn bộ phận cấu thành của market và những quy luật liên thị trường phổ biến.

Nội dung của cuốn sách này sẽ được chia thành các chương như sau:

Chương I: Tổng quan về thị trường tài chính, phân tích cơ bản liên thị trường trong giao dịch tài chính.

Trong chương này Tôi sẽ giới thiệu chi tiết về thị trường tài chính, các cách thức tham gia vào thị trường và Tôi sẽ cố gắng giải thích chi tiết phương pháp phân tích liên thị trường, phân tích cơ bản nói chung. Theo ý kiến cá nhân Tôi cho rằng việc phân tích giao dịch trên thị trường tài chính đòi hỏi phải trang bị vốn kiến thức tương đối tốt, kinh nghiệm phải trau dồi theo thời gian mới có được, vốn kiến thức đó chính là nền tảng cơ bản về phân tích thị trường tài chính. Các bạn hãy thử tưởng tượng rằng khi các bạn nắm rõ được các thông tin cơ bản tác động lên thị trường, đoán biết được tâm lý của các trader như thế nào và hình dung được rằng những tin tức nào đang chi phối cặp tiền/món hàng mà các bạn đang quan tâm thì khi các bạn vào lệnh có thể nắm được phần thắng cao hơn là khi các bạn chỉ quan sát trên biểu đồ kỹ thuật đơn thuần. Việc xem tin tức và tư duy sẽ không thể có được ngày một ngày hai, các bạn phải chắc chắn rằng mình thật sự đam mê và kiên định theo đuổi thị trường tài chính, có như vậy các bạn mới có thể thành công và tiến xa hơn nữa trong lĩnh vực đầu tư nói chung và giao dịch tài chính nói riêng được!

Chương II: Tổng quan về bốn bộ phận chính cầu thành nên thị trường tài chính.

Như các bạn đã biết thị trường tài chính là thị trường rất rộng lớn, và nó được cấu thành từ những thị trường nhỏ hơn trong đó. Tôi tin rằng hầu hết các bạn cầm cuốn sách này trên tay đều biết về thị trường chứng khoán, hay bất động sản, giao dịch vàng… tất cả những thị trường trên là những bộ phận nhỏ trong thị trường tài chính. Vậy thì để có cái nhìn bao quát hơn và chi tiết về thị trường tài chính nói chung và các thị trường đơn lẻ khác nói riêng thì chương sách này Tôi sẽ giới thiệu về bốn bộ phận chính cấu thành thị trường tài chính: Bonds (Thị trường trái phiếu), Commodity (Thị trường hàng hóa), Currency (Thị trường tiền tệ), Stock (Thị trường vốn/cổ phiếu). Và trong chương này Tôi cũng sẽ dành ra một đoạn nói về mối tương quan cơ bản giữa các thị trường này với nhau, nói cách khác

thì đó chính là những tác động giữa các thị trường, những phản ứng với cùng một sự kiện đang diễn ra.

Chương III: Sự thay thế của chế độ bản vị Vàng sang bản vị Dầu, luận tương lai kinh tế toàn cầu khi bản vị Dầu/USD được thay thế.

Trong lịch sử mấy ngàn năm cho tới tận bây giờ, vàng vẫn luôn là một thứ hàng hóa rất quan trọng, không những là thứ kim loại quý được sử dụng làm đồ trang sức mà vàng còn là thứ hàng hóa được người ta tin dùng mỗi khi có những biến động trên thị trường, những cuộc khủng hoảng kinh tế cũng như chiến tranh. Người ta biết đến vàng như là một công cụ chống lại lạm phát, điều đó là hiển nhiên khi ai trong chúng ta cũng biết là vàng là thứ kim loại phản ứng nhanh nhất với lạm phát và rủi ro. Cũng chính vì tầm quan trọng của vàng mà trong những năm của trước thập niên 70 người ta vẫn coi vàng là thứ hàng hóa được đem trao đổi nhiều nhất và thời bấy giờ người ta định giá hàng hóa bằng Vàng/USD. Cho tới khi những cuộc khủng hoảng lớn sau này và đặc biệt là khi kinh tế thế giới đã tăng trưởng và bước vào thời kỳ công nghiệp hóa, lúc này đây dầu được xem là nguồn năng lượng không thể thiếu và là bước ngoặt của nền kinh tế toàn cầu. Cũng chính từ thời điểm đó mà chế độ bản vị vàng dần được thay thế bằng một thứ hàng hóa khác, và đương nhiên khi tầm quan trọng của dầu tăng cao, giá dầu lúc bấy giờ được đẩy lên rất cao. Đó cũng chính là thời điểm người ta nhìn nhận lại và dần thay thế chế độ bản vị vàng sang bản vị Dầu/USD.

Mặc dù thế giới hiện nay đã tiến bộ và có nhiều đổi thay, nhiều đột phá mang tính cách mạng, nhưng vẫn chưa thể tìm ra được nguồn năng lượng nào có thể thay thế được dầu. Mặc dù vậy khi nguồn năng lượng này đang dần cạn kiệt và nhất là những hệ lụy liên quan tới môi trường thế giới tăng cao thì con người sẽ phải vận dụng những tiến bộ của khoa học kỹ thuật để nghiên cứu ra một nguồn năng lượng mới, hi vọng đó sẽ là nguồn năng lượng Xanh, Sạch. Vậy thì sau khi chế độ bản vị dầu được thay thế thì thứ hàng hóa gì hay cái gì sẽ thay thế? Câu trả lời Tôi sẽ nói trong chương này.

Chương IV: Sự vươn lên mạnh mẽ của nền kinh tế Trung Quốc, vai trò của Trung Quốc trong nền kinh tế toàn cầu hiện nay.

Một trong những bước tiến thần kỳ trong nền kinh tế được cả thế giới ngưỡng mộ đó chính là sự phát triển được ví là "Thần kỳ Nhật Bản" của những năm thập niên cuối thế kỷ 20. Nhưng bên cạnh đó vào những năm đầu của thế kỷ 21 này chúng ta lại một lần nữa được chứng kiến tốc độ phát triển một cách thần kỳ còn hơn cả Nhật Bản, chỉ trong vòng hơn 20 năm nhưng kinh tế Trung Quốc đã phát triển một cách vượt bậc và người ta phải thốt lên rằng "Thần kỳ Trung Quốc". Điều này được minh chứng GDP của Trung Quốc đã từng vượt qua Mỹ để trở thành nền kinh tế lớn nhất thế giới. Các bạn có thể thấy đấy, thời gian gần đây mỗi lần kinh tế Trung Quốc có chuyện bất ổn hoặc các chính sách kinh tế của Trung Quốc được công bố thì hầu hết những quốc gia lớn trong đó có Mỹ, Nhật, Úc, New Zealand, Liên minh EU… đều có những tác động không hề nhỏ trong đó, như vậy sức ảnh hưởng của Trung Quốc tới kinh tế toàn cầu lúc này là rất lớn và có thể nói rằng kinh tế Trung Quốc hắt hơi thì những quốc gia khác cảm cúm. Một điều chắc chắn không thể thiếu trong tình hình kinh tế thế giới hiện tại chính là phân tích những tác động từ nền kinh tế Trung Quốc và nếu mọi thứ đi đúng quỹ đạo thì không lâu nữa thôi Trung Quốc sẽ trở thành nền kinh tế lớn nhất thế giới và đồng Nhân Dân Tệ một khi đã trở thành đồng tiền chính thức được đưa vào rổ những đồng tiền chính trên thế giới thì lúc này đây vai trò của nền kinh tế Trung Quốc sẽ là rất quan trọng.

Chương V: Khủng hoảng kinh tế toàn cầu năm 2008 và những hệ lụy cho đến ngày nay.

Vào giai đoạn năm 2008 khi thị trường nhà đất rơi vào suy thoái, sự ảnh hưởng của nó lan rộng khắp mọi nơi trên thế giới trong đó Việt Nam không ngoại lệ. Vào thời điểm đó Tôi chỉ mới là một cậu sinh viên năm nhất thôi nhưng cũng cảm nhận được sự leo thang vật giá lớn đến mức nào, vào thời điểm đó các mặt hàng thực phẩm, tiêu dùng là những hàng hóa tăng giá mạnh nhất. Cũng trong giai đoạn này ở khắp nơi trên thế giới chứng kiến sự sụp đổ kinh hoàng của thị trường chứng khoán, riêng thị trường chứng khoán Việt Nam đã bị thổi bay hơn 70% giá trị chỉ trong vòng vài tháng, có lẽ đó là nỗi kinh hoàng mà rất rất nhiều nhà đầu tư đã gặp phải. Không riêng gì Việt Nam chúng ta mà nhiều nơi khác

trên thế giới cũng chứng kiến sự sụp đổ đó, không ít người đã tan gia bại sản, không ít công ty, tập đoàn đã phải tuyên bố phá sản. Vậy thì lý do vì sao, trong chương sách này Tôi sẽ cố gắng nêu lên bức tranh toàn cảnh của thị trường trên cả bốn bộ phận cấu thành market và những hệ lụy cho đến ngày hôm nay. Việc phân tích tốt đợt khủng hoảng này sẽ là một yếu tố rất quan trọng để các bạn có thể có được những tư duy, cái nhìn về market hiện thời một cách tốt nhất, chi tiết nhất và qua đó sẽ hiểu được những vận động trên cả bốn bộ phận cấu thành market ngay thời điểm hiện tại. Nắm vững những yếu tố đó sẽ giúp các bạn đưa ra những quyệt định mua bán trên thị trường tốt hơn.

Chương VI: Hàng hóa, các lớp tài sản an toàn, lớp tài sản rủi ro trong những giai đoạn của chu kỳ kinh tế.

Như các bạn đã biết hàng hóa được chia thành những lớp hàng hóa rủi ro, lớp hàng hóa an toàn, vậy thì những hàng hóa nào được xem là an toàn và những hàng hóa như thế nào thì được xem là rủi ro trong những chu kỳ biến động của nền kinh tế. Trong chương sách này sẽ hệ thống lại cho các bạn hiểu về các lớp tài sản như vậy và mối quan hệ giữa sự vận động của những hàng hóa đó như thế nào trong các giai đoạn biến động của nền kinh tế, sự vận động của các tài sản rủi ro cao sang các tài sản rủi ro thấp, qua đó sẽ nhìn nhận được được một cách chi tiết hơn mỗi khi có biến động hay khủng hoảng kinh tế thì mặt hàng nào sẽ được người ta quan tâm. Một điều nữa phải nhấn mạnh rằng hàng hóa là những thứ phản ứng với lạm phát nhanh nhất, chỉ cần quan sát giá cả hàng hóa là các bạn đã hình dung được mức độ lạm phát trong nền kinh tế như thế nào rồi.

Chương VII: Các yếu tố quan trọng trong phân tích liên thị trường, mối tương quan giữa các thị trường trong từng giai đoạn của chu kỳ kinh tế.

Những quy tắc liên thị trường là luôn luôn hiện hữu, và trong những cuốn sách Tôi đã giới thiệu cũng đã nói về các quy tắc này rồi. Song với chương sách này Tôi sẽ cố gắng đi sâu hơn và thật chi tiết hơn nữa để các bạn có thể thật sự nắm vững những quy tắc đó và Tôi hi vọng những gì Tôi phát triển thêm sẽ giúp các bạn có những cái nhìn sát hơn nữa với những sự kiện của market. Trong phương pháp phân tích liên thị trường, điều quan

trọng là nắm được những vận động tương quan giữa các thị trường với nhau trong những giai đoạn nhất định của chu kỳ kinh tế, trong những vận động đó sẽ có những dấu hiệu dự báo trước hoặc những thay đổi nhất định trong một thị trường nào đó, từ những thay đổi đó sẽ là kim chỉ nam để chúng ta có thể tiên đoán được hướng đi của những thị trường khác. Điều này sẽ trở nên quan trọng trong mỗi phân tích và quyết định của nhà đầu tư trên thị trường. Theo Tôi được biết thì phần lớn các Trader tham gia vào thị trường là những người không chuyên, ý Tôi muốn nói là xuất thân của họ không phải là những người được đào tạo bài bản trong trường lớp, do vậy không quá khó để hiểu rằng phần lớn trong số họ chỉ dựa vào những công cụ phân tích kỹ thuật và dựa vào lịch sử giá để tiên đoán hướng đi của market. Các bạn thử tưởng tượng nhé: nếu các bạn nắm vững các phân tích kỹ thuật đó nhưng trong tư duy phân tích của các bạn không hiểu được động lực nào mới thật sự là cái đang chi phối thị trường thì liệu rằng xác xuất các bạn thắng được market có cao không?

Chương VIII: Phân tích kỹ thuật liên thị trường. Sự kết hợp các yếu tố Formation, Market Sentiment, Momentum trong phân tích và giao dịch.

Trong khi hiểu được bản chất của thị trường, những vận động tương quan của thị trường rồi thì một điều quan trọng không kém đó là biết được thời điểm nào là tốt nhất để vào lệnh, thời điểm TỐT NHẤT đó ý là nói đến timing trong giao dịch, là thời điểm mà sẽ cho chúng ta một cái STOP LOSS là BÉ NHẤT. Mục đích chúng ta tìm đến với thị trường này là để kiếm được thật nhiều tiền và làm sao đó hạn chế cái LOSS là bé nhất. Nghệ thuật mua bán đóng một vai trò rất quan trọng trong phương pháp giao dịch của mỗi người và nó sẽ quyết định xem thử Trader đó có thể dành chiến thắng trước market hung bạo được hay không. Trong chương sách này Tôi sẽ lần lượt đi qua những kiến thức cơ bản khái quát của phân tích kỹ thuật và sự kết hợp giữa các yếu tố trong phân tích kỹ thuật lại với nhau, với mục đích để chúng ta có thể tìm được một thời điểm TỐT NHẤT để vào lệnh.

Trong quan niệm của anh Viet Currency có đề cập tới 3 yếu tố chính trước khi đặt lệnh mua bán trên thị trường. Ba yếu tố đó bao gồm: FORMATION (Chính là những yếu tố trên chart, các mẫu hình nến, mô hình chart parttern), MARKET SENTIMENT (Đây chính là những yếu tố cơ bản liên thị trường, cái mà chúng ra đã tìm hiểu ở những mục trước cuốn

sách này), MOMENTUM (Hàm ý là những xung lực được thể hiện qua những indicator đo lượng xung lượng, VD: MACD, RSI…). Do đó trong chương sách này Tôi cũng xin nêu lên một số quan điểm về việc kết hợp một cách tốt nhất cả 3 yếu tố trên.

Chương IX: Kết hợp phân tích căn bản và kỹ thuật, phương pháp lập kế hoạch giao dịch theo từng sự kiện Hot Nhất của market và những ví dụ thực tiễn.

Sau khi đã lần lượt đi qua những khái niệm, những kiến thức về phân tích cơ bản liên thị trường cho đến những yếu tố trong phân tích kỹ thuật và Sự kết hợp các yếu tố Formation, Market Sentiment, Momentum thì trong chương sách này Tôi sẽ trực tiếp đưa ra những ví dụ về phân tích từ những sự kiện trong những khoảng thời gian gần đây, mục đích của chương này là để chúng ta áp dụng những gì đã học được vào thực tế, dù kiến thức có sâu rộng bao nhiêu nhưng nếu không biết cách khai thác và vận dụng thì cũng trở nên vô nghĩa. Do đó Tôi sẽ cố gắng áp dụng những gì đã chia sẻ để viết thành những bài phân tích chi tiết trong những sự kiện đang HOT NHẤT. Mỗi một sự giao động trên thị trường đều có những động lực phía sau đó, điều quan trọng mà chúng ta cần đó là hiểu được câu chuyện ẩn đằng sau cái chart kia là gì, hiểu được rồi thì những cái Trade của chúng ta sẽ trở nên đơn giản hơn rất nhiều và sẽ hạn chế được những rủi ro không đáng có. Trong những bài chia sẻ Tôi có nói rất rõ rằng mấu chốt trong Trading không phải là cứ vào lệnh thật nhiều, vào lệnh nhiều cặp, nhiều món hàng cùng một lúc, và tai hại hơn là vào cả lệnh Buy và Sell liên tục trong ngày mà không có kiến thức phân tích tốt. TRADING LÀ CẢ MỘT NGHỆ THUẬT!

Trong khuôn khổ chương sách này Tôi sẽ chia sẻ cho các bạn những kỹ năng cần thiết nhất, những kinh nghiệm thực tiễn nhất của Tôi trong những phân tích và vào lệnh. Hi vọng sẽ góp phần nhỏ giúp các bạn có được khả năng tư duy market tốt hơn!

Phụ lục: Hướng dẫn khai thác và xử lý dữ liệu từ một số website uy tín, tổng kết các quy tắc trong trading.

Khi Tôi đặt bút viết ra cuốn sách này, điều Tôi suy nghĩ nhất đó là kỹ năng đọc hiểu tin tức, kỹ năng nhìn nhận market qua từng sự kiện, khả năng tư duy để hình dung được sự

kiện nào đang được Market chú ý và các smart $ đang đi tiền cho sự kiện đó như thế nào. Những cái này đòi hỏi các bạn phải kiên trì, nỗ lực và không ngừng học hỏi, đó chính là kinh nghiệm. Kinh nghiệm là thứ không thể có ngày một ngày hai, phải trải qua những vấp ngã, thất bại thì mới rút ra được. Bản thân Tôi khi bước chân vào thị trường này cũng gặp rất nhiều khó khăn, không ít lần cháy tài khoản, cảm giác những lúc đó thật khó tả, tuyệt vọng và đánh mất đi niềm tin trong nghiệp Trading. Trong khuôn khổ phần phụ lục này Tôi sẽ hướng dẫn các bạn một số kỹ năng trong việc sử dụng các trang web chính trong quá trình phân tích, một số kinh nghiệm trong việc kết hợp và so sánh tương quan giữa các món hàng với nhau. Trong đó chắc chắn không thể không nhắc đến những quy tắc Trading Rules quan trọng mà các bạn cần phải nhớ kỹ trong quá trình giao dịch.

Trong cuốn sách này Tôi cũng có sử dụng một số tài liệu tiếng Anh và lược dịch, một vài chỗ sẽ không thật sự chính xác với ngôn từ mà tác giả muốn gửi gắm, vậy rất mong Quý Độc Giả lượng thứ!

Trong quá trình biên soạn cuốn sách này, chắc chắn sẽ không tránh khỏi những thiếu sót, do vậy nếu có thiếu sót nào rất mong nhận được hồi âm từ phía độc giả. Và Tôi sẽ có những điều chỉnh lại cho hợp lý để mang lại những giá trị có ích trong quá trình học hỏi và giao dịch của Quý Độc giả.

Chân Thành Cảm Ơn Sự Quan Tâm Và Ý Kiến Đóng Góp Của Quý Độc Giả!

Website:

http://intermarketanalysisblog.com/

được chuyển sang:

http://iasignals.com/

CHƯƠNG I:

TỔNG QUAN VỀ THỊ TRƯỜNG TÀI CHÍNH, PHÂN TÍCH CƠ BẢN LIÊN THỊ TRƯỜNG

I- TỔNG QUAN VỀ THỊ TRƯỜNG TÀI CHÍNH

TIỀN ĐỀ, KHÁI NIỆM VỀ THỊ TRƯỜNG TÀI CHÍNH

Thị trường tài chính là nơi mà chúng ta tiến hành giao dịch, trao đổi những mặt hàng, dịch vụ với giá cả được định bởi lực cung và cầu. Một thị trường tài chính ở đây có thể được hiểu là vị trí địa lý (như là NYSE, NSE, BSE…), hoặc những giao dịch được thực hiện qua mạng internet, một hệ thống điện tử (như là NASDAQ) mà ở đây người ta có những sản phẩm, hàng hóa hay dịch vụ mà họ muốn cung cấp ra với thị trường. Có thể được hiểu đơn giản hơn đó là sự trao đổi thuận mua vừa bán, giá cả ở một thị trường tài chính được xác định bởi những thay đổi trong nguồn cung và nhu cầu. Nếu nhu cầu thị trường ổn định, sự gia tăng trong thị trường là kết quả của việc suy giảm nguồn cung, điều này có nghĩa là nguồn cung ít đi còn nhu cầu thì không hề giảm, nó sẽ là yếu tố quyết định việc giá cả của món hàng/dịch vụ đó tăng lên. Và nếu như nguồn cung là ổn định, và một sự gia tăng trong nhu cầu sử dụng sẽ khiến cho giá cả của những hàng hóa/dịch vụ đó tăng lên. Và đương nhiên giá cả sẽ giảm trong trường hợp ngược lại.

- *Ghi chú: Theo Investopedia định nghĩa "thị trường tài chính" là thuật ngữ mô tả bất kỳ thị trường nào những nơi mà người mua và người bán tham gia vào việc buôn bán các tài sản như cổ phiếu, trái phiếu, tiền tệ và hàng hóa/dịch vụ. Thị trường tài chính thường được định nghĩa là thị trường có giá cả minh bạch, có quy định cơ bản về kinh doanh, chi phí, lệ phí và các tác động thị trường sẽ xác định giá cả của hàng hóa, chứng khoán được giao dịch.*

Một số thị trường tài chính chỉ cho phép người tham gia đáp ứng được những tiêu chí nhất định, có thể được dựa trên các yếu tố như tổng số tiền vốn, vị trí địa lý của nhà đầu tư, kiến thức về thị trường hoặc nghề nghiệp của người tham gia.

"DEFINITION of 'Financial Market'

Broad term describing any marketplace where buyers and sellers participate in the trade of assets such as equities, bonds, currencies and derivatives. Financial markets are typically defined by having transparent pricing, basic regulations on trading, costs and fees and market forces determining the prices of securities that trade.

Some financial markets only allow participants that meet certain criteria, which can be based on factors like the amount of money held, the investor's geographical location, knowledge of the markets or the profession of the participant."

Trong cuộc sống hàng ngày của chúng ta, ai cũng phải sử dụng tiền để có thể thực hiện những giao dịch và tiền được xem như là vật ngang giá chung. Bất kể nơi đâu khi bạn muốn mua một món hàng hay sử dụng một dịch vụ nào đó việc đầu tiên là bạn phải có được một lượng tiền nhất định, lượng tiền đó dùng để chi trả cho những thứ bạn có nhu cầu. Giá cả của những món hàng/dịch vụ mà bạn sử dụng đó được định giá bởi quy luật cung cầu trên thị trường, chắc chắn bạn sẽ có những thắc mắc tại sao cùng món hàng đó tôi mua ở nơi này lại mắc hơn ở nơi khác, thị trường luôn luôn có những quy luật nhất định của nó, giá cả được những người cung cấp dịch vụ định giá từ trước và trải qua biến động của thị trường mà những gì chúng ta sử dụng ngay lúc đó được phản ảnh. Có thể hiểu rằng để cung cấp một thứ hàng hóa/dịch vụ thì sẽ phải có những khoản chi phí phát sinh trong đó, những khoản chi phí đó có thể là vận chuyển, bảo quản hoặc là những dịch vụ đi kèm… Vậy thì khi các bạn bỏ ra một khoản tiền như vậy để chi trả cho thứ hàng hóa/dịch vụ các bạn đang cần và phải chắc chắn rằng các bạn đồng ý với mức giá đó, như vậy thì món hàng đó sẽ được cung cấp cho bạn. Đó là những ví dụ điển hình của việc mua bán trao đổi trên thị

trường cơ bản, để đi sâu thêm các bạn có thể hình dung rằng những cổ phiếu của một công ty nào đó được phát hành dựa trên vốn sở hữu của công ty đó, vậy thì khi chúng ta muốn sở hữu một phần cổ phần của công ty đó thì chúng ta sẽ phải dùng tiền để đổi lấy những cổ phiếu trên. Trong quá trình mua bán trao đổi như vậy sẽ có thể chúng ta mua được với một mức giá tốt (theo định nghĩa giá trị cổ phiếu tốt không phải là nó rẻ, mà là giá trị đó so với giá trị thật mà công ty đó đang sở hữu). Sau khi sở hữu được lượng cổ phiếu trên và mục đích của chúng ta là kiếm lời từ những cổ phiếu đó mà, do vậy sẽ là một giao dịch tốt đẹp nếu như thời điểm chúng ta mua cổ phiếu cho đến lúc bán thì giá trị danh nghĩa của cổ phiếu đó tăng. Mức chênh lệch đó sẽ là khoản lợi nhuận mà chúng ta mong muốn chứ? Có thể trong một vài trường hợp những giao dịch đó không thuận lợi khi giá trị danh nghĩa đó giảm xuống và buộc chúng ta phải cắt lỗ, tức là chịu mất một phần tiền đã bỏ ra để sở hữu những cổ phiếu trên. Hay đi xa hơn một chút đó là những giao dịch trên thị trường tiền tệ (thị trường giao dịch ngoại hối-trao đổi tiền tệ) tức là chúng ta đang thực hiện những giao dịch của mình dựa trên mức chênh lệch tỉ giá, nói một cách dễ hiểu là sự so sánh giá trị giữa đồng tiền của quốc gia này so với đồng tiền của quốc gia khác. Cũng như đã nêu ở trên về những giá trị cổ phiếu chúng ta nắm giữ thì ở thị trường tiền tệ cũng vậy. Như vậy qua những ví dụ trên có thể hiểu được rằng thị trường tài chính là một phạm trù rất rộng lớn, bao gồm rất nhiều những thị trường nhỏ trong đó, và điều quan trọng là để có thể thực hiện được những giao dịch trên thì chúng ta phải có TIỀN! Vậy tiền là gì?

Trong lịch sử, quá trình hình thành Tiền pháp định là một bước tiến trong tiến trình xây dựng một Chính phủ toàn cầu. Sự ra đời của tiền giấy đóng một vai trò rất quan trọng trong đời sống của con người ngày nay. Được lý giải như sau, thời trước khi tiền giấy chưa được đưa vào sử dụng thì việc trao đổi hàng hóa được thực hiện bằng những phương thức trao đổi những vật phẩm có cùng giá trị, trong quá trình phát triển của nhân loại thì để thuận tiện hơn người ta đã nghĩ ra được một phương thức thanh toán dựa vào vật thế chấp, vật thế chấp này được hiểu là những món đồ có giá trị cao. Thời bấy giờ những món đồ quý bao gồm những kim loại như vàng, bạc. Nhưng mà việc cất giữ và đảm bảo an toàn cho những kim loại này sẽ rất khó và chi phí thường rất cao. Do vậy người ta đã tiến thêm một

bước nữa khi chính thức cho phát hành những tờ ngân phiếu, những tờ ngân phiếu này sẽ đại diện cho một số lượng nhất định vàng hiện có, và bất cứ khi nào muốn đổi những tờ ngân phiếu đó thành vàng đều được, do vậy lâu dần những tờ ngân phiếu được xem là tiền. Thời gian trôi qua người ta nhận thấy lượng vàng cất giữ trong kho là một sự lãng phí, vì thế nên các chủ điền trang này đã tự ý in thêm lượng ngân phiếu bằng với lượng vàng cất giữ trong kho. Lượng ngân phiếu in thêm này sẽ được các chủ điền trang cho vay với một lượng lãi suất nhất định. Nhưng có một lỗ hổng nhất định trong quản lý rằng nếu người ta đồng loạt mang ngân phiếu đến rút vàng, bạc thật thì các điền trang sẽ không thể chi trả được, vậy nên họ sử dụng một hình thức mới là khuyến khích người ta gửi những tờ ngân phiếu đó và sẽ nhận được lượng lãi suất tiền gửi. Nhưng người gửi ngân phiếu chỉ được nhận lãi suất chính là những tờ ngân phiếu đó. Như vậy trải qua năm tháng mà Tiền được hình thành dựa trên những nhu cầu và tiến bộ trong nhận thức của loài người. Để tiến thêm một bước nữa trong quá trình hình thành Tiền pháp định đó chính là giai đoạn chính phủ Anh vay tiền để trang trải cho những khoản chi chính phủ, những nhà tài phiệt cho chính phủ Anh vay tiền với yêu cầu thành lập Ngân Hàng Trung Ương Anh. Ngân hàng có toàn quyền phát hành tiền của nước Anh lúc bấy giờ. Và lúc nào chính phủ Anh cần tiền để chi trả hoạt động của chính phủ thì chỉ cần in những tờ trái phiếu, trái phiếu chính là một loại giấy tờ được chính phủ bảo đảm (hay còn gọi là giấy ghi Nợ). Nhưng để chính phủ có thể in được những tờ trái phiếu đó thì buộc phải có vật thế chấp, vật thế chấp không thể là vàng, bạc hay đất đai được, mà đó chỉ có thể là tiền thuế mà chính phủ sẽ thu được của người dân trong tương lai. Sau này những tờ trái phiếu được chính phủ Anh đảm bảo đó được sử dụng ở khắp những thuộc địa của nước Anh. Và từ đây tiền được in ra mà không cần phải phụ thuộc vào việc phải có lượng vàng cất giữ trong kho nữa, tiền được in ra từ chính những khoản thuế thu được trong tương lai.

Tìm hiểu đến đây chúng ta đã hiểu được lịch sử ra đời của tiền tệ và những đồng tiền chúng ta sử dụng hàng ngày trên được các central bank toàn quyền in ấn phát hành, và đó cũng chính là công cụ mà các Central Bank đó sử dụng để điều tiết nền kinh tế, và đây chính là những điều mà chúng ta sẽ đi sâu vào khai thác ở những chương sách sau để hiểu

được quá trình cung ứng tiền tệ, chi phối tiền tệ và các quá trình điều tiết nền kinh tế diễn ra, qua đó sẽ hiểu được rằng Tiền chính là mấu chốt trong mọi hoạt động trao đổi hàng hóa, trong quá trình phát triển của một nền kinh tế hay đó chính là công cụ giúp nền kinh tế tăng trưởng.

Sự ra đời của tiền giấy cũng mang lại không ít những tác động xấu, như nêu ra ở trên với việc sử dụng tiền của chính phủ Anh nhiều như vậy thì con số Nợ mà Chính phủ Anh đang gánh trên vai cho đến hiện tại là một con số khổng lồ mà Chính phủ sẽ không bao giờ có thể trả được, cho dù Chính phủ có toàn quyền phát hành trái phiếu tuy nhiên lượng trái phiếu đó phải có sự đảm bảo bằng các khoản thuế trong tương lai, mà những khoản thuế này thì không thể in ra từ không khí được, nó là những tài sản có giá trị thật mà nền kinh tế tạo ra. Do đó trong một nền kinh tế tăng trưởng mạnh thì những khoản thuế đó mới thật sự thu được nhiều và chính phủ qua đó có thể phát hành thêm trái phiếu. Nhưng nếu như nền kinh tế trì trệ, khủng hoảng triền miên thì lấy cái gì để đảm bảo rằng Chính phủ sẽ thu được thuế đây, điều này đã mang thêm một phần gành nặng nữa cho không riêng gì Chính phủ Anh mà hầu khắp tất cả các quốc gia khác trên thế giới. Riêng ở đất nước chúng ta thì lượng tiền chính phủ Nợ đã lên đến một con số rất lớn, chỉ tính riêng nợ nước ngoài thôi đã lên đến 45,9% GDP, quy ra tiền là hơn 93 tỉ USD, tính ra số nợ chia cho bình quân đầu người rơi vào khoảng hơn 1000 USD (Số liệu tính đến ngày 12/11/2015, nguồn: http://www.economist.com/content/global_debt_clock). Quả thực với một đất nước thuần nông và đang trên đường tiến đến công nghiệp hóa hiện đại hóa như Việt Nam mà mang một số lượng nợ lên đến 45,9% GDP thì thực sự là một con số đáng báo động. Số nợ này sẽ phải trả bằng USD mà chúng ta thì không thể nào tự ý in tiền VND để trả nợ được, việc phát hành trái phiếu ở Việt Nam không phải cứ muốn là được, bởi vì việc phát hành trái phiếu phải được dựa trên lượng tiền thuế thu được trong tương lai của Chính phủ, mà với nền kinh tế như chúng ta hiện nay khi GDP bình quân đầu người chỉ xấp xỉ 2000$ thì việc tính được khoản thuế đó trong tương lai là điều khó thực hiện được, ít nhất trong trong tương lai 30 năm tới, đánh giá năng lực cạnh tranh, mức độ tín nhiệm của Việt Nam là "Theo thông báo đề ngày 6/6 của Standard & Poor's, tổ chức này duy trì điểm tín nhiệm

nợ dài hạn của Việt Nam ở mức 'BB-' và điểm tín nhiệm nợ ngắn hạn của Việt Nam ở mức 'B', với triển vọng của các điểm số này được nâng một bậc lên 'ổn định'. Bên cạnh đó, xếp hạng tín nhiệm dài hạn của Việt Nam trong khối ASEAN được nâng một bậc lên mức 'axBB+' từ mức 'axBB' trước đó. Xếp hạng tín nhiệm ngắn hạn của Việt Nam trong khối ASEAN duy trì ở mức 'axB'." Với một mức tín nhiệm thấp như thế thì Việt Nam sẽ phải trả phần lãi suất cho khoản vay hơn 93 tỉ $ đó là rất lớn, do vậy không thể nào phát hành trái phiếu để trả nợ được mà chỉ có thể hạn chế chi tiêu, thắt lưng buộc bụng để giảm bớt gánh nặng cho thế hệ con cháu mai này.

Tôi và các bạn vừa mới tìm hiểu lịch sử ra đời và sự hình thành Tiền giấy mà chúng ta sử dụng ngày hôm nay. Tôi nhấn mạnh tầm quan trọng của Tiền bởi vì trong thế giới hiện đại bây giờ bất cứ một quốc gia nào muốn giao thương buôn bán, trao đổi hàng hóa với các quốc gia khác thì đều phải cần có Tiền, và Tiền cũng chính là lý do và nguồn gốc của những biến động kinh tế tài chính trên toàn cầu. Phải chăng vì những món lợi ích đó mà các thế lực ngầm đã tạo ra những cuộc chiến tranh, những cuộc khủng hoảng tài chính khắp nơi trên thế giới. Và vì sao tạo ra những cuộc chiến tranh, khủng hoảng đó lại mang về những nguồn lợi rất lớn cho các nhà tư bản tài phiệt? Những điều này sẽ được lý giải trong chương sách các cuộc khủng hoảng kinh tế giai đoạn sau thế chiến thứ II và sự thay đổi các thế cực trong kinh tế, chính trị, quân sự từ sau thế chiến II đến nay.

THỊ TRƯỜNG TÀI CHÍNH: CƠ CẤU VÀ VAI TRÒ TRONG HỆ THỐNG TÀI CHÍNH

- Cấu trúc của một hệ thống tài chính
- Chức năng của một hệ thống tài chính
- Các cấu trúc và tính năng quan trọng của thị trường tài chính
- Các chức năng chính của các tổ chức (trung gian) tài chính
- Điều tiết thị trường tài chính

"Phần này được dịch từ một số nguồn khác nhau, và mục đích để các bạn có thể hiểu một cách tổng quát nhất về cấu trúc và những chức năng của hệ thống tài chính. Các đoạn lược dịch có thể không chính xác theo ý của tác giả, vậy nên rất mong các bạn lượng thứ"

1) Cấu trúc và chức năng của hệ thống tài chính.

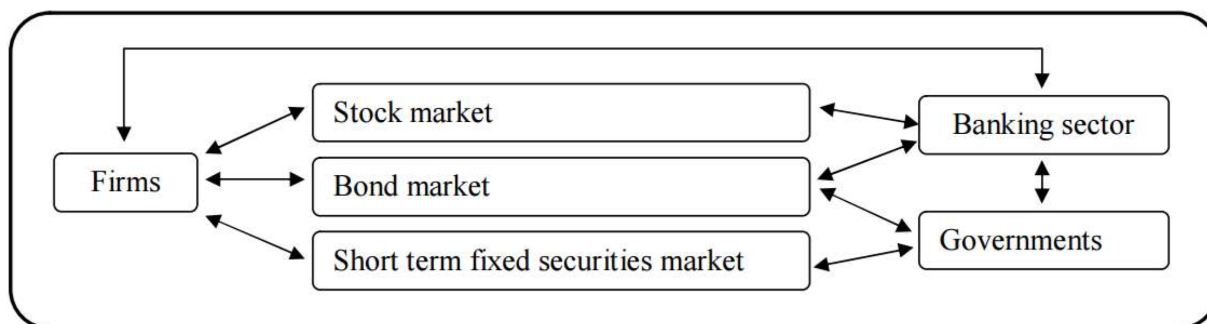
Hệ thống tài chính đóng vai trò quan trọng trong nền kinh tế, như các bạn đã biết rằng bất kể lĩnh vực, ngành hàng hay thị trường nào cũng đều phải có hệ thống cơ cấu, qua đó có thể điều hành hoạt động của thị trường đó một cách tốt nhất. Ở đây hệ thống tài chính góp phần tăng trưởng kinh tế, ảnh hưởng đáng kể đến hiệu quả kinh tế, phúc lợi kinh tế. Những điều trên sẽ đạt được nhờ những cơ sở hạ tầng tài chính, trong đó các thực thể với kinh phí phân bố cho các quỹ hiệu quả hơn để đầu tư vào. Một hệ thống tài chính sẽ góp phần làm cho các quỹ này hoạt động một cách hiệu quả hơn. Trong trường hợp không có một hệ thống tài chính rõ ràng thì sẽ dẫn đến việc mất cân bằng trong nhiều vấn đề, sai lệch trong các thông tin, do vậy việc hình thành một thể chế tài chính sẽ góp phần phân bổ hiệu quả các nguồn tài chính. Bằng việc khắc phục các vấn đề thông tin bất đối xứng của hệ thống tài chính tạo điều kiện cho sự cân bằng giữa những người có vốn đầu tư và những người cần vốn.

Theo cách tiếp cận trên thì cấu trúc, hệ thống tài chính của một nền kinh tế bao gồm ba thành phần chính:

- Thị trường tài chính
- Tổ chức (trung gian) tài chính
- Quản lý tài chính

Mỗi thành phần đóng góp một vai trò cụ thể trong nền kinh tế.

Thị trường tài chính thúc đẩy dòng tiền của các quỹ chảy về để tài trợ cho các khoản đầu tư của các tập đoàn, các chính phủ và cá nhân. Các tổ chức tài chính là những đơn vị chủ chốt trong việc thực hiện các chức năng trung gian của việc phân bổ các nguồn vốn từ các quỹ đầu tư vào các cá nhân, tổ chức đang cần vốn huy động. Các nhà quản lý tài chính sẽ thực hiện vai trò giám sát và điều tiết lượng người tham gia vào hệ thống tài chính.



Hình 1.1: Cấu trúc của hệ thống tài chính

Nghiên cứu thị trường tài chính, dựa trên lý thuyết thị trường vốn, tập trung vào hệ thống tài chính, cấu trúc của lãi suất và giá cả của các tài sản chính.

Một tài sản là bất kỳ những nguồn tài nguyên nào mà được dự báo là sẽ mang lại lợi ích trong tương lai, và do đó sở hữu giá trị kinh tế. Với những định nghĩa trên thì có thể hiểu được là tài sản là những thứ có giá trị thực tiễn với đời sống con người và nó mang lại những lợi ích cho nền kinh tế, góp phần thúc đẩy tăng trưởng kinh tế và phục vụ cho đời sống của con người. Tài sản được chia thành hai loại: Tài sản hữu hình với các tính chất vật lý và tài sản vô hình. Một tài sản vô hình đại diện cho một yêu cầu pháp lý cho một số lợi ích kinh tế trong tương lai. Giá trị của một tài sản vô hình thường không có liên quan đến hình thức, thể chất hoặc những cách thức khác. Trong quan điểm của một nhà phân

tích thị trường tài chính nói chung và thị trường hàng hóa nói riêng, để có thể nắm vững và hiểu rõ được quá trình hình thành, phát triển và các quy luật tác động đến những biến động đó của hàng hóa thì Tôi có thể chia tài sản thành hai lớp: Lớp tài sản an toàn và lớp tài sản rủi ro. Lý do Tôi chia ra như vậy là để các bạn có thể hình dung một cách tốt nhất trong những tư duy về market thực tiễn, vì những biến động của hai lớp tài sản này chính là những nguyên lý giúp chúng ta tiên đoán được xu hướng tương lai của dòng tiền. Các bạn có thể hiểu đơn giản thế này, mục đích của chúng ta là dựa vào sự phân bố của dòng tiền, tức là quan sát xem thử tài sản nào đang được market quan tâm. Tôi có thể ví dụ thế này: Trong năm 2008 khi khủng hoảng kinh tế lên đến đỉnh điểm, thị trường chứng khoán trên thế giới bốc hơi hầu như là trên 50% giá trị, lạm phát dâng cao rõ rệt, chỉ riêng Việt Nam chúng ta nếu tôi nhớ không nhầm thì lạm phát tăng lên tầm 30%, với con số khủng khiếp như thế thì liệu người dân có còn thiết tha với việc giữ tiền trong người không? Bởi vì họ biết rằng giữ tiền nội tệ là rất rủi ro do vậy họ sẽ phải tìm đến một món hàng hóa nào đó an toàn hơn và có thể giúp họ thoát khỏi thời kỳ khủng hoảng này một cách an toàn nhất. Vậy thì các bạn nghĩ thời bấy giờ tài sản nào là an toàn nhất? Trái phiếu hay là kim loại quý? Trong bối cảnh lạm phát dâng cao và mối lo rủi ro trong nền kinh tế tăng lên đỉnh điểm, thị trường chứng khoán toàn cầu bốc hơi thì người ta sẽ nghĩ ngay đến vàng, bởi vì trong hàng ngàn năm lịch sử, vàng vẫn luôn là thứ tài sản không chỉ có giá trị về tinh thần, dùng làm đồ trang sức mà nó còn là một thứ tài sản rất an toàn (nó chỉ không an toàn chừng nào người dân không cần vàng nữa mà thôi). Vì thế nên trong giai đoạn này cho mãi tới những năm sau đó giá vàng đã lên đến đỉnh điểm vào năm 2011. Một ví dụ trên để chúng ta có thể hình dung được sự biến động của các lớp tài sản là rất quan trọng trong quá trình phân tích và giao dịch trên thị trường tài chính nói chung và thị trường giao dịch tiền tệ-ngoại hối nói riêng.

Tài sản tài chính, thường được gọi là công cụ tài chính, là một tài sản vô hình, được kỳ vọng là sẽ mang lại những lợi ích trong tương lai. Có thể hiểu đơn giản là sau khi tiền giấy được đưa vào lưu thông phổ biến cho đến ngày hôm nay thì việc giao dịch bất cứ thứ gì chúng ta chỉ cần tiền mà thôi, do vậy tiền được xem là một thứ tài sản rất quan trọng không

thể thiếu. Một số công cụ tài chính được gọi là chứng khoán và thường bao gồm trái phiếu và cổ phiếu. Như Tôi có nêu phía trên về lịch sử hình thành tiền giấy, trái phiếu được phát hành dựa trên lượng tài sản thu được trong tương lai (tiền thuế) và cổ phiếu là những tài sản được các công ty phát hành nhằm huy động lượng vốn để giúp công ty thúc đẩy sản xuất, những thứ đó được xem là những tài sản vô hình, chúng là công cụ giúp chúng ta thực hiện các mục đích khác nhau, và nhờ vào những thứ tài sản vô hình đó mà giúp cho nền kinh tế tăng trưởng, thêm vào đó là giúp tạo thêm nhiều hơn những tài sản hữu hình khác (con người không thể sống thiếu lương thực, năng lượng và những vật dụng cá nhân cần thiết).

Bất kỳ giao dịch nào liên quan đến công cụ tài chính bao gồm ít nhất hai bên:

- Các bên đã đồng ý để thực hiện thanh toán bằng tiền mặt trong tương lai và được gọi là tổ chức phát hành.
- Bên sở hữu các công cụ tài chính, và do đó quyền được nhận các khoản thanh toán được thực hiện bởi tổ chức phát hành, được gọi là các nhà đầu tư.

Tài sản tài chính cung cấp các chức năng kinh tế trọng điểm sau đây:

- Họ cho phép chuyển tiền từ các đơn vị, những người có quỹ thặng dư để đầu tư cho những người cần vốn để đầu tư và tài sản hữu hình.
- Họ phân phối lại các rủi ro khó tránh khỏi liên quan đến thặng dự và thâm hụt trong các đơn vị kinh tế.

Các yêu cầu được giữ bởi những người nắm giữ của cải cuối cùng thường khác với các khoản nợ do các đơn vị có nhu cầu đã huy động từ những quỹ này. Vai trò của họ được thực hiện bởi các thực thể cụ thể hoạt động trong hệ thống tài chính, được gọi là các trung gian(tổ chức) tài chính. Những người này sau này sẽ chuyển đổi các khoản nợ cuối cùng vào các tài sản tài chính khác nhau.

2) Thị trường tài chính và chức năng kinh tế của nó.

Một thị trường tài chính là một thị trường mà công cụ tài chính được trao đổi, mua bán. Thị trường tài chính cung cấp 3 chức năng kinh tế chủ yếu sau đây:

a. Giá trị (chức năng phát hiện giá cả)
b. Tính thanh khoản
c. Giảm chi phí giao dịch

a) Chức năng phái hiện giá có nghĩa là giao dịch giữa người mua và người bán các công cụ tài chính trong một thị trường tài chính xác định giá cả của tài sản được giao dịch. Đồng thời sự trở lại yêu cầu từ các khoản đầu tư của các quỹ được xác định bởi những người tham gia vào một thị trường tài chính. Động lực cho các quỹ tìm kiếm (đơn vị nhập siêu) phụ thuộc vào sự trở lại của các thị trường tài chính, báo hiệu lượng tiền có sẵn từ những người muốn cho vay hoặc đầu tư kinh phí sẽ được phân bổ đang cần giữa các quỹ và nâng cao bằng cách phát hành các công cụ tài chính.
b) Chức năng thanh khoản cung cấp một cơ hội cho các nhà đầu tư bán một công cụ tài chính, kể từ khi nó được gọi là một thước đo khả năng bán một tài sản theo giá thị trường một cách công bằng ở bất cứ lúc nào. Nếu không có thanh khoản, nhà đầu tư sẽ buộc phải giữ một công cụ tài chính cho đến khi điều kiện phát sinh để có thể bán sản phẩm đó hoặc các tổ chức phát hành phải có nghĩa vụ trả hết các hợp đồng đó. Công cụ nợ được thanh lý khi nó đáo hạn và công cụ vốn là cho đến khi các công ty tự nguyện hoặc không tự nguyện thanh lý. Tất cả các thị trường tài chính cung cấp một số hình thức của thanh khoản. Tuy nhiên, thị trường tài chính khác nhau được đặc trưng bởi mức độ thanh khoản là khác nhau. Điều này hoàn toàn dễ hiểu, các bạn có thể để ý mức độ thanh khoản của các cổ phiếu niêm yết trên sàn chứng khoán so với sự biến động giữa tỉ giá các cặp ngoại tệ, đó là một ví dụ dễ dàng nhìn thấy nhất. Thị trường tài chính khác nhau có thể kể đến vị trí địa lý, quy mô của nền kinh tế, khả năng chi trả của người dân, mức độ tín nhiệm của nền kinh tế…

c) Các chức năng giảm chi phí giao dịch được thực hiện, khi tham gia vào thị trường tài chính sẽ phải chịu những chi phí kinh doanh của công cụ tài chinh. Trong nền kinh tế thị trường, cơ sở kinh tế cho sự tồn tại của các tổ chức và các công cụ tài chính là những chi phí giao dịch có liên quan, do đó các tổ chức và công cụ mới có thể tồn tại, nhưng bên cạnh đó việc rất nhiều tổ chức tài chính được hình thành, các công cụ tài chính vì thế cũng phát triển và phong phú hơn thì tất nhiên sẽ có sự cạnh tranh để giành lấy nhiều khách hàng về. Chính những điều này đã khiến cho các chi phí phát sinh trong quá trình giao dịch phải có những thay đổi, và dương nhiên những thay đổi đó sẽ có lợi cho khách hàng. Trong tiềm thức, tâm lý của con người luôn muốn được sở hữu những món hàng/dịch vụ tốt nhất và giá cả thì phải rẻ nhất. Do đó trong thời đại ngày hôm nay việc cung cấp các dịch vụ, công cụ tài chính sẽ không còn cơ chế độc quyền nữa, mà thay vào đó là sự thông thoáng hơn trong quy trình quản lý, nhưng vẫn phải lấy khách hàng làm trọng tâm. Sẽ chẳng có dịch vụ nào tồn tại nếu không có khách hàng cả, đó là lẽ dĩ nhiên mà bất cứ nhà cung cấp công cụ tài chính nào cũng phải cố gắng mang đến những điều tốt đẹp nhất cho khách hàng.

Các thuộc tính quan trọng quyết định chi phí giao dịch:

- Tài sản đặc biệt
- Sự không chắc chắn
- Tần suất xuất hiện

- Tài sản đặc biệt: có liên quan đến cách thức tổ chức và thực hiện các giao dịch. Sẽ là dễ dàng nếu như tài sản đó được đưa vào sử dụng dễ dàng, dễ dàng được thay thế và có thể triển khai cho các nhiệm vụ khác nhau mà không cần chi phí đáng kể.
- Giao dịch cũng có liên quan đến sự không chắc chắn, điều này có (1) các nguồn bên ngoài (khi sự kiện thay đổi ngoài sự kiểm soát của các bên ký kết hợp đồng), và (2) phụ thuộc vào hành vi cơ hộ của các bên ký kết hợp đồng. Nếu những thay đổi trong các sự kiện bên ngoài có thể dễ dàng kiểm chứng, sau đó có thể thích nghi được với những hợp đồng ban đầu, có tính đến các vấn đề tài khoản do không chắc chắn bên

ngoài. Trong trường hợp này có một khả năng để kiểm soát chi phí giao dịch. Tuy nhiên, không dễ dàng để chúng ta có thể nhận ra được, chủ nghĩa cơ hội sẽ tạo ta những động lực thúc đẩy cho các bên ký kết để xem xét lại hợp đồng ban đầu và tạo ra những vấn đề rủi ro đạo đức. Mặc dù vậy sự không chắc chắn càng cao thì các hành vi cơ hội cao hơn có thể được kiểm soát, và các chi phí giao dịch cao hơn có thể được sinh ra. Trong những trường hợp mà chúng ta cảm thấy bất an và cần được bảo vệ bởi những công cụ tài chính và những dịch vụ đảm bảo thì tất nhiên sẽ phải chịu thêm các khoản chi phí phát sinh, các khoản chi phí này có thể sẽ rất cao tùy vào từng hoàn cảnh, thời điểm khác nhau. Ở đây sẽ là những lý giải dễ hiểu để thấy rằng trong mỗi con người chúng ta đều luôn có nỗi sợ và lòng tham chế ngự, sự biến động trên thị trường tài chính cũng vì thế mà trở nên khó đoán biết hơn, cái khó là chúng ta không thể biết chính xác lúc nào con người thật sự lo sợ và lúc nào lòng tham của họ trở nên mãnh liệt nhất. Nhiệm vụ của chúng ta là dùng những kiến thức học được, kỹ năng và kinh nghiệm để tiên đoán rằng thời điểm nào hai thứ đó chế ngự trên thị trường. Có một câu nói Tôi rất tâm đắc đó là "Follow The Market, Don't Forecast The Market" đại ý của câu này nghĩa là hãy nương theo market, đừng tiên đoán nó. Nương theo có nghĩa là chúng ta không cần phải bắt đúng đáy hay đỉnh của thị trường mà làm gì, cái quan trọng nhất là chúng ta biết đường đi của market để mà nương theo đó, chỉ cần nương theo được khoảng giữa của xu hướng thôi là chúng ta có thể kiếm được nhiều tiền rồi.

- Tần suất xuất hiện đóng một vai trò quan trọng trong việc xác định nếu một giao dịch cần diễn ra trong thị trường hoặc trong công ty. Một giao dịch trong một khoảng thời gian có thể làm giảm chi phí khi nó được thực hiện trên thị trường. Ngược lại, các giao dịch thường xuyên yêu cầu ký kết hợp đồng chi tiết và cần diễn ra trong một công ty để giảm chi phí.

Khi tài sản được cụ thể, giao dịch thường xuyên và những chi phí cho những giao dịch nội bộ đó là ít tốn kém nhất. Và ngược lại khi tài sản không cụ thể, giao dịch là không

thường xuyên, và không có sự không chắc chắn đáng kể ít tốn kém nhất có thể được giao dịch trên thị trường.

Các thuộc tính được đề cập trong các giao dịch và các vấn đề kích thích cơ bản có liên quan đến các giả định về hành vi giao dịch giữa các bên. Các nhà kinh tế đã đóng góp vào chi phí giao dịch bằng cách phân tích hành vi của con người, nhu cầu bình thường và những hành vi hợp lý của họ, và tất nhiên là cũng có hành vi cơ hội. Trong khuôn khổ chương sách này Tôi không thể nào nói hết ý nghĩa của những hành vi này, vì cơ bản những tác động trên thị trường, giá cả và sự biến động đó đến từ hành vi, tâm lý của con người. Việc khai thác và phân tích tâm lý của con người là một việc làm rất khó, để có thể đi vào thực tiễn những phân tích giao dịch thì chúng ta sẽ đi sâu vào các chương sau, đặc biệt đó là những chương các quy luật liên thị trường, sự kết hợp giữa phân tích cơ bản và kỹ thuật. Dựa vào những tư duy trên mà phán đoán được tâm lý của thị trường vào thời điểm đó như thế nào. Hành vi cơ hội được hiểu là liên quan đến các hành động với những thông tin không đầy đủ và sai lệch có thể cố ý gây hiểu lầm cho các bên khác. Điều này nghĩa là các thông tin được công bố trên mạng internet có thể sẽ gây ra những hiểu nhầm đối với nhà đầu tư, và thoạt đầu khi họ tiếp nhận những thông tin đó thì chắc chắn là sẽ có những phản ứng trái ngược với những gì mà thị trường đang mong muốn. Để giải thích rõ hơn các bạn có thể hình dung trong thị trường chứng khoán việc chúng ta bắt gặp những tin đồn thất thiệt hay những tin tức mang hàm ý của sự tuyệt vọng như có ai đó tự tử vì thua lỗ chẳng hạn… những điều trên sẽ gây nên một tâm lý hoảng loạn và không có gì lạ khi thị trường chứng khoán bước vào một downtrend là nó sẽ rớt rất nhanh và mạnh, sự sụp đổ diễn ra rất mau lẹ, đó chính là nỗi sợ hãi trong mỗi con người. Bước chân vào thế giới của giao dịch tài chính thì Tiền chính là sinh mạng của những nhà đầu tư, việc mất tiền đồng nghĩa với sự tuyệt vọng, cái khó nhất chính là chấp nhận thua lỗ nhỏ để thoát ra khỏi thị trường, điều này sẽ trở nên rất khó khăn mỗi khi các bạn đối mặt với những thua lỗ. Những hành vi trên sẽ đòi hỏi các nhà tạo lập thị trường, các tổ chức cung cấp hệ thống tài chính phải nỗ lực sàng lọc, việc sàng lọc các đối tượng giao dịch này và những biện pháp bảo vệ cũng

như kiềm chế những phát sinh giữa các bên có thể sẽ dẫn đến các chi phí giao dịch cụ thể tăng theo.

Chi phí giao dịch được phân thành những hạng mục sau:

a. Chi phí tìm kiếm và thông tin
b. Chi phí hợp đồng và giám sát
c. Chi phí của các vấn đề thúc đẩy giữa người mua và người bán các tài sản chính.

a. Chi phí tìm kiếm và thông tin được xác định theo các cách sau:
    - Chi phí tìm kiếm rơi vào các loại chi phí rõ ràng và chi phí hàm ẩn. Chi phí rõ ràng bao gồm các chi phí có thể cần thiết để quảng cáo ý định của một người bán hoặc mua các công cụ tài chính. Chi phí hàm ẩn bao gồm giá trị của thời gian trong việc tìm đối tác để giao dịch. Sự hiện diện của một thị trường tài chính có tổ chức sẽ làm giảm chi phí tìm kiếm.
    - Chi phí thông tin có liên quan đến việc đánh giá đầu tư một thuộc tính của công cụ tài chính. Trong một thị trường giá hiệu quả, giá cả phản ánh các thông tin tổng hợp thu thập bởi tất cả những người tham gia thị trường
b. Chi phí hợp đồng và giám sát có liên quan đến các chi phí cần thiết để giải quyết vấn đề thông tin bất đối xứng, khi hai bên giao kết giao dịch có ít thông tin về nhau và tìm cách đảm bảo rằng các nghĩa vụ giao dịch được thực hiện.
c. Chi phí của vấn đề thúc đẩy giữa người mua và người bán phát sinh, khi có những xung đột lợi ích giữa hai bên, có ưu đãi khác nhau đối với các giao dịch liên quan đến tài sản tài chính.

Các chức năng của một thị trường được thực hiện bởi những người tham gia thị trường, trong một cơ chế như hiện nay lượng người tham gia vào thị trường là rất lớn và đa dạng. Những người tham gia thị trường tài chính có thể được phân loại thành các nhóm khác nhau, theo động cơ giao dịch của họ:

- ***Những nhà đầu tư tự do:*** Những người cuối cùng sở hữu các chứng khoán và người được thúc đẩy bởi lợi nhuận từ việc nắm giữ chứng khoán. Các nhà đầu tư tự do bao gồm các cá nhân và tổ chức đầu tư, chẳng hạn như các quỹ, quỹ tương hỗ…
- ***Môi giới:*** Người làm đại lý cho các nhà đầu tư tự do và những người được thúc đẩy bởi thù lao nhận được (thường là dưới hình thức chi phí hoa hồng) cho các dịch vụ mà họ cung cấp. Môi giới thương mại cho những người khác chứ không phải trên tài khoản cá nhân của họ. Hiện nay các broker cung cấp dịch vụ giao dịch tài chính cá nhân rất nhiều, và trong số đó không có ít những broker là lừa đảo, họ có thể huy động một lượng lớn nhà đầu tư cá nhân nhưng sau thời gian hoạt động sẽ xảy ra rất nhiều vấn đề liên quan như là những lỗi trong quá trình đặt lệnh giao dịch, broker không thanh toán tiền cho nhà đầu tư hay là những sửa đổi trong lịch sử giao dịch của nhà đầu tư… Những vấn nạn trên hiện giờ rất khó có thể tránh khỏi, chỉ có những tổ chức uy tín mới hạn chế những vụ việc như trên, nhưng với tình hình của Việt Nam hiện tại thì sẽ trở nên khó khăn hơn khi phần lớn những broker đều là mới nổi và chưa tạo được nhiều uy tín cho khách hàng.
- ***Đại lý:*** Những người giao dịch trên tài khoản của họ nhưng mà động lực chính là để có được lợi nhuận từ giao dịch chứ không phải là từ việc nắm giữ chứng khoán. Thông thường, các đại lý sẽ thu lợi từ sự chênh lệch giữa các mức giá mà tại đó họ mua và bán các cổ phiếu trong thời gian ngắn.
- Cơ quan xếp hạng tín dụng (CRAs) nhằm đánh giá rủi ro tín dụng trong những khoản vay của khách hàng.

Trong thực tế ba nhóm này không loại trừ lẫn nhau. Một số nhà đầu tư đôi khi có thể thực hiện các giao dịch thay cho người khác, môi giới có thể thực hiện giống như đại lý và nắm giữ chứng khoán của chính họ. Thực ra trong thị trường ngày nay việc một tổ chức, ngân hàng hay các quỹ đầu tư, các nhà môi giới trực tiếp tham gia vào những giao dịch trên thị trường là rất phổ biến, và đó cũng được xem là một hình thức để họ nâng cao mức lợi nhuận của mình. Vai trò của ba nhóm khác nhau theo cơ chế giao dịch thông qua bởi một thị trường tài chính. Tất cả những cá nhân hay tổ chức tham gia vào thị trường tài

chính đều phải tuân thủ những nguyên tắc nhất định được đề ra và tất nhiên nếu không có những nguyên tắc đó thì thị trường sẽ trở nên hỗn loạn và không thể nào đi vào quy củ như hiện nay.

3) Trung gian (Tổ chức) tài chính và những chức năng của nó.

Trung gian tài chính là một tổ chức tài chính đặc biệt, thực hiện vai trò phân bổ hiệu quả các nguồn vốn, khi có điều kiện làm khó khăn cho những người đi vay hoặc đầu tư của các quỹ giao dịch trực tiếp với khách hàng vay vốn tại các thị trường tài chính. Trung gian tài chính bao gồm các tổ chức lưu ký, các công ty bảo hiểm, quy định công ty đầu tư, quỹ trợ cấp.

Vai trò của các trung gian tài chính là nhằm tạo điều kiện giao dịch thuận lợi hơn cho những người đi vay/đầu tư và các khách hành giao dịch trực tiếp với nhau trong các thị trường tài chính. Trong xã hội ngày nay việc phát sinh những vấn đề trong quá trình vay vốn là điều dễ dàng nhận thấy, đương nhiên vay thì phải có thế chấp, tuy nhiên những rắc rối không chỉ dừng lại ở đó. Việc thành lập ra một trung gian tài chính nhằm mục đích thực hiện các phần việc trung gian nhằm tạo điều kiện cho người vay vốn có thể dễ dàng hơn, qua đó sẽ thúc đẩy được quá trình phát triển của nền kinh tế. Bất kỳ nền kinh tế nào, hầu hết những doanh nghiệp, công ty hay cá nhân tự kinh doanh đều cần phải có những khoản vay cần thiết để phát triển, mở rộng phạm vi, quy mô của họ.

Các trung gian tài chính được tham gia vào:

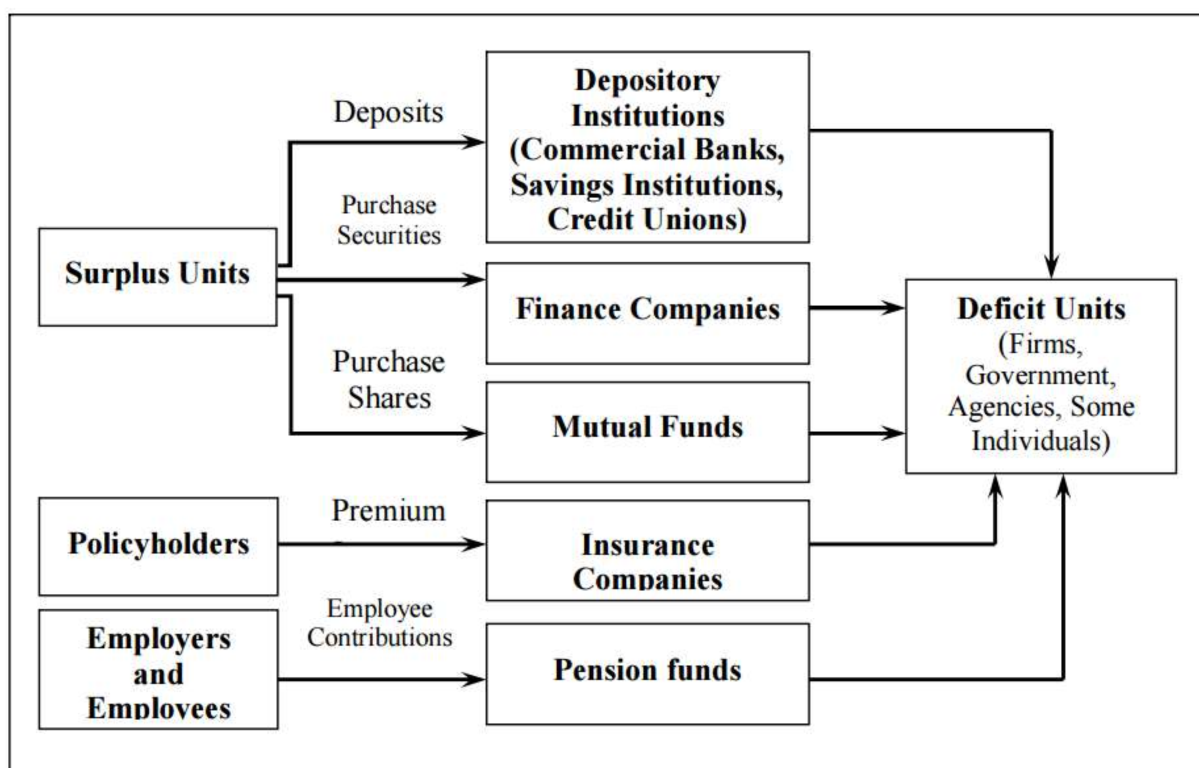
- Có được quỹ từ người cho vay hay những nhà đầu tư
- Cho vay hoặc đầu tư nguồn quỹ mà họ vay cho người cần vốn.

Các quỹ mà các trung gian tài chính mua lại trở thành, tùy thuộc vào yêu cầu bồi thường tài chính, hoặc là trách nhiệm của người trung gian hoặc vốn chủ sở hữu tham gia tài chính của các trung gian tài chính. Các quỹ mà một trung gian tài chính cho vay hoặc đầu tư trở thành tài sản của các trung gian tài chính. Trung gian tài chính đang tham gia vào chuyển

đổi của tài sản chính, mà ít có mong muốn cho một phần lớn của đầu tư công vào tài sản tài chính khác – công nợ của họ.

Chuyển đổi tài sản cung cấp ít nhất một trong ba chức năng kinh tế:

- Kỳ hạn thanh toán trung gian
- Giảm thiểu rủi ro thông qua đa dạng hóa
- Giảm chi phí cho hợp đồng và xử lý thông tin



Hình 1.2: So sánh vai trò các tổ chức tài chính – Nguồn: Madura J. (2008). Các tổ chức tài chính và thị trường, Phiên bản thứ 8.

Những chức năng kinh tế được thực hiện bởi những người tham gia thị trường tài chính trong khi cung cấp các dịch vụ tài chính đặc biệt (ví dụ như chức năng đầu tiên và thứ hai có thể được thực hiện bởi các nhà môi giới, đại lý (những người phân phối) và các nhà hoạch định thị trường. Chức năng thứ ba có liên quan đến các dịch vụ bảo lãnh phát hành chứng khoán).

Các dịch vụ khác có thể được cung cấp bởi các trung gian tài chính bao gồm:

- Tạo điều kiện cho các giao dịch của tài sản tài chính cho những khách hàng của trung gian tài chính thông qua các thỏa thuận môi giới.
- Tạo điều kiện cho các giao dịch của tài sản tài chính bằng vốn tự có của mình để có một vị trí trong một tài sản tài chính là những khách hàng của trung gian tài chính muốn thực hiện giao dịch.
- Hỗ trợ trong việc tạo ra các tài sản tài chính cho khách hàng của mình và sau đó hoặc là phân phối những tài sản tài chính để tham gia thị trường khác.
- Cung cấp tư vấn đầu tư cho khách hàng.
- Quản lý các tài sản tài chính của khách hàng.
- Cung cấp một cơ chế thanh toán.

Trong phần này chúng ta đã tìm hiểu về trung gian tài chính, trong tất cả những giao dịch của chúng ta hiện thời với thị trường tiền tệ, hàng hóa, chứng khoán… gọi chung là những Trader đang giao dịch trên thị trường tài chính đều đang phải thực hiện những giao dịch đó thông qua một trung gian tài chính, hay là những Broker/Sàn giao dịch. Do vậy việc tìm hiểu nguyên nhân cấu thành và chức năng của thị trường tài chính là điều mà chúng ta nên biết trước khi bắt tay vào thực hiện giao dịch và kiếm tiền với thị trường này.

4) Cơ cấu thị trường tài chính.

a. Công cụ tài chính

Có một loạt các công cụ tài chính trên thị trường tài chính. Việc sử dụng các công cụ này bằng cách tham gia thị trường chủ yếu phụ thuộc vào rủi ro được biết đến và đặc điểm của những công cụ đó, cũng như sẵn có trong thị trường bán lẻ hoặc bán buôn. Quan điểm chung về các loại công cụ tài chính được quy định trong bảng sau:

Category	Risk determinants	Expected returns	Main participants
Non-tradables and non-transferables	In wholesale money markets: transaction volumes	In wholesale money markets: low	In wholesale money markets: banks
	In retail markets: low transparency, lack of standardisation, low creditworthiness	In credit markets: low	In retail markets: banks and non-bank firms and households
	In foreign exchange markets: high volatility, change of currency	In foreign exchange markets: high	In foreign exchange markets: financial institutions, companies
Securities	Market volatility, individual risks and failures	Comparably high	Banks and non-bank firms, individuals
Derivatives	Market volatility, leverage	Very high	Banks and non-bank firms, individuals

Hình 1.3: Danh mục các loại công cụ tài chính – Nguồn: Reszat B. (2008). Hệ thống tài chính châu Âu trong nền kinh tế toàn cầu.

Một công cụ tài chính trong đó các tổ chức phát hành đồng ý trả lãi đầu tư cộng với hoàn trả số tiền vay là một công cụ nợ. Một công cụ nợ cũng được gọi là một công cụ của thiếu nợ, có thể là trong các hình thức của một giấy xác nhận nợ, trái phiếu hoặc khoản cho vay. Các khoản thanh toán lãi suất phải được thực hiện bởi tổ chức phát hành được ấn định trong hợp đồng. Ví dụ, trong trường hợp của một công cụ nợ và thực sự cần thiết thực hiện thanh toán bằng EUR, số tiền có thẻ là một số tiền EUR cố định hoặc có thể thay đổi theo một con số chuẩn. Các nhà đầu tư trong một công cụ nợ có thể nhận ra không nhiều hơn số tiền theo hợp đồng. Vì lý do này, các công cụ nợ thường được gọi là công cụ thu nhập cố định.

	Market	Features	Issuers
Long term	Bonds	Long-term obligations to make a series of fixed payments	Governments, firms
	Convertibles	Bonds that can be swapped for equity at pre-specified conditions	Firms
	Asset-backed securities	Securitised "receivables" presenting future streams of payments	Financial institutions, firms
	Preferred stock, subordinated debt	Debt and equity hybrids	Firms
Medium term	Notes	Medium-term obligations	Governments
	Floating-rate notes	Medium-term instruments with interest rates based on LIBOR or another index	Firms
Short term	Bills	Short-term obligations	Governments
	Commercial paper	Short-term debt instruments	Firms
	Certificates of deposit	Short-term debt instruments	Banks

Hình 1.4: Thị trường thu nhập cố định - Source: Reszat B. (2008). European Financial Systems in the Global Economy

Ngược lại với một nghĩa vụ nợ, một công cụ vốn quy định rằng các công ty phát hành cổ phiếu/trái phiếu trả tiền cho các nhà đầu tư một số tiền dựa trên thu nhập (nếu có), sau khi các nghĩa vụ mà tổ chức phát hành là cần thiết để làm cho nhà đầu tư của các công cụ nợ của công ty đã được thanh toán.

Cổ phiếu phổ thông là một ví dụ về các công cụ vốn. Một số công cụ tài chính do đặc điểm của nó có thể được xem như là một kết hợp của nợ và vốn chủ sở hữu.

Cổ phiếu ưu đãi là một công cụ tài chính, trong đó có các thuộc tính của một món nợ vì điển hình là các nhà đầu tư chỉ được nhận một số tiền theo hợp đồng cố định. Tuy nhiên, đó tương tự như một công cụ vốn vì thanh toán chỉ được thực hiện sau khi thanh toán cho các nhà đầu tư vào các công cụ nợ của công ty.

Hơn nữa "sự kết hợp" công cụ này là một trái phiếu chuyển đổi, cho phép các nhà đầu tư chuyển đổi từ nợ thành vốn chủ sở hữu trong những hoàn cảnh nhất định. Bởi vì cổ đông

ưu đãi thường được hưởng một số tiền theo hợp đồng cố định, cổ phiếu ưu đãi được gọi là một công cụ thu nhập cố định.

Do đó, các công cụ thu nhập cố định bao gồm các công cụ nợ và cổ phiếu ưu đãi. Việc phân loại nợ và vốn chủ sở hữu là đặc biệt quan trọng vì hai lý do pháp lý. Đầu tiên, trong trường hợp phá sản của tổ chức phát hành cổ phiếu/trái phiếu, đầu tư vào các công cụ nợ có ưu tiên về giá tài sản của người phát hành qua các nhà đầu tư vốn cổ phần. Thứ hai, việc xử lý thuế của các khoản thanh toán của tổ chức phát hành có thể khác nhau tùy thuộc vào loại của lớp công cụ tài chính.

Các tính năng của công cụ nợ và vốn chủ sở hữu tương phản trong bảng sau:

	Debt	**Equity**
Characteristic	Borrower-lender relation, fixed maturities	Ownership, no time limit
Advantages:		
✓ for the firm	Predictability, independence from shareholders' influence	Flexibility, low cost of finance, reputation
✓ for the investor	Low risk	High expected return
Disadvantages:		
✓ for the firm	Debt servicing obligation	Shareholder dependence, short-sightedness, market volatility influencing management decisions
✓ for the investor	Low returns	High risk

Hình 1.5: Nợ so với vốn chủ sở hữu - Source: Reszat B. (2008). European Financial Systems in the Global Economy.

b. Phân loại thị trường tài chính

Có nhiều cách khác nhau để phân loại thị trường tài chính. Thị trường tài chính được phân loại các công cụ tài chính mà họ đang kinh doanh, các tính năng của dịch vụ mà họ cung cấp, thủ tục giao dịch, tham gia thị trường quan trọng, cũng như nguồn gốc của các thị trường.

Các khái quát phân loại thị trường tài chính được đưa ra trong bảng sau:

Criterion	**Features**	**Examples**
Products	Tradability, transferability, ownership, maturity, denomination, substance	Equity, debt instruments, derivatives
Services	Technical, advisory, information and knowledge-based, administrative	IT support, research and analysis, custody
Ways of trading	Physical, electronic, virtual	Over the counter, exchange, internet
Participants	Professionals, non-professionals, institutions, officials	Banks, central banks, non-bank financial companies, institutional investors, business firms, households
Origin	Domestic, cross-border, regional, international	National markets, regionally integrated markets, Euromarkets, domestic/foreign currency markets, onshore/offshore markets

Hình 1.6: Phân loại thị trường tài chính - Source: Reszat B. (2008). European Financial Systems in the Global Economy.

Từ quan điểm của nguồn gốc quốc gia, thị trường tài chính có thể được chia thành một thị trường nội địa và thị trường bên ngoài.

- Thị trường nội địa: còn được gọi là thị trường quốc gia, bao gồm hai phần: phần thị trường trong nước và thị trường nước ngoài. Thị trường trong nước là nơi tổ chức phát hành chứng khoán có trụ sở ở chính quốc gia đó và tại đó các chứng khoán được giao dịch. Thị trường nước ngoài là nơi chứng khoán của tổ chức phát hành được chào bán và giao dịch bên ngoài đất nước đó.
- Thị trường bên ngoài là thị trường nơi mà chứng khoán với hai đặc điểm khác nhau sau đây đang được giao dịch: 1) Khi phát hành chúng được cung cấp đồng thời cho các nhà đầu tư trong một số quốc gia, 2) Khi được ban hành bên ngoài quyền tài phán của bất kỳ quốc gia nào. Các thị trường bên ngoài cũng được gọi là thị trường

quốc tế, thị trường nước ngoài và thị trường Châu Âu (mặc dù thực tế rằng thị trường này không chỉ giới hạn vào châu Âu).

Thị trường tiền tệ là lĩnh vực của thị trường tài chính bao gồm các công cụ tài chính có kỳ hạn hoặc ngày mua lại đó là một năm hoặc ít hơn tại thời điểm phát hành. Đây là những thị trường chủ yếu là buôn bán.

Thị trường vốn là lĩnh vực của thị trường tài chính mà công cụ tài chính dái hạn do các tập đoàn và chính phủ phát hành. Ở đây "dài hạn" đề cập đến công cụ tài chính với thời hạn đáo hạn ban đầu lớn hơn một năm và chứng khoán không có thời hạn. Có hai loại thị trường vốn chứng khoán: những người đại diện cho cổ phần của quyền sở hữu, cũng được gọi là vốn chủ sở hữu, phát hành bởi các công ty và những người đại diện cho nợ phải trả, hoặc nợ của các tập đoàn và của các chính phủ liên bang/địa phương.

Thị trường tài chính có thể được phân loại dựa trên thị trường tiền mặt và thị trường phái sinh.

- Thị trường tiền mặt: còn được gọi là thị trường giao ngay, là thị trường cho việc mua bán, giao dịch xảy ra ngay tại thời điểm đó và được thanh toán bằng tiền mặt của một công cụ tài chính.
- Ngược lại, một số công cụ tài chính là hợp đồng mà có thể xác định rằng người giữ hợp đồng có hai nghĩa vụ hoặc sự lựa chọn để mua hoặc bán một cái gì đó khác hay bằng một vài ngày trong tương lai. Những "cái gì đó" là đối tượng của hợp đồng được gọi là "tài sản" cơ bản. Các tài sản cơ bản là một cổ phiếu, trái phiếu, chỉ số tài chính, lãi suất, tiền tệ hoặc hàng hóa. Bởi vì giá của hợp đồng đó lấy được giá trị của họ từ các giá trị của tài sản cơ bản, các hợp đồng này được gọi là các công cụ phái sinh và thị trường nơi họ đang được giao dịch gọi là thị trường phái sinh.

Khi một công cụ tài chính được phát hành lần đầu, nó được bán ở thị trường sơ cấp. Một thị trường thứ cấp là như vậy, trong đó công cụ tài chính được bán lại cho nhà đầu tư. Không có vốn mới được nêu ra bởi nhà phát hành chứng khoán. Giao dịch diễn ra giữa các

nhà đầu tư. Thị trường thứ cấp cũng được phân loại trong các điều khoản của giao dịch chứng khoán có tổ chức và thông qua bộ đếm thị trường, gọi tắt là OTC. Thị trường chứng khoán là địa điểm giao dịch tập trung, ở đó các công cụ tài chính được giao dịch. Ngược lại, một thị trường OTC nói chung là nơi mà các công cụ tài chính chưa niêm yết được giao dịch.

5) Điều tiết thị trường tài chính.

Nói chung, điều tiết thị trường tài chính là nhằm để đảm bảo đối xử công bằng với những người tham gia thị trường. Nhiều quy định đã được ban hành để chế ngự hành vi lừa đảo. Một trong những mục tiêu chính của quy định là để đảm bảo công khai minh bạch trong kinh doanh, đảm bảo các thông tin chính xác cho việc ra quyết định của nhà đầu tư. Khi thông tin được tiết lộ với nhà đầu tư, những người đó sẽ có lợi thế lớn hơn so với các nhóm đầu tư khác. Do vậy không thể để xảy ra trường hợp rò rỉ thông tin cho bất cứ cá nhân hay tổ chức nào. Các quy định gần đây đã được thông qua để phản ứng lại với các vụ phá sản, thay thế hội đồng quản trị công ty, để tăng cường vai trò kiểm toán viên trong việc giám sát các thu tục kế toán. Đạo luật Sorbanes-Oxley năm 2002 tại Mỹ đã được thiết kế đặc biệt để thắt chặt quản lý các công ty sau đợt khủng hoảng dotcom. The US Wall Street Reform và Đạo luật cải cách và bảo vệ người tiêu dùng Mỹ năm 2010 nhằm mục đích áp đặt quy định tài chính chặt chẽ hơn đối với các thị trường tài chính và trung gian tài chính ở Mỹ, để đảm bảo bảo vệ người tiêu dùng. Đây cũng chính là đạo luật mà đã được áp dụng ở EU và các nền kinh tế khác trên thế giới.

Như vậy chúng ta đã tìm hiểu khá chi tiết về thị trường tài chính, trong các chương tiếp theo chúng ta sẽ đi sâu vào phân tích các mối tương quan, sự ảnh hưởng và tác động qua lại giữa các thị trường với nhau, những biến động trong các thời kỳ khủng hoảng kinh tế. Trong cuốn sách này Tôi sẽ lấy rất nhiều ví dụ thực tiễn trong từng giao dịch ngắn hạn phù hợp với phong cách đầu tư của phần lớn Trader Việt.

II- TỔNG QUAN VỀ PHÂN TÍCH LIÊN THỊ TRƯỜNG

1) TIỀN ĐỀ, KHÁI NIỆM CƠ BẢN VỀ PHÂN TÍCH LIÊN THỊ TRƯỜNG TRONG GIAO DỊCH TÀI CHÍNH

Trong phần trước chúng ta đã lần lượt đi qua các khái niệm cơ bản về thị trường tài chính và những bộ phận cấu thành nên thị trường tài chính. Như các bạn đã biết việc phân tích thị trường tài chính đòi hỏi phải có lượng kiến thức tốt, không chỉ riêng phân tích kỹ thuật mà đại bộ phận trader hiện nay vẫn đang áp dụng, mà nó còn là khả năng bao quát toàn cảnh thị trường, khả năng phân tích tin tức hay nói chung đó chính là phân tích cơ bản để thấy được những động lực thật sự đang chi phối thị trường. Trong những phương pháp tiếp cận với phân tích cơ bản đó thì phân tích liên thị trường được xem là một phương pháp khá mới mẻ. Nhưng sự hiệu quả của phương pháp này thì đã được kiểm chứng qua nhiều thế hệ trader cho đến ngày nay, tiền đề sự ra đời của phương pháp này là gì, chúng ta sẽ bắt đầu với những khái niệm cơ bản nhất trước khi đi sâu hơn nữa vào những mối tương quan.

LỊCH SỬ RA ĐỜI VÀ GIỚI THIỆU VỀ PHÂN TÍCH LIÊN THỊ TRƯỜNG (INTER-MARKET ANALYSIS - IA)

Năm 1990, sau khi John Murphy hoàn thành cuốn sách Inter-Market Technical Analysis, cuốn sách viết về chiến lược kinh doanh cho thị trường chứng khoán, hàng hóa và tiền tệ. Quan điểm trong cuốn sách đó của ông là mối quan hệ chặt chẽ giữa các thị trường với nhau, sự tương quan giữa giá cả và các sự kiện tài chính trong và ngoài phạm vi nước Mỹ. Trong cuốn sách đó ông nhấn mạnh những vấn đề liên quan đến phân tích kỹ thuật dựa trên sự tương quan giữa các thị trường, trong phương pháp đó của ông chỉ tập trung vào các biểu đồ và sau đó ông nhận ra ngoài sự tương quan thể hiện trên biểu đồ kỹ thuật thì không thể không nhắc đến các quy luật, những tác động từ các thông tin cơ bản, từ những sự kiện đang diễn ra, ông nhận ra rằng giá cả phản ảnh trên chart kỹ thuật là do những tác động từ những tin tức cơ bản, những tin tức đó sẽ chi phối lên tâm lý của con

người, điều đó sẽ là động lực chính chi phối thị trường. Mặc dù ông đã nêu lên được những mối tương quan như phân tích thị trường chứng khoán có xét đến xu hướng hiện tại của đồng USD, hay thị trường hàng hóa và trái phiếu có sự tương quan rất mật thiết, ông đã sử dụng các chỉ số hàng đầu của các thị trường để nói lên rằng các thị trường có sự tác động lẫn nhau. Tuy nhiên những điều trên sẽ chưa đầy đủ. Bởi vì những điều ông nói trên chỉ mới tập trung vào phân tích kỹ thuật, như vậy sẽ có những thắc mắc liên quan tương tự như liệu mối quan hệ liên thị trường có tồn tại ở tất cả các thị trường hoặc các thị trường sẽ phản ứng ra sao nếu có một sự kiện nào đó khiến nền kinh tế rơi vào khủng hoảng. Sau hơn 10 năm phát triển phương pháp phân tích liên thị trường này thì vào năm 2004 John Murphy lại tiếp tục cho xuất bản thêm cuốn phân tích liên thị trường khác, trong cuốn này ngoài việc phân tích kỹ thuật liên thị trường thì ông đã nhấn mạnh tới sự tác động của những thông tin cơ bản, những sự kiện có tầm ảnh hưởng lên toàn cảnh thị trường tài chính, trong những gì ông nêu ra có các quy luật liên thị trường mà theo ông đó chính là những quy luật tổng quan nhất, dễ dàng nhận thấy nhất và mỗi khi có sự kiện tác động lên thị trường thì các biến động trên thị trường sẽ diễn ra thế nào, và tất nhiên trong mỗi biến động như vậy đều có một thị trường dẫn dắt các thị trường còn lại. Mãi sau này sau cuộc khủng hoảng năm 2008 ông lại tiếp tục tái bản cuốn Inter-Market Analysis thêm một lần nữa, điều này dễ dàng nhận thấy rằng phân tích cơ bản là muôn hình vạn trạng, các sự kiện liên tục thay đổi và hầu như không có cái nào giống cái nào, cùng một sự việc như vậy nhưng tâm lý con người không phải lúc nào cũng nghĩ sự kiện đó sẽ diễn ra như thế. Tôi có thể lấy một ví dụ ngay hiện tại: thời điểm thị trường chứng khoán Trung Quốc sụp đổ hồi tháng 6 vừa qua, mặc dù chính phủ Trung Quốc đã sử dụng rất nhiều biện pháp để trấn an lòng dân, thậm chí ngay cả khi GDP quý được công bố tăng trưởng 7% mà thị trường vẫn lao dốc không phanh, điều này thể hiện rằng tâm lý lúc bấy giờ là hoang mang tột độ, khi nỗi sợ án ngữ trong mỗi nhà đầu tư thì việc họ mong muốn chỉ là làm sao thoát ra khỏi market một cách nhanh chóng nhất, các bạn tưởng tượng nhé khi ai cũng đang sợ số tiền của mình vơi đi quá nhanh, quá nhiều thì lúc này các bạn muốn làm gì nhất, cắn răng chấp nhận lỗ để thoát cho nhanh, nhưng nếu ai cũng bán mà không có người mua thì xảy ra cơ sự gì? Có phải người ta sẽ hạ mức giá bán xuống và càng hạ thì thị trường lại càng thê thảm hơn

không. Thị trường luôn tồn tại hai thế cực, đó là Lòng Tham và Nỗi Sợ: Tham thì ai cũng có, con người từ sơ khai đến bây giờ, trải qua hàng ngàn năm lịch sử thế nhưng lòng tham thì lúc nào cũng tồn tại, mà đã đi kèm với Tham thì tất nhiên phải Sợ, người ta Sợ rằng sẽ phải chịu rủi ro, sợ mất tiền... Qua ví dụ trên chúng ta có thể hiểu là việc phân tích và tiên đoán xu hướng của thị trường cũng như đọc hiểu được tâm tư của phần lớn những người đang giao dịch trên thị trường vậy.

(Cuốn sách TRADING WITH INTER-MARKET ANALYSIS tái bản năm 2013 của John Murphy Tôi cũng đã mua bản quyền và dịch thuật sang tiếng Việt, các bạn nào quan tâm có thể tìm mua theo những gì Tôi hướng dẫn ở phần giới thiệu trên Website của Tôi).

Tóm lại việc sử dụng phương pháp nào để phân tích cũng đều với một mục đích là tiên đoán xu hướng của thị trường cả. Xu hướng cũng có từng đợt, nó giống như những đợt sóng, và không có đợt sóng nào giống nhau, có những đợt sóng sẽ rất dài, có khi nó rất ngắn. Ở phần trước Tôi có nhắc đến Follow The Market tức là nương theo thị trường. Trong suốt chiều dài phát triển của thị trường tài chính đã có không ít anh tài vất vả đi tìm hai điểm cực trị của thị trường, nhưng tất cả đều vô vọng. Có thể trong cuộc đời trading của bạn sẽ may mắn một vài lần tìm được 2 điểm đó, nhưng Tôi chắc chắn sẽ không ai tồn tại trên thị trường với việc đi tìm 2 điểm cực đó được. Đỉnh và Đáy thường xuất hiện vào những thời điểm chúng ta không ngờ tới nhất, chỉ khi nó hoàn thành rồi thì chúng ta mới biết đó là đỉnh hay đáy. Nương theo thị trường không có nghĩa là bạn phải dự đoán được 2 điểm cực đó, bạn chỉ cần mua bán ở đoạn giữa thôi, làm được vậy lâu dài thì bạn cũng đủ giàu rồi.

Trước đây phân tích liên thị trường được xem là một nhánh của phân tích kỹ thuật và sau này khi nó dần phổ biến và các nhà đầu tư dần hiểu được rằng sự biến động của thị trường là có sự tương quan, gắn bó mật thiết với nhau. Bởi vì thị trường có thế nào đi nữa thì cũng chính là do con người tạo ra, do vậy mọi thay đổi, biến động trên thị trường cũng từ tâm lý mà thành. Việc nghiên cứu sự biến động trên tất cả bốn bộ phận cấu thành thị trường không nhất thiết đòi hỏi bạn phải thông thạo hết tất cả bốn bộ phận đó, nhưng việc

bạn nắm vững được những sự tác động qua lại của chúng chính là chìa khóa để bạn có được cái nhìn tốt nhất trong những phân tích của mình. Thị trường tài chính là một trò chơi của tương lai – Trading is a future game. Đại ý câu này tức là tất cả những gì chúng ta học là để tiên đoán tương lai của giá, mà việc tiên đoán này có trở nên đơn giản hay không là phụ thuộc và khả năng đọc hiểu tâm tư thị trường của mỗi người. Vậy để có thể hiểu rõ hơn về phương pháp phân tích liên thị trường việc đầu tiên của chúng ta là tìm hiểu xem bốn bộ phận cấu thành thị trường là gì và giữa chúng có những mối tương quan nào.

TIỀN ĐỀ, KHÁI NIỆM VỀ PHÂN TÍCH LIÊN THỊ TRƯỜNG

Thị trường tài chính căn bản được cấu thành bởi bốn bộ phận chính, đó là bốn thị trường nhỏ hơn trong đó: Bond market (thị trường trái phiếu), Commodity market (thị trường hàng hóa), Currency market (thị trường trao đổi tiền tệ-ngoại hối) và Stock market (thị trường vốn/cổ phiếu). Ở mức độ tổng quát, có thể hiểu phân tích liên thị trường (Inter-market analysis – IA) là việc phân tích, tiên đoán diễn biến tương lai của một thị trường/món hàng dựa trên những vận động của thị trường/món hàng khác. Một khi có tin tức/sự kiện diễn ra thì chắc chắn sẽ có những biến động nhất định của thị trường, và trong những biến động đó sẽ có những thị trường/món hàng sẽ phản ứng mạnh nhất và nhanh nhất. Do vậy nếu chúng ta có thể hiểu và nhìn nhận được thị trường nào đang đóng vai trò dẫn dắt các thị trường còn lại trong sự kiện/tin tức đó thì sẽ đơn giản hơn rất nhiều trong việc dự đoán xu hướng và nương theo thị trường. Nói tóm lại khi đã xác định được xu hướng đi của cả bộ phận thị trường mục tiêu mà chúng ta đã phân tích thì việc còn lại sẽ là đào sâu vào từng món hàng cụ thể trong đó để giao dịch.

- *Ghi chú: Theo Investopedia thì phân tích liên thị trường được định nghĩa là: "Việc xác định sức mạnh, yếu của thị trường tài chính hay lớp tài sản dựa trên việc phân tích nhiều hơn một lớp tài sản hay thị trường tài chính liên quan. Thay vì nhìn vào một thị trường or một lớp tài sản đơn lẻ, kiểu phân*

tích này xem xét một vài thị trường hay lớp tài sản tương quan chặt chẽ với nhau như cổ phiếu, trái phiếu và hàng hóa".

"The original definition: The analysis of more than one related asset class or financial market to determine the strength or weakness of the financial markets or asset classes being considered. Instead of looking at financial markets or asset classes on an individual basis, this type of analysis looks at several strongly correlated markets or asset classes such as stocks, bonds and commodities".

Tiền đề của phân tích liên thị trường là " market is doesn't trade in a vaccum" đại ý của câu này nói này có nghĩa là thị trường không vận động một cách đơn lẻ, độc lập mà nó vận động trong mối tương quan, liên hệ với các thị trường khác. Điều này hoàn toàn được lý giải một cách hợp lý trong các mối tương quan mà các bạn sẽ bắt gặp ngay trong thực tế đời thường, đó không phải là những ý kiến mang tính chủ quan mà nó được đúc rút ra từ cơ sở dữ liệu đã có từ hàng trăm năm trong lịch sử thị trường tài chính. Trong đó có một ví dụ điển hình mà ai cũng biết được đó là khi lạm phát gia tăng và đồng USD suy yếu thì vàng sẽ tăng rất cao. Mặc dù mối quan hệ này không phải lúc nào cũng đúng nhưng trong phần lớn thời gian mỗi khi đồng USD giảm thì vàng sẽ tăng và ngược lại. Đây chỉ là một ví dụ dễ nhận thấy nhất trong muôn vàn ví dụ thực tiễn trong quá trình phân tích thị trường tài chính.



Hình 1.7: Mối quan hệ nghịch đảo giữa Vàng và đồng USD.

Mặc dù các quy tắc liên thị trường là thật sự hiện hữu, nhưng có lẽ phần lớn các Trader vẫn còn đang tỏ vẻ hoài nghi về phương pháp phân tích này, và trong số đó không ít những định kiện rằng để có thể áp dụng phân tích liên thị trường là rất khó thực hành và không hiệu quả bởi vì họ phải thật sự hiểu biết sâu rộng trên tất cả bốn bộ phận cấu thành nên thị trường tài chính, trong khi thì trường mà họ giao dịch chỉ là một vài hàng hóa Commodity và thị trường trao đổi tiền tệ Currency. Thực ra những ý kiến trên hoàn toàn hợp lý khi phần lớn những người tham gia giao dịch trên thị trường tài chính không được đào tạo qua trường lớp đàng hoàng mà chủ yếu là họ tự tìm hiểu qua sách báo hay những thông tin không có bài bản trên mạng internet. Vì lý do như vậy nên họ rất khó tiếp cận được thật chi tiết và kiến thức chuyên sâu trong tất cả bốn bộ phận cấu thành này được, tuy nhiên là thực sự chúng ta không cần thiết phải biết hết tất cả, phần lớn chúng ta đang giao dịch với các loại hàng hóa như vàng, dầu, đồng… và các cặp tiền cho đến những chỉ số indices như S&P 500, DAX(GER30), JPN225, AUS200… Những món hàng được nêu ở trên để chúng ta tìm hiểu thật sự chuyên sâu là không hề khó khăn gì, nhưng để hiểu rõ được những mối tương quan thì việc cần thiết vẫn là nắm vững được các tác động qua lại giữa chúng và giữa các thị trường với nhau. Tôi có thể lấy ví dụ thế này: Khi các bạn giao dịch cặp tiền AUD/USD, việc đầu tiên là phải nắm vững những yếu tố tác động lên 2 đồng tiền AUD và USD, bằng những vốn kiến thức có được và khả năng tư duy về sự kiện đang diễn ra, chẳng hạn như là khi thị trường chứng khoán Trung Quốc bốc hơi hơn 50%, tiêu dùng và tăng trưởng trong nền kinh tế Trung Quốc là không tăng thì đương nhiên sẽ tác động trực tiếp đến kinh tế Úc rồi (vì đơn giản Trung Quốc là bạn hàng, đối tác thương mại lớn nhất của Úc) và đặc biệt khi phân tích tình hình kinh tế Úc thì không thể không quan tâm tới các món hàng kim khoáng quặng (vàng, đồng, sắt…) bởi vì Úc là quốc gia khai thác khoáng sản lớn nhất nhì trên thế giới và phần lớn GDP của Úc đến từ việc xuất khẩu các món hàng này. Vậy thì khi những thứ hàng hóa đó giảm giá thì điều gì sẽ tác động đến đồng AUD, chắc chắn là AUD không thể tăng được. Qua ví dụ trên các bạn có thể thấy việc phân tích liên thị trường thực chất không quá khó như nhiều người vẫn nghĩ, công việc của chúng ta là nắm bắt được những yếu tố tổng quát và quan trọng nhất tác động đến món hàng chúng ta đang giao dịch.



Hình 1.8: Mối tương quan mật thiết giữa Vàng, Đồng và cặp tiền AUD/USD.

Như vậy qua những ví dụ trên có thể thấy không nhất thiết phải am tường hết tất cả bốn bộ phận cấu thành thị trường, mà một IA-Trader (Trader áp dụng phương pháp phân tích liên thị trường) thật sự cần am tường đó là các mối quan hệ tác động qua lại giữa các thị trường với nhau. Các mối quan hệ này không quá khó để chúng ta ghi nhớ và áp dụng, nó là hữu hạn và hoàn toàn rất cụ thể.

Các bạn hãy thử tưởng tượng rằng mình đang là một nhà cầm quân, một vị tướng (cũng như đang chơi cờ vậy) khi ra chiến trận nếu mà có thể đứng ở trên cao, bao quát được toàn bộ tình hình thế trận, quan sát được địa hình thì đương nhiên là vị tướng đó có thể có cái nhìn tốt hơn về tính hình hiện tại, điều đó nghĩa là ông ta có thể đưa ra các cách bài binh bố trận một cách tốt hơn (biết địch biết ta trăm trận trăm thắng là như thế). Một khi ông ta nắm vững được tình hình và bài binh bố trận tốt thì tất nhiên khi cuộc chiến nổ ra thì ông ta sẽ hạn chế được những tổn thất cho quân đội của ông ta và đương nhiên là sẽ đánh được vào điểm yếu của đối phương, ắt phần thắng sẽ thuộc về ông ta. Cách ví von như thế này người Trader cũng giống như vị tướng khi ra chiến trận, một ví dụ tương đối thực tế để các bạn thấy rằng việc áp dụng phương pháp phân tích liên thị trường để có được những cái nhìn tốt hơn về xu hướng của dòng smart $ đang đổ về đâu, từ những tin tức và sự kiện diễn ra để từ đó mà có những quyết định nương theo thị trường hợp lý. Trải qua thời gian giao dịch trên thị trường Tôi nhận ra rằng việc quan sát được những giao động, thay đổi trên cả bốn bộ phận cấu thành market sẽ giúp tôi tự tin hơn trong những giao dịch của mình, thực sự khi đi sâu vào tìm hiểu phương pháp này và giờ đây biểu Tôi chỉ nhìn vào mỗi chart của món hàng tôi đang Trade thì Tôi không làm được. Việc xem xét cả bốn bộ phận cấu thành của thị trường tài chính trong lúc giao dịch không làm Tôi thấy khó khăn mà ngược lại nó giúp tôi hiểu được những món hàng Tôi đang giao dịch đang bị chi phối bởi sự kiện nào và thị trường nào đang dẫn dắt. Những dấu hiệu sớm từ thị trường đầu tàu, dẫn dắt những thị trường còn lại và những dấu hiệu sớm đó sẽ cảnh báo cho Tôi khả năng đảo chiều rất lớn sắp xảy ra mới món hàng Tôi đang chú ý, từ đó mà khi quyết định đặt tiền vào market Tôi không cảm thấy lo lắng và điều quan trọng là những mức Stop Loss giới hạn mà Tôi có thể chấp nhận là rất bé. Các bạn có thể hình dung, việc tham gia vào thị

trường này thì Stop Loss là điều chắc chắn phải có, việc của chúng ta là làm sao hạn chế mức Loss là BÉ NHẤT có thể.

VAI TRÒ CỦA PHÂN TÍCH CƠ BẢN TRONG PHÂN TÍCH LIÊN THỊ TRƯỜNG

Cũng như trong ví dụ so sánh ở phía trên Trader cũng giống như vị tướng ra chiến trận. Thì bây giờ cũng có thể ví Phân Tích Cơ Bản trong giao dịch tài chính cũng như là tiềm lực của đội quân ông ta đang nắm, hay chính là một đội quân tinh nhuệ vậy, muốn đánh thắng trận ngoài việc bài binh bố trận, quan sát toàn cảnh chiến trường thì ắt hẳn phải có một đội quân tinh nhuệ, thiện chiến và đương nhiên đội quân đó phải có nền tảng tinh thông các cách đánh trận. Phân tích cơ bản đóng một vai trò cực kỳ quan trọng và là nền tảng cho mọi phân tích liên thị trường. Chắc hẳn sẽ có nhiều bạn thắc mắc rằng giữa phân tích cơ bản và phân tích liên thị trường có khác nhau chỗ nào? Cũng chính vì là nền tảng cho nên phân tích cơ bản (Fundamental Analysis – FA) và phân tích liên thị trường (IA) thường không có sự phân chia khác biệt, có thể hiểu được là Phân tích Cơ Bản là cần thiết và phải có trong bất cứ một bài phân tích liên thị trường nào. Trong quá trình lịch sử hàng trăm năm của thị trường tài chính thì sự ra đời của Phân tích Cơ Bản và Phân tích Kỹ Thuật (Technical Analysis – TA) đã có từ lâu, còn phương pháp phân tích Liên thị trường là mới được phát triển và chính thức được sử dụng rộng rãi trong các bài phân tích từ những năm đầu thập niên 90 khi mà John Murphy phát triển và viết ra thành sách (John Murphy – Cây đại thụ trong làng TA của thế giới, ông đã biến soạn cuốn sách Intermarket Technical Analysis (Phân tích Kỹ thuật Liên thị trường). Và cũng chính từ lúc ông xuất bản cuốn sách này mà phương pháp phân tích liên thị trường mới thật sự bùng nổ vào khoảng những năm 2000 cho mãi tới bây giờ.

Trong khi phân tích cơ bản là việc phân tích các sự kiện, số liệu của riêng món hàng/thị trường, tức là chỉ tập trung vào những cái cụ thể mà chúng ta muốn giao dịch, để định ra giá trị thật của nó, qua đó so sánh món hàng đó với giá trị thật để xem giá thành của nó như thế nào, nói chung là việc phân tích cơ bản trước đây chỉ tập trung vào những thông tin độc

lập của thị trường/món hàng người trader đang giao dịch. Nhưng với phân tích liên thị trường lại không gói gọn trong phạm vi đơn lẻ của một thị trường/món hàng như vậy. Đây chính là điểm khác biệt giữa phân tích cơ bản đơn thuần và phân tích liên thị trường. Trong quan niệm của nhiều người, đặc biệt là những người giao dịch chứng khoán thì điều họ quan tâm là giá trị cổ phiếu họ đang giao dịch là mắc hay rẻ thì với cùng một món hàng đó những người theo quan niệm phân tích liên thị trường sẽ xem xu hướng của cổ phiếu đó là thế nào, trong tương lai nó sẽ tăng hay giảm. Tóm gọn lại trong quan niệm của những người phân tích liên thị trường thì mục đích của họ là tìm xem động lực nào đang chi phối cái họ đang giao dịch và trong tương lai món hàng đó sẽ tăng hay giảm để từ đó quyết định nương theo thị trường hợp lý.

Thêm một ví dụ nữa để hiểu được tầm quan trọng của phân tích cơ bản đối với phương pháp phân tích liên thị trường: Tôi sẽ lấy ví dụ gần đây nhất đó là sự kiện PBOC cắt giảm lãi suất, ngay sau khi PBOC quyết định cắt giảm lãi suất thì với một người phân tích cơ bản đơn thuần họ sẽ tìm đến những món hàng nào nhạy cảm với tin tức lãi suất của Trung Quốc nhất để giao dịch, đơn cử là sẽ chạy sang mua một vài cổ phiếu chẳng hạn vì họ sẽ nghĩ rằng chính phủ cắt giảm lãi suất tức là đang cố gắng kích cầu nền kinh tế, giúp các doanh nghiệp giảm thiểu bớt gánh nặng và từng bước kéo nền kinh tế lên, từ đó chi tiêu tiêu dùng sẽ tăng. Nhưng kỳ thực sau cú sụp đổ hơn 50% của thị trường chứng khoán thì dường như tâm lý của các nhà đầu tư vẫn chưa hết bàng hoàng, và lúc này đây trong số họ chắc chắn có nhiều người đã khuynh gia bại sản và nhiều người thậm chí không còn nhiều tiền để tiếp tục mạo hiểm, hay người ta có tiền nhưng lúc này tâm lý sợ hãi đã bao trùm cho nên họ không muốn tiếp tục mạo hiểm nữa, chính vì lẽ đó mà dù cho PBOC có cắt giảm lãi suất thì thị trường chứng khoán Trung Quốc cũng chưa thể lên liền mà cần có thời gian vài ngày, vài tuần sau thì lòng tin của nhà đầu tư mới dần khôi phục. Nhưng với một nhà phân tích liên thị trường thì câu chuyện đó lại là cơ hội thật tốt để họ tiến đến những giao dịch trong tương lai (tức là cái sự kiện PBOC cắt giảm lãi suất đó tác động đến thị trường Trung Quốc là cái trade của hiện tại chứ không phải là cái trade của tương lai), tức là họ sẽ quay sang nhìn về kinh tế Nhật Bản và Australia chứ không phải tập trung vào

kinh tế Trung Quốc nữa, bởi vì họ biết rằng thương mại giữa Trung Quốc với Nhật Bản và Úc là rất lớn, một khi ngân hàng Trung ương Trung Quốc PBOC cắt giảm lãi suất để kích thích xuất khẩu thì họ nghĩ ngay đến việc Ngân hàng Trung ương Nhật Bản (BOJ) và Ngân hàng Trung ương Australia (RBA) sẽ phải tiến hành những biện pháp nới lỏng hơn. Vì sao? Bản chất hai nền kinh tế Nhật Bản và Australia lấy xuất cảng và xuất khẩu làm trọng, và nó đóng góp vào GDP của 2 quốc gia này là rất lớn, do vậy để thúc đẩy xuất cảng thì BOJ và RBA sẽ buộc phải thực hiện nới lỏng để hạ tỉ giá của 2 đồng tiền JPY và AUD xuống. Như vậy thì với một nhà phân tích liên thị trường họ sẽ nhân cơ hội này và thật nhanh chóng họ tìm thời điểm tốt nhất để short 2 đồng tiền JPY và AUD.

Cũng chính vì FA là nền tảng trong hầu hết mọi phân tích liên thị trường, do vậy để có thể tiến hành phân tích liên thị trường một cách hiệu quả thì chắc chắn người Trader sẽ phải trang bị cho mình một nền tảng kiến thức cơ bản thật tốt và khả năng nhạy bén khi nhìn nhận các sự kiện diễn ra. Mặc dù không nhất thiết phải hiểu biết sâu sắc về tất cả các bộ phận cấu thành thị trường nhưng chắc chắn phải hiểu biết ở một mức độ nhất định. Phân tích liên thị trường sẽ trở nên đơn giản hơn nếu như bạn càng hiểu biết sâu rộng về phân tích cơ bản. Trong cuốn sách này Tôi sẽ cố gắng xâu chuỗi tất cả diễn biến cuộc khủng hoảng Dotcom cho đến cuộc khủng hoảng năm 2008 tới nay và những mối tương quan, sự kiện lớn diễn ra trong từng giai đoạn lịch sử để hệ thống lại cho các bạn những kiến thức cơ bản quan trọng nhất và cần thiết nhất trước khi tiến hành vào việc phân tích liên thị trường.

VAI TRÒ CỦA PHÂN TÍCH KỸ THUẬT TRONG PHÂN TÍCH LIÊN THỊ TRƯỜNG

Phân tích cơ bản đóng một vai trò quan trọng không thể thiếu trong quá trình hình thành và phát triển của phân tích liên thị trường thì bên cạnh đó phân tích kỹ thuật cũng đóng một vai trò cực kỳ quan trọng. Trong suốt quá trình hình thành và phát triển của thị trường tài chính thì việc sử dụng phân tích kỹ thuật để khỏa lấp những thiếu sót trong kiến thức

cơ bản của người trader, và cũng chính vì lẽ đó mà kiến thức và các công cụ phân tích kỹ thuật hiện nay rất phổ biến và có thể nói là rất nhiều, và phần lớn các trader vẫn đang miệt mài tìm kiếm một bộ công cụ, gọi tắt là hệ thống giao dịch Tốt Nhất, tuy nhiên có lẽ như trên thế giới này sẽ không bao giờ tìm ra được bộ công cụ nào như thế. Mặc dù tâm lý sợ hãi và lòng tham trong mỗi con người là không bao giờ thay đổi tuy nhiên là những thứ công cụ mang đậm chất Robot đó không thể nào thay thế con người để đo đếm được lúc nào con người vui, lúc nào buồn, khi nào họ sẽ tham lam và bao giờ họ thực sự sợ hãi… Chính vì vậy dù phân tích kỹ thuật có cao siêu đến đâu mà không hiểu được động lực thực chất chi phối tâm lý thị trường thì sẽ khó mà duy trì được xác xuất giành chiến thắng cao được. Nhưng bên cạnh đó nếu như phân tích cơ bản giỏi, thiệt giỏi nhưng không nắm vững được một số kiên thức kinh nghiệm về phân tích kỹ thuật thì cũng không thể nào giao dịch tốt được. Vậy nên không thể tách rời tầm quan trọng của phân tích kỹ thuật hay phân tích cơ bản ra thành riêng lẻ được, mà thay vào đó chúng ta sẽ phải tìm cách kết hợp một cách nhuần nhuyễn nhất, tốt nhất giữa hai hình thức trên. Một ví von như thế này: Phân tích cơ bản được ví như nội công của một cao thủ võ lâm trong phân tích thị trường, thì phân tích kỹ thuật được xem như là chiêu thức giúp người đó thi triển được hết tố chất nội công sẵn có. Nói chung khi phân tích kỹ thuật nhuần nhuyễn thì mới phát huy được tối đa được vốn kiến thức mà phân tích cơ bản mang lại.

Phân tích kỹ thuật thì có muôn hình vạn trạng, trong số đó có không ít người sử dụng Price Action, một số lại sử dụng các mô hình Harmonic, người lại sử dụng các mô hình Chart Parttern, cũng không ít người phân tích dựa trên những công cụ chỉ báo như là MACD, Bolinger Band, Ichimoku, MA… Nhưng tựu chung lại mỗi thành phần đều có đặc điểm riêng và điều quan trọng là mỗi chúng ta phải tìm cho ra một số công cụ hữu hiệu nhất với mình. Theo thiển ý cá nhân Tôi thì dù phân tích kỹ thuật muôn hình vạn trạng thế nào đi chăng nữa thì cũng phải cần xác định Trend (xu hướng) của thị trường. Việc xác định Trend có thể có nhiều phương pháp, tuy nhiên xác định được trend rồi thì cũng phải cần dựa vào nến, bởi vì nến thể hiện tâm tư của người chơi và qua đó đoán biết được tâm lý thị trường, các mô hình chart parttern cũng được hình thành từ những thay đổi trong tâm

tư của thị trường mà tựu chung đó là suy nghĩ của đại bộ phận trader đang giao dịch. Do vậy cá nhân Tôi nhận thấy việc nắm vững các mẫu nến cơ bản, mô hình chart parttern và sử dụng thật tốt một hay nhiều hơn một công cụ chỉ báo hỗ trợ (riêng cá nhân Tôi thường hay sử dụng Ichimoku và MACD để xác định xu hướng và xung lực của thị trường).

KẾT HỢP GIỮA PHÂN TÍCH CƠ BẢN VÀ PHÂN TÍCH KỸ THUẬT TRONG PHÂN TÍCH LIÊN THỊ TRƯỜNG NHƯ THẾ NÀO?

Trước khi bắt đầu vào những phân tích liên thị trường đúng nghĩa thì chắc chắn phải hiểu được sự kiện cơ bản nào đang chi phối thị trường và hiểu được tài sao sự kiện đó lại là HOT NHẤT vào thời điểm đó. Sự kiện cơ bản có thể là tin tức công bố một số liệu kinh tế, một cuộc họp chính sách của các ngân hàng trung ương, hay các sự kiện địa chính trị, chiến tranh… Đại loại nó là những sự kiện thất sự khiến cho thị trường có những cái nhìn khác hẳn và tác động lên tâm lý của họ.

Thực sự nói về vấn đề này có thể sẽ rất trừu tượng, tuy nhiên việc đầu tiên để có một bài phân tích liên thị trường tốt và áp dụng vào thời điểm hiện tại đó để giao dịch thì phải tìm được sự kiện cơ bản đó là gì, từ đó các IA Trader sẽ liên kết và đi tìm cái tâm tư của market, tức là cái mà thị trường đang kỳ vọng về sự kiện đó như thế nào và một khi hình dung được dòng tiền đang đổ về cái sự kiện đó đúng như phân tích thì lúc đó các IA Trader mới thật sự vào lệnh.

Sau khi đã hiểu được sự kiện đó rồi thì trader sẽ đem cái sự kỳ vọng đó đặt lên chart và sử dụng các kiến thức về phân tích kỹ thuật để kiếm THỜI ĐIỂM TỐT NHẤT để đặt chân vào market. Mặc dù hiểu các sự kiện và mang áp vào chart kỹ thuật nhưng không hẳn là các giao dịch đã đúng, có nghĩa là trong thời điểm phân tích đó và lúc chúng ta vào lệnh có thể sẽ có những tin tức ngoài lề hay một thay đổi nào đó trong tâm tư của đại bộ phận trader, lúc đó thị trường sẽ có những biến động ngược lại với lối tư duy của người IA Trader. Nhưng điều đó không hẳn là phân tích đó đã sai, mà là TIMING lúc chúng ta vào lệnh có thể không chuẩn, mà TIMING là cái rất khó học được và cũng là thứ mà bao nhiêu

thiên tài đã bỏ công sức ra tìm kiếm mà không bao giờ tìm ra đáp số chính xác, có chăng chỉ là một vài lần may mắn trong nghiệp Trading mà thôi. Phải nhấn mạnh một điều rằng TRADING IS A FUTURE GAME – tức là một trò chơi dự đoán tương lai, mà đã là dự đoán thì không bao giờ hoàn hảo 100% được, chắc chắn sẽ có sai sót, tất nhiên là mục đích chúng ta là hạn chế số sai sót xuống mức thấp nhất có thể. Trong quá trình phân tích sẽ có những sai sót vì các lý do sau: 1) Phân tích của chúng ta là sai và những gì chúng ta suy luận không đúng với tình hình hiện tại mà thị trường đang nghĩ, 2) Market đang trong giai đoạn hỗn loạn và chưa thực sự xác định được xu hướng cũng như cái sự kiện chúng ta phân tích nhưng mà thời điểm như Tôi nhấn mạnh đó là TIMING chưa chuẩn. Dù là trường hợp nào thì chúng ta cũng cần phải nhanh nhạy, tinh tế nhìn nhận rằng mình đã sai để mà thoát ra khỏi thị trường càng sớm càng tốt, vì thế Stop Loss là thứ cực kỳ quan trọng trong bất cứ giao dịch nào. Trading is flexible tức là trong giao dịch là phải thật linh hoạt, ý nói ở đây là phải nhìn được market đã cash out cái kỳ vọng của chúng ta và nó đang nhắn nhủ với chúng ta rằng hãy nhanh chóng Cut Loss và thoát lẹ trước khi bị mất số tiền lớn hơn. Cũng nhân đây Tôi xin được đưa ra một định nghĩa mới không chỉ riêng Tôi về rủi ro: Rủi Ro chính là thời gian chúng ta ngồi lại trong thị trường. Ý nói là dù thắng hay thua nếu chúng ta ngồi lâu quá trong cái trade đó thì tâm lý sẽ bị ảnh hưởng và chắc chắn không còn sáng suốt để tiếp tục phân tích và vào lệnh khác được nữa, nếu như đang là một lệnh có lợi nhuận thì sẽ không quá ảnh hưởng, vì lúc đó tâm lý chúng ta đã thoải mái hơn rất nhiều nhưng nếu đó là một lệnh lỗ thì thật sự là kinh khủng khi cứ phải chăm chăm nhìn vào biểu đồ, mà thay vào đó là chấp nhận cut loss, vì thế Tôi muốn nhấn mạnh thêm rằng trước khi chúng ta vào lệnh điều đầu tiên và quan trọng nhất không phải là ĐIỂM VÀO mà chính là MỨC LỖ CÓ THỂ CHẤP NHẬN (với riêng cá nhân Tôi thì mức chấp nhận Loss cho mỗi lệnh không cố định nhưng hầu hết không vượt quá 100 pips). Thay vì cứ ngồi mãi trong thị trường để gặm nhấm nỗi đau thua lỗ thì chúng ta cứ chấp nhận LỖ là một điều quá bình thường trong nghiệp Trading, vì thế thoát khỏi một cái trade thua lỗ càng sớm càng tốt là điều sáng suốt và nên làm nhất của một Trader đúng nghĩa danh từ.

Việc kết hợp FA và TA trong mỗi trường hợp, thời điểm là không giống nhau, và đương nhiên là cùng với một sự kiện diễn ra nhưng kỳ vọng của market có thể không giống như vậy, tức là với cùng một sự kiện như thế nhưng trong thời điểm này lại phản ứng khác với thời điểm khác. Để minh chứng cho sự kết hợp của FA và TA trong phân tích liên thị trường Tôi sẽ lấy một vài vì dụ như sau:

Ví dụ 1: Go Long cặp AUDUSD sau khi báo cáo phi nông nghiệp của Mỹ được công bố.

Đồng AUD: vậy thì sau khi số liệu lao động Mỹ được công bố thì trong lòng market đã hiểu rằng nâng lãi suất trong năm nay là không có, và FED sẽ tiếp tục chờ đợi nếu không muốn nói là tiếp tục quay lại vòng luẩn quẩn QE.

Fri Oct 2	1:30am	USD	FOMC Member Williams Speaks			
	7:30pm	USD	Average Hourly Earnings m/m	0.0%	0.2%	0.4%
		USD	Non-Farm Employment Change	142K	201K	136K
		USD	Unemployment Rate	5.1%	5.1%	5.1%
	9:00pm	USD	Factory Orders m/m	-1.7%	-0.9%	0.2%

Hình 1.9: Báo cáo việc lạm Phi nông nghiệp của Mỹ ngày 02/10/2015.

Khi market đã ngầm hiểu như vậy thì sẽ giấy lên sự kỳ vọng rằng thị trường chứng khoán sẽ được hỗ trợ và có thể phục hồi nhẹ cho đến cuối năm nay, giá kim khoáng quặng vì thế cũng sẽ được hỗ trợ. Điển hình là giá đồng đã tăng lên đáng kể trong tuần qua sau khi test lại hỗ trợ ở mức giá thấp nhất trong vòng vài năm trở lại đây. Giá đồng tăng với sự kỳ vọng răng kinh tế China sẽ khá khẩm hơn và sau những tin đồn về việc ECB và BOJ thực hiện nới lỏng hơn nữa thì PBOC cũng đang chuẩn bị cho những phương án nới lỏng và tiếp tục giảm lãi suất cũng như phá giá đồng CNY tiếp. Vậy thì những lập luận trên là hợp lý nghĩa là thị trường hàng hóa trong đó có kim khoáng quặng sẽ được hỗ trợ rất tốt. Khi các món hàng kim khoáng quặng tăng thì không có lý do gì người ta không đặt kỳ vọng vào đồng AUD. Nói đến đây thì tôi cũng đi thẳng vào cái trade sắp tới mà tôi đang kỳ vọng đó là long đồng AUD.

Tue Oct 6	4:00am	NZD	NZIER Business Confidence		-14		5	
	All Day	CNY	Bank Holiday					
	7:30am	AUD	Trade Balance		-3.10B	-2.48B	-2.79B	
	10:30am	AUD	Cash Rate		2.00%	2.00%	2.00%	
		AUD	RBA Rate Statement					

Hình 1.11: Sự kiện RBA công bố lãi suất trong khi giá cả kim khoáng quặng đang tăng.

Sau khi Số liệu việc làm của Mỹ được công bố là quá tệ và sự kỳ vọng về viễn cảnh nâng lãi suất giảm xuống, đồng USD suy yếu thì sau đó ít ngày là sự kiện RBA công bố lãi suất cơ bản ngày 06/10. Vậy thì cái mà thị trường kỳ vọng lúc này là gì? Có phải là kỳ vọng khả năng RBA sẽ giữ nguyên lãi suất và đồng AUD vì thế sẽ được hỗ trợ, lý do đã nêu ở trên. Khi mà người ta đã kỳ vọng rằng RBA giữ nguyên lãi suất cùng với đó là sự phục hồi tương đối tốt của các mặt hàng kim khoáng quặng thì chắc chắn rằng các smart $ hay còn gọi là các Trader nhà nghề sẽ từ đó mà nương theo với kỳ vọng rằng đồng AUD sẽ tăng.

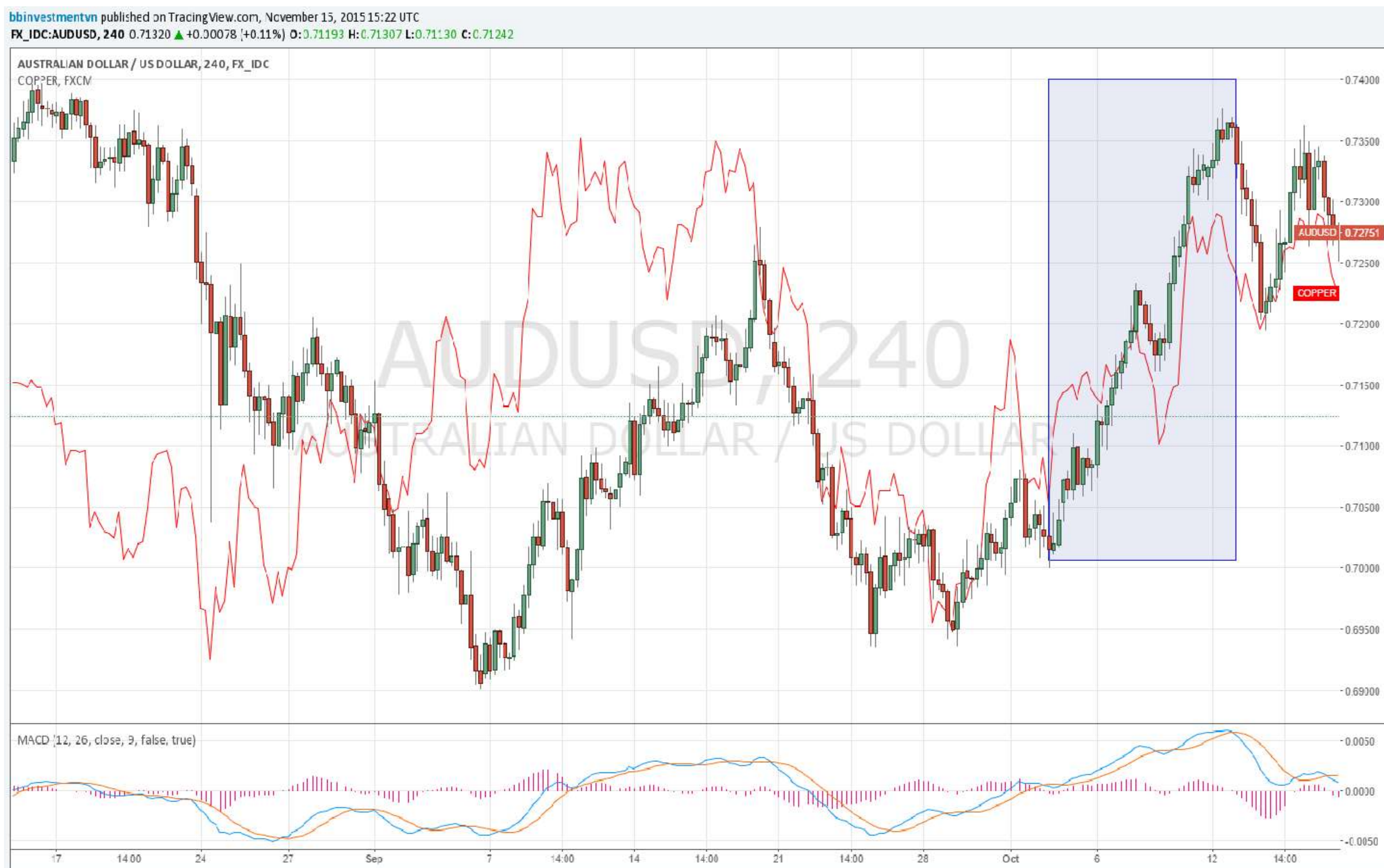


Hình 1.10: So sánh sự tương quan giữa giá Đồng và cặp tiền AUD/USD cùng với những lập luận ở trên để tiên đoán xu hướng của cặp AUD/USD trong tương lai.

Chưa cần biết RBA có giữ nguyên lãi suất hay không hay là trong biên bản cuộc họp sẽ nhắc tới vấn đề gì, nhưng sau khi số liệu việc làm của Mỹ quá tệ và các ngân hàng trung ương khác (PBOC, ECB, BOJ) bật đèn xanh cho khả năng nới lỏng hơn nữa thì việc kỳ vọng rằng kinh tế sẽ tăng trưởng tốt hơn và do đó các món hàng kim khoáng quặng sẽ tăng là điều có thể dễ hiểu. Nắm bắt được sự kỳ vọng đó mà với một nhà phân tích liên thị trường họ sẽ biết được để lựa thời điểm tốt nhất để vào long cặp AUD/USD. Và đúng như kỳ vọng sau khi RBA công bố giữ nguyên lãi suất thì ngay lúc đó market ngầm hiểu rằng giá cả các món hàng đã và đang có kỳ vọng sẽ tăng cao hơn nữa sẽ thúc đẩy xuất khẩu của Úc châu tăng cao qua đó kéo nền kinh tế Úc đi lên, và đương nhiên lúc này dòng tiền sẽ đổ về đầu tư vào Úc tăng lên. Có nghĩa là đồng AUD vì thế sẽ tăng lên. Lý do mà Tôi chọn AUD/USD là vì ngay khi số liệu việc làm quá tệ thì tất nhiên đồng USD sẽ bị bán rất mạnh và chắc chắn rồi người ta sẽ vẫn giữ cái ý nghĩ đó cho đến hết tuần tiếp theo luôn cơ mà, hầu như ai cũng đoán chắc chắn rằng số liệu việc làm quá tệ và lạm phát thì gần như bằng không, thì điều này có nghĩa là không còn hi vọng vào việc FED sẽ nâng lãi suất nữa mà thay vào đó là một nỗi lo, lo sợ rằng liệu nền kinh tế Mỹ có thật sự an toàn, có thật sự tăng trưởng như kỳ vọng để mà FED luôn miệng nói răng giữ nguyên lộ trình nâng lãi suất.

- *Chú thích: Kim khoáng quặng là những món hàng xuất khẩu nhiều nhất của Úc Châu. Đặc biệt là quặng sắt (Iron Ore) và quặng đồng (copper). Theo thống kê thì các món hàng kim khoáng quặng này đóng góp tới hơn 50% trong tổng giá trị GDP của Úc châu, cho nên khi giá Kim khoáng quặng mà giảm trong một xu hướng dài hạn thì kinh tế Úc Châu sẽ bị suy yếu, kinh tế suy yếu thì đồng nội tệ sẽ bị mất giá.*

Và đây là kết quả của sự kiện kỳ vọng đồng AUD tăng:



Hình 1.12: Kết quả sự kiện kỳ vọng đồng AUD tăng sau khi số liệu việc làm của Mỹ được công bố (02/10-12/10/2015)

Ví dụ 2: Short đồng AUD và NZD sau khi BOC công bố cắt giảm lãi suất.

Thêm một ví dụ khác về sự kiện lãi suất của Ngân hàng trung ương Canada (BOC) tác động đến kỳ vọng lãi suất của Ngân hàng trung ương Australia (RBA) và Ngân hàng trung ương New Zealand (RBNZ). Sự kiện trader sell cặp tiền NZDUSD trong suốt tuần cuối của tháng 01/2015 (từ 21- 29/01 2015). Cụ thể như sau: Ngày 21/01/2015, Ngân hàng trung ương Canada cắt giảm lãi suất từ 1% xuống còn 0.75% sau khi chỉ số CPI giảm 0,3%. Tin tức này hiển nhiên move down đồng tiền CAD xuống thấp, người mới học trade thì chen lấn sell đuổi theo giá của CAD, nhưng người biết trade thì họ ko sell đuổi CAD mà người ta quay sang túm cổ thằng NZD và AUD mà sell. Lý do là vì CAD chỉ là cái trade của hiện tại còn NZD và AUD mới là những cái trade của tương lai.

Date	2:25pm	Currency	Impact		Detail	Actual	Forecast
Wed Jan 21	4:45am	NZD		CPI q/q		-0.2%	0.0%
	6:30am	AUD		Westpac Consumer Sentiment		2.4%	
	9:00am	USD		President Obama Speaks			
	10:29am	JPY		Monetary Policy Statement			
	11:30am	JPY		All Industries Activity m/m		0.1%	0.1%
	1:30pm	JPY		BOJ Press Conference			
	Day 1	ALL		WEF Annual Meetings			
	4:30pm	GBP		Average Earnings Index 3m/y		1.7%	1.7%
		GBP		Claimant Count Change		-29.7K	-24.2K
		GBP		MPC Official Bank Rate Votes		0-0-9	2-0-7
		GBP		MPC Asset Purchase Facility Votes		0-0-9	0-0-9
		GBP		Unemployment Rate		5.8%	5.9%
	5:00pm	CHF		ZEW Economic Expectations		-10.8	
	8:30pm	CAD		Wholesale Sales m/m		-0.3%	0.2%
		USD		Building Permits		1.03M	1.06M
		USD		Housing Starts		1.09M	1.04M
	10:00pm	CAD		BOC Monetary Policy Report			
		CAD		BOC Rate Statement			
		CAD		Overnight Rate		0.75%	1.00%
	11:15pm	CAD		BOC Press Conference			

Hình 1.13: Số liệu của CAD giúp hình thành tâm lý cho AUD và NZD- Nguồn ForexFactory.

Khi nhìn data ra của ngày 21/01/2015 bên trên trader nhà nghề họ sẽ nhìn tới cả tương lai. Tương lai ở đây là gì? Chính là sự kiện *Official cash rate* của ngân hàng trung ương New Zealand được công bố vào ngày 29/01/2015 và sự kiện RBA cash rate vào ngày 03/02/2015 dưới đây:

Thu Jan 29	1:50am	GBP	BOE Gov Carney Speaks		
	2:00am	USD	FOMC Statement		
		USD	Federal Funds Rate	<0.25%	<0.25%
	3:00am	NZD	Official Cash Rate	3.50%	3.50%
		NZD	RBNZ Rate Statement		

Tue Feb 3	2:00am	USD	Loan Officer Survey		
	6:50am	JPY	Monetary Base y/y	37.4%	40.1%
	7:00am	NZD	ANZ Commodity Prices m/m	-0.9%	
	7:30am	AUD	Building Approvals m/m	-3.3%	-4.8%
		AUD	Trade Balance	-0.44B	-0.85B
	10:30am	AUD	Cash Rate	2.25%	2.50%
		AUD	RBA Rate Statement		

Hình 1.14: Tâm lý brearish AUD và NZD trên các sự kiện công bố trong tương lai-Nguồn ForexFactory.

Chưa cần biết ngân hàng trung ương New Zealand và ngân hàng trung ương Úc Châu có cắt giảm lãi suất trong những ngày sắp tới hay không, nhưng sự kiện ngân hàng trung ương Canada cắt giảm lãi suất sau khi chỉ số CPI xuống thấp đã giúp tạo thành cái tâm lý kỳ vọng sự cắt giảm này trong đầu người trader nhà nghề nói chung. Lý do là vì sự tương đồng trong nền kinh tế của cả ba đồng tiền hàng hóa này. Chỉ số CPI của New Zealand ra ngày 21/01 cũng giảm 0,2%, ứng với mức lãi suất hiện tại là 3,5%; Đồng tiền Úc châu cũng không có gì khá khẩm hơn khi giá *kim khoáng sản(*)* liên tục tạo đáy mới trong suốt thời gian qua, trong khi mức lãi suất của AUD vẫn là 2.5%. Chính cái tâm lý kỳ vọng về viễn ảnh cắt lãi suất này sẽ là động lực để market sell hai đồng tiền NZD và AUD từ sau ngày 21/01 cho đến khi các tin tức cash rate được công bố lần lượt vào các ngày 29/01 và 03/02. Và dưới đây là kết quả.



Hình 1.15: Cặp tiền NZDUSD bị sell liên tiếp trong suốt các ngày từ 21/01 đến 29/01/2015 mặc dù trong suốt quãng thời gian đó không có tin tức nào quan trọng liên quan đến đồng NZD. (chart H4- Nguồn Trading view)



Hình 1.16: Tương tự cặp tiền NZDUSD, cặp tiền AUDUSD cũng bị sell te tua trong suốt quãng thời gian do tâm lý kỳ vọng ngân hàng trung ương nước này cắt giảm lãi suất (Chart H4, nguồn Trading view)

Ví dụ 3: Kỳ vọng short cặp USDCAD khi nhìn biểu đồ giá Oil đang tăng ngay sau khi Mỹ phá bỏ dự luật cấm xuất khẩu Oil.

Có thể nói một chuỗi ngày dài Oil liên tục giảm và tìm về mức thấp nhất kể từ năm 2009 đã trở thành mối lo không chỉ của riêng những quốc gia xuất khẩu dầu mỏ ngoài OPEC, mà ngay cả những quốc gia khác và kể cả những công ty khai thác dầu trên toàn thế giới nói chung cũng đang phải vật lộn với việc giá dầu giảm quá thấp, thậm chí thấp hơn chi phí khai thác. Và khi mà giá giảm thấp như vậy thì một mối lo xuất hiện đó là các công ty sẽ phải đối mặt với khả năng phải đóng cửa, các quốc gia xuất khẩu dầu ngoài OPEC sẽ phải cắt giảm sản lượng, cắt giảm chi phí, giá dầu giảm quá sâu đã khiến cho nền kinh tế của các quốc gia dựa vào xuất khẩu dầu như Canada (dầu đóng góp khoảng 30% tổng kim ngạch xuất khẩu của Canada), Nga, Venezuela… rất nhiều quốc gia khác, Việt Nam chúng ta cũng không ngoại lệ khi GDP năm nay sẽ bị tác động tiêu cực từ việc giá dầu giảm quá thấp, lợi nhuận của tập đoàn dầu khí vì thế giảm đi rất nhiều. Với đặc trung là những quốc gia xuất khẩu dầu mỏ thì việc giá dầu giảm sâu sẽ bóp chết nền kinh tế, kéo GDP xuống, khủng hoảng kinh tế vì thế cũng sẽ trở thành gánh nặng. Hơn nữa dầu là thứ hàng hóa đặc biệt cho nên khi giá dầu giảm mạnh thì hàng hóa khác cũng giảm theo, kéo theo đó là một mối lo giảm phát kéo dài. Giảm phát kéo dài buộc các central bank phải giảm lãi suất và thực hiện các chương trình nới lỏng. Bên cạnh đó giá dầu giảm trong giai đoạn tình hình kinh tế ảm đạm, các công ty thu hẹp quy mô và sản lượng hàng hóa xuất khẩu được không nhiều. Các bạn có thể hiểu thế này, khi lạm phát không có, tiêu dùng giảm xuống thấp cho nên sẽ có một mối lo nhu cầu tiêu dùng sẽ giảm trong dài hạn, một mối lo như thế sẽ đặt các công ty vào thế phải giảm giá thành hàng hóa xuống để cạnh tranh. Đó là lý do mà các bạn thấy giá cả các mặt hàng đồng loạt giảm mạnh chứ không riêng gì dầu. Hơn nữa trong giai đoạn này kinh tế Trung Quốc đang thật sự rơi vào khủng hoảng khi thị trường chứng khoán sụp đổ. Trong giai đoạn này kinh tế Trung Quốc rất yếu và không ít công ty đã phải đóng cửa, khi kinh tế Trung Quốc suy yếu thì sẽ tác động rất lớn đến thị trường toàn thế giới chứ không riêng gì mỗi nền kinh tế Trung Quốc. Các bạn nhớ là Trung Quốc là quốc gia tiêu thụ dầu nhiều thứ 2 trên thế giới chỉ sau Mỹ, và Trung

Quốc cũng là bạn hàng béo bở nhất mà các quốc gia xuất khẩu dầu muốn hướng đến. Vậy cho nên khi kinh tế Trung Quốc khủng hoảng thì nhu cầu dầu cũng sẽ phải giảm theo, kéo theo đó là sự cạnh tranh thị phần dầu mỏ sẽ khốc liệt hơn. Khi mà nhu cầu dầu giảm xuống trong khi sản lượng khai thác thì không hề giảm, như vậy sẽ phát sinh thêm lượng dầu tồn kho sẽ nhiều hơn và giá dầu lại càng giảm thấp hơn nữa. Sự kiện giá dầu giảm sâu đó cũng là một cái cớ mà OPEC muốn qua đó để đánh bật những quốc gia xuất khẩu dầu khác, từ đó dành được những thị phần béo bở hơn.

Quay trở lại vấn đề chính là sự kiện Mỹ bỏ dự luật cấm xuất khẩu dầu đã hơn 40 năm qua. Một câu hỏi đặt ra ở đây là tại sao Mỹ phá bỏ dự luật đó trong giai đoạn mà Mỹ đã phát minh thành công cách khai thác dầu từ đá phiến, điều này có nghĩa là Mỹ sẽ trở thành một nước xuất khẩu dầu và hạn chế việc nhập khẩu dầu từ các quốc gia lân cận như Canada, Venezuela…, tại sao điều này xảy ra mà giá dầu lại tăng vọt vào ngày thứ 2 chỉ sau một ngày khi Mỹ ban hành dự luật? Theo phân tích của đa số các "chuyên gia" đều nói rằng Mỹ làm điều này sẽ khiến giá dầu giảm sâu hơn nữa, thế nhưng khi giá dầu phản ứng ngược lại với những suy luận trên thì người ta sẽ giải thích cho việc đó thế nào, với quan niệm cá nhân Tôi thì Mỹ là quốc gia tiêu thụ dầu nhiều nhất thế giới, sản lượng dầu của Mỹ khai thác được không đủ để quốc gia này sử dụng, mà kể có đủ thì các bạn có tưởng tượng được rằng Mỹ sẽ không sử dụng mà dùng lượng dầu đó dự trữ không? Mỹ biết rằng nguồn năng lượng vàng đen này đang dần cạn kiệt và nếu như không chuẩn bị cho những phương án thay thế thì vài chục năm sau khi lượng dầu trên thế giới cạn kiệt và giá dầu tăng cao thì Mỹ có thiệt hại lớn không? Đó là những suy luận có phần thiên về thuyết âm mưu, thế nhưng cũng không hẳn là không có căn cứ. Hiện thời cái chúng ta cần quan tâm là ngay cái sự kiện kia cũng khiến cho giá dầu tăng thì có nghĩa là trong tương lai dầu sẽ có bước phục hồi nhẹ, và khi giá dầu tăng thì điều đầu tiên Tôi nghĩ đến là go short cặp USDCAD. Trong giai đoạn này là những ngày cuối năm 2015, các central bank nghỉ lễ và cũng không có nhiều tin tức tác động đến thị trường. Bên cạnh đó là đồng USD liên tục giảm cũng hỗ trợ rất tốt cho kỳ vọng short cặp USDCAD lần này. Điểm vào lệnh là vùng 1.395 và với điểm vào như thế thì mức Stop Loss chấp nhận của Tôi là rất ngắn.



Hình 1.13: Kỳ vọng short cặp USDCAD khi nhìn thấy giá dầu đang có xu hướng tăng phục hồi lại và có dấu hiệu phá vỡ ngưỡng kháng cự. Điểm vào lệnh là 1.395 và mức Stop Loss chấp nhận là rất ngắn.

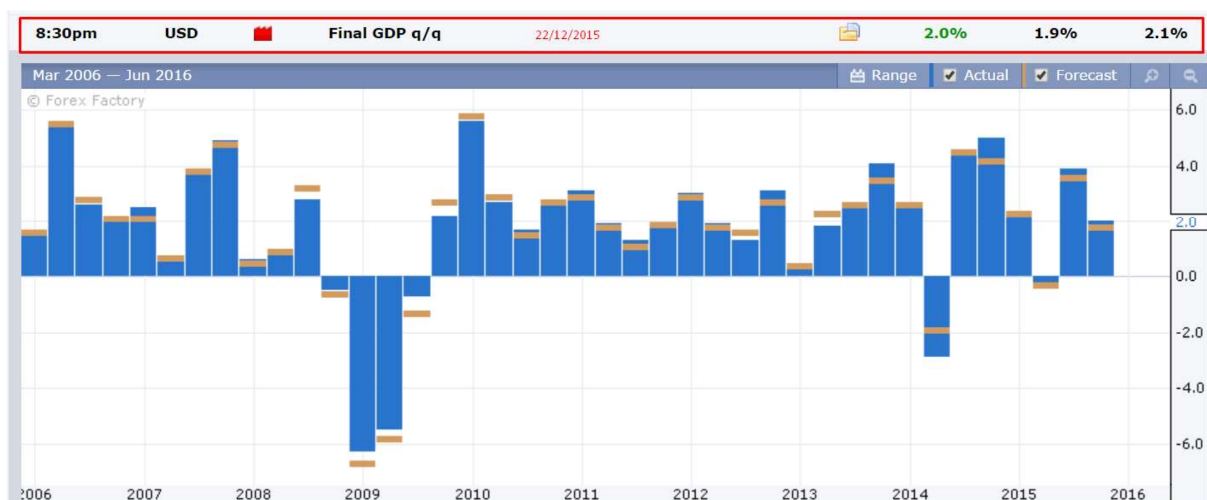
Những kỳ vọng trên thể hiện trong bối cảnh mà FED mới nâng lãi suất không lâu, đồng USD tăng trong suốt quãng thời gian trước đó cho tới sau khi FED công bố lãi suất, và trong giai đoạn sau đó đồng USD giảm lại rất nhanh vì người ta biết rằng lạm phát đang rất thấp và khi gía cả hàng hóa đang giảm mạnh mà FED lại mạo hiểm nâng lãi suất thì sẽ là một con dao 2 lưỡi. Vì sao? Lạm phát và lãi suất là 2 mặt của một vấn đề, nghĩa là lạm phát tăng cao thì central bank sẽ có xu hướng tăng lãi suất và ngược lại khi mối lo giảm phát gia tăng thì central bank sẽ có xu hướng nới lỏng tiền tệ. Phân tích liên thị trường có một cái hay đó là khi xác định được câu chuyện hot nhất đó rồi thì việc tiếp theo là lựa chọn món hàng tốt nhất để vào lệnh. Ví dụ như trường hợp này vậy, Tôi có thể chọn short AUDCAD, GBPCAD, EURCAD… rất nhiều cặp khác những tại sao Tôi lại chọn USDCAD? Các bạn có thể hiểu là việc hiểu được câu chuyện chỉ mới là một nửa của phân tích vào lệnh thôi, nửa còn lại là xác dịnh xem món hàng nào sẽ dễ make $ nhất và thời điểm nào là tốt nhất để vào lệnh với mức Stop Loss bé nhất. Trading là một môn nghệ thuật và theo quan niệm của Tôi để có thể hiểu ra được sự kiện và biết được món hàng nào mới thật sự dễ make $ nhất đòi hỏi một chút tư duy đặc biệt của người trader, sự nhanh nhạy về các thông tin và kỹ năng phân tích tốt khi nhìn nhận market qua mọi góc độ.

Lý do Tôi chọn USDCAD là vì xu hướng USD giảm đã rõ ràng. Khi cái sự nghi ngờ của market về lạm phát hiện tại và lý do FED nâng lai suất chỉ là để cho market tin rằng chính sách tiền tệ của FED vẫn còn giá trị sau hơn một năm trời tung "đòn gió" rằng sẽ nâng lãi suất, nhưng không hề nâng mà lúc nào cung nói là sẽ nâng sớm và duy trì lộ trình thắt chặt tiền tệ. Chính cái sự kỳ vọng này không được đáp ứng cho nên suốt cả năm 2015 này đồng USD không hề tăng mà chỉ quanh quẩn ở mức dưới 100 điểm, FED biết rằng nếu không nâng thì sẽ đánh mất đi niềm tin của nhà đầu tư và market sẽ phản ứng tiêu cực nếu như cứ kéo dài cái "đòn gió" này. Trong bối cảnh như hiện tại nâng lãi suất cũng không được mà không nâng cũng không xong. FED đang đứng giữa hai ngã đường và thực sự rơi vào tình thế tiến thoái lưỡng nan. Và chỉ sau đó vài ngày GDP q/q được công bố là không tốt cho lắm và quá tệ so với cùng kỳ năm ngoái, điều này đã khiến market nghĩ rằng kinh tế Mỹ đang thật sự rất yếu và FED nâng lãi suất chỉ là không còn cách nào khác.



Hình 1.14: USD index giảm trong thời điểm Oil tăng cao, cặp USDCAD chưa phản ứng giảm cho nên đó được xem là một signal rất tốt để vào lệnh short USDCAD với mức giá 1.395 cho Tôi cái Stop Loss BÉ NHẤT có thể.

Một lưu ý khi phân tích là các bạn hãy ghép các chart quan trọng thể hiện những mối tương quan cần thiết vào cùng 1 chart, như thế sẽ dễ dàng quan sát và nhận định dòng tiền đang chạy về đâu. Cái thời điểm mà USD Index giảm đó là lúc mà người ta cảm thấy bất an về kinh tế Mỹ, FED nâng lãi suất trong tình thế bị ép buộc và không còn cách nào khác khi cuộc bầu cử tổng thống đang đến rất gần. Hơn ai hết FED hiểu rõ rằng thị trường chứng khoán đang trên bờ vực sụp đổ và vị thế của đồng USD đang giảm xuống, và nếu như kế hoạch nâng lãi suất kéo dòng tiền chạy về Mỹ không thực hiện được thì vị thế của nước Mỹ sẽ giảm đi rất nhiều trong giai đoạn nước rút của cuộc bầu cử. Hơn thế nữa số liệu GDP q/q được công bố là tăng trưởng 2%, thế nhưng con số đó so với cùng kỳ năm ngoái và các năm trước là rất tệ, vậy cho nên sau khi số liệu GDP được công bố là tốt hơn kỳ vọng nhưng đồng USD vẫn giảm.



Hình 1.15: GDP q/q của Mỹ được công bố ngày 22/12/2015.

Chính vì những lý do trên mà Tôi vẫn tiếp tục kỳ vọng short cặp USDCAD về 1.346 trong vài ngày tới. Hiện tại kỳ vọng short cặp USDCAD từ 1.395 về 1.383 đã là một lệnh có lãi tương đối tốt với một speculator như Tôi.

Và dưới đây là kết quả của kỳ vọng go short cặp USDCAD.



Hình 1.16: Kết quả go short cặp USDCAD và những kỳ vọng cho tương lai cặp USDCAD sẽ giảm về 1.346.

PHÂN TÍCH LIÊN THỊ TRƯỜNG PHÙ HỢP VỚI NHỮNG KIỂU GIAO DỊCH NÀO?

Financial Market nói chung từ currency cho đến stock luôn luôn tồn tại nhiều thể loại trader, tương ứng với mỗi thể loại lại là các cách thức giao dịch khác nhau. Phân loại theo phương cách phân tích người ta chia ra hai thể loại chính là TA-trader và FA- trader; Phân loại theo thời gian giữ lệnh người ta có: Scapler- với thời gian giữ lệnh tính bằng phút; Day trader- thời gian mua- bán kết thúc trong ngày; Swing trader- loại trader giữ lệnh mua bán trong một vài ngày, Position trader- là những kẻ giữ lệnh trong một vài tháng. Cá nhân Tôi thì là một DAY TRADER & SWING TRADER với phương cách phân tích IA (kết hợp cả TA và FA). Điều Tôi muốn nhấn mạnh ở đây là tôi cảm thấy IA thật sự rất phù hợp với cách thức giao dịch của tôi- một day trader & swing trader. Vì Tôi thiết nghĩ với phương pháp phân tích liên thị trường tức là dò theo những sự kiện HOT NHẤT, đã là những sự kiện như vậy thì thường mức độ tác động không quá dài ngày và cũng không phải sự kiện đến rồi lại đi trong ngày được, để có được một phân tích liên thị trường tốt thì ít nhất cũng phải dành khá nhiều thời gian quan sát và tổng hợp dữ liệu, nhanh hay chậm tùy thuộc vào sự nhạy bén của mỗi cá nhân. Nhưng với quan điểm đó thì Tôi nghĩ rằng cách giao dịch tốt nhất là Day trader và Swing trader.

Tuy nhiên trên giới trading vẫn còn hoài nghi rằng Phân tích liên thị trường chỉ phù hợp với những kiểu trade dài hạn, quan điểm này không sai, đúng là những phân tích liên thị trường thiên về dài hạn một chút nhưng là tùy vào từng sự kiện. Tôi lấy ví dụ nhé: FED luôn miệng nói là duy trì lộ trình nâng lãi suất từ năm 2014 cho đến nay, mặc dù đã gần 2 năm nhưng không hề tăng dù chỉ là 0.25%, như vậy thì tại sao sự kiện FED lớn tiếng nói duy trì lộ trình nâng lãi suất lại khiến cho market hoài nghi lâu đến vậy, phải chăng cách mà những quan chức FED đã làm là đã tạo ra cho market cái kỳ vọng gần như là chắc chắn rằng sẽ nâng. Đáng ra market đã nhận ra rằng sự kiện đó không thể đến vì những số liệu kinh tế Mỹ chưa thật sự tốt, mối lo lớn nhất là lạm phát thì đang là vấn đề khiến FED rất đau đầu, lạm phát không tăng thì đương nhiên FED không thể nâng lãi suất được, mặc dù biết đó là con dao 2 lưỡi nhưng biết làm sao giờ. Sau khi kết thúc 3 gói QE đã phần nào

giúp kinh tế khôi phục nhưng lại không thể kéo lạm phát lên, nguyên nhân do đâu? FED không thể nào mà lại tiếp tục dùng thêm một gói QE nữa, làm vậy sẽ khiến đồng USD dư thừa và sẽ khiến vị thế đồng USD suy yếu, như vậy chỉ còn một cách đó là chơi đòn gió, ý nói là không nâng nhưng vẫn giữ những lập trường tuyên bố là sẽ nâng. Chính những quan điểm như vậy mà market liên tục hi vọng và rồi lại hi vọng, họ càng hi vọng thì đồng USD lại càng tăng. Đồng USD mạnh lên thì sẽ thu hút được thêm nhiều nguồn vốn đầu tư vào Mỹ, nâng cao vị thế của đồng USD lên sau những thập kỷ rơi vào suy thoái. Đúng là nhất cử lưỡng tiện mà. Qua ví dụ này có thể hiểu rằng phân tích liên thị trường phù hợp với cả những người giao dịch ngắn hạn Day trader và Swing trader, nó còn phù hợp với những người giao dịch dài hạn, giữ lệnh hàng tháng đến hàng năm trời.

Theo quan điểm cá nhân Tôi việc giao dịch ngắn hạn hay dài hạn là tùy thuộc vào cá tính của mỗi người, phụ thuộc vào quỹ thời gian bạn dành cho thị trường…nhưng dù là trader giao dịch ngắn hạn hay dài hạn thì đều nên nương theo market, và điều tốt nhất là đừng bao giờ đi ngược trend. Trong quá trình giao dịch của Tôi, chủ yếu Tôi sử dụng khung H1 và H4 để vào lệnh và duy trì lệnh thường là trong ngày hoặc dài lắm thì một vài tuần. Thế nhưng để có thể giao dịch với khung thời gian H1 như vậy thì Tôi cũng phải quan sát và phân tích các sự kiện chính trên time frame Weekly và Daily chứ, vì chỉ có xem những time frame như vậy thì chúng ta mới xác định được chính xác là Trend chủ đang là tăng hay giảm để qua đó khi vào lệnh ở trên khung H1 hay H4 mới chính xác được, Trend is your friend mà. Trading chỉ vậy thôi, thực ra mọi thứ không hề khó như bạn nghĩ, các bạn có thể đơn giản hóa mọi suy nghĩ trong tư duy với market các bạn sẽ hiểu ra rằng việc nhìn nhận các sự kiện trên không hề khó khăn chút nào cả và những quyết định nương theo market của các bạn sẽ trở nên nhuần nhuyễn hơn rất nhiều, kinh nghiệm của cá nhân Tôi nghĩ rằng nếu các bạn theo đuổi phương pháp phân tích liên thị trường này một cách bài bản và chuyên tâm thì không đầy một năm, thậm chí là nửa năm thôi là các bạn đủ tự tin giao dịch có lợi nhuận ổn định rồi. Tin Tôi đi! Các Bạn sẽ làm được!



Hình 1.18: Mối tương quan giữa USD Index và S&P 500 trong bối cảnh thị trường luôn kỳ vọng việc FED duy trì lộ trình nâng lãi suất trong suốt thời gian từ đầu năm 2014 đến nay.

CHƯƠNG II:

TỔNG QUAN VỀ BỐN BỘ PHẬN CẤU THÀNH THỊ TRƯỜNG TÀI CHÍNH

THỊ TRƯỜNG TÀI CHÍNH

Thị trường tài chính nói chung được cấu thành từ nhiều thị trường nhỏ hơn, trong đó những thị trường nhỏ đó được phân bố lại thành bốn nhóm thị trường chính: Thị trường Trái phiếu, Thị trường Hàng hóa, Thị trường Tiền tệ, Thị trường Vốn/Cổ phiếu. Trong các quy luật liên thị trường thì điều đầu tiên và là quan trọng nhất chính là nắm vững được bốn bộ phận cấu thành thị trường tài chính nói chung, nắm vững ở đây không có nghĩa là các bạn phải biết tường tận từng thị trường mà làm gì, bởi vì chúng ta ở đây đa phần là những người giao dịch thị trường ngoại hối, một vài hàng hóa như vàng, bạc, dầu, đồng… cho đến những chỉ số Indices chính và có thể là những giao dịch hợp đồng quyền chọn. Vì vậy việc của chúng ta là phải nắm vững những gì liên quan đến thị trường mà chúng ta giao dịch, còn những thị trường khác việc cần làm là chúng ta hiểu được bản chất, sự hình thành và những mối tương quan của những thị trường đó tới cái thị trường mà chúng ta giao dịch thế nào.

Vì lý do trên mà trong khuôn khổ cuốn sách này Tôi chỉ nói sâu về những giao dịch liên quan đến thị trường tiền tệ - giao dịch ngoại hối, một vài hàng hóa chính và những chỉ số Indices mà đại bộ phận Trader thị trường tài chính ở Việt Nam đang theo đuổi. Trước khi bắt đầu vào những chương sách sau để đi sâu vào từng phân tích chúng ta cần phải tìm hiểu nguồn gốc, định nghĩa và những vận động bên trong của mỗi thị trường đơn lẻ trước đã. Trong chương II này sẽ hệ thống lại những kiến thức cơ bản về bốn bộ phận cấu thành của thị trường tài chính.

I. THỊ TRƯỜNG TRÁI PHIẾU (BOND MARKET)

TỔNG QUAN, ĐỊNH NGHĨA VỀ THỊ TRƯỜNG TRÁI PHIẾU

Thị trường trái phiếu (còn gọi là thị trường Nợ hoặc thị trường tín dụng) là một thị trường tài chính mà những người tham gia có thể phát hành nợ mới, được coi là thị trường sơ cấp, hoặc mua và bán nợ chứng khoán được gọi là thị trường thứ cấp. Điều này thường là dưới hình thức trái phiếu.

- *Theo investopedia định nghĩa "Thị trường Trái Phiếu": Một thị trường mà trong đó việc phát hành và giao dịch chứng khoán ghi nợ diễn ra. Thị trường trái phiếu chủ yếu bao gồm các từ chính phủ và chứng khoán nợ của công ty, tạo điều kiện cho việc luân chuyển vốn từ người tiết kiệm cho người phát hành hoặc các tổ chức huy động vốn cho các dự án của của chính phủ, mở rộng kinh doanh và các hoạt động đang diễn ra trên thị trường.*
  "DEFINITION of 'Bond Market'": The environment in which the issuance and trading of debt securities occurs. The bond market primarily includes government-issued securities and corporate debt securities, and facilitates the transfer of capital from savers to the issuers or organizations requiring capital for government projects, business expansions and ongoing operations.

Dưới con mắt của một Trader thì Trái Phiếu thực chất là một mỹ danh từ của Nợ. Như định nghĩa ở trên Trái phiếu được phát hành ra với mục đích là ghi nợ, và những người phát hành trái phiếu thực chất là những con nợ. Người mua trái phiếu cũng không khác gì một người gửi tiết kiệm với mức lãi suất nào đó, chỉ khác điều là mớ trái phiếu đó được công chứng và đảm bảo bởi Chính Phủ, vậy nên khả năng xù nợ là rất ít tùy vào mức độ tín nhiệm của mỗi quốc gia. Cũng chính vì được đảm bảo bởi Chính Phủ cho nên thường thì những người đầu tư vào thị trường trái phiếu là những nhà đầu tư rất lớn và dòng vốn họ đầu tư vào đây thường lớn hơn nhiều so với các thị trường khác. Vậy Chính Phủ lấy cái gì để đảm bảo sẽ trả được nợ đó nếu một mai người đầu tư họ đồng loạt rút tiền về. Để có

thể hạn chế rủi ro này mà các Chính Phủ đã nghĩ ra cách hạn mức kỳ hạn cho trái phiếu, và để có khoản lợi tức cao hơn thì đương nhiên những người mua trái phiếu sẽ phải chọn hạn mức ký gửi là nhiều năm, thường thì hạn mức trên 7 năm được gọi là trái phiếu kỳ hạn dài hạn. Nhưng bản chất thực của Nợ là gì, chả ai cho bạn vay tiền khi bạn chả có cái gì đảm bảo cả, Chính Phủ có cái gì để gán nợ đây: đất đai, lãnh thổ, con người, hay những nguồn tài nguyên khoáng sản… ồ không thể, không thể đem bán những thứ đó để gán nợ được, nếu như đó là nợ quốc nội (tức là nợ của chính người dân) thì không quá đáng ngại vì Chính Phủ có thể in tiền để trả được, nhưng nếu như đó là Nợ nước ngoài (tức là Nợ buộc phải trả bằng USD) thì không thể nào in tiền quốc nội ra được, mà lại càng không thể mang giang sơn đất nước để gán nợ, làm vậy có khác gì bán nước đâu. Do vậy chỉ có một cách mà Chính Phủ áp dụng đó chính là đem chính nền kinh tế ra thế chấp, điều này nghĩa là nếu chính phủ kỳ vọng rằng nền kinh tế trong tương lai sẽ tăng trưởng, GDP tăng cao, tiêu dùng tăng mạnh và các ngành nghề sản xuất phát triển thì lượng tiền THUẾ thu được đó sẽ vì thế mà tăng lên theo, điều này có nghĩa là CHÍNH PHỦ đang dùng chính nguồn tiền thu được từ THUẾ mà người dân đóng góp để thế chấp. Nhưng cho dù là Chính Phủ phát hành và được đảm bảo bởi thế chế, chế độ của quốc gia đó, thế nhưng không có nghĩa là không Xù Nợ nhé. Khả năng Xù Nợ đó được xét dựa trên mức độ tín nhiệm của mỗi quốc gia. Như có nêu ở phần chương I thì mức độ tín nhiệm của Việt Nam hiện tại là BB-, khá là thấp và điều này được hiểu thế này: quốc gia nào có mức độ tín nhiệm càng thấp thì số tiền lãi suất phải trả cho các khoản vay là cao hơn, bởi vì hiểu nôm na là một bác nông dân và một doanh nghiệp cùng vay vốn, thì đương nhiên là chủ doanh nghiệp sẽ được tín nhiệm cao hơn bởi vì khả năng trả được nợ của họ là cao hơn so với bác nông dân kia. Nhà bank hay cá nhân hay bất kỳ tổ chức cho vay vốn nào cũng vậy thôi, chả ai muốn cho một người vay mà biết rằng khả năng trả nợ của người đó là không cao cả.

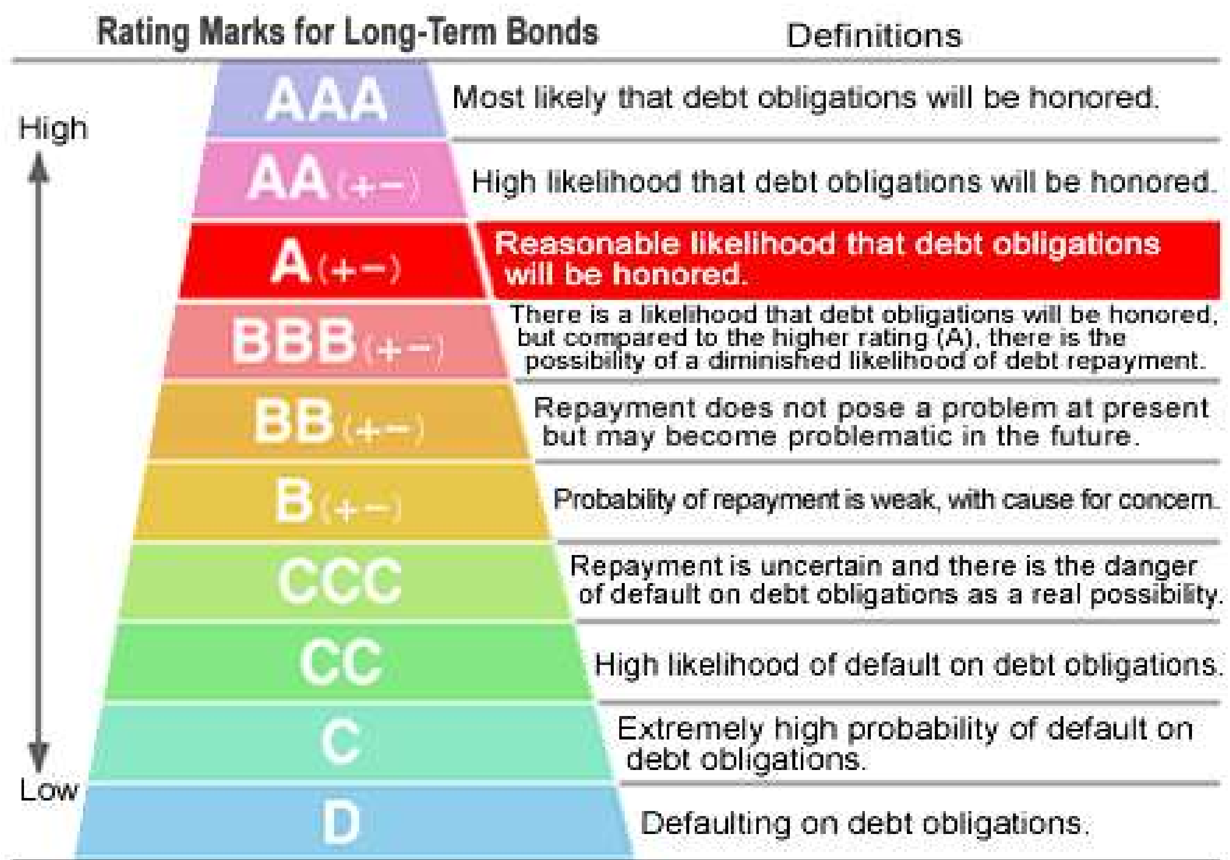
Để nói rõ hơn về vấn đề khả năng trả nợ chúng ta sẽ tìm hiểu thế nào là mức độ tín nhiệm trước và tại sao quốc gia càng giàu, càng phát triển thì số tiền lãi suất phải trả cho các khoản vay là càng thấp và mức độ tín nhiệm này được đánh giá như thế nào. Khả năng trả nợ được đánh giá bằng mức độ tín nhiệm (Credit rating).

Một mức độ xếp hạng tín nhiệm là một đánh giá khả năng chi trả của con nợ, đặc biệt là một doanh nghiệp (công ty) hay một chính phủ, nhưng không phải là người tiêu dùng cá nhân. Việc đánh giá được thực hiện bởi một cơ quan xếp hạng tín nhiệm về khả năng trả nợ của con nợ đó. Những đánh giá đó được gọi là báo cáo tín dụng và thực hiện bởi văn phòng tín dụng, hoặc các cơ quan báo cáo tín dụng của người tiêu dùng. Xếp hạng tín nhiệm được xác định bởi các cơ quan xếp hạng tín nhiệm. Đánh giá tín dụng thể hiện đánh giá của cơ quan xếp hạng tín nhiệm bằng các thông tin và định lượng cho một công ty hay chính phủ, bao gồm cả thông tin thu được từ bên ngoài bằng những phân tích của các cơ quan xếp hạng tín nhiệm. Đánh giá tín dụng được sử dụng bởi các cá nhân và thực thể mua các trái phiếu phát hành bởi công ty và chính phủ để xác định khả năng chính phủ sẽ đảm bảo được rằng khả năng sẽ không Xù Nợ của những người mua trái phiếu đó.

a) Xếp hàng tín nhiệm quốc gia: Một số tín nhiệm là đánh giá tín nhiệm của một chủ quyền thực thể, Ví dụ: một chính phủ quốc gia. Đánh giá tín nhiệm quốc gia (vùng lãnh thổ có chủ quyền) cho thấy mức độ rủi ro của môi trường đầu tư của một đất nước và được các nhà đầu tư sử dụng khi muốn đầu tư ra nước ngoài. Dưới đây là bảng đánh giá mức độ tín nhiệm của quốc gia: Các bảng xếp hạng rủi ro quốc gia đánh giá được mức độ rủi ro tổng thể bao gồm chính trị, kinh tế.

Trong thực tế những quốc gia như Việt Nam chúng ta tuy hạn mức tín nhiệm kinh tế là không cao nhưng xét trên một góc độ khác thì Việt Nam lại là quốc gia rất an toàn và chính trị tương đối ổn định. Do vậy yếu tố trên sẽ góp phần không nhỏ trong việc xếp loại hạn mức tín nhiệm của chúng ta và cũng chính yếu tố trên mà nguồn vốn đầu tư vào Việt Nam đang tăng lên đáng kể trong những năm gần đây.

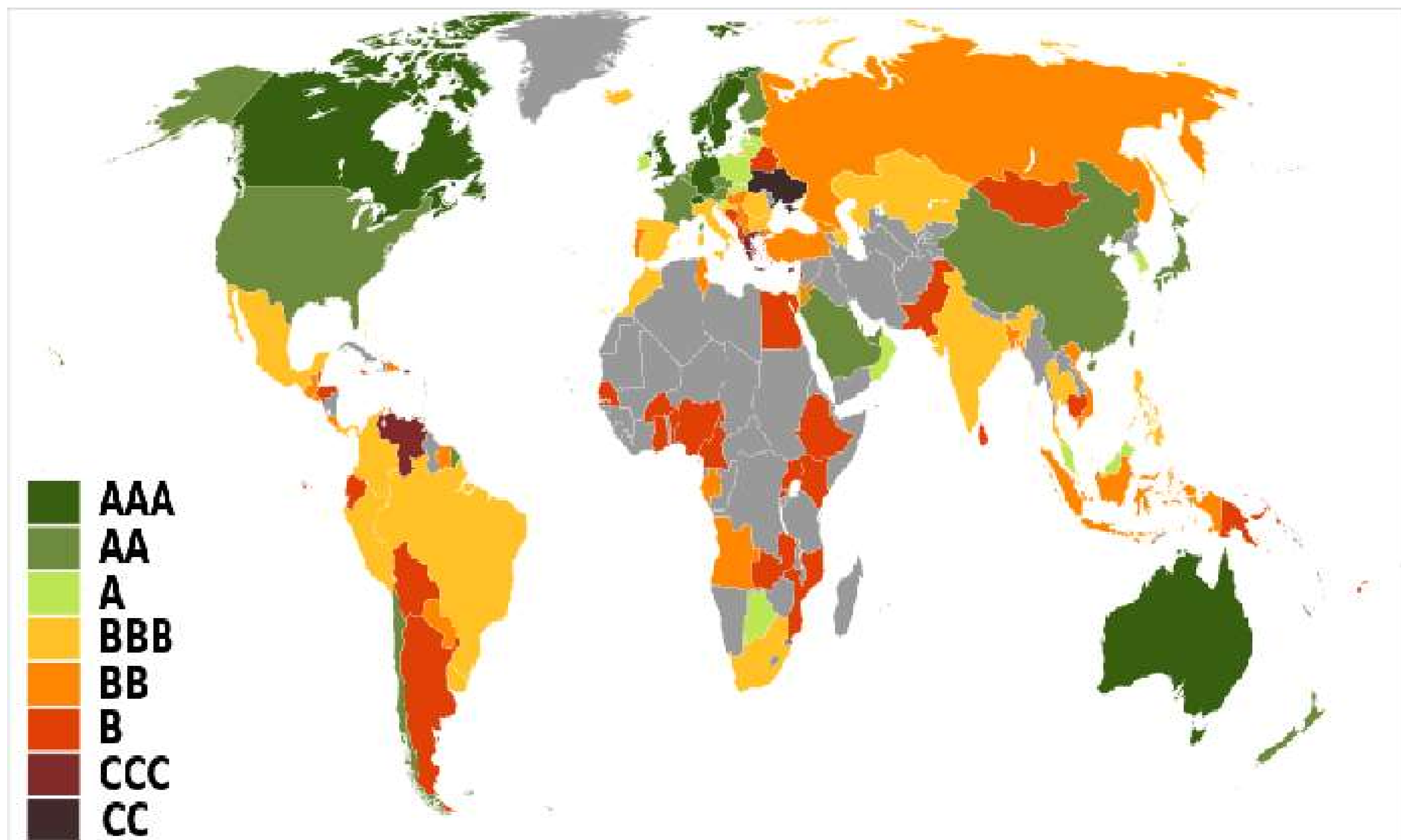
Sau khi tìm hiểu sơ bộ về cách xếp hạng hạng mức tín nhiệm quốc gia thì chúng ta có thể sơ bộ phân loại và có một bảng khá chi tiết về hạn mức tín nhiệm của phần lớn các quốc gia trên thế giới trong hình vẽ thống kê dưới đây (Hình 2.3)



Hình 2.1: Bảng xếp hạng mức độ tín nhiệm xếp theo đơn vị Quốc gia (nguồn: internet)

Sortable Table Key	Moody's	Fitch	S&P
Highest grade credit	Aaa	AAA	AAA
Very high grade credit	Aa1, Aa2, Aa3	AA+, AA, AA-	AA+, AA, AA-
High grade credit	A1, A2, A3	A+, A, A-	A+, A, A-
Good credit grade	Baa1, Baa2, Baa3, Baa4	BBB+, BBB, BBB-	BBB+, BBB, BBB-
Speculative grade credit	Ba1, Ba2, Ba3	BB+, BB, BB-	BB+, BB, BB-
Very speculative credit	B1, B2, B3	B+, B, B-	B+, B, B-
Substantial risks - In default	Caa1, Caa2, Caa3, Ca	CCC, CC, C, RD, D	CCC+, CCC, CCC-, CC, C, D

Hình 2.2: Bảng so sánh xếp hạng tín nhiệm quốc gia của 3 tổ chức hàng đầu hiện nay.



Hình 2.3: Thống kê hạn mức tín nhiệm quốc gia của các quốc gia trên thế giới được thực hiện bởi tổ chức Standar & Poor (thống kê năm 2011)

Một đánh giá ngắn hạn là một yếu tố xác xuất của một cá nhân đang mua trái phiếu đó với kỳ hạn trong vòng một năm. Điều này trái ngược với đánh giá dài hạn trong một khoảng thời gian dài. Trong các tổ chức đầu tư trong quá khứ rất thích xem xét xếp hạng hạng mức tín nhiệm dài hạn tuy nhiên ngày nay tình hình kinh tế thay đổi và những biến động đến với tốc độ nhanh hơn, các cuộc khủng hoảng xảy ra lập đi lập lại trong khoảng thời gian chừng vài năm, do vậy ngày này xếp hạng tín nhiệm thường sử dụng ngắn hạn.

b) Xếp hạng tín nhiệm doanh nghiệp: Xếp hạng tín nhiệm liên quan đến các tập đoàn, các công ty mà những tổ chức, tập đoàn, công ty này phát hành công cụ tài chính để huy động vốn dưới hình thức là trái phiếu. Các đánh giá về mức độ tín nhiệm của doanh nghiệp được thực hiện bởi các tổ chức như là: Standard & Poor's , Moody's and Fitch Ratings. Cũng tương tự như các đánh giá mức độ tín nhiệm với quốc gia, thì với các doanh nghiệp cũng được sử dụng các chữ cái A,B,C để xếp hạng.

Với một doanh nghiệp được đánh giá hạn mức tín nhiệm cao hơn tức là doanh nghiệp đó có đủ năng lực và nghĩa vụ để đáp ứng những cam kết về tài chính của họ, hay nói cách khác là những doanh nghiệp như vậy ít bị tác động, tổn thương mỗi khi có những biến động và xác xuất để họ thanh toán các khoản nợ là cao.

Về phần trái phiếu doanh nghiệp thực sự không quá quan trọng với những người giao dịch trên thị trường tiền tệ, một vài hàng hóa chính và các chỉ số indices… Do vậy ở phần này chúng ta chỉ cần tìm hiểu cơ cấu của thị trường trái phiếu và điều quan trọng là chú ý vào một vài quốc gia lớn như Mỹ, Nhật, China, Liên minh EU… Ngoài ra những hàng mục khác trong thị trường trái phiếu chúng ta không cần thiết phải hiểu sâu. Trong các hạng mục xếp hạng tín nhiệm của doanh nghiệp cũng được 3 tổ chức Standard & Poor's , Moody's and Fitch Ratings đánh giá, và hạng mức tín nhiệm cũng được dựa trên những chữ cái A,B,C,D.

Moody's		S&P		Fitch		Rating description
Long-term	Short-term	Long-term	Short-term	Long-term	Short-term	
Aaa	P-1	AAA	A-1+	AAA	F1+	Prime
Aa1		AA+		AA+		High grade
Aa2		AA		AA		
Aa3		AA−		AA−		
A1		A+	A-1	A+	F1	Upper medium grade
A2		A		A		
A3	P-2	A−	A-2	A−	F2	
Baa1		BBB+		BBB+		Lower medium grade
Baa2	P-3	BBB		BBB	F3	
Baa3		BBB−	A-3	BBB−		
Ba1	Not Prime	BB+	B	BB+	B	Non-investment grade speculative
Ba2		BB		BB		
Ba3		BB−		BB−		
B1		B+		B+		Highly speculative
B2		B		B		
B3		B−		B−		
Caa1		CCC+	C	CCC+	C	Substantial risks
Caa2		CCC		CCC		
Caa3		CCC−		CCC−		
Ca		CC		CC		Extremely speculative
		C		C		Default imminent
C		RD	D	DDD	D	In default
/		SD		DD		
/		D		D		

Hình 2.4: Bảng xếp hạng hạng mức tín nhiệm doanh nghiệp – Được thu thập bởi 3 tổ chức: Standard & Poor's , Moody's and Fitch Ratings

LỢI TỨC TRÁI PHIẾU (YIELDS) LÀ GÌ? TẠI SAO NHỮNG QUỐC GIA CÓ HẠNG MỨC TÍN NHIỆM CÀNG CAO THÌ LỢI TỨC CÀNG GIẢM?

Trong phần trên chúng ta đã lần lượt tìm hiểu về bản chất, cấu trúc của thị trường trái phiếu, tuy nhiên đó mới chỉ là bề nổi, cũng chính vì thế mà ở trên Tôi nhấn mạnh là chúng ta chỉ cần quan tâm tới trái phiếu của một vài quốc gia có hạng mức tín nhiệm cao. Lý do là vì thế này theo đánh giá của Standard & Poor's thì hạng mức tín nhiệm càng cao, tức là người vay có nhiều khả năng nhất để trả nợ (chẳng hạn như Mỹ) và hạng mức tín nhiệm càng thấp (như Việt Nam chẳng hạn) thì nước nào có uy tín càng cao tức là sẽ có nhiều khả năng trả được nợ nhất và khó vỡ nợ nhất, mà khi rủi ro vỡ nợ, xù nợ càng thấp thì mức lãi suất sẽ càng thấp. Như ví dụ về một bác nông dân và một doanh nghiệp vậy, đương nhiên là doanh nghiệp sẽ được vay với mức lãi suất thấp hơn nhiều rồi. Chính vì nguyên lý này mà lợi tức trái phiếu của những quốc gia có hạng mức tín nhiệm cao như Mỹ, Canada, Australia… bao giờ cũng thấp hơn rất nhiều so với những quốc gia khác. Nghĩa là thế này: khi chính phủ Mỹ phát hành trái phiếu thì những người dân mua trái phiếu của Mỹ sẽ cảm thấy an toàn hơn, và điều đó đồng nghĩa rằng khoản lãi mà họ nhận được từ chính phủ là thấp hơn. Và đây chính là yếu tố căn bản quyết định tới Bond Yield.

- *Theo investopedia định nghĩa: "Lợi tức trái phiếu"*
  Nguồn thu nhập trên % số vốn bỏ ra đầu tư. Đây chính là phần lãi hoặc cổ tức nhận được từ một trái phiếu và thường được thanh toán hàng năm như là một tỉ lệ % dựa trên chi phí đầu tư, giá thị trường hiện tại hoặc giá trị thực của trái phiếu.
  DEFINITION of 'Yield'
  The income return on an investment. This refers to the interest or dividends received from a security and is usually expressed annually as a percentage based on the investment's cost, its current market value or its face value.

Yields (Lợi Tức) chính là linh hồn của trái phiếu, cho nên mọi phân tích về trái phiếu đều xuất phát từ phân tích lợi tức của nó. Thường thì trong các bài phân tích Tôi lấy trái phiếu hạn mức trên 7 năm để đưa vào từng nhận định. Xét về tầm quan trọng của Trái phiếu

thì sẽ cần rất nhiều giấy bút lắm, để hiểu một cách đơn giản thì thế này: Trong bất kỳ đợt khủng hoảng nào (lấy ví dụ là đợt khủng hoảng gần đây nhất vào năm 2008), mặc dù năm 2008 khủng hoảng bắt đầu từ sự sụp đổ thị trường nhà đất của Mỹ và sau đó lan rộng ra khắp thế giới, khiến cho thị trường toàn cầu rơi vào chu kỳ suy thoái lớn nhất từ trước đến nay, thị trường chứng khoán toàn cầu sụp đổ (ngay ở đất nước nhỏ bé như Việt Nam mà thị trường chứng khoán còn bốc hơi tận hơn 70%, lạm phát tăng lên gần 30% kia mà). Ấy thế nhưng tại sao tâm điểm của cuộc khủng hoảng là ở Mỹ nhưng trái phiếu của Mỹ lại tăng mạnh nhất, lượng tiền đổ vào trái phiếu mỹ rất lớn. Tại sao vậy? Bởi vì như có nói ở trên Mỹ được xếp hạng mức tín nhiệm rất cao, do vậy dù có là tâm điểm khủng hoảng đi nữa thì người ta vẫn chạy về với trái phiếu Mỹ, vì đó là bức tường thành an toàn nhất (nhìn quanh khắp nơi trên thế giới thì cũng chả có nơi nào an toàn hơn nữa) (Hình 2.5). Trong ví dụ này để thấy được trái phiếu là một bức tường thành trú ẩn mỗi khi có biến động liên quan đến tài chính, kinh tế. Do đó khi chúng ta quan sát trên biểu đồ lợi tức trái phiếu mà nó giảm đột ngột thì đó chính là một dấu hiệu khá rõ nét báo trước rằng sắp tới sẽ có một đợt sụp đổ của thị trường đó. Hay nói theo một cách đơn giản mang đầy chất kiếm hiệp: Trái phiếu là một thứ vũ khí vừa để tấn công, vừa để phòng thủ. Để giải thích rõ hơn vấn đề này chúng ta có thể hiểu đơn giản thế này: Khi thị trường Cảm Nhận (kỳ vọng) về nền kinh tế trong tương lai sẽ tốt hơn, tức là nền kinh tế sẽ tăng trưởng, lúc này người ta sẽ mạnh dạn vay nợ (ý nói là Chính Phủ và Doanh Nghiệp) sẽ phát hành thêm trái phiếu để huy động thêm vốn để phát triển đất nước/doanh nghiệp. Khi mà ai cũng muốn phát hành trái phiếu để cho người ta VAY (phát hành trái phiếu cho người dân mua để huy động vốn) thì sẽ khiến cho hiện tượng dư thừa số lượng trái phiếu được phát hành (dư thừa doanh nghiệp muốn VAY vốn phát triển kinh doanh) thì sẽ gây nên tác động là số người cần VAY thì nhiều mà số người cho VAY thì ít (tức là khó mà kiếm được người sẵn sàng mua trái phiếu). Vậy điều gì sẽ xảy ra: Các Bạn tưởng tượng nhé khi mình muốn vay tiền chẳng hạn, thì trước tiên phải đi KIẾM cái nhà Băng nào mà lãi suất thấp nhất để vay, ai dại gì vay lãi suất cao, tuy nhiên đó là điều mà những người đi vay mong muốn, nhưng nhà Băng thì không thích vậy, họ muốn cho vay với lãi suất cao hơn kia, nhưng mà để giữ chân được Khách hàng thì nhất định phải giảm lãi suất để cạnh tranh chứ. Đúng không?



Hình 2.5: US 10 years Bond Yields dự báo trước sự sụp đổ của thị trường chứng khoán Mỹ giai đoạn đầu của cuộc khủng hoảng năm 2008.

Tiếp theo nhé: Trong ví dụ trên là phản ảnh trái ngược so với cái chúng ta đang tìm hiểu về hiện tượng DƯ THỪA số người đi VAY mà lại thiếu NGƯỜI CHO VAY. Nói gọn lại thì thế này khi mà Chính Phủ/Doanh Nghiệp phát hành quá nhiều trái phiếu ra thị trường, mà ai cũng muốn bán được càng nhanh càng tốt và bán được với giá cao (tức là giá trị trái phiếu họ phát hành ra sẽ cao) nhưng là khổ nỗi là số lượng người muốn mua trái phiếu để kiếm lợi nhuận từ lợi tức thì ít, vì thế nên để cạnh tranh và mong muốn tìm kiếm được thêm nhiều nhà đầu tư chịu mua trái phiếu thì họ Chính Phủ/Doanh Nghiệp sẽ phải nâng mức lợi tức lên, tức là chấp nhận trả cho người mua trái phiếu khoản lợi tức cao hơn, có làm như thế người ta mới chịu mua trái phiếu chứ. Trong trường hợp này. Yields tăng cao phản ánh NIỀM TIN vào nền kinh tế tốt hơn trong tương lai.

Một trường hợp khác lý giải việc gọi trái phiếu là thứ tài sản phòng thủ là vì: Như có định nghĩa ở trên Trái Phiếu là một mỹ danh từ của Nợ, và tờ trái phiếu đó được đảm bảo bởi Chính Phủ/Doanh Nghiệp, nó khác với cổ phiếu ở chỗ Cổ Phiếu là một hình thức đầu tư mà người đầu tư góp vốn làm ăn chung với công ty/doanh nghiệp, còn người mua trái phiếu lại tương tự như một người cho công ty/doanh nghiệp/chính phủ vay mượn số tiền của mình. Bởi vì bản chất là góp vốn làm ăn chung cho nên những người đầu tư cổ phiếu có thể kiếm được những món lợi nhuận cực lớn, hoặc cũng có thể sẽ bị thiệt hại số tiền họ bỏ ra. Như vậy có nghĩa là những người đầu tư Cổ Phiếu sẽ không có một sự đảm bảo chắc chắn nào, còn những người đầu tư vào trái phiếu thì sẽ được chính doanh nghiệp/chính phủ đảm bảo, bởi vì nó là Nợ mà, đã là nợ thì phải trả cả vốn và lãi. Do đó Trái Phiếu còn được xem là một công cụ tránh rủi ro trong nền kinh tế. Mỗi khi có biến động kinh tế, tài chính… thì người ta sẽ tìm đến Trái Phiếu như một bức tường thành trú ẩn vậy, bởi vì lúc đó chỉ có Chính Phủ/Doanh Nghiệp lớn mới có thể đảm bảo chắc chắn số tiền mà người dân đang nắm giữ, thay vì giữ tiền mặt trong người hàm chứa nhiều rủi ro, có thể là lạm phát, mất giá đồng tiền… Ở ví dụ trên về cuộc khủng hoảng năm 2008 chính là minh chứng gần đây nhất và rõ ràng nhất để giải thích cho trường hợp này.

Trên phương diện là một IA Trader thì việc quan sát biến động của Bond Yield để suy đoán market sentiment (Tâm lý hay cảm nhận của thị trường) của nền kinh tế trong tương

lai. Hầu hết trong các trường hợp khi Yield tăng lên thì tức là cảm nhận của market trong tương lai sẽ tốt hơn. Tức là kinh tế sẽ tăng trưởng, và khi nền kinh tế tăng trưởng quá cao thì tất yếu gây nên hiện tượng lạm phát. Hệ quả của lạm phát là do giá cả hàng hóa tăng cao, tức là nói một cách dễ hiểu thì Thị trường Trái phiếu sẽ là thước đo sớm nhất, nhanh nhất để tiên đoán lạm phát trong tương lai của nền kinh tế. Mà tiên đoán được lạm phát thì điều đầu tiên các Central bank nghĩ đến là phân lời, lạm phát tăng quá cao thì phải nâng lãi suất và ngược lại trong trường hợp Bond Yield giảm.

PHÂN LOẠI TRÁI PHIẾU: TRÁI PHIẾU NGẮN HẠN VÀ TRÁI PHIẾU DÀI HẠN

Trong thực tế có khá nhiều cách để phân loại trái phiếu. Nhưng với một Trader thì Trái phiếu được phân loại thành các kỳ hạn. Trong đó Trái phiếu có kỳ hạn dưới 2 năm gọi là Ngắn hạn, Trái phiếu có kỳ hạn từ 3-7 năm là trung hạn và Trái phiếu có kỳ hạn trên 7 năm được gọi là dài hạn. Vì bản chất của trái phiếu là Nợ, do vậy nên khi kỳ hạn càng dài thì rủi ro sẽ càng lớn, rủi ro có thể nhiều hình thức, giả sử như lạm phát trong nền kinh tế quá cao, đồng tiền mất giá hoặc rủi ro vỡ nợ Chính phủ/Doanh nghiệp… Cũng chính vì là rủi ro cao nên lợi tức cũng phải cao hơn, như vậy trong một nền kinh tế ổn định và không có suy thoái thì trái phiếu có kỳ hạn càng lâu thì lợi tức sẽ càng tăng cao. Tôi nhắc đến trong một nền kinh tế ổn định, và nếu như có suy thoái, kinh tế đi xuống thì lúc này lợi tức có còn tuân thủ theo quy luật đó nữa hay không? Để giải thích rõ hơn chúng ta sẽ chuyển sang một khái niệm mới về Đường Cong Lợi Tức (Yield Curve). Thông thường trong phân tích thị trường currency, một vài hàng hóa kim khoáng quặng chính và những chỉ số Indices thì chúng ta sử dụng hình thức phân loại theo kỳ hạn sẽ phản ảnh được một cách nhanh chóng nhất. Ngoài ra thì cũng có những hình thức phân loại khác, nhưng ít được quan tâm hơn:

Phân loại theo người phát hành

1. Trái phiếu của Chính phủ: Đáp ứng nhu cầu chi tiêu của Chính phủ, chính phủ phát hành trái phiếu để huy động tiền nhàn rỗi trong dân và các tổ chức kinh tế, xã hội.

Chính phủ luôn được coi là Nhà phát hành có uy tín nhất trên thị trường; Vì vậy, Trái phiếu Chính phủ được coi là loại chứng khoán có ít rủi ro nhất.

2. Trái phiếu của doanh nghiệp là những trái phiếu do doanh nghiệp nhà nước, công ty cổ phần và công ty trách nhiệm hữu hạn phát hành để tăng vốn hoạt động. Trái phiếu doanh nghiệp có nhiều loại và rất đa dạng.
3. Trái phiếu của ngân hàng và các tổ chức tài chính: các tổ chức này có thể phát hành trái phiếu để tăng thêm vốn hoạt động.

Phân loại lợi tức trái phiếu

1. Trái phiếu có lãi suất cố định là loại trái phiếu mà lợi tức được xác định theo một tỷ lệ phần trăm (%) cố định tính theo mệnh giá.
2. Trái phiếu có lãi suất biến đổi (lãi suất thả nổi) là loại trái phiếu mà lợi tức được trả trong các kỳ có sự khác nhau và được tính theo một lãi suất có sự biến đổi theo một lãi suất tham chiếu.
3. Trái phiếu có lãi suất bằng không là loại trái phiếu mà người mua không nhận được lãi, nhưng được mua với giá thấp hơn mệnh giá (mua chiết khấu) và được hoàn trả bằng mệnh giá khi trái phiếu đó đáo hạn.

Phân loại theo mức độ đảm bảo thanh toán của người phát hành

1. Trái phiếu bảo đảm là loại trái phiếu mà người phát hành dùng một tài sản có giá trị làm vật đảm bảo cho việc phát hành. Khi nhà phát hành mất khả năng thanh toán, thì trái chủ có quyền thu và bán tài sản đó để thu hồi lại số tiền người phát hành còn nợ. Trái phiếu bảo đảm thường bao gồm một số loại chủ yếu sau:
   - Trái phiếu có tài sản cầm cố là loại trái phiếu bảo đảm bằng việc người phát hành cầm cố một bất động sản để bảo đảm thanh toán cho trái chủ. Thường giá trị tài sản cầm cố lớn hơn tổng mệnh giá của các trái phiếu phát hành để đảm bảo quyền lợi cho trái chủ.

- Trái phiếu bảo đảm bằng chứng khoán ký quỹ là loại trái phiếu được bảo đảm bằng việc người phát hành thường là đem ký quỹ số chứng khoán dễ chuyển nhượng mà mình sở hữu để làm tài sản bảo đảm.

2. Trái phiếu không bảo đảm là loại trái phiếu phát hành không có tài sản làm vật bảo đảm mà chỉ bảo đảm bằng uy tín của người phát hành.

Phân loại dựa vào hình thức trái phiếu

1. Trái phiếu vô danh là loại trái phiếu không ghi tên của người mua và trong sổ sách của người phát hành. Trái chủ là người được hưởng quyền lợi.
2. Trái phiếu ghi danh là loại trái phiếu có ghi tên của người mua và trong sổ sách của người phát hành.

Phân loại dựa vào tính chất trái phiếu

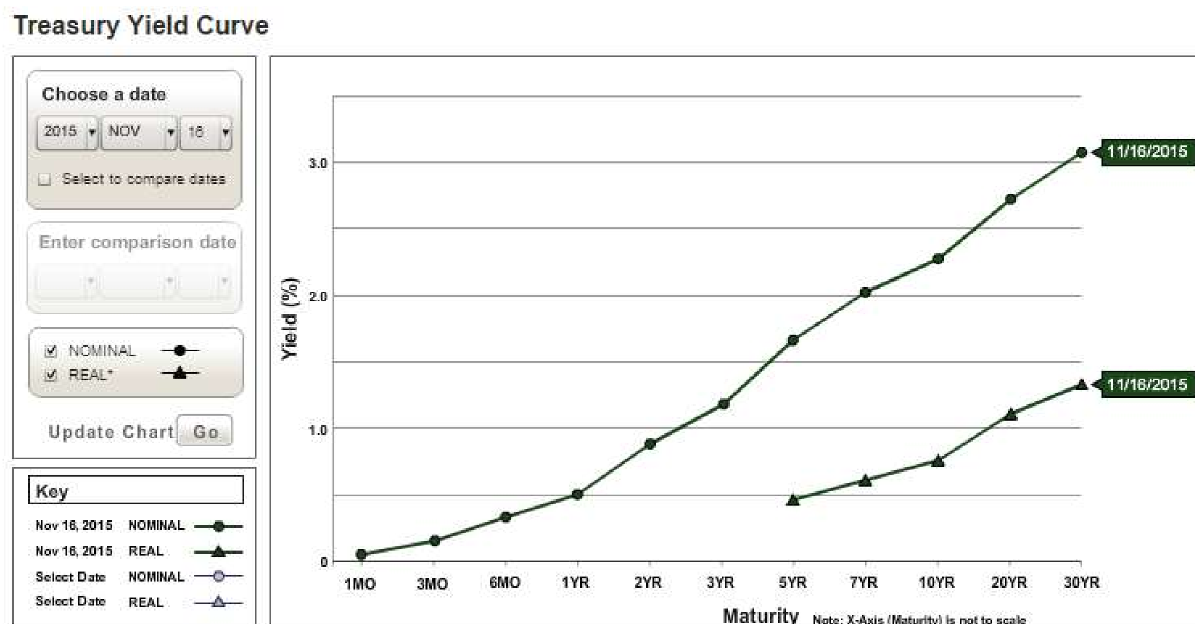
1. Trái phiếu có thể chuyển đổi là loại trái phiếu của công ty cổ phần mà trái chủ được quyền chuyển sang cổ phiếu của công ty đó. Việc này được quy định cụ thể về thời gian và tỷ lệ khi mua trái phiếu.
2. Trái phiếu có quyền mua cổ phiếu là loại trái phiếu có kèm theo phiếu cho phép trái chủ được quyền mua một số lượng nhất định cổ phiếu của công ty.
3. Trái phiếu có thể mua lại là loại trái phiếu cho phép nhà phát hành được quyền mua lại một phần hay toàn bộ trước khi trái phiếu đến hạn thanh toán

ĐƯỜNG CONG LỢI TỨC (YIELD CURVE) LÀ GÌ? TẦM QUAN TRỌNG CỦA ĐƯỜNG CONG LỢI TỨC

Việc mua bán trái phiếu cũng giống như vay mượn của ngân hàng vậy, và bất cứ dịch vụ gì cũng đều phải trả một khoản tiền lãi suất, thì trong thị trường trái phiếu cũng vậy, khi Chính Phủ/Doanh Nghiệp muốn huy động vốn thì sẽ phát hành trái phiếu và đương nhiên là họ mang tiền đến cho những vị đó thì tất nhiên các vị ấy phải trả lãi cho họ rồi, đó chính là lợi tức của trái phiếu. Tuy nhiên lợi tức cũng như kỳ hạn vay vốn hay gửi tiết kiệm với

ngân hàng vậy, không phải kỳ hạn nào cũng giống kỳ hạn nào, và nếu như chúng ta nối những hạn mức lợi tức trái phiếu đó lại thì sẽ được một đường cong gọi là đường cong lợi tức.

- *Theo Investopedia định nghĩa: "Đường Cong Lợi Tức"*
  Một đường cong thể hiện mức lãi suất, tại cùng một thời điểm nhất định. Trái phiếu có chất lượng tín nhiệm ngang nhau (thường thì cùng một quốc gia/doanh nghiệp phát hành), nhưng khác nhau ngày đáo hạn. Các đường cong lãi suất kỳ hạn khác nhau như là: 3 tháng, 1 năm, 2 năm, 5 năm, 7 năm, 10 năm, 20 năm, 30 năm... lấy ví dụ từ trái phiếu kho bạc Mỹ. Đường cong lãi suất này được sử dụng như một mức chuẩn cho các khoản nợ khác trên thị trường, chẳng hạn như lãi suất thế chấp hoặc lãi suất cho vay của ngân hàng. Đường cong cũng được sử dụng để dự đoán những thay đổi trong sản lượng kinh tế và tăng trưởng trong nền kinh tế.
  DEFINITION of 'Yield Curve'
  A line that plots the interest rates, at a set point in time, of bonds having equal credit quality, but differing maturity dates. The most frequently reported yield curve compares the three-month, two-year, five-year and 30-year U.S. Treasury debt. This yield curve is used as a benchmark for other debt in the market, such as mortgage rates or bank lending rates. The curve is also used to predict changes in economic output and growth.



Hình 2.6: Đường cong lợi tức Trái Phiếu Chính Phủ Mỹ tại thời điểm ngày 16/11/2015 (nguồn: http://www.treasury.gov/)

CÁC DẠNG HÌNH THÁI ĐẶC TRƯNG CỦA ĐƯỜNG CONG LỢI TỨC

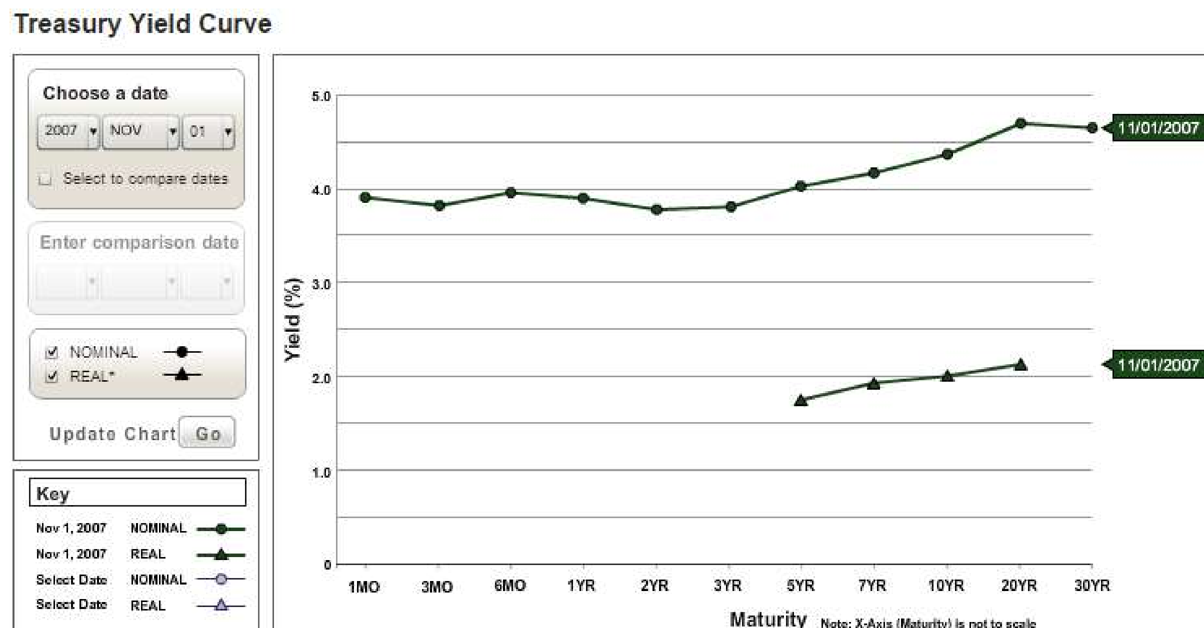
Cũng tương tự như các hàng hóa, thị trường khác thì Trái Phiếu cũng có rất nhiều hình thái khác nhau, rất nhiều trường hợp khác nhau để phản ảnh thị trường hiện tại và tương lai. Để có thể hiểu sâu hơn về các dạng hình thái này và tại sao đường cong lợi tức lại là kim chỉ nam để tiên đoán tương lai của nền kinh tế thì chúng ta phải hiểu rõ bản chất của từng dạng đường cong lợi tức đã.

Đường cong lợi tức bình thường (dạng chuẩn): Từ sau giai đoạn đại suy thoái thì đường cong lợi tức đã trở lại dạng bình thường, có nghĩa là lợi tức tăng khi kỳ hạn đáo hạn càng dài (tức là độ dốc đường con lợi tức là dương tính). Độ dốc dương phản ánh kỳ vọng nền kinh tế được đầu tư để phát triển trong tương lai, và quan trọng cho sự tăng trưởng này là liên kết với một kỳ vọng lớn hơn là lạm phát trong tương lai vì thế cũng sẽ tăng. Kỳ vọng lạm phát tăng dẫn đến kỳ vọng rằng các ngân hàng trung ương sẽ thắt chặt chính sách tiền tệ bằng cách nâng lãi suất ngắn hạn trong tương lai để làm chậm tốc độ tăng trưởng kinh tế và kiềm chế áp lực lạm phát. Nó cũng tạo ra một nhu cầu cho một chi phí bảo hiểm rủi

ro liên quan với sự không chắc chắn về tương lai tỉ lệ lạm phát và nguy cơ này đặt ra cho các giá trị tương lai của dòng tiền. Các nhà đầu tư giá trị nhận thấy rủi ro này bằng cách nhìn đòi hỏi mức lợi tức cao hơn cho các trái phiếu ngắn hạn và trung hạn trong tương lai. Tuy nhiên một đường cong lợi tức dốc tích cực không phải luôn luôn là tiêu chuẩn. Qua giai đoạn cuối thế kỷ 19 đầu 20 nền kinh tế Mỹ có xu hướng tăng trưởng nhưng lại phải đối mặt giảm phát. Trong thời gian này các đường cong lợi tức thường đảo ngược, tức là lợi tức trái phiếu kỳ hạn càng ngắn thì lợi tức càng cao, phản ánh thực tế là giảm phát khiến dòng tiền hiện tại ít có giá trị hơn so với các dòng tiền trong tương lai. Như vậy rút ra được rằng trong một giai đoạn giảm phát thì đường cong lợi tức có xu hướng đảo ngược.

Đường cong lợi tức dốc: Trong lịch sử, trái phiếu kho bạc kỳ hạn 20 năm đạt mức trung bình khoảng 2% chênh lệch so với kỳ hạn 3 tháng. Trong các tình huống khi khoảng cách này tăng lên (ví dụ như lợi tức trái phiếu 20 năm tăng cao hơn so với lợi tức kỳ hạn 3 tháng), điều này có nghĩa là nền kinh tế trong tương lai sẽ được cải thiện nhanh chóng. Đây là loại đường cong có thể được nhìn thấy ở giai đoạn đầu của chu kỳ tăng trưởng nền kinh tế (hoặc sau khi kết thúc một cuộc suy thoái). Ở đây, kinh tế trì trệ sẽ có lãi suất ngắn hạn thấp, tuy nhiên giá bắt đầu tăng lên khi nhu cầu huy động vốn được tái thiết lập bởi các hoạt động phát triển kinh tế. Vào tháng 1 năm 2010, khoảng cách giữa lợi tức trái phiếu 2 năm và 10 năm mở rộng đến 2,92%, cao nhất từ trước đến nay. Trong trường hợp này đường cong lợi tức quá dốc.

Đường cong lợi tức dạng phẳng hoặc hơi dốc: Một đường cong lợi tức phẳng được quan sát thấy khi tất cả các kỳ hạn đều gần như có mức lợi tức tương tự nhau, trong trường hợp này thì đường cong lợi tức đang gửi một tín hiệu bất ổn trong nền kinh tế. Tín hiệu hỗn hợp này có thể trở lại dạng đường cong lợi tức bình thường hoặc sau này có thể cho kết quả thành một đường cong ngược. Để hiểu thêm về tín hiệu báo trước sự sụp đổ của nền kinh tế dựa vào đường cong lợi tức dạng phẳng chúng ta có thể quan sát thời điểm cuộc khủng hoảng năm 2008 diễn ra, trước khi cuộc khủng hoảng chính thức bắt đầu thì đường cong lợi tức đã có những thay đổi lớn và dạng phẳng xuất hiện như là một dự báo trước vậy.



Hình 2.7: Đường cong lợi tức chuyển sang dạng phẳng là dấu hiệu báo trước cho sự sụp đổ trên thị trường vào giai đoạn cuối năm 2007 đầu năm 2008. (nguồn: http://www.treasury.gov/)

Đường cong lợi tức đảo ngược: Một đường cong lợi tức ngược xảy ra khi lợi tức trái phiếu dài hạn thấp hơn lợi tức trái phiếu ngắn hạn. Trong những trường hợp bất thường, các nhà đầu tư dài hạn sẽ bắt đầu có những lo ngại rằng nền kinh tế sẽ tăng trưởng chậm lại hoặc thậm chí là suy thoái trong tương lai. Quả thực là trong suốt quãng thời gian từ 1970 đến nay đã 7 lần đường cong lợi tức đảo ngược và cả 7 lần đó nền kinh tế đến đi xuống sau đó và rơi vào suy thoái. Do vậy các ngân hàng trung ương sẽ quan sát đường cong lợi tức rất kỹ để tiên đoán những giai đoạn trong nền kinh tế, khả năng dự báo trước nền kinh tế khi nhìn vào một đường cong lợi tức đảo ngược là rất cao. Ngoài khả năng dự báo sự suy giảm kinh tế, các đường cong lợi tức ngược cũng hàm ý rằng thị trường tin rằng lạm phát vẫn ở mức thấp và sẽ có thể dẫn đến giảm phát trong tương lai. Điều này là vì ngay cả khi có một cuộc suy thoái, lợi tức trái phiếu thấp vẫn sẽ được khỏa lấp bởi lạm phát thấp, tuy nhiên nếu có một thay đổi nào đó hoặc tính huống ngoài dự đoán với kinh tế toàn cầu, có thể gây ra sự gia tăng nhu cầu đối với trái phiếu dài hạn khiến lợi tức trái phiếu dài hạn giảm.

TẦM QUAN TRỌNG CỦA ĐƯỜNG CONG LỢI TỨC

Thông qua những định nghĩa và lần lượt đi qua các dạng của đường cong lợi tức phần nào cũng đã nêu lên được bức tranh toàn cảnh thị trường trái phiếu, mặc dù có nhiều hình thái trái phiếu như là trái phiếu doanh nghiệp, trái phiếu chính phủ. Nhưng trong khuôn khổ của một currency trader thì chúng ta quan tâm nhiều hơn đến trái phiếu chính phủ, và đặc biệt hơn cả là trái phiếu của một vài nền kinh tế lớn nhất trên thế giới trong đó đặc biệt chú ý đến trái phiếu Mỹ. Vì như đã giải thích trên: dù thế nào đi nữa thì trái phiếu Mỹ vẫn là bức tường thành trú ẩn an toàn nhất mỗi khi có biến động khủng hoảng, do đó chỉ một vài thay đổi trên đường cong lợi tức của Mỹ thôi cũng sẽ là những dấu hiệu dự báo trước cho nền kinh tế toàn cầu. Trong những phân tích thực tế mà Tôi áp dụng và trong khuôn khổ cuốn sách này Tôi thường sử dụng một vài Bond yield kỳ hạn trên 7 năm và thường thì theo dõi những biểu đồ live price đó ở trang web www.investing.com (trong phần phụ lục Tôi sẽ cố gắng lý giải thật chi tiết về phương pháp theo dõi tin tức và biểu đồ).

Thêm một lưu ý nữa là sẽ có nhiều bạn lầm tưởng rằng quan sát giá trái phiếu, lợi tức trái phiếu chỉ thích hợp với những người giao dịch dài hạn, điều này không sai và đúng là với những ai giao dịch dài hạn thì sẽ rất quan tâm đến trái phiếu nhưng điều đó không có nghĩa là những người giao dịch day trader và swing trade như Tôi chẳng hạn lại bỏ qua, việc quan sát thị trường trái phiếu trước khi quyết định giao dịch với hàng hóa, các cặp tiền và một vài chỉ số indices là rất quan trọng, theo dõi streaming chart lợi tức trái phiếu trên 7 năm là cực kỳ cần thiết đó.

II. THỊ TRƯỜNG HÀNG HÓA (COMMODITY MARKET)

TỔNG QUAN, ĐỊNH NGHĨA VỀ THỊ TRƯỜNG HÀNG HÓA

Trong tất cả các thị trường thì theo quan điểm cá nhân Tôi thị trường hàng hóa là thị trường quan trọng bậc nhất, những giao dịch, biến động của tất cả các thị trường khác có thể không có, nhưng hàng hóa thì không thể nào không có được. Tiền có thể không cần, nhưng thực phẩm, hàng hóa, dầu mỏ… nếu thiếu thì con người sẽ sống thế nào? Cũng chính vì tầm quan trọng của hàng hóa mà trong những phân tích liên thị trường chắc chắn không được bỏ qua những vận động của thị trường hàng hóa. Đó là xét về yếu tố cần thiết của hàng hóa trong đời sống con người, nhưng xét riêng về thị trường giao dịch hàng hóa thì không chỉ đơn thuần là thị trường sản xuất hàng hóa nữa mà đây được hiểu rộng ra là thị trường giao dịch hàng hóa thuần túy. Điều này có nghĩa đây thật sự là các giao dịch tài chính dựa trên việc mua bán các sản phẩm hàng hóa mà thôi. Các giao dịch có thể được thực hiện thông qua giá giao ngay (spot trading), giá hợp đồng tương lai (futures contracts) hoặc các hợp đồng quyền chọn (options) hàng hóa…

- *Theo investopedia định nghĩa: "Thị trường hàng hóa"*
  Một thị trường vật lý hay ảo để mua bán, kinh doanh các sản phẩm thô hoặc sơ cấp. Đối với mục đích của nhà đầu tư hiện nay có khoảng 50 thị trường hàng hóa lớn trên toàn thế giới tạo điều kiện cho đầu tư thương mại gần 100 mặt hàng thiết yếu.
  Hàng hóa được chia thành hai loại: Hàng hóa cứng và mềm. Hàng hóa cứng là nguồn tài nguyên thiên nhiên mà thường được khai thác hoặc chiết xuất (vàng, cao su, dầu, kim khoáng quặng...). Trong đó hàng hóa mềm là các sản phẩm nông nghiệp hoặc chăn nuôi (như là ngô, lúa mì, café, đường, đậu nành, thịt gia súc…).
  DEFINITION of 'Commodity Market'
  A physical or virtual marketplace for buying, selling and trading raw or primary products. For investors' purposes there are currently about 50 major

commodity markets worldwide that facilitate investment trade in nearly 100 primary commodities.

Commodities are split into two types: hard and soft commodities. Hard commodities are typically natural resources that must be mined or extracted (gold, rubber, oil, etc.), whereas soft commodities are agricultural products or livestock (corn, wheat, coffee, sugar, soybeans, pork, etc.)

Tôi giám chắc là 100% những Trader giao dịch thị trường tài chính đều đã biết đến và có thể là đã giao dịch với Gold Spot, đặc biệt là các Trader Việt chúng ta (người Việt chúng ta ham làm giàu từ vàng lắm nha). Mà thực sự giao dịch Gold spot là một trong những thị trường mang lại nguồn lợi nhuận cực lớn và rất nhanh (mỗi ngày thị trường vàng có thể giao động hàng trăm giá), do vậy mà rủi ro đi kèm khi giao dịch Gold spot cũng rất lớn. Thực tế thì không ít các Trader đã khuynh gia bại sản cũng chỉ vì lao vào những giao dịch với thị trường vàng nhưng lại không hề có những trang bị thật tốt về tính chất và mức độ tác động của những thông tin thị trường đến vàng.

LỊCH SỬ HÌNH THÀNH

Thị trường hàng hóa và hàng hóa dựa trên tiền, trong lịch sử sơ khai có nguồn gốc từ giữa 4500-4000 TCN. Con người lần đầu tiên sử dụng đất sét niêm phong trong một bình đất sét, sau đó đất sét sẽ được xem như văn bản đại diện cho tiền, và sau đó nó được dùng đại diện cho số lượng dê sẽ được chuyển giao. Những lời hứa về thời gian giao hàng đúng như trong hợp đồng tương lai. Các nền văn minh sau này sử dụng những vật dụng như là đầu lợn, vỏ sò hiếm hoặc các mặt hàng khác như tiền hàng hóa. Kể từ thời điểm đó các thương nhân đã tìm cách để đơn giản hóa và chuẩn hóa hợp đồng tương lai.

Vàng và bạc đã xuất hiện trong nền văn minh cổ đại và đã được sử dụng cho giao dịch và trao đổi hàng hóa và các mặt hàng khác, hoặc cho các khoản thanh toán của lao động. Sau này vàng được sử dụng làm tiền.

Từ cuối thể kỷ 10, thị trường hàng hóa lớn như là một cơ chế phân bổ hàng hóa, lao động, đất đai và vốn trên khắp châu Âu. Từ cuối tháng 11 và cuối thể kỷ 13, đô thị hóa của

nước Anh đã mở rộng và cải thiện cơ sở hạ tầng, tăng cường sử dụng hệ thống tiền tệ và bằng chứng là sự gia tăng của thị trường trao đổi hàng hóa, hội chợ xuất hiện nhiều hơn. Cũng từ đó các giao dịch chứng khoán Amsterdam, được xem như là tiền thân, nguồn gốc đầu tiên của chứng khoán. Đầu phiên giao dịch Amsterdam thường liên quan đến việc sử dụng các hợp đồng rất phức tạp, bao gồm doanh số bán hàng ngắn hạn, hợp đồng tương lai, quyền chọn.

Năm 1864 tại Hòa Kỳ, lúa mì, ngô, bò, lợn được giao dịch rộng rãi sử dụng các công cụ chuẩn trên Chicago Board of Trade (CBOT), hợp đồng tương lai và quyền chọn lâu đời nhất trên thế giới. Các mặt hàng thực phẩm khác đã được bổ sung vào luật giao dịch hàng hóa và giao dịch CBOT trong những năm 1930 và 1940, sau này danh sách được mở rộng thêm các loại ngũ cốc bao gồm gạo, bơ, trứng, khoai tây… Cũng từ đây mà hàng hóa bắt đầu được giao dịch phổ biến và chất lượng hàng hóa ngày càng tăng cao. Qua thế kỷ 19 giao thương đã trở nên phổ biến, hiệu quả và sáng tạo hơn, những tiến bộ trong giao thông vận tải, kho bãi và các nguồn tài chính đã mở đường cho những hoạt động thương mại quốc tế về sau này.

CÁC HÌNH THÁI GIAO DỊCH HÀNG HÓA PHỔ BIẾN

Chỉ số giá hàng hóa: Năm 1934, Cục thống kê Lao động Mỹ đã bắt đầu tính toán chỉ số giá hàng hóa trong một ngày, sau này những thống kê đó được tổng hợp và công bố năm 1940. Đến năm 1952, Cục Thống kê Lao động ban hành một chỉ số giá thị trường mà đo biến động giá của 22 hàng hóa nhạy cảm cơ bản nhất của thị trường, những hàng hóa được coi là có tầm ảnh hưởng lớn và chịu tác động bởi những thay đổi trong điều kiện kinh tế. Như vậy chỉ số giá hàng hóa bước đầu đánh dấu sự thay đổi trong những hoạt động kinh doanh trong tương lai sau này.

Quyền chọn: Trong một hợp đồng quyền chọn việc các đối tác lựa chọn một hợp đồng tài chính mà người mua quyền chọn không có nghĩa vụ phải đồng ý mua một số lượng hàng hóa cụ thể hoặc công cụ tài chính cơ bản từ người bán quyền chọn tại một thời điểm nhất định (ngày hết hạn) với một mức giá nhất định. Người bán có nghĩa vụ phải bán hàng hóa

hay công cụ tài chính để người mua có quyền quyết định. Người mua trả một khoản phí (gọi là phí bảo hiểm) cho quyền chọn này.

Kinh doanh hàng hóa điện tử: Trong truyền thống trao đổi hàng hóa trên thị trường chứng khoán như các giao dịch chứng khoán ở sàn giao dịch chứng khoán New York (NYSE), hoạt động giao dịch diễn ra nhưng gặp phải những rắc rối trong việc đối mặt giữa các nhà môi giới và dealers. Năm 1992 the Financial Information eXchange (FIX) được giới thiệu, cho phép trao đổi thời gian thực tế của thông tin liên quan đến các giao dịch trên thị trường. Các Ủy ban chứng khoán và Ngoại hối Mỹ đã ra lệnh để thay đổi thị trường chứng khoán từ hệ thống phân đoạn sang một hệ thống thập phân từ tháng 4 năm 2001. Đến năm 2011, hệ thống thương mại thay thế (ATS) của giao dịch điện tử đã thay đổi phương thức mua bán mà không cần trung gian hay dealers của con người.

Hợp đồng trong thị trường hàng hóa: Một hợp đồng giao ngay là một thỏa thuận mà giao hàng và thanh toán có thể diễn ra ngay lập tức hoặc có một thời gian trễ ngắn hạn. Thị trường phái sinh đòi hỏi sự tồn tại của các tiêu chuẩn thống nhất để giao dịch có thể được thực hiện mà không cần kiểm tra trực quan.

Hợp đồng kỳ hạn: Một hợp đồng kỳ hạn là một thỏa thuận giữa hai bên để trao đổi vào một ngày cố định trong tương lai một số lượng hàng nhất định của một loại hàng hóa với một mức giá xác định khi hợp đồng được hoàn tất. Giá cố định được gọi là giá kỳ hạn. Hợp đồng kỳ hạn đã bắt đầu như một cách để giảm nguy cơ giá cả trong thị trường thực phẩm và nông nghiệp, vì nông dân sẽ chắc chắn biết những gì họ sẽ nhận được từ mức giá cho sản lượng họ thu hoạch. Các hợp đồng kỳ hạn đã được sử dụng cho lúa ở Nhật Bản thế kỷ XVII.

Hợp đồng tương lai: Hợp đồng tương lai là hợp đồng kỳ hạn tiêu chuẩn hóa được giao dịch thông qua trao đổi. Trong tương lai hợp đồng cho người mua và người bán quyết định sản phẩm, loại, số lượng, vị trí và giá cả là một biến số duy nhất. Hợp đồng tương lai nông nghiệp là lâu đời nhất. Hợp đồng tương lai hiện đại bắt đầu ở Chicago trong những năm 1840, với sự xuất hiện của các tuyến đường sắt. Chicago nằm ở trung tâm, nổi lên như một

trung tâm giữa người nông dân miền Tây và bờ biển phía Đông trung tâm dân cư của người tiêu dùng.

Giao dịch trao đổi hàng hóa (ETCs): Vàng là hàng hóa giao dịch được sử dụng cho các quỹ giao dịch hàng hóa. Theo dõi hiệu suất của một chỉ số hàng hóa cơ bản bao gồm các chỉ số có tổng lợi nhuận dựa vào một mặt hàng duy nhất. Chúng tương tự như ETFs và các giao dịch được giải quyết một cách chính xác như các quỹ chứng khoán. ETCs có thị trường xuất khẩu hỗ trợ với thanh khoản được đảm bảo, tạo điều kiện cho các nhà đầu tư dễ dàng đầu tư vào hàng hóa. Vàng là hàng hóa đầu tiên được chứng khoán hóa thông qua một quỹ trao đổi giao dịch (ETF) vào đầu những năm 1990. Ý tưởng về một ETF vàng đầu tiên được chính thức ra đời bởi các công ty quản lý tài sản Benchmark Private Ltd tại Ấn Độ. Các quỹ vàng ETF đầu tiên là Gold Bullion Securities. Tính đến tháng 11/2010 một ETF hàng hóa, cụ thể là SPDR Gold Shares, là ETF lớn thứ 2 về vốn thị trường trên thế giới hiện nay. Nói chung quỹ ETF hàng hóa là các quỹ chỉ số không được bảo đảm. Bởi vì các quỹ này không đầu tư vào chứng khoán, quỹ ETF hàng hóa không được quy định như các công ty đầu tư theo luật Đầu tư công ty năm 1940 tại Hoa Kỳ, mặc dù phát hành ra công chúng của các quỹ này là đối tượng SEC và phải chịu điều chỉnh của Ủy ban giao dịch hàng hóa tương lai. Các ETFs đầu tiên, chẳng hạn như: SPDR Gold Shares NYSE Arca : GLD and iShares Silver Trust NYSE Arca : SLV , actually owned the physical commodity (eg, gold and silver bars). Tương tự như NYSE Arca : PALL (palladium) and NYSE Arca : PPLT (platinum). Tuy nhiên hầu hết ETCs thực hiện một chiến lược kinh doanh tương lai và có thể tạo ra kết quả khác hoàn toàn với việc sở hữu hàng hóa.

CHỈ SỐ CRB Index (Commodity Research Bureau Index) LÀ GÌ? TẦM QUAN TRỌNG CỦA CHỈ SỐ CRB Index TRONG PHÂN TÍCH CƠ BẢN LIÊN THỊ TRƯỜNG

Chỉ số CRB Index được ví như thước đo đại diện cho thị trường hàng hóa. Cũng tương tự như các chỉ số chứng khoán, tựu chung lại tất cả các mã giao dịch trên thị trường chứng

khoán vậy, ở đây chỉ số CRB Index được tổng hợp từ những mặt hàng thiết yếu nhất trong nền kinh tế.

The Thomson Reuters/Core Commodity CRB Index (TR/CC CRB) là một chỉ số giá cả hàng hóa tương lai. Chỉ số này lần đầu tiên được tính toán bởi Cục nghiên cứu hàng hóa, Inc vào năm 1957 và xuất hiện chính thức vào năm 1958 CRB Commodity Year Book.

Chỉ số này ban đầu gồm 28 mặt hàng, 26 trong số đó đã được giao dịch trên sàn giao dịch tại Mỹ và Canada, và hai thị trường tiền mặt. Nó bao gồm lúa mạch và hạt lanh từ trao đổi Winnipeg; Ca cao, cà phê "B", đồng, bông, dầu hạt bông, mỡ lông cừu, da sống, chì , khoai tây, cao su, sugar #4, sugar #6, ngọn len và kẽm từ sàn giao dịch New York; Ngô, trứng, yến mạch, hành tây, lúa mạch đen, đậu tương, khô dầu đậu nành, dầu đậu tương và lúa mì từ sàn giao dịch Chicago. Ngoài 26 món hàng trên chỉ số còn bao gồm bông New Orleans và thị trường lúa mì Minneapolis mà đã được thêm vào để cân bằng một số mặt hàng được lặp đi lặp lại trong các chỉ số như các sản phẩm hàng hóa khác.

The Thomson Reuters/Core Commodity CRB Index (TR/CC CRB) được tính toán ban đầu để cung cấp một cái nhìn tương đối rộng trong giá cả hàng hóa nói chung. Để đảm bảo rằng nó vẫn tiếp tục thực hiện vai trò đó, các thành phần và công thức của nó đã được điều chỉnh định kỳ để phản ánh những thay đổi trong cơ cấu và hoạt động thị trường. Từ năm 1957 đã có 10 điều chỉnh đối với các thành phần Index, lần đầu tiên là vào năm 1961 và mới đây nhất là 2005. Trong tính toán ban đầu, tất cả các giao dịch tương lai lên đến một năm trước được tính trung bình để tính toán mức giá hiện tại. Năm 1987 các tính toán đã được thay đổi để chỉ bao gồm hàng hóa của 9 tháng trong tương lai. Trong năm 1989 những tháng không có chu kỳ đã được loại khỏi việc tính toán. Cũng đã có một sự điều chỉnh liên tục của các thành phần cá nhân được sử dụng trong việc tính toán các chỉ số kể từ bản gốc 28 mặt hàng chính đã được lựa chọn trong năm 1957. Tất cả những thay đổi này là một phần trong nỗ lực liên tục của Thomson Reuters để đảm bảo rằng giá trị của nó cung cấp đại diện chính xác cho hàng hóa và xu hướng giá. Hiện nay nó được tạo thành từ 19 mặt hàng như trích dẫn trên NYMEX, CBOT, LME, CME và MOMEX. Cũng được xếp thành 4 nhóm, mỗi nhóm có trọng số khác nhau. Những nhóm này là:

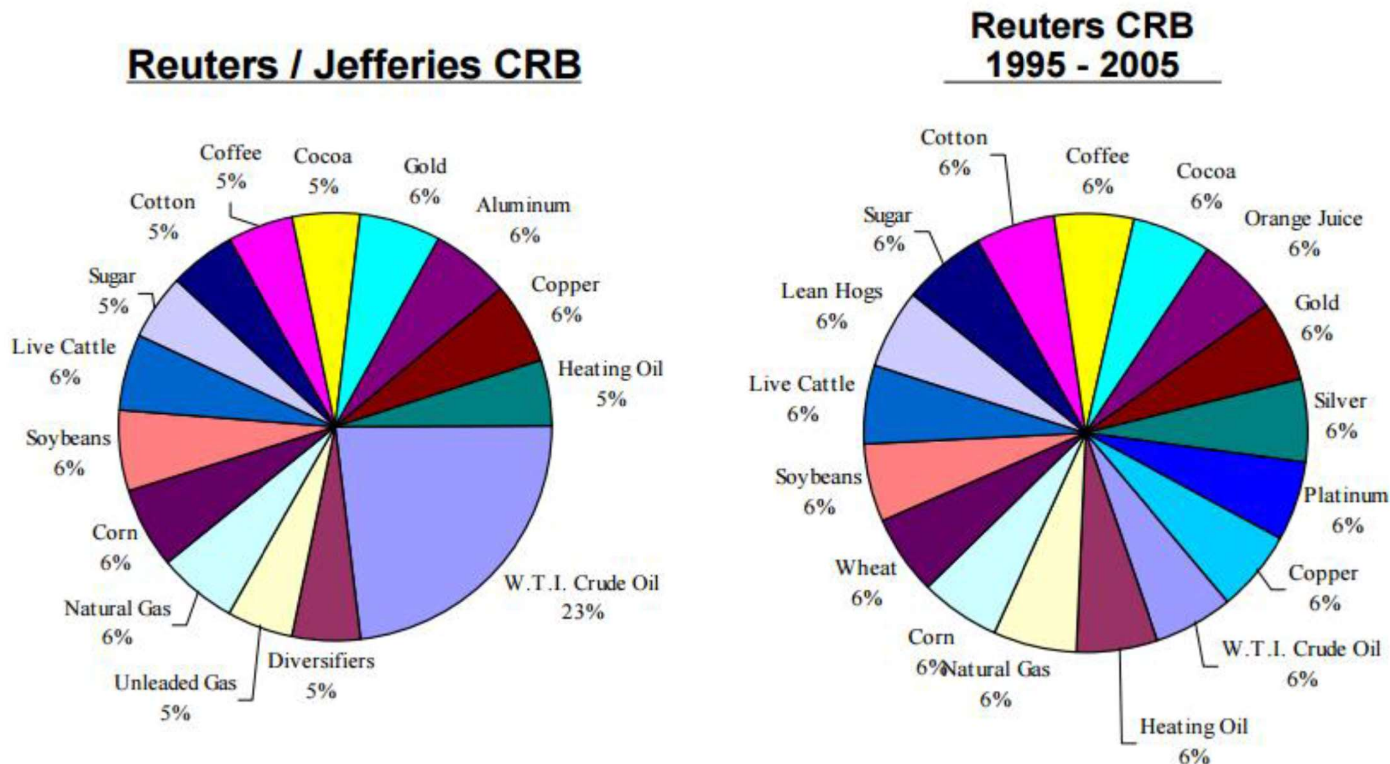
- Các sản phẩm dựa trên dầu mỏ (dựa trên tầm quan trọng của họ đối với thương mại toàn cầu, luôn tạo nên 33% của các trọng số)
- Tài sản lỏng
- Tài sản có tính thanh khoản
- Hàng hóa đa dạng.

Chỉ số bao gồm 19 mặt hàng: Nhôm, Ca cao, Cà phê, Đồng, Ngô, Bông, Dầu thô, Vàng, Dầu sưởi, Lean Hogs, Gia súc sống, Khí tự nhiên, Nickel, Orange Juice, Bạc, Đậu nành, Đường, Gas không chứa chì và lúa mì. Về sau này chỉ số này được đổi tên thành Thomson Reuters/Core Commodity CRB Index, or TR/CC CRB.

➢ *Theo Investopedia định nghĩa "Commodity Research Bureau Index"*
Một chỉ số đo lường sự biến động chung của các ngành hàng hóa. CRB được thết kế để tổng hợp và cho thấy hướng của sự chuyển động của giá cả hàng hóa trong tổng thể các ngành nghề.
DEFINITION of 'Commodity Research Bureau Index - CRB'
An index that measures the overall direction of commodity sectors. The CRB was designed to isolate and reveal the directional movement of prices in overall commodity trades.

Theo thống kê những mặt hàng quan trọng ở phía trên, có không ít các mặt hàng chiếm tỉ lệ rất lớn trong xuất khẩu của một quốc gia, ví dụ như vàng chiếm hơn 8% tổng kim ngạch xuất khẩu của Australia… và còn rất nhiều nữa, đặc biệt là dầu mỏ, nguồn năng lượng không thể thiếu với cuộc sống hàng ngày, sản xuất và phát triển kinh tế toàn thế giới.

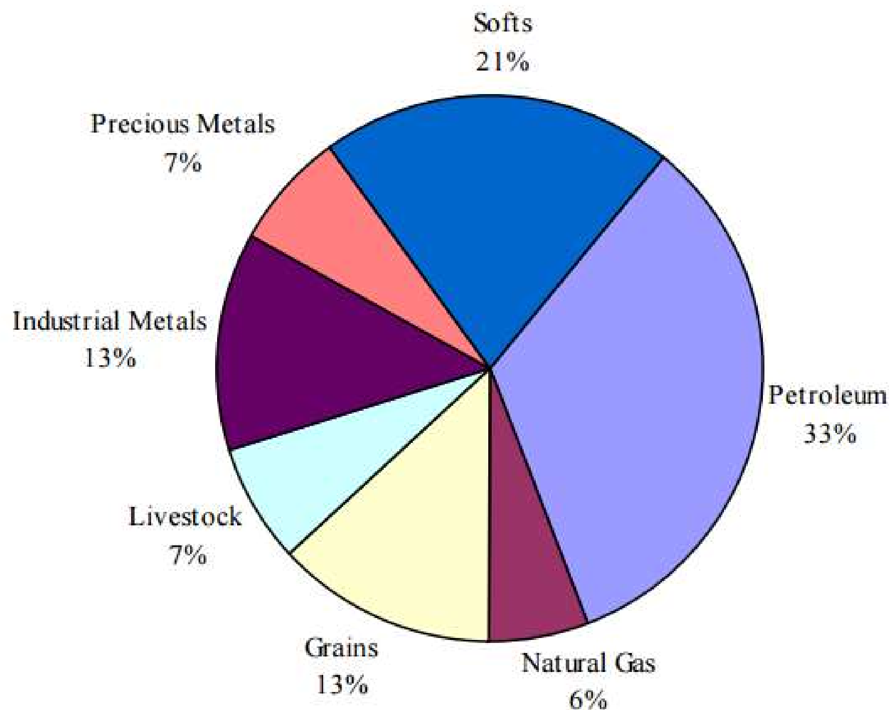
Như vậy với một tầm quan trọng rất lớn của thị trường hàng hóa và nhất là tầm quan trọng của chỉ số CRB Index mà trong những chương tiếp theo để đi sâu vào phân tích và đánh giá mức độ tác động của thị trường hàng hóa tới các quy luật và biến động trên toàn bộ thị trường tài chính chúng ta sẽ phải sử dụng chỉ số này rất nhiều và chắc chắn không thể thiếu trong những phân tích liên thị trường.

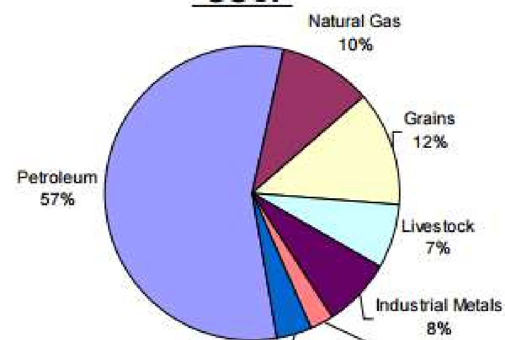


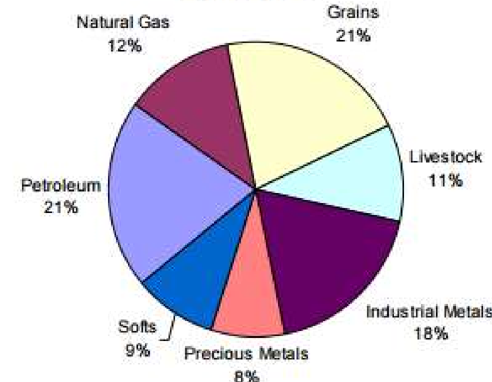
Hình 2.8: Thống kê chi tiết thành phần tỉ lệ các mặt hàng cấu thành nên chỉ số CRB Index.

CRB
REUTERS | JEFFERIES

Weighting Factors: Sector Comparison







Hình 2.9: Thống kê chi tiết các nhóm ngành hàng và thành phần tỉ lệ cấu thành chỉ số CRB Index.

Chính vì lý do những ngành hàng trên cực kỳ nhạy cảm với sự thay đổi kinh tế. Và hàng hóa lại là những thứ phản ứng nhanh nhất với lạm phát cho nên một khi nền kinh tế có sự thay đổi vì lý do lạm phát thì hàng hóa sẽ là thước đo sớm nhất và thực tế nhất để chúng ta tiên đoán được rằng chu kỳ nên kinh tế trong tương lai cũng như qua đó mà biết để chọn món hàng nào sẽ giao dịch. Ngoài ra các món hàng này hầu hết là những mặt hàng nguyên thủy, lý do chọn các mặt hàng nguyên thủy hoàn toàn chưa được tinh chế thành sản phẩm tiêu thụ là vì người ta không muốn thấy giá của những hàng hóa trên bị ảnh hưởng bởi những tác động ngoại cảnh như giá thành sản xuất, chi phí vận chuyển… khiến giá thành những sản phẩm này đội lên cao và không phản ảnh tương quan thực tế với thị trường. Chỉ số này nguyên thủy được tính bằng giá spot market. Spot market là giá mua ngay tại chỗ, không có chi phí phân lời vay mượn hay chi phí tồn kho tính vào. Nghĩa là đây chính là giá trị thật ban đầu, sát thực nhất mà người ta có thể mua được. Giá được tính theo cách này để tránh mọi phát sinh ngoài dự tính và mọi thay đổi trong giá không xuất phát từ lạm phát mà ra, vì chỉ số này được xem như chỉ số đo lường mức độ lạm phát sớm nhất trong nền kinh tế Hoa Kỳ. Chỉ số này đã quá lâu đời cho nên hiện tại người ta ít sử dụng để theo dõi thay đổi lạm phát trong tương lai mà thay vào đó người ta sử dụng chỉ số CPI là chính, CRB Index theo thiển ý cá nhân Tôi thì sử dụng để thực hiện những phân tích liên quan đến các đồng tiền hàng hóa như là AUD, CAD, NZD… sẽ rất tốt và phản ứng rất nhanh. Để hiểu rõ hơn Tôi sẽ lấy một vài ví dụ thực tế như sau:

Ví dụ: Chỉ số CRB Index giảm báo hiệu trước xu hướng giảm của đồng AUD. Ngay sau khi chỉ số GDP q/y của China được công bố ngày 19/10/2015 là 6.9%, mặc dù con số này rất tốt trong bối cảnh thị trường chứng khoán Trung Quốc sụp đổ và bốc hơi hơn 50%, thế nhưng GDP lại tăng tới 6.9% liệu con số này có phải là ảo hoặc có sự thay đổi số liệu nào đó hay không, điều đó được minh chứng là ngay sau khi GDP q/y được công bố tốt như vậy mà dường như Chứng khoán Trung Quốc không hề có phản ứng tăng mà ngược lại có giảm ngay sau khi công bố GDP. Điều này thể hiện rằng tâm lý của người dân đang rất lo sợ và thực sự lúc này đây họ chưa hết bàng hoàng khi chứng kiến tiền của họ bốc hơi với tốc độ chóng mặt mà không thể làm gì hơn, chính phủ Trung Quốc đã áp dụng nhiều

biện pháp mang tính áp đặt, răn đe, nhưng dường như những biện pháp đó chỉ đổ thêm dầu vào lửa, tâm lý của con người rơi vào tuyệt vọng và nỗi sợ bao trùm thì dù cho có áp đặt thế nào đi nữa cũng không thể kéo được thị trường đi lên. Không dừng lại ở đó ngày 23/10 ngân hàng trung ương Trung Quốc PBOC thực hiện cắt giảm lãi suất một cách bất ngờ khiến cho thị trường một phen hoảng loạn, điển hình đó là đồng AUD bị bán chỉ ngay sau đó.



Hình 2.11: Chỉ số chứng khoán Trung Quốc Shanghai Composite không hề phản ứng tăng sau khi GDPq/y công bố là tăng trưởng rất tốt và sau đó ngay cả việc PBOC cut giảm lãi suất cũng không khiến thị trường phản ứng tăng.

Lý do Tôi phân tích kỹ thị trường chứng khoán Trung Quốc trước khi bắt đầu tiến hành phân tích sang chỉ số CRB Index để tiên đoán hướng đi của đồng AUD là vì Trung Quốc là quốc gia nhập khẩu rất lớn kim khoáng quặng từ phía Australia, mà lượng kim khoáng quặng xuất khẩu đóng góp phần lớn vào GDP của Úc, cho nên mỗi khi kinh tế Trung Quốc có biến động thì Australia sẽ phải chịu tác động không hề nhỏ, việc Trung Quốc phá giá

CNY, cut giảm lãi suất để thúc đẩy giao thương xuất cảng của quốc gia này, thế nhưng Úc thì lại chịu tác động không nhỏ khi giá thành xuất khẩu sang Trung Quốc giảm đi đáng kể, điều này sẽ làm ảnh hưởng rất lớn đến nền kinh tế Úc thời điểm hiện tại, và chắc chắn là điều mà Chính phủ Úc không hề mong muốn. Trong sự kiện này việc Trung Quốc thực hiện nới lỏng là để thúc đẩy kinh tế tăng trưởng, mà một khi nới lỏng trong chính sách thì có nghĩa là kinh tế trong tương lai vì thế sẽ được hỗ trợ tương đối tốt, giá thành hàng hóa vì thế sẽ tăng lên, sản xuất được hỗ trợ thì các mặt hàng kim khoáng quặng sẽ tăng, thế nhưng những gì PBOC thực hiện lại không hề khiến thị trường phản ứng tích cực mà ngược lại còn kéo thị trường chứng khoán đi xuống. Chart CRB index đã phá vỡ đường hỗ trợ và hiện đang xác nhận lại xu hướng giảm. Có hay không việc giá cả các mặt hàng kim khoáng quặng sẽ giảm lại, mặc dù Trung Quốc thực hiện các biện pháp nới lỏng để kéo thị trường chứng khoán đi lên, kích cầu và kích thích xuất khẩu, nhưng không phải là cứ nới lỏng hơn thì tiêu dùng sẽ tăng, nếu như trong lòng market vẫn lo sợ về mức tăng trưởng thật của Trung Quốc và lo sợ về viễn cảnh rằng các công ty của Trung Quốc có nhân cơ hội này để tăng cường sản xuất, tiêu thụ hàng hóa và dầu nhiều hơn hay không? Mối lo đó phần nào khiến cho thị tường hàng hóa tuy được hỗ trợ nhưng không hề tăng, ngược lại còn đang giảm rất mạnh. Vậy thì có hay không đồng AUD vì thế cũng sẽ giảm, vị thế đồng USD đang tăng, vị thế AUD đang giảm và ngay lúc này người ta sẽ short đồng AUD như một sự kỳ vọng rằng đồng AUD sẽ giảm như mong muốn của RBA trong bối cảnh giá các mặt hàng giảm sẽ tác động tiêu cực đến xuất khẩu và nguồn doanh thu từ việc xuất khẩu các mặt hàng trên.



Hình 2.12: Chỉ số CRB Index giảm là dấu hiệu báo trước cho xu hướng giảm của đồng AUD.

Hiện tại cặp AUDUSD đang test lại mức đỉnh mà trước khi China cut rate, cái mức giá mà ngay sau khi PBOC cut giảm lãi suất thì cặp AU giảm mạnh, trong bối cảnh như hiện nay, Tôi có nói ở phía trên là việc China cut rate thì sẽ tác động thế nào, nó có thật sự tốt hay mang lại một cái nhìn tiêu cực hơn cho thị trường. Cut thì vẫn cắt nhưng Shanghai Composite không hề phản ứng tăng, đó dường như là một dấu hiệu để tiên đoán rằng cái sự kiện cut rate đó thực ra là làm cho tình hình trở nên tồi tệ hơn mà thôi. Vậy thì tôi sẽ sẵn sàng vào short cặp tiền AUDUSD, với mức giá như lúc này thì cái stop loss của Tôi sẽ rất ngắn, và những tiên đoán trên là có cơ sở thì tôi tin cặp tiền này có thể sẽ giảm về vùng 0.710.



Hình 2.13: Lệnh short cặp tiền AUD/USD quan sát các sự kiện liên quan đến việc nới lỏng của PBOC và chỉ số CRB Index giảm mạnh là dấu hiệu tốt để short đồng AUD.

Và đây là kết quả short cặp tiền AUD/USD:



Hình 2.14: Kết quả lệnh short cặp tiền AUD/USD từ ngày 26/10 đến ngày 29/10/2015.

Trong ví dụ trên chúng ta đã thấy được tầm quan trọng của chỉ số CRB Index trong việc tiên đoán xu hướng của những đồng tiền hàng hóa, tùy vào từng sự kiện mà chúng ta sẽ có những hình dung, tu duy cụ thể để vào lệnh, tuy nhiên nếu là một giao dịch với đồng tiền hàng hóa thì chắc chắn các bạn phải có được cái nhìn bao quát ở thị trường hàng hóa trước khi đặt sự kiện thị trường đang quan tâm đó lên chart, có làm như vậy xác xuất thành công của chúng ta sẽ cao hơn rất nhiều. Nguồn theo dõi chỉ số CRB Index tại website Investing.com: http://www.investing.com/indices/thomson-reuters---jefferies-crb-chart.

Như vậy trong chương này chúng ta đã phần nào nắm vững được thị trường hàng hóa và tầm quan trọng của chỉ số CRB Index tới phân tích cơ bản liên thị trường. Việc áp dụng chỉ số này vào từng giao dịch hàng ngày sẽ trở nên đơn giản hơn và sát hơn với thực tiễn khi các bạn đọc hiểu được tâm tư của market qua từng sự kiện, qua đó sẽ biết được rằng dòng tiền đang chạy vào lớp tài sản nào, điều đó sẽ góp phần giúp các bạn hình thành tư duy thị trường rất tốt và Tôi tin chắc là các bạn sẽ thành công!

III. THỊ TRƯỜNG TIỀN TỆ (CURRENCY MARKET)

Thị trường tiền tệ được biết là một trong những thị trường hấp dẫn nhất, thu hút được đông đảo Trader tham gia nhất và cũng là thị trường có tính thanh khoản cao nhất, độc giả của cuốn sách này nếu không muốn nói là tất cả đều là những currency trader. Với những đặc tính, ưu điểm như thanh khoản rất nhanh, vốn bỏ ra không cần nhiều, tỉ lệ đòn bẩy cao và đa dạng các cặp tiền giao dịch… cho nên lượng Trader tham gia vào thị trường tài chính đều rất thích giao dịch với currency market. Và trò chơi trong market này của retail trader chúng ta luôn là một trò chơi zero sum. Zero sum game có nghĩa là một trò chơi có tổng số tiền bằng không. Vì đặc điểm này cho nên tiền mà người trader thắng sẽ đến từ túi của trader thua. Cũng không thể phủ nhận rằng có một số đại bộ phận những người mới tham gia vào thị trường này đều nghĩ rằng nó là một dạng cơ bạc trá hình. Bất kể là kinh doanh cái gì đều có rủi ro trong đó, và công việc kinh doanh nào lợi nhuận càng cao thì đồng nghĩa với việc rủi ro đi kèm với đó là cao hơn. Do vậy như có nói đến khá nhiều lần mục đích chúng ta tham gia thị trường này là hạn chế cái LOSS bé nhất và mang lại cái PROFIT lớn nhất.

- *Theo Investopedia định nghĩa: "Thị trường Tiền tệ quốc tế" "Thị trường ngoại hối"*

  Là thị trường trong đó người tham gia từ khắp nơi trên thế giới đều có thể mua bán, trao đổi và suy đoán về tương lai của các đồng tiền tệ khác nhau. Thị trường tiền tệ quốc tế được tạo thành từ các ngân hàng, các công ty thương mại, các ngân hàng trung ương, các công ty quản lý đầu tư, các quỹ đầu tư, các nhà môi giới ngoại hối nhỏ lẻ và các nhà đầu tư cá nhân. Thị trường tiền tệ (ngoại hối) được coi là thị trường lớn nhất trên thế giới.

  DEFINITION of "International Currency Markets" "Foreign Exchange Market"

  The market in which participants from around the world are able to buy, sell, exchange and speculate on different currencies. International currency markets are made up of banks, commercial companies, central banks, investment

management firms, hedge funds, retail forex brokers and investors. The forex market is considered to be the largest financial market in the world.

Trên đây là những khái niệm cơ bản về thị trường tiền tệ mà chúng ta đang giao dịch hàng ngày. Nhưng để có thể giao dịch được và mang lại nguồn lợi nhuận ổn định thì chắc chắn chúng ta sẽ phải hiểu được bản chất, tình hình kinh tế và đặc điểm của đồng tiền mà chúng ta giao dịch. Để làm được điều này thì trước tiên chúng ta sẽ phải tìm hiểu cơ cấu, vai trò của tiền tệ và thị trường tiền tệ trong nền kinh tế toàn cầu. Ở trong chương I khi giới thiệu về thị trường tài chính chúng ta đã được biết về lịch sử hình thành và bản chất của Tiền, vậy thì việc trao đổi tiền tệ diễn ra trên thế giới có tác động thế nào đến đời sống, phát triển kinh tế, thương mại của quốc gia/vùng lãnh thổ đó.

"Theo anh Viet Currency: Currency Market:

Sự hiện diện của thị trường này xuất phát từ việc trao đổi hàng hóa của các quốc gia với nhau. (xuất nhập cảng). Lý do mà người ta cần trao đổi hàng hóa với nhau là để giảm chi phí sản xuất. Một quốc gia với nhiều tài nguyên thiên nhiên nhưng thiếu kỹ thuật sản xuất cao thì thay vì bỏ tiền ra nghiên cứu và sản xuất một chiếc xe hơi chẳng hạn, quốc gia đó có thể bán những khoán sản để mua xe, thay vì đi sản xuất. Như thế giá thành (cost) của vật đó sẽ thấp đi. Giá thành của một vật trong cuộc sống hàng ngày mà thấp thì lạm phát không có tăng. Lạm phát không tăng thì nó sẽ nâng cao lối sống của con người trong xã hội. Đó là lý do chính trong việc trao đổi hàng hóa giữa các quốc gia với nhau trên thế giới, và cũng là căn bản của thị trường hối đoái tiền tệ.

Song song với việc trao đổi hàng hóa là sự khác biệt về giá trị của các đồng tiền giữa các quốc gia với nhau. Lý do mà có sự khác biệt này là mỗi quốc gia có một sự khác biệt về kinh tế. Có những quốc gia phát triển kinh tế mạnh hơn so với các quốc gia khác. Giá trị của tiền thường được tượng trưng qua sự phát triển của nền kinh tế của một quốc gia. Khi kinh tế phát triển thì đồng tiền sẽ tăng giá. Nó giống như là một điểm tín dụng của con người. Nếu anh đi làm có tiền nhiều, mức thu thập của anh cao thì điểm tín dụng của anh sẽ tăng. Mức thu thập của anh có thể ví như là kinh tế của một quốc gia. Kinh tế phát triển

thì điểm tín dụng của quốc gia đó tăng. Tại vì tiền, tuy là một tờ giấy mà chúng ta thường bỏ trong túi, thật ra chỉ là một tờ giấy tượng trưng cho một lời hứa về giá trị của nó. Và lời hứa đó có giá trị hay không tùy thuộc vào sự phát triển kinh tế của quốc gia phát hành ra nó.

Sự chênh lệch về giá trị đồng tiền làm cho GIÁ CẢ của hàng hóa xuất nhập cảng giữa các quốc gia với nhau tăng hay giảm. Sự giao động của giá cả này nhiều khi làm cho giá thành của món đồ nhập cảng không còn rẻ nữa, hay là rẻ ít hơn lúc trước. Giá thành mà tăng thì lạm phát có cơ hội phát triển. Thành ra, currency market là nơi mà người ta dùng để cân bằng giá trị của các đồng tiền trên thế giới lại với nhau. Mỗi quốc gia đều có mục tiêu kinh tế của riêng mình khi họ vào thị trường này. Thí dụ như người Nhật, họ luôn muốn đồng tiền của họ yếu hơn so với các đồng tiền khác. Tại vì kinh tế họ là kinh tế sản xuất. Sự phát triển của kinh tế là hoàn toàn dựa vào khối lượng hàng xuất cảng. Họ sản xuất hàng hóa rồi bán đi. Kinh tế phát triển của họ là số lượng hàng xuất cảng tăng. Các quốc gia với nên kinh tế xuất cảng thường không muốn đồng tiền của mình quá mạnh. Vì đồng tiền mạnh quá dể làm hàng hóa bán chậm. TQ là thí dụ thứ nhì của mô hình kinh tế này. Ngược lại, kinh tế Hoa Kỳ là một kinh tế dựa vào sự phát triển từ bên trong ra. Họ không nhờ vào hàng xuất cảng để phát triển kinh tế. Chính vì thế 70% của kinh tế Hoa Kỳ được liệt vào kỹ nghệ dịch vụ (service), và 30% được gọi là manfacturing (sản xuất). Họ chỉ nhờ vào chính họ. Nền kinh tế này được các kinh tế gia gọi là ORGANIC GROWTH ECONOMY. Và organic growth economy thường muốn đồng tiền của mình mạnh.

Đồng tiền mạnh thì mua hàng nhập cảng rẻ. Hàng rẻ thì lạm phát thấp. Bởi vậy người ta thường chế nhạo Hoa Kỳ là "xuất cảng" lạm phát của mình đi các quốc gia khác qua sức mạnh của đồng US dollar.

Ảnh hưởng của currency market rất rộng. Nó là mặt trái của kinh tế. Sợi dây chuyền liên kết các thị trường lại với nhau là phân lời. Phân lời làm cho currency giao động, vì traders chơi trò carry trade. Currency mà giao động mạnh thì giá hàng sẽ tự động tăng vì lý do tâm lý, và cũng vì các công ty cần phải hedge (bảo vệ giá). Hedging thì phải tốn tiền. Tiền hedge sẽ được tính vào giá thành của món hàng xuất cảng. Thành ra, giá sẽ tăng. Đó

là tại sao mỗi khi đồng tiền trở nên giao động mạnh thì các Ngân Hàng Liên Bang (Central Banks) thường nhảy vào phá giá, hay giữ giá. Cốt ý của họ làm sao cho ảnh hưởng này không lan truyền qua đến kinh tế. Thế giới đã thấy bài học của currency ảnh hưởng vào kinh tế như thế nào cách đây 10 năm khi vụ Asian Crisis bắt đầu từ cái rớt của đồng Baht Thai."

MỤC ĐÍCH VÀ CƠ CẤU CỦA THỊ TRƯỜNG TIỀN TỆ / CÔNG CỤ THỊ TRƯỜNG TIỀN TỆ

- *Mục đích của thị trường tiền tệ*
- *Phân khúc và tham gia thị trường tiền tệ*
- *Công cụ thị trường tiền tệ*
- *Lãi suất và lợi tức thị trường tiền tệ*

1. Mục đích và cơ cấu của thị trường tiền tệ

Mục đích của thị trường tiền tệ là tạo điều kiện cho việc chuyển giao các nguồn vốn ngắn hạn từ các đại lý với nguồn vốn dư thừa (tổng công ty, các tổ chức tài chính, cá nhân, chính phủ) tới với những người tham gia trên thị trường mà thiếu vốn có thể nhận được với nhu cầu trong ngắn hạn.

Thị trường tiền tệ đóng vai trò trung tâm trong hệ thống tài chính của đất nước, ảnh hưởng đến thị trường tiền tệ thông qua các cơ quan tiền tệ của đất nước. Đối với các tổ chức tài chính và phạm vi một số công ty phi tài chính khác thì thị trường tiền tệ cho phép thực hiện các chức năng như sau:

- Nâng nguồn quỹ
- Quản lý tiền mặt
- Quản lý rủi ro
- Đầu cơ hoặc định vị tài chính
- Tín hiệu hóa

- Cung cấp quyền truy cập vào thông tin về giá

Thị trường tiền tệ là thị trường giao dịch với số lượng rất lớn các giao dịch, ví dụ: với các giao dịch từ 500 triệu đến 1 tỉ EUR hoặc thậm chí còn lớn hơn, đây là thị trường giao dịch tài chính nhiều nhất về khối lượng.

Từ khi bắt đầu xuất hiện các thị trường tiền tệ truyền thống thực hiện vai trò của chính sách tiền tệ. Để tác động đến phía cung, các chính phủ đã sử dụng phương pháp quy định và kiểm soát trực tiếp các khoản tiết kiệm và đầu tư hành vi của các cá nhân và các công ty. Tuy nhiên quá trình phát triển nhanh chóng của công nghệ, quốc tế và tự do hóa thị trường tài chính, khả năng để thực hiện mục tiêu chính sách thông qua các biện pháp như vậy đã giảm bớt phần nào. Chính sách hiện nay thông qua các biện pháp theo định hướng thị trường chủ yếu dựa vào phía cầu. Như vậy thị trường tiền tệ phục vụ các giao dịch giữa chính sách tiền tệ và các nền kinh tế quốc gia.

Một vai trò của thị trường tiền tệ trong nước là phục vụ mục tiêu chính sách công, tức là tài trợ thâm hụt của khu vực công và quản lý thâm hụt ngân sách lũy kế. Chính sách nợ của chính phủ là một yếu tố quyết định quan trọng hoạt động của thị trường tiền tệ, nợ chính phủ là một phần quan trọng của thị trường tiền tệ quốc gia (cũng tương tự như thị trường trái phiếu). Phạm vi và các biện pháp của chính sách tiền tệ cũng liên quan đến ngân sách của chính phủ và các chính sách tài khóa. Như vậy sự thay đổi thị trường tiền tệ của đất nước phụ thuộc vào mục tiêu của chính sách cộng đồng và các công cụ được sử dụng để đạt được các mục tiêu quốc gia.

Những thay đổi về vai trò và cơ cấu của thị trường tiền tệ cũng đã phải chịu những tác động trong quy định về tài chính, trong đó phát triển như là kết quả của sự công nhận rằng việc kiểm soát quá mức là không tương thích với phân bổ hiệu quả nguồn lực, với sự tăng trưởng vững chắc và cân đối của nền kinh tế. Thị trường tiền tệ đã trải qua giai đoạn thích ứng thụ động cũng như thông qua ảnh hưởng tích cực từ phía các chính phủ và các cơ quan tiền tệ.

Cuối cùng, thị trường tiền tệ bị ảnh hưởng bởi những tác động từ bên ngoài như tăng tính thanh khoản dòng vốn, thay đổi cơ chế tỉ giá hối đoái, làm giảm bớt quyền tự chủ chính sách tiền tệ. Những thay đổi trong thị trường tiền tệ trong các nước châu Âu chính là quá trình hình thành liên minh EU, sự xuất hiện của liên minh EU và đồng tiền chung châu Âu EUR.

2. Phân khúc thị trường tiền tệ.

Trong một định nghĩa rộng hơn: thị trường tiền tệ bao gồm các thị trường vốn ngắn hạn, thường có kỳ hạn đến 1 năm. Có thể được chia thành nhiều phân đoạn chính:

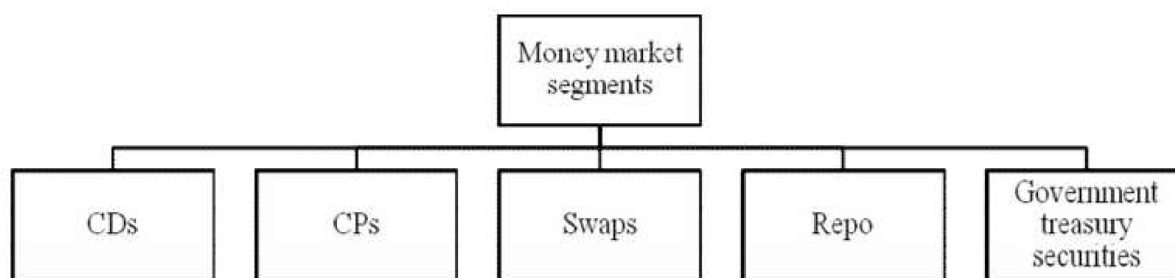
Thị trường liên ngân hàng, nơi các ngân hàng và các tổ chức phi tài chính thanh toán hợp đồng tiền gửi với nhau và với các ngân hàng trung ương, liên quan đến dư thừa và thâm hụt thanh khoản tạm thời.

Thị trường sơ cấp, được xử lý các vấn đề và tạo điều kiện cho khách hàng vay để huy động nguồn vốn mới.

Thị trường thứ cấp, thị trường cho các chứng khoán ngắn hạn khác nhau, trong đó phân phối lại quyền sở hữu, đảm bảo thanh khoản và kết quả là tăng cung cho vay và giảm giá trị của nó.

Thị trường phái sinh – thị trường cho các hợp đồng tài chính có giá trị được bắt nguồn từ các công cụ thị trường tiền tệ cơ bản.

Thị trường liên ngân hàng được xác định chủ yếu về những người tham gia, trong khi các thị trường khác được quy định trong các điều khoản của các công cụ phát hành và giao dịch. Do đó có một sự chồng chéo giữa các phân đoạn. Thị trường liên ngân hàng chủ yếu đề cập đến tiền gửi ngắn hạn và cho vay, ví dụ: qua đêm hoặc lên đến 2 tuần. Gần như tất cả các loại công cụ thị trường tiền tệ có thể được giao dịch trên thị trường liên ngân hàng.



Hình 2.15: Chìa khóa phân đoạn thị trường tiền tệ bằng các công cụ thị trường tiền tệ.

Các công cụ thị trường tiền tệ thường được nhóm lại theo cách sau:

- Tín phiếu kho bạc và trái phiếu chính phủ ngắn hạn (lên đến 1 năm)
- Khoản vay liên ngân hàng, tiền gửi ngân hàng và công nợ khác
- Thỏa thuận mua lại và các khoản vay thế chấp ngắn hạn tương tự
- Giấy tờ thương mại, do các tổ chức phi tiền gửi (các công ty phi tài chính, tài chính công ty, chính quyền địa phương…)
- Chứng chỉ tiền gửi
- Công cụ tiền tệ châu Âu
- Lãi suất và công cụ tiền tệ phái sinh

Tất cả công cụ này có đặc điểm hơi khác nhau, hoàn thành các yêu cầu của các nhà đầu tư và khách hàng vay đa dạng hóa về rủi ro, tỉ lệ lợi tức, ngày đáo hạn và thanh khoản, và cũng đa dạng về nguồn tài chính và phương tiện thanh toán. Nhiều nhà đầu tư coi công cụ thị trường tiền tệ cá nhân để thay thế, do đó thay đổi chặt chẽ trong tất cả các lãi suất thị trường tiền tệ liên quan.

Đặc điểm chính của các công cụ thị trường tiền tệ là:

- Ngắn hạn
- Rủi ro thấp
- Thanh khoản cao (nói chung)
- Dễ dàng chuyển đổi thành tiền mặt

Thị trường tiền tệ bao gồm các công cụ có thể giao dịch cũng như các công cụ không thể giao dịch. Các công cụ tiền truyền thống, trong đó bao gồm chủ yếu là đối phó của những người tham gia thị trường với ngân hàng trung ương, đã giảm tầm quan trọng của các công cụ truyền thống trong thời gian gần đây theo sau là một xu hướng ngày càng tăng để tài trợ cho nhu cầu ngắn hạn bằng cách phát hành các loại chứng khoán mới như hợp đồng mua lại, trái phiếu, chứng chỉ tiền gửi.

Sự khác biệt về mức độ rủi ro là đặc trưng của bảo đảm và không bảo đảm của các phân đoạn thị trường tiền tệ. Khi cung cấp các khoản tiền gửi liên ngân hàng không có bảo đảm, một ngân hàng chuyển tiền vào một ngân hàng khác vào một thời gian nhất định trong thời gian đó giả định gồm toàn bộ rủi ro tín dụng đối tác. Trong các thị trường REPO đảm bảo, rủi ro tín dụng đối tác này được giảm nhẹ bằng cách các ngân hàng cung cấp thanh khoản nhận tài sản thế chấp (ví dụ như trái phiếu) được gửi trả.

QUY MÔ THỊ TRƯỜNG VÀ TÍNH THANH KHOẢN

Thị trường ngoại hối là thị trường có quy mô lớn hàng đầu trên thế giới. Những người tham gia vào thị trường bao gồm các ngân hàng lớn, các ngân hàng trung ương, tổ chức đầu tư, nhà đầu cơ tiền tệ, các tập đoàn, các chính phủ, các tổ chức tài chính và các nhà đầu tư nhỏ lẻ. Tổng lượng tiền giao dịch trung bình hàng ngày trên thị trường ngoại hối đang tăng lên hàng ngày theo đà phát triển của kinh tế toàn cầu. Theo điều tra năm 2010 ngân hàng trung ương định kỳ 3 năm, đã phối hợp của ngân hàng thanh toán quốc tế, tổng lượng giao dịch hàng ngày trung bình khoảng 3.98 nghìn tỉ USD vào tháng 4/2010 (khoảng 1.7 nghìn tỉ USD vào năm 1998). Trong đó 3,98 nghìn tỉ $ đó, 1,5 nghìn tỉ $ là giao dịch giao ngay và 2.5 nghìn tỉ $ được giao dịch chuyển tiếp, giao dịch hoán đổi và phái sinh khác.

Hầu hết các nước phát triển cho phép kinh doanh sản phẩm phái sinh (như tương lai và các quyền chọn tương lai) trên sàn giao dịch của họ. Tất cả các nước phát triển đã có tài khoản vốn chuyển đổi hoàn toàn. Một số chính phủ của các thị trường mới nổi không cho phép các sản phẩm ngoại hối phái sinh trên sàn giao dịch của họ, vì họ có thắt chặt việc kiểm soát vốn nên chưa thực hiện tự do giao dịch ngoại hối. Giao dịch ngoại hối tháng

4/2007 đã tăng 20% so với năm 2004 và tháng 4/2010 đã tăng gấp đôi kể từ 2004. Sự gia tăng trong doanh thu là do một số yếu tố: Tầm quan trọng ngày càng tăng cảu ngoại hối như một loại tài sản, các hoạt động giao dịch tăng cao và sự xuất hiện của các nhà đầu tư nhỏ lẻ như là một phân khúc quan trọng của thị trường. Sự phát triển của internet và các hệ thống điện tử cùng với sự đa dạng trong các lựa chọn trong giao dịch, chi phí giao dịch thấp hơn, thanh khoản thị trường tăng lên và thu hút được sự tham gia lớn hơn từ nhiều tầng lớp khách hàng. Trong đó giao dịch điện tử thông qua cổng thông tin trực tuyến đã làm cho việc giao dịch trở nên dễ dàng hơn, các nhà đầu tư nhỏ lẻ dễ dàng giao dịch với thị trường ngoại hối hơn. Đến năm 2010, các Trader nhỏ lẻ ước tính chiếm khoảng 10% tổng khối lượng giao dịch, tương đương khoảng 150 tỉ $ mỗi ngày.

Thị trường ngoại hối là một thị trường OTC (Over-the-counter market), là nơi giao dịch mà nhà môi giới/đại lý thương lượng trực tiếp với nhau, vì vậy không có trao đổi trung gian hoặc thanh toán bù trừ. Các trung tâm thương mại lớn nhất thế giới là London, Vương quốc Anh, mà theo The City UK ước tính đã tăng thị phần doanh thu/tổng khối lượng giao dịch toàn cầu trong các giao dịch truyền thống từ 34,6% vào tháng 4/2007 lên 36,7% tháng 4/2010. Do sự thống trị của thị trường London, giá niêm yết của một loại tiền tệ đặc biệt thường là giá thị trường London.

THÀNH PHẦN THAM GIA THỊ TRƯỜNG TIỀN TỆ

Không giống như một thị trường chứng khoán, thị trường ngoại hối được chia thành các cấp độ khác nhau. Trên cùng là thị trường liên ngân hàng, được tạo thành từ các ngân hàng thương mại lớn nhất và các securities dealers. Trong thị trường liên ngân hàng sự khác biệt giữa chênh lệch giá mua và giá bán không chịu tác động từ những người giao dịch bên ngoài, có nghĩa là mức chênh lệch được định sẵn bởi các liên ngân hàng. Sự khác biệt giữa giá mua và giá bán tùy thuộc vào khối lượng. Nếu một ngân hàng lớn đảm bảo một khối lượng lớn các giao dịch với số tiền lớn, họ có thể yêu cầu một sự khác biệt nhỏ trong chênh lệch giữa giá mua và bán. Những ngân hàng lớn đó chiếm 39% tổng tất cả các giao dịch liên ngân hàng, còn lại là các ngân hàng nhỏ, các tập đoàn lớn đa quốc gia trên toàn thế giới, thậm chí là một số nhỏ các nhà hoạch định thị trường. Theo Galati và Melvin,

các quỹ hưu trí, công ty bảo hiểm, quỹ tương hỗ và các nhà đầu tư khác đóng một vai trò ngày càng quan trọng trong thị trường tài chính nói chung, và đặc biệt là trong thị trường Forex, kể từ đầu những năm 2000 quỹ Hedge đã phát triển đáng kể trong giai đoạn 2001-2004, cả về số lượng và kích thước tổng thể. Ngân hàng trung ương cũng tham gia vào thị trường ngoại hối để căn chỉnh tiền tệ cho nhu cầu kinh tế của họ.

Rank	Name	Market share
1	Citi	16.11%
2	Deutsche Bank	14.54%
3	Barclays Investment Bank	8.11%
4	JPMorgan	7.65%
5	UBS AG	7.30%
6	Bank of America Merrill Lynch	6.22%
7	HSBC	5.40%
8	BNP Paribas	3.65%
9	Goldman Sachs	3.40%
10	Royal Bank of Scotland	3.38%

Hình 2.16: Top 10 Ngân hàng thương mại có tổng lượng giao dịch liên ngân hàng lớn nhất trên thế giới (% tính theo khối lượng tổng thể tháng 5/2015)

Công ty thương mại: Một phần quan trọng của thị trường ngoại hối xuất phát từ hoạt động tài chính của các công ty nhằm tìm kiếm ngoại tệ để thanh toán hành hóa/dịch vụ quốc tế. Công ty thương mại thường xuyên giao dịch sô lượng khá nhỏ so với các ngân hàng hoặc các nhà đầu cơ, và các ngành nghề của họ thường có tác động nhỏ và ngắn hạn trên giá trị thị trường. Tuy nhiên, dòng chảy thương mại là một yếu tố quan trọng trong việc định hướng lâu dài tỉ giá hối đoái của đồng tiền. Một số tập đoàn đa quốc gia (MNCs)

có thể có một tác động không thể đoán trước khi vị trí rất lớn được bảo hiểm do tiếp xúc mà không được biết đến rộng rãi bởi các thị trường thành viên khác.

Ngân hàng trung ương: Ngân hàng trung ương quốc gia đóng một vai trò quan trọng trong thị trường ngoại hối. Họ cố gắng để kiểm soát cung tiền, lạm phát hoặc lãi suất và thường có các tỉ lệ mục tiêu chính thức hoặc không chính thức cho đồng tiền của họ. Họ có thể sử dụng dự trữ ngoại hối để bình ổn thị trường của mình. Tuy nhiên hiệu quả của các ngân hàng trung ương "ổn định đầu cơ" là chưa thuyết phục vì các ngân hàng trung ương không bị phá sản nếu họ gây ra những thiệt hại lớn, giống như những trader khác và không có bằng chứng thuyết phục rằng họ làm cho một giao dịch có lợi nhuận.

Foreign Exchange Fixing: Ấn định tỉ giá hối đoái là tỉ giá tiền tệ ngày càng cố định của ngân hàng quốc gia của mỗi nước. Ý tưởng là ngân hàng trung ương sử dụng fixing time và thay đổi tỉ giá hối đoái để đánh giá đồng tiền của họ. Sửa đổi tỉ giá hối đoái phản ảnh giá trị thực của trạng thái cân bằng trên thị trường. Ngân hàng, dealers và traders sử dụng fixing rates như là một chỉ báo xu hướng. Sự kỳ vọng hay tin đồn của một ngân hàng trung ương can thiệp vào thị trường ngoại hối có thể sẽ đủ để ổn định thị trường tiền tệ, nhưng sự can thiệp tích cực có thể được sử dụng nhiều lần trong mỗi năm có thể làm cho những tác động phụ không tốt lên chế độ tiền tệ của quốc gia đó. Và ngân hàng trung ương không hề muốn xảy ra như vậy. Các nguồn lực kết hợp của thị trường có thể dễ dàng áp đảo bất cứ ngân hàng trung ương nào. Một kịch bản của trường hợp này chính là giai đoạn 1992-1993, cơ chế tỉ giá Châu Âu sụp đổ và trong thời gian gần đây là ở Châu Á.

Hedge funds as speculators: Khoảng 70-90% các giao dịch ngoại hối là đầu cơ. Điều này có nghĩa là phần lớn những giao dịch trên thị trường tiền tệ là đến từ những nhà đầu cơ, thậm chí là các tổ chức, ngân hàng, quỹ… cũng tham gia dưới hình thức đầu cơ ngắn hạn. Điều này cũng dễ hiểu thôi, thị trường tiền tệ là thị trường biến động mạnh nhất và tiềm ẩn nhiều rủi ro nếu để lệnh quá lâu, do đó để đảm bảo hạn chế rủi ro và giữ được lợi nhuận một cách tốt nhất thì người ta chọn phương án đầu cơ ngắn hạn. Từ năm 1996, các quỹ đầu cơ đã đạt được bước tiến tích cực trong đầu cơ tiền tệ của họ, họ kiểm soát hàng tỉ USD của vốn chủ sở hữu và có thể vay thêm hàng tỉ USD, và do đó có thể lấn át được

những can thiệp của ngân hàng trung ương nếu các nguyên tắc kinh tế cơ bản đang ủng hộ các quỹ đầu cơ.

Công ty quản lý đầu tư: Công ty quản lý đầu tư (những người quản lý các tài khoản lớn thay mặt cho khách hàng) sử dụng trên thị trường ngoại hối để tạo thuận lợi cho các giao dịch với nước ngoài. Ví dụ, một nhà quản lý đầu tư mang một danh mục đầu tư cổ phần quốc tế cần phải mua và bán một số cặp ngoại tệ để thanh toán cho việc mua bán chứng khoán nước ngoài. Một số công ty quản lý đầu tư cũng có chuyên gia dự đoán hoạt động tiền tệ, trong đó quản lý rủi ro của khách hàng với mục đích tạo ra lợi nhuận cũng như hạn chế rủi ro. Trong khi số lượng loại hình này là khá nhỏ, khá nhiều người trong số đó có tài sản giá trị lớn và dó đó họ có thể tạo ra các giao dịch lớn.

Những Trader nhỏ lẻ trên thị trường ngoại hối: Trader đầu cơ nhỏ lẻ tạo thành một phân khúc phát triển của thị trường này, với sự ra đời của hình thức cho phép các nhà đầu tư nhỏ lẻ tham gia vào thị trường ngoại hối đã và đang góp phần thúc đẩy tăng trưởng cũng như tăng cao cả về quy mô và tầm quan trọng của thị trường tiền tệ. Hiện nay những nhà đầu tư nhỏ lẻ tham gia một cách gián tiếp thông qua người môi giới hoặc ngân hàng. Môi giới cho retail trader, trong khi phần lớn được kiểm soát và điều tiết bởi Ủy ban giao dịch hàng hóa tương lai và National Futures Association tại Mỹ. Có hai loại chính của các nhà môi giới retail trader FX cung cấp các cơ hội kinh doanh đầu cơ tiền tệ: Brokers và Dealers hoặc các nhà hoạch định thị trường. Brokers tương tự như là một đại lý của các khách hàng trong thị trường FX rộng lớn. Họ tính tiề hoa hồng hoặc các khoản phí thu từ giao dịch của khách hàng. Dealers hoặc các nhà hoạch định thị trường, thường đóng vai trò chủ yếu trong giao dịch so với các retail trader.

Các công ty ngoại hối phi ngân hàng: Các công ty ngoại hối phi ngân hàng cung cấp trao đổi tiền tệ và thanh toán quốc tế cho các cá nhân và các công ty tư nhân. Đây cũng được biết đến như các nhà môi giới ngoại hối nhưng khác biệt ở chỗ không được cung cấp dịch vụ kinh danh đầu cơ và là trao đổi tiền tệ với các thanh khoản. Người ta ước tính tại Anh, 14% số tiền chuyển nhượng/thanh toán thực hiện thông qua các công ty ngoại hối. Lợi thế là các công ty này cung cấp tỉ giá sẽ tốt hơn so với các ngân hàng, do vậy sẽ có lợi

hơn cho những cá nhân muốn thực hiện các giao dịch thanh toán/chuyển nhượng. Các công ty này có sự khác biệt từ việc chuyển tiền/chuyển tiền vào công ty, các dịch vụ họ cung cấp thường có giá trị cao hơn.

Chuyển tiền / Công ty chuyển tiền và quầy đổi ngoại tệ: Công ty chuyển tiền thực hiện khối lượng chuyển đổi giá trị các đồng tiền xuyên quốc gia. Một ví dụ điển hình loại hình thức này được biết đến nhiều nhất hiện tại là dịch vụ chuyển tiền Western Union với 345000 đại lý trên toàn thế gới. Quầy đổi ngoại tệ hoặc công ty chuyển đổi tiền tệ cung cấp dịch vụ ngoại hối có giá trị thấp cho du khách, tức là tại các quầy đổi tỉ giá này khách hàng sẽ được quy đổi tiền tệ với giá trị tốt nhất cho họ.

ĐẶC ĐIỂM KINH DOANH THỊ TRƯỜNG TIỀN TỆ

Do các over-the-counter (OTC) bản chất thị trường tiền tệ, chứ không phải là một thị trường liên kết với nhau, nơi các công cụ tiền tệ khác đang được giao dịch. Điều này ngụ ý rằng không phải là một tỉ giá hối đoái đơn lẻ mà là một số mức độ khác nhau (giá cả), tùy thuộc vào những gì ngân hàng hoặc những nhà tạo lập thị trường. Do sự thống trị của thị trường London, giá niêm yết một loại tiền tệ đặc biệt của thị trường là giá thị trường London. Trao đổi thương mại lớn bao gồm Electronic Broking Services (EBS) và Thomson Reuters xử lý, trong khi các ngân hàng lớn cũng cung cấp hệ thống giao dịch. Môt liên kết giữa các sàn giao dịch Chicago và Reuters gọi là Fxmarketspace mở cửa vào năm 2007 nhưng không thành công với vai trò của một thị trường trung tâm của cơ chế thanh toán bù trừ.

Các trung tâm thương mại chính là London và thành phố New York, bên cạnh đó Tokyo, Hong Kong và Singapore là các trung tâm quan trọng khác. Các ngân hàng trên khắp thế giới tham gia vào thị trường này, kinh doanh tiền tệ diễn ra liên tục trong suốt cả ngày, điều này được giải thích sau: khi phiên giao dịch châu Á kết thúc, phiên châu Âu lại bắt đầu, và tiếp theo là phiên Bắc Mỹ và rồi lại tiếp diễn chu kỳ với phiên châu Á. Thị trường tài chính sẽ ngừng giao dịch vào 2 ngày thứ 7 và chủ nhật cuối tuần.

Biến động tỉ giá hối đoái thường do các dòng chảy tiền tệ thực tế cũng như những kỳ vọng của những thay đổi trong dòng chảy tiền tệ gây ra, những điều này do những thay đổi trong tăng trưởng tổng sản phẩm trong nước (GDP), lạm phát (ngang giá sức mua theo lý thuyết), lãi suất, thâm hụt ngân sách và thương mại hoặc thặng dư, các điều kiện kinh tế vĩ mô khác. Tin tức quan trọng được phát hành công khai, thường vào thời gian đã định trước, rất nhiều người dân, nhà đầu tư sẽ được tiếp cận với những tin tức tương tự cùng một lúc. Tuy nhiên các ngân hàng lớn sẽ có những lợi thế quan trọng nhất định, họ có thể thấy được dòng tiền của khách hàng đang chạy về đâu.

Đơn vị tiền tệ được giao dịch với nhau theo mỗi cặp. Mỗi cặp tiền tệ tạo thành một sản phẩm kinh doanh và theo truyền thống ghi nhận thì ký hiệu các cặp tiền sẽ như sau: XXXYYY, XXX/YYY, trong đó XXX và YYY là ký hiệu chuẩn cho các đồng tiền từng quốc gia trên thế giới. Đồng tiền đầu tiên XXX là đồng tiền cơ bản được so sánh tương đối với đồng tiền thứ 2(YYY), gọi là tỉ giá. Ví dụ, báo giá cặp EURUSD(EUR/USD) =1,2345 thì điều này có nghĩa là giá của đồng EUR được thể hiện bằng USD, là 1 EUR=1,2345 USD. Các cặp tiền chính thông thường so sánh với USD bởi vì đồng USD là đồng tiền cơ bản (ví dụ như cặp USDJPY, USDCAD, USDCHF). Các trường hợp ngoại lệ là những đồng Bảng Anh (GBP), Đồng đô la Úc (AUD), Đồng đô la New Zealand (NZD) và đồng Euro (EUR) thì khi so sánh với những đồng tiền trên USD là đồng tiền được so sánh (ví dụ như GBPUSD, AUDUSD, NZDUSD, EURUSD).

Rank	Currency	ISO 4217 code (Symbol)	% daily share (April 2013)
1	United States dollar	USD ($)	87.0%
2	Euro	EUR (€)	33.4%
3	Japanese yen	JPY (¥)	23.0%
4	Pound sterling	GBP (£)	11.8%
5	Australian dollar	AUD ($)	8.6%
6	Swiss franc	CHF (CHF)	5.2%
7	Canadian dollar	CAD ($)	4.6%
8	Mexican peso	MXN ($)	2.5%
9	Chinese yuan	CNY (¥)	2.2%
10	New Zealand dollar	NZD ($)	2.0%
11	Swedish krona	SEK (kr)	1.8%
12	Russian ruble	RUB (₽)	1.6%
13	Hong Kong dollar	HKD ($)	1.4%
14	Norwegian krone	NOK (kr)	1.4%
15	Singapore dollar	SGD ($)	1.4%
16	Turkish lira	TRY (₺)	1.3%
17	South Korean won	KRW (₩)	1.2%
18	South African rand	ZAR (R)	1.1%
19	Brazilian real	BRL ($)	1.1%
20	Indian rupee	INR (₹)	1.0%
		Other	6.3%
		Total[73]	**200%**

Hình 2.17: Bảng thống kê tỉ lệ giao dịch của những đồng tiền chính trên thế giới.

Thống kê vào năm 2013 cho thấy các cặp tiền được giao dịch nhiều nhất là: EURUSD (24.1%), USDJPY (18.3%), GBPUSD (8.8%). Và trong đó đồng USD chiếm tỉ lệ 87% các giao dịch trên thị trường, tiếp theo là đồng EUR (33.4%), đồng Yên (23.0%), bảng Anh (11.8%). Tỉ lệ % khối lượng do tất cả các loại tiền tệ lên đến 200%, như là mỗi giao dịch liên quan đến 2 đồng tiền cho nên mới tính lên đến 200%.

YẾU TỐ QUYẾT ĐỊNH TỈ GIÁ HỐI ĐOÁI

Các lý do sau đây giải thích sự biến động về tỉ giá hối đoái trong một chế độ thả nổi tỉ giá (trong một cơ chế tỉ giá hối đoái cố định, giá được quyết định bới chính phủ)

Yếu tố kinh tế: Bao gồm: (a) chính sách kinh tế, phổ biến bởi các cơ quan chính phủ và các ngân hàng trung ương, (b) Các điều kiện kinh tế, nói chung là tiết lộ thông qua các báo cáo kinh tế, các chỉ số kinh tế.

- Chính sách kinh tế của chính phủ bao gồm chính sách tài khóa (thực hành ngân sách/chi tiêu) và chính sách tiền tệ (các phương tiện mà ngân hàng trung ương áp dụng trong việc điều tiết thị trường, được phản ánh bởi lãi suất).
- Thâm hụt hoặc dư thừa ngân sách của chính phủ: Các thị trường thường phản ứng tiêu cực trong trường hợp thâm hụt ngân sách chính phủ và tích cực khi các khoản thâm hụt được thu hẹp lại. Các tác động được phản ánh trong giá trị của đồng tiền một quốc gia.
- Cân bằng các mức độ và xu hướng thương mại: Các dòng chảy thương mại giữa các quốc gia cho thấy nhu cầu đối với hàng hóa và dịch vụ, từ đó cho thấy nhu cầu đối với đồng tiền của một quốc gia để từ đó tiến hành thương mại hóa. Thặng dư và thâm hụt thương mại hành hóa và dịch vụ phản ánh năng lực cạnh tranh của nền kinh tế của một quốc gia. Ví dụ, thâm hụt thương mại có thể có một tác động tiêu cực đến đồng tiền của một quốc gia.
- Mức độ và xu hướng lạm phát: Thông thường một đồng tiền sẽ mất giá nếu có một mức độ cao của lạm phát trong nền kinh tế hoặc nếu mức độ lạm phát được cảm nhận là sẽ tăng lên. Điều này là do lạm phát làm xói mòn sức mua, tuy nhiên một

đồng tiền đôi khi có thể tăng mạnh khi lạm phát tăng do kỳ vọng rằng các ngân hàng trung ương sẽ tăng lãi suất ngắn hạn để chống lại lạm phát.

- Tăng trưởng và sức khỏe nền kinh tế: Các báo cáo như GDP, mức độ việc làm, doanh số bán lẻ, công suất sử dụng và những thứ khác, cụ thể các mức tăng trưởng kinh tế và sức khỏe của một quốc gia. Nói chung, nền kinh tế của một quốc gia tăng trưởng mạnh mẽ hơn, đồng tiền vì thế cũng tăng lên và các nhu cầu trong nền kinh tế cũng tăng lên.
- Năng suất của một nền kinh tế: Tăng năng suất trong một nền kinh tế tích cực nên ảnh hưởng đến giá trị của đồng tiền. Điều này hoàn toàn dễ hiểu khi năng suất tăng cao thì nguồn cung vì thế cũng dồi dào hơn, giá trị của hàng hóa có thể giảm nhưng chi tiêu sẽ tăng lên, lạm phát có xu hướng tăng thì đồng tiền vì thế cũng tăng theo.

Điều kiện chính trị: Điều kiện và các sự kiện chính trị nội bộ, khu vực và quốc tế có thể ảnh hưởng sâu sắc trên thị trường tiền tệ. Tỉ giá hối đoái sẽ bị ảnh hưởng rất lớn khi có một sự mất ổn định chính trị, biến động chính trị và bất ổn có thể có một tác động tiêu cực đến nền kinh tế của một quốc gia. Ví dụ, mất ổn định của chính phủ liên minh ở Pakistan và Thái Lan có thể ảnh hưởng tiêu cực đến đồng tiền của họ. Tương tự như vậy, ở một đất nước gặp khó khăn về tài chính, sự nổi lên của một phe nhóm chính trị có thể sẽ khiến tình hình chính trị của quốc gia đó bất ổn. Ngoài ra các sự kiện trong một quốc gia trong khu vực nếu như có diễn biến tiêu cực với một quốc gia khác thì cũng sẽ ảnh hưởng đến đồng tiền của mình.

Tâm lý thị trường: Tâm lý thị trường và trader nhận thức được ảnh hưởng của tâm lý đến giao dịch trên thị trường ngoại hối theo nhiều cách sau:

- Bất ổn chính trị hoặc kinh tế: Hiển nhiên rồi, nếu chúng ta đang sống trong một giai đoạn bất ổn về chính trị thì tâm lý lo sợ đồng tiền sẽ mất giá, điều này sẽ càng làm tồi tệ hơn khi người ta sẽ bán tháo đồng tiền quốc nội để chạy vào một lớp tài sản an toàn hơn, cũng tương tự như thế nếu là một bất ổn kinh tế thì người ta cũng lo ngại rằng suy thoái kinh tế sẽ buộc chính phủ phải thực hiện các biện pháp mang

tính nới lỏng trong nền kinh tế, hiển nhiên điều này làm cho người ta lo ngại rằng kinh tế suy yếu thì đồng tiền cũng sẽ giảm theo.

- Xu hướng dài hạn: Thị trường tiền tệ thường xuyên theo một xu hướng trong dài hạn, nghĩa là trong bất kỳ một chu kỳ kinh tế thì một đợt suy thoái hay tăng trưởng thường sẽ kéo dài một vài năm, do đó giá trị đồng tiền cũng sẽ tương ứng. Mặc dù tiền không có chu kỳ sinh trưởng hàng năm như hàng hóa vật chất. Trong quá trình phân tích xu hướng nền kinh tế hoặc tình hình chính trị chúng ta có thể nhìn vào bức tranh trong dài hạn của xu hướng đồng tiền quốc gia đó.
- Mua tin đồn, bán sự thật: Câu nói này cũng chính là kim chỉ nam trong hầu hết những phân tích liên thị trường mà chúng ta đang nói đến. Đó là xu hướng cho giá của một loại tiền tệ để phản ánh tác động của một hành động cụ thể trước khi nó xảy ra, và khi các sự kiện được mong đợi đến thì lúc này đây có thể sẽ phản ứng ngược lại với những gì chúng ta mong muốn, tuy nhiên đại ý của câu nói trên bán sự thật tức là chúng ta sẽ không cần phải ở lại trong thị trường cho tới lúc các sự kiện được công bố, mà ý nói là khi tin đồn đã có tức là thị trường đã phản ứng theo cái tin đồn đó rồi, cho nên cái bán sự thật là thời điểm chúng ta thoát khỏi thị trường chính là thời điểm mà sự thật sắp được công bố, sở dĩ làm như vậy là để đảm bảo lợi nhuận chúng ta đã kiếm được trong thời gian trước đó không bị thị trường lấy lại.
- Những con số kinh tế: Chỉ số kinh tế chắc chắn có thể phản ánh chính sách kinh tế, trong những năm gần đây, cung tiền, việc làm, số liệu cán cân thương mại và lạm phát… đều có những tác động đáng kể đến tâm lý những người giao dịch, họ dựa vào những con số đó và tiên đoán cho xu hướng tương lai của nền kinh tế và tiên đoán xu hướng đồng tiền quốc gia đó.
- Giao dịch theo kỹ thuật: Như trong các thị trường khác, các biến động giá tích lũy trong một cặp tiền như EURUSD có thể hình thành mô hình rõ ràng mà các trader có thể cố gắng dựa vào đó để tiên đoán xu hướng cặp tiền này. Việc nghiên cứu các mô hình như vậy trên biểu đồ sẽ giúp các nhà đầu tư có được cái nhìn tốt hơn và dự đoán được tâm lý của đại bộ phận nhà đầu tư khác.

Như vậy những yếu tố quyết định đến tỉ giá chúng ta tìm hiểu ở trên sẽ là những nội dung chính mà chúng ta đi sâu vào các chương tiếp theo, những yếu tố tác động đến tỉ giá của một cặp tiền sẽ rất nhiều và những yếu tố đó chúng ta sẽ phải đi sâu vào trong từng sự kiện mới có thể hiểu được, trong phần tổng quan này Tôi sẽ chỉ nêu lên những yếu tố chính tác động lên thị trường tiền tệ, những ví dụ thực tiễn trong những giao dịch hàng ngày mới chính là mục đích mà chúng ta cần nắm vững.

ĐẦU CƠ

Như có nói ở trên 70-90% những giao dịch trên thì trường tiền tệ là đầu cơ, và do đó nếu không muốn nói là tất cả những Trader Việt tham gia vào thị trường tiền tệ đều chính là những nhà đầu cơ đúng nghĩa.

Đầu cơ tiền tệ được coi là một hoạt động rất nghi ngờ trong nhiều quốc gia. Trong khi đầu tư vào các công cụ tài chính truyền thống như trái phiếu hoặc cổ phiếu thường được coi là đóng góp tích cực vào tăng trưởng kinh tế bằng cách cung cấp vốn, theo quan điểm này đầu cơ tiền tệ chỉ đơn giản là cờ bạc mà thường gây trở ngại với chính sách kinh tế. Ví dụ, trong năm 1992 đầu cơ tiền tệ đã buộc Ngân hàng trung ương Thụy Điển tăng lãi suất trong vài ngày tới 500% mỗi năm, và sau đó phải phá giá đồng Krona.

CARRY TRADE

Carry trade đề cập đến hành vi vay một loại tiền tệ có lãi suất thấp để mua đồng tiền có lãi suất cao hơn. Một sự khác biệt lớn về tỉ lệ có lợi nhuận cao cho các trader, đặc biệt là đòn bẩy được sử dụng. Tuy nhiên với tất cả các khoản đầu tư có vay nợ này là một con dao hai lưỡi, và biến động tỉ giá một cách đột ngột có thể khiến họ chịu những tổn thất rất lớn. Trong những chu kỳ của nền kinh tế và gần đây nhất là thời điểm hậu khủng hoảng 2008, hình thức carry trade được biết đến như là một cứu cánh an toàn, đặc biệt là với cặp tiền AUDJPY. Đơn giản vì chính phủ Nhật thực hiện chính sách lãi suất thấp kỷ lục trong khoảng thời gian dài do lo ngại giảm phát kéo dài, nền kinh tế già nua và tăng trưởng chậm lại, với bản chất là nền kinh tế lấy xuất cảng làm trọng thì buộc chính phủ Nhật phải giảm lãi suất càng thấp càng tốt và làm sao để đồng JPY giảm càng thấp càng tốt, bên cạnh đó

lãi suất của Úc là đang cao so với hầu hết các ngân hàng trung ương khác. Như vậy việc nhà đầu tư thực hiện carry trade với cặp tiền AUDJPY là hoàn toàn hợp lý.

Giá trị đồng tiền của một nước phụ thuốc vào chính nền kinh tế của quốc gia đó. Khi nền kinh tế tăng trưởng sẽ làm tăng giá trị của đồng tiền bản địa và ngược lại. Nếu linh hồn của bond là yield thì linh hồn của currency lại là RATE. Rate ở đây chính là interest rate (lãi suất). Trong hầu hết các trường hợp vận động thay đổi của lãi suất sẽ quyết định sự tăng giảm của đồng tiền cơ sở. Một sự tăng lên trong lãi suất sẽ làm tăng giá đồng tiền, một sự giảm trong lãi suất sẽ làm giảm giá trị của nó. Lãi suất là một biến số vĩ mô quan trọng. Mặt trái của lãi suất chính là lạm phát. Trong các thời kỳ tăng trưởng quá nóng, nhu cầu tiêu thụ hàng hóa tăng cao thường sẽ đẩy lạm phát lên theo vật giá. Sự gia tăng lạm phát là nguyên nhân làm mất giá đồng tiền gây ảnh hưởng đến các biến số vĩ mô khác. Để chống lại sự mất giá tiền tệ đó, một trong những biện pháp phổ biến và thường hay được dùng đó là tăng lãi suất (chính sách tiền tệ thắt chặt). Trong trường hợp ngược lại, vào những thời kỳ kinh tế trì trệ, các central bank trên thế giới thường áp dụng chính sách lới lỏng, một trong các cách thức lới lỏng đó là hạ lãi suất.

Trading thành công trong currency market thường đòi hỏi trader phải dõi theo các vận động của lãi suất. Do đó, hành động của các ngân hàng trung ương, các phát biểu của quan chức central bank là những sự kiện luôn được trader theo dõi chặt chẽ.

Động thái lãi suất đồng tiền của một quốc gia cơ bản được quyết định bởi các ngân hàng trung ương nước đó. Các central bank thường đưa ra các quyết định về lãi suất trên cơ sở xem xét các biến số vĩ mô quan trọng. Một trong các biến số đó là chỉ số lạm phát. Lạm phát trong kinh tế thông thường được đo bằng hai cách. Trên phương diện tiêu thụ hàng hóa, dịch vụ người ta có chỉ số CPI (consummer price index), trên phương diện sản xuất hàng hóa người ta có chỉ số PPI (produce price index).

Tiếp theo, chúng ta chuyển qua một bộ phận cấu thành quan trọng thứ tư là thị trường vốn/cổ phiếu.

IV. THỊ TRƯỜNG VỐN/CỔ PHIẾU (STOCK MARKET)

Nhắc đến thị trường vốn/cổ phiếu chắc hẳn trong chúng ta không còn lạ gì nữa, hồi trước Tôi tham gia vào thị trường currency trade nhưng mà những người bạn, người thân họ nhầm tưởng đó là thị trường chứng khoán. Cũng hợp lý vì ở Việt Nam hiện này đang là một thị trường mới nổi, do đó tất cả những kiến thức liên quan đến thị trường còn rất ít và trong quan niệm cũ của người Việt thì nói đến đầu tư là họ nghĩ ngay đến chứng khoán liền. Vậy thì thị trường vốn/cổ phiếu là gì? Và tại sao chúng ta tham gia vào thị trường này, thị trường cổ phiếu thì có liên quan thế nào đến những thị trường còn lại…

- *Theo Investopedia định nghĩa: "Thị trường chứng khoán"*
  Thị trường, trong đó cổ phiếu của công ty được tổ chức công khai phát hành và giao dịch hoặc thông qua trao đổi hoặc thị trường OTC. Còn được gọi là thị trường vốn, thị trường chứng khoán là một trong những thành phần quan trọng nhất của một nền kinh tế thị trường tự do, vì nó cung cấp danh sách các công ty cần tiếp cận vốn để đổi cho các nhà đầu tư một quyền sở hữu trong công ty. Mục đích thị trường chứng khoán là làm cho khoản đầu tư của bạn có thể phát triển lên, và hơn thế nữa là khuếch đại lượng tiền mà bạn đã bỏ ra để đầu tư, để bạn có thể trở nên giàu có mà không cần phải xây dựng doanh nghiệp, đầu tư vào trang vật tư, thiết bị, công nhân…, nói một cách dễ hiểu thì bạn chính là một cổ đông góp vốn vào công ty và mong muốn những khoản đầu tư vào công ty đó sẽ sinh lợi cho bạn bằng cách giá cổ phiếu sẽ tăng lên trong tương lai.
  DEFINITION of 'Stock Market'
  The market in which shares of publicly held companies are issued and traded either through exchanges or over-the-counter markets. Also known as the equity market, the stock market is one of the most vital components of a free-market economy, as it provides companies with access to capital in exchange for giving investors a slice of ownership in the company. The stock market makes it possible to grow small initial sums of money into large ones, and to

become wealthy without taking the risk of starting a business or making the sacrifices that often accompany a high-paying career.

Thị trường cổ phiếu (Theo Viet Currency)

Thị trường cổ phiếu hay thị trường chứng khoán là một bộ phận phát triển của kinh tế. Nó giúp quốc gia phát triển kinh tế, bằng cách tạo công ăn việc làm cho quốc gia, qua hình thức giúp các công ty gây vốn. Nói cụ thể ra là như thế này. Chu kỳ phát triển của một công ty thường khởi đầu bởi người sáng lập bỏ vốn riêng của mình ra, hay là vay mượn bà con chút ít. Giai đoạn đầu đó có thể làm một công ty nhỏ nhỏ. Nếu làm ăn được và cần tiền phát triển thêm thì người đó có thể đi mượn tiền nhà banks. Nhưng nếu cần tiền phát triển thật lớn thì nhiều khi nhà banks không có đủ, hay không dám cho mượn. Tại vì sự kiện cho một thương gia mượn tiền làm ăn, nó cũng giống như là bỏ vốn vào làm ăn chung với người ta. Tùy rằng mình không có ý hùn hạp, nhưng nếu người đó làm ăn thất bại sau khi mượn tiền thì sao?

Danh từ nhà nghề gọi đó là BUSINESS RISK. Và nhà bank không muốn cái business risk này. Cho nên người thương gia đó mới quay sang thị trường chứng khoán để tìm nguồn vốn đầu tư cho công ty của mình. Ngược lại, các nhà đầu tư khi mua cổ phần của công ty là họ CHẤP NHẬN cái rủi ro trong business của công ty đó. Họ không cho công ty mượn tiền giống như nhà bank, nhưng họ lại bỏ tiền vào công ty qua hình thức mua cổ phần. Số tiền cổ phần bán được này sẽ được đem về dùng vào việc phát triển công ty. Sự phát triển của công ty sẽ đòi hỏi việc mướn thêm người, tạo thêm công ăn việc làm cho kinh tế. Và ngược lại, chánh phủ cũng có thêm tiền thuế hàng năm. Đó là tại sao thường nói, căn bản của thị trường chứng khoán là sự phát triển của kinh tế.

Qua đoạn định nghĩa trên chúng ta có thể hiểu được rằng chúng ta đầu tư vào thị trường chứng khoán tức là đang góp một phần vốn của mình vào cùng hợp tác làm ăn với công ty đó, nếu chúng ta góp vốn làm ăn công ty phát triển, giá trị cổ phiếu tăng thì có nghĩa là chúng ta đã có được khoản lợi nhuận trong thương vụ đầu tư đó. Trong khuôn khổ cuốn sách này sẽ không đề cập đến cổ phiếu của công ty nào hay là đi vào chi tiết từng cổ phiếu một, cái chúng ta cần tìm hiểu chính là một vài chỉ số chứng khoán hàng đầu thế giới hiện

nay, ví dụ như là S&P 500, Dow Jones Industrial, Nasdaq, JPN225, Shanghai Composite, AUS200, DAX… và một vài chỉ số hàng đầu khác. Như có nói ở trên căn bản của thị trường chứng khoán là sự phát triển của nền kinh tế, các bạn có thể hình dung rằng khi thị trường chứng khoán tăng thì có nghĩa là sản xuất, dịch vụ, tiêu dùng, thị trường lao động… đều được hỗ trợ, có nghĩa là nền kinh tế đang phát triển tốt, một nền kinh tế tăng trưởng tốt thì đương nhiên tiêu dùng tăng do đó lạm phát vì thể sẽ tăng lên theo, giá cả hàng hóa vì vậy cũng tăng theo. Tuy nhiên một thị trường tăng trưởng quá nóng, hay có nghĩa là giá trị ảo chứ không phải là giá trị thực tế của thị trường thì đó lại là mối lo, mà việc phân tích những biến động của thị trường chứng khoán cũng chính là thước đo tương đối sớm cho chu kỳ kinh tế. Nếu như ví các chỉ số Index là nhịp tim của nền kinh tế thì điều này hoàn toàn hợp lý, nhịp tim mạnh hay yếu thể hiện được tình hình sức khỏe của nền kinh tế đó.

TẦM QUAN TRỌNG CỦA THỊ TRƯỜNG CHỨNG KHOÁN

Chức năng và mục đích

Việc phát hành cổ phiếu để tham gia vào thị trường chứng khoán là một trong những cách quan trọng nhất đối với các công ty để nâng số vốn của họ lên, tương tự như thị trường trái phiếu nhưng đây là một hình thức công khai góp vốn làm ăn cùng với công ty cho nên những người góp vốn sẽ không được đảm bảo an toàn cho số tiền họ góp vào như là trái phiếu, thay vì đầu tư trái phiếu mang ý nghĩa là an toàn thì đầu tư chứng khoán lại là một kênh khá mạo hiểm khi đầu tư vào một công ty mà có thể trong tương lai công ty sẽ làm ăn thua lỗ hoặc phá sản, điều này có nghĩa là số vốn nhà dầu tư góp vào có thể sẽ thua lỗ hoặc mất trắng.

Lịch sử chỉ ra rằng giá của cổ phiếu và các tài sản khác là một phần quan trọng của các hoạt động kinh tế, và có thể gây ảnh hưởng hoặc là dấu hiệu nhận biết sức khỏe của nền kinh tế. Một nền kinh tế mà thị trường chứng khoán đi lên thì được coi là một nền kinh tế tăng trưởng đi lên. Trong thực tế thị trường chứng khoán được coi là chỉ số hàng đầu về sức mạnh và phát triển kinh tế của một quốc gia. Tăng giá cổ phiếu có xu hướng được gắn

với tăng cường đầu tư kinh doanh và ngược lại. Giá cổ phiếu cũng ảnh hưởng đến sự giàu có của các hộ gia đình và tiêu dùng của họ.

Mối quan hệ của các thị trường chứng khoán với hệ thống tài chính hiện đại

Hệ thống tài chính ở hầu hết các nước phương Tây đã trải qua một biến đổi lớn. Một đặc điểm của sự phát triển này là xóa bỏ những dịch vụ trung gian. Một phần của các quỹ liên quan đến tiết kiệm và tài chính, đổ trực tiếp vào các thị trường tài chính thay vì được chuyển qua các hoạt động cho vay ngân hàng và huy động truyền thống. Lợi ích công cộng nói chung trong việc đầu tư vào thị trường chứng khoán, trực tiếp hoặc thông qua các quỹ tương hỗ đã là một thành phần quan trọng của quá trình này.

Thống kê cho thấy trong những thập kỷ gần đây, cổ phiếu này đã làm nên một tỉ trọng ngày càng lớn của các tài sản tài chính của hộ gia đình ở nhiều nước. Trong những năm 1970, ở Thụy Điển, tài khoản tiền gửi và tài sản ít rủi ro khác đã tăng 60% của tài sản tài chính hộ gia đình, so với ít hơn 20% những năm 2000. Phần chính của việc này là danh mục đầu tư tài chính cá nhân đã chuyển sang những hạng mục đầu tư mạo hiểm hơn. Xu hướng về các hình thức tiết kiệm với một lo ngại rủi ro cao hơn đã được nhấn mạnh bởi quy định với đối với hầu hết các quỹ bảo hiểm, cho phép một tỉ lệ cao hơn của các cổ phiếu tới trái phiếu. Khuynh hướng tương tự cũng được tìm thấy ở các nước phát triển. Trong tất cả các hệ thống kinh tế phát triển, chẳng hạn như liên minh châu Au, Hoa Kỳ, Nhật Bản và các quốc gia phát triển khác, xu hướng chuyển từ tiết kiệm sang đầu tư mạo hiểm.

Một chuyển đổi mang tính đột phá nữa là việc áp dụng giao dịch điện tử để thay thế cho con người trong việc giao dịch niêm yết chứng khoán.

Những lần sụp đổ của thị trường chứng khoán trong quá khứ

Một quá trình sụp đổ của thị trường chứng khoán thường được định nghĩa như là một dip mạnh giá cổ phiếu niêm yết trên sàn giao dịch chứng khoán. Song song với các yếu tố kinh tế khác nhau, một lý do dẫn đến sự sụp đổ đó là do tâm lý hoảng sợ và niềm tin vào danh mục đầu tư của nhà đầu tư dần mất đi. Và sự sụp đổ đó là hệ quả của một sự tăng trưởng nóng, hay còn gọi là bong bóng kinh tế.

Trong quá khứ đã rất nhiều lần thế giới chứng kiến những sự sụp đổ như vậy, mới đây nhất là giai đoạn bong bóng bất động sản, nhà đất ở Mỹ và sau đó lan rộng ra thị trường chứng khoán, kéo theo hệ lụy hầu hết thị trường chứng khoán toàn cầu sụp đổ, bốc hơi hàng chục %, thậm chí là 70%. Trước đó phải kể đến những cuộc khủng hoảng như Dotcom năm 2000, Wall Street sụp đổ năm 1929, ngày thứ 2 đen tối của năm 1987… Một trong những lần sụp đổ đó là vào ngày thứ 5 đen tối 24/10/1929, chỉ số Dow Jones Industrial mất 50%. Đó là sự khởi đầu của đại khủng hoảng. Một lần sụp đổ mới đây là ngày thứ 2 đen tối 19/10/1987, bắt đầu ở Hong Kong và nhanh chóng lan rộng ra khắp thế giới. Đến cuối tháng 10 thị trường chứng khoán Hong Kong đã mất 45,5%, Australia 41,8%, Tây Ban Nha 31%, Vương Quốc Anh 26,4%, Hoa Kỳ 22,68% và Canada 22,5%. Ngày thứ 2 đen tối là ngày giảm mạnh nhất trong lịch sử chứng khoán thế giới khi chỉ số Down Jones giảm 22,6% chỉ trong 1 ngày.

Sự sụp đổ trên thị trường chứng khoán năm 1987 thực sự chưa có lời giải, các tin tức, sự kiện không thể dự đoán được thảm họa này và các lý do rõ ràng cho sự sụp đổ này đã không được xác định. Sự kiện này đặt ra câu hỏi về rất nhiều giả định quan trọng của kinh tế học hiện đại, cụ thể là các lý thuyết về hành vi con người, lý thuyết về cân bằng thị trường và các giả thuyết hiệu quả thị trường. Sau một thời gian sau khi sự sụp đổ diễn ra thì giao dịch trên thị trường chứng khoán đã chững lại, kể từ khi các máy tính không thể tiếp nhận cùng lúc khối lượng các giao dịch vì lý do khối lượng giao dịch quá lớn tại cùng một thời điểm. Kể từ sau thảm họa này mà hệ thống giao dịch liên bang và các ngân hàng trung ương các nước có biện pháp kiểm soát sự lan rộng của khủng hoảng tài chính trên toàn thế giới. Tại Hoa Kỳ SEC giới thiệu một số biện pháp mới nhằm kiểm soát thị trường chứng khoán trong một nỗ lực để ngăn chặn việc tái xuất hiện các sự kiện như ngày thứ 2 đen tối đó.

Kể từ đầu những năm 1990, nhiều trong số các sàn giao dịch lớn nhất đã được thông qua hệ thống giao dịch điện tử. Thương mại điện tử ngày nay chiếm phần lớn trong các giao dịch ở nhiều nước phát triển. Hệ thống máy tính đã được nâng cấp trong các giao dịch chứng khoán để xử lý khối lượng giao dịch lớn một cách chính xác hơn và kiểm soát được

rủi ro tốt hơn. SEC sửa đổi các yêu cầu ký quỹ trong một nỗ lực để giảm sự biến động của cổ phiếu phổ thông, lựa chọn cổ phiếu và thị trường tương lai. Các giao dịch chứng khoán New York và các sàn giao dịch Chicago giới thiệu khái niệm của bộ ngắt mạch, tức là tự động ngừng giao dịch nếu chỉ số Dow giảm tới một mức quy định trong một thời gian nhất định nào đó, mục đích là để các nhà đầu tư bình tính lại, tránh trường hợp hoảng loạn vì một vài tin tức thất thiệt… biện pháp này nhằm mục đích hạn chế những rủi ro không đáng có trong phiên giao dịch, áp lực bán tháo vì thế sẽ được giảm thiểu.

% drop	time of drop	close trading for
10	before 2 pm	one hour halt
10	2 pm – 2:30 pm	half-hour halt
10	after 2:30 pm	market stays open
20	before 1 pm	halt for two hours
20	1 pm – 2 pm	halt for one hour
20	after 2 pm	close for the day
30	any time during day	close for the day

Hình 2.18: Hệ thống tự động đóng các giao dịch tại New York Stock Exchange (NYSE) nếu thị trường xảy ra trường hợp bán tháo.

CÁC CHỈ SỐ CHỨNG KHOÁN (INDEX) VÀ CÁC GIAO DỊCH VỚI CHỈ SỐ CHỨNG KHOÁN FUTURE INDICES.

Chắc hẳn trong chúng ta chẳng ai lạ gì với chỉ số chứng khoán cả, bất kể ai từng nghe đến thị trường chứng khoán cũng đều biết đến chỉ số này, như một thước đo nhịp tim của

nền kinh tế vậy, có thể nói rằng nhìn vào chỉ số INDEX là đoán biết được tình hình kinh tế chung trên toàn thị trường chứng khoán nói riêng và tình hình kinh tế nói chung của một quốc gia. Trong phần này chúng ta sẽ tìm hiểu bản chất, cấu thành của chỉ số chứng khoán và sau đó sẽ đi sâu vào chỉ số Future Indices mà chúng ta giao dịch hàng ngày.

- *Theo Investopedia định nghĩa: "Chỉ số chứng khoán"*
  Một biện pháp thống kê của sự thay đổi trong nền kinh tế hay một thị trường chứng khoán. Trong trường hợp của thị trường tài chính, chỉ số này là một danh mục đầu tư chứng khoán đại diện cho thị trường cụ thể hoặc một phần của nó. Mỗi chỉ số có phương pháp tính toán riêng của nó và thường được diễn giải dưới dạng một sự thay đổi từ một giá trị cơ bản. Như vậy, sự thay đổi tỉ lệ % là quan trọng hơn so với các giá trị thực tế.
  Chỉ số Thị trường chứng khoán và trái phiếu được sử dụng để xây dựng các quỹ tương hỗ và các quỹ giao dịch (ETFs) có danh mục đầu tư phản ánh các thành phần của chỉ số.
  DEFINITION of 'Index'
  A statistical measure of change in an economy or a securities market. In the case of financial markets, an index is an imaginary portfolio of securities representing a particular market or a portion of it. Each index has its own calculation methodology and is usually expressed in terms of a change from a base value. Thus, the percentage change is more important than the actual numeric value.
  Stock and bond market indexes are used to construct index mutual funds and exchange-traded funds (ETFs) whose portfolios mirror the components of the index.

Trên đây là những định nghĩa về chỉ số chứng khoán, thế nhưng cái mà chúng ta giao dịch hàng ngày đó lại không phải là chỉ số Index đâu nhé các bạn, tránh trường hợp nhiệu bạn sẽ nhầm lẫn giữa chỉ số Index và hợp đồng tương lai của chỉ số chứng khoán thì tiếp theo đây Tôi sẽ đi lần lượt từ định nghĩa cho đến ví dụ cụ thể và đặc biệt là một phương

pháp giao dịch mà nếu Tôi không nhầm thì chưa có một cuốn sách nào nhắc đến về việc sử dụng sự chênh lệch giữa chỉ số Index và Future Indices để giao dịch trên chỉ số hợp đồng tương lai. Về các hợp đồng tương lai trong thực tế thì chúng ta ai cũng biết rồi, riêng với hợp đồng tương lai của chỉ số Index thì có thể một vài bạn độc giả chưa từng nghe qua hoặc có sự nhầm lẫn trong việc định nghĩa.

- *Theo Investopedia định nghĩa: "Future Indices"*
  Một hợp đồng tương lai trên một cổ phiếu hay chỉ số tài chính. Đối với mỗi chỉ số có thể là một bội số khác nhau để xác định giá của hợp đồng tương lai.
  DEFINITION of 'Index Futures'
  A futures contract on a stock or financial index. For each index there may be a different multiple for determining the price of the futures contract.

Một ví dụ về hợp đồng tương lai Future Indices: Chỉ số S&P500 là một trong những hợp đồng chỉ số tương lai được giao dịch rộng rãi nhất trong danh mục quản lý giao dịch ở Mỹ, những người muốn tự bảo hiểm rủi ro trong một khoảng thời gian nhất định thường xuyên sử dụng S&P500 tương lai để làm như vậy. Với hợp đồng này, các nhà quản lý danh mục đầu tư chứng khoán có thể bảo vệ mình khỏi các rủi ro về giá, nhược điểm của các thị trường rộng lớn hơn. Tuy nhiên bằng cách sử dụng chiến lược bảo hiểm rủi ro này, nếu thực hiện một cách hoàn hảo, danh mục đầu tư của nhà quản lý sẽ chốt lời tương đương với tỉ lệ rui ro của lãi suất. Ngoài ra các nhà quản lý danh mục đầu tư chứng khoán có thể sử dụng chỉ số tương lai để tăng tiếp xúc của họ với những biến động trong một chỉ số cụ thể, chủ yếu là tận dụng danh mục đầu tư của họ. Nói một cách đơn giản thì khi chúng ta muốn giao dịch với chỉ số Index, tức là nhịp tim của kinh tế một quốc gia, có nghĩa là chúng ta sẽ không cần phải quan tâm tới một vài cổ phiếu riêng lẻ nào mà chỉ cần quan tâm sức khỏe của nền kinh tế tổng thể thôi. Có nghĩa là chúng ta có thể giao dịch trên sự biến động của chỉ số S&P500 mà đáng ra nó chỉ là một chỉ số chứng khoán đơn thuần. Đây có thể được xem là một bước tiến trên thị trường tài chính. Chúng ta đang tham gia thị trường tài chính toàn cầu nếu không muốn nói là 100% đều đang giao dịch với các cặp tiền tệ, sự biến động của các cặp tiền này như phần trước có nói chính là sức khỏe của cả nền kinh tế,

và không quá khó khăn để nói rằng việc theo dõi sát sao biến động của các chỉ số chứng khoán là điều rất quan trọng trong quá trình phân tích liên thị trường, chắc chắn không thể tách rời bất kỳ thị trường nào riêng lẻ được.

Trong kinh tế và tài chính, một chỉ số là biện pháp thống kê các thay đổi trong một nhóm đại diện của các dữ liệu đơn lẻ. Những dữ liệu này có thể được thống kê cả giá cả, năng suất và việc làm. Chỉ số kinh tế theo dõi sức khỏe kinh tế từ những quan điểm khác nhau. Chỉ số tài chính toàn cầu có ảnh hưởng như Dow Jones Industrial, NASDAQ Composite theo dõi hiệu suất của các công ty lớn và được lựa chọn để đánh giá và dự đoán xu hướng kinh tế. Các chỉ số Dow Jones Industrial Averate và S&P 500 chủ yếu là theo dõi thị trường Mỹ, mặc dù một số công ty quốc tế cũng được tính vào. Chỉ số theo dõi vấn đề tiêu dùng như biến động trong giá cả hàng hóa tiêu dùng và dịch vụ khác nhau qua thời gian ở một vị trí địa lý không đổi và tách rời các thành phần để tính toán điều chỉnh mức lương, lãi suất trái phiếu và thuế đối với lạm phát. GDP Deflator Index hay GDP thực tế đo lường mức giá của tất cả những mặt hàng sản xuất trong nước. Chỉ số hiệu suất thị trường bao gồm các chỉ số thị trường lao động/chỉ số công việc và chỉ số thị trường chứng khoán được cung cấp bới các nhà môi giới.

VÍ DỤ VỀ GIAO DỊCH VỚI CHỈ SỐ FUTURE INDICES

Giao dịch với chỉ số Indices thì rất rộng lớn, nhiều chỉ số để lựa chọn, tuy nhiên hiện nay thị trường Mỹ vẫn là thị trường được quan tâm nhiều nhất, bản chất thị trường Mỹ vẫn là thị trường rộng lớn nhất thế giới hiện tại và cả tương lai cũng sẽ khó có thị trường chứng khoán nào vượt qua được. Trong rất nhiều chỉ số thì Tôi thấy chỉ số S&P500 được xem là nhịp tim của nền kinh tế Mỹ, do vậy việc phân tích và giao dịch với hợp đồng tương lai của chỉ số này được khá nhiều người quan tâm, ý kiến cá nhân Tôi cũng thấy là nếu các bạn giao dịch thiên về các cặp tiền thì cũng nên tìm hiểu và giao dịch thêm chỉ số Future Indices của một vài nền kinh tế lớn nữa, nó sẽ bổ trợ cho các bạn trong quá trình phân tích và giao dịch các cặp tiền chính rất nhiều đó. Dưới đây là một chiêu thức trade với chỉ số INDICES mà các trader nhà nghề đang làm, đáng lẽ sẽ không có ai chia sẻ cho các bạn chiêu thức này, nhưng Tôi phá lệ share cho các bạn cách thức giao dịch này.

Lấy chỉ số S&P500 làm ví dụ: với chỉ số này các bạn cần phải biết phân biệt giữa S&P 500 Index và S&P 500 Future Indices:

Trước tiên các bạn vào website: http://www.investing.com/, sau đó ở mục tìm kiếm các bạn gõ vào đó là "US500" như hình vẽ dưới đây:



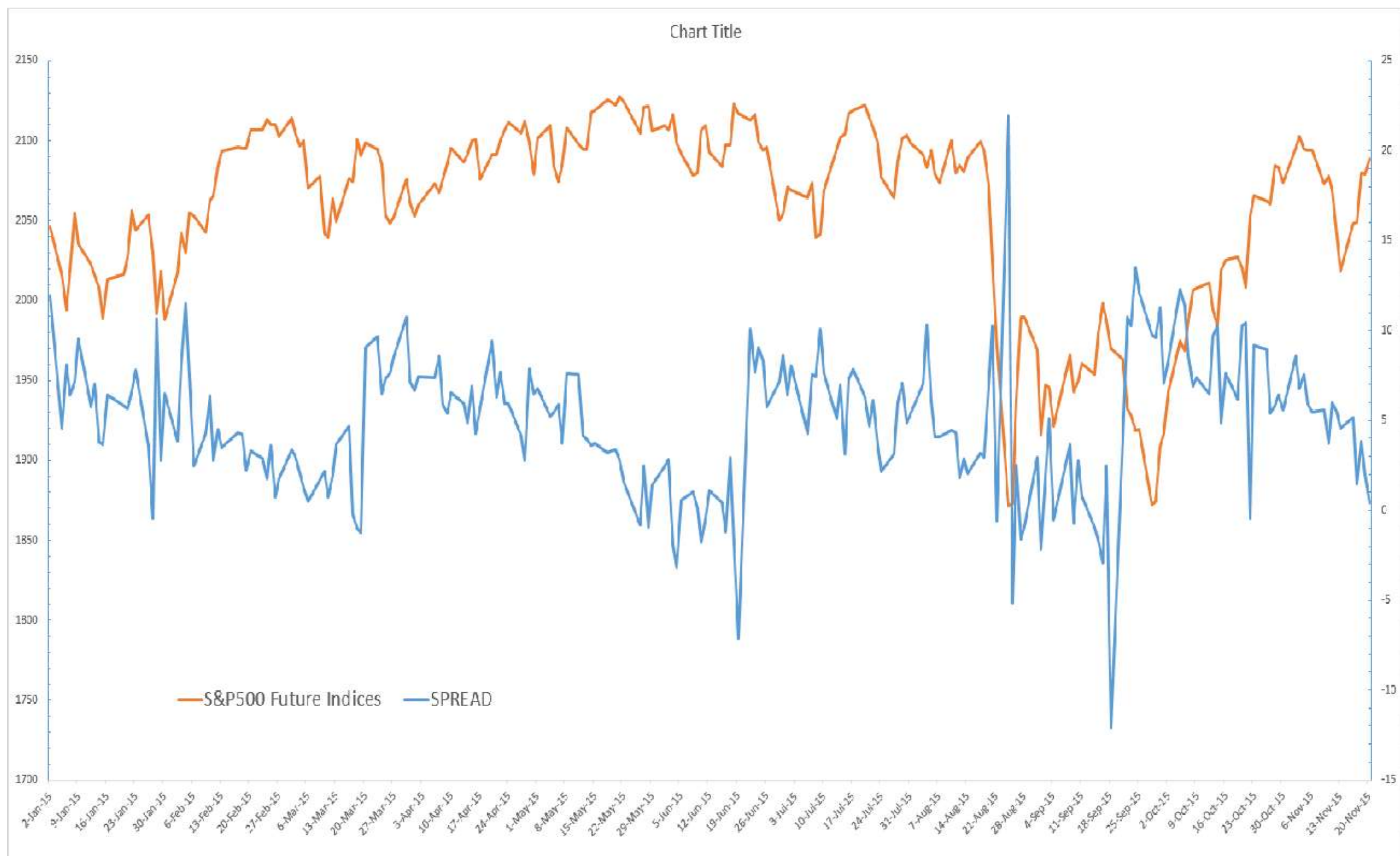
Hình 2.19: Cách tìm kiếm chỉ số S&P 500 Index và S&P 500 Future Indices trên website: http://www.investing.com/

Sau khi đã gõ vào US500 các bạn sẽ thấy 2 chỉ số được khoanh ở trên, đó chính là 2 chỉ số mà chúng ta cần quan tâm. Các bạn có thể mở 2 chỉ số trong 2 tab khác nhau để tiện việc phân tích. Chỉ số S&P 500 Index – NYSE là chỉ số chứng khoán thực của Mỹ, có nghĩa là đó mới chính là những gì thực tế mà các nhà đầu tư giao dịch trên sàn chứng khoán đó. Còn lại chỉ số S&P 500 Index Future – CME chính là chỉ số Future Indices mà chúng ta sẽ giao dịch hàng ngày. Nhưng tại sao lại phải sử dụng 2 chỉ số này, các bạn có thể hình dung thế này giữa 2 chỉ số này luôn luôn có một sự chênh lệch, và sự chênh lệch đó trader nhà nghề gọi là Spread. Chính vì chỉ số S&P 500 Index chỉ được hình thành trong quá trình giao dịch của một phiên, kéo dài vào thời điểm mở phiên ban ngày, nhưng chỉ số Indices thì lại là một sản phẩm Future cho nên nó được giao dịch liên tục trong ngày 24/24. Chính vì đặc điểm trên cho nên giữa 2 chỉ số này luôn luôn có một khoảng chênh lệch nhất định và mấu chốt trong phương pháp mà Tôi sắp nhắc đến đây là "CHÊNH LỆCH GIỮA CHỈ SỐ INDEX VÀ FUTURE INDICES PHẢI ĐƯỢC THU HẸP TỐI ĐA".

Spread chính là linh hồn trong phương pháp giao dịch này, những trader nhà nghề thường xem phương pháp này như là một mánh khỏe, mấu chốt để họ đọc tâm tư thị trường hiện tại. Spread bung rộng cho thấy tâm tư market đang giao động mạnh, ví dụ trong trường

hợp này giả sử chỉ số S&P 500 Index chênh lệch so với S&P 500 Future Indices là 30 điểm, điều này có nghĩa là khoảng cách giữa 2 giá trị này là quá lớn thì trong thời điểm này sẽ có 2 trường hợp xảy ra: (1) là chỉ số S&P 500 Index sẽ phải tăng hoặc giảm để thu hẹp khoảng cách với chỉ số S&P 500 Future Indices, (2) là chỉ số S&P 500 Future Indices sẽ phải tăng hoặc giảm để thu hẹp khoảng cách lại với S&P 500 Index. Nhưng mấu chốt lại nằm ở chỗ S&P 500 Index lại được giao dịch theo phiên cố định và phiên giao dịch chỉ diễn ra vào ban ngày theo giờ New York, do vậy sẽ có nhiều khả năng xảy ra. Nếu như đang trong phiên giao dịch thì một trong hai trường hợp trên sẽ xảy ra ngay tùy vào cảm nhận của thị trường lúc đó, nhưng phần lớn sẽ là chỉ số Indices sẽ chạy theo chỉ số Index. Còn trong trường hợp đã kết thúc phiên giao dịch thực tế, lúc này đây chỉ số Index sẽ đứng yên chờ ngày giao dịch tiếp theo mở cửa, và chỉ còn mỗi chỉ số Indices là được giao dịch, vậy thì lúc này đây những nhà đầu tư trên thị trường chứng khoán Mỹ sẽ theo dõi những diễn biến của chỉ số Indices thật kỹ để qua đó họ tiên đoán được rằng khi phiên mở cửa tiếp theo chỉ số Index sẽ thế nào, nếu mà trước khi phiên Mỹ mở cửa mà chênh lệch giữa 2 chỉ số này là lớn thì chắc chắn sau khi mở cửa thị trường chứng khoán Mỹ sẽ giao động rất mạnh vì tâm lý nhà đầu tư lúc này đang khá bất ổn và họ giao dịch với thiên hướng chạy theo chỉ số Indices. Như đã nói ở trên mấu chốt trong phương pháp này chính là “CHÊNH LỆCH GIỮA CHỈ SỐ INDEX VÀ FUTURE INDICES PHẢI ĐƯỢC THU HẸP TỐI ĐA”.

Để minh chứng rõ hơn các bạn hãy làm thử một phép tính thế này: Spread = S&P 500 Index (NYSE) - S&P 500 Index Future (CME). Tiếp theo hãy đặt lên biểu đồ như hình bên dưới. Các bạn có để ý rằng trong những phiên biến động mạnh như hôm 21/08/2015, thời điểm đó xảy ra sự kiện chứng khoán toàn cầu bị bán tháo do thị trường chứng khoán Trung Quốc Shanghai Composite liên tục bị bán tháo trước đó và bốc hơi hơn 50% giá trị thị trường. Trong giai đoạn này sự chênh lệch giữa 2 chỉ số Index và Indices Future giãn ra rất lớn (trên 20 điểm), do đó sau khi thị trường chứng khoán Mỹ mở cửa thì chỉ số S&P 500 Index đã giảm rất mạnh và thu hẹp khoảng cách với chỉ số Indices xuống còn rất thấp. Như vậy phương pháp này hiểu một cách trừu tượng thị chỉ đơn giản là THU HẸP SPREAD giữa 2 chỉ số này là NHỎ NHẤT mà thôi.



Hình 2.20: Chênh lệch spread giữa chỉ số S&P 500 Index-NYSE và chỉ số S&P 500 Future Indices-CME. Các bạn hãy quan sát spread sẽ luôn có xu hướng tiến sát về mức 0 và thường thì chênh lệch trong từng ngày sẽ không quá cao.

Để hiểu chi tiết hơn các bạn hình dung thế này giả sử những kỳ vọng của market đẩy chỉ số S&P 500 Future Indices tăng hơn 3%, nhưng khi phiên Mỹ mở cửa mà chỉ số S&P 500 Index giảm thì lúc này chỉ số S&P 500 Future sẽ bị kéo giảm lại. Tuy nhiên phương pháp này không phải hoàn toàn đúng, và lưu ý khi sử dụng phương pháp này là phải hiểu được nội tình và đọc được tâm tư của thị trường, tức là hiểu được đang có sự kiện gì, tin tức gì chi phối thị trường, lúc đó các bạn mới có thể áp dụng tốt phương pháp này để giao dịch với chỉ số Future Indices được. Tiếp tục ví dụ trên khi các bạn thấy S&P 500 Future Indices tăng lên 3% nhưng nhìn sang các chỉ số chứng khoán khác như Shanghai Compodite, Nikkei 225…nếu mà quan sát thấy các chỉ số chứng khoán trên thế giới đồng loạt giảm nhưng S&P 500 Future Indices vẫn tăng trên 3% chẳng hạn, thì chúng ta sẽ dựa vào các chỉ số Index trên để tiên đoán xu hướng của chỉ số S&P 500 Index. Sau khi tiên đoán được cái này rồi thì nhìn qua chỉ số S&P 500 Future Indices, khi thấy chỉ số Index có khả năng giảm mà Future Indices lại đang tăng thì đó chính là cơ hội để chúng ta tìm thời điểm vào short chỉ số S&P 500 Future Indices đó. Trong phương pháp này chắc chắn các bạn phải biết nhìn liên thị trường, tức là quan sát trên tất cả các bộ phận cấu thành thị trường rồi nhưng phải để ý sang chứng khoán Nhật, Trung Quốc, Châu Âu… để tiên đoán xem chứng khoán Mỹ sẽ thế nào, bởi vì thương mại giữa Mỹ và các quốc gia, khu vực trên là rất lớn, cho nên mỗi khi có biến động gì đó ở các thị trường chứng khoán khác thì chứng khoán Mỹ cũng sẽ phản ứng theo. Đó chính là mấu chốt và cũng chính là những tinh túy mà những trader giao dịch theo phương pháp phân tích liên thị trường nắm vững và thường thì xác xuất họ thành công trong những giao dịch sẽ cao hơn. Ngoài ra để phân tích thị trường chứng khoán Mỹ còn phải cần phân tích thêm các chỉ số sau: Có ba kiểu khác nhau của các chỉ số biến động: VIX theo dõi chỉ số S & P 500, VXN dõi Nasdaq 100 và VXD theo dõi các chỉ số Dow Jones Industrial Average. Đó là những chỉ số đo lường biến động của các chỉ số chứng khoán Mỹ, hay còn gọi là chỉ số đo lượng mức độ sợ hãi. Ở phần các mối tương quan Tôi sẽ nói rõ hơn về các chỉ số này trong từng phân tích với các chỉ số Future Indices để vào lệnh.

Ví dụ trên Tôi chỉ mới lấy về chỉ số S&P 500, bởi vì thông thường người ta quan tâm đến chỉ số này nhiều hơn cả và phiên Mỹ bắt đầu sau các phiên khác cho nên việc tiên đoán xu hướng thị trường chứng khoán Mỹ dễ hơn và hơn nữa là việc phân tích thị trường chứng khoán Mỹ có phần tương đối dễ hơn so với các thị trường chứng khoán khác (theo ý kiến cá nhân Tôi).

"Theo anh Viet Currency:

- ***Bản chất của thị trường chứng khoán là gì?***

Thị trường chứng khoán là một bộ phận phát triển của kinh tế. Nó giúp quốc gia phát triển kinh tế, bằng cách tạo công ăn việc làm cho quốc gia, qua hình thức giúp các công ty gây vốn. Nói cụ thể ra là như thế này. Chu kỳ phát triển của một công ty thường khởi đầu bởi người sáng lập bỏ vốn riêng của mình ra, hay là vay mượn bà con chút ít. Giai đoạn đầu đó có thể làm một công ty nhỏ nhỏ. Nếu làm ăn được và cần tiền phát triển thêm thì người đó có thể đi mượn tiền nhà banks. Nhưng nếu cần tiền phát triển thật lớn thì nhiều khi nhà banks không có đủ, hay không dám cho mượn. Tại vì sự kiện cho một thương gia mượn tiền làm ăn, nó cũng giống như là bỏ vốn vào làm ăn chung với người ta. Tùy rằng mình không có ý hùn hạp, nhưng nếu người đó làm ăn thất bại sau khi mượn tiền thì sao?

Danh từ nhà nghề gọi đó là BUSINESS RISK. Và nhà bank không muốn cái business risk này. Cho nên người thương gia đó mới quay sang thị trường chứng khoán để tìm nguồn vốn đầu tư cho công ty của mình. Ngược lại, các NDT khi mua cổ phần của công ty là họ CHẤP NHẬN cái rủi ro trong business của công ty đó. Họ không cho công ty mượn tiền giống như nhà bank, nhưng họ lại bỏ tiền vào công ty qua hình thức mua cổ phần. Số tiền cổ phần bán được này sẽ được đem về dùng vào việc phát triển công ty. Sự phát triển của công ty sẽ đòi hỏi việc mướn thêm người, tạo thêm công ăn việc làm cho kinh tế. Và ngược lại, chánh phủ cũng có thêm tiền thuế hàng năm. Đó là tại sao thường nói, căn bản của thị trường chứng khoán là sự phát triển của kinh tế.

- ***Các newbie cần chuẩn bị những gì để bước vào thị trường chứng khoán?***

Có hai điểm mà người mới nên biết về thị trường tài chánh nói chung và thị trường chứng khoán nói riêng. Đó là điểm phân biệt giữa traders và investors. Bạn tự hỏi mình là ai. Bạn muốn vào đó với tư cách nào. Thường thì người ta vào đó hy vọng mua bán kiếm lời (trader), nhưng lại không học phương cách trade cho kỹ. Cho nên có những người sau khi nhảy vào thua, rồi vì ngại bán lỗ cho nên trở thành investor "bất đắt dĩ." Họ nằm luôn trong cái stock đó vớ hy vọng là nó sẽ lên lại. Đó cũng là một lỗi lầm mà người mới sẽ khó tránh được khi họ mới bước vào đây.

Điều thứ hai mà một người mới nên chuẩn bị là sự siêng năng học hỏi. Trading là một chuỗi ngày dài học hỏi, chứ không phải chỉ đơn giản mua và bán. Hành động mua và bán chỉ là một hành động chót trong chuỗi dây xích dài bắt đầu bởi một phân tích căn bản. Trong thị trường VN thì tôi không biết, nhưng trong thị trường Hoa Kỳ thì người mới vào nên có một khái niệm về phân lời. Khái niệm này không phải là một sự tiên đoán về hướng đi của phân lời hay là sự tác động của the Fed, nhưng là cái hiểu biết về ảnh hưởng của phân lời vào giá cả của stock. Chẳng hạn như phân lời lên thì stock sẽ xuống ra sao, và ngược lại. Sự hiểu biết này sẽ làm cho người ta đở hoang mang khi thấy giá stock rớt vì những ảnh hưởng của các ngoại lực tác động vào TTCK.

Còn về việc học hỏi thì tôi nói thật. Đây là một nghề cạnh tranh rất ác liệt, và là trò chơi của dân trí thức trong xã hội. Cho nên trừ khi bạn có một đam mê và một nhiệt tình thật lớn thì bạn mới nên bước vào. Bằng không thì bạn chỉ nên đầu tư dài hạn. Nghĩa là kiếm chú nào thật tốt, mua xong bỏ đó. VN là một quốc gia đang vươn lên trên phương diện kinh tế. Các công ty lớn của nó sẽ có nhiều cơ hội biến thành các đại công ty sau này. Nếu biết chắc hay có niềm tin vào một công ty nào đó thì nên ôm nó luôn. Đừng vì một số tiền lời nho nhỏ mà trade nó. Phần lớn các bạn đang trade bên TTCKVN vẫn còn học trade, và TTCKVN đang lên khá mạnh. Thành ra, trade nó rất dể make $. Nhưng trong một thị trường như thế, không trade mà chỉ mua thôi thì còn make $ nhiều hơn nữa.

Luật giang hồ là không bao giờ "dồn chó vào chân tường." Có nghĩa là đừng ráng ăn cho hết."

Trên đây chỉ mới là những khái niệm cơ bản nhất về bốn bộ phận cấu thành thị trường tài chính. Và chắc chắn trong quá trình đọc các bạn sẽ có những thắc mắc liên quan đến những đặc điểm của những đồng tiền chính, do vậy các bạn có thể liên hệ trực tiếp với Tôi để được biết thêm. Tôi sẽ không nhắc lại nữa mà sẽ dành phần lớn các chương trong cuốn sách để giải thích những mối tương quan, phương pháp phân tích và kỹ năng đọc hiểu tin tức, phương pháp lập kế hoạch giao dịch theo từng sự kiện được quan tâm, các ví dụ giao dịch thực tiễn… Vì Tôi biết những điều đó có ý nghĩa thực tiễn với các bạn hơn. Với những mối tương quan đó Tôi sẽ cố gắng viết nhiều ví dụ trong giao dịch với các khung ngắn hạn hơn là viết thiên về học thuật kiến thức. Và còn một điều nữa Tôi muốn nhắn tới các bạn là trong sách của Tôi sẽ có nhiều phần lý thuyết đã được John Murphy nói đến, cho nên Tôi sẽ không nhắc lại quá chi tiết. Vì thế bạn đọc nào muốn hiểu sâu hơn thì hãy tìm đọc cuốn "Trading with intermarket analysis" tài bản năm 2013 của John Murphy mà Tôi đã giới thiệu khi các bạn đặt mua cuốn sách này của Tôi. Ngoài ra Tôi cũng xin giới thiệu tới các bạn một cuốn sách khác về phân tích liên thị trường của tác giả Ashraf Laidi "Giao dịch ngoại hối và phân tích liên thị trường". Nếu bạn nào chưa có thì có thể contact trực tiếp với Tôi, Tôi sẽ gửi cho các bạn.

Tôi không giám khẳng định là phương pháp phân tích liên thị trường này luôn luôn đúng và nó cũng chưa hẳn đã phù hợp với tất cả các bạn. Thế nhưng Tôi hi vọng là những tư duy cơ bản liên thị trường sẽ giúp các bạn có được những nhận định tốt hơn để hạn chế được những rủi ro không đáng có và tối ưu hóa nguồn lợi nhuận của mình!

CHƯƠNG III:

SỰ THAY THẾ CỦA CHẾ ĐỘ BẢN VỊ VÀNG SANG BẢN VỊ DẦU, LUẬN TƯƠNG LAI KINH TẾ TOÀN CẦU KHI BẢN VỊ DẦU/USD ĐƯỢC THAY THẾ

I. VAI TRÒ VÀ TẦM QUAN TRỌNG CỦA VÀNG TRONG ĐỜI SỐNG CON NGƯỜI

Vàng đã được sử dụng rộng rãi trên khắp thế giới như một phương tiện chuyển đổi tiền tệ, hoặc bằng cách phát hành và công nhận các đồng xu vàng hay các số lượng kim loại khác, hay thông qua các công cụ tiền giấy có thể quy đổi thành vàng bằng cách lập ra bản vị vàng theo đó tổng giá trị tiền được phát hành được đại diện bởi một lượng vàng dự trữ.

Tuy nhiên, số lượng vàng trên thế giới là hữu hạn và việc sản xuất không gia tăng so với nền kinh tế thế giới. Ngày nay, sản lượng khai thác vàng đang sụt giảm. Với sự tăng trưởng mạnh của các nền kinh tế trong thế kỷ 20, và sự gia tăng trao đổi quốc tế, dự trữ vàng thế giới và thị trường của nó đã trở thành một nhánh nhỏ của toàn bộ các thị trường và các tỷ lệ trao đổi tiền tệ cố định với vàng đã trở nên không thể duy trì. Ở đầu Thế chiến I các quốc gia tham gia chiến tranh đã chuyển sang một bản vị vàng nhỏ, gây lạm phát cho đồng tiền tệ của mình để có tiền phục vụ chiến tranh. Sau Thế chiến II vàng bị thay thế bởi một hệ thống tiền tệ có thể chuyển đổi theo hệ thống Bretton Woods. Bản vị vàng và tính chuyển đổi trực tiếp của các đồng tiền sang vàng đã bị các chính phủ trên thế giới huỷ bỏ, bị thay thế bằng tiền giấy. Thụy Sĩ là quốc gia cuối cùng gắn đồng tiền của mình với vàng; vàng hỗ trợ 40% giá trị của tiền cho tới khi Thụy Sĩ gia nhập Quỹ Tiền tệ Quốc tế năm 1999.

Hàm lượng vàng trong hợp kim được xác định bằng kara (k). Vàng nguyên chất được định danh là 24k. Các đồng xu vàng được đưa vào lưu thông từ năm 1526 tới thập niên 1930 đều là hợp chất vàng tiêu chuẩn 22k được gọi là vàng hoàng gia, vì độ cứng.

Nhiều người sở hữu vàng và giữ chúng dưới hình thức các thỏi nén hay thanh như một công cụ chống lại lạm phát hay những đợt khủng hoảng kinh tế. Tuy nhiên, một số nhà kinh tế không tin việc giữ vàng là một công cụ chống lạm phát hay mất giá tiền tệ.

Mã tiền tệ ISO 4217 của vàng là XAU.

Các thỏi vàng hiện đại cho mục đích đầu tư hay cất trữ không yêu cầu các tính chất cơ khí tốt; chúng thường là vàng nguyên chất 24k, dù American Gold Eagle của Mỹ, gold sovereign của Anh, và Krugerrand của Nam Phi tiếp tục được đúc theo chất lượng 22k theo truyền thống. Đồng xu Canadian Gold Maple Leaf phát hành đặc biệt có chứa lượng vàng nguyên chất cao nhất so với bất kỳ thỏi vàng nào, ở mức 99,999% hay 0,99999, trong khi đồng xu Canadian Gold Maple Leaf phát hành phổ thông có độ nguyên chất 99,99%. Nhiều đồng xu vàng nguyên chất 99,99% khác cũng có trên thị trường. Australian Gold Kangaroos lần đầu tiên được đúc năm 1986 như là Australian Gold Nugget nhưng đã thay đổi thiết kế mặt trái vào năm 1989. Ngoài ra, có nhiều đồng xu thuộc loạt Australian Lunar Calendar và Austrian Philharmonic. Năm 2006, Sở đúc tiền Hoa Kỳ bắt đầu sản xuất đồng xu vàng American Buffalo với độ nguyên chất 99,99%.

Dùng làm đồ trang sức: Vì tính mềm của vàng nguyên chất (24k), nó thường được pha trộn với các kim loại căn bản khác để sử dụng trong công nghiệp nữ trang, làm biến đổi độ cứng và tính mềm, điểm nóng chảy, màu sắc và các đặc tính khác. Các hợp kim với độ cara thấp, thường là 22k, 18k, 14k hay 10k, có chứa nhiều đồng, hay các kim loại cơ bản khác, hay bạc hoặc paladi hơn trong hỗn hợp. Đồng là kim loại cơ sở thường được dùng nhất, khiến vàng có màu đỏ hơn. Vàng 18k chứa 25% đồng đã xuất hiện ở đồ trang sức thời cổ đại và đồ trang sức Nga và có kiểu đúc đồng riêng biệt, dù không phải là đa số, tạo ra vàng hồng. Hợp kim vàng-đồng 14k có màu sắc gần giống một số hợp kim đồng, và cả hai đều có thể được dùng để chế tạo các biểu trưng cho cảnh sát và các ngành khác.

Vàng xanh có thể được chế tạo bởi một hợp kim với sắt và vàng tía có thể làm bằng một hợp kim với nhôm, dù hiếm khi được thực hiện trừ khi trong trường hợp đồ trang sức đặc biệt. Vàng xanh giòn hơn và vì thế khó chế tác hơn trong ngành trang sức. Các hợp kim vàng 18 và 14 carat chỉ pha trộn với bạc có màu xanh-vàng nhất và thường được gọi là vàng xanh. Các hợp kim vàng trắng có thể được làm với paladi hay niken. Vàng trắng 18 carat chứa 17,3% niken, 5,5% kẽm và 2,2% đồng có màu bạc. Tuy nhiên, niken là chất độc, và độ giải phóng của nó bị luật pháp quản lý ở châu Âu. Các loại hợp kim vàng trắng khác cũng có thể thực hiện với paladi, bạc và các kim loại trắng khác, nhưng các hợp kim paladi đắt hơn các hợp kim dùng niken. Các hợp kim vàng trắng có độ nguyên chất cao có khả năng chống ăn mòn hơn cả bạc nguyên chất hay bạc sterling. Hội tam điểm Nhật Mokume-gane đã lợi dụng sự tương phản màu sắc giữa màu sắc các hợp kim vàng khi dát mỏng để tạo ra các hiệu ứng kiểu thớ gỗ.

Y học: Thời Trung Cổ, vàng thường được xem là chất có lợi cho sức khỏe, với niềm tin rằng một thứ hiếm và đẹp phải là thứ tốt cho sức khỏe. Thậm chí một số người theo chủ nghĩa bí truyền và một số hình thức y tế thay thế khác coi kim loại vàng có sức mạnh với sức khỏe. Một số loại muối thực sự có tính chất chống viêm và đang được sử dụng trong y tế để điều trị chứng viêm khớp và các loại bệnh tương tự khác. Tuy nhiên, chỉ các muối và đồng vị của vàng mới có giá trị y tế, còn khi là nguyên tố (kim loại) vàng trơ với mọi hoá chất nó gặp trong cơ thể. Ở thời hiện đại, tiêm vàng đã được chứng minh là giúp làm giảm đau và sưng do thấp khớp và lao.

Các hợp kim vàng đã được sử dụng trong việc phục hồi nha khoa, đặc biệt là răng, như thân răng và cầu răng vĩnh viễn. Tính dễ uốn của các hợp kim vàng tạo điều kiện thuận lợi cho việc tạo bề mặt kết nối răng và có được các kết quả nói chung tốt hơn các loại khác làm bằng sứ. Việc sử dụng thân răng vàng với các răng có số lượng nhiều như răng cửa đã được ưa chuộng ở một số nền văn hoá nhưng lại không được khuyến khích ở các nền văn hoá khác.

Sự pha chế vàng keo (chất lỏng gồm các phân tử nano vàng) trong nước có màu rất đỏ, và có thể được thực hiện với việc kiểm soát kích cỡ các phân tử lên tới một vài phần chục

nghìn nano mét bằng cách giảm vàng clorua với các ion citrat hay ascorbat. Vàng keo được sử dụng trong nghiên cứu y khoa, sinh học và khoa học vật liệu. Kỹ thuật miễn dịch vàng (immunogold) khai thác khả năng của các phần tử vàng hấp thụ các phân tử protein lên các bên mặt của chúng. Các phần tử vàng keo được bao phủ với các kháng thể riêng biệt có thể được dùng để phát hiện sự hiện diện và vị trí của các kháng nguyên trên bề mặt của tế bào. Trong các phần siêu mỏng của mô được quan sát bởi kính hiển vi electron, các đoạn immunogold xuất hiện với mật độ cực lớn bao quanh các điểm ở vị trí của kháng thể. Vàng keo cũng là hình thức vàng được sử dụng như sơn vàng trong ngành gốm sứ trước khi nung.

Vàng, hay các hợp kim của vàng và paladi, được áp dụng làm lớp dẫn cho các mẫu sinh học và các vật liệu phi dẫn khác như nhựa dẻo tổng hợp và thủy tinh để được quan sát trong một kính hiển vi electron quét. Lớp phủ, thường được tạo bởi cách phun tia bằng một luồng plasma agon, có ba vai trò theo cách ứng dụng này. Tính dẫn điện rất cao của vàng dẫn điện tích xuống đất, và mật độ rất cao của nó cung cấp năng lượng chặn cho các electron trong chùm electron, giúp hạn chế chiều sâu chùm electron xâm nhập vào trong mẫu. Điều này cải thiện độ nét của điểm và địa hình bề mặt mẫu và tăng độ phân giải không gian của hình ảnh. Vàng cũng tạo ra một hiệu suất cao của các electron thứ hai khi bị bức xạ bởi một chùm electron, và các electron năng lượng thấp đó thường được dùng làm nguồn tín hiệu trong kính hiển vi quét electron.

Đồng vị vàng-198, (bán rã 2,7 ngày) được dùng trong một số phương pháp điều trị ung thư và để điều trị một số loại bệnh.

Thực phẩm: Vàng có thể được sử dụng trong thực phẩm và có số E 175.

Vàng lá, bông hay bụi được dùng trên và trong một số thực phẩm cho người sành ăn, đáng chú ý nhất là các đồ bánh kẹo và đồ uống như thành phần trang trí. Vàng lá đã được giới quý tộc thời châu Âu Trung Cổ sử dụng như một thứ đồ trang trí cho thực phẩm và đồ uống, dưới dạng lá, bông hay bụi, hoặc để thể hiện sự giàu có của chủ nhà hay với niềm tin rằng một thứ có giá trị và hiếm sẽ có lợi cho sức khỏe con người. Lá vàng và bạc thỉnh thoảng được dùng trong các đồ bánh kẹo ở Nam Á như barfi.

Goldwasser (nước vàng) là một đồ uống thảo mộc truyền thống được sản xuất tại Gdańsk, Ba Lan, và Schwabach, Đức, và có chứa những bông vàng lá. Cũng có một số loại cocktail đắt giá (~$1.000) có chứa bông vàng lá. Tuy nhiên, bởi vàng kim loại trơ với mọi chất hoá học trong cơ thể, nó không mang lại hương vị cũng không có hiệu quả dinh dưỡng nào và không làm thay đổi gì cho cơ thể.

Công nghiệp: Hàn vàng được dùng để gắn kết các thành phần vàng trang sức bằng hàn cứng nhiệt độ cao hay hàn vảy cứng. Nếu tác phẩm nghệ thuật đòi hỏi dấu xác nhận tiêu chuẩn chất lượng, tuổi của vàng hàn phải trùng khớp với tuổi vàng của tác phẩm, và công thức hợp kim hầu hết được chế tạo theo tiêu chuẩn tuổi vàng công nghiệp để màu sắc phù hợp với vàng vàng và vàng trắng. Hàn vàng thường được thực hiện ở ít nhất ba khoảng nhiệt độ nóng chảy được gọi là Dễ, Trung bình và Khó. Bằng cách đầu tiên sử dụng vàng hàn khó có điểm nóng chảy cao, sau đó là các loại vàng hàn có điểm nóng chảy thấp dần, thợ vàng có thể lắp ráp các đồ vật phức tạp với nhiều điểm hàn tách biệt.

Vàng có thể được chế tạo thành sợi chỉ và được dùng trong thêu thùa.

Vàng mềm và có thể uốn, có nghĩa nó có thể được chế tạo thành sợi dây rất mỏng và có thể được dát thành tấm rất mỏng gọi là lá vàng.

Vàng tạo màu đỏ sâu khi được dùng làm tác nhân màu trong sản xuất thủy tinh nam việt quất (hay thủy tinh rubi vàng).

Trong nhiếp ảnh, các chất liệu màu bằng vàng được dùng để chuyển đổi màu của các điểm trắng và đen trên giấy ảnh thành màu xám và xanh, hay để tăng sự ổn định của chúng. Được dùng trong in tông nâu đỏ, chất màu vàng tạo ra các tông đỏ. Kodak đã công bố các công thức cho nhiều kiểu tông màu từ vàng, trong đó sử dụng vàng như một loại muối clorua.

Bởi vàng là một chất phản xạ tốt với bức xạ điện từ như hồng ngoại và ánh sáng nhìn thấy được cũng như các sóng radio, nó được dùng làm lớp phủ bảo vệ cho nhiều vệ tinh

nhân tạo, trong các tấm bảo vệ nhiệt hồng ngoại và mũ của các nhà du hành vũ trụ và trên các máy bay chiến tranh điện tử như EA-6B Prowler.

Vàng được dùng như lớp phản xạ trên một số đĩa CD công nghệ cao.

Ô tô có thể sử dụng vàng để tản nhiệt. McLaren sử dụng vàng lá trong khoang động cơ model F1 của mình.

Vàng có thể được sản xuất mỏng tới mức nó dường như trong suốt. Nó được dùng trong một số cửa sổ buồng lái máy bay để làm tan băng hay chống đóng băng bằng cách cho một dòng điện chạy qua đó. Nhiệt tạo ra bởi kháng trở của vàng đủ để khiến băng không thể hình thành.

Điện tử: Mật độ electron tự do trong vàng kim loại là 5,90×1022 cm−3. Vàng có tính dẫn điện rất cao, và đã được dùng làm dây dẫn điện trong một số thiết bị tiêu thụ nhiều điện năng (bạc thậm chí có độ dẫn điện trên thể tích cao hơn, nhưng vàng có ưu điểm chống ăn mòn). Ví dụ, các dây dẫn điện bằng vàng đã được sử dụng trong một số thực nghiệm nguyên tử thuộc Dự án Manhattan, nhưng những dây dẫn bạc dòng lớn cũng được sử dụng trong các nam châm tách đồng vị calutron của dự án này.

Dù vàng bị clo tự do tấn công, tính dẫn điện tốt của nó và khả năng chống ôxi hoá và ăn mòn nói chung trong các môi trường khác (gồm cả khả năng kháng axít không clo) đã khiến nó được sử dụng rộng rãi trong công nghiệp điện tử bởi chỉ một lớp phủ vàng mỏng có thể đảm bảo kết nối điện mọi dạng, vì thế đảm bảo độ kết nối tốt. Ví dụ, vàng được dùng làm thiết bị nối của các dây dẫn điện đắt đỏ, như audio, video và cáp USB. Lợi ích của việc sử dụng vàng làm kim loại kết nối so với kim loại khác như thiếc đang bị tranh luận dữ dội. Các kết nối vàng thường bị các chuyên gia nghe nhìn chỉ trích là không cần thiết với hầu hết khách hàng và bị coi chỉ đơn giản là một trò marketing. Tuy nhiên, việc sử dụng vàng trong các thiết bị điện tử kiểu trượt khác trong các môi trường rất ẩm ướt và ăn mòn, và cho các tiếp xúc với chi phí hư hỏng lớn (một số máy tính, thiết bị thông tin, tàu vũ trụ, động cơ máy bay phản lực) vẫn rất phổ biến.

Bên cạnh tiếp xúc điện kiểu trượt, vàng cũng được dùng trong tiếp xúc điện bởi nó có khả năng chống ăn mòn, độ dẫn điện, mềm và không độc. Các công tắc kiểu bấm nói chung dễ bị ăn mòn hơn công tắc trượt. Các dây dẫn bằng vàng mỏng được dùng để kết nối các thiết bị bán dẫn với gói thiết bị của chúng qua một quá trình được gọi là kết nối dây.

Hóa học: Vàng bị tấn công và hoà tan trong các dung dịch kiềm hay natri xyanua, và xyanua vàng là chất điện phân được dùng trong kỹ thuật mạ điện vàng lên các kim loại cơ sở và kết tủa điện. Các dung dịch vàng clorua (axit cloroauric) được dùng để chế tạo vàng keo bằng cách khử với các ion citrat hay ascorbat. Vàng clorua và vàng oxit được dùng để chế tạo thuỷ tinh màu đỏ hay thuỷ tinh nam việt quất, mà giống như huyền phù vàng keo, có chứa các hạt vàng nano hình cầu với kích cỡ đồng đều.

Đơn vị đo lường: Trong ngành kim hoàn ở Việt Nam, khối lượng của vàng được tính theo đơn vị là lượng (lượng hay lạng) hoặc chỉ. Một lượng vàng nặng 37,50 g. Một chỉ bằng 1/10 lượng vàng.

Trên thị trường thế giới, vàng thường được đo lường theo hệ thống khối lượng troy, trong đó 1 troy ounce (ozt) tương đương 31,1034768 gam.

Tuổi (hay hàm lượng) vàng được tính theo thang độ K (kara). Một kara tương đương 1/24 vàng nguyên chất. Vàng 99,99% tương đương với 24K. Khi ta nói tuổi vàng là 18K thì nó tương đương với hàm lượng vàng trong mẫu xấp xỉ 75%. Hiện nay ở Việt Nam người ta thường kinh doanh vàng dưới dạng các bánh, thỏi, nhẫn, dây chuyền, vòng, lắc với hàm lượng vàng chủ yếu là 99,999%; 99,99%; 99,9%; 99% hay 98%. Vàng dùng trong ngành trang sức thông thường còn gọi là vàng tây có tuổi khoảng 18K.

II. CHẾ ĐỘ BẢN VỊ VÀNG

Bản vị vàng là chế độ tiền tệ mà phương tiện tính toán kinh tế tiêu chuẩn được ấn định bằng hàm lượng vàng.

Dưới chế độ bản vị vàng, tổ chức phát hành tiền mặt (ở dạng giấy bạc hay tiền xu) cam kết sẵn sàng nhận lại tiền mặt và trả vàng nếu được yêu cầu. Các chính phủ sử dụng thước đo giá trị cố định này nếu chấp nhận thanh toán cả tiền mặt của chính phủ nước khác bằng vàng sẽ có liên hệ tiền tệ ấn định (lượng tiền mặt lưu hành, tỷ giá quy đổi, v.v..)

Những người ủng hộ chế độ bản vị vàng cho rằng hệ thống này đề kháng được sự bành trướng tín dụng và nợ nần. Không như chế độ tiền luật định (không có vàng bảo đảm), đồng tiền được bảo đảm bằng vàng sẽ không cho phép chính phủ tùy tiện in tiền giấy. Cản trở này ngăn hiện tượng lạm phát do đánh tụt giá tiền tệ. Nó được tin rằng giúp loại bỏ được sự bất ổn hệ thống tiền tệ, đảm bảo sự tín nhiệm của tổ chức phát hành tiền tệ và khuyến khích hoạt động cho vay. Ở những nước không áp dụng bản vị vàng một cách triệt để như tuyên bố bảo đảm hàm lượng vàng nhưng phát hành tiền giấy nhiều hơn, trải qua các cuộc khủng hoảng tín dụng và trì trệ kinh tế. Ví dụ là sự hoang mang ở Hoa Kỳ năm 1819 sau khi Ngân hàng quốc gia thứ hai ra đời năm 1816.

Ngày nay, không một quốc gia nào trên thế giới còn áp dụng bản vị vàng. Thay vào đó, tiền luật định được áp dụng, có nghĩa là Nhà nước áp đặt sử dụng đồng tiền do họ phát hành, yêu cầu nộp thuế, nhận trợ cấp, thanh toán của Chính phủ bằng đồng tiền đó. Ở một số định chế tài chính tư nhân, bản vị vàng vẫn được áp dụng.

Tại sao lại là Vàng?

Vàng được lựa chọn bởi sự tinh khiết, không bị biến đổi theo thời gian, dễ dàng phân biệt, thẩm định nhờ màu đặc trưng, độ dẻo, âm thanh khi va chạm, khối lượng riêng lớn; vàng là một vật phẩm mà các nhà buôn lựa chọn làm thước đo giá trị - nó đã được chọn từ xa xưa là một dạng tiền và vật cất trữ của cải.

Đã có rất nhiều vật phẩm được sử dụng làm tiền, bao gồm cả những thứ tưởng như không thể như vỏ ốc, lá cây thuốc lá. Những thuộc tính cần phải có để một dạng vật chất trở thành dạng cơ bản của tiền là

- Dễ phân biệt
- Bền vững
- Ổn định về lượng sẵn có
- Giá trị nội tại không bị biến động.

Vàng đáp ứng tất cả các yêu cầu trên và có thể nói rằng nó là dạng vật chất duy nhất trên thế giới đáp ứng được. Lượng vàng mà con người có được không thay đổi đột biến trong nhiều thế kỷ; lượng vàng bổ sung nhờ khai mỏ là nhỏ và dự tính được. Phần lớn vàng được tàng cất trong kho, quỹ, két ở dạng "chức năng" của nó là vật lưu trữ giá trị. Nhu cầu vàng cho mục đích khác chỉ là trang sức, răng giả và đồ điện tử mà thôi. Việc sử dụng vàng làm đồ trang sức và các vật trang trí khác có thể coi là cùng chức năng lưu trữ giá trị bởi thuộc tính thẩm mĩ của nó. Hai ứng dụng còn lại chỉ chiếm một phần rất nhỏ so với lượng vàng được tàng trữ dưới dạng thỏi, nén; bên cạnh đó, nhu cầu vàng trong lĩnh vực nha khoa đang giảm xuống nhờ việc sử dụng các vật liệu trông giống răng thật. Ngoài vàng ra, bất kỳ vật phẩm nào khác đều có thể biến đổi giá trị khi cung và cầu thay đổi.

Quá trình đi đến chọn vàng làm tiền, trong các xã hội, khác nhau theo thời gian và địa điểm. Tuy vậy các nhà sử học tin rằng, giá trị cao của vàng nhờ đẹp, tinh khiết, không bị ăn mòn, luôn ổn định, và dễ nhận ra đã đưa nó trở thành vật bảo toàn giá trị và thước đo giá trị của các dạng hàng hóa, vật chất khác. Ở thành Babylon cổ đại, giạ lúa mì (36 lít) đã được sử dụng làm đơn vị tính toán với khối lượng vàng tương ứng được sử dụng làm vật mang giá trị. Những hệ thống tiền tệ cổ xưa dựa trên lương thực sử dụng vàng để biểu hiện giá trị. Nghiệp vụ ngân hàng (banking) bắt đầu xuất hiện khi vàng ký gửi tại ngân hàng có thể được chuyển từ một tài khoản sang tài khoản khác trực tiếp hoặc cho vay lấy lãi suất.

Vàng có khối lượng riêng lớn (19,3 g/cm³) nên những thủ đoạn pha vàng với kim loại rẻ tiền đều dễ dàng bị phát hiện bởi sẽ làm giảm tỉ trọng (câu chuyện "Eureka" nổi tiếng

của nhà bác học Ác-si-mét). Có một số kim loại nặng hơn vàng tương đối phổ biến như osmium (22,6 g/cm³), iridium (22,4 g/cm³), bạch kim (21,45 g/cm³), volfram (19,35 g/cm³) nhưng chúng đều đắt hơn vàng. Riêng volfram thì giá gần bằng vàng vậy nhưng hợp kim của vàng và volfram thì khó chế tạo và nếu có pha vào thì cũng chẳng lợi lộc gì.

Khi được sử dụng thay mặt vàng trong hệ thống tiền tệ, chức năng của tiền giấy là nhằm giảm nguy hiểm có thể xảy ra khi vận chuyển vàng, giảm khả năng làm xấu những đồng xu vàng và tránh việc rút dần phương tiện thanh toán ra khỏi lưu thông như đầu cơ hay hao mòn. Sự xuất hiện tiền giấy ban đầu chỉ thuần túy bởi sự thiếu tin cậy khi vận chuyển vàng, đặc biệt là những rủi ro trên những hành trình dài; bên cạnh đó còn bởi các nước muốn sự giao thương phải đặt dưới sự kiểm soát của họ. Tiền tệ được đảm bảo bằng kim loại quý đôi khi được gọi là tiền biểu hiện. Và giấy bạc được phát hành theo cách này gọi là chứng chỉ tiền tệ, một cách gọi để phân biệt nó với các dạng khác của tiền giấy.

Trên thực tế, trong phần lớn lịch sử xã hội loài người, bạc mới là phương tiện lưu thông chủ yếu và là kim loại quan trọng đóng vai trò tiền tệ. Vàng được sử dụng là vật mang giá trị cao nhất, và là phương tiện thanh toán chỉ khi cần phải gọn nhẹ như việc thanh toán cho quân đội. Trong một số thời điểm, vàng thay thế bạc trong vai trò đơn vị cơ sở cho thương mại quốc tế, đó là thời kỳ hoàng kim của đạo Hồi (năm 662 đến 1258), thời kỳ đỉnh cao của các thành quốc buôn bán Italia trong thời Phục hưng, và đáng kể nhất là trong thế kỷ 19. Vàng duy trì vai trò là kim loại của kế toán lưu trữ tiền tệ cho đến khi hệ thống tiền tệ Bretton Woods sụp đổ năm 1971. Cho đến nay, nó vẫn là đối tượng dự trữ quan trọng ở các ngân hàng trung ương và chính phủ, là phương tiện duy trì khả năng thanh khoản và thực hiện chức năng bảo toàn giá trị.

Tổng lượng vàng mà con người đã khai thác cho đến nay thật ít một cách kinh ngạc – khoảng 125 ngàn tấn. Nếu toàn bộ số vàng đó được xếp ở một chỗ thì chỉ một nhà thi đấu bóng rổ đủ chứa toàn bộ (cao 9 m, rộng 18 m, dài 36 m).

Giá vàng hiện nay khoảng US$640 một ounce tức là khoảng 20.000 đôla Mỹ một kg, giá trị toàn bộ dự trữ vàng của thế giới là chừng 2,5 nghìn tỷ đôla Mỹ. Con số này còn ít

hơn lượng tiền mặt lưu thông tại Mỹ. Do đó, nếu người ta muốn quay lại bản vị vàng thì hoặc là vàng phải lên giá rất nhiều (vài chục đến vài trăm lần) hoặc chỉ đảm bảo một phần nhỏ giá trị tổng số tiền mặt lưu hành.

Các định nghĩa khác nhau về bản vị vàng

Nếu cơ quan quản lý tiền tệ giữ đủ vàng tương ứng với toàn bộ lượng tiền lưu thông, đó là chế độ bản vị vàng đầy đủ.

Một số người tin rằng không có một chế độ bản vị vàng nào khác ngoài chế độ bản vị đầy đủ. Bởi vì trong một chế độ bản vị vàng một phần (tức là không giữ đủ 100% vàng), sẽ có một lượng tiền mặt không được đảm bảo bằng vàng, nó có thể do cơ quan quản lý tiền tệ muốn thu hồi chi phí phát hành tiền (thuế đúc tiền) và vì thế gây ra lạm phát (bản vị vàng đầy đủ không có lạm phát). Những người khác, ví dụ những người ủng hộ kinh tế học trọng cung lại lý luận rằng cứ khi nào mà vàng còn được sử dụng làm phương tiện đo giá trị kinh tế thì khi đó là chế độ bản vị vàng.

Chế độ bản vị vàng đầy đủ không thể vận hành được bởi hai lý do:

- Thứ nhất, lượng vàng trên thế giới là quá nhỏ so với lượng tiền cần thiết để duy trì hoạt động kinh tế toàn cầu.
- Thứ hai, lượng tiền vừa đủ (có nghĩa là không gây lạm phát và cũng không giảm phát) không phải là cố định, nó biến động liên tục cùng với mức độ hoạt động thương mại.

Trong một quốc gia theo chế độ bản vị vàng, tiền xu vàng lưu thông như tiền và tiền giấy được đổi ra vàng trực tiếp theo giá thị trường (chính phủ không thể bắt buộc), tiền giấy giống như một tờ séc cho phép người cầm giữ nó quyền sở hữu một lượng vàng nhất định đang được quản lý bởi người phát hành tờ tiền đó.

Tuy nhiên, khi lượng vàng đổi được của tờ tiền giấy đó biến động có nghĩa là tờ tiền giấy trở thành tiền luật định và sẽ thường xuyên giảm nội dung vàng. Đây là trường hợp chính phủ phát hành tiền không có vàng đảm bảo trong chiến tranh. Ví dụ của nó là những

đồng đôla do chính phủ Liên bang phát hành trong Nội chiến Hoa Kỳ và tiền giấy của Áo trong thời kỳ Chiến tranh Napoleon. Sau thời gian chiến tranh, tiền lại được bảo đảm bằng vàng – tức là trở lại hệ thống tiền tệ kim bản vị.

Những người ủng hộ chế độ bản vị vàng chỉ ra rằng chế độ tiền luật định trước sau gì đều dẫn đến lạm phát do sự điều hành kém cỏi hoặc bởi chính phủ cứ in tiền ra để bù đắp thâm hụt ngân sách.

Hệ thống bản vị vàng quốc tế có thể tồn tại mà không có chế độ bản vị vàng ở bất kỳ quốc gia nào, khi đó vàng hoặc tiền tệ (đổi ra vàng ở tỷ giá cố định) được sử dụng là phương tiện thanh toán quốc tế. Ở chế độ này, khi tỷ giá tiền tệ dâng lên hay tụt xuống quanh ngưỡng đúc tiền (fixed mint rate) và chênh lệch tỷ giá này lớn hơn chi phí vận chuyển vàng giữa các nơi chênh lệch thì một lượng vàng lớn sẽ được luân chuyển cho đến khi tỷ giá trở về với ngưỡng chính thức là ngưỡng đúc tiền Các chế độ bản vị vàng quốc tế đều giới hạn số tiền mà các thực thể trong đó có quyền quy đổi lấy vàng. Dưới chế độ bản vị vàng Bretton Woods, số tiền này gọi là "quyền rút vốn đặc biệt" (Special Drawing Rights – SDRs).

Sự ổn định nhờ bản vị vàng

Theo lý thuyết, bản vị vàng giới hạn quyền năng của chính phủ trong việc tạo ra lạm phát bằng cách bơm thêm tiền giấy vào lưu thông, mặc dầu vậy, có bằng chứng cho thấy trước Thế chiến thứ nhất, các nhà quản lý tiền tệ đã không mở rộng hay thu hẹp cung tiền ngay cả khi nước đó bị thất thoát vàng. Bản vị vàng tạo ra sự vững chắc của thương mại quốc tế do nó cung cấp một cơ cấu cố định tỷ giá tiền tệ. Sau các chế độ bản vị bạc mất giá liên tục của mười năm đầu thế kỷ 18, vàng được coi là sự thay thế tốt hơn và trở thành nguyên nhân, mục đích cho thương mại. Tuy nhiên, đến cuối thế kỷ 19, những lập luận chống lại bản vị vàng tạo ra xu hướng chính trị ở đa số các quốc gia công nghiệp nghiêng về những dạng tiền tệ dựa trên bạc, hoặc thậm chí là tiền giấy không thôi.

Dưới chế độ bản vị vàng cổ điển quốc tế, những biến động về giá ở một quốc gia sẽ được điều chỉnh một phần hoặc toàn bộ bởi cơ chế tự cân bằng thanh toán gọi là cơ chế dòng chảy giá cả-bản kim (bản kim ở đây là tiền xu vàng). Cơ cấu này như sau:

Đầu tiên, khi giá một loại hàng hóa giảm xuống nhờ cung tăng vọt, tăng hiệu quả vốn, giảm giá đầu vào hoặc do cạnh tranh, người mua sẽ nghiêng về hàng hóa đó nhiều hơn những hàng hóa khác. Bởi sự ổn định tỷ giá tiền-vàng, người tiêu dùng ở các nước khác sẽ mua hàng hóa được định giá thấp nhất và vì thế, vàng sẽ chảy về các nước có nền kinh tế hiệu quả nhất.

Lúc đó, quốc gia mới nhận luồng vàng đến phải tăng cung tiền tệ và chịu áp lực lạm phát vừa phải để bù lại việc giảm giá trước đó.

Đồng thời, lượng tiền lưu hành ở các nền kinh tế kém hiệu quả bị giảm đi, vì vậy giá cả ở các nước này giảm xuống cho đến khi sự cân bằng được khôi phục.

Các ngân hàng trung ương, với mục đích ngăn cản luồng vàng chảy đi, sẽ chống đỡ bằng cách tăng tỷ lệ lãi suất làm sao để đưa giá cả trở lại mức cân bằng quốc tế nhanh hơn. Về mặt lý thuyết, chừng nào còn duy trì bản vị vàng thì chừng đó hạn chế được lạm phát cao hoặc giảm phát ngoài tầm kiểm soát. Có một thời gian, người ta tin rằng các thị trường luôn luôn vận hành rạch ròi (xem nguyên lý Say). Sự giảm phát sẽ làm thay đổi giá của vốn trước tiên, có nghĩa là giá của vốn giảm và cho phép tăng trưởng nhanh hơn đồng thời giá cả về mặt dài hạn vẫn ổn định. Tuy nhiên, in trên thực tế, điều này lại không diễn ra mà tiền lương (giá của lao động), chứ không phải giá của tư bản, sẽ bị hạ xuống trước tiên.

Mô hình Mundell – Fleming

Theo kinh tế học tân cổ điển, mô hình Mundell-Fleming diễn tả động thái của các đồng tiền trong chế độ bản vị vàng. Do giá trị tiền tệ được gắn liền với hàm lượng vàng, những yếu tố tự do còn lại để điều tiết thị trường vốn-tiền tệ là (1) tự do di chuyển luồng vốn và (2) chính sách tài chính, tiền tệ. Một lý do khiến đa số các nhà kinh tế học vĩ mô hiện nay không ủng hộ sự trở lại của bản vị vàng là mối quan ngại hai yếu tố trên không đủ để đối

phó với suy thoái hoặc giảm phát lớn. Việc xem xét tình huống lý thuyết vàng trở lại là cơ sở giá trị dẫn đến một câu hỏi là sự tín nhiệm của ngân hàng trung ương ra sao trong một cơ chế không dựa trên kim loại quý. Dẫu cho những phần thưởng lớn sẵn sàng trao cho ai giải được những câu hỏi trên, thì kỷ nguyên bản vị vàng của thế kỷ 19 và thế kỷ 20 vẫn là một giai đoạn mà cơ sở khác hẳn với cái cách hệ thống tiền tệ thả nổi ngày nay được đo đếm, xác định giá trị.

Mundell lập luận rằng vì trong một nền kinh tế công nghiệp, một lượng lớn tư bản không linh động, chế độ bản vị vàng quốc tế hoặc thậm chí là chỉ ở một quốc gia có thể được tái lập. Vẫn theo ông, điều này sẽ cho phép ngân hàng trung ương một phạm vi tự do đủ để giảm thiểu tác động tiêu cực của chu kỳ kinh tế. Nó sẽ giảm tỷ lệ lãi suất ở pha suy thoái và tăng trở lại để kiềm chế tăng trưởng nóng. Milton Friedman không thống nhất ở điểm này, ông nêu ra các tác động bởi tiền tệ về mặt lượng sẽ gây ra giảm phát trong hệ thống đó và các quốc gia thành công sẽ nhận ra lợi ích thu được ít hơn là Mundell kỳ vọng, bởi luồng vàng di chuyển đến một quốc gia sẽ gây lạm phát ở nước đó. Cuộc tranh luận này tương tự cuộc tranh luận của Adam Smith và David Hume trong thế kỷ 18 về việc tăng lượng tiền tệ có phải là một mục tiêu đáng thực hiện hay không.

Nhiều quốc gia chống lưng cho nền kinh tế bằng cách tích trữ vàng. Số dự trữ này không phải để bảo đảm giấy bạc được phát hành mà nó là tài sản bảo vệ tiền tệ khỏi tỷ lệ lạm phát cao. Những người cổ súy cho vàng cho rằng không cần biện pháp này vì tiền tệ tự nó đã mang giá trị nội tại Bản vị vàng khi đó được khuyến khích bởi những người tin rằng một vật cất trữ giá trị ổn định là thành tố quan trọng nhất đối với sự an tâm trong kinh doanh.

Nói chung thì ngày nay đại đa số các chính phủ và các nhà kinh tế không ủng hộ bản vị vàng, vì chế độ này thường cho thấy là không tạo đủ sự linh hoạt cho nguồn cung tiền tệ và chính sách tài khóa. Và lý do của việc này là ở chỗ nguồn cung cấp vàng mới (tức là nguồn cung cấp thêm tiền tệ dưới chế độ bản vị vàng) thì giới hạn và phải được sử dụng một cách căn cơ.

Một quốc gia đơn lẻ không thể cách li nền kinh tế của nó với những biến động suy thoái và lạm phát của thế giới. Thêm vào đó, quá trình điều chỉnh thâm hụt chi tiêu ở một quốc gia có thể lâu dài và đau đớn khi mà tỷ lệ thất nghiệp gia tăng hoặc thụt lùi tốc độ phát triển kinh tế.

Trong số những người phản đối mạnh mẽ, John Maynard Keynes nhấn mạnh vào điểm bản vị vàng dựa vào kim loại cứng nhắc. Những người ủng hộ trường phái của ông cho rằng bản vị vàng gây ra giảm phát, điều khiến suy thoái càng trầm trọng bởi người ta không muốn đầu tư khi giá cả giảm xuống, vì vậy mà xương sống của hoạt động kinh tế càng bị sức ép. Cũng theo họ, chế độ bản vị tước đi khả năng chống lại khủng hoảng kinh tế đó là khả năng tăng cung tiền tệ để thúc đẩy kinh tế khôi phục.

Trái lại, những tín đồ của bản vị vàng chỉ ra rằng kỷ nguyên công nghiệp hóa và toàn cầu hóa của thế kỷ 19 là bằng chứng của sự tính thực tiễn và ưu việt của chế độ bản vị vàng và nêu ra rằng nước Anh đã đi lên vị trí đế vương, cai trị gần một phần tư dân số thế giới và xây dựng đế quốc thương mại mà ngày nay là Khối thịnh vượng chung Anh.

Những kẻ ky cóp vàng (goldbug) lấy nó là vật bảo vệ trước sự lạm phát giá cả hàng hóa và là biểu hiện cội nguồn của tài nguyên. Vì vàng có thể đổi ra bất kỳ đồng tiền nào, được chấp nhận ở mọi quốc gia trên thế giới, họ xem vàng là vật bảo đảm trước sự phiêu lưu của các ngân hàng trung ương trong chính sách tiền tệ và vàng là phương tiện chống rủi ro biến động tiền tệ. Với lập luận này, họ cho rằng cuối cùng thì chế độ vàng sẽ trở lại vì nó là vật mang giá trị ổn định duy nhất.

Ngày nay, không nhiều nhà kinh tế học ủng hộ việc trở lại bản vị vàng trừ trường phái kinh tế học Áo và trường phát trọng cung. Tuy vậy nhiều nhà kinh tế lớn đồng tình với việc lấy kim loại là cơ sở của tiền tệ, đồng thời lập luận chống lại tiền luật định. Trong số này có Alan Greenspan - người từng đứng đầu Cục Dự trữ Liên bang trong 19 năm, và nhà kinh tế học vĩ mô Robert Barro. Năm 2000, Greenspan đã phát biểu: "nếu anh sống trong chế độ bản vị vàng hoặc một cơ chế khác mà các ngân hàng trung ương không có quyền thao túng, thì hệ thống đó vận hành một cách tự động. Lý do mà có rất ít sự ủng hộ bản vị

vàng đó là những hệ quả của sự tự điều chỉnh đó không được coi là thích đáng ở thế kỷ 20 và 21. Tôi là một trong số ít người vẫn còn cái nhìn lưu luyến về chế độ bản vị vàng ngày xưa, anh biết điều này rồi, nhưng tôi vẫn phải nói với anh, tôi ở trong đám thiểu số giữa các đồng nghiệp vẫn tranh luận về vấn đề này.". Hệ thống tiền tệ ngày nay dựa vào đồng đôla Mỹ như một đồng tiền để neo vào, đồng tiền mà các giao dịch lớn được đo lường. Những bất ổn tiền tệ, không thể quy đổi và hạn chế tiếp cận tín dụng là số ít trong những lý do vì sao mà hệ thống tiền tệ ngày nay bị chỉ trích. Một loạt các giải pháp thay thê đã được đề xuất, bao gồm cả tiền tệ dựa trên năng lượng, giỏ hàng hóa hoặc giỏ tiền tệ; vàng cũng chỉ là một trong những giải pháp đó.

Lý do các lựa chọn này không được thực hiện trên thực tế cũng là lý do mà hệ thống bản vị vàng sụp đổ: tỉ lệ chuyển đổi cố định do chính phủ định ra không có mối liên hệ hữu cơ nào giữa cung và cầu về vàng và cung và cầu về hàng hóa.

Vì vậy, bản vị vàng có xu hướng bị bãi bỏ khi các chính phủ nhận thấy việc bỏ qua nó có lợi ích hơn. Thực chất, bản vị vàng không có nghĩa là các quốc gia không thể chuyển sang tiền luật định khi có chiến sự hoặc trong các tình trạng khẩn cấp khác. Điều này vẫn xảy ra mặc dù vàng tăng giá trong các tình huống như vậy vì mọi người thường sử dụng vàng để tích trữ vì lo sợ rằng tiền luật định thường cho phép lạm chi và do đó thường dẫn tới lạm phát hoặc sử dụng tem phiếu.

Khó khăn về thực tiễn là vàng hiện tại không được phân phối theo sức mạnh kinh tế cũng là một yếu tố: Nhật Bản là một trong những nền kinh tế lớn nhất thế giới, lại có dự trữ vàng ít hơn rất nhiều so với cần thiết để hỗ trợ nền kinh tế này.

Năm 1996, hệ thống tiền vàng điện tử (e-gold) được phát hành riêng với nỗ lực lập lại bản vị vàng và tạo ra một hệ thống tiền tệ toàn cầu mới. Các hệ thống tiền vàng điện tử khác cũng lần lượt ra đời như e-Bullion và GoldMoney.

Năm 2001 Thủ tướng Malaysia Mahathir bin Mohamad đề xuất một đồng tiền mới mà dự kiến sẽ được áp dụng đầu tiên với trao đổi thương mại giữa các nước đạo hồi. Đồng tiền được đề xuất có tên là dinar vàng hồi giáo và được xác định là 4,25 gram vàng 24 cara

(100%). Mahathir Mohamad đưa ra khái niệm này trên cơ sở lợi ích về kinh tế của đồng tiền là có cơ sở ổn định và là một biểu tượng chính trị để nâng cao đoàn kết giữa các nước hồi giáo. Một mục tiêu có thể suy diễn của hành động này là giảm phụ thuộc vào đồng Đô la Mỹ để dự trữ tiền tệ, và để thiết lập một đồng tiền không dựa trên nợ tuân theo luật Hồi giáo cấm tính lãi suất. Tuy vậy, đồng tiền dinar vàng này vẫn chưa trở thành hiện thực.

Vàng với vai trò dự trữ ngày nay

Trong thập niên 1990, nước Nga bán hết phần lớn lượng dự trữ vàng từ thời Liên Xô, trong khi đó, một số quốc gia khác tích trữ vàng để chuẩn bị cho Liên minh tiền tệ và Kinh tế Châu Âu. Chỉ còn đồng Franc của Thụy Sĩ là đồng tiền chuyển đổi ra vàng. Tuy nhiên, dự trữ vàng với lượng đáng kể tại nhiều nước là một công cụ bảo vệ đồng tiền của họ và tránh ràng buộc vào đồng đôla Mỹ, thực tế này hình thành lượng dự trữ khổng lồ tiền thanh khoản cao. Đồng đôla yếu có xu hướng được bù lại bởi giá vàng mạnh lên. Vàng vẫn là tài sản tài chính cơ bản của gần như tất cả các ngân hàng trung ương bên cạnh ngoại tệ và trái phiếu chính phủ. Nó cũng được tích trữ tại các ngân hàng trung ương như là một biện pháp đề phòng.... Ước tính, 25% toàn bộ lượng vàng có trên mặt đất được cất giữ tại quỹ của các ngân hàng trung ương.

Tiền xu vàng và vàng thỏi được mua bán rộng rãi tại các thị trường có tính thanh khoản cao, và do đó vẫn là hình thức cất giữ tài sản cá nhân. Cho dù một số tổ chức, cá nhân phát hành tiền ví dụ tiền kỹ thuật số quy ra vàng, thì chúng vẫn phải được bảo đảm bằng dự trữ vàng của họ.

Năm 1999, để bảo vệ vai trò cất trữ giá trị của vàng, Ngân hàng trung ương Châu Âu đã ký "thỏa thuận Washington", tuyên bố rằng họ không cho phép vay nợ vàng để đầu cơ và họ cũng không tham gia vào thị trường vàng với vai trò là người bán, trừ khi các giao dịch đó đã ký kết trước thời điểm ký thỏa thuận trên.

Những năm cuối của Thời kỳ khủng hoảng giá hàng hóa (1980-2000) cũng đã ảnh hưởng đến vàng, giá vàng đã tăng vượt mức giá được giao dịch trong vòng 20 năm. Thực tế này dẫn đến hậu quả là các tổ chức quản lý tiền tệ lại sử dụng vàng để giữ vững giá trị

đồng tiền của họ, dẫu vậy, không có nghĩa là quay trở lại bản vị vàng. Trên thực tế ngày nay thì ngược lại, vàng càng đắt đỏ thì bản vị vàng càng khó thực hiện.

Trong thời kỳ khủng hoảng tài chính toàn cầu tư quý 3 năm 2010, vàng lại trở lại đóng vai trò là vịnh tránh bão an toàn. Ở lúc đỉnh cao nhất giá vàng giao ngay đạt mức trên $1900/oz vào quý 3 năm 2011 Ở thời điểm này giá vàng biến động rất lớn. Do vậy nhiều nhà đầu tư đã coi vàng là kênh đầu tư ít rủi ro nhất.

Như vậy chúng ta đã lần lượt tìm hiểu vai trò cũng như tầm quan trọng của vàng, và hơn nữa là tại sao vàng lại được chọn là thứ tiền tệ thanh toàn thời bấy giờ. Mặc dù từ sau thế chiến thứ II tới nay vàng không còn được sử dụng là phương thức thanh toán thay thế cho tiền nữa, tuy nhiên những đặc tính và tầm quan trọng của vàng cũng như nhu cầu trú ẩn mỗi khi có biến động là vẫn không bao giờ thay đổi. Bởi vì những tính chất và tầm quan trọng như vậy mà người dân khắp nơi trên thế giới nói chung và ở chính đất nước chúng ta nói riêng rất ưa chuộng vàng, và một đặc điểm nữa là người châu Á rất thích đầu tư tích trữ vàng làm của riêng cá nhân cũng như là mua bán trao đổi vàng để kiếm lợi nhuận. Thực tế hiện nay không ít nhà đầu tư tham gia giao dịch trên thị trường tài chính chỉ giao dịch có mỗi vàng. Trong khuôn khổ cuốn sách này mục đích của chúng ta là tìm hiểu tầm quan trọng cũng như phân tích những yếu tố tác động đến vàng và sự biến động tăng giảm của vàng sẽ tác động đến thị trường như thế nào. Bởi vì đa số trong chúng ta là những nhà đầu cơ ngắn hạn cho nên việc phân tích được từng sự kiện mang tầm ảnh hưởng ngắn hạn sẽ là yếu tố quan trọng nhất, vì thế cho nên trong chương này chúng ta sẽ tìm hiểu những biến động của vàng qua từng thời kỳ, và đặc biệt điều mà hầu như ai cũng biết đó là mối quan hệ nghịch đảo giữa vàng và đồng USD.

Nhắc đến vàng thì chúng ta lại càng không thể không nhắc đến nguồn năng lượng rất quan trọng và không thể thiếu với con người ngày nay, bạn có thể không cần vàng mà vẫn duy trì sự sống được nhưng nếu thế giới này thiếu đi nguồn năng lượng dầu mỏ mà lại chưa tìm ra được nguồn năng lượng mới thây thế thì sẽ là thảm họa đó. Dầu mỏ được ví như là vàng đen của thế giới, đúng với mức độ ảnh hưởng, tầm quan trọng của dầu với đời sống con người, trong suốt những năm thế kỷ 20 và cho tới bây giờ không ít lần xảy ra những

xung đột, chiến tranh, những biến động kinh tế… cũng chính vì tham vọng sở hữu nguồn năng lượng này của những cường quốc trên thế giới. Tại sao dầu lại trở thành bản vị? Bởi vì nó quan trọng và không thể thiếu với đời sống con người, thế nhưng trong những năm gần đây dưới sức ép từ nhiều phía và kinh tế thế giới đang đi xuống thì giá dầu cũng đã giảm khá mạnh và trong một tương lai không xa nữa sẽ có một thứ hàng hóa mới, một chế độ bản vị mới và bản vị này là gì thì cuối chương sách các bạn sẽ biết.

III. TỪ BẢN VỊ VÀNG TỚI BẢN VỊ DẦU, NHỮNG BIẾN ĐỘNG CỦA VÀNG VÀ DẦU TRONG TỪNG SỰ KIỆN LỊCH SỬ

Trong những năm cuối thế kỷ trước, khi vàng được xem là đồng tiền trao đổi và chế độ bản vị vàng được hình thành, duy trì trong suốt khoảng thời gian rất dài. Nhưng mãi vễ sau này khi nền kinh tế phát triển, nền công nghiệp đang phát triển vượt bậc và lúc này đây dầu mỏ trở nên hết sức quan trọng trong đời sống của con người. Mặc dù vậy nhưng người ta thử hiểu rằng dầu đang ngày càng cạn kiệt và chỉ trong một thời gian ngắn nữa thôi trữ lượng dầu trên thế giới sẽ không còn nữa.

Mối quan hệ giữa nguồn năng lượng quan trọng nhất hiện nay và đồng tiền dự trữ của thế giới luôn được căn cứ vào mối liên hệ giữa tốc độ tăng trưởng kinh tế thế giới và hiệu ứng của nó lên giá năng lượng. Giai đoạn chuyển giao giữa bản vị vàng/USD sang bản vị Dầu/USD xảy ra vào cuối những năm thập niên 70 thế kỷ 20 khi cú sốc về dầu mỏ bắt nguồn từ sự tăng vọt của giá xăng dầu. Nền kinh tế Mỹ phải hứng chịu tác động nặng nề từ suy thoái, cũng giai đoạn này đồng USD đã sụp đổ trước sự sững sờ của giới đầu tư. Trong cuốn sách "Giao dịch ngoại hối và phân tích liên thị trường" của tác giả Ashraf Laidi các bạn cũng đã được tìm hiểu những biến động của giá dầu và vàng trong từng giai đoạn lịch sử rồi, Tôi xin được nhắc lại những ý chính trong quá trình hình thành chế độ bản vị dầu trong những năm thập niên 70 đến thập niên 80 khi sự suy yếu của đồng USD chính là nguyên nhân dẫn đến sự sụp đổ của chế độ bản vị vàng.

Giai đoạn từ 1944-1971 các ngân hàng trung ương đã chuyển thặng dư bằng đồng USD sang vàng để điều chỉnh sự mất cân bằng trong cán cân thanh toán với các đối tác thương mại. Sự chuyển đổi này được thực hiện ở mức tỉ giá cố định là 35usd/oz vàng. Lúc này việc niêm yết cố định vàng vào đồng USD chính là đã xem như vàng là một hình thức thanh toán thay thế cho tiền và trong giai đoạn này giá dầu giữ ở mức 3usd/thùng. Tuy nhiên việc tổng thống Nixon bãi bỏ chế độ bản vị vàng, tức là chấm dứt hình thức thanh toán bằng vàng và từ chối thanh toán số vàng trị giá 300 triệu usd cho các quốc gia đã gửi vàng ở Mỹ để đổi lấy đồng USD lưu thông. Cũng chính quyết định này đã chấm dứt giai đoạn neo cố định giá vàng vào đồng USD và những áp lực trong việc dự trữ vàng đã khiến các quốc gia trao đổi vàng cho Mỹ để lấy đồng USD đồng loạt bán tháo đồng USD và mua vàng dự trữ, động thái này đã khiến cho đồng USD xuống mức thấp và khiến cho giá vàng ngay lập tức leo lên mức cao kỷ lục gần 900usd/oz vào giai đoạn giữa năm 1984. Trong suốt giai đoạn phế bỏ chế độ bản vị vàng/usd thì đồng USD duy trì ở mức thấp và liên tục mất giá so với hàng hóa vàng, dầu.

Trong cuốn sách Ashraf Laidi nhấn mạnh rất kỹ giai đoạn này là một cú sốc với những ai giữ đồng USD mà trước đó người ta đã quen với việc đổi dầu lấy vàng, đồng USD đã mất giá 25% chỉ trong vòng 2 năm từ 1971-1973, việc đồng USD mất giá khiến cho các nhà tư bản tài phiệt khai thác và cung ứng dầu gặp phải những khó khăn, doanh thu giảm và họ mất dần niềm tin vào đồng usd, do vậy trong giai đoạn này giá dầu đã lần lượt tăng, biết rằng dầu có tầm ảnh hưởng rất lớn tới kinh tế toàn cầu thời bấy giờ cho nên các nước xuất khẩu dầu đã đồng loạt hạ sản lượng và cắt giảm xuất khẩu khiến cho giá dầu lại được thế leo lên mức cao hơn, trong vài năm sau đó giá dầu đã lên mức cao kỷ lục 12usd/thùng vào năm 1974. Đồng USD mất giá và hàng hóa leo thang chính là ngòi nổ cho việc lạm phát toàn cầu trong những năm sau đó leo thang.

Năm 1975 khi OPEC đồng ý niêm yết giá dầu vào đồng usd và đồng ý đổi dầu lấy usd đã giúp đồng USD lấy lại được vị thế đã mất sau những năm bãi bỏ chế độ bản vị vàng/usd. Cũng chính từ đây chế độ bản vị dầu/usd chính thức được hình thành và đồng USD về sau này trở thành đồng tiền chính được lưu thông rộng rãi nhất trên thế giới. Bởi vì thế giới

nhận thấy dầu mỏ chính là nguồn năng lượng không thể thiếu trong những năm phát triển kinh tế sau này, bởi vì dầu mỏ là thứ cực kỳ quan trọng, là thứ không thể thiếu cho nên suốt quãng thời gian từ đó đến bây giờ chế độ bản vị dầu/usd vẫn được duy trì. Sự soán ngôi của hệ thống dầu/usd đã mở đầu cho kỷ nguyên thống trị hoàn toàn của đồng USD, hiện tại tỉ lệ giao dịch thanh toán với đồng USD trên thế giới đã chiếm hơn 80%. Và cũng chính vì phá bỏ chế độ bản vị vàng/usd mà giá vàng được giao dịch thả nổi một cách tự do như ngày nay, người ta biết rằng vàng là thứ tài sản giúp người dân chống lại lạm phát mất giá đồng tiền và cũng là thứ tài sản để họ tìm đến mỗi lúc có biến động, khủng hoảng. Do vậy việc phế bỏ chế độ bản vị vàng là một quyết định rất hợp lý.

Khi đồng USD sụp đổ giai đoạn 1971, OPEC phải đứng giữa hai áp lực: một là chấp nhận thanh toán cho lượng dầu khai thác bằng chính đồng USD mà hiện tại đang mất giá trầm trọng, làm như thế này tức là chấp nhận chi phí nhập khẩu các món hàng khác tăng cao trong giai đoạn mất giá đồng usd đã kéo lạm phát lên mức cao, lạm phát tăng cao tức là giá cả hàng hóa tăng cao. Mà các bạn cũng hiểu đó khi lạm phát tăng quá cao thì buộc ngân hàng trung ương phải tăng lãi suất cơ bản, lãi suất tăng thì sẽ càng bóp chết nền kinh tế, và khủng hoảng vì thế sẽ trở nên trầm trọng hơn. Việc tăng lãi suất này của FED đã kéo đồng USD tăng lên trong những năm sau 1974, sự phục hồi của đồng USD đó thêm một lần nữa giúp cho vị thế đồng USD tăng cao hơn. GDP năm 1975 của Mỹ đã tăng 5.3%, đây chính là liều thuốc thần kỳ giúp cho đồng USD càng ngày càng giữ vững ngôi vị của nó. Tuy nhiên niềm vui sự phục hồi của đồng USD chưa được lâu thì những năm sau đó đồng USD lại bước vào chu kỳ suy thoái. Trong cuộc khủng hoảng đồng USD giai đoạn 1977-1979, sau những nỗ lực chấm dứt thời kỳ nới lỏng của FED đã kéo đồng USD phục hồi thì vào giai đoạn cuối 1976 Mỹ lại quay trở lại với chính sách nới lỏng. Thay vì duy trì chính sách nới lỏng trong êm dẹp như Nhật và Đức thì chính phủ Mỹ lại quay sang thực hiện thắt chặt bằng cách nâng lãi suất lên mức 9.5% trong khi Đức và Nhật giảm xuống dưới 5%.

Trong phần lịch sử giá dầu và các giai đoạn thay thế chế độ bản vị vàng sang bản vì dầu Ashraf Laidi đã nhấn mạnh rất nhiều, trong khuôn khổ phần này các bạn tham khảo thêm sách "Giao dịch ngoại hối và phân tích liên thị trường"

IV. MỐI TƯƠNG QUAN NGHỊCH ĐẢO GIỮA HÀNG HÓA VÀ USD

Trong phần này là một trong những mối tương quan và quy luật liên thị trường phổ biến nhất, điển hình các bạn có thể thấy chính là mối quan hệ nghịch đảo của Vàng và USD. Hàng hóa nói chung và riêng Vàng nói riêng không phải hoàn toàn trái ngược với USD, tuy nhiên đây là mối quan hệ dễ dàng nhận thấy nhất mà chắc hẳn bất kỳ ai cũng từng được nghe đến. Bản chất vàng là thứ hàng hóa chống lạm phát và trú ẩn mỗi khi có biến động, khủng hoảng cho nên dễ dàng các bạn thấy ví dụ đơn giản nhất là giai đoạn hậu khủng hoảng 2008, đồng USD sụp đổ, thị trường chứng khoán sụp đổ và tâm lý lo sợ đã khiến người ta quay trở lại với vàng như là nơi trú ẩn vậy.

Cơ bản là mối tương quan giữa hàng hóa và USD luôn hiện hữu, không phải là trong mọi thời điểm nó đều như thế nhưng nếu xét trong một xu hướng dài hạn thì mối tương quan này tương đối, đó cũng chính là một yếu tố quan trọng trong phân tích liên thị trường. Hàng hóa tăng tức là mối lo lạm phát gia tăng, khi lạm phát tăng thì FED sẽ có xu hướng thắt chặt tiền tệ, khi lãi suất cơ bản ngắn hạn tăng thì USD sẽ tăng theo (ví dụ là trong suốt cả 2 năm 2014-2015 đó FED mập mờ tăng lãi suất khiến USD tăng mạnh).



Hình 3.1: Mối quan hệ nghịch đảo giữa Vàng và USD.

Trong quá khứ không ít những lần Vàng và USD lại là bạn đồng hành. Điều này được lý giải như sau, có những giai đoạn khủng hoảng hay một sự kiện nào đó khiến người ta cảm thấy bất an và chạy vào vàng như là một nơi trú ẩn, nhưng cũng vào thời điểm đó người ta tìm đến trái phiếu Mỹ như một thứ tài sản đảm bảo vì nhìn quanh liệu có quốc gia nào an toàn hơn Mỹ, vì tính chất là trái phiếu Mỹ cho nên buộc người ta phải sử dụng USD để mua, cho nên thời điểm này USD sẽ tăng vì có một lượng tiền được quy đổi sang USD để phục vụ cho một vài mục đích mua trái phiếu Mỹ, như có nói trong phần thị trường trái phiếu rằng trái phiếu là thị trường phản ứng sớm nhất với những biến động trên thị trường tài chính, do vậy khi có biến động niềm tin xảy ra thì thị trường trái phiếu sẽ tăng trước đồng nghĩa với lượng tiền chạy vào Mỹ sẽ tăng lên, kích cầu đồng USD vì thế nên USD thường sẽ tăng trước rồi lúc đó người ta mới tìm đến với vàng. Vàng ngoài là một thứ hàng hóa, đồ trang sức thì nó còn là một thứ tiền tệ đặc biệt, điều này hoàn toàn dễ hiểu khi từ xa xưa đến nay vàng vẫn luôn được xem là công cụ giúp thanh toán các hóa đơn thay thế cho tiền mà. Cũng chính vì những lý do trên mà khi phân tích thị trường vàng các bạn nên chú ý kỹ từng giai đoạn, vàng tăng do USD giảm, do lo ngại lạm phát hay là những yếu tố khác… Trong một môi trường lạm phát gia tăng trên toàn thế giới, giả sử giai đoạn hậu khủng hoảng 2008 đó, khi người ta mất niềm tin vào những đồng tiền pháp định thì lúc này đây để đảm bảo rằng tài sản của họ không bị mất giá thêm nữa thì thay vì tiếp tục giữ đồng tiền đang bị lạm phát bào mòn đó thì người ta tìm đến với vàng như một nơi trú ẩn an toàn.

Trong một trường hợp khác khi cả đồng USD và Vàng cùng giảm, điều này cũng được lý giải như sau: Vào giai đoạn nền kinh tế phục hồi và nhu cầu tìm đến vàng và trái phiếu không còn nữa, lúc này đây người ta sẽ bán cả vàng và trái phiếu để lấy tiền đầu tư vào lĩnh vực khác, khi vàng và trái phiếu bị bán thì đương nhiên hai thứ này sẽ giảm và trái phiếu Mỹ giảm cùng với đó là dòng tiền USD tháo chạy khỏi Mỹ để tới với những miền đất hứa hay chạy sang thứ tài sản, cơ hội đầu tư mới chẳng hạn thì lúc này đồng USD sẽ phải luân chuyển sang thứ khác có thể là đồng tiền của quốc gia khác, việc đồng USD bị bán thì đương nhiên sẽ khiến nó giảm rồi. Tuy nhiên sự kiện như thế này xảy ra thì chỉ trong một giai đoạn rất ngắn mà thôi.



Hình 3.2: Vàng và USD là bạn đồng hành trong một vài thời điểm ngắn, mối quan hệ nghịch đảo giữa Vàng và USD có thể xảy ra do nhiều yếu tố khác nhau, nhưng thường thấy nhất là giai đoạn mà khủng hoảng niềm tin xảy ra.

Để có thể hiểu sâu hơn từng sự kiện Tôi sẽ lấy một vài ví dụ trong thời gian gần đây, nhưng trước hết chúng ta sẽ cùng nhau tìm hiểu xem mối tương quan cơ bản giữa Dầu và USD là như thế nào đã. Việc lý giải các mối tương quan của Vàng, Dầu và USD trong từng cái trade thực tế của chúng ta mới là cái quan trọng và thiết thực, vì thế cho nên phân tích quá khứ các mối tương quan từ những năm về trước cuộc khủng hoảng 2008 các bạn nên tham khảo thêm ở sách "Giao dịch ngoại hối và phân tích liên thị trường" của Ashraf Laidi.

Dầu cũng là một thứ hàng hóa, mà đã là hàng hóa định giá bằng USD thì sẽ có những mối tương quan nghịch đảo là điều dễ nhận thấy nhất, nói đơn giản thì các bạn hãy nhìn lại lịch sử từ cuối năm 2014 đến bây giờ, đồng USD liên tục tăng vì những kỳ vọng rằng FED sẽ nâng lãi suất, chính cái kỳ vọng này khiến đồng USD luôn được hỗ trợ, thêm vào đó là việc các ngân hàng trung ương khác đồng loạt thực hiện các biện pháp nới lỏng (đặc biệt là ECB) đã góp phần giúp đồng USD lấy lại vị thế của nó. Khi các đồng tiền trên khắp thế giới mất giá thì người ta nghĩ ngay đến những phương án an toàn, trong đó có trái phiếu Mỹ, hay là đầu tư vào Mỹ… có rất nhiều cách để đổi đồng tiền sang USD, vì thế cho nên đồng USD lại được hỗ trợ thêm và liên tục tăng trong suốt khoảng thời gian cuối năm 2014 đến nay. Các bạn đã biết đó, đồng EUR chiếm tỉ trọng rất lớn trong giá trị đồng USD, chỉ số USD Index là một tấm gương phản chiếu sức mạnh của đồng USD mà, cho nên các bạn thử đặt chart USD Index ghép với chart EURUSD sẽ thấy sự tương quan phản chiếu có thể nói là như hai giọt nước.

Chỉ số này thực chất là một hợp đồng tương lai được niêm yết tại Sàn giao dịch hàng hóa tương lai New-York*(*)*. Phương thức cấu tạo chỉ số này bao gồm sáu đồng tiền thành viên, tương ứng với sáu trọng số khác nhau. Trọng số càng lớn thể hiện quốc gia (or vùng) kinh tế đó giao thương với Mỹ nhiều càng nhiều. Theo đó, Châu âu là vùng có giao thương với Mỹ nhiều nhất khi đồng EUR có trọng số cao nhất chiếm tới 57.6%, theo sau lần lượt là JPY (13.6%), GBP(11.9%), CAD(9.1%), SEK(4.2%) và CHF(3.6%). Cho bác nào quan tâm nhiều hơn thì USDx được tính toán như sau:

USDx = 50.143 *x* EUR/USD^(-0.576) *x* USD/JPY^(0.136) *x* GBP/USD^(-0.119) *x* USD/CAD^(0.091) *x* USD/SEK^(0.042) *x* USD/CHF^(0.036)

Khi sức mạnh của đồng USD tăng lên thì chỉ số này tăng theo và ngược lại khi đồng $ giảm giá trị, chỉ số này quay đầu đi xuống. Chỉ số này thường được dùng trong các phân tích liên thị trường như là cây thước đo đại diện cho currency market nói chung.

➢ *(*)Ghi chú: Sàn giao dịch hàng hóa New York là sàn giao dịch hàng hóa tương lai lớn nhất thế giới, nằm trong thành phố New York. Hai chi nhánh từ ban đầu của Sàn là New York Mercantile Exchange và New York Commodities Exchange (COMEX), nhưng hiện tại hai chi nhánh (công ty) đã sáp nhập. Công ty New York Merchantile Exchange, Inc. là công ty đại chúng bởi vì công ty mẹ của nó là NYMEX Holdings, Inc được niêm yết trên Sàn giao dịch chứng khoán New York tháng 11 năm 2006, mã chứng khoán NMX. Sàn giao dịch hàng hóa New York là nơi diễn ra các giao dịch có giá trị hàng tỉ đôla về hàng hóa năng lượng và kim loại, và những loại hàng hóa khác được mua và bán trên sàn hoặc thông qua hệ thống máy tính giao dịch điện tử. Giá cả được niêm yết cho các giao dịch trên Sàn là cơ sở để tính toán giá cả trên khắp thế giới. Sàn của NYMEX được điều hành bởi Ủy Ban Giao Dịch Hàng Hóa Tương Lai (Commodity Futures Trading Commission), một cơ quan độc lập của Chính phủ Hoa Kỳ. NYMEX là một trong số rất ít sàn trên thế giới còn duy trì hệ thống Open Outcry, ở đó người giao dịch được dùng lời nói và dấu hiệu bằng tay trên sàn giao dịch. Vào tháng 2 năm 2003, New York Board of Trade (NYBOT) kí vào bản hợp đồng thuê tài sản với NYMEX để chuyển tới trụ sở ở khu Trung tâm tài chính sau khi trụ sở ban đầu của NYBOT đã bị phá hủy trong vụ khủng bố 11/9/2001 (Source: Wikipedia).*

Quay trở lại với mối tương quan giữa Dầu và USD: giá dầu giảm liên tục trong suốt thời gian từ năm 2014 đến giờ, phần vì nhu cầu tiêu thụ giảm mạnh vì hầu hết kinh tế trên thế giới khủng hoảng và chưa có dầu hiệu phục hồi mạnh, phần vì dư cung mà cầu thì ít cho nên áp lực đẩy giá dầu giảm mạnh, cũng trong giai đoạn này Mỹ đã khai thác được dầu từ đá phiến cho nên nhu cầu dầu của Mỹ đã phần nào giảm được áp lực. Các quốc gia xuất khẩu dầu không chịu cắt giảm sản lượng khai thác hàng ngày cho nên xảy ra tình trạng nguồn cung dư thừa.



Hình 3.3: Mối tương quan nghịch đảo giữa USD và Oil, cùng với đó là sự tương phản rõ nét giữa chỉ số USD Index và cặp tiền EUR/USD. Trong khung hình tô màu chính là giai đoạn cuối năm 2014 đến giữa năm 2015 khi giá dầu lao dốc và cùng với đó là đồng USD liên tục tăng.



Hình 3.4: So sánh sức mạnh các đồng tiền chính bằng Gold.

Trong bức hình so sánh sức mạnh của các đồng tiền bằng Gold kia chính là một bức tranh toàn cảnh tốt nhất để nhìn về sức mạnh của các nền kinh tế hiện thời. Tại sao lại là Gold? Bởi vì những điều Tôi đã nêu trong suốt từ đầu chương sách về Gold đó, và khi nhìn bức hình này sẽ có một nhật xét rất quan trọng đó là đồng tiền nào đang mạnh nhất so với các đồng tiền khác tại cái thời điểm hiện thời, để từ đó mà rút ra nhận xét là nên go long đồng tiền nào trong dài hạn, short đồng nào và đồng nào hiện thời đang rủi ro nhất.

Trong bức hình trên thì hiện thời XAUUSD đang nằm dưới cùng, điều này có nghĩa là đồng USD đang là đồng tiền mạnh nhất trong rổ 8 đồng tiền chính, và AUD, NZD, CAD, EUR đang là những đồng tiền yếu nhất. Điều này dễ hiểu thôi vì hàng hóa giảm mạnh cho nên các đồng tiền hàng hóa như AUD, CAD, NZD sẽ giảm rất mạnh, kinh tế các quốc gia đó sẽ suy yếu. Khi nhìn bức hình trên có thể nhận thấy là USD, CHF và JPY đang là những đồng tiền mạnh. Riêng với JPY cà CHF chỉ là trong giai đoạn thị trường chứng khoán đang giảm, nó trở thành thứ tài sản an toàn nhất lúc này. Về dài hạn Tôi nhìn vào bức hình này điều Tôi nghĩ đầu tiên là short tiếp AUDUSD, NZDUSD, EURUSD, Long USDCAD. Bên cạnh đó là các cặp tiền chéo khác, nói chung là long các đồng tiền mạnh USD, JPY, CHF và short các đồng tiền yếu. (Ngày viết 06/01/2016) Các bạn có thể kiểm chứng lại.

Đó là ví dụ trong dài hạn, thế còn ngắn hạn thì sao? Trong các sự kiện ngắn hạn thì chúng ta sẽ phải cần sử dụng biểu đồ này trong nhiều thời điểm, nhiều sự kiện. Ví dụ trong thời điểm hiện tại nhé. Ngày 04/01/2015 hai quan chức FED bất ngờ lên tiếng về triển vọng kinh tế và up mở khả năng nâng lãi suất đến 4 lần trong năm 2016.

Đồng JPY trở thành thứ tài sản an toàn nhất sau biến cố sụp đổ thị trường chứng khoán, các đồng tiền hàng hóa đồng loạt giảm mạnh sau khi FOMC mập mờ nâng lãi suất thêm 4 lần trong năm 2016, các bình luận của quan chức FED đang dấy lên một mối lo ngại rất lớn với thị trường chứng khoán. Các nhà đầu tư chứng khoán rất lo ngại việc nâng phân lời quá cao, nó sẽ bóp chết thị trường chứng khoán cũng như kìm hãm tốc độ tăng trưởng. Tại sao lại phải làm như thế để kéo đồng USD lên trong khi hàng hóa đang giảm quá sâu? Đó là để thu hút dòng tiền chạy về đầu tư ở Mỹ, thế nhưng các quan chức quên đi rằng khi tiêu dùng giảm, hàng hóa giảm sẽ kéo theo đó là giảm phát leo thang. Khi mối lo giảm phát càng hiện

hữu hơn thì người ta sẽ không nghĩ đến việc FED thắt chặt tiền tệ đến 4 lần trong năm 2016. Cái bình luận đó cộng thêm số liệu PMI của China rất tệ đã khiến cho thị trường chứng khoán China bị bán tháo chỉ trong vòng 7 phút, ngay sau đó thì trong ngày giao dịch đầu tiên của năm mới các chỉ số chứng khoán trên toàn thế giới đồng loạt giảm điểm. Hàng hóa cũng giảm theo vì sản xuất của China trì trệ nên nhu cầu trong sản xuất sẽ ít đi, khi nhu cầu giảm đương nhiên hàng hóa phải giảm giá. Hàng hóa càng giảm trong khi đồng USD tăng lại càng khiến cho mối lo đó trở nên trầm trọng hơn. Trái phiếu Mỹ hôm 04/01/2016 đã tăng rất mạnh kéo theo lợi tức trái phiếu giảm mạnh. Thời điểm mối lo đang lấn át lý trí thì vàng và đồng JPY lại lại phương án tốt nhất hiện thời.

Không chỉ là Vàng và JPY, mà USD cũng được xem là một thứ tài sản trong khi thị trường chứng khoán giảm điểm, cùng với các lập luận khiến USD tăng và khả năng nâng lãi suất tăng cao nữa sẽ càng khiến cho đồng USD liên tục tăng. Nếu nhìn vào hình 3.5 dưới đây sẽ thấy được rằng USD, JPY trở thành 2 đồng tiền mạnh nhất sau biến cố thị trường chứng khoán giảm mạnh, các đồng tiền hàng hóa cũng bị bán khi sản xuất Trung Quốc quá yếu kém.

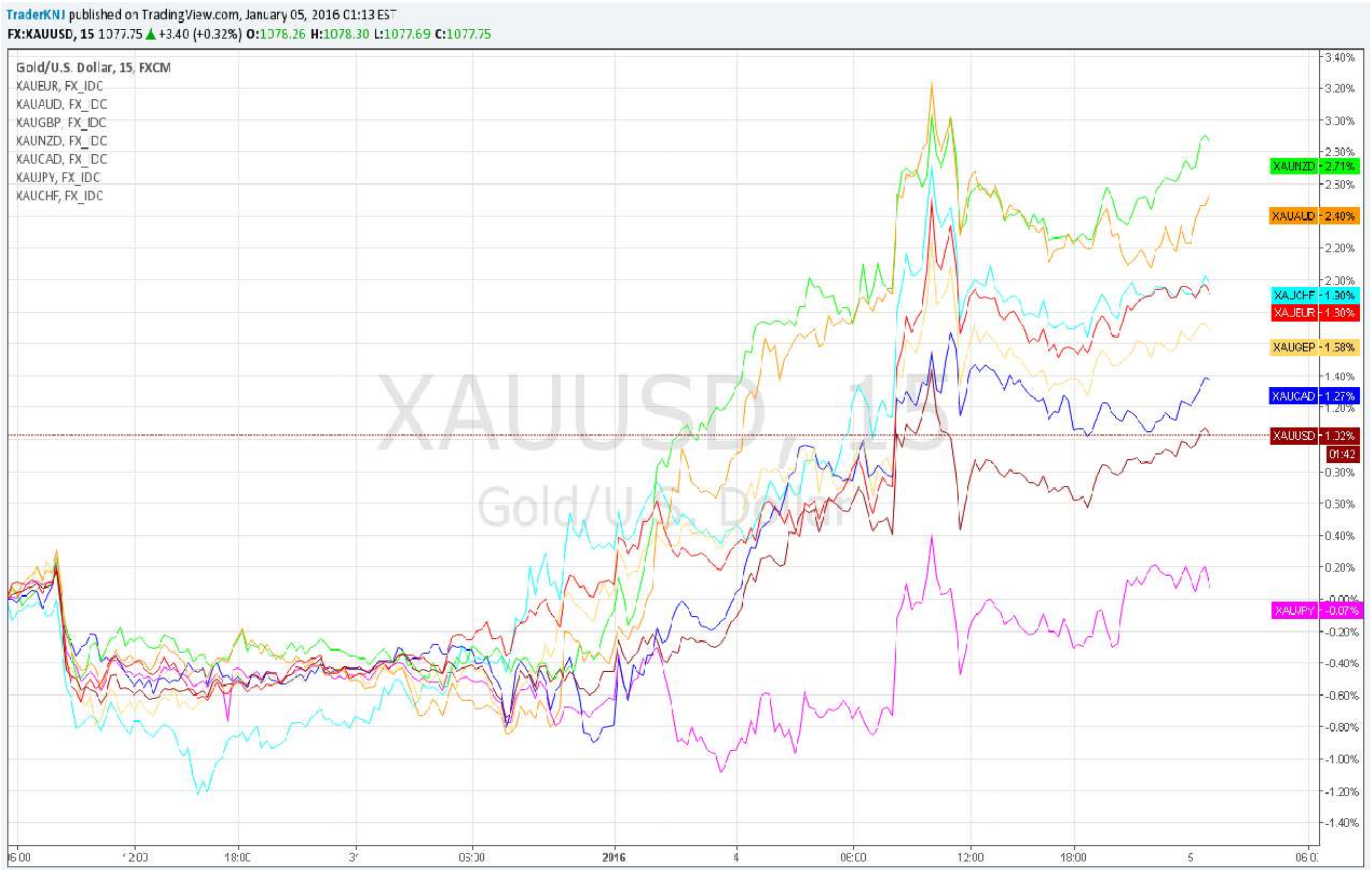
Về dài hạn đồng USD vẫn đang là đồng tiền mạnh nhất, và các đồng tiền hàng hóa đang là những đồng tiền chịu nhiều áp lực và mất giá nhiều nhất. Với những gì đang thể hiện tức là FED đang muốn kéo đồng USD lên mặc cho lạm phát là không có, tiêu dùng sụt giảm sẽ ảnh hưởng rất lớn đến GDP của Mỹ, nếu như Mỹ vẫn kiên quyết thực hiện các chính sách như công bố hiện thời thì 2016 này sẽ chứng kiến sự sụp đổ tiếp của hàng hóa, dầu sẽ phải giảm về dưới 30$, thậm chí là 20$. Sẽ là thảm họa nếu giá dầu giảm sâu đến mức đó, cuộc khủng hoảng sẽ bắt đầu từ chính sự sụp đổ của các công ty năng lượng và khai thác dầu, khí đốt. Đây chính là giọt nước tràn ly biến thị trường chứng khoán sụp đổ trong thời gian không lâu nữa... Cú sốc thị trường chứng khoán China hôm qua đó là lời cảnh báo trước rằng nếu thị trường chứng khoán China sụp đổ tiếp thì đó sẽ là dấu chấm hết với chu kỳ tăng của thị trường chứng khoán toàn cầu.

Mặc dù về cơ bản thì dầu giảm sẽ kích thích cho sản xuất, thế nhưng khi hàng hóa giảm và tiêu dùng giảm, người ta lo sợ khi phải đầu tư vào một thị trường mà không nắm chắc

phần thắng thì liệu người ta có ném tiền vào đó không? Trong đầu tư người ta sợ nhất không phải là tin tức hiện hữu mà người ta sợ nhất đó chính là sự không chắc chắn, hiểu là những cái gì không chắc chắn thì người ta sẽ không để tiền vào đó. Khi đã không tin tưởng thì tìm đến các lớp tài sản an toàn là phương án tốt nhất. Không phải đơn cử mà lợi tức trái phiều của Mỹ đã giảm từ cuối năm 2014 trong khi nguyên cả một năm 2015 thị trường chứng khoán không hề tăng. Dấu hiệu dễ nhận thấy nhất hiện thời đó chính là cú sốc phiên giao dịch hôm qua đó. Điều này chứng tỏ là dòng tiền đã lo sợ khi đầu tư vào các cổ phiếu. Sự sụp giảm của nhóm cổ phiếu năng lượng trong năm 2015 đó cũng là một dấu hiệu sớm. Nhưng tại sao Vàng vẫn chưa tăng? các phát biểu mang tính thắt chặt tiền tệ đó khiến cho đồng USD liên tục tăng, mà trong một thời điểm không có gì là chắc chắn rằng đầu tư vào vàng có an toàn hay không, thị trường chứng khoán đã thật sự bước vào chu kỳ giảm hay chưa? và liệu FED sẽ tiếp tục thắt chặt tiền tệ? những mối lo đó khiến cho nhà đầu tư cảm thấy bất ổn nếu dùng tiền để đầu tư. Giữ chặt USD là một phương án có thể nói là an toàn nhất hiện thời. Sẽ không ai nghĩ đến việc mua vàng khi USD đang tăng cả!

Thời điểm Tôi viết nhận định này là ngày 05/01/2016, và cái kỳ vọng go long Vàng, USD, JPY cùng với go short các đồng tiền hàng hóa AUD, NZD, CAD và EUR, GBP được thực hiện ngay lúc viết nhận định này. Các bạn có thể kiếm chứng lại, từ những quan trắc trên bức hình 3.4 và 3.5 đó cộng với những lập luận trên để Tôi quyết định các giao dịch như vậy.

Các bạn lưu ý kỹ là phải lựa chọn mốc thời gian cho hợp lý nhé, tức là khi chọn mốc thời gian so sánh là từ đầu năm 2014, đầu năm 2015 hay quý 3/2015…đến nay. Lựa chọn mốc thời gian để so sánh cũng là nghệ thuật, phải biết được nên so sánh khung nào Daily, H4, H1 hay khung khác…rồi từ đó đưa ra quyết định lựa chọn mốc thời gian từ lúc nào đến hiện tại cho phù hợp nhất. Những điều này sẽ hình thành kỹ năng cho các bạn thôi.



Hình 3.5: Sử dụng Vàng để so sánh sức mạnh các đồng tiền chính trong ngắn hạn, ngay tại thời điểm xảy ra biến cố thị trường chứng khoán toàn cầu giảm điểm.

MỘT VÀI VÍ DỤ VỀ MỐI TƯƠNG QUAN GIỮA VÀNG, OIL VÀ USD.

Ví dụ 1: Vàng tăng mạnh sau cú sốc thị trường chứng khoán toàn cầu sụp đổ tháng 8/2015.

Một ví dụ điển hình về sự tăng giá của hàng hóa cơ bản và quan trọng khi thị trường chứng khoán sụp đổ và đồng USD giảm mạnh giai đoạn tháng 8 vừa qua. Trong trường hợp này vì là cú sốc trên thị trường chứng khoán cho nên nhà đầu tư rơi vào tình trạng hoảng loạn và họ liên tục bán đổ bán tháo cổ phiếu đang nắm giữ và chạy sang vàng với mong muốn gỡ lại chút tiền vốn, vì bản chất vàng là thứ tài sản trú ẩn trong những giai đoạn biến động khủng hoảng niềm tin mà, khi niềm tin của đại bộ phận nhà đầu tư bị lung lay thì lúc này họ chỉ còn cách chạy vào với vàng và trái phiếu Mỹ. Thời điểm này thị trường trái phiếu Mỹ tăng đột biến điển hình đó là US 10 years bond yield giảm mạnh trong thời điểm thị trường chứng khoán Mỹ sụp đổ (Chỉ số S&P 500 giảm từ 2100 xuống còn 1834 trong vòng vài ngày, chỉ số công nghiệp Dow Jones Industrial giảm từ hơn 18000 xuống còn hơn 15000 cũng chỉ trong vòng vài ngày).

Trong ví dụ này thì vàng và USD có mối tương quan nghịch đảo, vì lý do người ta chạy vào vàng như là một thứ tài sản an toàn để trú ẩn, và dù cho trái phiếu Mỹ cũng tăng nhưng lúc này đây thị trường chứng khoán Mỹ sụp đổ cho nên đồng USD vì thế suy yếu đi rõ rệt, dòng tiền tháo chạy rất nhanh khỏi thị trường chứng khoán Mỹ đã khiến cho niềm tin vào đồng USD suy giảm cho nên trong những ngày này đồng USD liên tục bị bán, họ phải bán USD để chạy sang với vàng và những thứ tài sản khác an toàn hơn cũng như tháo chạy khỏi thị trường Mỹ. Sự kiện thị trường chứng khoán đồng loạt bị bán tháo bắt nguồn từ việc thị trường chứng khoán Trung Quốc mất điểm, giai đoạn trước đó chỉ số Shanghai Composite bốc hơi hơn 30%, và sau đó tiếp tục giảm mạnh đánh dấu chu kỳ giảm điểm mạnh nhất kể từ cuộc khủng hoảng 2008 khi bốc hơi hơn 50% giá trị thị trường chỉ trong thời gian rất ngắn, mặc dù chính phủ Trung Quốc cũng đã tìm mọi biện pháp để ngăn chặn việc người dân bán đổ bán tháo cổ phiếu. Tuy nhiên trong những trường hợp thế này càng cấm đoán sẽ càng khiến tâm lý của họ thêm nặng nề hơn và sẽ càng thêm lo sợ, một khi nỗi sợ đã lấn át lý trí thì dù có áp dụng biện pháp gì cũng không thể ngăn đà giảm của thị trường được.



Hình 3.6: Thị trường chứng khoán Mỹ giảm điểm nhanh chóng và chịu áp lực bán tháo sau những lo ngại về thị trường chứng khoán Trung Quốc sụp đổ.

Bắt nguồn từ việc thị trường chứng khoán Trung Quốc bị bán thao bán đổ dẫn đến việc thị trường chứng khoán toàn cầu đồng loạt bị bán. Có thể hình dung giai đoạn này nỗi sợ đã bao trùm toàn bộ thị trường và người ta đã nghĩ đến việc lịch sử năm 2008 sẽ lập lại, tuy nhiên là trong một thời kỳ khi tất cả các ngân hàng trung ương đều đã thực hiện các chính sách nới lỏng và tiếp tục duy trì các chính sách đó hơn nữa. Chính những điều trên đã dần lấy lại kỳ vọng của nhà đầu tư khi chỉ sau đó không lâu thị trường chứng khoán đã lại tiếp tục phục hồi. Với phương diện là một trader giao dịch ngắn hạn thường thì trong ngày hoặc một vài ngày thì chúng ta sẽ lại càng phải chú ý thật kỹ và đương nhiên là kỹ năng xem xét tin tức và vận động của thị trường là điều chắc chắn phải có thì mới có thể nhìn nhận ra được sự kiện thị trường chứng khoán sụp đổ để mà nhân cơ hội đó thực hiện lệnh mua vàng. Một kinh nghiệm rút ra ở đây chính là khả năng quan sát liên thị trường đó, phân tích liên thị trường thực chất là nhìn nhận các sự kiện diễn ra và áp các sự kiện đó lên từng bộ phận cấu thành, trong trường hợp này là thị trường chứng khoán Trung Quốc sụp đổ kéo theo thị trường chứng khoán toàn cầu cũng giảm điểm mạnh ngay sau đó, nếu là một nhà phân tích liên thị trường thì ngay khi thấy thị trường chứng khoán Trung Quốc sụp đổ mạnh như vậy thì ngay lập tức thực hiện lệnh mua vàng nói riêng và những hàng hóa, đồng tiền tránh bão khác (điển hình là CHF). Điều quan trọng cần phải nhớ trong ví dụ này là trong cả bốn bộ phận cấu thành thị trường tài chính thì trong một vài trường hợp, sự kiện nhất định thì sẽ có một thị trường đóng vai trò là đầu tàu, và ở trường hợp này thì thị trường chứng khoán chính là vai trò dẫn dắt, trong số các bạn là trader sẽ có khá nhiều bạn giao dịch trên các chỉ số Future Indices. Vậy thì đây cũng là một ví dụ đáng để các bạn ghi nhớ là thị trường chứng khoán Trung Quốc đóng một vai trò rất quan trọng, khi nó bị bán đổ bán tháo thì với một người phân tích liên thị trường họ cũng sẽ nhìn sang thị trường chứng khoán Nhật, nếu như phiên Á mà các chỉ số chứng khoán đều đồng loạt giảm chẳng hạn thì đó chính là thời cơ để chúng ta tìm đến với các chỉ số Future Indices ở thị trường châu Âu và Mỹ đó. Ví dụ này Tôi cũng có nói trong phần tổng quan về thị trường chứng khoán.



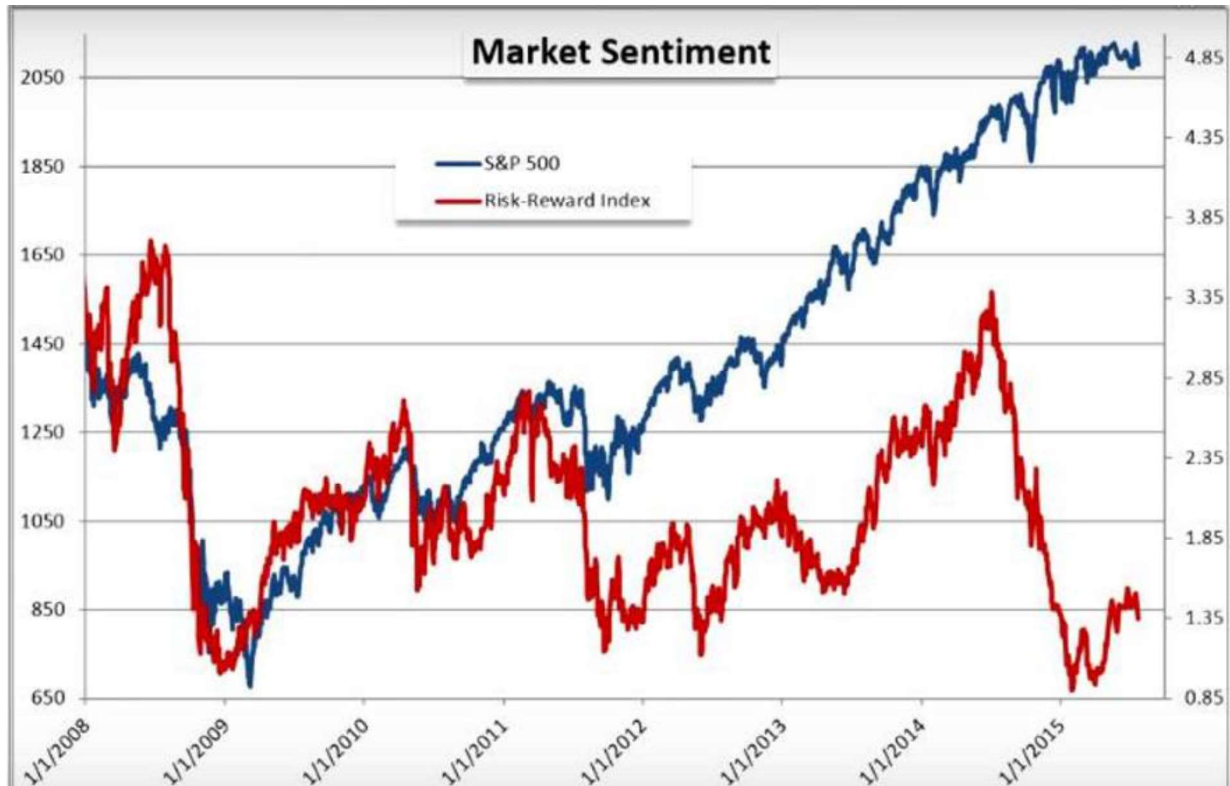
Hình 3.7: Vàng tăng sau khi thị trường chứng khoán Mỹ và các thị trường chứng khoán trên thế giới đồng loạt bị bán tháo khiến cho đồng USD cũng giảm tương đối mạnh.

Có một điều mà Tôi cần nhấn mạnh thêm trong sự kiện lần này đó là việc thị trường chứng khoán giảm điểm, vàng tăng và USD giảm nhưng dầu lại là mặt hàng phản ứng chậm hơn cả, phải đợi đến khi áp lực bán tháo chứng khoán hạ nhiệt, vàng bắt đầu giảm lại và USD tìm lại vị thế tăng thì Oil mới lại tăng ngay sau đó. Tức là trong trường hợp này mối tương quan giữa Oil và USD đã bị phá vỡ, không hoàn toàn đúng với phần lớn giai đoạn Oil giảm thì USD sẽ tăng.

Quay trở lại hình 3.7, các bạn dễ dàng nhận thấy mẫu hình "Vai Đầu Vai" hình thành trên chart USD Index và một mô hình dự báo khả năng gãy trend của Vàng xuất hiện, trong trường hợp này về phân tích cơ bản đã nêu ở trên hỗ trợ vàng tăng và áp vào chart kỹ thuật thì lại là một mô hình đảo chiều trên chart USD Index cho nên các bạn tinh ý sẽ đoán ra được sắp có một sự bứt phá và xu hướng tăng của Vàng sẽ chắc chắn sẽ là điều được kỳ vọng. Xét về yếu tố kỹ thuật thì thời điểm đó vào lệnh sẽ cho chúng ta một mức giới hạn chịu lỗ là rất ngắn và hơn hết chúng ta không cần thiết phải đoán đúng đỉnh hay đáy của xu hướng, nếu là một trader có kinh nghiệm thì sẽ lựa thời điểm chart vàng phá vỡ ngưỡng kháng cự chính là đường trend line phía trên đó cộng thêm xác nhận từ các thông tin cơ bản đã nêu ở trên, giao dịch như vậy sẽ hạn chế tối đa khả năng LOSS của chúng ta và đường nhiên là xác xuất thắng sẽ cao hơn là chỉ nhìn duy nhất một thị trường vàng rồi.

Để thêm phần chắc chắn các bạn hãy quan sát hình vẽ dưới đây: chỉ số Risk-Reward Index đã giảm mạnh từ cuối năm 2014 và cũng trong giai đoạn này US 10 yeard Bond yield đảo chiều giảm mạnh. Đó chính là dấu hiệu sớm nhất và dễ dàng nhận thấy nhất để tiên đoán rằng thị trường chứng khoán Mỹ sắp bước vào một chu kỳ down trend và liệu rằng khi dòng tiền đổ vào thị trường chứng khoán Mỹ có phần chững lại và dòng tiền chạy sang trái phiếu tăng lên đột biến đó sẽ là một dấu hiệu sớm rằng sự sụp đổ trên thị trường chứng khoán là chắc chắn xảy ra và thời điểm đó đến vào đúng lúc thị trường chứng khoán Trung Quốc bốc hơi 50%. Khi mà ai ai cũng đều là một nhà đầu tư chứng khoán như giai đoạn tăng trưởng nóng trước cú sụp đổ đó trên thị trường chứng khoán thì đó chính là thời điểm mà chúng ta nên thoát khỏi thị trường. Câu nhận xét này không biết các bạn nghĩ thế nào nhưng riêng cá nhân Tôi thì thấy khi mà ai ai cũng lao đầu vào mua cổ phiếu mà giá trị thực

tế không tăng thì đó chính là lúc nên thoát khỏi thị trường đó, sự hình thành bong bóng chứng khoán sẽ hình thành trong giai đoạn này và đương nhiên là giá trị ảo đó sẽ bị thổi bay thôi.



Hình 3.8: Dấu hiệu dự báo sớm sự sụp đổ của thị trường chứng khoán Mỹ khi chỉ số Risk-Reward Index đã giảm mạnh từ cuối năm 2014 và cũng trong giai đoạn này US 10 yeard Bond yield đảo chiều giảm mạnh.

Trong bức hình trên là thời điểm trước khi xảy ra biến cố mà Tôi đã lấy làm ví dụ phía trên, tuy nhiên cũng trong giai đoạn này giá dầu lại giảm và phải mãi đến khi đợt sụp đổ này hạ nhiệt thì lúc đó dầu mới có chút phục hồi. Trong phân tích trên cơ sở giá trị thực của thị trường chứng khoán thì sẽ có viễn cảnh như thế này: thị trường chứng khoán tăng có nghĩa là kinh tế phát triển, tạo ra nhiều việc làm hơn và lạm phát vì thế cũng tăng do tiêu dùng tăng lên. Điều này sẽ dẫn đến nhu cầu tiêu thụ dầu tăng lên, và có nghĩa là giá dầu vì thế cũng sẽ tăng, nhưng giai đoạn này khi OPEC vẫn duy trì lượng dầu khai thác mặc cho dư cung và cầu thiếu khiến cho giá dầu liên tục giảm.



Hình 3.9: Dầu và USD là bạn đồng hành trong giai đoạn thị trường chứng khoán toàn cầu giảm mạnh. Tuy nhiên không phải trường hợp nào Dầu và USD cũng tương quan cùng chiều khi thị trường chứng khoán giảm.

Lý giải cho việc giá dầu tăng lần này là thị trường chứng khoán bất ngờ tăng mạnh trở lại sau chuỗi ngày bị bán đổ bán tháo, qua đó thắp lên niềm tin là nhu cầu dầu mỏ sẽ tăng trở lại. Trong suốt thời gian khá dài trước đó dầu liên tục giảm vì những lo ngại rằng kinh tế Trung Quốc tăng trưởng chậm lại sẽ kéo nhu cầu dầu trên thế giới đi xuống, và tổ chức các nước xuất khẩu dầu vẫn duy trì sản lượng như trước bất chấp dư thừa nguồn cung. Có thể thấy động thái này của OPEC là muốn kéo giá dầu xuống mức thấp hơn nữa, tổn thất lớn nhất có lẽ chính là Nga khi nền kinh tế Nga lao dốc thảm hại, đồng Rub Nga mất giá kỷ lục và hơn nữa các lệnh trừng phạt của phương Tây đang nhằm thẳng vào Nga với mục đích trả đũa. Sau khi thị trường chứng khoán toàn cầu phục hồi và số liệu cho thấy sản lượng dầu mỏ của Mỹ giảm, và Tổ chức các nước xuất khẩu dầu mỏ OPEC tuyên bố sẽ nói chuyện với các nước sản xuất dầu khác về vấn đề giá dầu giảm xuống mức thấp. Trong khi đó đồng USD vẫn tăng lại với kỳ vọng rằng FED sẽ vẫn duy trì lộ trình nâng lãi suất sớm trong năm 2015.

Có nhiều trường hợp chúng ta có thể phải tư duy theo một chiều hướng khác mà cái này trong cuốn sách "Chiến Tranh Tiền Tệ" đã nhắc đến, đó chính là thuyết âm mưu, hơn thế nữa những vấn đề địa chính trị cực kỳ quan trọng nhất là trong thời điểm hiện nay khi mọi hoạt động kinh tế đều bị chi phối bởi những tính toán cả trong quân sự và chính trị, bất kể sự hợp tác trên phương diện nào đi chăng nữa thì quốc gia nào cũng muốn mang về nguồn lợi cho đất nước mình và tất nhiên là với thuyết âm mưu thì những vấn đề địa chính trị, kinh tế đó đều bị chi phối bởi thế lực ngầm, thế lực này là những tay trùm sỏ tài chính. Để hiểu thêm thì các bạn tìm đọc cuốn "Chiến tranh tiền tệ" của tác giả Songhong Bing. Ví dụ trên đây chỉ là một ví dụ nhỏ và đơn giản nhất khi phân tích thị trường vàng, không hẳn những gì tôi viết là thiên về dài hạn như đa số các bạn vẫn quan niệm, mà bất kể các bạn giao dịch trong ngắn hạn thì việc xác định xu hướng chính rồi vào lệnh thì lúc đó mới hạn chế được rủi ro xuống mức thấp nhất mà đúng không. Riêng cá nhân Tôi cũng giao dịch trong ngày và thường thì không để lệnh quá 1 tuần.

Ví dụ 2: Vàng và USD là bạn đồng hành trong giai đoạn cuối tháng 12/2014 đến cuối tháng 1/2015.

Trong giai đoạn cuốn năm 2014 vàng bước vào xu hướng tăng nhẹ phục hồi sau khi liên tục giảm trong suốt mấy tháng trước đó. Giai đoạn này vàng tăng là vì người ta mất niềm tin vào những đồng tiền pháp định khác, nhu cầu chạy vào vàng trú ẩn tăng lên, hơn nữa giai đoạn này là cuối năm âm lịch mà Trung Quốc cũng như Việt Nam ta áp dụng. Nhu cầu vàng của Trung Quốc và Ấn Độ tăng cao khiến giá vàng tăng lên tương đối mạnh. Thời gian này ngân hàng trung ương châu Âu ECB thực hiện gói nới lỏng định lượng QE khiến cho đồng EUR bị bán liên tục, người ta mất hết niềm tin vào đồng EUR, mà không chỉ riêng với đồng EUR mà hầu hết các đồng tiền khác, chỉ có USD là tăng do kỳ vọng về việc nâng lãi suất của FED. Áp lực chốt lời của một đại bộ phận những nhà đầu tư đã bán vàng từ trước đó, cùng với đó là những nhà đầu tư chờ giá vàng giảm thấp để mua vào với hi vọng mức giá đáy. Đồng Euro yếu đi sau bình luận của Ông Maro Draghi rằng do sự tăng giá của đồng USD mà giá vàng sẽ có sự điều chỉnh giảm xuống cùng 1167.3 usd/Oz. Trong một cuộc phỏng vấn hôm 2/1/2014, Ông Draghi đã bóng gió đề cập rằng ECB có thể bắt đầu mua trái phiếu chính phủ và mở rộng các biện pháp nới lỏng định hướng vào năm 2015: "Chúng tôi đang chuẩn bị kỹ càng để thay đổi quy mô, tốc độ và thành phần của các biện pháp kích thích nền kinh tế trong năm 2015".

Chỉ số USD index tương lai tháng 3/2015 giao dịch ở mức cao nhất kể từ tháng 12/2005, phá vỡ mức tâm lý 91 điểm. Tuy nhiên, theo một số nhà phân tích thì số liệu sản xuất đáng thất vọng tháng 12 khiến một số nhà đầu tư vàng phải tất toán trạng thái bán xuống của họ. Viện quản lý nguồn cung cho biết chỉ số Mua hàng (Purchasing Managers index) giảm xuống mức thấp nhất trong sáu tháng tại mứ 55.5% so với mức 58.7% của tháng 11 đồng thời thấp hơn mức dự báo ở 57.5%. Bill Barich – nhà môi giới hàng hóa cao cấp tại iiTrader cho rằng sau khi chỉ số này chạm mức thấp nhất của tháng, một số nhà đầu tư vàng cho rằng sẽ rất khó để giá vàng có được mức đáy mới, do đó họ đã chốt lời các trạng thái bán xuống.



Hình 3.10: Vàng và USD là bạn đồng hành trong giai đoạn niềm tin vào viễn cảnh FED nâng lãi suất lên mức cao và trong giai đoạn này hầu hết các ngân hàng trung ương khác đều phải áp dụng biện pháp nới lỏng khiến cho nhu cầu tìm đến vàng tăng cao.

Hơn nữa vào giai đoạn này thị trường chứng khoán Mỹ bước vào chu kỳ giảm điểm tương đối mạnh, cũng chính yếu tố này và giá vàng được hỗ trợ. Tương tự như ví dụ ở phía trên, thị trường chứng khoán giảm mạnh cho nên với tâm lý lo sợ rủi ro mà người ta tìm đến với vàng. Thị trường trái phiếu đã tăng trước đó thể hiện qua lợi tức trái phiếu kỳ hạn 10 năm của Mỹ giảm mạnh, tuy nhiên trong trường hợp này thì thị trường chứng khoán lại không phải là thị trường dẫn dắt nữa mà lúc này đây sự kiện xoay quanh việc FED thể hiện khả năng nâng lãi suất sớm và việc ECB thực hiện QE là tâm điểm, và giá vàng phản ứng với những kỳ vọng đó trước rồi sau đó thị trường chứng khoán mới giảm.

Vậy nên Tôi mới muốn nhấn mạnh rằng trong mỗi trường hợp khác nhau thì sẽ có một thị trường dẫn dắt các thị trường còn lại, nhưng đa phần khi thấy rủi ro hoặc một dấu hiệu nào đó không tốt trên thị trường… hay đại loại là một sự kiện nào đó thì thị trường trái phiếu luôn luôn là thị trường phản ứng trước tiên. Cho nên trong những trường hợp tâm điểm thị trường là những sự kiện có liên quan tới kinh tế Mỹ thì các bạn phải chắc chắn rằng trái phiếu đã phản ứng trước, lúc đó mới là thời điểm vào lệnh những món hàng khác.

Giá vàng thời điểm này định giá bằng EUR đã chạm mức cao nhất kể từ 2013, tức là lúc này đây các nhà đầu tư đã tiên đoán được viễn cảnh giảm dài hạn của đồng EUR, cho nên họ tìm cách để bảo toàn số tiền của mình bằng cách đầu tư vào vàng. Lúc này vàng trở thành một kênh đầu tư hấp dẫn hơn nhiều tại châu Âu, nơi có nhu cầu mạnh mẽ đối với các khoản đầu tư trú ẩn an toàn. Trái phiếu kỳ hạn 5 năm của Đức được công bố ngày 2/1/2015 đã thấp hơn kỳ vọng. Vậy tại sao nhà đầu tư lại phải trả cho chính phủ Đức để giữ tiền của họ trong khi họ có thể dùng tiền đó để đầu tư sinh lợi nhuận mà. Như Tôi có nhấn mạnh ở trên đó, thời điểm này là cuối năm âm lịch của vài quốc gia ở châu Á, và không chỉ riêng những quốc gia đó mà với đặc điểm người châu Á rất thích vàng, họ mua vàng làm đồ trang sức và cất giữ rất nhiều, cho nên thường thì vào những giai đoạn cuối năm âm lịch của người châu Á giá vàng sẽ tăng. Ngoài yếu tố mùa vụ thì giá vàng còn được hưởng lợi từ chính sách kích thích của Trung Quốc.

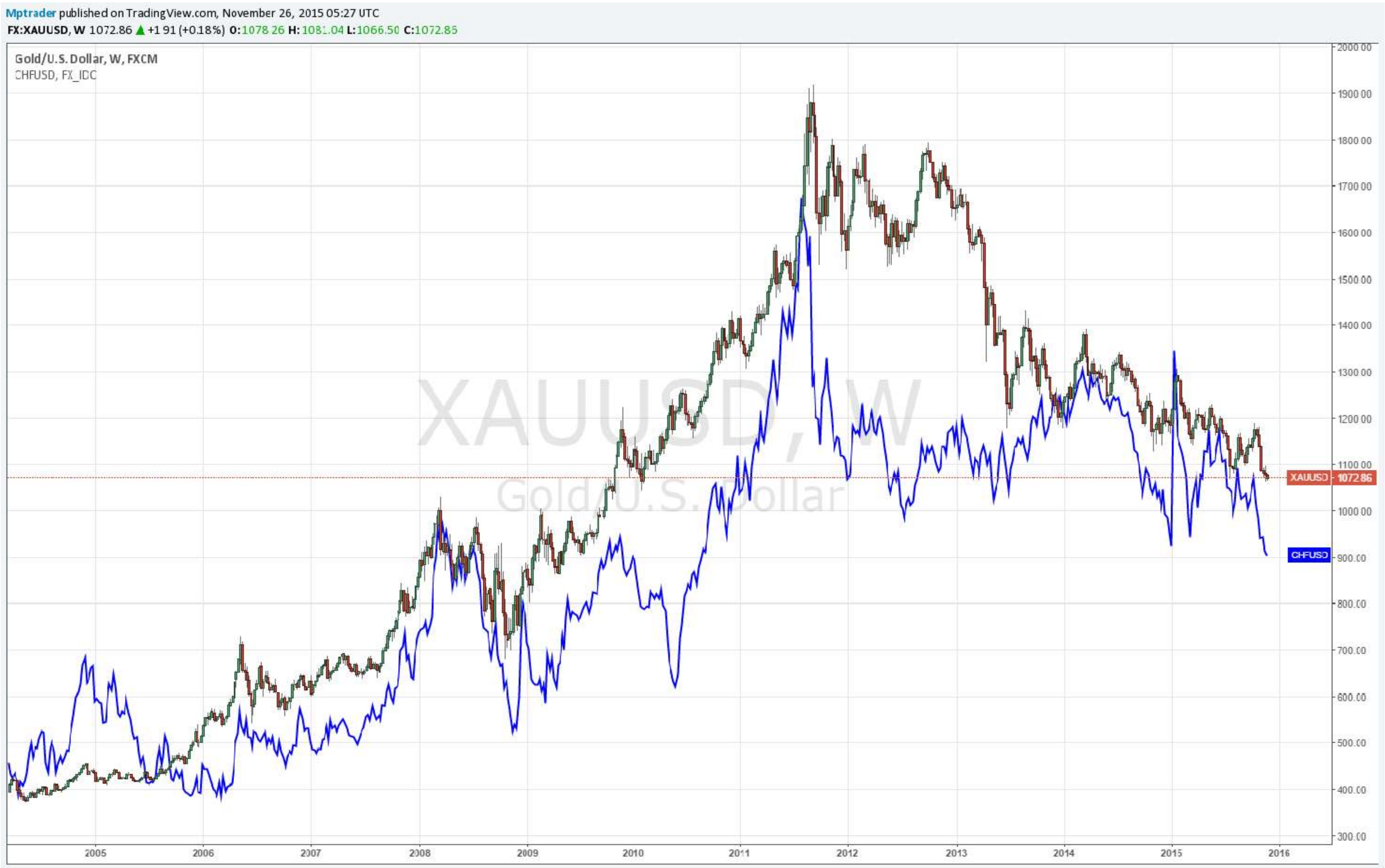


Hình 3.11: Thị trường chứng khoán Mỹ giảm điểm tương đối mạnh trong giai đoạn giá vàng tăng cao do lo ngại từ việc mất dần niềm tin vào các đồng tiền pháp định, điển hình trong đó là đồng EUR.

Trong ví dụ này Vàng lại là thứ tài sản có phản ứng trước với những thông tin cơ bản ở trên. Với một nhà phân tích liên thị trường người ta sẽ dựa vào những yếu tố trên để quan sát thị trường chứng khoán Mỹ và thực hiện lệnh short các chỉ số Future Indices đón đầu xu hướng. Đa phần trong chúng ta là những currency trader cho nên khi các bạn nhận thấy có những dấu hiệu nào đó hoặc hỗ trợ hoặc là tiêu cực thì điều quan trọng là vận dụng những kiến thức liên thị trường cơ bản để xác định được món hàng nào/cặp tiền nào sẽ là cái trade trong tương lai thay vì chỉ tập trung vào một vài mặt hàng cụ thể.

Tôi lấy ví dụ trong trường hợp này nhé, khi các bạn có thông tin về việc ECB tung thêm gói nới lỏng QE thì chắc chắn rằng trong tương lai đồng EUR sẽ bị bán đúng không, vàng tăng và chứng khoán giảm, vậy các bạn có quan tâm đến cặp tiền EUR/CHF không? Biết chắc là đồng EUR sẽ bước vào giai đoạn giảm trong dài hạn cho nên ngân hàng trung ương Thụy Sĩ (SNB) đã bất ngờ phá trần tỉ giá với EUR, điều này khiến cho đồng EUR càng bị bán mạnh hơn và thực tế là chỉ trong vòng có hơn 30 phút thôi mà cặp tiền này đã mất đến hơn 2300 pips. Đây có thể nói là thảm kịch mà trong lịch sử chưa từng có một cú sốc tài chính nào như thế. Vì bản chất là đồng tiền trú ẩn, là túi tiền của các nhà tư bản tài phiệt cho nên đồng CHF cũng được xem như là một thứ tài sản an toàn trong những thời điểm biến động của thị trường. Điều này được minh chứng qua 2 giai đoạn đen tối nhất trong lịch sử thế giới đó chính là 2 cuộc chiến tranh thảm khốc, mà Thụy Sĩ vẫn bình yên không một tiếng súng bất chấp vị trí địa lý của quốc gia này nằm ngay giữa lòng cuộc chiến. Đánh ai thì đánh cũng vì một mục đích đó là lợi ích về kinh tế, quyền lực về chính trị và quân sự cả, cho nên dù có đánh gì đi chăng nữa đám tài phiệt cũng không dại gì đánh vào túi tiền của mình cả. Đặc điểm này đương nhiên biến đồng CHF trở thành một loại tài sản an toàn (có lẽ chỉ sau Vàng) trong những thời kỳ có biến động về địa chính trị.

Để nói về những mối tương quan giữa vàng và các loại tài sản khác, những cặp tiền hay những vận động tương quan khác Tôi sẽ đi sâu vào chương các quy luật liên thị trường. Trong những thời điểm như thế này thì chắc chắn phải nhìn sang các đồng tiền khác, đặc biệt là đồng AUD có mối tương quan rất chặt chẽ với vàng.



Hình 3.12: Mối tương quan chặt chẽ giữa Vàng và đồng CHF.

Ví dụ 3: Giá vàng giảm sâu giai đoạn từ giữa tháng 10/2015 đến nay sau những thông tin tích cực từ thị trường chứng khoán toàn cầu và FED ngày càng chắc chắn hơn trong việc nâng lãi suất lần đầu tiên trong vòng hơn một thập kỷ qua.

Thêm một ví dụ điển hình nữa về mối tương quan giữa vàng và USD ở thời điểm hiện tại khi giá vàng liên tục giảm mạnh và bây giờ đang ở mức thấp nhất kể từ đầu năm 2010. Lý do vàng giảm mạnh giai đoạn này chính là vì đồng USD tiếp tục đà tăng với kỳ vọng càng thêm chắc chắn rằng FED sẽ sớm thông qua việc nâng lãi suất trong tháng 12 sau khi mà các số liệu thị trường lao động của Mỹ được công bố là quá tốt. Và chính thời điểm này thị trường chứng khoán toàn cầu đón một luồng gió mới với bước đà tăng trưởng khôi phục lại đúng tại thời điểm nó đã bị bán tháo hồi tháng 8 vừa qua. Phần vì nỗi sợ thật sự đã qua đi, thị trường chứng khoán Trung Quốc tăng trở lại, các chính sách của Trung Quốc đã phát huy hiệu quả, mà kỳ thực thì là do sức chịu đựng thua lỗ của nhà đầu tư đã hết khi mà thị trường bốc hơi hơn 50%. Chỉ có những người bản lãnh thép mới có thể trụ lại thị trường khi mà nó bốc hơi nhiều như thế và quả thực cũng chả có ai dại dột ở lại trong cái thị trường bong bóng và đổ vỡ mạnh như thế cả. Mất đi 50% có nghĩa là nó phải tăng trưởng lại 100% thì mới đạt được mức giá lúc nó sụp đổ đúng không nào. Mà dù cho nhà đầu tư lạc quan đến mấy cũng chả ai tin là thị trường chứng khoán Trung Quốc sẽ vực dậy được đâu, dù có tăng trưởng trở lại thì cũng phải vài năm nữa. Người ta thà chấp nhận lỗ mà thoát khỏi cái thị trường đó sớm để tiếp tục đầu tư vào những lĩnh vực khác với hi vọng gỡ lại chút vốn còn hơn ngồi lại để mà gặm nhấm nỗi đau đúng không. Cũng chính vì những lý do trên mà thị trường chứng khoán Trung Quốc phục hồi, kéo theo đó là hầu hết các thị trường chứng khoán trên thế giới đều có bước phục hồi rất ấn tượng.

Khi thị trường chứng khoán tăng thì ngay trong tu duy của đại bộ phận những nhà điều tiết thị trường nghĩ ngay đến viễn cảnh lạm phát cũng sẽ tăng theo: điều này được lý giải như sau, khi thị trường chứng khoán tăng có nghĩa là nền kinh tế tăng trưởng, hàng hóa sản xuất ra được tiêu thụ nhiều hơn, do đó mà chi tiêu tiêu dùng tăng lên, thất nghiệp giảm xuống do các công ty làm ăn được sẽ tuyển thêm lao động, mà một khi kinh tế tăng trưởng thì giá các mặt hàng cơ bản sẽ tăng lên… CPI vì thế sẽ tăng lên cho nên người ta mới kỳ

vọng trong tương lai lạm phát sẽ tăng, mà lạm phát tăng thì có nghĩa là các ngân hàng trung ương sẽ tính ngay đến việc tăng lãi suất cơ bản ngắn hạn. Chính vì quy luật trên mà FED liên tục nhấn mạnh duy trì lộ trình nâng lãi suất đó.

Trong giai đoạn này sau những thông tin từ ECB về vấn đề sẽ tăng thêm lượng QE vào thị trường trong tháng 12 đã khiến cho đồng EUR liên tục giảm mạnh về ngưỡng thấp nhất trong 2 tháng. Ngay sau khi ECB tuyên bố về việc sẽ tăng thêm lượng QE vào thị trường vào tháng 12 tới đã tác động đến việc Ngân hàng nhân dân Trung Quốc PBOC cũng quyết định cắt giảm lãi suất.

Những hành động trên đã khiến thị trường có những phiên biến động rất mạnh. Vậy thì tại sao ngay sau khi ECB làm công bố chính sách thì PBOC lại phải cắt giảm lãi suất? Trong một bối cảnh khi thị trường chứng khoán toàn cầu đang phục hồi ấn tượng và chứng khoán Trung Quốc cũng đã phần nào lấy lại được niềm tin sau chuỗi ngày dài bị bán tháo nhưng PBOC vẫn phải sử dụng đến biện pháp cắt giảm lãi suất? Nhắc thêm là tuần qua GDP quý của Trung Quốc được công bố là 6,9%, vậy thì có gì khúc mắc ở con số này, có thật sự là GDP đã tăng như vậy không, nguồn vốn đầu tư và Trung Quốc có thật sự đã tăng lên, kinh tế có thật sự tốt như báo cáo đưa ra hay đó chỉ là 1 biện pháp làm giả số liệu để kéo thị trường chứng khoán đi lên và tạo một vỏ bọc rằng kinh tế China vẫn ổn? Những bất cập trên có thể được giải thích bằng chính những gì mà nền kinh tế Trung Quốc đã thể hiện trong quý vừa qua, người ta sẽ tin rằng một thị trường chứng khoán sụp đổ, một nền kinh tế trì trệ khi tiêu dùng suy giảm, cán cân thương mại không tốt, PBOC đã phải dùng đến những biện pháp mang tính thời điểm khi buộc phải phá giá đồng CNY chỉ để kích cầu xuất khẩu và cũng để nói với thế giới rằng nền kinh tế lớn thứ 2 thế giới đã thất sự suy yếu và có những vấn đề rất lớn, những vấn đề đó đang được che đậy bằng một vỏ bọc bằng cách khiến cho các số liệu trở nên đẹp hơn. Nhưng market nó có sức mạnh riêng của nó, khi tâm tính của market đã thay đổi và họ lo sợ về một viễn cảnh nền kinh tế tồi tệ thì không có gì có thể khiến nó thay đổi được. Bằng chứng là sau khi GDP q/y được công bố mà Shanghai Composite vẫn không hề tăng, ai mà tin được là tăng trưởng trong nền kinh tế là lớn như vậy khi thị trường chứng khoán bốc hơi gần 50% trong hơn 3 tháng qua.



Hình 3.13: Chỉ số chứng khoán Trung Quốc (Shanghai Composite) có bước phục hồi đáng kể sau những giai đoạn bị bán đổ bán tháo mặc cho Chính phủ Trung Quốc đã áp dụng nhiều biện pháp ngăn chặn đà sụp đổ đó.

Quay lại vấn đề chính: Đó là sự kiện cuộc họp FOMC và FED công bố lãi suất cơ bản. Như có nhắc đến trong tuần qua khi ECB lên tiếng xác nhận việc tăng thêm lượng kích thích vào nền kinh tế đã khiến cho market nghĩ rằng kinh tế khu vực châu Âu đang rất yếu và những bất cập trên thể hiện qua những chỉ số được công bố trong cả tháng vừa qua là không thật sự tốt, mặc dù thị trường chứng khoán đã phục hồi đáng kể nhưng từng đó chưa thể nói lên được rằng tình hình kinh tế chung đã thật sự ổn định, lạm phát đang thật sự là mối lo rất lớn không chỉ của riêng ECB mà hầu hết tất cả các ngân hàng trung ương khác. Chính vì người ta biết rằng kinh tế khu vực EU đang suy yếu cho nên những nhà đầu tư đặc biệt là ở Châu Âu đã tháo chạy khỏi thị trường và tìm đến với vàng, sự kiện này tương tự như ví dụ Tôi đã nói ở trên. Ở thời diểm này giá vàng tăng mạnh và đạt ngưỡng 1190 usd/oz vào ngày 15/10/2015. Lúc này giá vàng tăng là do nhiều nguyên nhân tuy nhiên để tìm hiểu về lý do mà ECB buộc phải tung thêm chương trình nới lỏng QE trong cuộc họp chính sách diễn ra vào ngày 22/10/2015. Trong cuộc họp chính sách này Chủ tích ECB đã đưa ra phát biểu rằng nền kinh tế Châu Âu đang gặp phải những khó khăn thật sự và ECB buộc phải thực hiện nới lỏng hơn nữa bằng cách tăng lượng tiền ra thị trường với phương thức mua tài sản (QE). Sau phát biểu này đồng EUR giảm mạnh kéo theo đó là đồng USD tăng lên rất cao và hiện tại thì chỉ số USD Index đã ở ngưỡng cao nhất thiết lập được hồi tháng 3 đầu năm. Lúc này như Tôi có nói đó sự phục hồi đáng kể từ thị trường chứng khoán, đồng USD tăng mạnh cho nên vàng tạm thời không còn là tài sản trú ẩn và đương nhiên là nó bị bán đi.



Hình 3.14: Lạm phát khu vực đồng tiền chung Châu Âu EU.

Những lo ngại trên không phải là vô căn cứ khi các loạt số liệu được công bố rất tệ và hơn nữa là Ewald cũng lên tiếng xác nhận rằng mục tiêu lạm phát 2% của ECB đã bị thất bại, do vậy một sự nới lỏng hơn nữa là điều hiển nhiên và rất cần thiết vào lúc này. Những lập luận trên phần nào xác nhận rằng kinh tế châu Âu đang bước vào một thời kỳ suy thoái và sẽ cần rất nhiều thời gian nữa để kinh tê phục hồi đi vào đúng quỹ đạo của nó, mặc dù thị trường chứng khoán được hỗ trợ và tăng lên đáng kể sau chuỗi ngày ảm đạm do những tác động tiêu cực đến từ thị trường China. Vậy thì sau những phát biểu trên nhằm mục đích phục hồi kinh tế, tăng cường xuất khẩu và tạo một cú hích cho kinh tế tăng trưởng ra thì ECB còn có mục đích gì khác, nhắc lại thêm là tỉ trọng của đồng EUR chiếm gần 50% trong chỉ số USD Index, do vậy một đồng EUR yếu sẽ là một điều kiện tốt để đồng USD lấy lại vị thế của nó sau những năm tháng rơi vào suy thoái của kinh tế Mỹ và đồng USD mất đi giá trị rất lớn. ”Hệ quả tất yếu của ba gói QE cùng với một phân lời ở mức cực thấp 0.25% (gần như cho không) của FED là một lượng lớn dòng vốn chảy ra khỏi nước Mỹ. Điều này đang gây ảnh hưởng trực tiếp đến vị trí bá vương của đồng USD. Cho nên vấn đề cấp bách của FED là làm sao hút ngược dòng vốn trở lại. Để làm được điều này chiêu thức thông thường nhứt được xài là tăng phân lời, nhưng cái khó của Mỹ là tăng phân lời hiện tại sẽ bóp chết nền kinh tế Mỹ. Vì sao??? Câu trả lời nằm tại cơ cấu GDP của Mỹ. GDP = C + I + G + XM, với Mỹ, C- consumption – yếu tố tiêu dùng đóng góp khoảng 70% vào con số GDP. Chính điều này giải thích tại sao U.S economy được gọi là một NỀN KINH TẾ NỘI TẠI, tức là nó dựa vào chính sức cầu tiêu dùng bên trong nước mỹ mà mạnh yếu. Vậy điều gì xảy ra nếu bây giờ lãi suất tăng lên? Với người mỹ- căn nhà là một tài sản đặc biệt. Căn nhà ở mỹ thường được tậu mua với 80% tiền vay từ nhà bank, do đó khi lãi suất tăng lên thì người sở hữu nhà phải chi ra một khoản tiền lớn hơn để trả cho bank. Điều này sẽ làm thu hẹp bóp tiền người dân và chi tiêu dùng từ đó giảm theo. FED hiểu điều này và đó là lý do họ chưa có muốn tăng lãi khi mức tăng lương chưa thấy có (qua các báo cáo NFPs) (dù ngoài miệng vẫn luôn nói cứng) bên cạch các lý do khác như việc tăng lãi sẽ phải tăng nghĩa vụ trả nợ trái phiếu…Nhưng cái khó của FED là không tăng lãi thì làm sao hút ngược dòng vốn về mỹ? làm sao củng cố lại vị thế bá vương của đồng $???”



Hình 3.15: Giá vàng giảm mạnh trong bối cảnh kỳ vọng về việc FED nâng lãi suất sớm trong tháng 12 lên cao khiến đồng USD tăng mạnh, thị trường chứng khoán toàn cầu phục hồi ấn tượng sau những ngày bị bán đổ bán tháo.

Trong giai đoạn này giá dầu cũng liên giảm mạnh phần vì do đồng USD tăng cao với kỳ vọng FED sẽ sớm nâng lãi suất, hơn nữa nguồn cung dư thừa quá nhiều trong khi kinh tế thế giới lại đang khủng hoảng, sản xuất trì trệ, tiêu dùng toàn cầu giảm sút và cả thế giới đang phải gồng mình chống chọi với nguy cơ giảm phát. Trong giai đoạn này xung đột leo thang khu vực Trung Đông và đặc biệt là việc Nga cùng với một vài nước tham chiến đã liên tục tấn công tổ chức nhà nước tự xưng IS. Có thể nhận thấy nguồn dầu mỏ ở đây chính là nguyên nhân dẫn đến những cuộc xung đột leo thang suốt hàng chục năm qua, món lợi đó ai cũng muốn cả và hơn ai hết Nga hiện thời đang phải lao đao vì giá dầu giảm mạnh cho nên việc quân sự hóa khu vực này với tư cách diệt trừ khủng bố, nhưng nếu xét trên phương diện kinh tế thì đây lại là một cuộc chơi mà người Nga đang mong muốn để dựa vào những cuộc giao tranh này khiến cho nguồn cung dầu mỏ ở đây trở nên bất ổn, chiến tranh leo thang sẽ là yếu tố kéo giá dầu lên lại. Tuy nhiên trong bối cảnh hiện nay thì sự thể lại hoàn toàn khác, việc liên quân Mỹ Nga Pháp tấn công IS không ảnh hưởng nhiều đến giá dầu mà yếu tố chính là nằm ở nguồn cung dầu mỏ dư thừa. Tổ chức các nước xuất khẩu dầu OPEC mặc dù biết giá dầu giảm mạnh nhưng vẫn kiên quyết không cắt giảm sản lượng khai thác. Cũng trong thời điểm này lượng dầu nhập khẩu của Mỹ từ Iraq tăng mạnh, điều này khiến cho nguồn cung dầu từ Iraq ra thị trường thế giới sẽ tăng thêm.

Hơn thế nữa việc Mỹ tìm ra được phương pháp khai thác dầu từ đá phiến đã làm cho căng thẳng giá dầu thêm phức tạp hơn khi Mỹ là quốc gia tiêu thụ dầu nhiều nhất thế giới. Mặc dù nguồn cung thì dư thừa nhưng không có bên nào chịu cắt giảm sản lượng và hiện tài việc tranh dành thị phần càng khiến cho giá dầu càng lao dốc. Trong một dự báo nếu như OPEC vẫn tiếp tục duy trì lượng dầu khai thác như hiện nay thì khả năng trong thời gian ngắn sắp tới dầu sẽ giảm lại ngưỡng dưới 32$/thùng, mức thấp nhất kể từ cú sụp đổ không tưởng hồi năm 2008 (cuộc khủng hoảng năm 2008 trở thành nỗi ác mộng với giá dầu khi giảm từ 145$/thùng xuống còn 32$/thùng chỉ trong vòng chưa đến 6 tháng).



Hình 3.16: Giá dầu giảm mạnh trong bối cảnh căng thẳng quân sự leo thang, kỳ vọng về việc FED nâng lãi suất sớm trong tháng 12 và OPEC vẫn duy trì lượng dầu khai thác mặc cho nguồn cung dư thừa và nhu cầu giảm mạnh.

Những phiên gần đây, giá dầu liên tiếp giảm. Trong phiên giao dịch gần nhất vào ngày thứ Tư, đã có lúc giá dầu hạ xuống mức 44,86 USD/thùng, thấp nhất trong 3 tuần.

Ít nhất từ nay cho đến vài tháng tới và thậm chí nửa đầu năm 2016, giá dầu sẽ vẫn trong xu thế giảm, đó là nội dung một dự báo với 5 yếu tố chính về xu thế giá dầu được CNBC đăng tải mới đây.

1. Iran tham gia vào thị trường năng lượng

Các công ty sản xuất năng lượng lớn của thế giới tiếp tục duy trì sản lượng dầu ở mức cao trong khi nhu cầu tiếp tục đi xuống. Trong khi các "ông lớn" dầu mỏ ở khu vực Trung Đông muốn duy trì giá dầu ở mức thấp để gây sức ép buộc Mỹ phải thu hẹp ngành sản xuất dầu đá phiến thì các công ty Mỹ lại chứng tỏ khả năng chống đỡ rất tốt. Hiện nay, các công ty Mỹ vẫn cung ra thị trường 9 triệu thùng dầu/ngày.

Tháng 7/2015, Mỹ và 5 nước khác đã đồng ý sẽ dỡ bỏ lệnh trừng phạt với Iran để đổi lấy việc nước này thu hẹp chương trình hạt nhân, Chủ nhật vừa qua thỏa thuận này đã được chấp thuận lần cuối bởi Iran giữ đúng cam kết với chương trình hạt nhân.

Một quan chức Iran cho biết nước này đã đàm phán xong với các đối tác châu Âu và châu Á muốn mua dầu. Ngay khi lệnh trừng phạt chấm dứt, Iran sẽ xuất đi 500 nghìn thùng dầu/ngày. Tuy nhiên, tất cả những vấn đề liên quan đến Iran sẽ phải chờ đến quyết định của Cơ quan Năng lượng nguyên tử Quốc tế (IAEA) vào ngày 15/12/2015.

2. Nguồn cung dầu thừa mứa

Dù thời gian gần đây, thị trường đón nhận một số thông tin về việc Mỹ đang giảm nguồn cung dầu ra thị trường nhưng tính chung lại, tổng mức giảm quá thấp, không đủ để khiến giá dầu tăng.

Số liệu mới nhất cho thấy dự trữ dầu tại Mỹ trong tuần qua lại tăng đột biến 8 triệu thùng và đẩy tổng dự trữ dầu chỉ ở riêng khu vực Gulf Coast lên đến mức kỷ lục 247,2 triệu thùng dầu.

Theo tính toán của ngân hàng Barclays, trong quý 2 và quý 3, nguồn cung dầu thế giới tăng nhanh hơn nhu cầu đến 57%. Mỹ hiện đang cung ra thị trường 2 triệu thùng dầu/ngày.

Các "đại gia" dầu lửa Trung Đông cũng không chịu "lùi bước" trong cuộc chiến giá dầu. Saudi Arabia tiếp tục cung mạnh dầu ra thị trường, sản lượng hàng ngày ở mức 1,3 triệu thùng dầu.

3. Ngành công nghiệp dầu đá phiến

Mùa thu năm ngoái, Saudi Arabia và các nước thuộc OPEC đã từng "thề" sẽ không ngừng duy trì sản lượng để ngăn chặn các nước ngoài phát triển ngành khai thác năng lượng. Thế nhưng quyết tâm của nhóm này đã không cản được bước tiến của Mỹ.

Sự phát triển của ngành công nghiệp dầu đá phiến Mỹ đã tác động rất mạnh đến đường đi của giá dầu. Dù ngành có chịu một số ảnh hưởng tiêu cực khi giá dầu duy trì ở mức thấp trong thời gian quá lâu nhưng với tiềm lực tài chính và trình độ công nghệ cao, giới chuyên gia nhận định ngành công nghiệp dầu đá phiến Mỹ sẽ không phải thu hẹp quy mô dù giá dầu còn giảm.

Tác động thực sự của giá dầu thấp lên ngành công nghiệp dầu đá phiến Mỹ, theo nhận định của nhiều chuyên gia năng lượng, sẽ chỉ đến sau khoảng từ 2 đến 3 quý nữa

4. Các "ông lớn" dầu mỏ đua tăng sản lượng

Hiện nay, Nga và Saudi Arabia là hai nước sản xuất dầu lớn nhất và dù giá dầu giảm hai nước vẫn quyết tâm duy trì sản lượng ít nhất là để giữ thị phần, sau đó là giành thêm thị phần ngay khi có cơ hội.

Chính Saudi Arabia "đạo diễn" cho OPEC dùng chiến thuật giá dầu thấp để hạn chế sản xuất năng lượng ngoài OPEC. Trong buổi họp sắp tới của OPEC vào tháng 12 năm nay, nhiều khả năng chiến lược này vẫn không thay đổi.

Giá dầu thấp giống như chiếc boomerang đang gây ra quá nhiều ảnh hưởng xấu lên cân bằng ngân sách của Nga và Saudi Arabia. Nếu cục diện thị trường dầu không thay đổi, Saudi Arabia có thể cạn kiệt dự trữ quốc gia sau 3 năm nữa.

5. Nhu cầu dầu của thế giới thấp

Nguồn cung dầu thế giới trở nên dư thừa ở thời điểm nhu cầu dầu của nhóm nước mới nổi và Trung Quốc đi xuống. Những nỗi lo về kinh tế Trung Quốc đã ám ảnh thị trường dầu suốt hơn 1 năm qua. Mới đây nhất, thị trường có thêm lý do để lo lắng khi Trung Quốc công bố GDP quý 3/2015 tăng trưởng chỉ 6,9%, thấp hơn mức 7% của quý trước đó.

WB khẳng định việc Iran trở lại thị trường dầu sẽ gây áp lực lên giá dầu thế nhưng nguồn cầu yếu mới là yếu tố lớn nhất ảnh hưởng lên giá dầu.

Trên đây là những lý do có thể khiến giá dầu tiếp tục giảm được các chuyên gia nhận định và qua 3 ví dụ trên là những ví dụ cơ bản để phân tích và giao dịch trên thị trường Vàng và Dầu. Tuy rằng từng đó ví dụ là không thể nói lên hết được những yếu tố trong phân tích xu hướng giá vàng và giá dầu được và hơn nữa trong những ví dụ trên Tôi chưa đi sâu vào những vận động trên các mặt hàng/đồng tiền khác để các bạn hiểu thêm, để nói rõ hơn trong chương sách các quy luật liên thị trường và những ví dụ thực tiễn Tôi sẽ đề cập cho các bạn thấy sau.

V. LUẬN TƯƠNG LAI KINH TẾ TOÀN CẦU KHI BẢN VỊ DẦU/USD ĐƯỢC THAY THẾ

Yếu điểm của bản vị Dầu/USD.

Mặc dù chu kỳ bản vị Dầu/USD đã được tồn tại từ thập niên 70 thế kỷ trước đến nay, tuy nhiên trong khoảng thời gian tại vị này dầu cũng bộc lộ những yếu điểm mà thế giới ngày nay biết nhưng chưa thể nào thoát khỏi vòng luẩn quẩn đó được. Những yếu điểm đó đang dần được bộc lộ qua việc bất ổn trong giá dầu những năm gần đây và đặc biệt là 2 cú sốc giá dầu giảm hồi 2008 và 2014.

Dầu vì sao lại thành bản vị được? Câu trả lời đơn giản chỉ là dầu là thứ hàng hóa, tài nguyên, là nguồn năng lượng sống còn với cả nhân loại bây giờ. Nếu thế giới bây giờ 1 ngày không có dầu thì sẽ thế nào?

Và tại sao lại định giá dầu bằng USD? Vì đơn giản USD là đồng tiền chiếm tỉ lệ giao dịch nhiều nhất trên thế giới trong hàng chục năm qua, hơn 80% giao dịch thanh toán trên thế giới đều sử dụng USD. Vì vậy cho nên từ sau khi chế độ bản vị Vàng/USD bị phá bỏ thì người ta sử dụng USD như là một đồng tiền thanh toán quốc tế thay thế cho vàng như trước đây, và có thể sử dụng USD để thanh toán tất cả giao dịch trên hầu khắp các quốc gia trên thế giới. Vì thế nên bản vị dầu/usd thực chất là một đơn vị thanh toán cho dầu và được mặc định là USD.

Thế nhưng trong suốt thời gian thống trị của bản vị dầu/usd thì các chùm sỏ tài chính, giới tài phiệt đã sớm nhận ra rằng Dầu luôn bộc lộ những yếu điểm, và những yếu điểm đó được hiểu như thế này: Lượng dầu trên thế giới là hữu hạn và nếu tính toán kỹ thì chỉ còn đủ để thế giới tiêu thụ trong vòng khoảng 50 năm nữa thôi, cho nên giới tài phiệt đã nhận ra rằng duy trì chế độ bản vị dầu mà họ không thể toàn quyền quyết định và chi phối được thì sẽ không có lợi với họ. Hơn nữa dầu lại là nguồn năng lượng sống còn mà trữ lượng dầu trên thế giới thì chỉ tập trung ở một vài quốc gia, do đó những quốc gia kia có toàn quyền quyết định việc có khai thác tiếp hay không và có đồng ý cung ứng dầu cho toàn thế giới hay không… Và đương nhiên đám trùm sỏ tài chính đó sẽ không thể nào ngồi yên được,

bởi vì lợi ích của họ bị chi phối và họ không có toàn quyền quyết định. Nếu bạn nào nghi ngờ những lập luận trên thì các bạn có thể đọc lại cuốn "Chiến tranh Tiền tệ" để biết được đám trùm sỏ tài chính và giới tài phiệt ngân hàng đã thâu tóm quyền hành như thế nào. Không phải tự nhiên mà mấy năm trở lại đây khủng hoảng xảy ra liên tục, cho dù các chính phủ, ngân hàng trung ương đã tìm mọi cách để vực dậy nền kinh tế nhưng vẫn không được, và hơn hết là hiện tại khi mà giới đầu tư đang ngóng chờ việc FED nâng lãi suất thì đột nhiên cú sốc trên thị trường chứng khoán Trung Quốc bùng nổ khiến cho mọi nỗ lực của FED bị dập tắt và 3 gói QE của FED dường như không còn phát huy tác dụng khi tiền đổ vào thị trường quá nhiều nhưng lạm phát thì lại không có. Các bạn thấy đấy thời điểm xảy ra cuộc khủng hoảng năm 2008 mà bắt nguồn là từ sự sụp đổ trên thị trường nhà đất Mỹ kéo theo hàng loạt những hệ lụy khiến thị trường toàn cầu sụp đổ theo, và giá dầu có thể nói là rớt tự do trở thành nỗi ác mộng, rồi cho tới giai đoạn năm 2014 vừa qua, tại sao giá dầu lại giảm mạnh như thế. Nếu như không có bàn tay thao túng và mục đích kìm hãm giá dầu để chia rẽ những quốc gia xuất khẩu dầu mỏ OPEC thì mục đích ở đây là gì? Đám trùm sỏ tài chính, tài phiệt ngân hàng không thể nào có toàn quyền quyết định giá dầu được cho nên họ buộc phải tạo ra những cuộc khủng hoảng mà mục đích chính là làm cho chế độ bản vị Dầu/USD bị lung lay suy yếu. Một khi chế độ bản vị dầu suy yếu thì đám tài phiệt này mới có thể tạo ra một chế độ bản vị mới và có toàn quyền chi phối được. Trong thời gian gần đây sự thỏa hiệp trong việc cung ứng dầu mỏ giữa Nga và Trung Quốc đã lại càng làm cho chế độ bản vị Dầu thêm suy yếu khi Nga là một quốc gia xuất khẩu dầu mỏ và Trung Quốc lại là thị trường màu mỡ cho các quốc gia xuất khẩu dầu khác. Do vậy việc thỏa thuận khí đốt và dầu mỏ giữa 2 cường quốc này chính là đã làm cho chế độ bản vị dầu/usd yếu thế hơn rất nhiều.

Nói một cách đơn giản thì các tài phiệt ngân hàng này muốn thâu tóm quyền hành và dẫn dắt thế giới sang một chính phủ toàn cầu thì họ phải có toàn quyền trong việc cung ứng hàng hóa đó. Vậy thì thứ hàng hóa gì mà đám tài phiệt ngân hàng và trùm sỏ tài chính này có thể toàn quyền quyết định việc cung ứng ngoài Đồng USD đây? Nói như vậy bởi vì lúc này và tương lai mai này thì đồng USD vẫn là VUA theo cả nghĩa đen và nghĩa bóng. Liệu

có đồng tiền nào xoắn ngôi vương của USD được. Mà quyền phát hành USD này là do ai? Chính phủ Mỹ đúng không. Trong cuốn Chiến tranh tiền tệ kể về sự thống trị của ngân hàng Rothschild trong việc cung ứng quyền phát hành trái phiếu của chính phủ Anh: Nathan Rothschild đã nói *"Tôi chẳng cần quan tâm con rối Anh nào đang thống trị đế quốc mặt trời không bao giờ lặn này. Ai khống chế được việc cung ứng tiền tệ của đế quốc Anh thì người đó khống chế được đế quốc Anh, mà người này chẳng ai khác ngoài tôi."* Và quả đúng như vậy, ai có quyền phát hành trái phiếu của một quốc gia thì người đó không cần quan tâm bất cứ đạo luật nào của quốc gia đó nữa. Hiểu rộng ra thì trong trường hợp này có nghĩa là "Ai có quyền cung ứng và chi phối quyền phát hành Đồng USD thì người đó sẽ có toàn bộ quyền lực chi phối cả thế giới", mà ai có thể thực hiện quyền này? Rõ ràng đám tài phiệt, trùm sỏ tài chính hiểu rằng việc đưa thế giới sang một chế độ bản vị mới mà bọn họ có toàn quyền chi phối là điều cấp thiết phải làm.

Hàng hóa nào sẽ thay thế chế độ bản vị Dầu/USD?

Như Tôi nhấn mạnh ở trên, đám tài phiệt và trùm sỏ tài phải có toàn quyền phát hành và cung ứng hàng hóa đó, mà thứ đó ngoài USD ra thì còn thứ hàng hóa nào nữa đây. Nhưng mà chỉ một đồng USD cung ứng thôi thì chưa đủ. Vậy thì phải làm sao?

Các bạn biết đó, sau khi 3 tổ chức thế giới là IMF, WORLD BANK và LIÊN HỢP QUỐC được thành lập thì mục đích là đưa thế giới sang một thế cực mới và một chính phủ toàn cầu. Trong hàng chục năm qua các nhóm tài phiệt liên tục cung ứng tiền ra dưới hình thức là cho vay, các quốc gia vay nợ ngày càng nhiều và điển hình trong số đó là Hy Lạp khi đang mất dần quyền tự chủ và bị đám trùm sỏ tài chính này áp đặt những biện pháp hà khắc và quốc gia bé nhỏ này đang phải nhường đi những ngành nghề kinh doanh, quyền khai thác tài nguyên cho những đám chủ nợ kia. Đó là ví dụ điển hình nhất mà sau này chắc chắn sẽ có rất nhiều quốc gia khác mắc phải. Vậy thì việc Nợ Công đó được tính toán như thế nào? Các bạn đã nghe qua cụm từ NỢ BÌNH QUÂN ĐẦU NGƯỜI chưa?

Nói ngắn gọn thì thế này: Mỗi quốc gia vay nợ sẽ được quy ra % Nợ so với GDP là bao nhiêu, và Nợ đó được chia đều cho bình quân đầu người là bao nhiêu. Tại sao lại quy ước

là Nợ bình quân đầu người là USD/NGƯỜI? Nói đâu xa Việt Nam chúng ta cũng đang là quốc gia báo động cao trong vấn đề nợ công đó. Con số nợ công của Việt Nam tính theo bình quân đầu người hiện tại là hơn 1000USD/Người.

Vậy mấu chốt ở đây là gì, đám trùm sỏ tài chính này muốn GÁN cho mỗi người trên thế giới này một số tiền NỢ tình bằng USD nhất định. Chỉ có làm như vậy thì tụi nó mới có toàn quyền quyết định chi phối và thực hiện được những mưu đồ được.

Tóm lại là trong hàng chục năm nay đám trùm sỏ tài chính, tài phiệt ngân hàng đã và đang thực hiện việc cho vay nợ càng nhiều càng tốt thông qua những gói cứu trợ hay là những chương trình cho vay phát triển kinh tế… Mục đích chỉ là biến tất cả các quốc gia trên thế giới lâm vào nợ nần và không thể trả được cho đến khi quyền tự quyết dần bị mất vào tay các đám trùm sỏ đó.

Và mỗi người dân trên thế giới đóng vai trò là một người tiêu dùng, và khi mà mỗi người tiêu dùng bị gán cho một khoản nợ như vậy thì lúc này nó sẽ được gọi là chế độ BẢN VỊ NGƯỜI TIÊU DÙNG. Vậy thì trong những suy luận trên dẫn dắt các bạn tới với một chế độ bản vị mới mà chỉ có Bản vị Người tiêu dùng thì đám tài phiệt mới có toàn quyền chi phối được.

CHƯƠNG IV:

SỰ VƯƠN LÊN MẠNH MẼ CỦA NỀN KINH TẾ TRUNG QUỐC, VAI TRÒ CỦA TRUNG QUỐC TRONG NỀN KINH TẾ TOÀN CẦU HIỆN NAY

KHÁI QUÁT CHUNG

Trung Quốc là nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa, là nền kinh tế đứng thứ 2 thế giới về GDP danh nghĩa, và là nền kinh tế lớn nhất thế giới tình theo sức mua tương đương của IMF. Cho đến năm 2015 Trung Quốc là nền kinh tế tăng trưởng nhanh nhất thế giới, với tỉ lệ tăng trưởng trung bình là 10%/năm trong vòng 30 năm qua. Trong những năm gần đây, GDP bình quân đầu người của Trung Quốc tăng lên nhanh chóng nhờ tốc độ tăng trưởng kinh tế ổn định ở mức cao. Năm 2005, 70% GDP của Trung Quốc là trong khu vực tư nhân. Khu vực kinh tế quốc doanh chịu sự chi phối của khoảng 200 doanh nghiệp quốc doanh lớn, phần nhiều ở trong các ngành dịch vụ tiện ích (điện, nước, điện thoại...), công nghiệp nặng, và nguồn năng lượng.

Trung Quốc là một trung tâm sản xuất hàng hóa toàn cầu và là nền kinh tế sản xuất lớn nhất thế giới, bên cạnh đó cũng là quốc gia xuất khẩu hàng hóa lớn nhất thế giới. Trung Quốc cũng đang là thị trường tiêu dùng lớn nhất thế giới và là quốc gia lớn thứ hai thế giới về nhập khẩu hàng hóa. Trung Quốc là quốc gia nhập khẩu ròng các sản phẩm dịch vụ.

Trung Quốc là quốc gia thương mại lớn nhất thế giới và đóng một vai trò rất quan trọng trong thương mại quốc tế, và ngày càng tham gia nhiều các tổ chức thương mại và các hiệp ước quốc tế trong những năm gần đây. Trung Quốc đã trở thành một thành viên của Tổ chức Thương mại Thế giới vào năm 2001. Trung Quốc cũng có các hiệp định thương mại tự do với một số quốc gia khác, trong đó có Hiệp định thương mại tự do Trung Quốc-

Australia, Hiệp định thương mại tự do Trung Quốc-Hàn Quốc, Hiệp định thương mại từ do Khu vực ASEAN-Trung Quốc…

Theo thống kê thu nhập bình quân đầu người cơ sở, Trung Quốc xếp thứ 77 theo GDP danh nghĩa và thứ 89 tính theo GDP (PPP) trong năm 2014 theo Quỹ Tiền tệ Quốc tế IMF. Các tỉnh ở ven biển Trung Quốc có xu hướng phát triển theo hướng công nghiệp hóa, trong khi các khu vực sâu trong nội địa ít phát triển hơn. Với tầm quan trọng của kinh tế Trung Quốc hiện nay, cho nên trong quá trình phân tích trên thị trường tài chính chúng ta phải đặc biệt chú ý đến cấu trúc và sức khỏe của nền kinh tế này.

Để đạt được bước tiến thần kỳ trong nền kinh tế như vậy thì Trung Quốc cũng phải đánh đổi bằng việc môi trường bị ô nhiễm và đang bị đe dọa ngày một trầm trọng hơn. Để tránh những chi phí quá nhiều trong việc xử lý ô nhiễm môi trường, đề xuất của Nicholas Stern và Fergus Green của Viện Nghiên cứu Grantham về biến đổi khí hậu và môi trường mà Trung Quốc đã chuyển sang phát triển công nghiệp tiên tiến với công nghệ cao, lượng khí tải carbon thấp với phân bổ tốt hơn các nguồn tài nguyên quốc gia để đổi mới và R&D cho sự tăng trưởng kinh tế bền vững nhằm giảm tác động của ngành công nghiệp năng Trung Quốc. Điều này là phù hợp với các mục tiêu kế hoạch của chính phủ trung ương.

Giấc mơ Xi Jinping của Trung Quốc được mô tả như là đạt được “Two 100s”: Mục tiêu vật chất của Trung Quốc là trở thành một “moderately well-off society” năm 2021, nhiệm kỳ 100 năm của Đảng Cộng sản Trung Quốc, và các mục tiêu hiện đại hóa của Trung Quốc trở thành một nước phát triển toàn diện vào năm 2049 để kỷ niệm 100 năm ngày thành lập nước Cộng hòa Nhân dân Trung Hoa.

Năm 2010, Trung Quốc trở thành quốc gia duy nhất châu Á có GDP (PPP) trên 10 ngàn tỉ USD (cùng với Hoa Kỳ và Liên minh EU). Trung Quốc đã bị truyền thông phương Tây chỉ trích vì hoạt động thương mại không công bằng, tương tự như các can thiệp vừa qua khi phá giá đồng CNY, ăn cắp các tài sản trí tuệ, cùng với đó là việc một Đảng cầm quyền thâu tóm toàn bộ quyền lực.

Trong năm 2015 này kinh tế Trung Quốc đã trải qua một năm đầy biến động và đang phải đối mặt với nguy cơ tăng trưởng chậm lại sau những giai đoạn tăng trưởng thần kỳ, và rất có thể nền kinh tế Trung Quốc sẽ bước vào một chu kỳ suy thoái trong thời gian dài nữa. Sự suy thoái hiện tại các ngành công nghiệp như việc dư thừa trong các ngành công nghiệp cơ bản như thép và xi măng, doanh số bán hàng ngành công nghiệp Ô tô đi xuống.

Các nền kinh tế khu vực

Sự không đồng nhất trong hệ thống giao thông vận tải Trung Quốc – đã được kết nối với sự khác biệt quan trọng trong sự sẵn có của thiên nhiên và nguồn lực con người và trong cơ sở hạ tầng công nghiệp – dẫn đến sản xuất biến đổi đáng kể trong các nền kinh tế khu vực của Trung Quốc.

Phát triển kinh tế nói chung được thực hiện nhanh chóng hơn ở các tỉnh ven biển, và có sự chênh lệch lớn trong thu nhập bình quân đầu người giữa các vùng. Ba vùng giàu nhất là dọc theo bờ biển phía Đông Nam, tập trung vào châu thổ sông Châu, dọc theo bờ biển phía đông, tập trung vào hạ lưu sông Dương Tử, và gần Bắc Kinh, Thiên Tân, Liêu Ninh. Sự phát triển nhanh chóng của khu vực này được dự kiến sẽ có ảnh hưởng quan trọng nhất về toàn bộ kinh tế khu vực châu Á, và chính sách của chính phủ Trung Quốc được thiết kế để loại bỏ các trở ngại đối với sự tăng trưởng mạnh trong những vùng giàu có.

Hong Kong và Macau

Dưới một quốc gia nhưng có hai chế độ chính sách khác nhau, các nền kinh tế của thuộc địa Anh ở Hong Kong và thuộc địa Bồ Đào Nha ở Macau, tách biệt với phần còn lại của Trung Quốc. Cả Hong Kong và Macau đều được tự do tham dự các cuộc đàm phán kinh tế với nước ngoài, cũng như là tham gia với tư cách là thành viên chính thức trong các tổ chức kinh tế.

Kinh tế Hong Kong: Là một trong những trung tâm tài chính hàng đầu thế giới, kinh tế Hong Kong theo hướng dịch vụ đặc trưng bởi thuế thấp, thuế thương mại cảng biển gần như miễn phí và cũng được thành lập thị trường tài chính quốc tế. Sử dụng đồng tiền tệ chính là Đô la Hong Kong, là hợp pháp do ba ngân hàng cá nhân tại Hong Kong đảm bảo

và neo vào đồng USD. Lãi suất được xác định bởi các ngân hàng cá nhân tại Hong Kong. Dù không được chính thức công nhận hệ thống ngân hàng trung ương, mặc dù cơ quan tiền tệ Hong Kong có chức năng như một cơ quan tài chính. Khi các yếu tố gây mất ổn định hình thành thì sẽ được giám sát và kiểm tra bởi cơ quan tiền tệ Hong Kong, các Cơ quan quản lý tài chính Hong Kong, ngày nay giao dịch tài chính điện tử đã tác động rất nhiều đến thị trường tài chính Hong Kong. Theo chỉ số tự do kinh tế, Hong Kong có mức độ tự do kinh tế cao nhất thế giới kể từ khi chỉ số được hình thành vào năm 1995. Nền kinh tế được quản lý theo non-interventionism, và phụ thuộc nhiều vào tài chính thương mại quốc tế. Trong năm 2009, tăng trưởng kinh tế thực tế của Hong Kong giảm 2,8% là hệ quả của cuộc khủng hoảng tài chính toàn cầu.

Thế mạnh kinh tế của Hong Kong bao gồm một hệ thống ngân hàng, hầu như không có nợ công, một hệ thống pháp lý mạnh mẽ, dồi dào nguồn dự trữ ngoại hối, các biện pháp chống tham nhũng nghiêm ngặt và các mối quan hệ chặt chẽ với Trung Quốc đại lục. Mặc dù đối mặt với suy thoái nhưng những thế mạnh trong kinh tế đã giúp Hong Kong nhanh chóng đáp ứng lại các thay đổi. Chế độ không có tham nhũng, thuế thu nhập, thuế doanh nghiệp thấp nhất cũng như nguồn tài chính dồi dào và bền vững của chính phủ. Chính phủ Hong Kong luôn hỗ trợ và khuyến khích các hoạt động của doanh nghiệp tư nhân. Ví dụ như Cyberport và Hong Kong Disneyland. Điều này có tác động tích cực vào các hoạt động kinh tế tổng thể bằng cách loại bỏ các rào cản không cần thiết đối với các doanh nghiệp tư nhân trong khu vực hành chính đặc biệt. Thị trường Chứng khoán Hong Kong là một điểm đến thuận lợi cho các công ty quốc tế và các công ty Trung Quốc đại lục. Bởi vì sự phát triển hiện đại hóa của Hong Kong và ngành công nghiệp tài cính cùng với đó phát triển vào bậc nhất Châu Á, về quy mô được so sánh với London và New York.

Tổng sản phẩm quốc nội của Hong Kong đã tăng 180 lần từ 1960 đến 1997. GDP bình quân đầu người tăng 87 lần trong thời gian trên. Quy mô kinh tế lớn hơn Israel và Ai-len và GDP bình quân đầu người tính theo phương thức ngang giá sức mua đứng thứ 6 toàn cầu trong năm 2011.

Vào cuối thế kỷ 20, Hong Kong là hải cảng lớn thứ 7 trên thế giới và chỉ sau New York và Rotterdam về sản lượng container. Hồng Kong là một thành viên chính thức của Tổ chức thương mại Thế giới. Thị trường Chứng khoán Hong Kong lớn thứ 5 trên thế giới với vốn hóa thị trường khoảng 2,63 ngàn tỉ USD.

Hong Kong có nguồn lao động dồ dào từ các vùng lân cận. Một lực lượng lao động có tay nghề cao cùng với việc áp dụng các phương pháp hiện đại của Anh và phương Tây. Giá cả và tiền lương ở Hong Kong là tương đối linh hoạt, tùy thuộc vào hiệu suất và sự ổn định của nền kinh tế Hong Kong.

Phát triển kinh tế Hong Kong từ việc bán đất và thuế đất đai, thông qua việc thu hút các doanh nghiệp quốc tế để cung cấp vốn cho tài chính công, do chính sách thuế thấp. Theo Healy Consultants, Hong Kong có môi trường kinh doanh hấp dẫn nhất trong khu vực Đông Nam Á, trong việc thu hút đầu tư trực tiếp nước ngoài (FDI). Điều này dẫn đến Hong Kong là bạn hàng lớn thứ 3 của FDI trên thế giới. Từ nguồn thu này, chính phủ đã xây dựng đường giao thông, trường học, bệnh viện và các cơ sở hạ tầng công cộng khác… Với việc không chi tiêu vào các lực lượng vũ trang, chi phí tối thiểu cho các hoạt động đối ngoại và khiêm tốn chi tiêu phúc lợi xã hội thương xuyên cho phép việc tích lũy dự trữ tài chính rất lớn với nợ nước ngoài tối thiểu.

Hoạt động như chính phủ của đặc khu hành chính đặc biệt, Hong Kong là chính phủ châu Á thứ hai được xếp hạng cao nhất trong các diễn đàn kinh tế thế giới của Network Rediness Index – một chỉ số để xác định mức độ phát triển của công nghệ thông tin và truyền thông chính phủ. Hong Kong đứng thứ 8 tổng thể trong bảng xếp hạng NRI năm 2014.

Thị trường chứng khoán Hong Kong lớn thứ 5 trên thế giới với vốn hóa thị trường khoảng 2,97 nghìn tỉ USD. Năm 2006 giá trị IPO tiến hành tại Hong Kong cao thứ 2 thế giới, sau London. Năm 2009, Hong Kong nâng lên 22% vốn IPO trở thành trung tâm lớn nhất của các đợt IPO trên thế giới. Tính đến năm 2006 Sở giao dịch Hong Kong có doanh thu hàng ngày trung bình 33,4 tỉ USD, gấp 12 lần so với Thượng Hải.

Kinh tế Macau: Kinh tế Macau vẫn là một trong những nền kinh tế mở nhất trên thế giới kể từ khi được trao trả cho Trung Quốc năm 1999. Xuất khẩu hàng may mặc và dịch vụ Casino là những trụ cột của nền kinh tế. Macau có ít đất canh tác và tài nguyên thiên nhiên, phụ thuộc gần như hoàn toàn vào thực phẩm, nước ngọt và nhập khẩu năng lượng từ Trung Quốc đại lục. Mặc dù macau bị ảnh hưởng nặng nề bởi cuộc khủng hoảng toàn cầu 1997 và suy thoái toàn cầu năm 2001, nhưng nền kinh tế tăng trưởng khoảng 13,1% trung bình hàng năm từ 2001-2006. Macau là thành viên chính thức của tổ chức thương mại thế giới. Với doanh thu thuế từ ngành công nghiệp Casino siêu lợi nhuận, chính phủ Macau có thể cung cấp các chương trình phúc lợi xã hội 15 năm giáo dục miễn phí với người dân Macau.

Lực lượng lao động tại Macau là thành phần chủ yếu sản xuất, xây dựng công trình, bán lẻ, khách sạn và nhà hàng, dịch vụ tài chính, bất động sản và các hoạt động kinh doanh khác, hành chính công và dịch vụ cá nhân và xã hội khác, bao gồm cả người chơi game, vận chuyển, lưu trữ và truyền thông.

Hệ thống tiền tệ: Macau thông qua cái gọi là hệ thống hội đồng tiền tệ, Đồng tiền Pataca (MOP), là 100% ủng hộ dự trữ ngoại hối, đồng Đô la Hong Kong (HKD). Hơn nữa Cơ quan Tiền tệ của Macau (AMCM), có một nghĩa vụ theo luật định phát hành và mua tại Pataca theo yêu cầu đối với đồng Đô la Hong Kong tại một tỉ giá hối đoái cố định và không có giới hạn. Các pataca được neo vào đồng HKD với tỉ lệ 1.03 MOP/HKD, được duy trì bởi AMCM.

Ngành du lịch và Casino: Du lịch là xương sống của nền kinh tế Macau, và hướng đến là Casino, được hợp phức hóa trong thế kỷ 19 và từ đó đã trở thành trụ cột của nền kinh tế và là nguồn thu quan trọng cho chính phủ. Trong những năm 1990 Macau đã có 9 sòng bạc và đóng góp 20-35% GDP của Macau.

Macau là một trung tâm tài chính ra nước ngoài, một thiên đường thuế và một cảng tự do không có chế độ quản lý ngoại hối. Các doanh nghiệp tài chính nước ngoài được quy định và giám sát của cơ quan tiền tệ Macau.

Lịch sử phát triển kinh tế Trung Quốc:

Trung Quốc, đã trải qua thời gian dài suy thoái kinh tế trước năm 1987, thời gian gần đây đã trở thành một trong những cường quốc kinh tế lớn của thế giới, sau khi thực hiện cải cách kinh tế từ năm 1979. Trung Quốc cho thấy một tiềm năng phát triển rất lớn từ tốc độ tăng trưởng kinh tế vượt trội trong những năm gần đây. Trung Quốc vạch ra các kế hoạch phát triển kinh tế "kế hoạch chiến lược 5 năm" để đạt được nền kinh tế phát triển liên tục. Các kế hoạch 5 năm lần thứ 12 (2011-2015) hiện đang được thực hiện.

Giống như Nhật Bản và Hàn Quốc trước đó, trong gần 30 năm, Trung Quốc đã thật sự phát triển, giúp người dân có cuộc sống thịnh vượng và hàng hóa của Trung Quốc có mặt khắp nơi trên Thế giới. Giữa khoảng thời gian 1978-2005, GDP bình quân đầu người đã tăng từ 153usd lên 1284usd, trong khi thặng dư tài khoản vãng lai đã tăng hơn 12 lần trong khoảng thời gian 1982-2004, từ 5.7 tỉ USD lên đến 71 tỉ USD. Trong thời gian này, Trung Quốc cũng đã trở thành một cường quốc công nghiệp, Trung Quốc đã vượt ra ngoài những thành công ban đầu trong các lĩnh vực có mức lương thấp như quần áo và giầy dép để chuyển sang những ngành công nghiệp sản xuất công nghệ cao hơn như máy tính, dược phẩm và xe ô tô.

Quỹ đạo phát triển có thể sẽ không đạt được như những kế hoạch trước, tuy nhiên theo như kế hoạch 5 năm lần thứ 11, Trung Quốc lên kế hoạch mục tiêu tốc độ phát triển hàng năm là 8% trong tương lai gần. Chỉ với mức tăng trưởng như vậy, Trung Quốc có thể tiếp tục phát triển năng lực công nghiệp, nâng cao tiêu chuẩn sống của người dân, và khắc phục được sự bất bình đẳng đã phân chia trên khắp đất nước.

Trong thập niên tiếp theo, tăng trưởng kinh tế bắt đầu diễn ra mạnh mẽ theo những cải tổ từng bước từ phía chính quyền trung ương. GDP bình quân đầu người vào thời điểm đó tăng trưởng từ tốc độ không đáng kể vào thập niên 1960 lên 70% vào thập niên 1970; Trung Quốc đã vượt qua Ấn Độ và đạt được tốc độ tăng trưởng đáng kể 63% vào thập niên 1980 và đạt đỉnh điểm với mức 175% vào thập niên 1990. Tuy nhiên, sự thịnh vượng của Trung Quốc vẫn tập trung vào các tỉnh duyên hải và các tỉnh phía Nam. Trong những năm gần

đây, Chính phủ Trung Quốc đã có các nỗ lực trong việc mở rộng sự phát triển đến các tỉnh ở sâu trong nội địa và vùng Đông Bắc.

Vào thập niên 1980, Trung Quốc đã cố gắng kết hợp các cải tổ kế hoạch hóa tập trung với định hướng thị trường để tăng năng suất, mức sống và chất lượng công nghệ mà không làm tăng lạm phát, thất nghiệp, và thâm hụt ngân sách. Chính phủ đã theo đuổi chính sách cải cách nông nghiệp, xóa bỏ chế độ công xã và áp dụng chế độ khoán đến hộ gia đình, cho người nông dân quyền quyết định lớn hơn trong nghề nông, đồng thời cũng khuyến khích các ngành phi nông nghiệp như các xí nghiệp hương trấn ở vùng nông thôn, tăng cường quyền tự chủ trong các doanh nghiệp quốc doanh, tăng tính cạnh tranh trên thị trường và tạo điều kiện thuận lợi cho sự tiếp xúc giữa các doanh nghiệp Trung Hoa đại lục với các doanh nghiệp thương mại nước ngoài. Trung Quốc cũng dựa nhiều hơn vào các nguồn tài chính nước ngoài và nhập khẩu.

Lãnh đạo Trung Quốc Đặng Tiểu Bình đã phát biểu ngày 30 tháng 6 năm 1984:

- *"Chủ nghĩa xã hội là gì? Chủ nghĩa Marx là gì? Trước đây chúng ta hoàn toàn không hiểu rõ. Chủ nghĩa Marx gắn liền tầm quan trọng tột cùng việc phát triển các lực lượng sản xuất. Chúng ta nói rằng chủ nghĩa xã hội là giai đoạn đầu của Chủ nghĩa cộng sản và chủ nghĩa cộng sản đến giai đoạn phát triển cao của nó thì nguyên tắc làm theo năng lực hưởng theo nhu cầu sẽ được áp dụng. Điều này đòi hỏi phải có các lực lượng sản xuất phát triển và của cải vật chất dồi dào. Do đó, nhiệm vụ cơ bản của giai đoạn Chủ nghĩa xã hội là phát triển các lực lượng sản xuất. Tính ưu việt của chế độ xã hội chủ nghĩa được chứng tỏ, nếu phân tích cuối cùng cho thấy là các lực lượng này phát triển nhanh hơn và to lớn hơn so với chế độ tư bản chủ nghĩa. Khi các lực lượng sản xuất này phát triển, đời sống văn hóa và vật chất của nhân dân sẽ luôn luôn được cải thiện. Một trong bốn thiếu sót sau khi thành lập nước Cộng hòa Nhân dân Trung Hoa là chúng ta đã không chú ý đầy đủ tới việc phát triển các lực lượng sản xuất. Chủ nghĩa xã hội có nghĩa là xóa bỏ nghèo khó. Sự bần cùng không phải là chủ nghĩa xã hội, càng không phải là chủ nghĩa cộng sản."*

Trong thập niên 1980, các cải cách này đã giúp cho sản lượng nông nghiệp và công nghiệp hàng năm đạt tốc độ tăng trưởng lên tới 10% hay hơn. Thu nhập thực tế bình quân đầu người ở nông thôn đã tăng gấp đôi. Ngành công nghiệp đã đạt được thành tựu lớn đặc biệt ở các khu vực duyên hải gần Hồng Kông và khu vực đối diện với eo biển Đài Loan, những nơi mà vốn đầu tư nước ngoài đã giúp thúc đẩy sản lượng của cả hàng hóa nội địa và hàng xuất khẩu. Trung Quốc đã trở thành một nước tự túc được về ngũ cốc; các ngành công nghiệp ở nông thôn đã chiếm 23% sản lượng nông nghiệp, giúp thu hút lực lượng lao động ở vùng quê. Lượng hàng tiêu dùng và công nghiệp nhẹ đã tăng lên. Các cuộc cải cách đã được bắt đầu trong các hệ thống tài chính công, tài chính, ngân hàng, định giá và lao động.

Về mặt trái của nền kinh tế thị trường mang màu sắc Trung Quốc, sự lãnh đạo theo chế độ hỗn hợp đã khiến nền kinh tế phải hứng chịu những kết quả tồi tệ nhất do các hạn chế của mô hình xã hội chủ nghĩa (sự quan liêu, mệt mỏi, tha hóa chính trị, không tôn trọng quyền sở hữu tư nhân) và các mặt trái của chủ nghĩa tư bản (thu nhập bất thường, phân hóa giàu nghèo, lạm phát tăng cao) gây ra. Do đó, Bắc Kinh đã quay về đường lối cũ, tái thắt chặt kiểm soát của Trung ương trong những khoảng thời gian nhất định. Cuối năm 1988, để đối phó một làn sóng lạm phát do các cải tổ về giá gia tăng gây ra, chính quyền đã áp dụng một chương trình khắc khổ.

Kinh tế Trung Quốc đã lấy lại được động lực vào đầu thập niên 1990. Chuyến thăm đầu năm mới của Đặng Tiểu Bình đến miền Nam Trung Quốc năm 1992 đã mang lại cho các cải cách kinh tế một động lực mới. Đại hội Đảng Cộng sản Trung Quốc lần thứ 14 diễn ra vào cuối năm đó đã ủng hộ các biện pháp thúc đẩy đổi mới của chính sách cải cách thị trường, nêu lên nhiệm vụ trọng tâm của Trung Quốc thập niên 1990 là tạo ra một nền "kinh tế thị trường xã hội chủ nghĩa". Việc duy trì tính liên tục của chế độ chính trị cũ nhưng lại cải cách táo bạo hơn về chế độ kinh tế đã được Đại hội lần thứ 14 công bố là đặc điểm của kế hoạch 10 năm trong thập niên 1990.

Xu hướng GDP từ năm 1952 đến năm 2012 của Trung Quốc.

Trong năm 1993, sản lượng của cải vật chất tăng nhanh và giá cả leo thang, đầu tư bên ngoài ngân sách Nhà nước tăng vọt cùng với sự mở mang kinh tế đã được kích thích từ việc thành lập các đặc khu kinh tế, chúng cũng tạo ra các điều kiện thuận lợi cho sự phát triển kinh tế do có dòng chảy lớn của vốn đầu tư nước ngoài vào các đặc khu kinh tế này. Bắc Kinh đã phê chuẩn thêm những cải tổ dài hạn với mục tiêu để cho các thể chế định hướng thị trường có nhiều vai trò hơn đối với nền kinh tế và mục tiêu tăng cường kiểm soát hệ thống tài chính; các doanh nghiệp quốc doanh sẽ tiếp tục đóng vai trò chủ đạo trong nhiều ngành then chốt, theo một mô hình được gọi là một nền "kinh tế thị trường xã hội chủ nghĩa". Chính phủ Cộng hòa Nhân dân Trung Hoa đã thu hồi các khoản vay đầu cơ, tăng lãi suất và đánh giá lại các dự án đầu tư. Tốc độ tăng trưởng nhờ đó đã được làm dịu lại và tỷ lệ lạm phát giảm từ hơn 17% năm 1995 xuống còn 8% đầu năm 1996. Cuối thập niên 1990, nền kinh tế Trung Quốc đã chịu ảnh hưởng một phần của cuộc khủng hoảng tài chính Đông Á, với tốc độ tăng trưởng chính thức 7,8% trong năm 1998, và 7,1% trong năm 1999. Tốc độ tăng trưởng kinh tế Trung Quốc lại tăng tốc một lần nữa trong đầu thế kỷ mới, đạt mức 9,1% năm 2003, 9,5% năm 2004 và 9,8% năm 2005.

Tháng 12 năm 2005, Tổng cục Thống kê Trung Quốc đã hiệu chỉnh tăng GDP danh nghĩa năm 2004 thêm 16,8% hay 2.336,3 tỷ Nhân dân tệ (tương đương 281,9 tỷ USD), khiến cho Trung Quốc trở thành nền kinh tế lớn thứ 6 thế giới (vượt qua Ý với GDP khoảng 2.000 tỷ USD). Đầu năm 2006, Trung Quốc đã chính thức công bố nước này là nền kinh tế lớn thứ 4 thế giới, tính theo dollar Mỹ, vượt qua Pháp và Anh. Đầu năm 2007, Trung Quốc đứng thứ 2 thế giới về GDP tính theo sức mua tương đương (PPP) với tổng giá trị GDP tính theo PPP là 10.000 tỷ USD. Mặc dù cách tính theo PPP như thế cần phải rất thận trọng vì chỉ gần đúng, đặc biệt là đối với một nước lớn như Trung Quốc, sức mua có một sự khác biệt rất lớn giữa các thành phố vùng duyên hải như Thượng Hải và các thành phố miền tây như Tứ Xuyên; và cách tính theo PPP này không đúng đối với các mặt hàng nhập khẩu và các mua sắm ở nước ngoài.

Vào giữa năm 2014 Trung Quốc thông báo đã thực hiện các bước đẻ thúc đẩy phát triển kinh tế, mà lúc đó đã phát triển với tốc độ 7.4% mỗi năm, nhưng hiện giờ đã chậm lại. Các

biện pháp bao gồm xây dựng một mạng lưới giao thông đa tầng, bao gồm đường sắt, đường bộ và sân bay để tạo ra một vành đai kinh tế mới dọc lưu vực sông Dương Tử.

Năm 2024 Trung Quốc sẽ trở thành nền kinh tế lớn nhất thế giới, theo các nhà cung cấp thông tin toàn cầu IHS Inc NYSE: "Trong 10 năm tới nền kinh tế của Trung Quốc dự kiến sẽ tái cân bằng hướng tới tăng trưởng nhanh chóng trong khâu tiêu thụ hàng hóa, và sẽ giúp cơ cấu nền kinh tế trong nước"

Hệ thống tài chính ngân hàng:

Hầu hết các tổ chức tài chính của Trung Quốc là nhà nước sở hữu và chi phối và 98% tài sản của ngân hàng là sở hữu cửa nhà nước. Ngân hàng Nhân dân Trung Quốc (PBOC) và Bộ Tài chính kiểm soát tài chính quốc gia. Ngân hàng Nhân Dân Trung Quốc thay thế Ngân hàng trung ương Trung Quốc vào năm 1950. PBOC đáp ứng rất nhiều các chức năng của Ngân hàng Trung ương và ngân hàng thương mại. PBOC phát hành tiền tệ, kiểm soát lưu thông và đóng một vai trò quan trọng trong việc giải ngân các khoản chi ngân sách. Ngoài ra, PBOC quản lý các tài khoản, thanh toán và các khoản thu của các tổ chức chính phủ và các cơ quan khác, cho phép PBOC giám sát kỹ lưỡng các nguồn tài chính và nói chung trong việc xem xét các kế hoạch kinh tế của chính phủ. PBOC cũng chịu trách nhiệm đối với thương mại quốc tế và giao dịch nước ngoài khác. Tiền của Trung Quốc ở nước ngoài được quản lý bởi Ngân hàng Trung Quốc (bank of China), trong đó có một số văn phòng chi nhánh ở một số quốc gia.

Với hai sàn giao dịch chứng khoán (Sàn giao dịch chứng khoán Thượng Hải và Thâm Quyến), thị trường chứng khoán Trung Quốc đại lục đã đạt giá trị thị trường 44.8 nghìn tỉ USD vào tháng 11/2014, trở thành thị trường chứng khoán lớn thứ 2 thế giới.

Thị trường chứng khoán:

Tính đến năm 2014 và quý đầu tiên 2015, ngành công nghiệp tài chính đã và đang đóng góp khoảng 1,5% tốc độ tăng trưởng hàng năm 7% của Trung Quốc. Mặc dù nền kinh tế đã tăng trưởng chậm lại, tính đến thời tháng 6/2015 các chỉ số chứng khoán Trung Quốc, CSI300 Index (300 cổ phiếu được giao dịch tại sàn giao dịch Thượng Hải và Thâm Quyến)

đã tăng gần 150% trong vòng 12 tháng. Trong một nỗ lực ngăn chặn sự sụp đổ của thị trường chứng khoán hồi cuối tháng 6/2015 chính phủ Trung Quốc đã phải thực hiện rất nhiều biện pháp từ việc can thiệp trực tiếp vào thị trường như phá giá đồng CNY, giảm lãi suất… cho đến những biện pháp áp đặt trực tiếp lên các nhà đầu tư nhưng vẫn không thể ngăn được sự sụp đổ gần 50% giá trị. 80% cổ phiếu trên thị trường được các nhà đầu tư cá nhân nắm giữ, trong số đó có không ít các nhà đầu tư còn thiếu kinh nghiệm.

Hệ thống tiền tệ:

Đồng Nhân dân tệ (CNY) được phát hành bởi Ngân hàng Nhân dân Trung Quốc, cơ quan tiền tệ của Trung Quốc. Vào ngày 21/7/2005, Trung Quốc định giá đồng tiền bằng 2.1% so với USD, và kể từ đó đã chuyển đến một hệ thống tỉ giá tham chiếu đến rổ tiền tệ và đã cho phép đồng Nhân dân tệ giao động với một biên độ hàng ngày tối đa 0.5% (+-0.25%). Điều này được hiểu như sau: Đồng CNY cũng tương tự như các đồng tiền chính khác trên thế giới, ví dụ như đồng USD thì có chỉ số USD Index tức là bao gồm tỉ lệ % các giao dịch của đồng USD so với các đồng tiền chiếm tỉ trọng thương mại cao nhất với USD, được tổng hợp lại thành chỉ số sức mạnh của đồng USD. Vậy thì đồng CNY cũng như vậy, rổ tiền tệ được nhắc đến ở bên trên tức là nhóm các đồng tiền chính có tỉ trọng thương mại cao nhất với CNY.

Có một mối quan hệ phức tạp giữa cán cân thương mại của Trung Quốc, lạm phát được đo bằng chỉ số giá tiêu dùng và giá trị của đồng tiền. Mặc dù cho phép đồng Nhân dân tệ thả nổi, nhưng Ngân hàng trung ương Trung Quốc có khả năng quyết định để kiểm soát giá trị của nó so với các đồng tiền khác.

Trong tuần lễ từ ngày 10/8/2015, trong bối cảnh nền kinh tế tăng trưởng chậm lại, thị trường chứng khoán sụp đổ, và Ngân hàng Nhân Dân Trung Quốc đã phá giá đồng Nhân dân tệ khoảng 5% so với đồng USD. Sự mất giá này đã được thực hiện bằng cách neo tỉ giá chính thức để đóng lãi suất thị trường. Bằng việc neo tỉ giá với đồng USD, tỉ giá đó có tính chất dựa vào thị trường, là đồng tiền như với một quyền rút vốn đặc biệt (SDR) của Quỹ tiền tệ quốc tế IMF, một trong những mục tiêu của Trung Quốc. Vì vào cuối những năm 2000, Trung Quốc đã tìm cách quốc tế hóa đồng Nhân dân tệ. Tính đến năm 2013,

đồng Nhân dân tệ được giao dịch rộng rãi thứ 8 trên thế giới. Trong tháng 22/2015 G20 và IMF họp, Giám đốc IMF công bố hỗ trợ trong việc thêm đồng Nhâ dân tệ vào rổ tiền SDR. Các thông báo chính thức sẽ được phê duyệt vào cuộc họp ngày 30/11/2015 của IMF.

Nông nghiệp:

Trung Quốc là quốc gia sản xuất và tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp nhiều nhất thế giới, và khoảng 300 triệu người Trung Quốc làm việc trong các nông trại. Hầu hết đất canh tác được sử dụng cho thực phẩm cây trồng. Trung Quốc là nước sản xuất gạo lớn nhất thế giới. Chăn nuôi gia súc tạo thành các thành phần quan trọng thứ 2 của sản xuất nông nghiệp. Trung Quốc có truyền thống lâu đời về đánh bắt và nuôi trồng thủy sản.

Năng lượng và khoáng sản:

Từ năm 1980 sản xuất năng lượng của Trung Quốc đã tăng đáng kể, như có tỉ lệ phân bổ cho tiêu dùng trong nước. Khoảng 80% của tất cả các nguồn năng lượng được tạo ra từ nhiên liệu hóa thạch tại các nhà máy nhiệt điện với khoảng 17% là từ thủy điện, chỉ có khoảng 2% là từ năng lượng hạt nhân. Mặc dù Trung Quốc có tiềm năng năng lượng tổng thể phong phú, hầu hết vẫn chưa được phát triển. Ngoài ra sự phân bố địa lý của năng lượng đều ở tương đối xa so với trung tâm công nghiệp chính. Về cơ bản là phía Đông Bắc giàu than đá và dầu mỏ, phần trung tâm của Bắc Trung Quốc có lượng than dồi dào và phía Tây Nam có tiềm năng thủy điện. Nhưng các vùng xung quanh Quảng Châu và hạ lưu sông Dương Tử quanh khu vực Thượng Hải có quá ít nguồn năng lượng, trong khi có rất nhiều ngành công nghiệp nặng đặt ở đây.

Trung Quốc do quan ngại vấn đề môi trường đã muốn thay đổi việc sử dụng năng lượng thay vì phụ thuộc quá nhiều vào than đá, chiếm 70-75% năng lượng của Trung Quốc, hướng tới sự phụ thuộc lớn vào dầu mỏ, khí thiên nhiên, năng lượng tái tạo và điện hạt nhân. Trung Quốc đã đóng cửa hàng ngàn mỏ than trong 5-10 năm qua để giảm sản lượng, theo thống kê Trung Quốc đã giảm 25% sản lượng khai thác than.

Từ 1993 Trung Quốc nhập khẩu ròng dầu mỏ, một phần lớn trong đó đến từ Trung Đông. Chiếm 20% lượng dầu nhập khẩu chế biến dầu thô của Trung Quốc. Trung Quốc

đang phát triển nhập khẩu dầu từ Trung Á và cũng có kế hoạch tăng sản lượng khí đốt tự nhiên, mà hiện nay chiếm 3% tổng mức tiêu thụ năng lượng.

Khai thác mỏ:

Công nghệ khai thác và chế biến quặng lỗi thời đang được thay thế bằng các kỹ thuật hiện đại hơn, nhưng công nghiệp hóa đòi hỏi phải nhập khẩu khoáng sản từ nước ngoài. Trong đó nhập khẩu quặng sắt từ Úc và Hoa Kỳ tăng vọt trong những năm 2000. Ngoài ra Trung Quốc đã ngày càng tích cực hơn trong việc khai thác khoáng sản ở châu Phi.

Các lĩnh vực chính của sản xuất trong năm 2004 là than (gần 2 tỷ tấn), quặng sắt (310 triệu tấn), dầu thô (175 triệu tấn), khí tự nhiên (41 triệu mét khối), quặng antimon (110.000 tấn), thiếc cô đặc (110.000 tấn), quặng nickel (64.000 tấn), vonfram tinh (67.000 tấn), muối chưa tinh chế (37 triệu tấn), vanadium (40.000 tấn), và quặng molypden (29.000 tấn). Trong thứ tự cường độ, khoáng sản đã khai thác bauxite, thạch cao, barit, magnesit, talc và khoáng sản liên quan, quặng mangan, fluorspar, và kẽm. Ngoài ra, Trung Quốc sản xuất 2.450 tấn bạc và 215 tấn vàng trong năm 2004. Các lĩnh vực khai thác mỏ chiếm ít hơn 0,9% tổng số việc làm trong năm 2002 nhưng sản xuất khoảng 5,3% tổng sản lượng công nghiệp.

Nguồn tài nguyên thủy điện:

Trung Quốc có tiềm năng dồi dào cho sản xuất thủy điện do mạng lưới sông ngòi lớn và địa hình đồi núi. Hầu hết các tổng công suất thủy điện nằm ở phía tây nam, nói mà nguồn cung cấp than nghèo nàn nhưng nhu cầu năng lượng đang tăng lên nhanh chóng.

Than:

Trung Quốc được ưu đãi với nguồn tài nguyên khoáng sản đa dạng, quan trọng nhất trong số đó là than đá. Tài nguyên khoáng sản của Trung Quốc bao gồm trữ lượng lớn than đá và quặng sắt, cộng với nguồn cung dồi dào gần như tất cả các ngành công nghiệp khoáng sản.

Than chiếm phần lớn trong tiêu thụ năng lượng của Trung Quốc (70% năm 2005), và Trung Quốc là nước sản xuất và tiêu thụ than lớn nhất trên thế giới. Khi nền kinh tế của Trung Quốc tiếp tục phát triển, nhu cầu than của Trung Quốc dự kiến sẽ tăng đáng kể. Mặc dù thị phần của than tiêu thụ năng lượng tổng thể của Trung Quốc sẽ giảm, tiêu thụ than đá sẽ tiếp tục tăng trong điều kiện tuyệt đối. Trung Quốc tiếp tục và ngày càng phụ thuộc vào than như một nguồn năng lượng đã góp phần đáng kể để đưa Trung Quốc trên con đường để trở thành quốc gia có lượng mưa axit lớn nhất thế giới – gây ra causing sulfur dioxide và hiệu ứng khí nhà kính, bao gồm cả carbon dioxide.

Dầu mỏ và khí đốt tự nhiên:

Trong năm 2013, tốc độ tăng trưởng kinh tế của Trung Quốc đã vượt quá công suất dầu trong nước và lũ lụt đã khiến các mỏ dầu của quốc gia bị hư hỏng vào giữa năm này. Do đó, Trung Quốc nhập khẩu dầu để bù đắp cho việc giảm cung và vượt Mỹ vào tháng Chín năm 2013 để trở thành nước nhập khẩu dầu lớn nhất thế giới.

Tổng mức dự trữ khí đốt tự nhiên của Trung Quốc là không biết bao nhiêu, theo thăm dò khí đốt tự nhiên đã được thực hiện là tương đối nhỏ. Tứ Xuyên chiếm gần một nửa trữ lượng khí đốt tự nhiên được biết đến và sản xuất.

Kim loại và phi kim loại:

Quặng sắt dự trữ được tìm thấy ở hầu hết các tỉnh. Dự trữ lớn nhất được khai thác nằm ở phía bắc sông Dương Tử và cung cấp nguyên liệu cho các doanh nghiệp sắt và thép lân cận. Trữ lượng vonfram cũng được biết đến là khá lớn, trữ lượng đồng vừa phải, chì và kém đều có sẵn và bô xít được cho là dồi dào. Dự trữ Antimony của Trung Quốc là lớn nhất thế giới. Trung Quốc là nước sản xuất vàng lớn thứ 5 thế giới, trở thành nước sản xuất và xuất khẩu các kim loại quý hiếm cần thiết trong công nghiệp công nghệ cao.

Ngành công nghiệp và sản xuất:

Công nghiệp và xây dựng chiếm 46,8 % GDP của Trung Quốc. Khoảng thời gian giữa năm 2011 và năm 2013, Trung Quốc đã sử dụng nhiều xi măng hơn Hoa Kỳ tiêu thụ trong toàn bộ thế kỷ 20. Trong năm 2009 khoảng 8% tổng sản lượng sản xuất trên thế giới đến

từ chính Trung Quốc và Trung Quốc đứng thứ ba thế giới về sản lượng công nghiệp năm đó (đầu tiên là EU và thứ hai Hoa Kỳ). Nghiên cứu của IHS Global Insight cho rằng trong năm 2010 Trung Quốc đóng góp 19,8% sản lượng sản xuất của thế giới và trở thành nhà sản xuất lớn nhất thế giới năm đó, sau khi Mỹ đã giữ vị trí đó cho khoảng 110 năm.

Các ngành công nghiệp chủ yếu bao gồm khai thác mỏ và chế biến quặng; xe ô tô và thiết bị vận tải khác bao gồm cả xe và đầu máy xe lửa, tàu, máy bay, sản phẩm tiêu dùng bao gồm giày dép, đồ chơi, và điện tử; viễn thông và công nghệ thông tin. Trung Quốc đã trở thành một điểm đến ưa thích cho các cơ sở sản xuất toàn cầu.

Ngành công nghiệp thép:

Trung Quốc là nước xuất khẩu thép hàng đầu trên thế giới trong năm 2008. Khối lượng xuất khẩu trong năm 2008 là 59.230.000 tấn, giảm 5,5% so với năm trước. Sự suy giảm đã kết thúc tăng trưởng xuất khẩu thép trong thập kỷ qua của Trung Quốc. Tính đến năm 2012 kim ngạch xuất khẩu thép phải đối mặt rộng rãi các loại thuế chống bán phá giá và đã không tăng lại mức năm 2008. Nhu cầu trong nước vẫn mạnh, đặc biệt là phát triển ở phía tây, nơi sản xuất thép tại Tân Cương đã được mở rộng.

Ngành công nghiệp Ô Tô:

Đến năm 2006, Trung Quốc đã trở thành nhà sản xuất xe ô tô lớn thứ ba thế giới (sau Mỹ và Nhật Bản) và người tiêu dùng lớn thứ hai (chỉ sau Mỹ). Trong năm 2010, Trung Quốc đã trở thành nhà sản xuất xe ô tô lớn nhất thế giới cũng như người tiêu dùng lớn nhất với khoảng 18 triệu xe mới được bán ra. Tuy nhiên, doanh số bán xe mới chỉ tăng khoảng 1% giữa năm 2011 và 2012 do sự leo thang trong tranh chấp quần đảo Trường Sa có liên quan đến Nhật Bản, nhà sản xuất lớn thứ ba trên thế giới về xe.

Thương mại quốc tế:

Thương mại quốc tế chiếm một phần lớn trong nền kinh tế tổng thể của Trung Quốc. Là một quốc gia thế giới thứ hai vào thời điểm đó, một phân đoạn có ý nghĩa thương mại của Trung Quốc với thế giới thứ ba đã được tài trợ thông qua các khoản tài trợ, tín dụng, và các hình thức hỗ trợ khác. Kể từ khi cải cách kinh tế bắt đầu vào cuối năm 1970, Trung

Quốc tìm cách phân cấp hệ thống thương mại nước ngoài của mình để hòa nhập vào hệ thống thương mại quốc tế. Ngày tháng 11 năm 1991, Trung Quốc gia nhập Hợp tác Kinh tế châu Á-Thái Bình Dương (APEC) nhóm, trong đó khuyến khích tự do thương mại và hợp tác trong các lĩnh vực kinh tế, thương mại, đầu tư và công nghệ. Trung Quốc từng là chủ tịch APEC vào năm 2001, và Thượng Hải đã chủ trì cuộc họp các nhà lãnh đạo APEC hàng năm vào tháng Mười năm đó.

Sau khi đạt đến một thỏa thuận WTO song phương với EU và các đối tác thương mại khác trong mùa hè năm 2000, Trung Quốc đã làm việc trên một gói gia nhập WTO đa phương. Trung Quốc kết thúc đàm phán đa phương về gia nhập vào WTO vào tháng Chín năm 2001. Việc hoàn thành các giao thức gia nhập của mình và làm việc Báo cáo Đảng mở đường cho gia nhập vào WTO ngày 11 tháng 12 năm 2001, sau 16 năm đàm phán, dài nhất trong lịch sử các Hiệp định chung về Thuế quan và Thương mại. Tuy nhiên, các nhà xuất khẩu Mỹ tiếp tục có quan ngại về tiếp cận thị trường công bằng do chính sách hạn chế thương mại của Trung Quốc và hạn chế xuất khẩu Mỹ. Thương mại toàn cầu của Trung Quốc đã vượt quá 4,16 nghìn tỉ $ vào cuối năm 2013.

Trung Quốc nhập khẩu từ Nga chủ yếu là những nguồn năng lượng, chẳng hạn như dầu thô, mà chủ yếu là vận chuyển bằng đường sắt, và xuất khẩu điện từ các vùng Siberia và Viễn Đông láng giềng. Trong tương lai gần, kim ngạch xuất khẩu của các mặt hàng này sẽ tăng, như Nga đang xây dựng các đường ống dẫn dầu Đông Siberia-Thái Bình Dương với một chi nhánh đi tới biên giới Trung Quốc, và Nga độc quyền lưới điện UES đang xây dựng một số trạm thủy điện với quan điểm của xuất khẩu sang Trung Quốc trong tương lai.

Tăng trưởng xuất khẩu vẫn tiếp tục là một thành phần quan trọng hỗ trợ tăng trưởng kinh tế nhanh chóng của Trung Quốc. Để tăng xuất khẩu, Trung Quốc theo đuổi chính sách như thúc đẩy sự phát triển nhanh chóng của các nhà máy có vốn đầu tư nước ngoài, trong đó lắp ráp linh kiện nhập khẩu vào hàng tiêu dùng cho xuất khẩu và tự do hoá quyền thương mại. Trong báo cáo lần thứ 11 Chương trình 5 năm, được thông qua vào năm 2005, Trung

Quốc nhấn mạnh nhiều hơn vào việc phát triển một nền kinh tế dựa trên nhu cầu của người tiêu dùng để duy trì tăng trưởng và sự mất cân bằng kinh tế vùng miền.

Đầu tư nước ngoài:

Đầu tư nước ngoài vẫn là một yếu tố mạnh mẽ trong việc mở rộng nhanh chóng của Trung Quốc trong thương mại thế giới và là một nhân tố quan trọng trong sự phát triển của việc đô thị hóa. Trong năm 1998, các doanh nghiệp nước ngoài đầu tư sản xuất khoảng 40% kim ngạch xuất khẩu của Trung Quốc, và dự trữ ngoại hối đạt khoảng 145 tỉ USD. Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài hiện nay sản xuất chiếm khoảng một nửa xuất khẩu của Trung Quốc (phần lớn các đầu tư nước ngoài của Trung Quốc đến từ Hồng Kông, Ma Cao và Đài Loan), và Trung Quốc tiếp tục thu hút dòng vốn đầu tư lớn. Trung Quốc là quốc gia lớn thứ hai thế giới về đầu tư trực tiếp nước ngoài sau Hoa Kỳ. Trung Quốc đã nhận được 39 tỷ $ vốn FDI trong năm 1999 và 41 tỉ USD vốn FDI trong năm 2000. Trung Quốc hiện là một trong những người nhận FDI hàng đầu trên thế giới, nhận được gần 80 tỉ $ trong năm 2005 theo thống kê của Ngân hàng Thế giới. Trong năm 2006, Trung Quốc đã nhận được 69,47 tỉ $trong đầu tư trực tiếp nước ngoài.

Dự trữ ngoại hối đạt 1,9 nghìn tỉ $ vào năm 2008. Ngoài ra, vào cuối tháng chín năm 2008 Trung Quốc lần đầu tiên thay thế Nhật Bản là chủ sở hữu nước ngoài lớn nhất của trái phiếu kho bạc Mỹ với tổng số 585 tỉ $, Nhật Bản nắm giữ 573 tỉ $. Trung Quốc hiện đã vượt xa con số của Nhật Bản, dự trữ ngoại hối của Trung Quốc bảo lưu lớn nhất trên thế giới. Một phát triển quan trọng trong lịch sử của đầu tư nước ngoài ở Trung Quốc là việc thành lập các khu thương mại tự do Thượng Hải vào tháng Chín năm 2013.

Vấn đề già hóa dân số ở Trung Quốc:

Tỷ lệ sinh giảm mạnh.

Trong giai đoạn cuối những năm 1970 và đầu 1980, chính phủ Trung Quốc đã đưa ra chủ trương phong cách sống "chậm, lâu dài, ít con" nhằm khuyến khích người dân kết hôn muộn hơn, khoảng cách sinh nở kéo dài và chỉ sinh ít con. Thậm chí, Trung Quốc còn đưa

ra chính sách mỗi cặp vợ chồng chỉ sinh một con nhằm kiềm chế tốc độ tăng trưởng dân số từ đó tập trung thúc đẩy quá trình hiện đại hóa nền kinh tế. Hiện tại, tỷ lệ sinh nở của phụ nữ Trung Quốc đã giảm mạnh song đây chính là nguyên nhân dẫn tới hiện tượng thiếu hụt trầm trọng thế hệ trẻ kế tục trong khi tuổi thọ dân số ngày càng gia tăng. Theo dự báo tới năm 2050, tại Trung Quốc, tỷ lệ dân số là: 100 người trong độ tuổi từ 20 – 64; 45 người trên 65 tuổi so với tỷ lệ hiện nay tương ứng là 100/15 người. Cấu trúc gia đình 4 – 2 – 1. Cấu trúc gia đình 4 – 2 – 1 xảy ra khi khi mỗi cặp vợ chồng chỉ có 1 con. Điều đó đồng nghĩa với việc khi trưởng thành và tới độ tuổi lao động, người con sẽ có trách nhiệm phụng dưỡng 2 người là bố và mẹ cùng 4 người là ông bà nội ngoại lúc họ đã nghỉ hưu.

Chính sách một con là hợp lý? Hiện tại, tỷ lệ sinh của Trung Quốc chỉ đạt mức 1,6 con/phụ nữ - tỷ lệ này thấp hơn so với Mỹ và Anh. Trong khi, chính phủ Trung Quốc tin rằng chính sách một con sẽ giúp kìm hãm tốc độ gia tăng dân số đồng thời ngăn chặn khả năng tăng thêm 400 triệu ca sinh nở. Song theo Cai Yong – chuyên gia dân số tại Đại học Bắc Carolina (Mỹ), tỷ lệ sinh nở của Trung Quốc vẫn sẽ giảm ngay cả khi chính phủ không đề ra hoặc bãi bỏ chính sách một con. Tỷ lệ sinh giảm không cần tới chính sách một con. Theo đó, Ủy ban dân số Liên Hiệp Quốc và các nhà phân tích từ Đại học Washington (Mỹ) đã tiến hành nghiên cứu và xây dựng hàng loạt mô hình dân số hết sức tỉ mỉ nhằm dự đoán tỷ lệ sinh trong tương lai của Trung Quốc dựa theo lịch sử thay đổi sinh nở và xu hướng sinh đẻ tại nhiều quốc gia khác. Thực tế, Trung Quốc đã giành được thành công đáng ghi nhận trong việc giảm tỷ lệ sinh trong thập niên 70 – thời điểm chính sách một con chưa được thi hành. Trong đó, tỷ lệ sinh của Trung Quốc đã giảm từ 5,8 trẻ/phụ nữ vào năm 1970 xuống 2,7 trẻ/phụ nữ vào năm 1978. Đồng nghĩa với việc tốc độ sinh nở của Trung Quốc đã giảm mạnh ngay cả khi không có chính sách một con.

Khi chính sách một con có hiệu lực, nó đang gây ra nỗi băn khoăn trong cộng đồng dân cư khi khuyến khích người dân nên có con sớm. Tuy nhiên, vào thập niên 80, xã hội Trung Quốc đã phải ghi nhận một thực trạng là độ tuổi kết hôn và sinh con đầu lòng của các cặp vợ chồng đã sụt giảm.

Trong khi đó, chính sách một con của Trung Quốc lại chứa đựng quá nhiều quy định miễn thực thi cho người dân tùy thuộc vào vị trí sống, nghề nghiệp và giới tính của con đầu lòng. Ngoài ra, nếu gia đình nào có khả năng chi trả cho khoản phí phạt vi phạm chính sách một con, họ vẫn có thể sinh thêm con. Tuy nhiên, phần lớn các cặp vợ chồng tại Trung Quốc vẫn phải chấp hành nghiêm chỉnh chính sách này. Giới quan chức Trung Quốc cũng đã đề ra nhiều biện pháp nhằm đảm bảo chính sách một con được thi hành đầy đủ trong đó có việc ép phá thai, triệt sản và lựa chọn giới tính thai nhi để phá thai. Đây cũng là nguyên nhân dẫn tới tình trạng mất cân bằng giới tính tại Trung Quốc. Kết quả thống kê dân số mới đây cho thấy tỷ lệ sinh là 6 trẻ trai/5 trẻ gái. Điều đáng nói, trong khi tỷ lệ sinh giảm đang là hiện tượng phổ biến trên toàn cầu thì các quốc gia đang phát triển lại trải qua thời kỳ này mà không cần bất cứ biện pháp bắt buộc nào từ phía chính phủ.

Lo ngại dân số già hóa.

Theo thống kê không chính thức, Trung Quốc thu về khoảng 3 tỉ đô la Mỹ/năm tiền phạt từ những cặp vợ chồng vi phạm chính sách một con. Con số khổng lồ này cho thấy nhiều người Trung Quốc sẵn sàng nộp phạt để có con thứ hai hay nhiều hơn. Thậm chí, một số người Trung Quốc còn ra nước ngoài sinh con để né tránh chính sách một con.

Theo phóng viên BBC tại Bắc Kinh John Sudworth, trong hơn 3 thập niên thực hiện chính sách một con, nhiều nơi tại Trung Quốc đã phải chịu hậu quả nặng nề. Chẳng hạn huyện Như Đông, tỉnh Giang Tô, có chưa đến 1 triệu người ở. Trong 15 năm qua, nửa số trường tiểu học và phổ thông trong huyện đã đóng cửa. Khoảng 30% dân số tại huyện này trên 50 tuổi – quả bom nổ chậm, làm tăng chi phí xã hội và giảm số nhân công, tỷ lệ trên ở tầm quốc gia chỉ thấp hơn chút ít.

Theo tính toán, đến năm 2050, nếu vẫn duy trì chính sách một con, Trung Quốc sẽ là nước có tình trạng già hoá nghiêm trọng nhất thế giới với những người có độ tuổi từ 60 trở lên vào khoảng 490 triệu người - chiếm 35% dân số.

Từ năm 2013, nhiều chuyên gia đã nhận định chính sách một con tại Trung Quốc "đang dần không còn phù hợp" với tình hình thực tế. Những năm qua, chính phủ Trung Quốc đã

dần nới lỏng chính sách một con. Nhiều cặp vợ chồng tại các vùng hẻo lánh, dân tộc thiểu số hay gia đình có vợ/chồng là con độc nhất đã được phép có hai con. Những gia đình có con đầu lòng bị khuyết tật hay thậm chí chỉ có một con gái (tại một số tỉnh) cũng được phép có con thứ hai.

Sự thay đổi chính sách nói trên được coi là thông điệp chính trị mang tính bước ngoặt. "Quyết định càng sớm càng tốt cho phát triển kinh tế - xã hội" - theo Giáo sư Lư Kiệt Hoa tại Đại học Bắc Kinh. Trong khi đó, Giáo sư tại Đại học Phúc Đán và là nhà nghiên cứu nhân khẩu hàng đầu ở Trung Quốc, ông Wang Feng, nói chính sách một con không còn cần thiết vì tỷ lệ sinh tại Trung Quốc đã giảm từ khi chính sách này có hiệu lực. Việc Trung Quốc bãi bỏ chính sách một con, áp dụng trong nhiều thập kỷ qua, là quá muộn và khó có thể giải quyết những vấn đề bất cập trong xã hội.

Khó tạo nên sự thay đổi lớn về dân số:

Người Trung Quốc hiện có xu hướng không lựa chọn có con thứ hai. Vào thời điểm chính sách một con được nới lỏng năm 2013, có khoảng 10-20 triệu cặp vợ chồng đủ điều kiện có hai con. Nhưng đến tháng 5-2015, có ít hơn 1,5 triệu cặp vợ chồng trong số trên lựa chọn kế hoạch sinh con thứ hai. Dưới chính sách được nới lỏng 2 năm trước, chính quyền huyện Như Đông cũng ra sức khuyến khích các cặp vợ chồng được phép có hai con đẻ thêm bằng cách thưởng 5.000 nhân dân tệ. Tuy nhiên, khoảng 90% cặp vợ chồng nằm trong diện được sinh hai con đã chọn không sinh thêm con thứ hai. Bắc Kinh cũng như nhiều chính phủ khác trên thế giới nhận ra tại các đô thị, nơi có tỷ lệ dân số được giáo dục tốt hơn, thường không muốn xây dựng gia đình có đông người. Tỷ suất sinh (số con trung bình của một phụ nữ trong độ tuổi sinh đẻ) hiện đang duy trì ở mức thấp tại Trung Quốc, chỉ vào khoảng 1,5 con. Con số này sẽ khó có thể được giải quyết bằng cách chính thức bãi bỏ chính sách một con – theo các chuyên gia.

Mei Fong, tác giả cuốn sách phân tích về chính sách một con tại Trung Quốc trong quá khứ và hiện tại, nhấn mạnh phụ nữ Trung Quốc ngày nay cảm thấy việc có một đứa trẻ đồng nghĩa với khả năng phải đánh đổi sự nghiệp mà họ phải vất vả mới có được. Bên cạnh đó, chi phí nuôi dạy con ngày càng cao tại Trung Quốc khiến nhiều cặp vợ chồng trong độ

tuổi sinh đẻ không muốn có thêm con, dù chính phủ đã chính thức cho phép. Như vậy, việc Trung Quốc bãi bỏ chính sách một con sẽ không tạo nên sự thay đổi lớn về dân số.

THƯƠNG MẠI CỦA TRUNG QUỐC NĂM 2013

Chúng ta vừa điểm qua những nét chính trong nền kinh tế Trung Quốc. Mặc dù hiện tại trong số các Trader ở Việt Nam chưa giao dịch nhiều với các mặt hàng trên thị trường Trung Quốc, tuy nhiên việc phân tích tốt nền kinh tế Trung Quốc là điều cực kỳ quan trọng. Đặc biệt là những quyết định trong chính sách tiền tệ, biến động trên thị trường chứng khoán Trung Quốc, sự tăng trưởng nền kinh tế Trung Quốc để từ đó tiên đoán được sự tác động của nó tới các nền kinh tế khác trên thế giới. Trong một vài ví dụ Tôi đã lấy từ đầu cuốn sách tới giờ đã rất nhiều lần nhắc đến thị trường chứng khoán Trung Quốc và những quyết định trong chính sách tiền tệ của Ngân hàng Nhân dân Trung Quốc PBOC.

Vậy thì điều đầu tiên khi phân tích là chúng ta cần phải hiểu thương mại của Trung Quốc với quốc gia nào là lớn nhất và mặt hàng nào chiếm tỉ trọng thương mại cao nhất. Giả sử như việc kinh tế Trung Quốc đi xuống, các ngành sản xuất giảm sút và nhập khẩu kim khoáng quặng từ Úc giảm xuống thì đương nhiên sẽ gây ra tác động lớn đến thương mại của Úc rồi, điều này khiến cho đồng tiền AUD giảm mạnh…

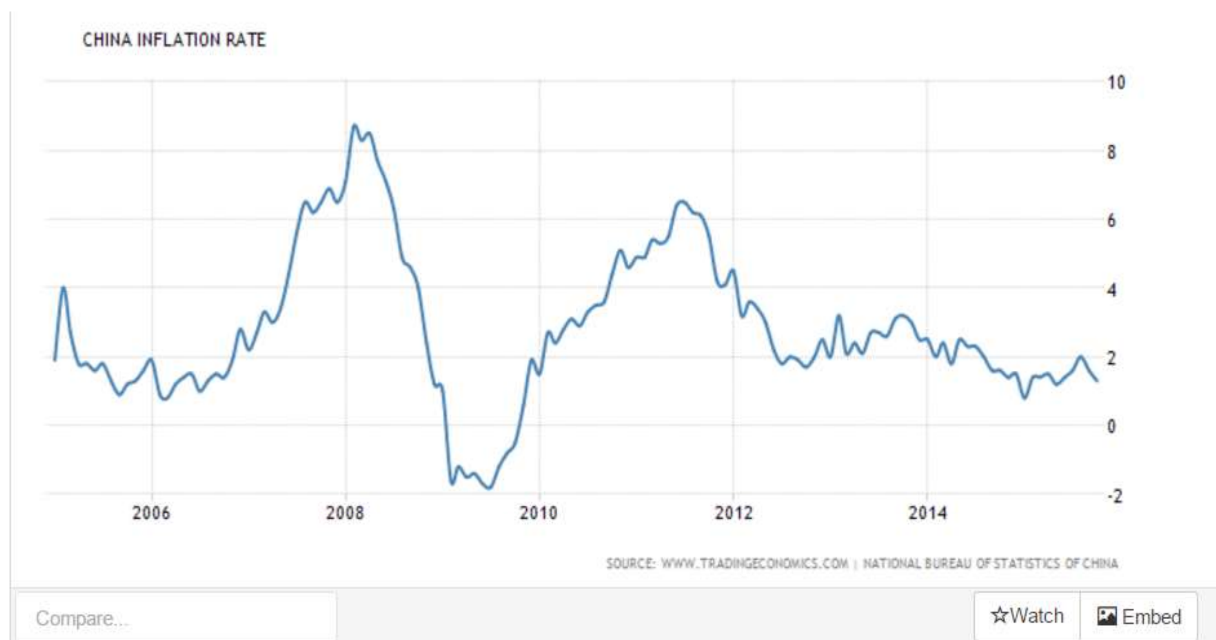
Các bạn nếu muốn tìm hiểu thật chi tiết và sâu hơn nữa có thể tham khảo ở website này: http://atlas.media.mit.edu/.

Trung Quốc là nền kinh tế xuất khẩu lớn nhất thế giới và nền kinh tế phức tạp thứ 22 trên thế giới theo Economic Complexity Index (ECI). Năm 2013, Trung Quốc xuất khẩu 2.25 ngàn tỉ $ và nhập khẩu 1.56 ngàn tỉ $, kết quả là cán cân thương mại thặng dư 690 triệu $. Trong năm 2013, GDP của Trung Quốc là 9.2 nghìn tỉ $ và GDP bình quân đầu người là 6.81 ngàn $.

Kim ngạch xuất khẩu hàng đầu của Trung Quốc là máy tính (208 tỉ $), thiết bị phát sóng (128 tỉ $), điện thoại (100 tỉ $), mạch tích hợp (51 tỉ $) và máy dùng trong văn phòng (46.8 tỉ $), sử dụng các phiên bản năm 1992 của HS (Harmonized System) phân loại. Nhập

khẩu hàng đầu của Trung Quốc là dầu khí thô (198 tỉ $), mạch tích hợp (139 tỉ $), quặng sắt (90.7 tỉ $), Vàng (78.1 tỉ $) và ô tô (44.9 tỉ $).

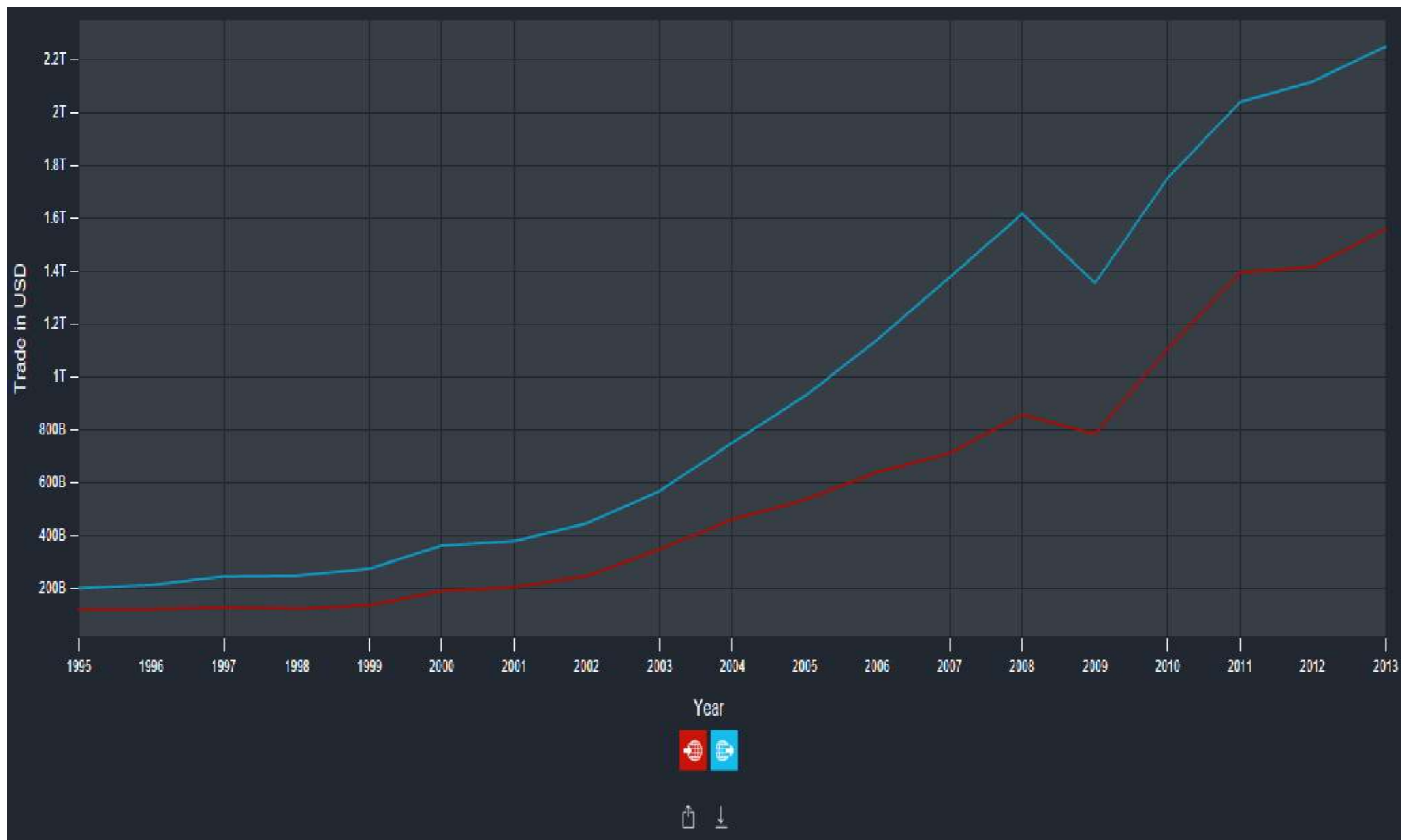
Thị trường xuất khẩu hàng đầu của Trung Quốc là Hoa Kỳ (432 tỉ $), Hong Kong (270 tỉ $), Nhật Bản (163 tỉ $), Đức (92.5 tỉ $) và Hàn Quốc (80.3 tỉ $). Trung Quốc nhập khẩu chủ yếu ở các nước ngoài châu Á (155 tỉ $), Hàn Quốc (142 tỉ $), Nhật Bản (133 tỉ $), Hoa Kỳ (130 tỉ $) và Úc (94.4 tỉ $).



Actual	Previous	Highest	Lowest	Dates	Unit	Frequency
1.30	1.60	28.40	-2.20	1986 - 2015	percent	Monthly

In China, the most important components of the CPI basket are Food (31.8 percent of total weight) and Residence (17.2 percent). Recreation, Education and Culture Articles account for 13.8 percent; Transportation and Communication for 10 percent, Healthcare and Personal Articles for 9.6 percent, Clothing for 8.5 percent; Households Facilities, Articles and Services for 5.6 percent; Tobacco, Liquor and Articles for the remaining 3.5 percent. The CPI basket is reviewed every five years on the basis of household surveys. Revisions reflect new spending patterns and economic development, according to the National Bureau of Statistics. Last revision took place in 2011. This page provides - China Inflation Rate - actual values, historical data, forecast, chart, statistics, economic calendar and news. China Inflation Rate - actual data, historical chart and calendar of releases - was last updated on December of 2015.

Hình 4.1: Tỉ lệ lạm phát của Trung Quốc trong 10 năm trở lại đây, cơ cấu chỉ số CPI của Trung Quốc trong từng ngành nghề. (nguồn: http://www.tradingeconomics.com/)



Hình 4.2: Cán cân thương mại của Trung Quốc luôn thặng dư trong nhiều thập kỷ qua (nguồn: [http://atlas.media.mit.edu/en/profile/country/chn/)](http://atlas.media.mit.edu/en/profile/country/chn/)

Còn một vấn đề quan trọng nữa đó là các mặt hàng nào được Trung Quốc trao đổi với các nước trên thế giới. Ví dụ Trung Quốc trao đổi thương mại với Úc những gì, kim ngạch bao nhiêu?... Việc sử dụng dữ liệu trên website này Tôi sẽ nói cụ thể ở phần phụ lục của cuốn sách. Riêng với vấn đề này chúng ta cần quan tâm một vài quốc gia lớn có tỉ lệ thương mại lớn nhất với Trung Quốc, bởi vì nếu Tôi đoán không nhầm thì đại đa số các bạn đọc cuốn sách này sẽ giao dịch phần lớn trên một vài cặp tiền chính và những cặp tiền chéo nằm trong rổ những đồng tiền chính.

NGÂN HÀNG NHÂN DÂN TRUNG QUỐC (People's Bank Of China)

Cũng tương tự như các ngân hàng trung ương khác trên thế giới, Ngân hàng Nhân dân Trung Quốc nắm quyền phát hành tiền tệ, điều tiết thị trường tiền tệ bằng những biện pháp điều chỉnh lãi suất, nới lỏng định lượng bằng các gói QE, cung ứng tiền tệ và điều tiết lượng ngoại hối… Nhưng có một điều quan trọng là hiện tại đồng Nhân dân tệ CNY hiện chưa được giao dịch rộng rãi và thả nổi giống như 8 đồng tiền chính hiện đang được chúng ta giao dịch, vậy nên việc quyết định tỉ giá đồng CNY so với các đồng tiền khác trên thế giới do Ngân hàng Nhân Dân Trung Quốc PBOC quyết định. Trong phần giới thiệu hệ thống tiền tệ của Trung Quốc ở phía trên Tôi cũng đã viết về việc PBOC neo cố định tỉ giá với USD và chỉ cho phép biên độ giao động không quá 0.5% trong một ngày. Chính những điều này cho nên khi chúng ta phân tích thị trường tài chính nên chú ý rõ tới những hành động của PBOC liên quan đến đồng CNY. Mức độ tác động thế nào thì các ví dụ trong thời gian gần đây liên quan đến việc PBOC phá giá đồng CNY, cắt giảm lãi suất… sẽ cho các bạn cái nhìn thật bao quát.

Ngân hàng Nhân dân Trung Quốc (PBOC), được thành lập vào năm 1948, thực hiện chức năng của ngân hàng trung ương, thông qua việc kiểm soát và giám sát của ngành tài chính trong nước và hệ thống ngân hàng của Trung Quốc. PBOC đại diện cho Trung Quốc trong một tổ chức tài chính quốc tế chính thức như Quỹ Tiền tệ Quốc tế - IMF, các Ngân hàng Thế giới và Ngân hàng Phát triển Châu Á (ADB). Như một kết quả của các cuộc cải cách, PBOC thực hiện nhiệm vụ của mình theo mô hình phương Tây về quyền tự chủ, kiểm soát và giám sát hệ thống ngân hàng. Các chức năng PBOC chính bao gồm: xây dựng và

chỉ đạo chính sách tiền tệ để duy trì sự ổn định tài chính và kích thích tăng trưởng kinh tế; xây dựng kế hoạch tín dụng; thiết lập lãi suất; điều tiết thị trường tài chính; quy định của thị trường tài chính; phát hành và quản lý việc lưu thông của đồng nhân dân tệ; quy định về cho vay liên ngân hàng và thị trường trái phiếu liên ngân hàng; quản lý ngoại quan chức nước ngoài; ghi âm của các giao dịch bằng ngoại tệ và quản lý của Kho bạc Nhà nước.

Có một vài lưu ý để các bạn thuận tiện trong việc phân tích đó là PBOC thường đưa ra những quyết định về lãi suất và tỉ giá hối đoái một cách đầy bất ngờ và thường không ai biết trước. Các bạn nào còn thắc mắc thì cứ liên tưởng sang Việt Nam chúng ta đó, các tuyên bố của Ngân hàng nhà nước và những gì thực hiện nó hoàn toàn khác nhau và mọi quyết định được đưa ra một cách đầy bất ngờ và thường khiến cho thị trường phản ứng không kịp và nếu như đó là những thông tin có tầm ảnh hưởng lớn, quan trọng thì thực sự là một cú sốc với nhà đầu tư. Kiểu thực hiện chính sách này như Tôi có hay nhấn mạnh đó là không được công khai, minh bạch và thiếu đi tính chuyên nghiệp trong việc điều hành thị trường tài chính. Do vậy để có thể biết được lúc nào PBOC có quyết định liên quan đến chính sách tiền tệ thì các bạn phải thường xuyên cập nhật mục NEWS ở trang forexfactory (Tôi sẽ có bài hướng dẫn sau phần phụ lục của cuốn sách này). Nhưng điều chúng ta cần quan tâm đó là sau khi PBOC thực hiện các chính sách thì đó không phải là cái trade mà thị trường chú ý nữa, mà lúc đó mọi con mắt sẽ đổ dồn sang những hành động tiếp theo của các Ngân hàng Trung ương khác, trong đó đặc biệt chú ý tới BoJ (Ngân hàng trung ương Nhật Bản), RBA (Ngân hàng trung ương Australia), RBNZ (Ngân hàng trung ương New Zealand)… cho đến các quyết sách của FED (Cục dự trữ liên bang Mỹ), ECB (Ngân hàng trung ương châu Âu). Đó mới chính là cái trade trong tương lai mà mục đích của chúng ta tìm hiểu trong cuốn sách này, tiên đoán những sự kiện tương lai dựa vào những sự kiện hiện thời. Phân tích liên thị trường hiểu đơn giản là thế thôi.

- *(*) Ghi chú: Theo số liệu mới (01/2015) nhất thì China hiện thời đã xoắn ngôi Mỹ để trở thành nền kinh tế lớn nhất hành tinh theo phương diện ngang giá sức mua (Purchasing Power Parity – PPP). Tuy nhiên xét theo mức độ phổ biến trong giao dịch thì đồng CNY của China hiện mới chỉ chiếm 2.17% trong*

tổng số các giao dịch tài chính xuyên quốc gia (theo Society for Worldwide Interbank Financial Telecommunication- SWIFT). Mặc dù đứng thứ 5 trong list danh sách các đồng tiền được trao đổi phổ biến, nhưng CNY không phải là một đồng tiền được thả nổi tự do trên currency market giống như các đồng tiền lớn khác. Chính sách tỉ giá của China là neo đồng nội tệ trong một biên độ giới hạn với đồng USD(biên độ đó giao động trong khoảng 6-> 7CNY đổi một USD-please check), chính vì chính sách này của Ngân hàng trung ương Trung Quốc (People's Bank of China- PBOC) nên đồng CNY không được xét đến nhiều trên phương diện trading thuần túy. Trên marrket, người ta xài đồng JPY để trade thế đồng CNY mỗi khi có sự kiện liên quan đến China. Lý do là vì China và Japan là những quốc gia đầu tầu đại diện cho nền kinh tế khu vực Á Châu, song song với đó là sự tương đồng của hai nền kinh tế này đều lấy xuất cảng làm trọng.

NHỮNG VÍ DỤ ĐIỂN HÌNH TỪ PHÂN TÍCH KINH TẾ TRUNG QUỐC TÁC ĐỘNG ĐẾN THỊ TRƯỜNG TÀI CHÍNH TOÀN CẦU

Sự sụp đổ được báo trước của thị trường chứng khoán Trung Quốc và những quyết định mang tính áp đặt của Chính phủ Trung Quốc nhằm kìm hãm sự sụp đổ của thị trường. (giai đoạn cuối tháng 6/2015)

Một ví dụ điển hình đó là việc thị trường chứng khoán Trung Quốc bất ngờ giảm mạnh tạo nên một áp lực rất lớn buộc chính phủ Trung Quốc phải thực hiện các biện pháp áp đặt, cấm đoán và can thiệp một cách lộ liễu, thiếu tính chuyên nghiệp vào thị trường. Điều này hoàn toàn dễ hiểu vì cách điều hành chính sách tiền tệ của Trung Quốc mang đậm chất độc quyền hơn là dựa vào lực cung cầu của thị trường, Trung Quốc là một thị trường còn khá non trẻ và kinh nghiệm điều hành có thể nói là vẫn chưa thể nào bắt kịp được so với các ngân hàng trung ương khác.

Vào thời điểm trước khi sự sụp đổ xảy ra, thị trường chứng khoán Trung Quốc đã có một bước tăng quá tốt khi mà tăng hơn 150% chỉ trong thời gian có 1 năm. Việc tăng quá nhanh như thế thể hiện rõ một thị trường bong bóng đang được hình thành, trong thực tế GDP được công bố là không tốt so với kỳ vọng. Trong những năm trước khủng hoảng 2008 diễn ra tăng trưởng trung bình của Trung Quốc ở mức cao nhất thế giới, tuy nhiên từ những năm sau này tốc độ tăng trưởng chậm lại, giá trị thực tế mà nền kinh tế tạo ra là không nhiều, nhưng thị trường lại tăng quá cao, thể hiện được rằng giá trị trên thị trường đó không còn là giá trị thực của nền kinh tế nữa. Những thời điểm thị trường bong bóng như thế này không phải là hiếm trên thế giới, lịch sử thế giới đã từng chứng kiến rất nhiều trường hợp thị trường bong bóng như vậy.

Thời điểm thị trường chứng khoán sắp sụp đổ thì có lượng rất lớn nhà đầu tư đã tham gia vào thị trường, nhưng phần lớn trong số họ không hề nhận ra rằng mức tăng ấn tượng của thị trường là giá trị ảo, cho đến khi thị trường bước vào chu kỳ giảm điểm thì phần lớn nhà đầu tư trở nên hoảng loạn, họ bán đổ bán tháo lượng cổ phiếu đang nắm giữ. Chỉ trong vòng hơn 2 tuần thôi mà thị trường chứng khoán Trung Quốc đã bốc hơi hơn 30% giá trị thị trường, mặc dù sau đó chính phủ Trung Quốc đã thực hiện các biện pháp nhằm trấn an nhà đầu tư và kìm hãm sự sụp đổ lại. Những biện pháp đó tuy chỉ mang tính tạm thời nhưng cũng phần nào trấn an dư luận và dân chúng, cụ thể là những hành động mang tính chất áp đặt, ép buộc giới đầu tư phải rơi vào tình trạng dở khóc dở cười: 1. Ngưng giao dịch 1300 cổ phiếu niêm yết (hơn 50% thị trường); 2. Cấm các cổ đông giữ hơn 5% cổ phiếu bán ra; 3. Bắt giam những nhà đầu tư bán khống, những người truyền tin người chơi chứng khoán tự tử vì thua lỗ. Ngoài ra đổ lỗi cho khủng hoảng trên thị trường chứng khoán của nước này là do “ Các thế lực thù địch bên ngoài” mà phủ nhận khả năng yếu kém trong việc tự bơm phồng thị trường chứng khoán để nhanh chóng đạt được cái gọi là “siêu tăng trưởng”. 3900 tỷ USD đã bị thổi bay khỏi TTCK Trung Quốc, là đợt bán tháo tồi tệ nhất trong 2 thập kỷ qua. Con số 3900 tỷ USD lớn hơn GDP của Đức, dù vậy nó vẫn tăng 82% trong 12 tháng qua, nghĩa là TTCK sẽ còn giảm sâu nữa, cho dù Chính phủ có can thiệp cũng chỉ là viên thuốc giảm đau trong ngắn hạn.



Hình 4.3: Thị trường chứng khoán Trung Quốc sụp đổ nhanh chóng sau những chuỗi ngày tăng trưởng nóng. Trong khi đó hầu hết các thị trường chứng khoán khác trên thế giới không tăng trưởng quá nhanh như vậy.

Trong giai đoạn thị trường chứng khoán Trung Quốc tăng nóng như vậy thế nhưng trái phiếu Trung Quốc tăng mạnh thể hiện rằng lượng tiền rất lớn đã chạy sang với trái phiếu Trung Quốc, điều này khiến cho người ta lo ngại về thời điểm thị trường chứng khoán sụp đổ là điều được dự báo trước. Không phải là vô cớ mà trong giai đoạn năm 2013 đã có lượng tiền rất lớn thoái khỏi thị trường Trung Quốc. Vào tháng 5/2013, Goldman Sachs vừa thông báo kết thúc 7 năm đầu tư vào Ngân hàng Công thương Trung Quốc (ICBC). Ngân hàng đến từ nước Mỹ sẽ bán toàn bộ số cổ phần hiện có giá trị thị trường là 1,1 tỷ USD tại ICBC. Vào đầu tháng 6/2013, Everbright - ngân hàng lớn thứ 11 trên toàn quốc tuyên bố mất khả năng thanh toán khoản nợ đáo hạn gần 1 tỷ đô-la. Đầu tháng 6/2013, Ngân hàng Everbright của Trung Quốc bị phá sản vì không thanh toán nổi một khoản nợ đáo hạn trị giá tương đương với 980 triệu đô-la.). Và bên cạnh đó GDP của Trung Quốc sau năm đại khủng hoảng 2008 đã tăng vọt lên để vượt qua cường quốc Hòa Kỳ, tuy nhiên sau đó việc các dòng vốn đổ vào Trung Quốc ít đi, thêm vào đó là những bất ổn trong chính sách tài khóa, quyết định neo cố định tỉ giá CNY với USD phần nào ảnh hưởng tới xuất khẩu của TQ.

Đó là những tổng hợp nhỏ, nhưng thể hiện được rằng phần lớn những nhà đầu tư lớn vào thị trường Trung Quốc đã sớm nhận ra tăng trưởng của Trung Quốc đang chậm lại và bong bóng chứng khoán đang được hình thành ngày một rõ ràng, cho nên khi các dòng tiền liên tục chạy khỏi Trung Quốc nhiều như vậy mà thị trường chứng khoán lại tăng rất nhanh vào giai đoạn giữa năm 2014 đến giữa năm 2015 thì phần lớn lượng tiền nằm trong thị trường là dòng tiền của chính nhà đầu tư Trung Quốc. Thời điểm này có thể nói là kiếm tiền trên thị trường chứng khoán Trung Quốc quá dễ, cho nên ngay đến cả những người dân bình thường chưa am hiểu gì về thị trường cũng đổ tiền vào đây, tạo nên một cơn sốt thì tất nhiên giá trị lúc này không phải là giá trị thật cảu nền kinh tế nữa rồi. Trong bức hình lợi tức trái phiếu kỳ hạn 10 năm của Trung Quốc thể hiện rõ phần lớn những nhà đầu tư chuyên nghiệp họ đã dự đoán trước tương lai chứng khoán nên dòng tiền đổ về trái phiếu liên tục tăng trong suốt thời gian dài trước khi thị trường chứng khoán sụp đổ.



Hình 4.4: China 10 Years Bond Yield liên tục giảm trong suốt quãng thời gian thị trường chứng khoán Trung Quốc tăng khiến cho lo ngại về viễn cảnh thị trường chứng khoán sụp đổ trở nên rõ ràng hơn.

Việc lao dốc của TTCK Trung Quốc đã được xác định nguyên do là TTCK phát triển quá nóng dẫn đến vỡ bong bóng, một trong những tác nhân quan trọng gây nên bong bóng vỡ là do các yếu tố sau:

Thứ nhất, nới lỏng chính sách tiền tệ. Đây là một trong những con át chủ bài trong việc kích thích sự phát triển của nền kinh tế. Biện pháp hạ lãi suất đã giúp Mỹ giữ được sự ổn định của TTCK trong một thời gian dài thì Trung Quốc cũng mong muốn nước cờ này giúp thúc đẩy nền kinh tế, mà trong đó TTCK được hưởng lợi nhiều nhất. Đương nhiên hệ lụy của việc áp dụng chính sách nới lỏng tiền tệ đã khiến cho việc cho vay mượn ở tất cả các ngành nghề đều trở nên dễ dàng đã khiến cho giá bất động sản và giá vàng tại Trung Quốc bị giảm xuống, việc đầu tư vào các ngành này bị thu hẹp và theo đúng quy luật dòng tiền đã chảy ào ạt vào TTCK, biến nơi đây thành mảnh đất vàng thực hiện hóa lợi nhuận một cách nhanh chóng nhất, đẩy giá chứng khoán tăng lên nhanh chóng chỉ trong một thời gian ngắn.

Thứ hai, việc tăng giá cổ phiếu trên TTCK không gắn liền với sự phát triển bền vững của TTCK nói chung và không phản ánh được thực lực của nền kinh tế Trung Quốc nói chung. Trong bối cảnh tổng nợ của nền kinh tế tăng cao (lên đến 28 nghìn tỷ USD vào giữa năm 2014, tương đương 282% GDP), nền kinh tế có dấu hiệu tăng trưởng chậm (tăng trưởng GDP trong năm 2014 đạt mức thấp nhất (7,4%) kể từ năm 1990).

Trong khi đó Trung Quốc là một đất nước theo đuổi đường lối thúc đẩy kinh tế bằng mọi giá, do vậy mục tiêu hàng đầu của Chính phủ là bằng mọi cách phải vực dậy nền kinh tế mà trong đó TTCK là một phần không thể tách rời. Tuy nhiên trên thực tế, nếu ví doanh nghiệp là một người bệnh thì câu chuyện này cũng giống bản chất của một người bệnh được cho uống thuốc kích thích để đi thi đấu thể thao vậy. Do đó, khi doanh nghiệp tiếp tục hoạt động nhờ sự hỗ trợ từ các chính sách hưởng lợi của Chính phủ ban hành. Chính vì vậy đã tiếp sức làm cho giá cổ phiếu các doanh nghiệp niêm yết bùng nổ mạnh mẽ, nhưng ẩn sâu đó là những tiềm tàng về sức khỏe của doanh nghiệp – điều mà những nhà đầu tư đã bỏ qua một cách dễ dàng vì mải chạy theo những sắc xanh trên bảng điện tử. Giá cổ

phiếu trên thị trường đã bị thổi phồng với chỉ số giá trên thu nhập (P/E) cao gấp nhiều lần so với các TTCK khác.

Thứ ba, cấu trúc và hành vi đầu tư của nhà đầu tư trên TTCK. Cơ cấu của nhà đầu tư cá nhân trên TTCK đạt hơn 80%, trong đó, theo báo chí đã từng đưa tin, chỉ trong một năm từ 2014 đến năm 2015, đã có 40 triệu tài khoản đầu tư chứng khoán cá nhân được mở và riêng tháng 6/2015, Trung Quốc có thêm 7 triệu tài khoản giao dịch cá nhân được thiết lập. Đây là một con số đáng mơ ước đối với mọi TTCK trên thế giới, nhưng tiếc rằng xu thế gia tăng mạnh của các nhà đầu tư cá nhân cũng chính là bằng chứng cho thấy quả bóng của TTCK đang phình to một cách mất kiểm soát.

Thực tế đã chứng minh, TTCK Trung Quốc đã vỡ bắt đầu từ tháng 6/2015 và đương nhiên không ai khác, chính 7 triệu nhà đầu tư cá nhân "lính mới" này là "nạn nhân" đầu tiên của hệ lụy bong bóng chứng khoán vỡ. Điều đáng nói ở đây là tại sao lại chỉ trong vòng một thời gian ngắn ngủi như vậy lại có hàng triệu nhà đầu tư cá nhân tham gia vào TTCK?

Dĩ nhiên câu trả lời là do TTCK quá dễ kiếm tiền, quá dễ giao dịch và đương nhiên là cả quá dễ vay mượn, sử dụng đòn bẩy tài chính vay margin một cách dễ dàng dù họ chỉ có chút ít vốn trong tay. Khi margin trở thành chiếc "xẻng" đào tiền, thì tất cả mọi người đều mong muốn sử dụng nó một cách triệt để nhằm tối đa hóa lợi nhuận đầu tư. Nhưng tác dụng phụ của đòn bẩy tài chính lại không phải nhà đầu tư cá nhân nào cũng hiểu, nó chỉ được xác thực một cách rõ nét nhất khi TTCK lao dốc và bắt đầu cơn khủng hoảng cũng được bắt đầu từ đây.

Càng giảm giá chứng khoán, margin càng trở thành nỗi khiếp sợ của hàng triệu nhà đầu tư. Đây cũng chính là nhân tố cốt lõi trong việc sụp đổ của TTCK Trung Quốc đợt vừa rồi. Tâm lý của nhà đầu tư từ trạng thái do dự, chuyển sang nao núng và cuối cùng là hoảng loạn. Đương nhiên khi cả một đám đông với chục triệu nhà đầu tư hoảng loạn thì hệ quả sẽ dẫn đến sự sụp đổ dây chuyền.

Những nguyên nhân trên khiến cho thị trường chứng khoán Trung Quốc sụp đổ chỉ trong thời gian rất ngắn. Tuy nhiên đó không phải là cái trade mà chúng ta hướng đến, cái mà chúng ta giao dịch lại là những món hàng/cặp tiền khác kia. Ở những phần trước Tôi đã lấy ví dụ về việc thị trường chứng khoán Trung Quốc giảm sẽ kéo theo hệ lụy thị trường chứng khoán toàn cầu giảm điểm mạnh trong thời gian không lâu sau đó. Tuy hiện giờ thị trường chứng khoán toán cầu đã tăng điểm trở lại thế nhưng những hệ lụy tâm lý từ áp lực bán tháo là vẫn còn đó, chỉ còn là vấn đề thời gian nào thị trường mới sụp đổ chính thức mà thôi.

Khi thị trường chứng khoán Trung Quốc sụp đổ thì cùng thời điểm đó giá cả các mặt hàng kim khoáng quặng giảm mạnh, áp lực từ việc nhu cầu của Trung Quốc sụp giảm khiến cho thị trường hàng hóa lại càng thê thảm hơn, cùng lúc này nếu bạn là một trader phân tích liên thị trường thì chắc chắn bạn sẽ không thể bỏ qua biến động của cặp tiền AUD/USD. Vì đặc tính là quốc gia lấy xuất khẩu kim khoáng quặng làm chủ lực cho nên mỗi một biến động trên thị trường kim khoáng quặng đều tác động trực tiếp đến nền kinh tế Úc. Úc xuất khẩu lượng lớn các mặt hàng kim khoáng quặng sang Trung Quốc, cho nên nếu thị trường Trung Quốc khủng hoảng đi xuống, nhu cầu giảm thì đương nhiên là thương mại của Úc sẽ giảm đi rồi. Thương mại giảm thì ảnh hưởng đến GDP của Úc. Cho nên Úc muốn giữ được bạn hàng, xuất khẩu được nhiều hơn thì phải giảm tỉ giá đồng AUD xuống. Mối tương quan giữa giá thành các mặt hàng quặng sắt, đồng, vàng với đồng AUD thì các bạn biết rõ rồi đó. Nói một cách dễ hiểu là ngay khi thị trường chứng khoán Trung Quốc giảm mạnh và chính phủ áp đặt những biện pháp như trên, trong đó cắt giảm lãi suất và phá giá đồng CNY khiến cho giá thành nhập khẩu kim khoáng quặng từ Úc tăng lên, giá thành tăng thì đương nhiên sẽ hạn chế sản xuất, giảm sản lượng và kinh tế đi xuống. Mà Úc thì lại không thể ngồi nhìn được, cho nên việc đồng AUD bị bán mạnh là điều chắc chắn xảy ra. Vậy cái mà chúng ta quan tâm đó chính là việc nghĩ đến lệnh short đồng AUD.



Hình 4.5: Thị trường chứng khoán Trung Quốc sụp đổ đã kéo theo hệ lụy khiến cho thị trường hàng hóa giảm theo, cặp tiền AUD/USD vì thế cũng giảm rất mạnh sau đó.

Bên cạnh thương mại với Úc thì Trung Quốc cũng là quốc gia có tỉ trọng thương mại với Nhật Bản rất lớn, cho nên bất kỳ hành động nào liên quan đến thị trường Trung Quốc cũng đều tác động rất lớn đến Nhật Bản. Hơn thế nữa vị trí địa lý của 2 quốc gia rất gần nhau, cho nên thương mại vì thế trở nên thuận tiện hơn và càng khiến cho tầm quan trọng giữa thương mại 2 quốc gia này tăng lên. Như có phân tích ở trên, việc kinh tế Trung Quốc đi xuống sẽ tác động tới thương mại với Nhật Bản, đặc biệt là kinh tế Trung Quốc đi xuống thì tiêu dùng vì thế cũng sẽ giảm theo, khi suy thoái kinh tế kéo dài thì ảnh hưởng rất lớn đến tốc độ tăng trưởng kinh tế, lạm phát không có và tỉ lệ thất nghiệp tăng cao. Trong trường hợp này thương mại của Trung Quốc sẽ giảm, và người ta nhìn thấy rằng trong tương lai nếu như tốc độ tăng trưởng vẫn chậm lại như thế này, thị trường chứng khoán đi xuống. Với đặc thù là nền kinh tế lấy xuất cảng làm trọng thì cả China và Nhật bản đều không hề muốn đồng tiền của mình tăng giá quá cao so với các đồng tiền khác trên thế giới và đặc biệt là với đồng USD. Về phần điều hành của Ngân hàng Trung ương Nhật bản các bạn đã được tìm hiểu khá rõ rồi, riêng về PBOC thì vì là nền kinh tế còn khá non trẻ, kinh nghiệm điều hành thị trường tiền tệ còn thiếu, điển hình là trong giai đoạn thị trường chứng khoán sụp đổ mà lại liên tục thực hiện các biện pháp áp đặt thì tất nhiên là sẽ càng khiến cho tâm lý nhà đầu tư thêm áp lực.

Để thấy rõ hơn mối tương quan giữa thị trường chứng khoán Nhật và Trung Quốc các bạn có thể quan sát giai đoạn gần đây khi thị trường chứng khoán Trung Quốc tăng trưởng, kéo theo đó là thượng mại giữa 2 nước tăng lên, thị trường chứng khoán Nhật cũng có khoảng thời gian tăng trưởng tương đối tốt. Phần lớn mặt hàng Trung Quốc nhập khẩu từ Nhật Bản là các mặt hàng điện tử, máy móc trang thiết bị, và cũng tương tự thì lượng hàng hóa Trung Quốc xuất khẩu sang Nhật Bản cũng phần lớn là hàng điện tử, máy móc và các trang thiết bị máy móc.

Vấn đề quan tâm là khi có những tác động đó thì người ta sẽ trade thế đồng JPY thay vì đồng CNY trên phương diện trading thuần túy.



Hình 4.6: Mối tương quan giữa thị trường chứng khoán Trung Quốc và Nhật Bản, đồng JPY giảm trong giai đoạn thị trường chứng khoán 2 nước tăng và ngược lại. Khi thị trường chứng khoán Trung Quốc sụp đổ thì người ta chú ý tới việc short chỉ số JPN225 Future Indices và short cặp USD/JPY.

Trong vùng tô màu thứ 2 là thời điểm mà Ngân hàng Nhân dân Trung Quốc PBOC phá giá đồng CNY liên tiếp trong 3 ngày khiến cho tâm lý lo sợ lại càng thêm bao trùm trên thị trường, và điều hiển nhiên là người ta tiếp tục bán tháo cổ phiếu Shanghai Composite. Nhưng ở lần bán tháo này khác với lần trước, sức chịu đựng của nhà đầu tư đã lên đến đỉnh điểm và hệ lụy kéo theo đó là lực bán tháo lần này đã kéo theo đó là mối lo và tâm lý sợ hãi khiến cho thị trường chứng khoán Nhật Bản cũng bị bán tháo khá mạnh trong vài phiên sau đó. Trong những giai đoạn nhạy cảm thế này việc PBOC phá giá đồng CNY chẳng những không kích thích xuất khẩu mà còn làm trầm trọng hơn khi tâm lý của nhà đầu tư đang rất hoảng loạn, và khi gặp phải những tác động như vậy sẽ khiến cho tâm lý của họ lo sợ rằng GDP quý vừa công bố là 7% nhưng tại sao thị trường lại không phản ứng tăng, lại còn cả việc PBOC phá giá CNY. Thế phải chăng là đang công khai nói rằng kinh tế Trung Quốc đang rất yếu và mức tăng trưởng kia không phải là co số thực tế mà nền kinh tế tạo ra.

Trung Quốc để thế giới thấy rằng, việc Nhân dân tệ giảm giá là do thị trường quyết định chứ không phải là PBoC áp đặt. Mặc dù vậy, câu chuyện phá giá có thể sẽ được nhìn nhận theo khía cạnh khác. PBoC dù không tự ấn định mức tỷ giá tham chiếu nhưng hoàn toàn có thể tác động để tỷ giá thị trường đi theo một hướng nhất định.

Có một câu hỏi được đặt ra là: Tại sao Trung Quốc phải bỏ ra hàng trăm tỷ USD dự trữ ngoại hối để "đỡ" tỷ giá trong khi ý định "ngầm" phá giá Nhân dân tệ là điều mà ai cũng nhận ra? Thậm chí, câu hỏi này còn trở nên khó hiểu khi nhiều chuyên gia cho rằng chính sách không nhất quán này đã khiến Trung Quốc phải trả một cái giá không hề nhỏ.

Hàng trăm tỷ Nhân dân tệ đã được PBoC bơm liên tục ra thị trường từ sau khi thay đổi cơ chế điều hành tỷ giá (tính đến ngày 31/08, PBoC đã bơm khoảng 420 tỷ Nhân dân tệ vào hệ thống để hỗ trợ thanh khoản). Nguyên nhân là do khả năng thanh toán tiền mặt trên thị trường tiền tệ Trung Quốc gần đây khó khăn mà một trong những lý do là việc giảm giá đồng Nhân dân tệ.

Về bản chất, Nhân dân tệ giảm giá sau thay đổi cơ chế điều hành tỷ giá là do giới đầu cơ liên tục bán ra Nhân dân tệ trong cặp tỷ giá USD/CNY khiến cung Nhân dân tệ tăng đột

biến trong thời gian ngắn, điểm cân bằng liên tục dịch chuyển lên trên khiến số lượng Nhân dân tệ đổi 1 USD ngày càng tăng. Việc "đỡ" tỷ giá USD/CNY có nghĩa là Trung Quốc phải đưa USD ra thị trường để hấp thụ hết lượng cung quá mạnh đang khiến loại tiền tệ này giảm giá.

Nếu PBoC quyết định để Nhân dân tệ "rơi" tự do mà không can thiệp, chắc chắn mức tăng 4.6% của cặp tỷ giá USD/CNY sau 3 ngày đầu tiên thay đổi cơ chế điều hành chưa không phải là con số kỷ lục thấp nhất. Đi kèm với điều này sẽ là tình trạng đầu cơ, tích trữ USD khi kỳ vọng Nhân dân tệ tiếp tục giảm giá vẫn còn. Con số hàng trăm tỷ Nhân dân tệ bơm vào thị trường như những ngày gần đây sẽ chẳng thấm vào đâu.

Cần lưu ý rằng, giảm giá nội tệ tạo ra bao nhiêu gam màu sáng cho xuất khẩu thì ngược lại sẽ có bấy nhiêu gam màu tối cho nhập khẩu. Trung Quốc được biết đến như quốc gia giữ thị phần lớn nhất về xuất khẩu nhưng đằng sau đó cũng là nước đứng đầu về nhập khẩu các loại tài nguyên thô từ các quốc gia đang phát triển.

Với diễn biến trong những ngày gần đây khi PBoC giữ tỷ giá USD/CNY tăng ở mức 4.5% - 4.7% so với ngày 11/08 cho thấy Trung Quốc không hề có ý định để Nhân dân tệ rơi quá mạnh. Thường, khi một ngân hàng trung ương áp dụng cách này, dự trữ ngoại tệ của nước đó phải đủ lớn để đảm bảo việc can thiệp sẽ đưa tỷ giá đi đúng hướng. Điều này cũng không phải là một vấn đề lớn của Trung Quốc. Theo thống kê của Bloomberg, từ đầu năm đến nay Trung Quốc đã bỏ ra 192 tỷ USD để đỡ tỷ giá, trong khi đó, theo dự báo, trung bình trong mỗi tháng tới PBoC sẽ bỏ khoảng 40 tỷ USD/tháng.

Cũng theo một cuộc thăm dò của hãng tin này, từ giờ đến cuối năm, dự trữ ngoại hối của Trung Quốc được dự báo có khả năng sẽ giảm từ mức 3,650 tỷ USD xuống 3,450 tỷ đồng và tỷ giá USD/CNY sẽ tăng thêm khoảng 1.6%.

Nếu nói Trung Quốc phá giá, thực chất đó là việc định ra một mức tỷ giá mục tiêu (target level) ngầm USD/CNY trong cơ chế điều hành thả nổi cao hơn so mức tỷ giá cố định theo cơ chế cũ của PBoC hay nói cách khác là giảm giá Nhân dân tệ, mà tại đó PBoC đang sử dụng công cụ dữ trữ ngoại hối để đưa tỷ giá thị trường tiến sát đến mức tỷ giá này.

Với đặc trưng là quốc gia tiêu thụ dầu lớn thứ 2 thế giới, và lượng dầu Trung Quốc khai thác là không thể đủ cho nhu cầu sử dụng của quốc gia này cho nên Trung Quốc buộc phải nhập khẩu một lượng lớn dầu mà chủ yếu đến từ khu vực Trung Đông. Bên cạnh đó việc đạt được thỏa thuận khí đốt giữa Nga và Trung Quốc năm 2013: Nga - nước xuất khẩu dầu mỏ lớn nhất thế giới sẽ cung cấp 365 triệu tấn dầu mỏ cho Trung Quốc - nước tiêu thụ năng lượng nhiều nhất thế giới trong thời hạn 25 năm theo một thỏa thuận trị giá tới 270 tỉ USD. Thông tin này lập tức đã gây nên một "cơn sốt" trong giới bình luận quốc tế tuần qua. Không ít nhà quan sát dự báo bức tranh năng lượng thế giới có thể sẽ thay đổi từ thỏa thuận "khủng" này với sự hình thành một liên minh mới trên bàn cờ năng lượng toàn cầu và sự củng cố quyền lực của một "đế chế" dầu khí mới - Rosneft. Trong giai đoạn mà Phương Tây và Mỹ thực hiện những lệnh cấm vận với Nga, OPEC không cắt giảm trữ lượng khai thác và nhu cầu đi xuống khiến cho giá dầu lao dốc đã tác động rất tiêu cực đến nền kinh tế Nga, vốn lấy xuất khẩu dầu mỏ và khí đốt làm chủ lực. Và động thái hợp tác giữa Nga và Trung Quốc phần nào cho thấy được Nga đã chuẩn bị các kế sách để đối phó với Phương Tây cũng như việc giá dầu giảm sâu. Việc tranh dành thị phần trở nên căng thẳng hơn bao giờ hết và thỏa thuận trên đã giúp Nga giải quyết được một vấn nạn trong việc dành lấy thị phần cho mình. Cả thế giới đều biết rằng, Nga đang bắt tay chặt chẽ với Trung Quốc – thị trường tiêu thụ năng lượng lớn nhất thế giới, để xoa dịu tác động từ lệnh trừng phạt của Mỹ và châu Âu. Từ khi bị trừng phạt về kinh tế, đích thân Tổng thống Nga Putin đã có những chỉ đạo về việc thực hiện hợp đồng cung cấp khí đốt cho TQ. Đầu tháng 9, trong chuyến thăm của Tổng thống Nga tới Bắc Kinh, Tập đoàn dầu khí lớn nhất của Nga Gazprom và Tập dầu khí quốc gia Trung Quốc (CNPC) đã ký biên bản thứ ba về phát triển dầu khí trong 5 năm tới. Trước đó, hàng loạt các biên bản ghi nhớ giữa hai tập đoàn dầu khí này đã được ký kết biến Bắc Kinh trở thành khách hàng lớn nhất của Moscow.

Và điều cần lưu ý là khi kinh tế Trung Quốc suy thoái, nhu cầu dầu mỏ, khí đốt giảm đi thì lúc này sẽ tác động rất lớn đến nhu cầu dầu trên toàn thế giới. Và điều này gây tác động thế nào các bạn hãy quan sát biểu đồ giá dầu và so sánh với nền kinh tế Trung Quốc. Giá dầu càng tăng cao thì chi phí nhập khẩu dầu của Trung Quốc sẽ tăng lên và điều này sẽ kìm hãm tốc độ tăng trưởng của Trung Quốc lại.

Nhưng bên cạnh đó với đặc trưng là quốc gia tiêu thụ dầu lớn nhất trên thế giới cho nên Trung Quốc cũng có quyền áp đặt những ràng buộc và các nước xuất khẩu dầu nếu muốn duy trì được bạn hàng, cạnh tranh được với các quốc gia xuất khẩu dầu khác thì chắc chắn sẽ không muốn đánh mất đi thị trường Trung Quốc.

Trong khoảng thời gian thị trường chứng khoán Trung Quốc sụp đổ thì cũng tác động rất lớn đến Mỹ, đặc biệt là lộ trình nâng lãi suất của FED đã gặp nhiều gián đoạn trong khoảng thời gian này khi thị trường chứng khoán Trung Quốc sụp đổ đã kéo theo một giai đoạn tương đối lâu thị trường chứng khoán Mỹ cũng phải chịu áp lực bán tháo, hơn nữa việc PBOC phá giá đồng CNY khiến cho việc nâng lãi suất của FED có phần khó khăn hơn khi thương mại giữa Trung Quốc và Mỹ là rất lớn. Nâng lãi suất lúc này sẽ thu hút được lượng tiền đổ về với Mỹ nhưng lại khiến cho việc xuất khẩu trở nên khó khăn hơn. Tuy nhiên Mỹ là một quốc gia lớn và đồng USD có quyền lực riêng của nó và đương nhiên Mỹ muốn lấy lại vị thế đồng USD cho nên những tác động từ việc xuất khẩu không thật sự là mối lo.

Một điều cần phải nhớ là Trung Quốc xuất khẩu sang Mỹ rất lớn nhưng lượng nhập khẩu từ thị trường Mỹ thì lại chỉ bằng khoảng 1/3 so với kim ngạch xuất khẩu. Chính vì điều này cho nên việc để tỉ giá đồng CNY giảm thấp hơn so với đồng USD sẽ có lợi cho Trung Quốc, dễ hiểu là PBOC phá giá đồng CNY vào thời điểm thị trường chứng khoán sụp đổ và kinh tế có nguy cơ rơi vào khủng hoảng thì việc phá giá CNY sẽ là một mũi tên trúng rất nhiều đích. Nếu như đồng CNY thả nổi trên thị trường như đồng EUR so với USD thì mọi chuyện đã khác nhiều rồi. Tỉ giá do PBOC quyết định cho nên họ có quyền điều tiết thị trường tiền tệ sao cho có lợi cho Trung Quốc. Sau những quyết định nới lỏng và phá giá CNY thì phần nào thị trường chứng khoán Trung Quốc cũng đã lấy lại được niềm tin từ phía nhà đầu tư trong khoảng thời gian gần đây. Còn một vài lưu ý nữa là Trung Quốc hiện trở thành nhà máy sản xuất của cả thế giới khi mà những tập đoàn sản xuất lớn trên thế giới đều đầu tư các nhà máy sản xuất ở đây, vậy nên dù là hàng hóa sản xuất ở Trung Quốc và xuất khẩu ở đây ra các quốc gia khác nhưng nguồn tiền thực tế chảy vào đất nước này không phải là toàn bộ nguồn doanh thu có được từ xuất khẩu.

Trung Quốc được và mất gì khi CNY vào rổ tiền dự trữ IMF?

Quỹ tiền tệ quốc tế (IMF) sẽ bổ sung thêm đồng nhân dân tệ vào rổ các đồng tiền dự trữ, trong động thái giúp Trung Quốc hội nhập sâu hơn với hệ thống kinh tế toàn cầu vốn được thống trị bởi Mỹ, châu Âu và Nhật Bản trong nhiều thập kỷ. Theo thông báo được đưa ra hôm (30/11), Hội đồng giám đốc của IMF – cơ quan đại diện cho 188 quốc gia thành viên – đã quyết định rằng nhân dân tệ đáp ứng đủ các tiêu chuẩn của một đồng tiền "tự do sử dụng" và sẽ cùng với USD, euro, bảng Anh và yên Nhật cấu thành nên rổ tiền tệ cấu thành nên Quyền rút vốn đặc biệt (SDR). Đây là lần đầu tiên các thành phần của SDR thay đổi kể từ năm 1999, khi euro thay thế mark Đức và franc Pháp trong rổ này. Đây cũng là một bước ngoặt lớn đối với vị thế của đồng nhân dân tệ trên thị trường tài chính quốc tế. Nhân dân tệ ra đời sau chiến tranh thế giới thứ hai và trong nhiều năm chỉ được sử dụng trong thị trường nội địa. IMF xem xét lại thành phần của SDR 5 năm 1 lần và trong lần gần nhất (2010) đã từ chối nhân dân tệ vì cho rằng đồng tiền này không đủ điều kiện.

Quyết định này sẽ chính thức có hiệu lực kể từ ngày 1/10/2016. Nhân dân tệ chiếm tỷ trọng 10,92%. Tỷ trọng của USD là 41,73%, euro là 30,98%, yên Nhật là 8,33% và bảng Anh là 8,09%. Trước đó, tỷ trọng của 4 đồng tiền cũ là USD, euro, bảng Anh và yên Nhật lần lượt là 41,9%, 37,4%, 11,3% và 9,4%. Tỷ trọng trong rổ tiền tệ dự trữ sẽ ảnh hưởng đến mức lãi suất mà quốc gia đó phải trả khi vay mượn tiền từ IMF. Đồng thời, chỉ số này cũng ảnh hưởng đến dòng chảy vốn vào Trung Quốc trong những tháng sắp tới.

Với quyết định chấp thuận đưa NDT vào rổ tiền tệ dự trữ, IMF ngầm ủng hộ các cải cách cũng như chấp nhận những rủi ro ở Trung Quốc.

Quyền lực và trách nhiệm: Trong ngày hôm qua, Quỹ Tiền tệ Quốc tế (IMF) đã chính thức chấp thuận đưa nhân dân tệ của Trung Quốc vào rổ dự trữ tiền tệ của quỹ, đánh dấu sự thay đổi lớn nhất của hệ thống tiền tệ quốc tế trong vòng 3 thập kỷ qua. Các phương tiện truyền thông Trung Quốc đang đưa ra dự báo rằng việc Trung Quốc gia nhập rổ dự trữ của IMF sẽ kéo theo việc có tới 1 nghìn tỷ NDT (tương đương 156 tỷ USD) ngoại hối đổ vào trái phiếu chính phủ của nước này. Nhân dân tệ đã được chính thức công nhận vào một trong những loại tiền tệ quan trọng trên toàn cầu, cùng với với USD, euro, yên Nhật và

bảng Anh. Đây là dấu hiệu rõ nét cho thấy sự ủng hộ của IMF đối với các nỗ lực cải cách kinh tế của Trung Quốc. Tuy nhiên, những chuyên gia hoạch định chính sách trong và ngoài Trung Quốc lại cho rằng quá trình cải cách tại nước này xem ra đang bị chậm lại. Nhiều người cho rằng việc IMF công nhận đồng NDT có thể đem lại sự chủ quan cho các thành phần bảo thủ trong chính phủ Trung Quốc, từ đó gây trì hoãn các nỗ lực cải cách. Một số người khác thì lại cho rằng đây là điều tốt, vì một khi đồng NDT đã vào rổ tiền tệ thì Trung Quốc buộc phải có trách nhiệm hơn với việc kiểm soát tỷ giá.

Câu hỏi về kiểm soát tài chính: Có một vấn đề lớn mà Bắc Kinh đang phải đối mặt hiện nay là nguy cơ tháo chạy của các dòng ngoại tệ khi nền kinh tế đi xuống, đi kèm với nhu cầu về kiểm soát dòng vốn. Kể từ khi bong bóng thị trường chứng khoán sụp đổ vào hồi tháng 7 và tháng 8, các quan chức Trung Quốc đã xiết chặt lại các dòng chảy ngoại tệ để ngăn chặn sự rớt giá của đồng NDT. Ngoài ra, việc mở cửa thị trường tài chính trong nước cho dòng vốn ngoại cũng là điều mà các quan chức Trung Quốc rất ngần ngại. Nhiều ngân hàng và doanh nghiệp quốc doanh của Trung Quốc cũng không muốn điều này xảy ra, vì lo ngại áp lực cạnh tranh. "Khả năng kiểm soát rủi ro tài chính vẫn chưa được cải thiện", một chuyên viên kinh tế cấp cao tại trung tâm nghiên cứu CCIEE ở Bắc Kinh nhận định. "Bất kỳ sự tháo chạy nào của dòng vốn cũng có thể ảnh hưởng đến kiểm soát rủi ro tài chính trên thị trường... chúng tôi chắc chắn sẽ rất thận trọng về vấn đề này". Được biết, để góp phần đưa đồng NDT vào rổ tiền dự trữ của IMF, chính phủ Trung Quốc đã thiết lập các giao dịch hoán đổi đồng tiền của nước này với các nước khác muốn dự trữ đồng NDT. Vì thế, điều này sẽ giúp cho thương mại của Trung Quốc trong tương lai có thể thanh toán bằng chính NDT, thay vì quy đổi sang một đồng tiền mạnh hơn. Trung Quốc cũng đã mở rộng biên độ giao dịch của đồng NDT và hướng đến chính sách thả nổi lãi suất về mặt dài hạn.

Bóng ma khủng hoảng: Việc quốc tế hóa đồng nhân dân tệ của Trung Quốc sẽ mang lại nhiều lợi ích cho nước này, đồng thời đặt ra những rủi ro mới mà nước này phải đối mặt trong thời gian tới. Khi đánh giá về vấn đề này, các chuyên gia Trung Quốc lại chia ra làm 2 nhóm khác nhau. Những người phản đối thì cho rằng điều này có thể khiến dòng luân

chuyển vốn gia tăng và khó kiểm soát hơn, từ đó gây bất ổn kinh tế. Còn nhóm chuyên gia còn lại thì cho rằng chính sách này sẽ giúp cho nhiều nhà đầu tư nước ngoài tiếp cận được với thị trường tài chính dễ dàng hơn, đặc biệt khi đồng NDT trở thành đồng tiền quốc tế. Theo đó, một nhà kinh tế học của Viện Khoa học Xã hội Trung Quốc (CASS) nhận định "Chính phủ đã thay đổi ngôn ngữ của họ, từ chỗ 'tăng tốc' khả năng hoán đổi đồng NDT (convertibility) thành 'cải thiện một cách có trật tự'". Ông cũng cho biết Trung Quốc có ý thức rõ nhiều rủi ro trong thời gian tới khi dòng vốn được tự do hóa, điều đã từng gây ra nhiều khó khăn cho nền kinh tế Nhật Bản. Tuy nhiên, ông này cũng nhấn mạnh: "Điều quan trọng nhất hiện giờ của chính phủ Trung Quốc là xử lý các vấn đề nội tại trong nước cho thật tốt, chúng tôi không thể chịu đựng thêm một lần nào nữa nếu thị trường chứng khoán sụp đổ".

Những ý kiến này chỉ là những ý kiến cá nhân, có thể sẽ có nhiều yếu tố khác nữa và sâu rộng hơn nữa, các bạn nào quan tâm có thể tìm đọc ở các nguồn bài viết khác.

CHƯƠNG V:

KHỦNG HOẢNG KINH TẾ TOÀN CẦU NĂM 2008 VÀ NHỮNG HỆ LỤY CHO ĐẾN NGÀY NAY

Trong chương này chúng ta sẽ tìm hiểu về nguyên nhân, diễn biến cuộc khủng hoảng và trong giai đoạn diễn ra cuộc khủng hoảng thì dòng tiền đã chạy qua những lớp tài sản nào, và điều quan trọng hơn là hệ lụy của nó tới ngày nay là gì. Phân tích được những tác động tới hiện tại mới chính là điều mà các Trader chúng ta cần. Trong quá trình diễn ra cuộc khủng hoảng các lớp tài sản đã biến động như thế nào và nếu như có những đợt khủng hoảng như thế xảy ra thì chúng ta có đủ tự tin với lượng kiến thức có được để sớm nhận thấy được sự thay đổi đó mà đi tiền cho những lệnh của mình hay không? Những vấn đề trên sẽ là những cái thực tế nhất, chi tiết nhất để đi đến những phân tích liên thị trường hiện tại.

Khủng hoảng tài chính toán cầu năm 2008

Cuộc khủng hoảng tài chính toàn cầu 2007-2008, còn được gọi là khủng hoảng tài chính toàn cầu và khủng hoảng tài chính năm 2008, được biết đến như là cuộc khủng hoảng tài chính tồi tệ nhất thế giới kể từ cuộc đại khủng hoảng năm 1930. Đe dọa đến sự sụp đổ hệ thống tài chính của các tổ chức lớn, mặc dù được hỗ trợ bởi những gói cứu trợ lớn của các ngân hàng bới các chính phủ quốc gia, thế nhưng thị trường chứng khoán toàn cầu vẫn sụp đổ nhanh chóng và không thể cứu vãn. Bên cạnh đó thị trường nhà đất cũng phải hứng chịu cú sốc sụp đổ, bất động sản đóng băng, nhà bị tịch thu…dẫn đến thất nghiệp kéo dài. Cuộc khủng hoảng này là đòn giáng mạnh vào sự thất bại của các doanh nghiệp trọng điểm ở Mỹ, tiêu dùng giảm đi rất nhiều, cũng bắt nguồn từ khủng hoảng này đã kéo theo hệ lụy cuộc

khủng hoảng nợ châu Âu và suy thoái kinh tế toàn cầu vào giai đoạn 2008-2012. Các giai đoạn diễn ra của cuộc khủng hoảng, mà biểu hiện như một cuộc khủng hoảng thanh khoản, bắt nguồn từ việc BNP Paribas chấm dứt việc rút tiền từ ba quỹ đầu tư vào ngày 9/8/2007 dẫn đến việc thanh khoản mất đi.

Nguyên nhân của cuộc khủng hoảng:

Chứng khoán hóa: Các sản phẩm chứng khoán hóa xuất hiện từ đầu thập niên 1970 và phát triển mạnh trong môi trường chính sách tiền tệ được nới lỏng từ năm 2001. Chứng khoán hóa và việc ra đời các sản phẩm của quá trình này như chứng khoán đảm bảo bằng tài sản thế chấp (MBS), giấy nợ đảm bảo bằng tài sản (CDO) và các loại tương tự là một phát minh lớn về công cụ tài chính. Tuy nhiên, vì có ít nhất tới 4 loại chủ thể kinh tế liên quan đến chứng khoán hóa (thay vi 2 loại chủ thể kinh tế là người thế chấp - đi vay và tổ chức tín dụng cho vay - nhận thế chấp như giao dịch tín dụng truyền thống), vì sự xuất hiện của bảo hiểm cho các sản phẩm chứng khoán hóa như hợp đồng hoán đổi tổn thất tín dụng (CDS), vì sự ra đời của các thể chế như các thể chế mục đích đặc biệt (SPV) và những công cụ đầu tư kết cấu (SIV) để mua bán MBS và CDO, nên đã tồn tại những rủi ro hệ thống bao gồm cả rủi ro đạo đức và lựa chọn trái ý. Trong khi đó, mô hình giám sát tài chính của Hoa Kỳ trước khủng hoảng không đủ năng lực giám sát các rủi ro này.

Những rủi ro mang tính hệ thống đã tồn tại và một khi sự cố đối với bong bóng thị trường tài sản xảy ra thì những rủi ro này sẽ làm mất lòng tin ghê gớm của các bên liên quan. Thêm vào đó, việc thực hành cho vay liên ngân hàng sẽ làm cho những tổn thất tín dụng lây lan ra toàn hệ thống ngân hàng; một ngân hàng phá sản sẽ kéo theo nhiều ngân hàng khác phá sản. Và mất lòng tin ở người gửi tiền gây ra đột biến rút tiền gửi còn làm cho tình hình thêm nghiêm trọng và diễn ra nhanh chóng hơn.

Thực tế, thị trường nhà ở bắt đầu tự điều chỉnh từ năm 2005 khiến cho giá nhà đất giảm và chất lượng tài sản đảm bảo cho các MBS và các CDO giảm theo. Rủi ro mang tính hệ thống đã làm cho khủng hoảng tín dụng nhà ở thứ cấp nổ ra vào tháng 5 năm 2006 khi mà nhiều tổ chức phát hành MBS và CDO cũng như một số tổ chức tài chính mà trong danh mục tài sản của mình có nhiều MBS và CDO sụp đổ. Tiếp theo đó, khủng hoảng tài chính nổ ra

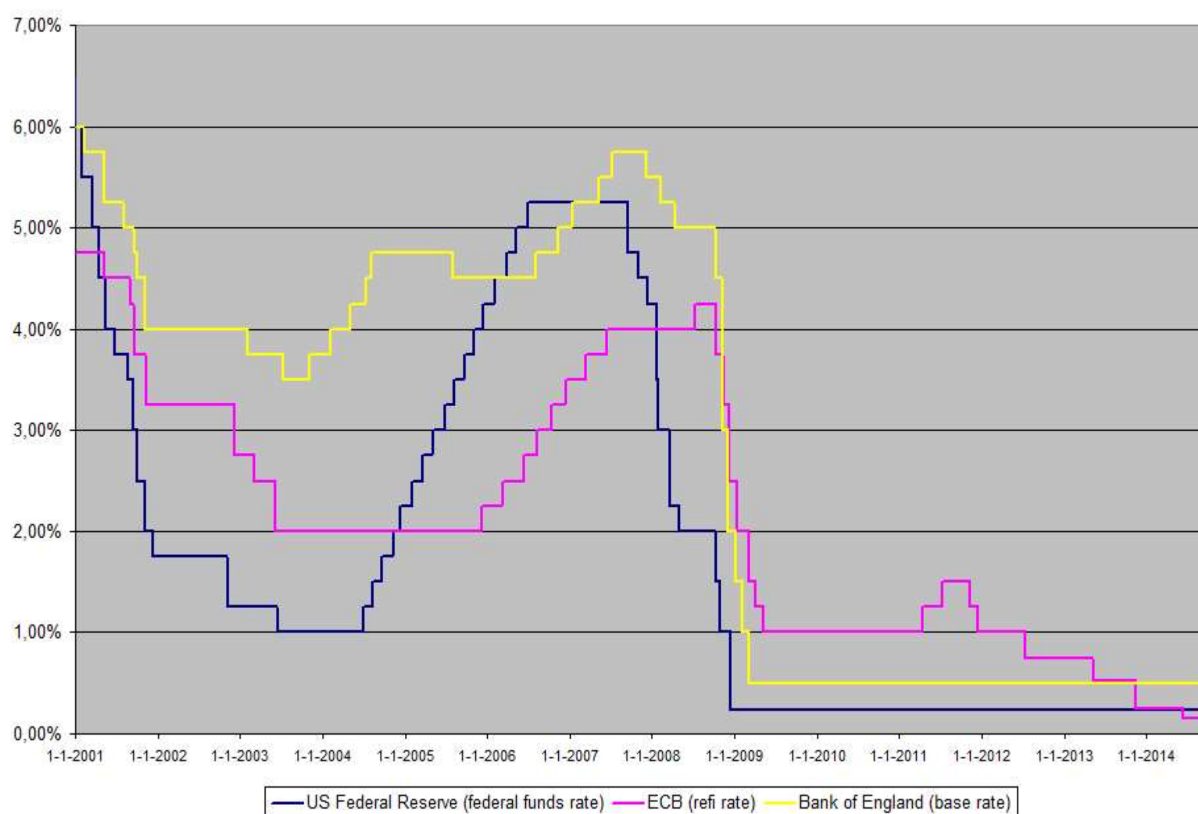
vào tháng 8 năm 2007 khi đến lượt cả các SPV và SIV cũng sụp đổ, rồi phát triển thành khủng hoảng tài chính toàn cầu từ tháng 9/2008 khi cả những tổ chức tài chính khổng lồ như Lehman Brothers sụp đổ.

Bong bóng bất động sản: Sau khi bong bóng Dot-com vỡ vào năm 2001 và suy thoái kinh tế hiện rõ sau sự kiện 11 tháng 9, Cục Dự trữ Liên bang Hoa Kỳ đã có những biện pháp tiền tệ để cứu nền kinh tế nước này khỏi suy thoái, đó là hạ lãi suất cho vay qua đêm liên ngân hàng. Chỉ trong thời gian ngắn từ tháng 5 năm 2001 đến tháng 12 năm 2002, lãi suất liên ngân hàng giảm 11 đợt từ 6,5% xuống còn 1,75%. Tín dụng thứ cấp cũng giảm lãi suất theo. Điều này kích thích sự phát triển của khu vực bất động sản và ngành xây dựng làm động lực cho tăng trưởng kinh tế. Trong môi trường tín dụng dễ dãi, những tổ chức tài chính đã có xu hướng cho vay mạo hiểm, kể cả cho những người nhập cư bất hợp pháp vay. Hệ quả là vay và đi vay ồ ạt nhằm mục đích đầu cơ dẫn tới hình thành bong bóng nhà ở. Năm 2005, có tới 28% số nhà được mua là để nhằm mục đích đầu cơ và 12% mua chỉ để không. Năm này, bong bóng nhà ở này phát triển đến mức cực đại và vỡ. Từ quý IV năm 2005 đến quý I năm 2006, giá trị trung vị của giá nhà giảm 3,3%. Thời điểm đó, tổng giá trị lũy tích các khoản tín dụng nhà ở thứ cấp lên đến 600 tỷ dollar.

Sau khi bong bóng nhà ở vỡ, các cá nhân gặp khó khăn trong việc trả nợ. Nhiều tổ chức tín dụng cho vay mua nhà gặp khó khăn vì không thu hồi được nợ. Giá nhà ở giảm nhanh khiến cho các loại giấy nợ đảm bảo bằng tài sản (CDO - viết tắt của collateralized debt obligations) và chứng khoán đảm bảo bằng tài sản thế chấp (MBS - viết tắt của mortgage-backed security) do các tổ chức tài chính phát hành bị giảm giá nghiêm trọng. Kết quả là bảng cân đối tài sản của các tổ chức này xấu đi và xếp hạng tín dụng của họ bị các tổ chức đánh giá đánh tụt. Cuộc khủng hoảng tín dụng nhà ở thứ cấp nổ ra.

Nguyên Chủ tịch Fed Alan Greenspan sau này thừa nhận rằng ông đã không nhận thức hết quy mô của thị trường tín dụng nhà ở thứ cấp. (Trong lịch sử điều hành chính sách tài chính, tiền tệ của Cục dự trữ liên bang Mỹ có một nhân vật đã trở thành tượng đài cho đến tận ngày nay. Đó là Alan Greenspan- người được biết đến như là một học giả của các các thuyết đại khủng hoảng. Theo lẽ thông thường, FED chairman có nhiệm kỳ chỉ kéo dài 4

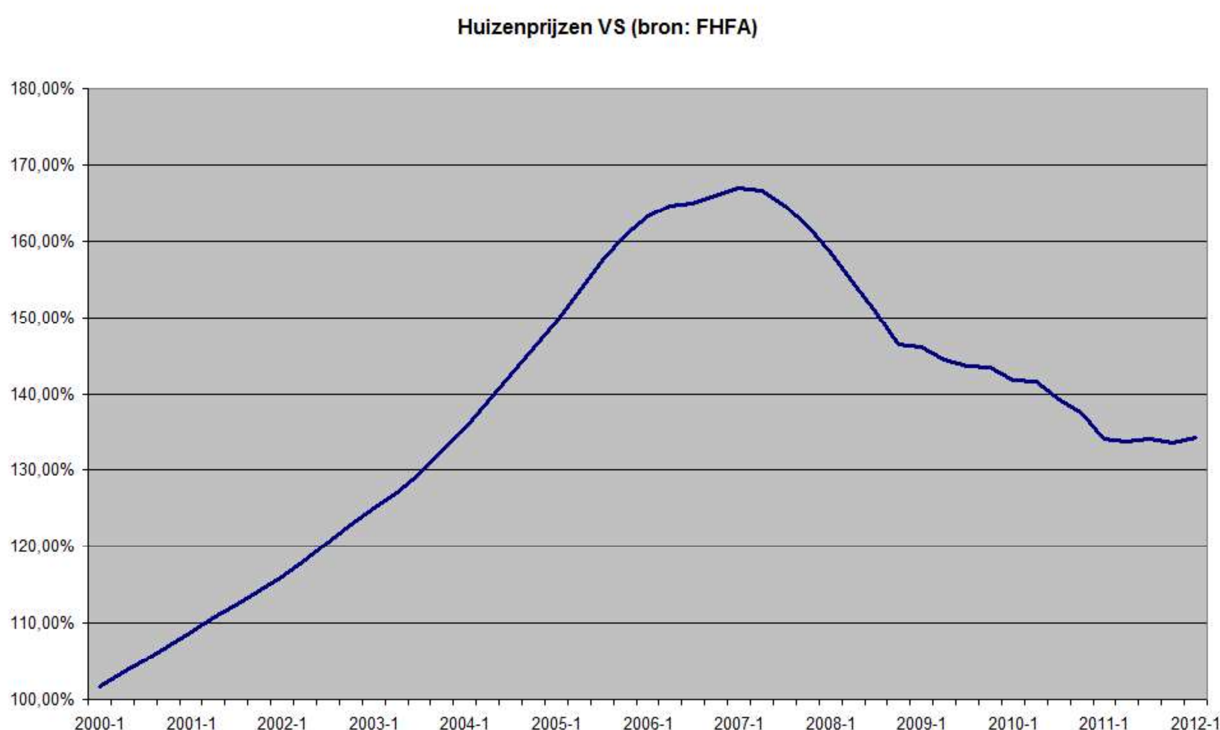
năm nhưng lão ma đầu này có tới 20 năm trên cương vị là người điều hành the FED, kéo dài từ 1987 đến tận 2006. Được ca ngợi là người hùng trong các cuộc khủng hoảng 1987 và bong bóng dot com của năm 2000. Nhưng cũng chính vì chính sách giải cứu kinh tế sau khủng hoảng công nghệ năm 2000 này mà ông này bị nhiều nhà kinh tế gia khác gọi là tội đồ gây ra cuộc khủng hoảng tài chính, bất động sản năm 2008. Lý do là sau khủng hoảng năm 2000 nổ ra, Alan Greenspan đã thực thi chính sách tiền tệ nới lỏng quá mức (flood the cheap $ on the street) để khuyến khích sản xuất và tiêu dùng, cứu nền kinh tế Mỹ khỏi suy thoái. Chỉ từ tháng 5/2001 đến tháng 12/2002, FED đã 11 lần cắt giảm lãi suất cho vay từ 6,5% xuống còn 1,75%/năm.)



Hình 5.1: Diễn biến lãi suất của các ngân hàng trung ương (FED, ECB, BOE) trong giai đoạn hậu khủng hoảng Dotcom đến nay.

BỐI CẢNH, DIỄN BIẾN CỦA CUỘC KHỦNG HOẢNG.

Các nguyên nhân trực tiếp hoặc gián tiếp tạo nên cuộc khủng hoảng là sự bùng nổ bong bóng nhà đất của Mỹ, thị trường nhà đất Mỹ đạt đỉnh vào năm 2007. Khi các ngân hàng bắt đầu cho vay nhiều hơn cho các chủ nhà tiềm năng, giá nhà đất bắt đầu tăng lên từ giai đoạn sau khủng hoảng Dotcom. Với việc dễ dàng sở hữu tín dụng Mỹ, được thúc đẩy bởi nguồn vốn lớn của các quỹ nước ngoài sau cuộc khủng hoảng nợ của Nga và cuộc khủng hoảng tài chính châu Á giai đoạn 1997-1998, dẫn đến một sự bùng nổ xây dựng nhà ở và tạo điều kiện cho người tiêu dùng chi tiêu nhiều hơn với các khoản nợ của họ. Tiêu chuẩn cho vay lỏng lẻo và giá bất động sản tăng cao cũng góp phần tạo nên bong bóng Bất động sản. Các khoản vay khác nhau được thực hiện (ví dụ như thế chấp, thẻ tín dụng…) những điều kiện quá dễ dàng và cộng với mức lãi suất rất thấp mà FED thực hiện trong suốt quãng thời gian từ 2002-2004 đã thúc đẩy người dân chi tiêu rất nhiều vào các khoản nợ cho bất động sản.



Hình 5.2: Diễn biến thay đổi giá nhà đất trong thời kỳ bong bóng thị trường nhà đất ở Mỹ.

Là một phần của sự bùng nổ nhà ở và tín dụng, số lượng các thỏa thuận tài chính được gọi là chứng khoán thế chấp (MBS) và các nghĩa vụ nợ thế chấp (CDO), trong đó có nguồn

gốc giá trị của họ từ các khoản thanh toán thế chấp và giá nhà đất tăng lên rất nhiều. Như vậy các hoạt động đổi mới tổ chức tài chính được hình thành và các nhà đầu tư trên thế giới đầu tư nhiều hơn vào thị trường nhà ở Mỹ. Khi giá nhà đất giảm, các tổ chức tài chính lớn trên toàn cầu đã vay mượn và đầu tư mạnh vào MBS đều gặp phải những thiệt hại đáng kể. Giá giảm cũng dẫn đến ngôi nhà có giá trị thấp hơn so với các khoản vay thế chấp, và điều này khiến cho một lượng lớn nhà bị tịch thu. Việc tịch thu nhà đang diễn ra và bắt đầu vào cuối năm 2006 tại Mỹ, người tiêu dùng phải chấp nhận những khoản thua lỗ và điều này khiến cho các tổ chức ngân hàng, cho vay tín dụng rơi vào tình trạng khủng hoảng. Ngoài thiệt hại từ các khoản vay nhà ở thì ở các khoản vay bộ phận khác của nền kinh tế cũng rơi vào tình trạng khủng hoảng lan rộng như trên, tổng thiệt hại ước tính hàng nghìn tỉ USD trên toàn cầu.

Trong khi bong bóng nhà đất và tín dụng hình thành, một loạt các yếu tố gây ra việc mở rộng các hệ thống tài chính và ngày càng bộc lộ những thiếu sót, quá trình này được gọi là financialization. Chính sách của chính phủ Mỹ từ những năm 1970 trở đi đã nhấn mạnh bãi bỏ quy định khuyến khích doanh nghiệp, mà kết quả chưa được giám sát vào ít tiết lộ thông tin về các hoạt động được thực hiện bởi các ngân hàng và tổ chức tài chính như ngân hàng đầu tư và các quỹ đầu cơ, còn được gọi là hệ thống ngân hàng.

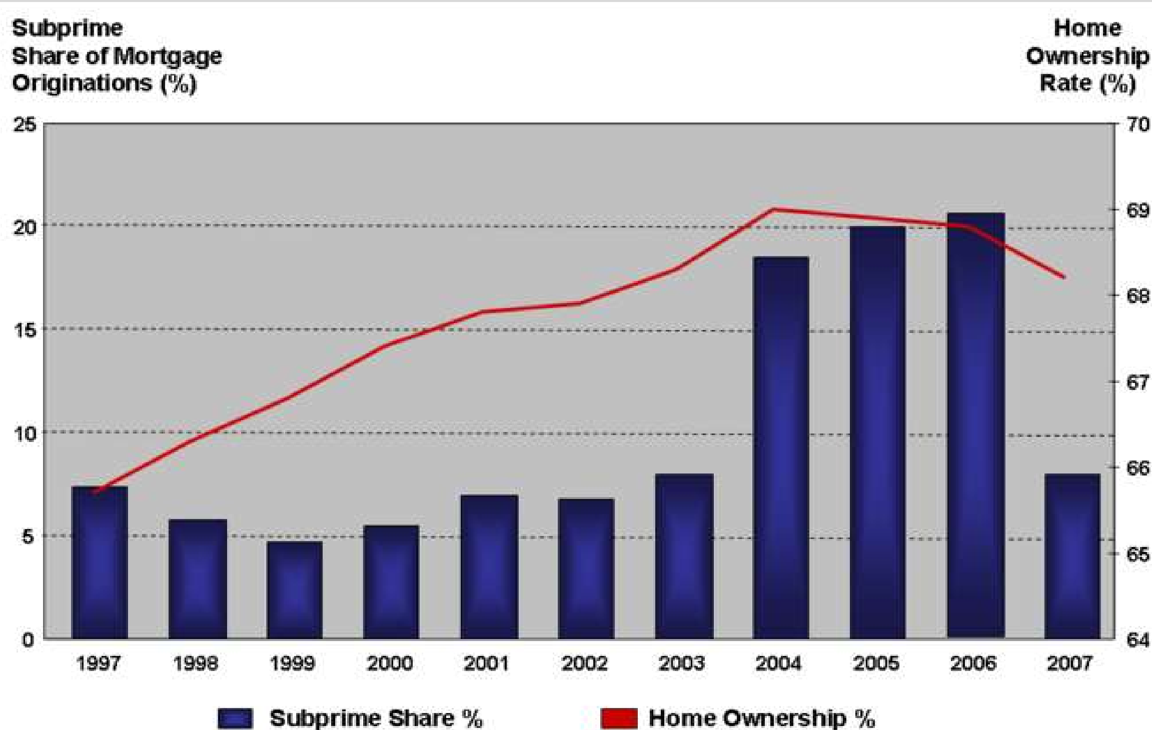
Các tổ chức này, cũng như các ngân hàng nhất định, cũng đã giả gánh khoản nợ lớn trong khi cung cấp các khoản vay được mô tả ở trên và không có đệm tái chính đủ để gánh các khoản cho vay mặc định hoặc khoản lỗ MBS. Những tổn thất này đã ảnh hưởng đến khả năng của các tổ chức tài chính cho vay, làm chậm lại các hoạt động kinh tế. Những lo ngại về sự ổn định của các tổ chức tài chính quan trọng khiến cho các ngân hàng trung ương phải sử dụng các biện pháp kích thích kinh tế và khuyến khích cho vay để từ đó khôi phục niềm tin vào thị trường, và tất nhiên không thể thiếu các hoạt động tài trợ trong kinh doanh. Các chính phủ cũng giải cứu các tổ chức tài chính quan trọng và thực hiện các chương trình kích thích kinh tế, giả định các cam kết bổ sung tài chính đáng kể.

Cho vay dưới chuẩn:

Trong một khoảng thời gian khó khăn cạnh tranh giữa các công ty cho vay thế chấp đối với doanh thu và thị phần, và khi nguồn cung cấp của khách hàng vay tín dụng bị hạn chế, các tiêu chuẩn cho vay thế chấp bảo lãnh phát hành thoải mái và có nguồn gốc thế chấp rủi ro cho khách hàng vay ít uy tín tín dụng. Theo quan điểm của một số nhà phân tích, các doanh nghiệp chính phủ tài trợ (GSEs) tương đối bảo thủ đã tạo ra các khoản thế chấp khống và duy trì tiêu chuẩn bảo hiểm tương đối cao trước năm 2003. Tuy nhiên vì sức mạnh thị trường chuyển từ an toàn sang cạnh tranh dữ dội làm suy yếu quyền lực của GSEs, tiêu chuẩn thế chấp giảm và các khoản vay rủi ro tăng lên nhanh chóng. Các khoản vay xấu nhất có nguồn gốc trong giai đoạn 2004-2007, những năm cạnh tranh khốc liệt nhất giữa securirizers và thị phần thấp nhất cho các GSEs. Cũng như các điều kiện tín dụng dễ dàng, các bằng chứng cho thấy sức ép cạnh tranh góp phần làm gia tăng số lượng cho vay dưới chuẩn ở những năm trước khủng hoảng. Ngân hàng đầu tư lớn của Mỹ và GSEs như Fannie Mae đã đóng một vai trò quan trọng trong việc mở rộng cho vay, với GSEs cũng phải giảm các tiêu chuẩn của họ để bắt kịp với các ngân hàng tư nhân.

Tùy thuộc vào cách "subprime" thế chấp được xác định, chúng vẫn dưới 10% của tất cả các tổ chức thế chấp cho đến năm 2004, khi nó tăng vọt lên 20% và duy trì ở đó suốt năm 2005-2006 thời đỉnh cao của bong bóng nhà đất Hoa Kỳ.

Các báo cáo của những nhà kinh tế Cục dự trữ Liên bang và một số học giả độc lập khác cho rằng chính sách giá cả nhà ở của chính phủ phải chăng không phải là nguyên nhân chính của cuộc khủng hoảng tài chính. Mặc dù họ thừa nhận rằng các chính sách của chính phủ đã có một số tác động trong việc gây ra cuộc khủng hoảng, họ cho rằng các khoản vay GSEs thực hiện tốt hơn so với các khoản vay chứng khoán hóa các ngân hàng đầu tư tư nhân, và thực hiện tốt hơn so với một số khoản vay có nguồn gốc bởi tổ chức cho vay trong danh mục đầu tư của mình. Ước tính trong năm 2008, Fannie và Freddie đã thực hiện 13 triệu khoản vay kém chất lượng và tổng cộng lên đến 2000 tỉ $.



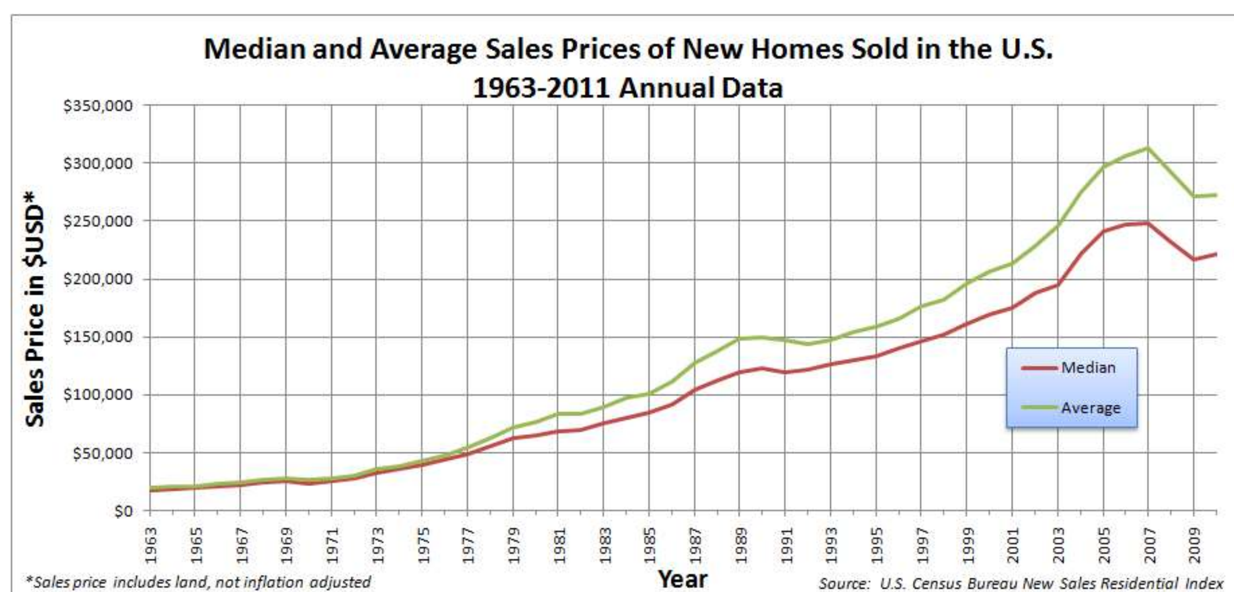
Hình 5.3: Các khoản vay dưới chuẩn của Mỹ mở rộng đáng kể trong giai đoạn đỉnh cao của bong bóng nhà đất.

Tăng trưởng của các bong bóng nhà đất:

Giữa năm 1998-2006 giá của ngôi nhà điển hình ở Mỹ tăng 124%. Trong suốt hai thập kỷ kết thúc vào năm 2001, giá nhà trung bình của Mỹ giao động 2,9-3,1 lần thu nhập trung bình hộ gia đình. Tỉ lệ này đã tăng lên 4,0 vào năm 2004 và 4,6 vào năm 2006. Bong bóng nhà đất dẫn đến nhiều chủ nhà tái tài trợ nhà với lãi suất thấp hơn, hoặc chi tiêu của người tiêu dùng tài chính bằng cách bỏ đi thế chấp thứ hai đảm bảo bằng sự đánh giá cao của giá cả.

Khoảng 2003 việc cung cấp các khoản thế chấp có nguồn gốc tại các tiêu chuẩn cho vay truyền thống đang cạn kiệt và nhu cầu tiếp tục tăng mạnh đã khiến cho các tiêu chuẩn cho vay giảm xuống.

Đến tháng 9 năm 2008 giá nhà trung bình ở Mỹ đã giảm hơn 20% so với đỉnh điểm giữa năm 2006. Khi giá giảm, người vay có thể chấp lãi suất điều chính không thể tái tài trợ để tránh các khoản thanh toán cao hơn kết hợp với việc tăng lãi suất. Trong năm 2007 những người cho vay bắt đầu làm thủ tục tịch biên vào gần 1,3 triệu tài sản, tăng 79% so với năm 2006 và sau này tăng lên 2,3 triệu trong năm 2008, tăng 81% so với năm 2007. Đến tháng 8/2008, 9,2% của tất cả các tài sản thế chấp hoặc phạm pháp ở Mỹ bị xiết nợ và đến năm 2009 tăng lên 14,4%.



Hình 5.4: Biểu đồ thể hiện trung bình giá bán nhà tại Mỹ (không được điều chỉnh theo lạm phát). Nguồn: wikipedia.

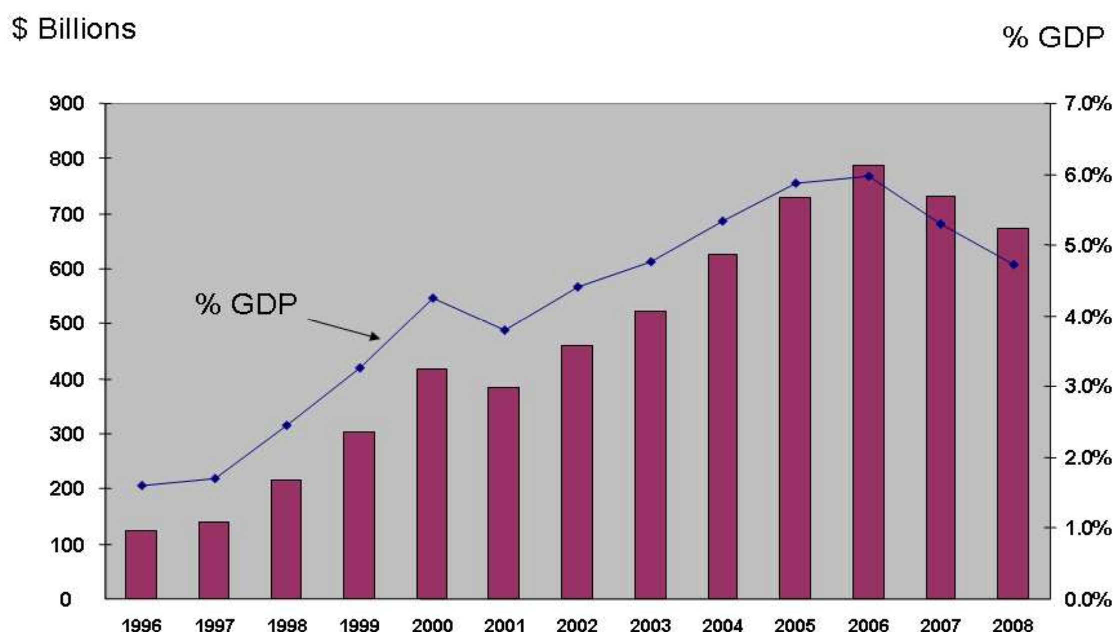
Điều kiện tín dụng dễ dàng:

Hạ lãi suất khuyến khích người dân vay tiền. Từ năm 2000-2003, Cục dự trữ Liên bang đã giảm lãi suất quỹ liên bang từ 6,5% xuống còn 1%. Điều này đã được thực hiện để xoa dịu những mất mát từ cuộc khủng hoảng Dotcom năm 2000 và cũng nới lỏng trong các khoản cho vay để vực dậy nền kinh tế, cũng như để chống lại rủi ro nhận thức giảm phát. Đầu năm 2002 rõ ràng là tín dụng đã thúc đẩy việc vay mua nhà thay vì đầu tư kinh doanh như một số nhà kinh tế đã dự đoán, và cũng là để biện hộ cho việc tạo bong bóng nhà đất để thay thế cho bong bóng Nasdaq. Áp lực giảm thêm lãi suất đã được tạo ra bởi các tài khoản vãng lai bị thâm hụt. Chủ tịch cục dự trữ liên bang Ben Bernanke đã giải thích rằng từ năm 1996 đến

2004 thâm hụt tài khoản vãng lai của Mỹ tăng 650 tỉ $ từ 1,5% lên 5,8% GDP. Và để bù lại các khoản thâm hụt thì cần phải có những khoản vay nước ngoài, phần lớn là từ các nước có thặng dư thương mại. Các chính phủ nước ngoài cung ứng vốn bằng cách mua trái phiếu kho bạc và do đó tránh được nhiều tác động trực tiếp của cuộc khủng hoảng. Hộ gia đình Mỹ sử dụng vốn vay từ nước ngoài để tài trợ cho tiêu dùng hoặc để đấu giá làm tăng giá nhà ở và các tài sản chính. Các tổ chức tài chính có vốn đầu tư nước ngoài trong các quỹ chứng khoán thế chấp.

FED sau đó nâng tỉ lệ ký quỹ đáng kể giữa tháng 7/2004 – 7/2006. Điều này góp phần làm tăng lãi suất thế chấp điều chỉnh (ARM), khiến cho việc trả lãi suất của người mua nhà tăng cao. Điều này cũng đã góp phần khiến cho việc bong bóng nhà đất đổ vỡ, khi giá tài sản thường sẽ ngược chiều với lãi suất và nó đã trở thành rủi ro đầu cơ nhà đất. Giá nhà ở và tài sản tài chính của Mỹ đã giảm đáng kể trong giá trị sau khi bong bóng nhà đất bùng nổ.

U.S. Current Account or Trade Deficit: Dollars and % GDP



Source Data: U.S. Bureau of Economic Analysis (BEA)

Hình 5.5: Thâm hụt tài khoản vãng lai của Mỹ.

Về nguyên nhân sâu xa và diễn biến cụ thể các bạn có thể tìm đọc ở rất nhiều nguồn trên internet, những vấn đề này đã được rất nhiều sách báo nhắc đến và cũng có khá nhiều tác giả viết sách về sự kiện cuộc khủng hoảng này.

Diễn biến chính cuộc khủng hoảng như sau:

Khủng hoảng tài chính bùng phát tại Mỹ và lan rộng toàn cầu, kéo theo sự sụp đổ đồng loạt của nhiều định chế tài chính khổng lồ, thị trường chứng khoán khuynh đảo. Năm 2008 cũng chứng kiến nỗ lực chưa từng có của các nền kinh tế để chống chọi với "bão".

Cuộc khủng hoảng tài chính tồi tệ "hàng trăm năm mới có một lần", theo lời ông Alan Greenspan, cựu Chủ tịch Cục Dự trữ Liên bang (FED), đã được dự báo từ năm 2006. Tuy nhiên, dự đoán cũng như phân tích của nhiều nhà kinh tế đã không đủ sức thuyết phục để các cơ quan tài chính quyền lực nhất tại Mỹ và châu Âu có biện pháp đề phòng.

Nguyên nhân sâu xa của cơn địa chấn tài chính bắt nguồn từ khủng hoảng tín dụng và nhà đất tại Mỹ. Bong bóng bất động sản càng lúc càng phình to đã đặt thị trường nhà đất và tiếp đó là tín dụng tại Mỹ cũng như nhiều quốc gia châu Âu vào thế nguy hiểm.

Cho vay dưới chuẩn tăng mạnh là khởi điểm cho quả bong bóng tại thị trường nhà đất. Các ngân hàng cho vay cầm cố bất động sản mà không quan tâm tới khả năng chi trả của khách. Dư nợ trong mảng này nhảy từ 160 tỷ USD của năm 2001 lên 540 tỷ vào năm 2004 và bùng nổ thành 1.300 tỷ vào năm 2007. Theo ước tính vào cuối quý III năm 2008, hơn một nửa giá trị thị trường nhà đất Mỹ là tiền đi vay với một phần ba các khoản này là nợ khó đòi. Trước đó, để đối phó với lạm phát, FED đã liên tiếp tăng lãi suất từ 1% vào giữa năm 2004 lên 5,25% vào giữa năm 2006 khiến lãi vay phải trả trở thành áp lực quá lớn với người mua nhà. Thị trường bất động sản thời điểm này bắt đầu có dấu hiệu đóng băng và sụt giảm.

Trước tình hình trên, các ngân hàng, công ty bảo hiểm, tổ chức tài chính... đã mua lại các hợp đồng thế chấp và biến chúng thành tài sản đảm bảo để phát hành trái phiếu ra thị trường. Loại sản phẩm phái sinh này được đánh giá cao bởi các tổ chức định giá tín dụng, nên thanh khoản tốt. Không chỉ dừng lại ở đó, nhiều công ty bảo hiểm, trong đó có AIG, còn sẵn sàng bảo lãnh cho những hợp đồng hoán đổi này.

Chiến lược trên được đưa ra với mục đích giảm rủi ro cho những khoản vay bất động sản. Tuy nhiên, trái lại nó tạo ra hiệu ứng sụp đổ dây chuyền và khiến rủi ro bị đẩy lên cao hơn. Những bất ổn từ hoạt động cho vay dưới chuẩn khiến giá nhà sụt giảm mạnh, thị trường nhà đất đóng băng. Cuộc khủng hoảng từ đó lan từ thị trường bất động sản sang thị trường tín dụng và cuối cùng dẫn đến khủng hoảng tài chính tại Mỹ và tràn sang nhiều nước châu Âu, khiến nhiều công ty lớn phá sản.

Những nạn nhân đáng kể đầu tiên "dính trấu" đều liên quan trực tiếp tới hoạt động cho vay dưới chuẩn như Northern Rock và Countrywide Financial vào hai tháng 8 và 9/2007. Northern Rock, ngân hàng lớn thứ năm tại Anh, vào tháng 9/2007, sau khi mất thanh khoản nghiêm trọng do thua lỗ từ cho vay thế chấp bất động sản, đã phải cầu cứu Ngân hàng Trung ương Anh. Nhà đầu tư ùn ùn kéo đến rút tiền khiến Chính phủ buộc phải tiếp quản tập đoàn ngân hàng này.

Trước đó, Country Financial, tập đoàn tài chính chuyên cho vay thế chấp địa ốc của Mỹ cũng bị phá sản do nợ khó đòi vào tháng 8/2007. Đến tháng 1/2008, ngân hàng lớn nhất nước Mỹ về giá trị vốn hóa và tiền gửi, Bank of America, đã mua lại Country Financial với giá 4 tỷ đôla.

Tiếp đến, vào ngày 17/2, Nothern Rock chính thức bị quốc hữu hóa. Sự kiện Nothern Rock và Country Financial là dấu hiệu báo trước cơn bão sắp đổ xuống thị trường tài chính toàn cầu cũng như làn sóng sáp nhập, phá sản, và bị Chính phủ tiếp quản của các định chế tài chính.

Cơn địa chấn tài chính thực sự nổ ra vào ngày 7/9 khi hai nhà cho vay cầm cố khổng lồ của Mỹ là Freddie Mac và Fannie Mae buộc phải được Chính phủ tiếp quản để tránh khỏi nguy cơ phá sản. Sự kiện này tiếp tục châm ngòi cho vụ đổ vỡ với những tên tuổi lớn khác. Vào ngày 15/9, Ngân hàng Đầu tư lớn thứ 4 nước Mỹ Lehman Brothers sau 158 năm tồn tại đã tuyên bố phá sản. Đúng 10 ngày sau, Washington Mutual tạo nên vụ phá sản ngân hàng lớn nhất trong lịch sử với tổng tài sản thiệt hại lên tới 307 tỷ đôla. Ngoài ra, do khủng hoảng tài chính, ngân hàng đầu tư số một nước Mỹ, Merill Lynch cũng bị thâu tóm bởi Bank of

America. Chính phủ đã buộc phải bơm 85 tỷ đôla vào AIG, tập đoàn bảo hiểm lớn nhất thế giới, để tránh cho thị trường tài chính nước này một kết cục tồi tệ hơn.

Tháng 9 và 10 cũng trở thành giai đoạn đen tối với phố Wall khi chỉ số Dow Jones sụt tới 25% giá trị chỉ sau một tháng kể từ ngày 15/9. Kể từ sau giai đoạn này, biến động tại phố Wall trở nên khó lường hơn với nhiều kỷ lục cả tăng và giảm tồn tại trong hàng chục năm đã bị phá.

Xen giữa những sự kiện trên, 9 tháng đầu năm cũng chứng kiến các cơn sốt dầu, lương thực, và lạm phát làm khuynh đảo nền kinh tế toàn cầu. Đặc biệt là giá dầu, từ mức 90 đôla một thùng vào đầu năm đã leo lên trên 100 đôla vào 20/2 và lập kỷ lục trên 147 đôla một thùng vào 11/7.

Dầu leo thang kéo giá hàng hóa cơ bản và lương thực lên theo. Trong đó, vàng lập kỷ lục trên 1.000 đôla một ounce vào 17/3. Còn giá lương thực đắt đỏ lại tạo ra căng thẳng thực sự tại nhiều nơi, thậm chí cả các quốc gia xuất khẩu lương thực. Nạn lạm phát từ đó cũng xảy ra tràn lan tại nhiều quốc gia.

Tuy nhiên, sau khi đạt đỉnh vào tháng 7, giá dầu bất ngờ lao dốc không phanh. Nguyên nhân cho hiện tượng trên là nhu cầu sử dụng dầu tại nhiều quốc gia, đặc biệt Trung Quốc và Ấn Độ, sụt giảm mạnh do khó khăn kinh tế. Hiện giá loại nhiên liệu này chỉ còn khoảng 40 đôla một thùng, mất hơn 100 đôla, tương ứng gần 70%, so với giá trị ban đầu, bất chấp những nỗ lực cắt giảm sản lượng của OPEC.

Quay trở lại với diễn biến của khủng hoảng tài chính, tình trạng thị trường tài chính đóng băng ngày càng tồi tệ đã khiến Ngân hàng Trung ương Mỹ, Anh, Nhật, EU và nhiều quốc gia khác phải cắt giảm lãi suất hàng loạt để khơi thông dòng vốn. Mỹ kể từ đầu năm đến nay đã 8 lần cắt giảm lãi suất, từ đó lãi suất cơ bản từ 5% đã xuống chỉ còn 0,25%.

Không dừng lại ở các điều chỉnh tài khóa, các quốc gia trên cũng tích cực bơm tiền nhằm hỗ trợ thanh khoản cho các tập đoàn tài chính, cũng như kích thích hoạt động tiêu dùng và cho vay. Trong đó, FED quyết định dùng 700 tỷ đôla để mua lại nợ xấu của các Ngân hàng. Trước khi được thông qua vào ngày 1/10, kế hoạch hỗ trợ lớn chưa từng có trong lịch sử đã

vấp phải không ít phản đối tại Quốc hội Mỹ. Đặc biệt tại vòng bỏ phiếu vào ngày 29/9, Hạ viện bất ngờ không thông qua kế hoạch trên tạo ra một cú sốc thực sự với phố Wall, khiến chỉ số Dow Jones trải qua ngày giảm điểm tồi tệ nhất trong lịch sử.

Không lâu sau khi kế hoạch trên được thông qua, vào ngày 13-14/10, các quốc gia châu Âu đã công bố gói giải pháp hỗ trợ kinh tế khổng lồ có trị giá lên tới 2.300 tỷ đôla.

Bước vào quý IV, cuộc khủng hoảng kinh tế được đẩy lên một nấc thang mới khi nền tài chính và kinh tế của nhiều quốc gia bị đe dọa nghiêm trọng.

Iceland là nước đầu tiên có nguy cơ phá sản trên quy mô quốc gia. Cơn bão khủng hoảng tài chính do cho vay bất động sản dưới chuẩn tràn lan đã nhấn chìm hệ thống ngân hàng của quốc gia từng có thu nhập đầu người cao nhất thế giới. Chính phủ Iceland đã phải đóng cửa thị trường chứng khoán, và quốc hữu hóa những ngân hàng hàng đầu. Từ đó, đồng nội tệ krona của nước này mất giá trầm trọng và gần như bị xóa sổ.

Tại châu Á, kinh tế Hàn Quốc cũng báo động đỏ khi đồng won mất giá hơn 40% kể từ đầu năm và hiện ở mức thấp nhất kể từ cuộc khủng hoảng tài chính năm 1997. Chính phủ Hàn Quốc đã phải thực hiện một số biện pháp khẩn cấp như cắt giảm lãi suất và bơm tiền vào hệ thống tài chính.

Trước tình hình trên, Quỹ Tiền tệ Quốc tế (IMF) đã phải can thiệp bằng cách bơm tiền vào Iceland, Hungary, và Ukraine để ngăn chặn những kết cục tồi tệ hơn có thể xảy ra.

Nhiều nền kinh tế lớn, bắt đầu từ Nhật, và EU tuyên bố rơi vào suy thoái. Mỹ, lần đầu tiên sau 8 năm, chính thức thừa nhận đã lâm vào tình trạng trên từ tháng 12/2007. Điều tương tự cũng xảy ra với Nga, cường quốc kinh tế lớn thứ 4 thế giới. Giá dầu sụt giảm mạnh cùng với đó là nhu cầu xây dựng đi xuống ảnh hưởng nghiêm trọng tới hai mặt hàng xuất khẩu chiến lược của Nga là dầu mỏ và kim loại, góp phần khiến quốc gia này rơi vào suy thoái.

Tình trạng đóng băng của hệ thống tài chính tiếp tục dẫn đến sự giảm sút trong các hoạt động sản xuất của doanh nghiệp cũng như chi tiêu của người dân. Hệ quả của tình trạng trên là nhiều doanh nghiệp phá sản và đẩy tỷ lệ thất nghiệp tại nhiều quốc gia tăng cao, chi tiêu và chỉ số lòng tin của người tiêu dùng rơi xuống mức thấp nhất trong nhiều năm.

Trong ba tháng, tính tới cuối tháng 9, đã có hơn 30.000 doanh nghiệp Mỹ phá sản. Theo đó, tỷ lệ thất nghiệp tại quốc gia này tính tới 6/12 đã lên tới 6,7%, mức cao nhất trong vòng 15 năm qua. Ngoài ra, một số kỷ lục buồn tồn tại hàng chục năm về số người mới thất nghiệp theo tuần và tháng cũng đã bị phá trong quý IV.

Chưa dừng lại ở đó, mọi chuyện còn có thể tồi tệ hơn nữa nếu ba nhà sản xuất xe hơi hàng đầu là Ford, General Motors (GM), và Chrysler phá sản. Kể từ đầu năm đến nay, ngành công nghiệp xe hơi của Mỹ đã bị khủng hoảng tài chính "quật" cho tơi tả. Với việc doanh số bán xe trong tháng 10 của Mỹ tụt xuống mức thấp nhất trong vòng 25 năm qua, và dự đoán sẽ tồi hơn do khủng hoảng tài chính, ba đại gia trên đang phải đối mặt với muôn vàn khó khăn, mà trước mắt là cạn kiệt tiền mặt.

Chrysler từ ngày 18/12 đã ngừng hoàn toàn hoạt động sản xuất tại khu vực Bắc Mỹ. Chính phủ Mỹ đang cân nhắc kế hoạch cho GM và Chrysler, hai tập đoàn nguy ngập nhất, "vay nóng" 14 tỷ đôla, được trích từ nguồn hỗ trợ 700 tỷ đôla dành cho việc mua nợ xấu nhà băng.

Tuy nhiên, khoản tiền trên có lẽ chỉ như một liều thuốc tạm thời, đủ để hai hãng "sống sót" đến hết quý I/2009. Các kế hoạch dài hơi hơn nhằm giải quyết khó khăn của ngành công nghiệp xe hơi khi đó sẽ được chuyển giao cho Chính phủ mới của Tổng thống Barack Obama.

Theo ước tính của các nhà kinh tế, nếu các công ty được coi là biểu tưởng của nền công nghiệp xe hơi Mỹ phá sản, sẽ có thêm khoảng 2,5 triệu lao động mất việc làm. Tỷ lệ thất nghiệp tại Mỹ từ đó cũng sẽ leo thang với tốc độ chóng mặt.

Lãnh đạo kinh tế Mỹ và châu Âu chưa hết khốn đốn vì khủng hoảng tài chính và suy thoái kinh tế, Mỹ và EU lại một lần nữa rung chuyển khi vào giữa tháng 12 vụ lừa đảo lớn chưa từng có do Benard Madoff thực hiện bị phanh phui.

Lợi dụng ảnh hưởng và uy tín của Madoff tại phố Wall, quỹ đầu tư của Madoff, hoạt động theo mô hình Ponzi, đã thu hút được hơn 50 tỷ đôla từ các nhà đầu tư, trong đó có nhiều ngân hàng lớn tại châu Âu. Nhiều khách hàng của Madoff đang đối mặt với nguy cơ mất trắng tiền đầu tư. Vụ scandal trên hiện vẫn chưa có hồi kết với những câu hỏi lớn xoay quanh

vai trò của hệ thống giám sát tài chính Mỹ cũng như sự dính líu của quan chức tại Washington tới Madoff.

TÁC ĐỘNG CỦA CUỘC KHỦNG HOẢNG TRÊN THỊ TRƯỜNG TÀI CHÍNH

Đối với Hoa Kỳ:

Cuộc khủng hoảng này là nguyên nhân chính làm cho kinh tế Hoa Kỳ rơi vào suy thoái từ tháng 12 năm 2007. NBER dự đoán đây sẽ là đợt suy thoái nghiêm trọng nhất ở Hoa Kỳ kể từ sau Chiến tranh thế giới thứ hai. Bình quân mỗi tháng từ tháng 1 tới tháng 9 năm 2008, có 84 nghìn lượt người lao động Hoa Kỳ bị mất việc làm.

Hàng loạt tổ chức tài chính trong đó có những tổ chức tài chính khổng lồ và lâu đời bị phá sản đã đẩy kinh tế Hoa Kỳ vào tình trạng đói tín dụng. Đến lượt nó, tình trạng đói tín dụng lại ảnh hưởng đến khu vực sản xuất khiến doanh nghiệp phải thu hẹp sản xuất, sa thải lao động, cắt giảm các hợp đồng nhập đầu vào. Thất nghiệp gia tăng ảnh hưởng tiêu cực đến thu nhập và qua đó tới tiêu dùng của các hộ gia đình lại làm cho các doanh nghiệp khó bán được hàng hóa. Nhiều doanh nghiệp bị phá sản hoặc có nguy cơ bị phá sản, trong đó có cả 3 nhà sản xuất ô tô hàng đầu của Hoa Kỳ là General Motors, Ford Motor và Chrysler LLC. Các nhà lãnh đạo 3 hãng ô tô này đã nỗ lực vận động Quốc hội Hoa Kỳ cứu trợ, nhưng không thành công. Hôm 12 tháng 12 năm 2008, GM đã phải tuyên bố tạm thời đóng cửa 20 nhà máy của hãng ở khu vực Bắc Mỹ. Tiêu dùng giảm, hàng hóa ế thừa đã dẫn tới mức giá chung của nền kinh tế giảm liên tục, đẩy kinh tế Hoa Kỳ tới nguy cơ có thể bị giảm phát.

Cuộc khủng hoảng còn làm cho dollar Mỹ lên giá. Do dollar Mỹ là phương tiện thanh toán phổ biến nhất thế giới hiện nay, nên các nhà đầu tư toàn cầu đã mua dollar để nâng cao khả năng thanh khoản của mình, đẩy dollar Mỹ lên giá. Điều này làm cho xuất khẩu của Hoa Kỳ bị thiệt hại.

Đối với thế giới:

Hoa Kỳ là thị trường nhập khẩu quan trọng của nhiều nước, do đó khi kinh tế suy thoái, xuất khẩu của nhiều nước bị thiệt hại, nhất là những nước theo hướng xuất khẩu ở Đông Á. Một số nền kinh tế ở đây như Nhật Bản, Đài Loan, Singapore và Hong Kong rơi vào suy thoái. Các nền kinh tế khác đều tăng trưởng chậm lại.

Châu Âu vốn có quan hệ kinh tế mật thiết với Hoa Kỳ chịu tác động nghiêm trọng cả về tài chính lẫn kinh tế. Nhiều tổ chức tài chính ở đây bị phá sản đến mức trở thành khủng hoảng tài chính ở một số nước như Iceland, Nga. Các nền kinh tế lớn nhất khu vực là Đức và Ý rơi vào suy thoái, và Anh, Pháp, Tây Ban Nha cùng đều giảm tăng trưởng. Khu vực đồng Euro chính thức rơi vào cuộc suy thoái kinh tế đầu tiên kể từ ngày thành lập.

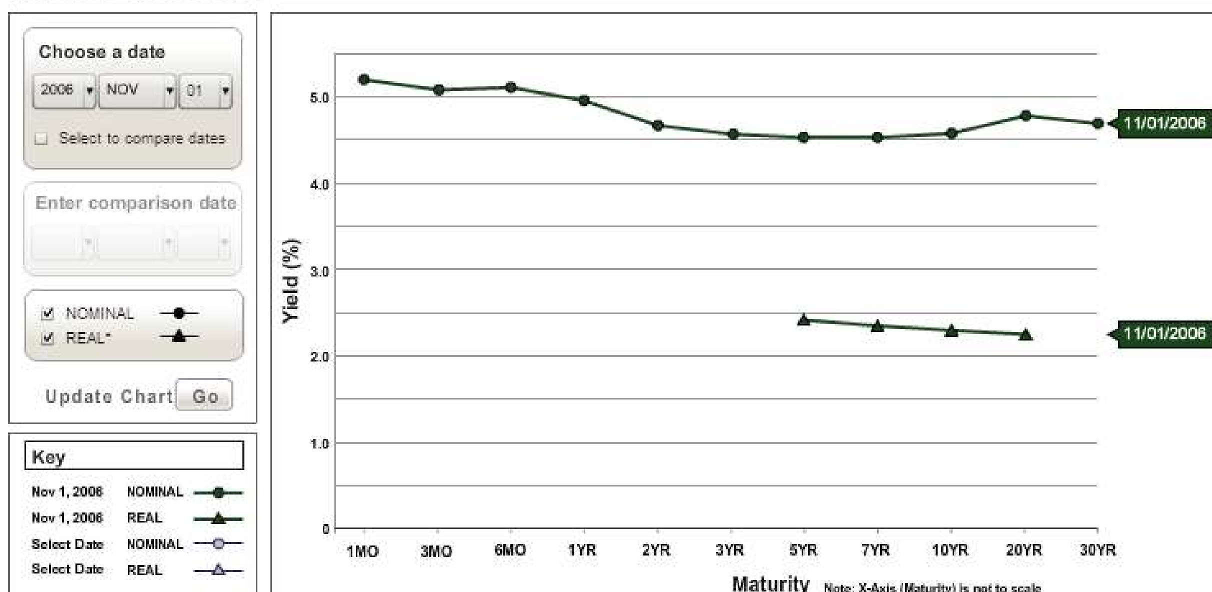
Các nền kinh tế Mỹ Latinh cũng có quan hệ mật thiết với kinh tế Hoa Kỳ, nên cũng bị ảnh hưởng tiêu cực khi các dòng vốn ngắn hạn rút khỏi khu vực và khi giá dầu giảm mạnh. Ecuador tiến đến bờ vực của một cuộc khủng hoảng nợ.

Kinh tế các khu vực trên thế giới tăng chậm lại khiến lượng cầu về dầu mỏ cho sản xuất và tiêu dùng giảm cũng như giá dầu mỏ giảm. Điều này lại làm cho các nước xuất khẩu dầu mỏ bị thiệt hại. Đồng thời, do lo ngại về bất ổn định xảy ra đã làm cho nạn đầu cơ lương thực nổ ra, góp phần dẫn tới giá lương thực tăng cao trong thời gian cuối năm 2007 đầu năm 2008, tạo thành một cuộc khủng hoảng giá lương thực toàn cầu. Nhiều thị trường chứng khoán trên thế giới gặp phải đợt sụp đổ nghiêm trọng. Các nhà đầu tư chuyển danh mục đầu tư của mình sang các đơn vị tiền tệ mạnh như dollar Mỹ, yên Nhật, franc Thụy Sĩ đã khiến cho các đồng tiền này lên giá so với nhiều đơn vị tiền tệ khác, gây khó khăn cho xuất khẩu của Mỹ, Nhật Bản, Thụy Sĩ và gây rối loạn tiền tệ ở một số nước buộc họ phải xin trợ giúp của Quỹ Tiền tệ Quốc tế. Hàn Quốc rơi vào khủng hoảng tiền tệ khi won liên tục mất giá từ đầu năm 2008.

KHỦNG HOẢNG TÀI CHÍNH TOÀN CẦU NĂM 2008 DƯỚI GÓC NHÌN PHÂN TÍCH LIÊN THỊ TRƯỜNG

Trong suốt quá trình diễn ra cuộc khủng hoảng kéo dài trong suốt năm 2008 mà trước đó thì đã có những dấu hiệu báo trước rồi, tuy nhiên là nếu như lịch sử lặp lại một cuộc khủng hoảng như thế thì chúng ta có thể nhận biết sớm để mà thực hiện những giao dịch của mình hay không thì đó lại là một câu chuyện hoàn toàn khác. Không hẳn ai cũng có khả năng nhận biết và tự tin để vào lệnh được, có nhiều lúc chúng ta biết được sự kiện đó và tiên đoán được nhưng vẫn không giám đặt tiền vào market. Điều này hoàn toàn dễ hiểu bởi vì trong bất kỳ Trader hay Investor nào cũng đều có nỗi sợ và lòng tham cả.

Sự kiện cuộc khủng hoảng đã được nhen nhóm từ trước đó và dấu hiệu cảnh báo sớm nhất chính là những thay đổi trong lợi tức trái phiếu của Mỹ. Vào thời điểm năm 2006 đến khoảng tháng 5/2007 thị trường trái phiếu Mỹ đã chứng kiến sự đảo ngược của đường cong lợi tức khi mà trái phiếu kỳ hạn càng thấp thì lợi tức lại càng cao. Khi đường cong lợi tức đảo ngược thì có nghĩa là tâm lý lo sợ đã hiện hữu và dòng tiền chạy về với trái phiếu kỳ hạn trên 7 năm tăng vọt.



Hình 5.6: Đường cong lợi tức trái phiếu Mỹ đảo chiều trong khoảng thời gian tương đối dài từ đầu 2006 đến 5/2007 báo hiệu trước cuộc khủng hoảng 2008.

Sau khi giảm lãi suất xuống mức thấp kỷ lục để vực dậy thị trường hậu khủng hoảng Dotcom mà FED đã sai lầm khi không lường trước được rằng dòng tiền sẽ đổ sang thị trường nhà đất. Khi lường trước được những hệ lụy từ việc giảm lãi suất và lạm phát gia tăng thì FED lại tiếp tục sai lầm khi nâng lãi suất liên tục trong suốt quãng thời gian từ giữa năm 2004 đến cuối năm 2007. Thị trường bất động sản chịu một cú sốc rất lớn khi trước đó người ta đầu tư vào nhà đất với khoản vay lãi suất thấp, còn hiện tại họ phải trả khoản phí nhiều hơn cho nên phần lớn đã vay tiền mua nhà sẽ không thể trả được các khoản vay đó, điều tất yếu là phải gán nợ và bị tịch thu nhà thôi. Tuy nhiên sự việc không chỉ đơn giản như thế, thời điểm giá nhà đất lên cao là người ta đã đầu tư vào đó với khoản vay rất lớn, thế nhưng thời điểm bị tịch thu nhà thì giá trị đâu còn cao như vậy nữa. Một tâm lý hoảng loạn bắt đầu diễn ra khi nhà xây lên không bán được, có bán thì cũng lỗ rất nhiều khiến cho sự lo sợ càng thêm nặng hơn. Người ta biết rằng nhà đất tăng trong khoảng thời gian trước năm 2006 đó là do đầu cơ gây nên, khi các khoản cho vay vào nhà đất không thể hoàn trả, và cũng không thể nào lấy lại được nguyên vẹn như trước cho nên việc sụp đổ của các tổ chức cho vay tín dụng là cái kết chắc chắn xảy ra.

Vào giai đoạn năm 2002 khi đồng USD giảm mạnh và kéo dài cho đến đầu 2008, thời điểm này thị trường hàng hóa cũng tăng lên rất cao. Thời điểm lãi suất của FED ở mức rất thấp, và nó đã châm ngòi cho việc lạm phát hàng hóa lên cao, khi mà giá cả các mặt hàng đồng loạt tăng mạnh cùng với đó là sự thổi bùng trong giá trị nhà đất. FED phải thực hiện nới lỏng để phục hồi nền kinh tế và đặc biệt là thị trường chứng khoán sau cú sụp đổ bong bóng Dotcom, trong giai đoạn thực hiện các biện pháp nới lỏng này thì đồng USD đã mất đi vị thế của nó cùng với đó là sự suy thoái diễn ra trong nền kinh tế. Trước đó thị trường chứng khoán sụp đổ và trong bối cảnh cuộc khủng hoảng này là FED liên tục nâng lãi suất vào giữa 1999 góp phần tạo nên sự tăng trưởng nóng của thị trường chứng khoán vào thời điểm đó. Tuy nhiên chính việc nâng lãi suất đó đã dẫn đến hậu quả là làm cho lợi tức trái phiếu ngắn hạn tăng cao, điều này khiến cho dòng tiền tìm về với trái phiếu dài hạn tăng lên, dòng tiền thoát khỏi thị trường chứng khoán tăng mạnh đã khiến cho thị trường chứng khoán sụp đổ nhanh chóng sau đó, kéo theo đó là sự suy thoái của đồng USD suốt cả khoảng thời gian dài sau đó.



Hình 5.7: Bong bóng Dotcom khiến cho đồng USD suy yếu trong một khoảng thời gian rất dài, thời điểm mà FED thực hiện các biện pháp nới lỏng quá mức đã tạo nên hậu quả vô cùng lớn trong cuộc khủng hoảng năm 2008 sau đó.

Trong giai đoạn cuộc khủng hoảng này bắt nguồn từ thị trường chứng khoán Hoa Kỳ sụp đổ và hệ lụy của nó thì vô cùng lớn khi nguyên nhân chính dẫn đến cuộc khủng hoảng năm 2008 lại bặt nguồn từ chính những sai lầm trong điều hành chính sách của FED mà nguyên nhân sâu xa lại chính từ sự sụp đổ thị trường chứng khoán năm 2000 này. Sự suy thoái của đồng USD đã kéo theo đó là giá hàng hóa leo thang, đặc biệt là dầu mỏ đã tăng lên mức kỷ lục vào giữa năm 2008. Vàng là thứ tài sản trú ẩn và cũng là món hàng chống lại lạm phát sau mỗi cuộc suy thoái. Giai đoạn thị trường chứng khoán sụp đổ hậu khủng hoảng Dotcom vàng luôn là lựa chọn an toàn của đại bộ phận nhà đầu tư. Trong khoảng thời gian suy yếu của đồng USD thì vàng luôn là lựa chọn. Quy luật nghịch đảo giữa vàng và USD hầu hết các bạn cũng đã biết, thế nhưng trong một đợt suy thoái thì việc các bạn quan sát thấy những dấu hiệu bất thường từ các thị trường khác trong đó thị trường chứng khoán và đồng USD suy yếu thì hãy nghĩ đến việc mua vàng.

Tuy nhiên việc hàng hóa tăng cao quá sẽ gây ra lạm phát và điều này đã xảy ra khi cũng giai đoạn mà FED thực hiện chính sách lãi suất thấp kỷ lục 1% đã khiến cho lạm phát tăng cao bất thường. Lạm phát tăng cao quá thì buộc FED phải thực hiện các biện pháp thắt chặt tiền tệ. Đó cũng là một phần nguyên nhân khiến cho FED liên tục nâng lãi suất trong khoảng thời gian từ 2004 đến cuối năm 2007. Tất cả những nguyên nhân trên đều có căn cứ và việc FED thực hiện chính sách như vậy là không quá khó để nhận ra. Nếu như cứ duy trì chính sách lãi suất thấp như thế lâu hơn thì có lẽ hậu quả sẽ còn khó lường hơn.

Vậy bài học rút ra ở đây là gì, trong mỗi một cuộc khủng hoảng hay một sự kiện nào đó quan trọng thì đều có nguyên nhân xuất phát từ những hệ quả trước đó, và mỗi một thời điểm như thế thì sẽ có một thị trường đóng vai trò dẫn dắt. Ở bối cảnh cuộc khủng hoảng năm 2008 lần này thì thị trường trái phiếu chính là kim chỉ nam để chúng ta tiên đoán rằng sự sụp đổ của thị trường đang sắp diễn ra. Ở phần thị trường Trái phiếu Tôi đã nhắc không ít lần rằng những nhà đầu tư ở thị trường trái phiếu là những người thông minh nhất, họ tiên đoán được xu hướng của thị trường từ rất sớm. Và hành động của họ thể hiện lên những biến động trên thị trường trái phiếu và đường cong lợi tức, mà qua đó FED dự đoán được lãi suất trong dài hạn và sau đó mới dựa vào đó để quyết định được lãi suất ngắn hạn mà chúng ta vẫn thường quan tâm.



Hình 5.8: Đồng USD suy yếu khiến cho giá cả hàng hóa tăng cao, làm dấy lên mối lo lạm phát gia tăng khiến FED phải tăng lãi suất, mà sự kiện FED tăng lãi suất suốt một thời gian dài chính là giọt nước tràn ly khiến cho thị trường nhà đất sụp đổ, kéo theo hàng loạt ngân hàng và tổ chức tín dụng phá sản.

Trong cuốn sách Phân tích liên thị trường của tác giả John Murphy đã có phân tích rất kỹ cuộc khủng hoảng năm 2008 và những mối tương quan trong giai đoạn đó, thế nhưng chúng ta lại đa phần là những currency trader cho nên cái mà chúng ta quan tâm là những sự kiện trên tác động tới những biến động trên các cặp tiền tệ thế nào, và làm thế nào để chúng ta tiên đoán được mà vào lệnh. Vì đa phần các bạn dọc sách này là những Speculator và giao dịch phần lớn là trên khung thời gian nhỏ và thời gian giữ lệnh thường không quá lâu cho nên trong phần này tôi không đi sâu quá vào diễn biến cuộc khủng hoảng, bạn nào quan tâm thì đọc lại cuốn Phân tích liên thị trường của tác giả John Murphy 2013 mà Tôi có giới thiệu trong link order cuốn sách này.

Khi bong bóng nhà đất sụp đổ và thời điểm đó vị thế của đồng USD cũng đã sụp giảm rất nhiều, đồng USD trải qua giai đoạn suy yếu thực sự sau khủng hoảng 2000. Đồng USD suy yếu và thời điểm đó thị trường trái phiếu Mỹ tăng do lo ngại từ việc lãi suất quá cao khiến cho thị trường nhà đất sụp đổ và kéo theo đó là thanh khoản kém đồng nghĩa với các quỹ tín dụng và ngân hàng sẽ không thể giải ngân được nguồn vốn cho vay vào bất động sản. Sự việc này trở nên trầm trọng hơn khi niềm tin của nhà đầu tư mất đi, dòng tiền đổ vào trái phiếu như là một kênh trú ẩn vì dù sao đi nữa thị trường trái phiếu Mỹ vẫn là an toàn nhất, dòng tiền chạy quá nhiều sang trái phiếu khiến cho lợi tức giảm mạnh, và lợi tức trái phiếu ngắn hạn tăng cao khiến cho đường cong lợi tức trở thành dạng phẳng như đã nói ở trên. Sau khi lợi tức trái phiếu kỳ hạn 10 năm của Mỹ đạt đỉnh thì ngay sau đó thị trường chứng khoán cũng bước vào chu kỳ suy thoái. Trong cuộc khủng hoảng lần này thì thị trường trái phiếu đóng vai trò dẫn dắt thị trường chứng khoán chứ không phải như cuộc khủng hoảng Dotcom khi thị trường chứng khoán đóng vai trò dẫn dắt.

Tuy nhiên việc hiểu rõ cuộc khủng hoảng này là để chúng ta nhìn nhận được những vận động tương quan giữa các thị trường với nhau, và dù chúng ta giao dịch ngắn hạn hay dài hạn thì việc nắm vững các mối tương quan đó sẽ giúp chúng ta tiên đoán được hướng đi của món hàng chúng ta đang quan tâm. Ở bức hình này khi các bạn quan sát được đồng USD suy yếu thì cái trade của bạn là gì nếu như bạn là một currency trader?



Hình 5.9: Đồng USD suy yếu mặc dù FED vẫn đang duy trì chính sách lãi suất cao giai đoạn 2006-2007, sau khi đồng USD suy yếu thì dòng tiền chạy về với trái phiếu Mỹ như một nơi trú ẩn an toàn đầy lợi tức trái phiếu kỳ hạn 10 năm giảm xuống. Lợi tức giảm là dấu hiệu sớm dự báo sự sụp đổ của thị trường chứng khoán.

Xét về biến động của các cặp tiền giai đoạn này không thể không nói đến đồng CHF, JPY được. Riêng về đồng CHF thì bản chất cũng là tài sản trú ẩn trong những thời điểm biến động của thị trường, trong khi đồng USD giảm mạnh và thị trường chứng khoán toàn cầu cũng sụp đổ theo thì đồng CHF lại là lựa chọn. Cuộc khủng hoảng lan rộng sang châu Âu và Nhật Bản khi cuối năm 2007 thì Châu Âu tuyên bố rơi vào suy thoái và việc IMF phải thực hiện các gói cứu trợ tránh khỏi sự sụp đổ của hệ thống tài chính. Giá cả hàng hóa tăng cao, mối lo lạm phát gia tăng và những việc thắt chặt trong chính sách tiền tệ càng khiến cho tình hình trở nên khó kiểm soát hơn. Trong biểu đồ mối tương quan giữa đồng CHF và chỉ số hàng hóa CRB Index các bạn có thể nhận thấy được cặp tiền USDCHF sẽ đóng vai trò dẫn dắt khi mà người ta biết rằng nguy cơ khủng hoảng đang hiện hữu trước mắt thì việc tìm tới một thứ tài sản an toàn hơn là điều dễ hiểu. Cũng trong giai đoạn này ở Châu Âu cuộc khủng hoảng nợ tín dụng đã bắt đầu lan rộng. Giai đoạn đồng USD suy yếu cũng là thời điểm mà đồng EUR tăng cao, việc đồng EUR thời điểm này tăng cao cũng khiến cho dòng tiền đổ về thị trường khu vực EU tăng cao nhưng hạn chế lớn trong xuất khẩu đã khiến tăng trưởng của khối EU chững lại. Có nhiều nguyên nhân khiến cho giá cả hàng hóa tăng cao và sau đó bước vào thời kỳ sụp đổ mạnh chưa từng có, chỉ số CRB Index sụp đổ vào thời điểm giữa năm 2007 đã báo hiệu rằng dòng tiền đã tháo chạy khỏi các thị trường hàng hóa và chạy sang các tài sản an toàn hơn, trong đó đồng CHF được giới đầu tư tìm đến vì dù sao thì khi có biến động khủng hoảng kinh tế người ta sẽ cảm thấy bất an và gửi tiền ở Thụy Sĩ.

Sẽ tương đối khó hình dung với các bạn đúng không, vì ai mà biết được là trong tương lai chúng ta sẽ gặp lại các cuộc khủng hoảng tương tự hay không và làm sao nhận biết được một cách chủ động và đủ niềm tin để giữ được lệnh trong suốt quãng thời gian đó. Vấn đề của chúng ra là quan sát sự thay đổi trên một vài bộ phận chính và xem xét khả năng có điều gì đó bất thường hay không. Trong cuộc khủng hoảng lần này việc FED nâng lãi suất từ năm 2004-2007 đó chính là tín hiệu rất tốt để chúng ta nhìn nhận ra rằng thị trường đang thực sự có vấn đề, bở vì trong giai đoạn này giá cả hàng hóa tăng cao khiến cho mối lo lạm phát gia tăng cho nên FED buộc phải nâng lãi suất ngắn hạn. Để áp dụng vào thực tế hiện nay các bạn hình dung nhé hiện tại lạm phát của Mỹ và hầu khắp trên thế giới đang gần như không có, vậy nếu thắt chặt tiền tệ thì có hợp lý hay không?



Hình 5.10: Cặp tiền USDCHF đạt đỉnh trùng với giai đoạn cặp tiền EURUSD đạt đáy, giai đoạn mà đồng USD suy yếu và đạt đỉnh. Cũng trong giai đoạn này chứng khoán Đức tăng trưởng rất mạnh do dòng tiền liên tục đầu tư vào châu Âu tăng cao, tuy nhiên đồng CHF tăng mạnh báo hiệu trước sự sụp đổ của thị trường chứng khoán Đức (DAX).

Giai đoạn này ở thị trường châu Á cũng chứng kiến sự sụp đổ chưa từng có khi thị trường chứng khoán Trung Quốc, Nhật , Úc … liên tục giảm điểm rất mạnh. Đồng tiền JPY của Nhật được xem là đồng tiền trú ẩn mỗi khi có những biến động liên quan đến nợ công. Sở dĩ nó được xem là tài sản đo lường mức độ rủi ro trong thị trường là vì Japan là quốc gia ít vay nợ nhất xét trên phương diện vay nợ nước ngoài. Cũng như bao chính phủ khác trên thế giới, chính phủ Nhật cũng cõng trên mình một đống nợ công to tướng. Nhưng điểm đặc biệt là ở chỗ, phần lớn trong mớ nợ công đó là vay từ người dân Nhật Bản chứ không phải vay từ bên ngoài. Vì là vay tiền từ người dân của đất nước mình nên xác xuất để chính phủ Nhật vỡ or "xù" nợ thấp đi rất nhiều so với những quốc gia khác. Thấp đi rất nhiều ở đây không có nghĩa là chính phủ Nhật có nhiều uy tín hơn chính phủ khác mà bởi vì họ sở hữu uy quyền của một chính phủ độc lập, họ có thể in bao nhiều đồng JPY để trả nợ cho người dân Nhật cũng được. Điểm này giúp phân biệt Nhật Bản với các quốc gia khác, trong đó có Việt Nam chúng ta. Chính vì lý lẽ này mà mỗi khi thế giới có bạo loạn liên quan đến nợ công thì người ta chạy về JPY đầu tiên. Khi thị trường chứng khoán sụt giảm (rủi ro tăng cao) đẩy trader/investor tìm về các lớp tài sản mang tính trú ẩn và JPY là một trong số các tài sản đó. Nhu cầu nắm giữ JPY và các loại tài sản được định giá bằng JPY tăng cao đẩy cặp tiền EURJPY xuống thấp. Trong suốt giai đoạn cuộc khủng hoảng Dotcom cho đến ngày nay lãi luất của BOJ vẫn luôn duy trì ở mức rất thấp và nhiều thời điểm lãi suất =0, tức là ngân hàng cho vay mà không cần thu lãi suất luôn. Mục đích để kích thích tăng trưởng và kéo lạm phát tăng lên vì hàng thập kỷ qua Nhật Bản luôn phải đối mặt với vấn đề giảm phát kéo dài. Chính việc lãi suất gần như cho không thế này mà lượng nhà đầu tư tìm đến với đồng JPY như là đồng tiền để thực hiện carry trade là điều dễ hiểu. Khi người ta thực hiện các giao dịch carry trade thì đồng JPY liên tục bị bán và người ta sẽ dùng đồng JPY để mua đồng tiền có lãi suất cao hơn. Nhật là quốc gia lấy xuất cảng làm trọng mà, cho nên chính phủ Nhật rất mong muốn đồng tiền của họ giảm càng thấp càng tốt để thúc đẩy xuất cảng. Đồng JPY giảm thì cũng là điều kiện tốt để xuất cảng tăng, điều này sẽ có lợi cho thị trường chứng khoán Nhật, và minh chứng rằng trong giai đoạn đồng JPY tăng mạnh thì thị trường chứng khoán Nhật giảm điểm và ngược lại khi đồng JPY bị bán do người ta thực hiện carry trade nhiều thì thị trường chứng khoán Nhật lại tăng mạnh.



Hình 5.11: Thị trường chứng khoán Châu Á sụp đổ trong giai đoạn cuộc khủng hoảng kinh tế toàn cầu năm 2008. Đồng JPY tăng mạnh trong giai đoạn USD suy yếu, khủng hoảng tài chính toàn cầu khiến cho nhu cầu tìm đến đồng JPY trú ẩn tăng cao.

Trong cuộc khủng hoảng lần này đồng AUD cũng gặp phải cú sốc khi thị trường hàng hóa đặc biệt là kim khoáng quặng giảm đã khiến cho đồng AUD suy yếu, cũng trong giai đoạn này Ngân hàng trung ương Australia phải cắt giảm lãi suất tuy nhiên vẫn duy trì ở mức tương đối cao so với các ngân hàng trung ương khác. Với sự chênh lệch lãi suất như thế thì trong suốt gian đoạn hơn một thập kỷ qua người ta thực hiện carry trade với cặp tiền AUDJPY.



Actual	Previous	Highest	Lowest	Dates	Unit	Frequency
2.00	2.00	17.50	2.00	1990 - 2015	percent	Daily

In Australia, interest rates decisions are taken by the Reserve Bank of Australia's Board. The official interest rate is the cash rate. The cash rate is the rate charged on overnight loans between financial intermediaries, is determined in the money market as a result of the interaction of demand for and supply of overnight funds. This page provides - Australia Interest Rate - actual values, historical data, forecast, chart, statistics, economic calendar and news. Australia Interest Rate - actual data, historical chart and calendar of releases - was last updated on December of 2015.

Hình 5.12: Lãi suất ngắn hạn của Australia. (Nguồn: http://www.tradingeconomics.com/)

Với New Zealand cũng vậy, đặc thù nền kinh tế tương tự như Úc nhưng đặc biệt hơn khi New Zealand là quốc gia xuất khẩu sữa và các sản phẩm nông nghiệp làm trọng. Lãi suất của New Zealand cũng ở mức tương đối cao so với hầu hết các ngân hàng trung ương khác trên thế giới. Cũng chính vì đặc điểm lãi suất chênh lệch này mà các nhà đầu tư carry trade thường tìm đến cặp tiền AUDJPY và NZDJPY trong suốt quảng thời gian tương đối dài.

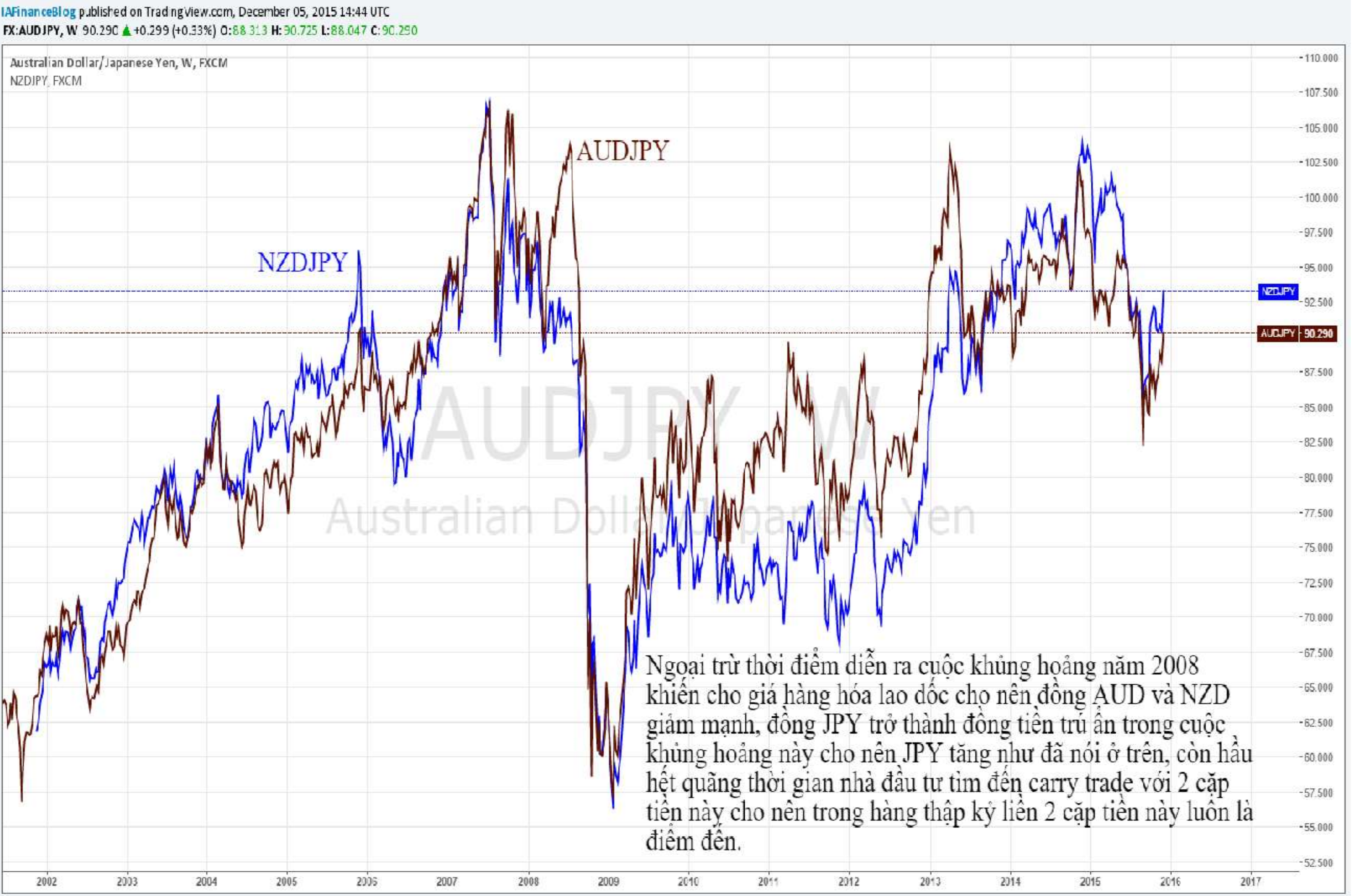


Actual	Previous	Highest	Lowest	Dates	Unit	Frequency
2.75	2.75	67.32	2.50	1985 - 2015	percent	Daily

In New Zealand, interest rates decisions are taken by the Reserve Bank of New Zealand. The official interest rate is the Official Cash Rate (OCR). The OCR was introduced in March 1999 and is reviewed eight times a year by the Bank. The OCR influences the price of borrowing money in New Zealand and provides the Reserve Bank with a means of influencing the level of economic activity and inflation. This page provides - New Zealand Interest Rate - actual values, historical data, forecast, chart, statistics, economic calendar and news. New Zealand Interest Rate - actual data, historical chart and calendar of releases - was last updated on December of 2015.

Hình 5.13: Lãi suất ngắn hạn của New Zealand.

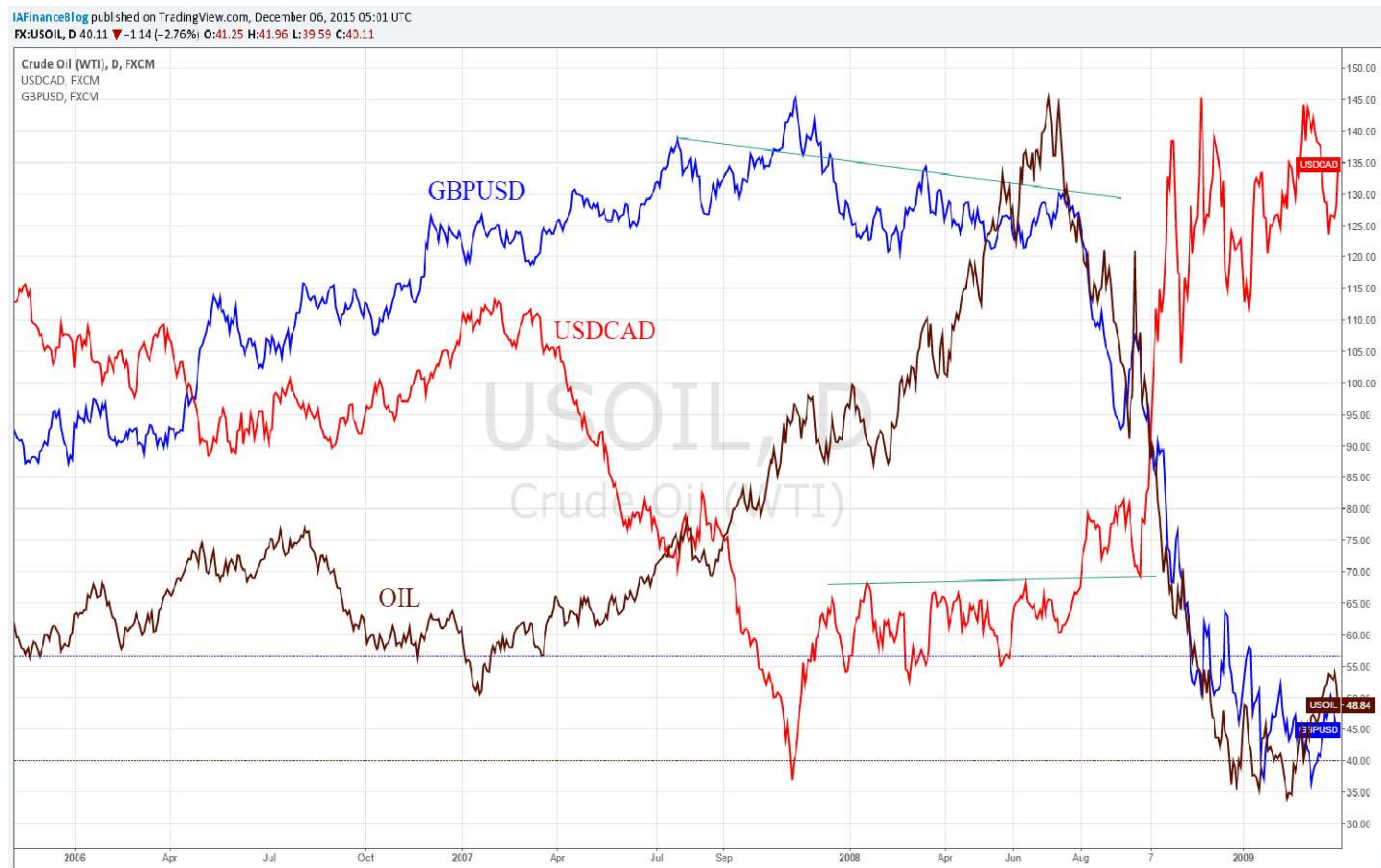
(Nguồn:http://www.tradingeconomics.com/)



Hình 5.14: Nhà đầu tư thực hiện Carry Trade trong suốt quãng thời gian tương đối dài với hai cặp tiền AUDJPY và NZDJPY.

Mặc dù 2 cặp tiền này liên tục tăng trong suốt hàng thập kỷ qua thế nhưng trong giai đoạn hiện tại khi mà lãi suất của cả Australia và New Zealand đều đã giảm do giá cả hàng hóa giảm quá thấp và để có thể giành được thị phần thì buộc 2 quốc gia này phải cắt giảm lãi suất và hạ tỉ giá của đồng AUD và NZD xuống thì mới mong mang lại lợi thế xuất cảng và cạnh tranh được trong cuộc chiến tranh giành thị phần. Điều này đã khiến cho một lượng lớn nhà đầu tư thực hiện carry trade với 2 cặp tiền này giảm đi đáng kể và trong tương lai vài năm tới có thể sẽ còn giảm nhiều hơn và với những nhận định khách quan của Tôi thì về hai cặp tiền này sẽ còn giảm tương đối mạnh nữa.

Nói thêm một chút về diễn biến của đồng Bảng Anh và đồng Đô la Canada trong giai đoạn khủng hoảng diễn ra. Với đặc thù là nền quốc gia xuất khẩu dầu mỏ cho nên kinh tế Canada phụ thuộc rất nhiều vào nhu cầu sử dụng dầu mỏ mà đặc biệt là Mỹ, giá của thùng dầu niêm yết giảm thấp thì chắc chắn sẽ tác động rất xấu đến GDP của Canada rồi. Vậy nên thời kỳ kinh tế Mỹ suy yếu kéo theo khủng hoảng toàn cầu diễn ra thì đương nhiên nhu cầu sử dụng dầu giảm sút và cú sốc giá dầu giảm từ gần 150$/thùng xuống còn 32$/thùng là một thảm họa thật sự với những quốc gia xuất khẩu dầu mỏ và tác động tiêu cực đến nền kinh tế. Nếu các bạn tinh ý có thể nhận thấy rằng thị trường chứng khoán sụp đổ từ trước đó tương đối lâu, sau đó giá dầu mới gặp một cú sốc giảm mạnh như vậy. Điều này được lý giải theo nhiều cách nhưng dễ nhận thấy nhất là thị trường chứng khoán giảm thì tất nhiên kinh tế sẽ suy yếu và một khi kinh tế toàn cầu suy yếu thì nhu cầu sử dụng dầu giảm đi và điều gì đến cũng sẽ đến khi bong bóng nhà đất vỡ và hàng loạt tổ chức tài chính phá sản. Còn riêng với Vương quốc Anh thì mặc dù không phải là quốc gia xuất khẩu dầu mỏ nhiều và nguồn dự trữ nhiều dầu, thế nhưng nước Anh lại sở hữu rất nhiều tập đoàn khai thác dầu mỏ cộng với đó là khai thác khí đốt tương đối nhiều. Việc Anh sở hữu nhiều tập đoàn khai thác dầu hàng đầu thế giới đã mang về cho xứ sở sương mù này nguồn tài chính khổng lồ, và đóng góp vào GDP quốc gia tương đối nhiều. Trong phần các lớp tài sản an toàn, lớp tài sản rủi ro Tôi sẽ nói chi tiết hơn.



Hình 5.15: Mối tương quan giữa giá dầu với nền kinh tế Canada và Anh. Oil giảm mạnh sau khi thị trường chứng khoán toàn cầu sụp đổ đã kéo theo đó là giá trị đồng CAD và GBP giảm xuống.

Khi hàng hóa giảm mạnh thì nhu cầu tìm về với đồng USD tăng lên, khá nhiều bạn sẽ thắc mắc đúng không. Mối tương quan giữa giá cả hàng hóa và đồng USD cũng chính là nội dung chính trong các quy luật liên thị trường đó.

Về cuộc khủng hoảng năm 2008 Tôi xin dừng lại ở đây, trong các cuốn sách khác cũng đã nói khá nhiều và cũng khá nhiều bài báo nói về sự kiện này. Vấn đề chúng ta cần quan tâm chính là hệ lụy của nó cho đến sau này, và sau cuộc khủng hoảng thì các ngân hàng trung ương đã làm gì để vực dậy nền kinh tế, cho tới ngày nay thì nền kinh tế toàn cầu như thế nào, các chính sách trong tương lai sẽ như thế nào…

NHỮNG HỆ LỤY CỦA CUỘC KHỦNG HOẢNG KINH TẾ TOÀN CẦU NĂM 2008 CHO TỚI NGÀY NAY.

Hậu quả của cuộc khủng hoảng mà sau đó FED buộc phải sử dụng đến 3 gói QE trong những năm sau đó:

Trước khi tìm hiểu lý do FED thực hiện QE và những gì mà 3 gói QE mang lại chúng ta cần phải tìm hiểu xem QE là gì và tại sao các ngân hàng trung ương lại phải sử dụng đến chiêu bài cuối cùng này.

- *Quantitative easing (QE): Nới lỏng định lượng.*

  Là một loại chính sách tiền tệ được các ngân hàng trung ương sử dụng để kích thích nền kinh tế khi các chính sách tiền tệ tiêu chuẩn đã không mang lại hiệu quả. Một ngân hàng trung ương thực hiện chính sách nới lỏng định lượng bằng cách mua các tài sản tài chính từ ngân hàng thương mại và tổ chức tài chính khác, từ đó tăng giá của các tài sản tài chính và giảm lợi tức, chi phí xuống, trong khi đồng thời tăng lượng cung ứng tiền ra thị trường. Điều này khác với các chính sách bình thường khác là mua, bán trái phiếu chính phủ ngắn hạn để giữ lãi suất liên ngân hàng tại một giá trị quy định.

  Chính sách tiền tệ mở rộng để kích thích nền kinh tế thường liên quan đến các ngân hàng trung ương mua trái phiếu chính phủ ngắn hạn để giảm lãi suất

thị trường trong ngắn hạn. Tuy nhiên khi lãi suất ngắn hạn đạt hoặc tiệm cận bằng 0 thì không thể áp dụng phương pháp này được nữa. Trong hoàn cảnh như vậy cơ quan tiền tệ sau đó có thể sử dụng chính sách nới lỏng định lượng để tiếp tục kích thích nền kinh tế bằng cách mua trái phiếu kỳ hạn dài hạn hơn là trái phiếu chính phủ ngắn hạn, do đó làm giảm lợi tức dài hạn thể hiện trên đường cong lợi tức.

Nới lỏng định lượng có thể giúp đảm bảo rằng lạm phát không giảm xuống dưới một mục tiêu được đưa ra trước đó. Rủi ro bao gồm những tác động từ việc nới lỏng định lượng so với những dự định trong hành động chống lại tình trạng giảm phát (dẫn đến lạm phát cao trong thời gian dài, do tăng cung tiền), hoặc không đủ hiệu quả nếu các ngân hàng không cho vay nguồn dự trữ bổ sung. Theo Quỹ tiền tệ quốc tế IMF, Cục Dự trữ liên bang Mỹ và các ngân hàng trung ương khác, nới lỏng định lượng được thực hiện kể từ khi khủng hoảng tài chính toàn cầu năm 2008 đã khiến cho những hệ lụy trở nên trầm trọng và không còn cách nào khác.

Hậu cuộc khủng hoảng toàn cầu năm 2008 nền kinh tế toàn cầu rơi vào suy thoái, nền kinh tế Mỹ có lẽ chịu nhiều tác động nhất khi hàng loạt ngân hàng đệ đơn phá sản, rất nhiều tổ chức tín dụng và nổi nhất đó là vụ việc Lehman Brother phá sản đã tạo nên một làn sóng kéo theo sự sụp đổ của hệ thống tài chính. Ngay lúc này FED buộc phải sử dụng chiêu bài nới lỏng định lượng bằng việc phải thực hiện liên tục 3 gói QE khi mà lần lượt QE1 và QE2 chưa mang lại hiệu quả như mong muốn.

Quantitative easing 1 (QE1 – Tháng 12/2008 đến tháng 3/2010) và những tác động của nó tới nền kinh tế toàn cầu.

Vào ngày 25/11/2008, Cục dự trữ liên bang thông báo việc thực hiện mua tài sản lên đến 600 tỉ $ trong các cơ quan chứng khoán thế chấp MBS và trung gian tín dụng. Ngày 1/12/2008 Chủ tịch FED đương thời là Bernanke cung cấp thêm thông tin chi tiết về việc mua tài sản này, ngày 16/12 FOMC chính thức phê chuẩn và ngày 18/3/2009 FOMC thông

báo rằng sẽ thực hiện mua tài sản lên đến 750 tỉ $ thông qua MBS và các trung gian tín dụng, cùng với đó là 300 tỉ $ trong việc mua trái phiếu kho bạc.

Vào tháng 8/2007, Ủy ban thị trường mở liên bang FOMC đã nâng lãi suất lên đến 5,25% và khi nền kinh tế bắt đầu bộc lộ những yếu điểm thì FOMC đã giảm lãi suất về gần bằng 0 và mức lãi suất đó hiện vẫn đang được duy trì cho đến bây giờ. Mặc dù đã giảm lãi suất xuống mức thấp nhất có thể mà vẫn không mang lại hiệu quả, vậy nên FOMC đã buộc phải thực hiện chính sách nới lỏng có quy mô lớn và tình thế không còn cách nào khác. Mức độ nghiêm trọng khác thường của suy thoái kinh tế và đang diễn ra căng thẳng trong thị trường, và phải đối mặt với những thách thức trong việc hoạch định chính sách tiền tệ. Trong giai đoạn cao điểm của cuộc khủng hoảng năm 2008, FOMC đã quyết định hạ lãi suất qua đêm để thực hiện cùng với việc nới lỏng cung tiền và tín dụng.

Trong suốt quãng thời gian này thị trường chứng khoán Mỹ đã có bước phục hồi tương đối tốt và cho thấy dấu hiệu phục hồi khả quan từ các thị trường khác. Tuy nhiên việc cung tiền vào thị trường quá nhiều đã khiến cho đồng USD mất đi vị thế của nó, đồng USD suy yếu trong suốt quãng thời gian QE1 được thực hiện. Nguyên nhân thì cũng tương đối đơn giản, khi lượng USD được đưa ra thị trường quá nhiều thì sẽ dẫn đến việc dư thừa lượng USD, điều này dẫn đến lạm phát đồng USD tăng cao và nhà đầu tư cảm thấy lo ngại khi giữ đồng USD, cho nên trong giai đoạn này họ sẽ tìm đến với thứ tài sản an toàn hơn mà chắc chắn là có vàng và đồng CHF rồi.

Giai đoạn cuối năm 2009 đồng USD tăng trở lại và thị trường chứng khoán chững lại không tăng nữa là do giai đoạn này FED rút dần lượng QE1 ra khỏi thị trường thông qua những cuộc họp của FOMC mà các bạn từng được biết đó. Trong mỗi cuộc họp FOMC sẽ rút dần QE chứ không rút tất cả cùng một lúc và điều này diễn ra trong một khoảng thời gian tương đối dài sau đó. Và có một điều các bạn cần lưu ý là FOMC sẽ đưa ra những lý do và có thể trì hoãn một vài cuộc họp không giảm nhưng sau đó sẽ giảm, mục đích là để thị trường không thật sự sốc khi lượng QE được rút ra.



Hình 5.16: Diễn biến của thị trường chứng khoán Mỹ trong giai đoạn FED thực hiện gói nới lỏng định lượng QE1. Đồng USD suy yếu trong suốt quãng thời gian thực hiện QE1.

QE1 không chỉ tác động đến mỗi thị trường Mỹ và còn có ảnh hưởng rất lớn đến thị trường tài chính toàn cầu. Trong quãng thời gian QE1 được thực hiện thì thị trường chứng khoán toàn cầu cũng có những bước phục hồi rất đáng kể. Có thể nói là mỗi bước đi trong chính sách tiền tệ của Mỹ đều có những tác động rất lớn đến tình hình kinh tế toàn cầu, tầm quan trọng của nền kinh tế Mỹ là không thể phủ nhận khi nó đóng vai trò đầu tàu dẫn dắt các thị trường khác trên thế giới.

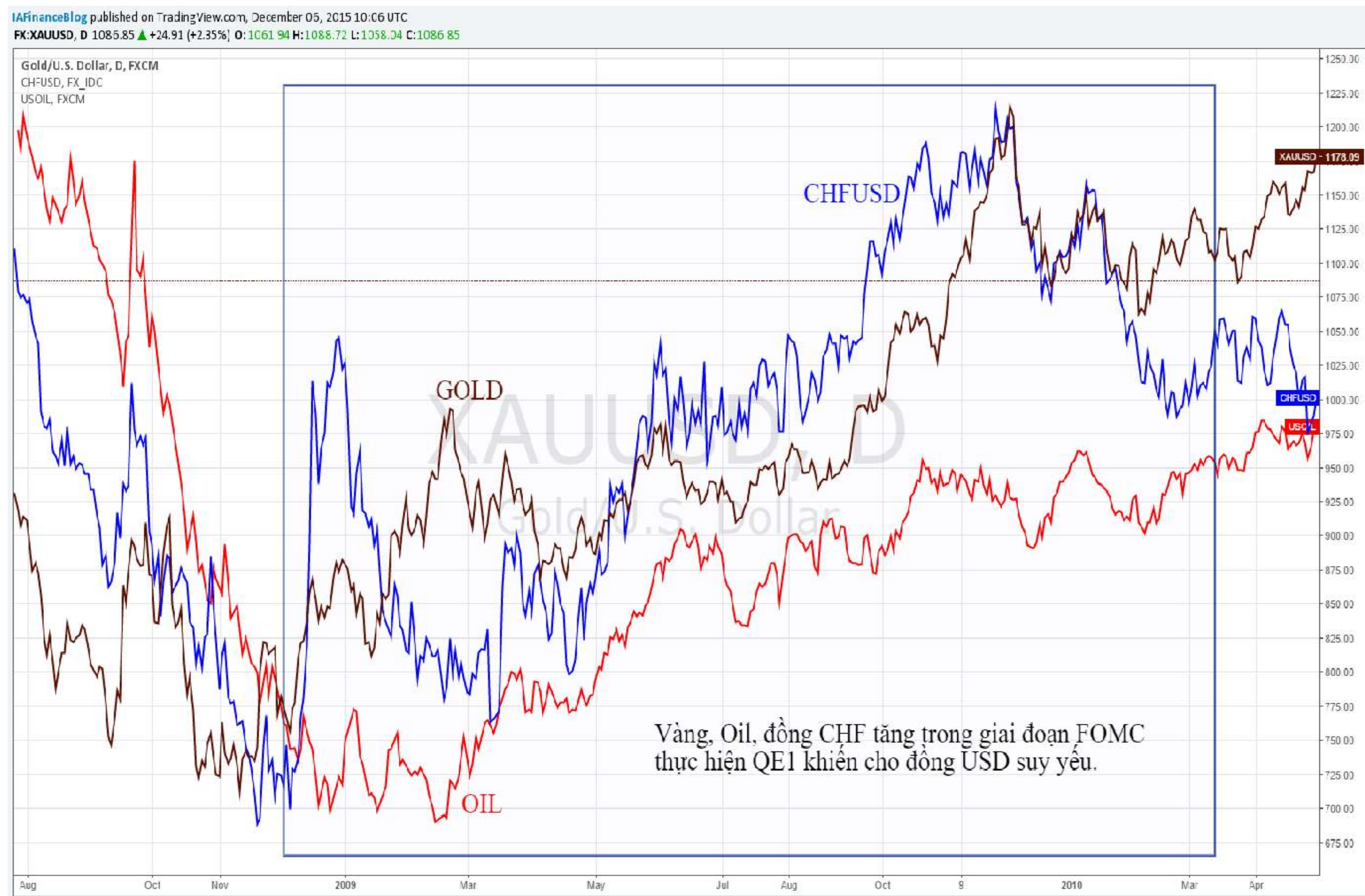
Không chỉ riêng thị trường chứng khoán mà thị trường hàng hóa giai đoạn này cũng có bước phục hồi khá ấn tượng, vàng cũng được xem là thứ hàng hóa, tuy nhiên trong thời điểm này việc QE hay không cũng không phải là yếu tố quyết định tới giá vàng nữa mà khi kinh tế khủng hoảng thì vàng đương nhiên trở thành thứ hàng hóa an toàn và nhà đầu tư sẽ tìm đến để giảm thiểu rủi ro. Đồng CHF cũng tăng tương đối mạnh so với đồng USD. Tuy nhiên chắc hẳn các bạn sẽ thắc mắc là tại sao thị trường chứng khoán tăng mà vàng lại tăng đúng không. Thời điểm này USD suy yếu và vàng là lựa chọn, hơn nữa cuộc khủng hoảng lan rộng cho nên hậu quả của nó vẫn còn đó và người ta tìm đến vàng là công cụ trú ẩn. Còn trong giai đoạn FOMC thực hiện QE1 thì lượng tiền cung ứng ra thị trường rất lớn, và nó dùng để mua hàng hóa, kể cả cổ phiếu và trái phiếu doanh nghiệp cho nên thị trường chứng khoán được hỗ trợ tương đối tốt.

Riêng việc giá dầu tăng thì cũng được lý giải tương tự khi đồng USD suy yếu và thị trường chứng khoán phục hồi cho nên nhu cầu sử dụng năng lượng tăng cao, sản xuất công nghiệp tăng trưởng thì đương nhiên là mức tiêu thụ năng lượng sẽ tăng.

Khi nền kinh tế có dấu hiệu tăng trưởng tương đối tốt thì FOMC đã quyết định rút dần gói QE1 ra khỏi nền kinh tế để hạn chế việc cung tiền ra quá nhiều sẽ khiến đồng USD rơi vào suy thoái trong dài hạn, lạm phát vì thế sẽ tăng cao và điều đó sẽ càng khiến cho những nỗ lực của FOMC trong việc cứu thị trường sẽ không mang lại kết quả hữu ích.



Hình 5.17: Thị trường chứng khoán toàn cầu có bước phục hồi tương đối ấn tượng trong suốt quãng thời gian FED thực hiện QE1. Giai đoạn cuối chương trình nới lỏng thị trường chứng khoán giảm điểm vì FED rút dần QE1.



Hình 5.18: Vàng, Dầu thô và đồng CHF cùng tăng tương đối mạnh trong giai đoạn FOMC thực hiện QE1.

Quantitative easing 2 (QE2 – Tháng 11/2010 đến tháng 6/2011) và những tác động của nó tới nền kinh tế toàn cầu.

Trong thời gian thực hiện QE1 nền kinh tế đã có bước phục hồi tương đối tốt, thế nhưng sau khi rút hết QE1 ra khỏi nền kinh tế thì mọi chuyện lại diễn biến theo một chiều hướng không tốt với thị trường, FED thừa nhận nền kinh tế đã rơi vào suy thoái ở mức độ quá nặng nề và việc phục hồi nền kinh tế toàn cầu trở thành một nhiệm vụ không hề đơn giản, bằng chứng là cho đến tận bây giờ khủng hoảng vẫn đang đeo bám toàn bộ nền kinh tế trên thế giới. Sau khi đi qua 3 gói QE Tôi sẽ nhấn mạnh lý do vì sao ECB phải thực hiện nới lỏng định lượng mà thời gian gần đây thị trường tài chính đứng ngồi không yên với những quyết định chính sách của ECB.

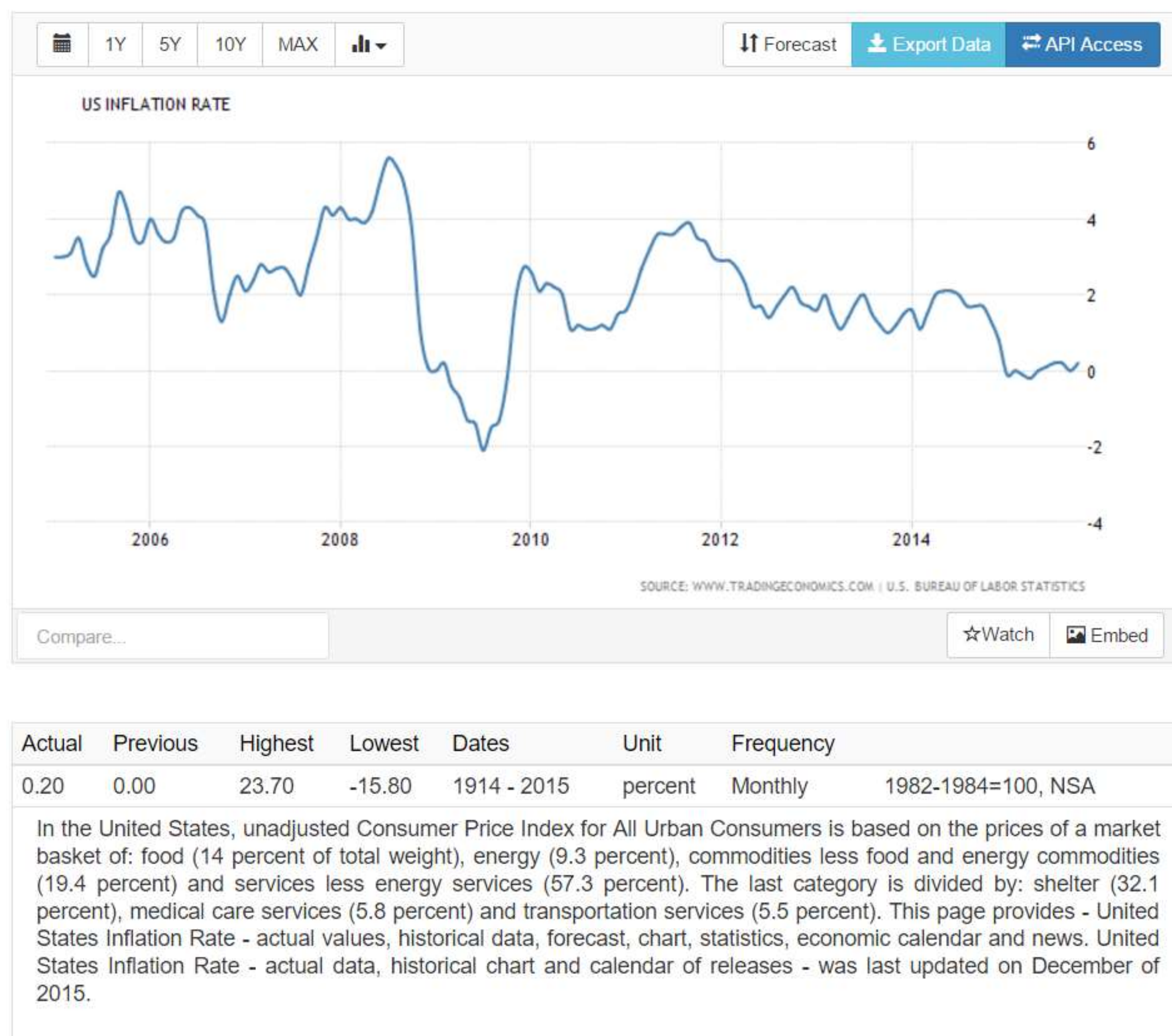
Ngày 3/11/2010, FED tuyên bố sẽ mua 600 tỉ $ trái phiếu kho bạc dài hạn, với mức phân bố 75 tỉ $ mỗi tháng. Đợt thực hiện QE2 lần này diễn ra tới tháng 6/2011. Ủy ban thị trường mở liên bang phê chuẩn kế hoạch mua 400 tỉ $ trái phiếu kỳ hạn từ 6-30 năm và bán trái phiếu kỳ hạn dưới 3 năm, qua đó mở rộng danh mục đầu tư của FED. Đây là một nỗ lực để thực hiện gói nới lỏng định lượng QE, mà không in thêm tiền và mở rộng bảng cân đối của FED, do đó tránh được áp lực lạm phát gắn với nới lỏng tiền tệ. Thông báo này đã mang đến cảm giác lo ngại rủi ro trong thị trường chứng khoán và khiến cho đồng USD tăng, trong khi QE 1 đã làm cho đồng USD suy yếu và hỗ trợ thị trường chứng khoán.

Cũng tương tự như gói QE1, QE2 cũng với mục đích phục hồi nền kinh tế, thế nhưng ngay sau khi QE1 kết thúc thì khoảng thời gian vài tháng sau đó thị trường đã ngay lập tức có những phản ứng không tốt và dường như mọi nỗ lực trong gói QE1 sẽ có thể trở nên vô nghĩa nếu như FED không thông qua một chương trình nới lỏng hơn. Thực tế là đồng USD đã tăng tương đối mạnh giai đoạn mà FOMC rút dần gói QE1 và trong giai đoạn từ tháng 3 đến tháng 6 năm 2010 đó đồng USD cũng thể hiện tăng tương đối mạnh và chỉ sau tháng 6 khi mà FED bắt đầu có những up mở về gói nới lỏng định lượng QE2 thì lúc này đồng USD mới thật sự giảm mạnh. Cũng trong giai đoạn này thị trường chứng khoán Mỹ bất ngờ giảm điểm và có dấu hiệu chững lại không còn tăng trưởng nữa cho nên FOMC đã họp và thông qua việc sử dụng gói nói lỏng lần thứ 2 – QE2.



Hình 5.19: Đồng USD tăng cao và thị trường chứng khoán chững lại, có dấu hiệu giảm cho nên FOMC đã họp thông qua việc tung chương trình nới lỏng định lượng lần thứ 2 – QE2.

Các bạn có thể nhận thấy chương trình nới lỏng định lượng QE2 thực sự không mang lại hiệu quả như chương trình QE1. Điều này cũng có thể hiểu nguyên do dòng tiền đã được tung ra thị trường trong chương trình QE1 là quá nhiều, lượng tiền quá nhiều đã gây ra mối lo lạm phát gia tăng. Và quả thực trong giai đoạn thực hiện QE1 lạm phát đã tăng lên trên 2% và có dấu hiệu sẽ tăng cao nữa.



Actual	Previous	Highest	Lowest	Dates	Unit	Frequency	
0.20	0.00	23.70	-15.80	1914 - 2015	percent	Monthly	1982-1984=100, NSA

In the United States, unadjusted Consumer Price Index for All Urban Consumers is based on the prices of a market basket of: food (14 percent of total weight), energy (9.3 percent), commodities less food and energy commodities (19.4 percent) and services less energy services (57.3 percent). The last category is divided by: shelter (32.1 percent), medical care services (5.8 percent) and transportation services (5.5 percent). This page provides - United States Inflation Rate - actual values, historical data, forecast, chart, statistics, economic calendar and news. United States Inflation Rate - actual data, historical chart and calendar of releases - was last updated on December of 2015.

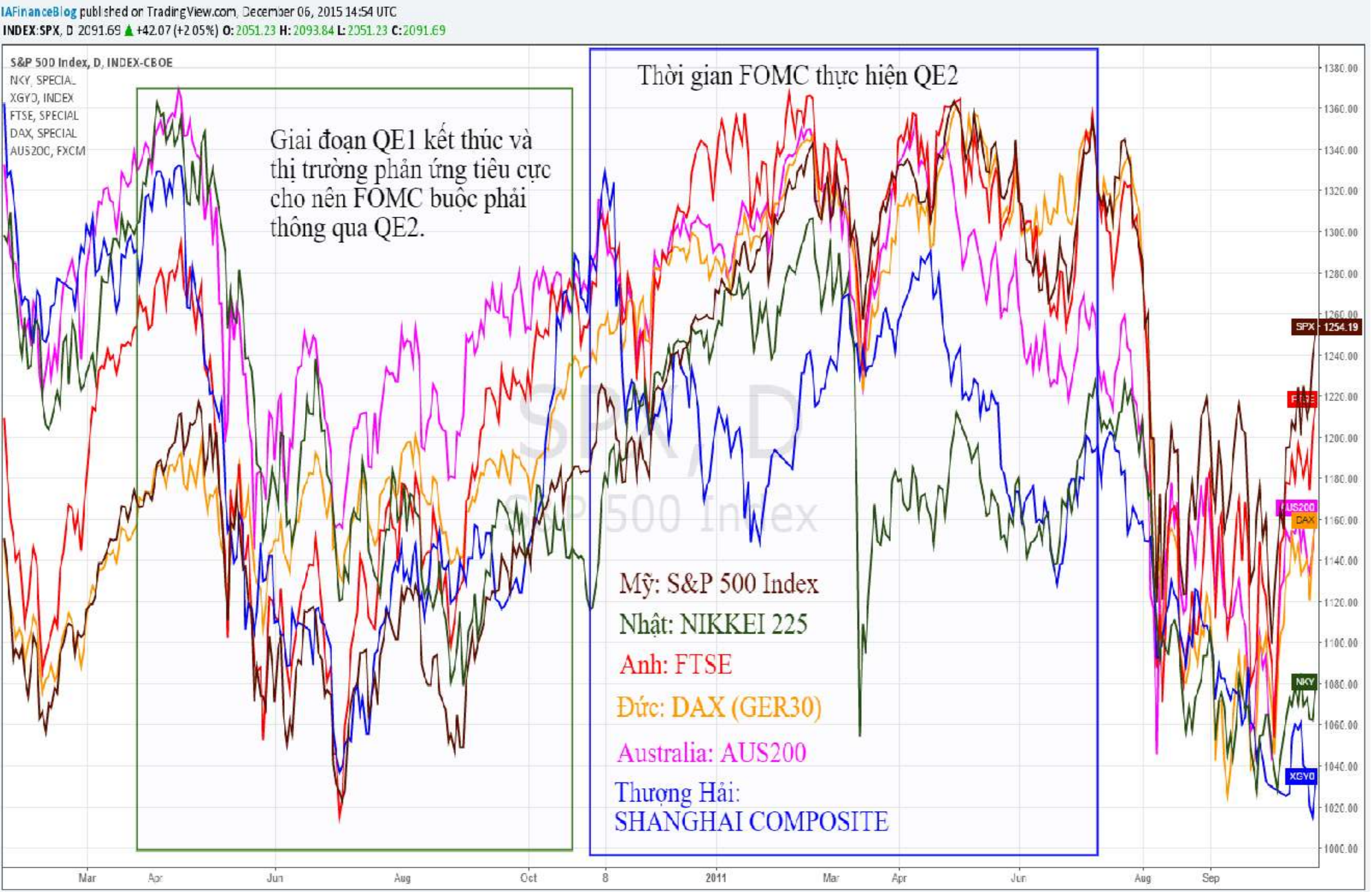
Hình 5.20: U.S Inflation rate (Nguồn: http://www.tradingeconomics.com/)

Khi mối lo lạm phát gia tăng thì FOMC sẽ phải tính đến phương án rút dần QE1, thế nhưng rút dần QE1 thì thị trường lại phản ứng tiêu cực mà các bạn thấy ở phía trên đó, thị trường chứng khoán có dấu hiệu chững lại và đi xuống. Nền kinh tế Mỹ vẫn thật sự đang rất

yếu cho nên dù muốn hay không FOMC vẫn phải thông qua một chương trình nới lỏng thứ 2. Và trong quá trình thực hiện QE2 thị trường chứng khoán vẫn không tăng trưởng mạnh cộng với đó là lạm phát đang có dấu hiệu gia tăng khi đạt ngưỡng gần 4% như trong hình trên. Và một lần nữa FED lại phải rút dần QE2 vì lo ngại cung tiền quá nhiều trong thị trường mà không mang lại hiệu quả tích cực thì sẽ khiến cho tình hình trở nên tồi tệ hơn.

Tuy nhiên dù thị trường chứng khoán Mỹ không phản ứng tích cực với QE2 nhưng chúng ta vẫn phải quan tâm tới các thị trường chứng khoán trên thế giới. Trong các mối tương quan liên thị trường nhất định không thể bỏ qua những vận động của thị trường chứng khoán. Trong quãng thời gian thực hiện QE2 thì đồng USD giảm tương đối mạnh, điều này có thể giúp ích trong việc xuất cảng của Mỹ, thế những trớ trêu thay GDP của Mỹ đến từ hơn 70% là từ tiêu dùng trong nước, cho nên việc đồng USD suy yếu quá sẽ khiến cho dòng tiền chạy khỏi Mỹ tăng lên, vị thế của Mỹ trở nên suy yếu hơn rất nhiều. Và quả thực là khi FED nhận thấy QE2 không thật sự mang lại hiệu quả, thêm với đó là việc đồng USD càng trở nên mất vị thế của nó thì không còn cách nào khác FOMC phải họp báo và quyết định rút lại chương trình QE2 lần này. Vào thời điểm QE2 được rút dần khỏi thị trường thì đồng USD dần tăng trở lại và thị trường chứng khoán Mỹ cũng có dấu hiệu chững lại.

Trong giai đoạn này thị trường chứng khoán toàn cầu cũng có những biến động tương tự S&P 500 Index, thế nhưng thị trường chứng khoán là của mỗi quốc gia cho nên phụ thuộc cả vào thương mại và sức khỏe của nền kinh tế từng quốc gia nữa, do đó khi phân tích thị trường chứng khoán, các chỉ số Index thì các bạn phải biết cách đánh giá tình hình sức khỏe của từng nền kinh tế thông qua các con số, số liệu được công bố định kỳ trên forexfactory đó. Có một điều mà trong phương pháp phân tích này Tôi muốn nhấn mạnh đó là không dự đoán tin tức nhé các bạn, mà sẽ là dựa vào những số liệu thu thập được để tiên đoán sự kỳ vọng của market vào tin tức đó, ý nghĩa của từ Follow the market, don't forecash the market là ở chỗ đó. Tiên đoán không có nghĩa là giữ lệnh đến khi công bố tin tức mà là chúng ta sẽ nương theo khi chưa công bố tin và thoát lệnh khi sắp công bố tin tức. Sẽ có nhiều bạn thắc mắc nhiều lúc tin tức ra tốt cho đồng tiền đó nhưng nó vẫn giảm, hay là tin tức xấu mà đồng tiền đó vẫn tăng, sự việc này cũng được giải thích từ việc nương theo market cho đến khi sắp công bố tin đó, điều này Tôi sẽ cố gắng giải thích thêm ở các chương sau.



Hình 5.21: Biến động của thị trường chứng khoán thế giới trong quãng thời gian FED rút hết QE1 và thực hiện QE2.

Kế đến là những phản ứng của thị trường hàng hóa, những đồng tiền khác cùng với những món hàng mang tính chất trú ẩn trong từng giai đoạn của các chương trình QE. Trong quãng thời gian FOMC rút hết QE1 và chuẩn bị cho QE2 thì vàng đã có bước tăng rất mạnh, phần vì đồng USD suy yếu sau 2 gói QE, phần vì nhà đầu tư vẫn chưa hết bàng hoàng sau cuộc khủng hoảng tồi tệ vừa diễn ra. Cũng chính vì mối lo lạm phát gia tăng mà người ta tìm đến với hàng hóa an toàn, trong đó vàng chắc chắn sẽ là lựa chọn tốt nhất. Vào tháng 5/2011 khi đồng USD giảm quá mạnh và về lại mức đáy năm 2008. Mối lo ngại đồng USD tiếp tục lún sâu vào suy thoái đã khiến cho FOMC buộc phải rút dần QE2, mà trong giai đoạn rút dần QE2 này thì thị trường chứng khoán toàn cầu lại lao dốc và vàng lại tăng mạnh hơn. Thị trường rơi vào suy thoái tiếp cho nên lúc này đây các mặt hàng thiết yếu trong đó có dầu và kim khoáng quặng liên tục giảm.

Đồng JPY cũng được xem là đồng tiền trú ẩn mỗi khi có biến động liên quan đến nợ và các cuộc khủng hoảng tài chính diễn ra. Giai đoạn này người ta cũng tìm đến đồng JPY để thực hiện carry trade cho nên đồng JPY thực sự không phải là đồng tiền mang lại lợi nhuận tốt nhất cho các nhà đầu tư, mà chỉ đơn giản là người ta tìm đến đồng JPY để có được sự an toàn. Đồng CHF thì lại là một câu chuyện khác, các bạn đã đọc và tìm hiểu đặc điểm của các đồng tiền chính rồi thì chắc chắn hiểu rõ được đồng CHF có thể xem như tài sản trú ẩn mà có lẽ chỉ sau vàng thôi. Để mà nói chi tiết trong từng cái trade ngắn hạn như chúng ta vẫn thường giao dịch thì lại là câu chuyện khác, hầu hết các sách đi lướt qua các cuộc khủng hoảng với mục đích cho độc giả thấy được sự biến động tương quan giữa các thị trường trong giai đoạn đó như thế nào. Từ đó độc giả sẽ có được cái nhìn tổng quát về những mối tương quan trên, hiểu được những vận động đó thì có thể áp dụng vào thời điểm hiện tại tốt hơn, ở các chương sau Tôi sẽ lấy ví dụ cụ thể hơn.

Bên cạnh đồng CHF và JPY thì chúng ta cũng cần quan tâm những biến động của đồng GBP, AUD, NZD nữa. AUD và NZD thường có những biến động tương đối với nhau, cho nên khi phân tích các bạn có được data hay những thông tin của Trung Quốc và Nhật thì cái chúng ta hướng đến là trade 2 đồng tiền AUD và NZD, và thường thì những quyết định chính sách của 2 ngân hàng trung ương Úc và New Zealand cũng tương tự nhau.



Hình 5.22: Vàng liên tục tăng trong suốt quãng thời gian FED thực hiện QE2, hàng hóa cũng có bước phục hồi ấn tượng trong giai đoạn này khi mà 2 gói QE đã khiến cho đồng USD suy yếu đi rất nhiều.



Hình 5.23: Biến động của những đồng tiền chính trong quãng thời gian FOMC thực hiện QE2. USD suy yếu đã khiến hàng hóa tăng cao, đặc biệt là dầu thô và kim khoáng quặng, các đồng tiền hàng hóa vì thế mà được hưởng lợi. Riêng với JPY thì Tôi có nói ở trên đồng JPY không tăng quá mạnh.

Quantitative easing 3 (QE3 – Tháng 09/2012 đến tháng 10/2014) và những tác động của nó tới nền kinh tế toàn cầu.

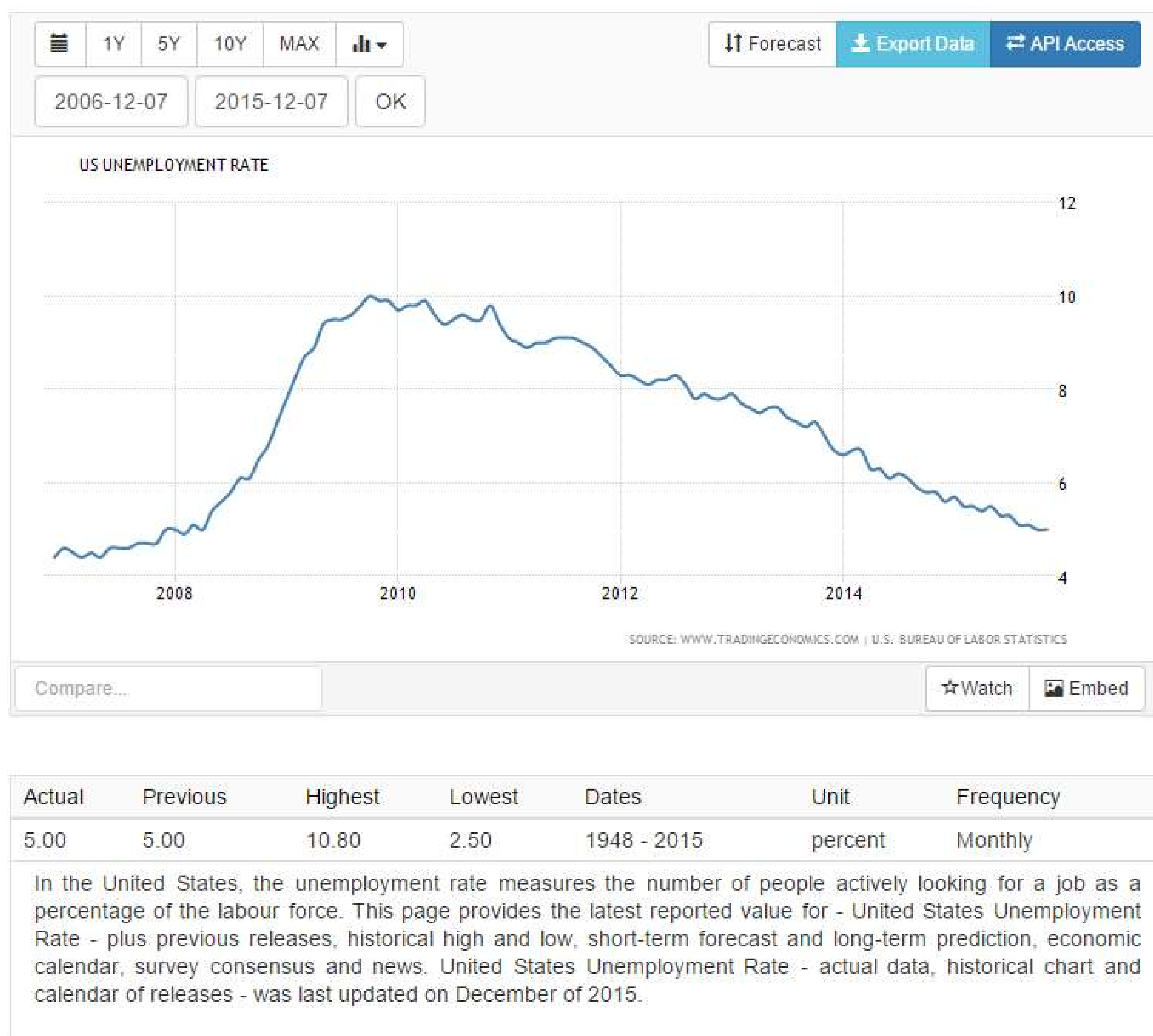
Ngày 13/9/2012, Cục dự trữ liên bang công bố việc thực hiện chương trình nới lỏng định lượng lần thứ 3 (QE3). Trong chương trình QE3 lần này FED cam kết thực hiện mua 40 tỉ $ chứng khoán thế chấp mỗi tháng cho đến khi thị trường lao động được cải thiện đáng kể. Ủy ban thị trường mở liên bang mở rộng chương trình nới lỏng QE3 vào ngày 12/12/2012. Lần này tiếp tục cho phép mua chứng khoán thế chấp lên đến 40 tỉ $ mỗi tháng và thêm 45 tỉ $ trái phiếu kho bạc dài hạn. Ngày 18/12/2013 Ủy ban thị trường mở liên bang FOMC thông báo sẽ giảm dần QE3 ở mức 10 tỉ $ mỗi tháng trong mỗi cuộc họp diễn ra. Cục dự trữ liên bang Mỹ kết thúc việc mua tài sản bằng chương trình QE3 vào tháng 10/2014.

Khác với 2 lần thực hiện QE trước thì ở lần thứ 3 này FED thực hiện thay đổi trong việc tăng thêm lượng tiền mua tài sản hàng tháng lên vào cuối năm 2012 khi mà thị trường vẫn chưa thật sự tốt lên, vấn đề lao động và tỉ lệ thất nghiệp còn cao chính là những hạn chế mà trong đợt QE lần này còn vướng mắc. Sở dĩ FED phải trì hoãn cắt giảm hết lượng tiền mua tài sản hàng tháng đến tận tháng 10/2014 là vì tỉ lệ thất nghiệp còn cao (tỉ lệ thất nghiệp giảm dưới 6% thì FED quyết định rút hết toàn bộ QE3). Trong hình vẽ Tôi chia ra từng thời điểm mà FED tăng thêm 45 tỉ $ mỗi tháng trong chương trình QE3, và thời điểm mà QE3 thực hiện đầy đủ chức năng của nó, sau đó là thời điểm mà FED quyết định rút dần QE3. Sở dĩ phải chia ra như vậy là bởi vì giai đoạn này thị trường đã dần phục hồi và những tác động của cuộc khủng hoảng đã dẫn qua đi, tâm lý của nhà đầu tư đã trở nên ổn định hơn và trong giai đoạn này người ta quan tâm để việc thị trường chứng khoán toàn cầu phục hồi rất ấn tượng. Trong từng giai đoạn thực hiện QE3 đồng USD đã có những điều chỉnh, và trong chương trình lần này đồng USD không suy yếu như trước, vì trong thời điểm này kinh tế Mỹ cơ bản đã phục hồi khá tốt và tâm lý tích cực trong các nhà đầu tư đã giúp cho thị trường chứng khoán tăng trưởng tương đối ấn tượng. Và các bạn sẽ có thắc mắc là kể từ khi kết thúc QE2 trở về sau giai đoạn thực hiện QE3 thì đồng USD lại có bước phục hồi trong khi thị trường chứng khoán tăng rất ấn tượng đúng không. Giai đoạn này các bạn chắc hẳn cũng đã thấy giá vàng đạt đỉnh 9/2011 và giảm mạnh sau đó.



Hình 5.24: Giai đoạn FED thực hiện QE3, thế nhưng trong lần thực hiện QE3 này mặc dù lượng tiền mua tài sản tăng lên thế nhưng đồng USD lại tăng tương đối mạnh, cũng trong giai đoạn này thị trường chứng khoán Mỹ tăng trưởng cực kỳ ấn tượng.

Các bạn nhớ là giai đoạn này lạm phát của Mỹ vẫn ở trên mức 2%, nhắc lại thời điểm vàng đạt đỉnh hồi tháng 9/2011, sau 2 gói QE thì kinh tế Mỹ cũng đã có chút khởi sắc, tuy nhiên tỉ lệ thất nghiệp giai đoạn hậu khủng hoảng vẫn còn rất cao, và đặc biệt là khi tỉ lệ thất nghiệp chưa giảm xuống dưới 6% thì lúc này FED vẫn chưa an tâm về nền kinh tế.



Actual	Previous	Highest	Lowest	Dates	Unit	Frequency
5.00	5.00	10.80	2.50	1948 - 2015	percent	Monthly

In the United States, the unemployment rate measures the number of people actively looking for a job as a percentage of the labour force. This page provides the latest reported value for - United States Unemployment Rate - plus previous releases, historical high and low, short-term forecast and long-term prediction, economic calendar, survey consensus and news. United States Unemployment Rate - actual data, historical chart and calendar of releases - was last updated on December of 2015.

Hình 5.25: Tỉ lệ thất nghiệp của Mỹ giai đoạn hậu khủng hoảng luôn ở trên mức 6%.

(Nguồn: http://www.tradingeconomics.com/)

Trong quãng thời gian thực hiện QE3 không chỉ riêng thị trường chứng khoán Mỹ mà hầu hết thị trường chứng khoán toàn cầu cũng tăng trưởng tương đối ấn tượng, và nếu bạn nào giao dịch với các chỉ số Future Indices thì chắc hẳn thời điểm này cũng thu được về một nguồn lợi nhuận tương đối lớn.

Trong giai đoạn kết thúc QE2 thì đồng USD liên tục tăng mạnh, và cũng bắt đầu từ giai đoạn này thị trường chứng khoán Mỹ bước vào chu kỳ tăng trưởng mạnh và cho đến tận bây giờ thị trường chứng khoán Mỹ đã có bước tăng trưởng có thể nói là quá tốt khi các chỉ số chứng khoán vượt qua thời điểm diễn ra cuộc khủng hoảng đã khiến cho thị trường sụp đổ. Các bạn để ý thấy giai đoạn kết thúc QE2 thì dòng tiền đã chạy sang thị trường trái phiếu đẩy lợi tức trái phiếu Mỹ giảm, và trong giai đoạn FED thực hiện QE3 thì thị trường trái phiếu lại giảm đẩy lợi tức trái phiếu tăng và dòng tiền đổ về thị trường chứng khoán cũng tăng lên. Giai đoạn thực hiện QE3 này là một ví dụ để cho thấy rằng khi thị trường trái phiếu giảm thì dòng tiền sẽ chạy sang thị trường chứng khoán. Có nghĩa là khi niềm tin của nhà đầu tư tăng lên thì họ sẽ có xu hướng đầu tư tiền nhiều hơn vào chứng khoán và rút dần tiền khỏi thị trường trái phiếu.

Trong giai đoạn này thị trường chứng khoán toàn cầu cũng có bước tăng đáng kể, những tác động tích cực từ chương trình QE3 mang lại thật sự đáng mừng. Tuy nhiên rằng giá cả hàng hóa lao dốc cộng với đó là đồng USD mạnh lên cho nên FED cũng rất lo ngại rằng lạm phát sẽ không thể duy trì được mức trên 2% mục tiêu. Mặc dù chương trình QE3 thực hiện đã giúp cho thị trường chứng khoán khởi sắc, thế những vẫn chưa thể giải quyết hết được các vấn đề nội tại mà nền kinh tế đang chống chọi, lạm phát vẫn ở mức 2% thể hiện rằng mức tiêu dùng của người dân vẫn còn ở mức rất thấp và thực tế là họ vẫn phải thắt chặt trong chi tiêu cá nhân. Điều đáng mừng nhất vẫn là tỉ lệ thất nghiệp đã giảm xuống mức tương đối thấp và tiệm cận với mục tiêu đề ra dưới 6%. Cho đến hiện tại thì FED vẫn rất lo ngại về thị trường lao động khi mà trong các bài phát biểu gần đây chủ tịch FED đương thời là Janet Yellen cũng đã liên tục nhấn mạnh rằng phải theo dõi sát sao thị trường lao động trước khi nghĩ đến viễn cảnh nâng lãi suất lần đầu tiên sau hơn một thập kỷ.



Hình 5.26: Thị trường chứng khoán có giai đoạn tăng trưởng đáng ghi nhận trong quãng thời gian FED thực hiện QE3.

Khi FED rút dần QE3 cho đến tháng 10/2014 thì trong giai đoạn này thị trường bắt đầu xảy ra những biến động, mà đặc biệt nhất đó là việc giá dầu giảm từ 110$/thùng xuống còn hơn 40$/thùng, kéo theo đó là thị trường hàng hóa sụp đổ theo.

Như các bạn đã thấy sau 3 chương trình nới lỏng định lượng thì thị trường chứng khoán toàn cầu đã có những bước khởi sắc nhất định, tỉ lệ thất nghiệp của Mỹ nói riêng và nhiều quốc gia trên thế giới nói chung đã giảm đáng kể, đó cũng là những điều đáng mừng sau những nỗ lực của FED.

Bên cạnh việc FED thực hiện 3 gói QE thì chúng ta cũng cần nhìn lại thời điểm này không chỉ riêng FED mà hầu hét các ngân hàng trung ương cũng phải thực hiện chính sách nới lỏng của mình.

Vương quốc Anh: Trong chương trình nới lỏng tiền tệ của mình, Ngân hàng trung ương Anh đã mua tài sản từ các tổ chức tài chính, cùng với một số lượng nhỏ hơn tương đối các khoản nợ có chất lượng cao của các công ty tư nhân. Các ngân hàng, các công ty bảo hiểm, quỹ hưu trí thì có thể sử dụng số tiền họ nhận được để cho vay hoặc thậm chí mua lại trái phiếu nhiều hơn từ ngân hàng. Hơn nữa các ngân hàng trung ương có thể cho các ngân hàng tư nhân vay tiền hoặc mua tài sản từ các ngân hàng tư nhân để đổi lấy tiền tệ. Một tác dụng phụ là nhà đầu tư sẽ chuyển sang đầu tư lĩnh vực khác, chẳng hạn như cổ phiếu, giá cổ phiếu tăng và do đó khuyến khích chi tiêu tiêu dùng. QE có thể làm giảm lãi suất liên ngân hàng qua đêm và do đó khuyến khích các ngân hàng cho vay tiền để tạo tính thanh khoản cao.

Bắt đầu từ tháng 3/2009, các ngân hàng Anh đã mua khoáng 165 tỉ Bảng Anh tài sản cho đến tháng 9/2009 và khoảng 175 tỉ Bảng Anh vào cuối tháng 10/2009. Tại cuộc họp vào tháng 10/2009, Ủy ban chính sách tiền tệ (MPC) đã đồng ý mua tài sản lên đến 200 tỉ Bảng. Hầu hết các tài sản được mua là trái phiếu chính phủ Anh, Ngân hàng cũng đã mua một lượng nhỏ tài sản tư nhân chất lượng cao. Trong tháng 12/2010, thành viên MPC Adam Posen đã nói đến việc mở rộng 50 tỉ Bảng của chương trình nới lỏng định lượng của BOE, trong khi một quan chức khác thì lại kêu gọi nâng lãi suất do lạm phát đã vượt quá 2% và có nguy cơ tăng cao. Trong tháng 10/2011, Ngân hàng Anh tuyên bố sẽ tiến hành một đợt nới lỏng tiền tệ và tăng thêm 75 tỉ Bảng. Trong tháng 2/2012 công bố tăng thêm 50 tỉ Bảng. vào

tháng 7/2012 đã tăng thêm 50 tỉ Bảng nữa đưa tổng số tiền trong chương trình nới lỏng lên 375 tỉ Bảng. Ngân hàng Anh tuyên bố sẽ không mua nhiều hơn 70% tổng số nợ của chính phủ. Điều này có nghĩa rằng ít nhất 30% số nợ chính phủ sẽ phải được cá tổ chức khác mua lại.

Liên minh Châu Âu: Ngân hàng trung ương châu Âu ECB cho biết sẽ tập trung vào việc mua trái phiếu được bảo hiểm, một hình thức nợ của công ty. ECB công bố mua tài sản khoảng 60 tỉ EUR mỗi tháng trong năm 2009. Vào đầu năm 2013 Ngân hàng Quốc gia Thụy Sỹ đã có bảng cân đối lớn so với quy mô của nền kinh tế đó là trách nhiệm với gần 100% sản lượng quốc gia, có tổng cộng 12% trong số đó là những chứng khoán nước ngoài. Ngược lại lượng tài sản cổ phiếu nắm giữ của Cục dự trữ liên bang Mỹ tương đương khoảng 20% GDP của Mỹ thì Ngân hàng trung ương Châu Âu nắm giữ khoảng 30% GDP.

Trong một sự thay đổi lớn về chính sách, 22/11/2014 chủ tịch ECB Mario Draghi công bố một chương trình mua tài sản mở rộng, tức là sẽ tăng hơn con số 60 tỉ EUR mỗi tháng hiện tại. Bắt đầu từ tháng 3/2015 các gói kích thích đã được lên kế hoạch để kéo dài cho đến hết tháng 9 năm 2016 với tổng số tiền mua tài sản hàng tháng là 110 tỉ EUR. Draghi công bố chương trính sẽ tiếp tục cho đến khi chúng ta thấy một sự điều chỉnh tốt từ đường cong lạm phát, để cập đến nhu cầu của ECB để chống lại các mối đe dọa ngày càng tăng của tình trạng lạm phát trên toàn khu vực châu Âu vào đầu năm 2015.

Nhật Bản sau năm 2007 và Abenomics: Đầu tháng 10/2010, Ngân hàng trung ương Nhật Bản tuyên bố sẽ xem xét việc mua 5000 tỉ Yên tài sản. Đây là một nỗ lực để thúc đẩy giảm giá trị của đồng Yên so với đồng USD nhằm kích thích xuất cảng của Nhật. Ngày 4/8/2011 BOJ công bố một động thái đơn phương để tăng thặng dư tài khoản từ các ngân hàng thương mại từ 40 nghìn tỷ Yên lên 50 nghìn tỷ Yên. Trong tháng 10/2011 Ngân hàng mở rộng chương trình mua tài sản của mình bằng cách tăng 5000 tỉ Yên. Ngày 4/4/2013, Ngân hàng Nhật Bản tuyên bố sẽ mở rộng chương trình mua tài sản lên 60 – 70 nghìn tỷ Yên mỗi năm. Ngân hàng hi vọng sẽ mang lại sự khởi sắc trong nền kinh tế và đưa nền kinh tế thoát khỏi mỗi lo giảm phát đeo bám. Chính sách này đã được đặt tên là Abonomics. Ngày

31/10/2014 BOJ công bố mở rộng chương trình mua trái phiếu của mình lên đến 80 ngàn tỷ Yên mỗi năm hiện nay.

Có thể nói rằng những tác động tiêu cực từ cuộc khủng hoảng cộng với những vấn đề đáng lo ngại của Nhật Bản về việc già hóa dân số, kinh tế già nua và tăng trưởng chậm lại đã trở thành vấn nạn rất nan giải hiện nay mà chính phủ Nhật đã phải rất khó khăn để giải quyết. Cho tới bây giờ đã là rất lâu sau khi BOJ giảm lãi suất về mức thấp nhất có thể rồi mà tình hình kinh tế vẫn không có nhiều khả quan. Hiện tại thì các bạn cũng có thể thấy đó Nhật tìm mọi cách để giảm giá trị đồng Yên xuống và tích cực mua tài sản với lượng tiền cung ra thị trường là rất lớn. Chiến lược này phần nào giúp Nhật thoát khỏi khủng hoảng nhưng mối lo giảm phát thì vẫn còn đeo bám mãi.

Tôi xin được dừng lại những nội dung của cuộc khủng hoảng 2008 ở đây, các bạn có thể tham khảo những tác động và những thay đổi của nền kinh tế toàn cầu trong giai đoạn này ở những cuốn sách khác và các nguồn tài liệu khác, hi vọng những kiến thức cơ bản về cuộc đại khủng hoảng năm 2008 sẽ phần nào giúp cho các bạn có những cái nhìn bao quát nhất về những biến động của các lớp tài sản trong giai đoạn này để có thể vận dụng những mối tương quan liên thị trường đó vào thực tiễn phân tích trong hiện tại.

CHƯƠNG VI:

HÀNG HÓA, CÁC LỚP TÀI SẢN AN TOÀN, LỚP TÀI SẢN RỦI RO TRONG TỪNG GIAI ĐOẠN CỦA CHU KỲ KINH TẾ

Như các bạn đã biết hàng hóa và các lớp tài sản khác được chia thành 2 lớp tài sản an toàn và lớp tài sản rủi ro. Vậy thì trong quá trình diễn ra các vận động của chu kỳ kinh tế thì lớp tài sản nào sẽ được xem là an toàn và lớp tài sản nào được xem là rủi ro. Trong chương sách này chúng ta sẽ tìm hiểu xem những mối tương quan đó là gì.

Trong chương sách 4 bộ phận cấu thành thị trường các bạn có thể hình dung được tài sản nào được xem là an toàn nhất, trong bất kỳ thời điểm nào thì trái phiếu vẫn luôn là sự lựa chọn đối với những người cần sự đảm bảo đúng không các bạn, và trong những thời điểm nền kinh tế tăng trưởng tốt và nhu cầu tiêu dùng của người dân tăng lên thì họ sẽ ưu tiên sử dụng nguồn vốn của họ để đầu tư nhiều hơn là mua trái phiếu, và ngược lại trong những thời điểm thị trường khủng hoảng hoặc có những thông tin không thật sự tốt cho nền kinh tế thì người ta sẽ tìm đến trái phiếu như là bức tường thành trú ẩn vậy và vì thế cho nên trong các giai đoạn khủng hoảng thì trái phiếu sẽ tăng rất cao đẩy lợi tức trái phiếu giảm xuống. Thế còn những phương án nào được xem là an toàn nữa? Đơn cử là ở Việt Nam chúng ta khi phần lớn người dân họ an phận gửi tiền vào ngân hàng với mức lãi suất bao nhiêu % đó, cho đến việc người ta mua vàng về để trong két sắt hay là mua mảnh đất… tất cả những cái đó cũng có thể được xét đến là tài sản an toàn. Trong trường hợp này thì tài sản an toàn được xem là những thứ tài sản phòng hộ, giúp người dân cảm thấy an toàn

khi họ sở hữu những tài sản trên, dù cho nó có mất giá hay trải qua khủng hoảng thì người ta vẫn an tâm rằng tài sản đó không bao giờ mất trắng. Thế còn những tài sản nào được xem là tài sản rủi ro? Các bạn mua cổ phiếu, hay mua ít vàng đầu cơ, hoặc là một nhà đầu tư bất động sản… liệu các bạn sẽ an tâm khi chứng kiến khối tài sản đó giảm giá không? Hoặc các bạn có cảm thấy phấn khích mỗi khi những thứ các bạn đầu tư vào đó tăng giá không? Thế tại sao cùng một loại tài sản như nhau mà lại được chia thành 2 lớp tài sản an toàn và rủi ro?

Trong quan niệm của riêng cá nhân Tôi thì Tài sản được cho là an toàn khi mà nhà đầu tư hoặc người dân sở hữu nó và đảm bảo rằng nó không mất giá hoặc mất hết giá trị trong những giai đoạn của nền kinh tế. Có thể trong giai đoạn khủng hoảng thì lớp tài sản an toàn trên sẽ trở thành không an toàn nữa hoặc có thể trong những giai đoạn khác của nền kinh tế thì lớp tài sản an toàn trên lại trở thành những thứ tài sản rủi ro cao. Lớp tài sản rủi ro được định nghĩa là những thứ tài sản có khả năng sẽ mất giá trị hoặc trở nên không còn giá trị mỗi khi có khủng hoảng hoặc các biến động khác, thậm chí là chiến tranh.

Để có thể hiểu được sự phân chia các lớp tài sản này thì chúng ta cần tìm hiểu những đặc tính của từng thứ tài sản, mà trong các phần trước Tôi cũng đã có nói khá nhiều về một số lớp tài sản, những đặc tính đó phải được thể hiện qua những biến động trong từng giai đoạn của nền kinh tế. Trong chương sách này sẽ rất khó để có thể nói hết được những lớp tài sản trên, tuy nhiên trong phạm vi ngắn của cuốn sách này Tôi sẽ lấy một vài ví dụ cụ thể, và bên cạnh đó là sẽ chỉ nói những thứ tài sản cơ bản nhất mà phần lớn trader Việt đang quan tâm, và chủ yếu xoay quanh những đồng tiền chính, những kim loại quý và một vài mặt hàng được xem là an toàn và rủi ro cùng với đó là những biến động trong việc luân chuyển giữa tài sản rủi ro nhiều sang rủi ro ít trong các thời kỳ biến động của thị trường. Tôi hi vọng chương sách này sẽ khái quát cho các bạn thật sự rõ hơn về những biến động của các lớp tài sản.

Quy cách trình bày của chương sách này Tôi sẽ đi theo từng mối tương quan và những vận động đơn lẻ của từng lớp tài sản. Mỗi một vận động như vậy sẽ có những trường hợp khác nhau, do đó Tôi sẽ lấy ví dụ cho từng trường hợp một.

I- CARRY TRADE

Thuật ngữ Carry Trade có lẽ còn khá mới mẻ với khá nhiều bạn, thực ra hình thức carry trade này đã được nhiều nhà đầu tư, nhiều quỹ đầu tư lớn áp dụng, và thực tế là về mặt dài hạn thì những giao dịch carry trade lại trở thành những giao dịch mang lại lợi nhuận tốt nhất và an toàn nhất. Các bạn có thể xem lại chương trước Tôi đã từng nhắc đến carry trade với đồng AUDJPY, NZDJPY. Trong thực tế hàng thập niên qua người ta đã thực hiện carry trade này và kéo tỉ giá 2 cặp tiền này lên rất cao. Không chỉ riêng 2 cặp tiền trên mà carry trade còn được áp dụng trong giai đoạn biến động khác của thị trường, ví dụ như giai đoạn FED thực hiện chính sách lãi suất 0.25% hiện nay thì việc nhà đầu tư thực hiện carry trade với kỳ vọng bán đồng USD để mua đồng tiền có lãi suất cao hơn là sẽ có, tuy nhiên với đồng USD thì người ta lại ít khi thực hiện carry trade, trong giai đoạn hiện nay mặc dù lãi suất đồng USD là thấp thế nhưng đồng USD lại là đồng tiền chủ chốt trong nền kinh tế toàn cầu và tỉ lệ giao dịch rất lớn cộng với đó là kỳ vọng nâng lãi suất của FED đã khiến đồng USD tăng cao từ năm 2014 cho đến nay, cho nên việc thực hiện carry trade với đồng USD rất là mạo hiểm. Trong khuôn khổ cuốn sách này Tôi sẽ chỉ nói đến carry trade trong giao dịch tiền tệ, còn trong thực tế cuộc sống hàng ngày của chúng ta carry trade được thực hiện rộng khắp các mặt hàng khác nhau và phạm vi ảnh hưởng là tương đối rộng lớn. Bởi vì đa phần là chúng ta thực hiện giao dịch với các cặp tiền.

- *Theo Investopedia định nghĩa: "Carry Trade"*

  Một chiến lược kinh doanh có liên quan đến vay vốn với lãi suất thấp để đầu tư vào một tài sản mà cung cấp tỉ lệ lợi nhuận cao hơn. Một carry trade thường dựa trên việc vay một đồng tiền lãi suất thấp và chuyển đổi số tiền đó vào một đồng tiền khác có lãi suất cao hơn, với số tiền chênh lệch thu được là (a) được đặt trên tiền gửi bằng đồng tiền thứ hai nếu nó cung cấp một lãi suất cao hơn, hoặc triển khai thành tài sản (b) – chẳng hạn như mua cổ phiếu, hàng hóa, trái phiếu, hoặc bất động sản – mà được tính bằng đồng tiền thứ hai. Trong quá trình thực hiện giao dịch sẽ có những rủi ro lớn như: nguy cơ sụt giảm

mạnh về giá của các tài sản đầu tư, và các rủi ro ngoại hối tiềm ẩn với đồng tiền ngoại hối mà nhà đầu tư vay để thực hiện carry trade.

DEFINITION of 'Carry Trade'

A trading strategy that involves borrowing at a low interest rate and investing in an asset that provides a higher rate of return. A carry trade is typically based on borrowing in a low-interest rate currency and converting the borrowed amount into another currency, with these proceeds either (a) placed on deposit in the second currency if it offers a higher rate of interest, or (b) deployed into assets – such as stocks, commodities, bonds, or real estate – that are denominated in the second currency. Carry trades are strategies that are only appropriate for deep-pocketed entities because of two major risks – the risk of a sharp decline in the price of the invested assets, and the implicit exchange risk when the funding currency differs from the borrower's domestic currency.

Trong những đồng tiền được giao dịch nhiều nhất trên thế giới hiện tại thì người ta đặc biệt quan tâm đến đồng Yên Nhật vì bản chất nền kinh tế Nhật là lấy xuất cảng làm trọng và các chính sách tiền tệ của Nhật có phần nới lỏng hơn so với hầu hết các ngân hàng trung ương khác, do đó đa phần những nhà đầu tư họ tìm đến đồng Yên vừa là để trú ẩn mỗi khi có biến động tài chính hay nợ công mà còn là để thực hiện giao dịch carry trade mang về lợi nhuận nữa. Thật là tuyệt vời nếu vừa có thể kiếm được lợi nhuận từ việc chênh lệch lãi suất của các ngân hàng trung ương lại vừa có thể kiếm được lợi nhuận từ giao dịch bán đồng Yên đúng không các bạn. Vì như đã nhấn mạnh rất nhiều là Nhật Bản lấy xuất cảng làm trọng cho nên chính phủ Nhật luôn mong muốn đồng JPY giảm giá càng thấp so với USD và các đồng tiền khác. Cũng chính vì đặc điểm trên mà hàng thập niên qua người ta thực hiện carry trade với đồng JPY rất nhiều và đẩy đồng JPY xuống thấp hơn so với các đồng tiền khác. Mặt khác việc bán đồng JPY là một nửa câu chuyện, việc còn lại là sẽ dùng đồng JPY để mua đồng tiền nào, đó mới là cái quan trọng. Các ví dụ dưới đây sẽ cho các bạn những cái nhìn tương đối về việc kết hợp carry trade giữa đồng JPY và đồng tiền nào.

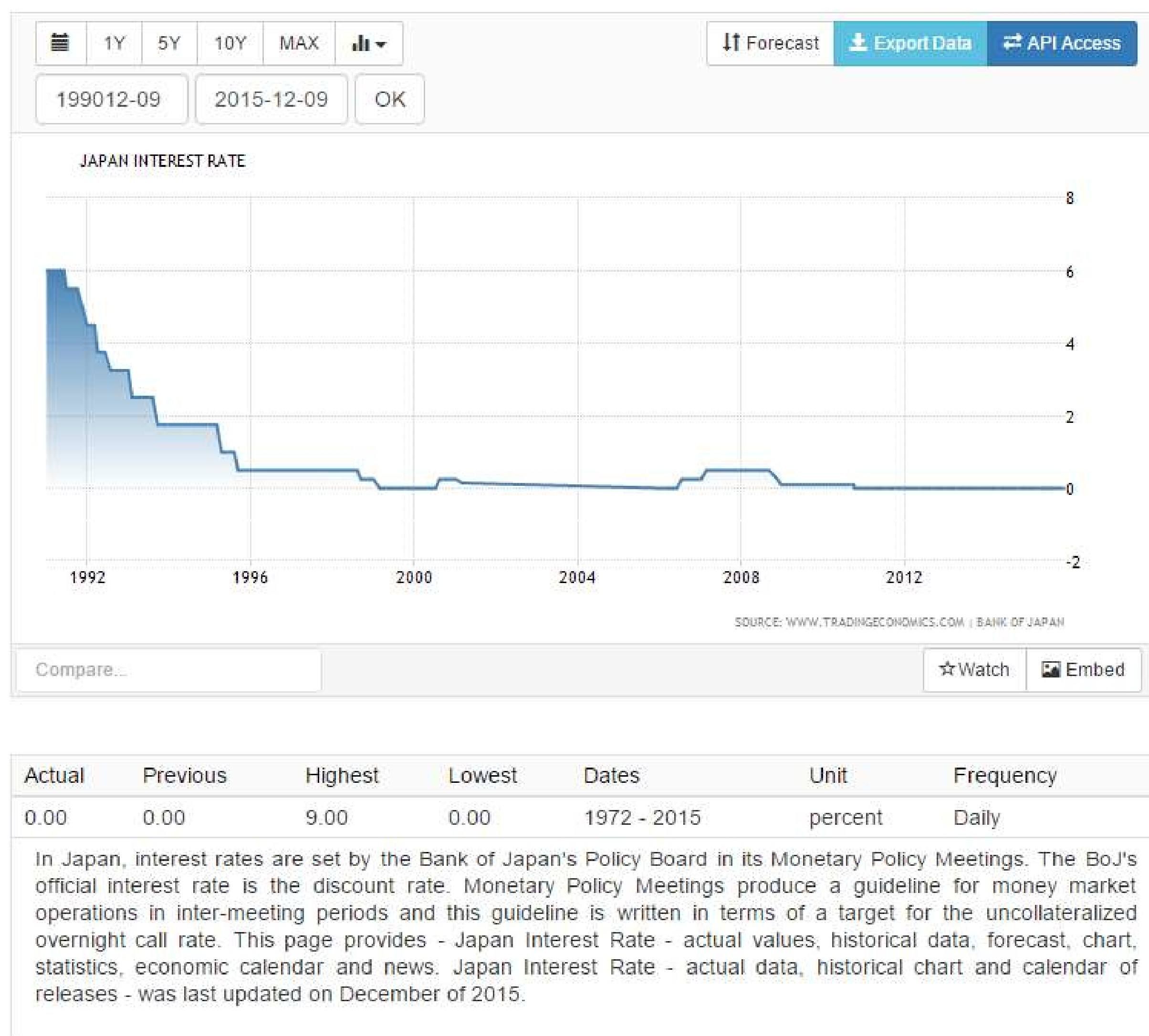
MỘT SỐ VÍ DỤ THỰC TIỄN GIAO DỊCH CARRY TRADE VỚI CÁC CẶP TIỀN:

Có thể nhiều bạn sẽ nghĩ rằng Carry trade sẽ chỉ phù hợp với những giao dịch dài hạn, thế nhưng không hẳn là như vậy, với bản thân Tôi cũng là một speculator và lệnh giữ thường không quá lâu thế nhưng Tôi vẫn thường xuyên thực hiện các giao dịch carry trade với đồng JPY và các đồng tiền có lãi suất cao hơn. Tất nhiên là trong các giao dịch đó đều phải xét đến yếu tố cơ bản và kỹ thuật xác nhận trong từng sự kiện nữa. Bản chất của Carry trade là mượn đồng tiền có lãi suất thấp hơn để mua đồng tiền có lãi suất cao hơn. Và cũng phần vì Carry trade thường được thực hiện với đồng JPY và đồng JPY cũng là một đồng tiền đóng vai trò tài sản trú ẩn mỗi khi có biến động cho nên Tôi sẽ đưa carry trade vào nhóm các giao dịch với lớp tài sản an toàn.

Ví dụ: Nhà đầu tư thực hiện carry trade với cặp tiền AUD/JPY và NZDJPY trong phần lớn thời gian kể từ những năm đầu thập niên 90 đến nay.

Trong suốt quãng thời gian dài từ những năm đầu thập niên 90 đến nay lãi suất của Nhật luôn ở mức rất thấp, với đặc thù nền kinh tế già hóa và tăng trưởng quá nhanh trong những thập niên trước đó cho nên việc nền kinh tế đi xuống và rơi vào khủng hoảng đã khiến cho Chính phủ Nhật luôn phải thực hiện chính sách nới lỏng kéo dài, mặc dù lãi suất gần như cho không thế nhưng có vẻ như nó vẫn chưa đủ sức thuyết phục nhà đâu tư vay vốn để đầu tư kinh doanh. Cũng thêm vào đó cú sốc trên thị trường năm 2008 đã lại càng làm cho mọi nỗ lực của Chính phủ Nhật trong việc kéo thấp giá trị đồng Yên xuống thất bại. Với lý do trên mà sau cuộc khủng hoảng đó chính phủ Nhật đã phải thực hiện thêm các biện pháp nới lỏng trong việc cung tiền ra thị trường, biện pháp này sau đó được gọi là Abenomics. Khi Nhật rơi vào suy thoái kéo dài và lãi suất luôn ở mức rất thấp như thế thì nó lại trở thành cơ hội để các nhà đầu tư thực hiện việc mượn đồng JPY để mua vào các đồng tiền khác có lãi suất cao hơn. Khác với đa phần các ngân hàng trung ương khác, Bank of Japan (BOJ) luôn muốn kéo thấp giá trị của đồng Yên vì nhiều lý do trong đó có một lý do là nợ công của Nhật rất lớn và phần lớn trong số đó đến từ vay của chính người dân. Do đó việc giá trị đồng Yên càng giảm thấp thì Chính phủ Nhật sẽ bớt được gánh năng nợ công, hơn nữa lại có thể khiến cho việc kinh doanh của các doanh nghiệp Nhật phát triển

tốt hơn và thuận lợi hơn trong việc xuất cảng. Đó là những lý do chính mà nhà đầu tư và cả chính phủ Nhật luôn mong muốn đồng JPY giảm thấp, nhưng với chính người dân Nhật mua trái phiếu chính phủ thì họ lại không mong muốn điều này.



Actual	Previous	Highest	Lowest	Dates	Unit	Frequency
0.00	0.00	9.00	0.00	1972 - 2015	percent	Daily

In Japan, interest rates are set by the Bank of Japan's Policy Board in its Monetary Policy Meetings. The BoJ's official interest rate is the discount rate. Monetary Policy Meetings produce a guideline for money market operations in inter-meeting periods and this guideline is written in terms of a target for the uncollateralized overnight call rate. This page provides - Japan Interest Rate - actual values, historical data, forecast, chart, statistics, economic calendar and news. Japan Interest Rate - actual data, historical chart and calendar of releases - was last updated on December of 2015.

Hình 6.1: Chính phủ Nhật luôn duy trì chính sách lãi suất thấp trong suốt hàng thập niên qua. (Nguồn: http://www.tradingeconomics.com/)

Thế còn chính sách lãi suất của chính phủ Úc thì sao: suốt quãng thời gian dài từ từ thập niên 90 cho đến nay lãi suất của RBA luôn ở mức cao và thường cao hơn rất nhiều so với đa số các ngân hàng trung ương khác. Với đặc thù nền kinh tế là khai khoáng và xuất khẩu các mặt hàng kim khoáng quặng làm trọng cho nên những biến động của đồng tiền

AUD tương quan chặt chẽ với biến động của giá cả hàng hóa. Bên cạnh đó chênh lệch lãi suất của Úc với các quốc gia khác là tương đối cao cho nên đồng AUD là điểm đến cho các hoạt động carry trade.



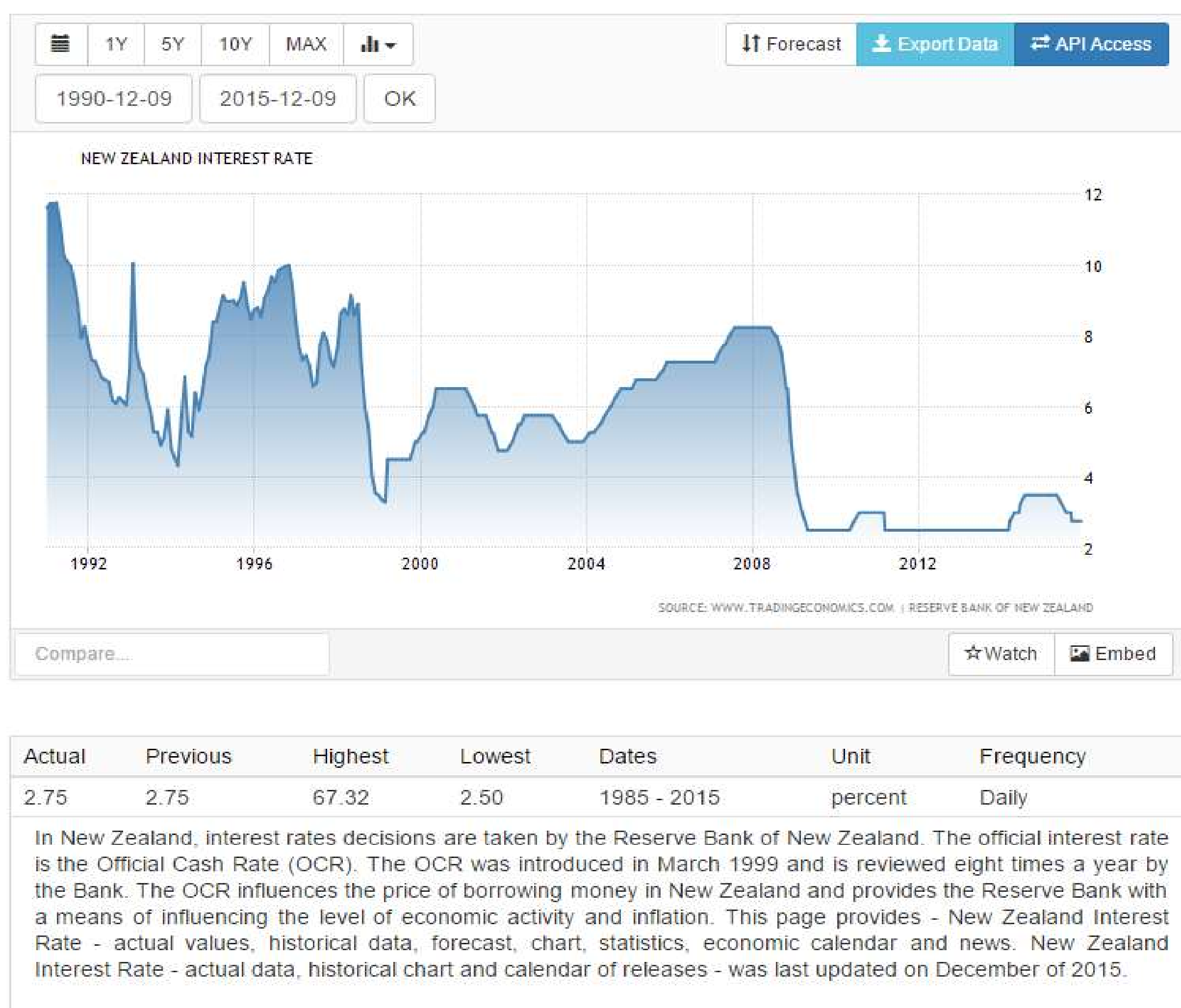
Actual	Previous	Highest	Lowest	Dates	Unit	Frequency
2.00	2.00	17.50	2.00	1990 - 2015	percent	Daily

In Australia, interest rates decisions are taken by the Reserve Bank of Australia's Board. The official interest rate is the cash rate. The cash rate is the rate charged on overnight loans between financial intermediaries, is determined in the money market as a result of the interaction of demand for and supply of overnight funds. This page provides - Australia Interest Rate - actual values, historical data, forecast, chart, statistics, economic calendar and news. Australia Interest Rate - actual data, historical chart and calendar of releases - was last updated on December of 2015.

Hình 6.2: Lãi suất của RBA luôn ở mức tương đối cao so với các ngân hàng trung ương khác. (Nguồn: http://www.tradingeconomics.com/)

Còn với New Zealand thì sao: đặc thù nền kinh tế lấy nông nghiệp làm trọng, và biến động của đồng NZD tương quan chặt chẽ với giá hàng hóa, đặc biệt là giá sữa. Có một điều các bạn cần lưu ý đó là tương quan chặt chẽ giữa đồng AUD và NZD là gần giống nhau, cũng vì đặc thù vị trí địa lý của 2 quốc gia này gần kề nhau và thương mại với Trung Quốc

là rất lớn cho nên những biến động của 2 đồng tiền này tương đồng nhau đến khoảng 80%. Do đó thường thì khi phân tích người ta sẽ lấy đại diện đồng AUD trade thế cho đồng NZD. Về chính sách lãi suất thì cũng tương tự như Australia, khi lãi suất của RBNZ cũng luôn cao hơn tương đối so với các ngân hàng trung ương khác. Cũng chính vì lý do này mà người ta cũng thực hiện carry trade với đồng tiền này tương đối lâu trong suốt hàng thập niên.



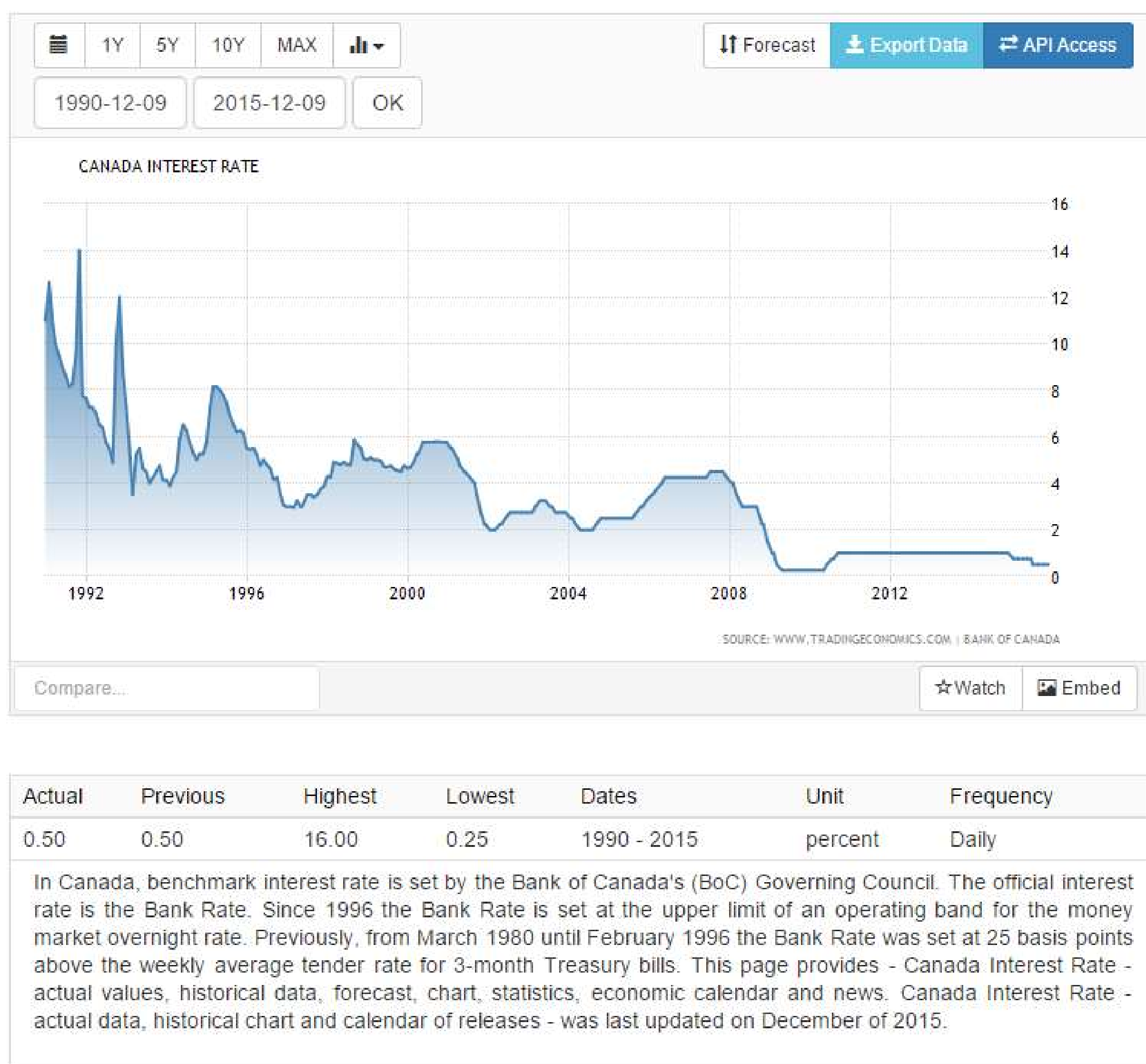
Actual	Previous	Highest	Lowest	Dates	Unit	Frequency
2.75	2.75	67.32	2.50	1985 - 2015	percent	Daily

In New Zealand, interest rates decisions are taken by the Reserve Bank of New Zealand. The official interest rate is the Official Cash Rate (OCR). The OCR was introduced in March 1999 and is reviewed eight times a year by the Bank. The OCR influences the price of borrowing money in New Zealand and provides the Reserve Bank with a means of influencing the level of economic activity and inflation. This page provides - New Zealand Interest Rate - actual values, historical data, forecast, chart, statistics, economic calendar and news. New Zealand Interest Rate - actual data, historical chart and calendar of releases - was last updated on December of 2015.

Hình 6.3: Lãi suất của New Zealand luôn ở mức tương đối cao so với phần lớn các ngân hàng trung ương khác. (Nguồn: http://www.tradingeconomics.com/)

Với nền kinh tế Canada cũng tương tự như Úc và New Zealand khi cũng là quốc gia lấy xuất khẩu hàng hóa làm chủ lực, khác với 2 quốc gia trên Canada là quốc gia có trữ

lượng dầu rất lớn và nằm trong số những quốc gia xuất khẩu dầu mỏ lớn nhất thế giới. Vậy nên những biến động của giá dầu đều tác động đến đồng CAD. Với đặc điểm lãi suất luôn ở mức cao so với các ngân hàng trung ương khác, và điều chỉnh lãi suất không giống như FED hay ECB…, với mức chênh lệch lãi suất tương đối như vậy thì nhà đầu tư cũng tìm đến đồng CAD để thực hiện carry trade trong suốt quãng thời gian tương đối dài trước cuộc khủng hoảng năm 2008.



Actual	Previous	Highest	Lowest	Dates	Unit	Frequency
0.50	0.50	16.00	0.25	1990 - 2015	percent	Daily

In Canada, benchmark interest rate is set by the Bank of Canada's (BoC) Governing Council. The official interest rate is the Bank Rate. Since 1996 the Bank Rate is set at the upper limit of an operating band for the money market overnight rate. Previously, from March 1980 until February 1996 the Bank Rate was set at 25 basis points above the weekly average tender rate for 3-month Treasury bills. This page provides - Canada Interest Rate - actual values, historical data, forecast, chart, statistics, economic calendar and news. Canada Interest Rate - actual data, historical chart and calendar of releases - was last updated on December of 2015.

Hình 6.4: Lãi suất của Canada luôn cao hơn tương đối so với BOJ trong giai đoạn trước cuộc khủng hoảng 2008. (Nguồn: http://www.tradingeconomics.com/)

Một số rủi ro cần phải được nhắc đến trong quá trình thực hiện carry trade là việc thực hiện giao dịch với chênh lệch lãi suất chỉ xảy ra trong điều kiện lý tưởng, tức là giá trị của đồng tiền chúng ta thực hiện carry trade là không thay đổi trong suốt quãng thời gian đó. Thế nhưng điều đó lại không bao giờ xảy ra với các đồng tiền tệ, vậy nên để có thể thực hiện tốt carry trade cần phải đảm bảo 2 yếu tố quan trọng nhất như sau: Thứ nhất là chênh lệch lãi suất giữa 2 đồng tiền là phải đủ lớn để hấp dẫn được các nhà đầu tư, các quỹ đầu tư…, Thứ hai và cũng là điều rất quan trọng đó là volatility (biến động) của đồng tiền thực hiện carry trade phải thấp, vì lý do này cho nên thường người ta chọn các đồng tiền hàng hóa để thực hiện carry trade với đồng JPY.

Nói rõ hơn một chút trong giai đoạn trước khủng hoảng 2008 cặp AUDJPY, NZDJPY luôn tăng rất mạnh và trend tăng dường như là trend chủ đạo và không quá khó để nhận ra người ta đang thực hiện carry trade, điều mà các bạn cần nắm vững trong khi phân tích carry trade đó là khi có được sự chênh lệch lãi suất đủ lớn rồi và các thông tin trên thị trường cùng với những biến động của thị trường là phải hỗ trợ cho giá cả hàng hóa tăng, mà trong giai đoạn nền kinh tế tăng trưởng thì nhu cầu tiêu thụ hàng hóa mới tăng, lạm phát qua đó mới tăng, cho nên trong các thời kỳ kinh tế tăng trưởng thì là lúc chúng ta nghĩ đến việc thực hiện carry trade với các đồng tiền hàng hóa và đồng JPY. Riêng với đồng JPY thì có thể phải rất lâu nữa mới thoát khỏi giai đoạn suy thoái như hiện này, và vấn đề già hóa dân số sẽ khiến cho Nhật thiếu trầm trọng nguồn lực lao động và sự già nua lạc hậu của nền kinh tế so với các quốc gia mới nổi và phát triển khác sẽ là vấn đề nhức nhối khiến cho các chính sách nới lỏng của Nhật sẽ còn phải kéo dài tương đối lâu nữa. Kể từ sau cuộc khủng hoảng Dotcom cho đến khi cuộc khủng hoảng năm 2008 bắt đầu là quãng thời gian người ta thực hiện carry trade nhiều nhất với các cặp tiền AUDJPY, NZDJPY, CADJPY. Vậy thì cái mà các trader cần nắm vững ở đây là gì: khi các bạn có được mức chênh lệch lãi suất tương đối lớn và việc phân tích tình hình kinh tế đều cho thấy sự tích cực của nhu cầu sử dụng hàng hóa thì các bạn chuyển sang trade các cặp tiền trên với một xu hướng chính là mua lên, thì tỉ lệ các bạn kiếm được lợi nhuận cao là tương đối tốt hơn so với việc các bạn cứ mua và bán cùng một cặp tiền trong cùng khoảng thời gian.



Hình 6.5: Nhà đầu tư thực hiện Carry Trade trong suốt quãng thời gian tương đối lâu với các cặp tiền AUDJPY, NZDJPY, CADJPY cho đến khi cuộc khủng hoảng kinh tế toàn cầu năm 2008 diễn ra.

Trên đây là ví dụ về mặt dài hạn, nó sẽ không phù hợp với đa phần Trader Việt là đầu cơ ngắn hạn, thế nhưng không nhất thiết các bạn phải bắt được đúng đáy của xu hướng, mà cái các bạn cần quan tâm đó là xác định được thời điểm nào người ta thực hiện carry trade để biết mà follow, chúng ta chỉ cần theo được từng khoảng ngắn thôi, nhưng làm đều đặn trong suốt quãng thời gian người ta thực hiện carry trade là cũng kiếm được rất nhiều tiền rồi. Tối sẽ lấy một vài ví dụ ngắn trong khung thời gian nhỏ vào giai đoạn trước năm 2008 nhé, thời điểm mà RBA, RBNZ, BOC công bố lãi suất. Có một điều cần lưu ý là khi các bạn phân tích mà thấy BOC nâng lãi suất hoặc cắt giảm lãi suất thì lúc đó người ta sẽ chạy sang trade với 2 đồng tiền AUD và NZD chứ không phải là tập trung vào đồng CAD nữa, đó là một kinh nghiệm phân tích liên thị trường mà các bạn trade lâu năm sẽ hiểu. Cho nên thường khi Tôi đọc được các thông tin nói về việc BOC cắt giảm lãi suất hoặc trong lúc công bố lãi suất là có cắt giảm giảm thì ngay lúc đó Tôi quay sang short 2 đồng tiền AUD và NZD với kỳ vọng rằng RBA và RBNZ cũng sẽ làm tương tự. Vì 3 quốc gia này đều phụ thuộc vào giá cả hàng hóa và đồng tiền của 3 quốc gia trên cũng được xem là đồng tiền hàng hóa.

Một ví dụ trong ngắn hạn vào ngày 26/4/2007 khi RBNZ công bố nâng lãi suất ngắn hạn từ 7,5% lên 7,75%. Giai đoạn này không chỉ riêng New Zealand mà ngay cả FED cũng nâng lãi suất lên mức rất cao vì lo ngại chính sách nới lỏng sẽ khiến thị trường bất động sản đổ vỡ, mãi cho đến đầu năm 2008 sau khi các tổ chức tài chính lớn phá sản thì lúc này đây FED mới phải cắt giảm lãi suất liên tục về mức thấp kỷ lục như hiện nay. Trong khoảng thời gian tương đối dài trước đó nhà đầu tư vẫn luôn kỳ vọng RBNZ sẽ nâng lãi suất kéo theo đó là RBA cũng nâng lãi suất lên mức cao nhất kể từ năm 1996 (các bạn thấy rõ ở bức hình phía trên đó). Cái mà các trader ngắn hạn như chúng ta cần quan tâm đó là khi RBA, RBNZ có xu hướng tăng lãi suất ngắn hạn trong một khoảng thời gian dài thì cái chúng ta hướng đến chính là thực hiện carry trade với AUDJPY và NZDJPY, trong bối cảnh khi thị trường nhà đất Mỹ đang phát tăng nhanh một cách chóng mặt và các nhà quản lý thị trường nhận thấy sự bất ổn trong đó cho nên họ đã phải liên tục nâng lãi suất để kìm hãm tốc độ tăng trưởng của thị trường nhà đất lại, thế nhưng việc nâng lãi suất lại bóp chết các tổ chức

tài chính trước đó đã vay vốn để đầu tư vào thị trường nhà đất, cũng chính điều này đã khiến cho hàng loạt tổ chức tín dụng vỡ nợ. Điều cần nhận thấy ở đây là thị trường chứng khoán liên tục tăng kéo theo đó là thị trường hàng hóa tăng mạnh, cũng chính vì điều này cho nên sự kỳ vọng tăng trưởng kinh tế của Úc và New Zealand là tương đối tốt. Và việc RBNZ thực hiện nâng lãi suất hồi đầu năm 2007 đến cuối năm 2007 lên mức 8,25%, con số quá cao lúc bấy giờ.

Thu Apr 26 2007	4:00am	NZD	Official Cash Rate	7.75%	7.50%	7.50%
		NZD	RBNZ Rate Statement			
	5:45am	NZD	Trade Balance	61M	2M	-128M

Hình 6.6: RBNZ nâng lãi suất vào đầu năm 2007 lên mức 7,75%.

Và đến cuối năm 2007 thì lãi suất của ngắn hạn của New Zealand đã tăng lên đến con số kỷ lục kể từ năm 1996 lên mức 8,25%.

Thu Jul 26 2007	4:00am	NZD	Official Cash Rate	8.25%	8.25%	8.00%
		NZD	RBNZ Rate Statement			
Fri Jul 27	5:45am	NZD	Trade Balance	-524M	-300M	11M

Hình 6.7: RBNZ nâng lãi suất lên mức cao kỷ lục 8.25% kể từ năm 1996.

Chỉ lấy ví dụ trong quãng thời gian ngắn này thôi các bạn cũng dễ dàng nhận thấy tình hình kinh tế đang tăng trưởng tốt và việc giá cả hàng hóa tăng cao giai đoạn này khiến cho lạm phát tăng lên mức tương đối cao (các bạn kiểm chứng lại ở chương cuộc khủng hoảng kinh tế toàn cầu năm 2008), khi lạm phát gia tăng trên toàn cầu thì các ngân hàng buộc phải thực hiện chính sách nâng lãi suất ngắn hạn để kìm hãm tốc độ tăng nhanh của lạm phát. Cũng chính vì vậy cho nên người ta đặt kỳ vọng vào việc nâng lãi suất của các ngân hàng trung ương trong đó đặc biệt chú ý đến RBA và RBNZ. Việc giải thích sự kiện đã xảy ra tương đối lâu này sẽ không thể nào đầy đủ được cho nên các bạn có thể hiểu những cái cơ bản như sau: lãi suất của RBA và RBNZ tăng cao trong bối cảnh giá hàng hóa tăng, cái này thì chắc hẳn các bạn đã hiểu rõ, mối lo lạm phát gia tăng sẽ tác động rất lớn đến phát triển kinh tế, vậy mới kết luận rằng lạm phát và lãi suất là hai mặt của một vấn đề, khi lạm phát tăng cao thì Ngân hàng trung ương sẽ tăng lãi suất, và giá cả hàng hóa giảm xuống

thì đó chính là dấu hiệu báo trước rằng lạm phát trong tương lai sẽ giảm xuống, điều này giải thích vì sao khi thị trường hàng hóa giảm xuống kể từ năm 2014 đến nay đã kéo theo hệ lụy là các ngân hàng trung ương phải giảm lãi suất cơ bản ngắn hạn. Trong chương sau Tôi sẽ nói chi tiết hơn nữa về lạm phát. Và nhân đây cũng nhắc lại lý do mà FED luôn phát biểu là sẽ nâng lãi suất trong năm 2015, thế nhưng khi lạm phát đang còn chưa đạt mục tiêu 2% thì có lẽ FED sẽ không giám mạo hiểm nâng lãi suất đâu, và bằng chứng là nguyên một năm 2015 này FED không hề nâng lãi suất mà chỉ dùng chiêu "giữ nguyên lộ trình nâng" để kéo đồng USD tăng lên mà không cần phải nâng phân lời.

Tiếp đến là việc RBA cũng nâng lãi suất sau khi RBNZ liên tục nâng lãi suất cơ bản lên mức cao nhất kể từ năm 1996. Điều mà các bạn lưu ý không chỉ riêng trong carry trade giai đoạn này mà bất cứ thời điểm nào, sự tương đồng giữa 2 đồng tiền này cũng như chính sách tiền tệ của RBA và RBNZ là gần như tương đồng với nhau. Vậy nên khi các bạn có được tin tức công bố rằng RBA nâng hay giảm lãi suất thì việc cần quan tâm chính là kỳ vọng rằng tương tự RBNZ cũng sẽ làm điều hoặc ngược lại khi RBNZ công bố nâng hoặc giảm lãi suất thì các bạn hãy đặt kỳ vọng vào việc RBA làm điều như thế. Thay vì cứ tập trung vào việc RBA và RBNZ nâng hay giảm lãi suất thì các bạn hãy chuyển sự chú ý đó sang việc kỳ vọng khi có được thông tin cần thiết. Câu nói Buy the Rumor, Sell the Fact là như thế này đó.

Wed Aug 8 2007	6:30am	AUD	Cash Rate	6.50%	6.50%	6.25%
		AUD	RBA Rate Statement			

Hình 6.8: RBA cũng nâng lãi suất lên 6,5% ngay sau khi RBNZ nâng lãi suất.

Và đến đầu tháng 3/2008 thì RBA đã nâng lên mức lãi suất kỷ lục 7.25% kể từ năm 1996.

Tue Mar 4 2008	7:30am	AUD	Retail Sales m/m	0.0%	0.5%	0.4%
		AUD	Current Account	-19.3B	-18.0B	-16.4B
	10:30am	AUD	Cash Rate	7.25%	7.25%	7.00%
		AUD	RBA Rate Statement			

Hình 6.9: RBA nâng lãi suất lên mức cao kỷ lục 7.25% kể từ 1996.



Hình 6.10: Giai đoạn RBA và RBNZ nâng lãi suất lên mức cao kỷ lục kể từ 1996, tuy nhiên trong thời điểm này đồng JPY tăng mạnh do nhà đầu tư lo ngại cuộc khủng hoảng lan rộng cho nên trong thời điểm này việc thực hiện carry trade có phần khó khăn hơn.

Trong bức hình trên mô phỏng lại thời điểm mà RBNZ nâng lãi suất và duy trì trong khoảng thời gian tương đối dài cho đến việc RBA nâng lãi suất lên mức cao kỷ lục vào tháng 3/2008. Mặc dù phần lớn nhà đầu tư thực hiện carry trade trong giai đoạn này thế nhưng khi cuộc khủng hoảng đang bắt đầu lan rộng thì việc đồng JPY tăng lên trong khi chính sách lãi suất vẫn rất thấp là điều dễ nhận thấy. Mặc dù vậy mỗi khi RBA hay RBNZ nâng lãi suất thì thời điểm đó dòng tiền chạy vào thực hiện carry trade với 2 cặp tiền này vẫn tăng rất cao. Dữ liệu ở Forexfactory chỉ có thể cập nhật cho đến thời điểm 2007 do vậy tôi không thể lấy đầy đủ data để chứng minh được và đưa ra những ví dụ thực tiễn ngắn hạn, để đơn giản hóa các ví dụ carry trade tôi sẽ lấy 1 ví dụ với cặp chính các cặp tiền trên trong giai đoạn cuối năm 2012 đến đầu năm 2013. Trong giai đoạn này mặc dù RBA giảm lãi suất tuy nhiên vẫn ở mức cao so với lãi suất cảu BOJ, còn riêng với RBNZ thì mặc dù lãi suất thực hiện là không cao so với BOJ tuy nhiên cặp tiền AUDJPY và NZDJPY vẫn tăng rất mạnh. Sẽ có nhiều mâu thuẫn trong giai đoạn này vì đáng lẽ ra khi kinh tế trì trệ thì RBA và RBNZ cắt giảm lãi suất, đồng AUD và NZD đáng lẽ sẽ phải giảm so với các đồng tiền khác, thế nhưng cặp tiền AUDJPY và NZDJPY vẫn tăng rất ấn tượng. Điều này được lý giải chính là dòng tiền thực hiện carry trade tăng vọt. Tuy là có giảm lãi suất thế nhưng mức lãi suất của RBA vẫn duy trì ở trên 3%, mức chênh lệch tương đối lớn so với lãi suất của BOJ. Mặc dù trong giai đoạn này giá cả hàng hóa giảm mạnh (từ tháng 9/2012 – 2/2013), có một chút mâu thuẫn ở thời điểm này. Cũng trong giai đoạn này Ngân hàng trung ương Canada thực hiện nâng lãi suất lên mức 1%. Về lý thuyết thì với mức lãi suất 1% thì không thể thu hút nhà đầu tư tìm đến thực hiện carry trade được, thế nhưng trong gian đoạn này đồng JPY liên tục giảm mạnh vì những chính sách siêu nới lỏng cảu BOJ và trong giai đoạn này đã thoát khỏi giai đoạn khủng hoảng kinh tế toàn cầu cho nên dòng tiền sẽ không tìm đến trú ẩn với đồng JPY nữa.



Hình 6.11: Chỉ số hàng hóa CRB Index giảm tương đối mạnh trong quãng thời gian từ tháng 9/2012 – 3/2013.



Hình 6.12: AUDJPY, NZDJPY, CADJPY tăng mạnh trong giai đoạn nhà đầu tư thực hiện carry trade với 3 cặp tiền này, mặc dù giá cả hàng hóa giảm tương đối mạnh và RBA phải cắt giảm lãi suất, tuy nhiên mức chênh lệch lãi suất là vẫn đủ cao để hấp dẫn các nhà đầu tư.

Trong giai đoạn hiện nay thì việc carry trade sẽ không còn được người ta chú trọng nữa, thế nhưng trong tương lai khi nền kinh tế thế giới đã phục hồi tăng trưởng trở lại thì việc các ngân hàng trung ương thực hiện nâng lãi suất đó là điều dễ hiểu, và một khi mức chênh lệch lãi suất đủ lớn thì người ta sẽ lại quay về với trò chơi carry trade này, lúc đó cũng sẽ là những cơ hội để các bạn có thể áp dụng và thực kiếm tiền từ sự chênh lệch lãi suất này.

Ngoài việc thực hiện carry trade với các cặp tiền trên thì cũng ta cũng có thể thực hiện với các cặp tiền có mức chênh lệch lãi suất tương đối lớn khác nữa. Có một vài lưu ý là để có thể nhận ra được giai đoạn nào người ta thực hiện carry trade, giai đoạn nào thì đó là sự tác động của tình hình sức khỏe kinh tế phản ảnh lên giá trị của đồng tiền, cái này các bạn sẽ phải tiến hành xác định sự tương quan giữa chênh lệch lãi suất và Volatility như đã nói ở phần đầu.

II- MỐI TƯƠNG QUAN CỦA GBP VÀ OIL

Sở dĩ Tôi gộp mối tương quan này vào chương các tài sản an toàn và rủi ro là vì tầm quan trọng của OIL trong đời sống cũng như những ảnh hưởng của giá Oil với nền kinh tế của nhiều quốc gia trên thế giới, hơn nữa Oil là một thứ hàng hóa, hàng hóa đặc biệt cho nên sẽ rất nhạy cảm với mỗi biến động trên thị trường. Và bên cạnh đó mối tương quan mật thiết giữa nền kinh tế Anh và giá Oil lại là cả một câu chuyện. Sẽ nhiều bạn có những thắc mắc là tại sao cặp tiền có đồng GBP lại đôi khi tự nhiên biến động rất khó lường, và nhìn quanh chả thấy có cái tin nào liên quan đến GBP hay các đồng tiền liên quan khác, thế nhưng đột nhiên cặp tiền đi cùng GBP lại biến động. Đó là câu hỏi mà Tôi biết rằng nhiều bạn sẽ thắc mắc và nhiều bạn nói là cặp GBPUSD, GBPJPY… là cực kỳ khó trade và là những cặp tiền biến động nhiều nhất của market… Tất cả những lý do trên Tôi sẽ cố gắng giải thích trong phần này, bởi vì mối tương quan rất mật thiết của đồng Bảng và giá dầu cho nên sẽ có nhiều thời điểm các bạn thấy bất ngờ vì đồng GBP tăng hoặc giảm đột ngột, thế nhưng khi hiểu được bản chất rồi thì mọi chuyện sẽ không quá khó như các bạn nghĩ đâu, và cặp tiền có đồng GBP sẽ không còn là vấn đề nan giải.

Năm 2006, Vương quốc Liên hiệp Anh và Bắc Ireland là nước tiêu thụ lớn thứ chín và nước sản xuất lớn thứ 15 trên thị trường năng lượng thế giới. Vương quốc Liên hiệp Anh và Bắc Ireland là nơi đặt trụ sở của một số công ty năng lượng lớn, trong đó có BP, Royal Dutch Shell và BG Group. Năm 2011, 40% điện năng của Vương quốc Liên hiệp Anh và Bắc Ireland được sản xuất bằng khí đốt, 30% bằng than đá, 19% bằng năng lượng hạt nhân, và 4,2% bằng gió, hydro, nhiên liệu sinh học, và chất thải. Mặc dù không phải là quốc gia có trữ lượng dầu nhiều và khai thác nhiều thế nhưng công nghiệp năng lượng lại là ngành công nghiệp chủ lực trong nền kinh tế Anh khi đóng góp khoảng 10% GDP. Việc sở hữu các công ty năng lượng lớn như vậy cho nên những biến động của giá dầu sẽ tác động trực tiếp đến sản xuất và GDP của Anh, vậy cho nên mỗi khi các bạn nhìn thấy giá dầu giảm thì nền kinh tế Anh sẽ chịu những tổn thất không hề nhỏ.

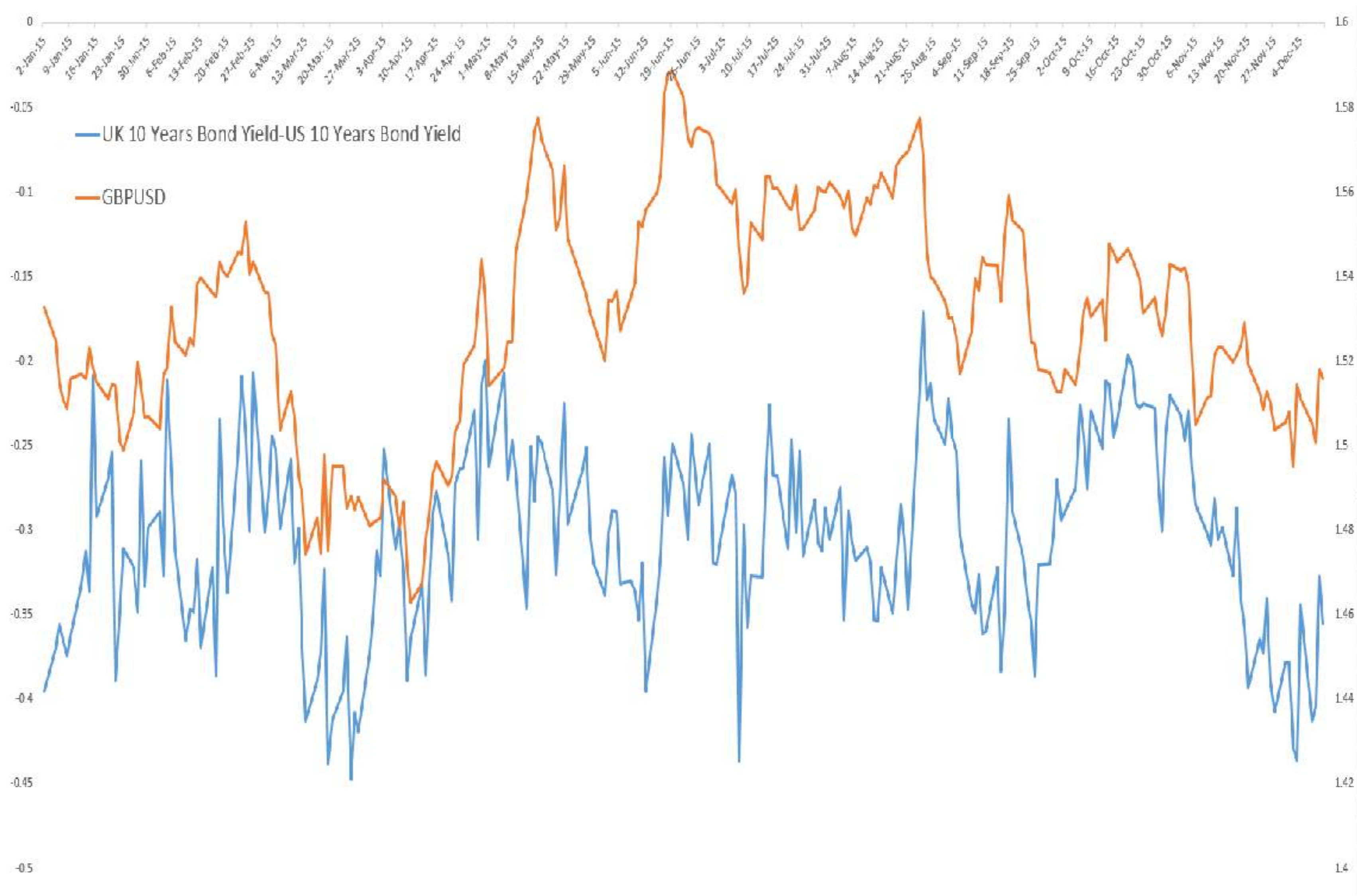


Hình 6.13: Mối tương quan mật thiết giữa giá dầu và đồng GBP.

Một điều quan trọng mà các bạn nên nhớ đó là lịch sử hình thành và phát triển thị trường trái phiếu Anh đã trải qua hàng trăm năm và cho đến tận bây giờ thì tầm ảnh hưởng của những tập đoàn tài chính, những ngân hàng lớn ở Anh vẫn còn rất lớn. Bên cạnh đó là trái phiếu của Anh cũng được đánh giá hạn mức tín nhiệm rất cao và cũng được nhà đầu tư tìm đến mỗi khi có những biến động trên thị trường. Với những lý do này cho nên khi phân tích các cặp tiền tệ của đồng GBP các bạn hãy theo dõi những biến động trên thị trường trái phiếu thật rõ ràng, bằng những phân tích tương đối đơn giản trên chart lợi tức trái phiếu của Anh chúng ta sẽ thấy được xu hướng của smart $ đang tìm đến với thị trường trái phiếu Anh hay không, qua đó sẽ tiên đoán được những kỳ vọng của thị trường và nhận biết có mối lo nào xung quanh sự kiện mà market đang chú ý hay không…

Có hai điều cần được hiểu rõ đó là mức độ an toàn và lợi tức trái phiếu mà nhà đầu tư thu được. Smart $ thường tìm kiếm những tài sản đáp ứng đủ hai yêu cầu này để chạy vào. Thị trường trái phiếu Mỹ là một thị trường lớn nhất và cũng an toàn nhất. Cho nên đương nhiên thỏa mãn điều kiện 1. Khi lợi tức trái phiếu Mỹ tăng lên so với lợi tức trái phiếu nước ngoài thì nó hội tụ đủ điều kiện thứ hai. Từ đó sẽ thu hút nguồn vốn nước ngoài đổ về đây. Ngược lại khi lợi tức Mỹ giảm thấp so với đối tượng được mang ra so sánh, dòng tiền sẽ chạy ra khỏi tài sản được định giá bằng USD. Khi tiến hành mua các tài sản định giá bằng $ có lợi tức cao, nhà đầu tư nước ngoài cần phải bán đồng tiền bản xứ để đổi lấy đồng USD, do đó làm tăng giá trị của dollar. Trong tình huống ngược lại khi bán ra các tài sản Mỹ thu về đồng USD để đi đầu tư vào các loại tài sản khác không được định giá bằng $, người ta cần phải dùng USD đổi lấy đồng tiền bản xứ, qua đó gián tiếp làm giảm giá USD. Biểu đồ dưới đây là ví dụ minh họa rõ nét cho tình huống này.

Không chỉ riêng gì chênh lệch lợi tức giữa Anh và Mỹ mà ở vị thế quan trọng của trái phiếu Anh thì các bạn cũng có thể áp dụng phân tích sự chênh lệch lợi tức trái phiếu này với các cặp tiền khác của đồng GBP như GBPJPY, EURGBP…



Hình 6.14: Chênh lệch lợi tức trái phiếu kỳ hạn 10 năm của Anh và Mỹ dự báo trước xu hướng cặp GBPUSD.

Các bạn cũng có thể so sánh mức chênh lệch lợi tức trái phiếu kỳ hạn khác nhau của Anh vào các quốc gia phát triển khác để nhận thấy sự tương quan giữa sự chênh lệch lợi tức trái phiếu của các quốc gia so với tỉ giá cặp tiền tương ứng có mối tương quan thế nào. Tôi lấy một ví dụ với cặp tiền GBPUSD và GBPJPY vì đa phần các Trader Việt sẽ giao dịch với cặp tiền này là chính so với những cặp tiền khác của đồng GBP.

Ví dụ 1: Biến động của giá Oil là chỉ báo sớm cho đồng GBP. Sự kiện OPEC công bố chính sách không cắt giảm sản lượng khai thác vào ngày 04/12/2015.

Như đã nhấn mạnh ở trên nền kinh tế Anh phụ thuộc tương đối nhiều vào giá dầu, nếu giá dầu giảm thấp quá thì các tập đoàn, công ty năng lượng cảu Anh sẽ mất đi rất nhiều nguồn doanh thu, do đó khi giá dầu có biến động thì đồng Bảng Anh vì thế cũng sẽ chịu ảnh hưởng. Vậy nên sẽ có nhiều trường hợp không hề có tin tức liên quan đến kinh tế Anh và các quốc gia liên quan nhưng cặp tiền đi cùng Bảng Anh lại biến động, và nếu như các bạn nắm vững quy luật tương quan giữa đồng bảng và Oil thì các bạn sẽ biết được thời điểm nào có các tin tức liên quan đến Oil để từ đó mà biết được các smart $ đi tiền thế nào. Tôi lấy một ví dụ ngay gần đây vào tuần trước khi OPEC công bố sẽ nâng sản lượng khai thác lên mức cao kỷ lục và nhất quyết không chịu giảm sản lượng, mặc cho gía dầu rớt xuống mức thấp. Cũng trong ngày hôm đó báo cáo phi nông nghiệp NFP của Mỹ được công bố. Nếu bạn nào tinh ý sẽ phát hiện ra ngay tại thời điểm hôm thứ 6 công bố NFP và OPEC công bố kế hoạch khai thác dầu mà giá dầu vẫn không giảm mạnh và cặp tiền USDCAD vẫn giảm, GBPUSD vẫn không có phản ứng nhiều. Ngày 4/12/2015 khi báo cáo NFP của Mỹ công bố là tốt, thế nhưng tại sao đồng USD lại không hề tăng mạnh, nếu các bạn không chú ý trong vài ngày trước đó đồng USD đã tăng nhẹ vì báo cáo NFP lần này được các nhà đầu tư tiên đoán là tốt, tuy nhiên trong ngày 3/12/2015 là ngày mà ECB công bố chính sách tiền tệ mà những tháng trước đó ECB đã lên tiếng rằng sẽ tăng thêm lượng tiền QE vào nền kinh tế do chương trình QE đang thực hiện là chưa phát huy hết hiệu quả của nó, vào ngày hôm đó không những ECB không tăng thêm lượng QE mà lại còn cắt

giảm lãi suất huy động khiến cho đồng EUR tăng mạnh so với các đồng tiền khác. Khi ECB công bố là kinh tế đã suy yếu và chương trình kích thích QE hiện tại chưa phát huy được hết hiệu quả và cần phải thực hiện một chương trình mở rộng chính sách thì trong suốt quãng thời gian từ giữa tháng 10 đến ngày 3/12 đồng EUR liên tục bị bán tháo. Có thể nói đây là một chiến lược rất thông minh của ECB khi không cần phải tăng QE mà chỉ cần xài đòn gió giống y như FED vậy, và đòn gió này đã khiến cho đồng EUR giảm xuống mức thấp nhất kể từ đầu năm 2015, việc đồng EUR giảm mạnh đã thúc đẩy thương mại của khu vực EU với các nền kinh tế khác, mặc dù EUR giảm quá thấp sẽ khiến dòng tiền đầu tư vào EU giảm, thế nhưng việc thúc đẩy thương mại tăng vào dịp cuối năm nay là quan trọng hơn, và khi đạt được mục đích thì ECB sẽ không ngần ngại thông báo sẽ không cần thêm một chương trình nới lỏng nữa mà thay vào đó là cắt giảm lãi suất huy động vốn, giảm lãi suất huy động có nghĩa là sẽ kích thích kinh tế tăng trưởng khi mà người dân, doanh nghiệp… gửi tiền vào nhà bank thì sẽ thu được nguồn lãi suất thấp hơn so với việc họ dùng chính đồng tiền đó đầu tư vào kinh doanh, thương mại… Chiến lược này đã phát huy tác dụng rất tích cực khi ECB vẫn không cần tăng thêm lượng QE, việc cung tiền ra thị trường quá nhiều sẽ gây ra những tác động xấu, dẫn đến việc đồng EUR giảm quá thấp so với các đồng tiền khác, nhà đầu tư họ sẽ quay lưng với EUR, và chắc hẳn nếu đồng EUR giảm về dưới 1 EUR đổi 1 USD thì kinh tế khu vực châu Âu sẽ càng rơi vào khủng hoảng.

Quay lại vấn đề chính, khi ECB công bố chính sách tiền tệ thì cặp tiền EURUSD đã tăng rất cao đẩy đồng USD về mức thấp, thế nhưng trong ngày sau đó đồng USD đã tăng trở lại, phần vì lượng lớn smart $ chốt lời sự kiện ECB, phần vì sự kỳ vọng báo cáo NFP sẽ tốt hơn so với kỳ vọng. Vậy cho nên trong 2 ngày sau đó cặp EURUSD đã có chút giảm nhẹ. Và sự kỳ vọng đó không còn mạnh như hồi tháng trước cho đến khi báo cáo NFP được công bố tốt hơn so với kỳ vọng, nhưng đồng USD lại không hề tăng mạnh, điều này cho thấy các smart $ đang cảm thấy không an toàn khi mua vào đồng USD. Cũng trong ngày hôm đó OPEC công bố chính sách không cắt giảm sản lượng khai thác, nhưng có một lý do các bạn cần quan tâm là cũng trong ngày báo cáo phi nông nghiệp được công bố thì Canada cũng công bố một loạt số liệu về thương mại và lao động, thất nghiệp rất tệ.

All Day	ALL		OPEC Meetings				
8:30pm	CAD		Employment Change		-35.7K	-9.7K	44.4K
Ngày 4/12/2015	CAD		Trade Balance		-2.8B	-1.7B	-2.3B
	CAD		Unemployment Rate		7.1%	7.0%	7.0%
	CAD		Labor Productivity q/q		0.1%	0.2%	-0.9
	USD		Average Hourly Earnings m/m		0.2%	0.2%	0.4%
	USD		Non-Farm Employment Change		211K	201K	298K
	USD		Unemployment Rate		5.0%	5.0%	5.0%

Hình 6.15: Số liệu kinh tế Canada quá tệ trong khi OPEC công bố chính sách không giảm sản lượng khai thác và báo cáo NFP của Mỹ là tốt ngày 04/12/2015.

Thế tại sao cặp tiền USDCAD không tăng, cặp tiền GBPUSD không giảm? Trong khi lúc đó giá Oil giảm tương đối mạnh. Các bạn sẽ thắc mắc đúng không. Trên lý thuyết thì số liệu Canada là quá tệ, cộng thêm giá oil giảm vì OPEC nâng sản lượng khai thác mặc kệ giá dầu giảm mạnh, cùng lúc đó NFP của Mỹ ra là tốt, thế thì đó là một thời điểm quá tốt để chúng ta vào lệnh buy cặp USDCAD và short cặp GBPUSD đúng không. Nếu các bạn hiểu rõ tầm quan trọng của giá Oil tới nền kinh tế Anh thì các bạn sẽ không thể bỏ qua cơ hội tốt như vậy đâu. Vì hôm đó là ngày cuối tuần và các báo cáo ra bất ngờ cùng với quyết định bất ngờ của OPEC cho nên ngay lúc đó nhà đầu tư và các quỹ vẫn còn cảm thấy rui ro tương đối lớn, cùng với đó là thời điểm ngày thứ 6 cuối tuần cho nên lượng smart $ chốt lời nhiều cho nên thị trường có chút biến động.

Trong suốt mấy ngày diễn ra những sự kiện trên cho đến mãi hôm 8/12 không hề có tin tức liên quan đến đồng Bảng, thế nhưng vì giá dầu giảm quá mạnh cho nên nhà đầu tư và các smart $ sẽ nghĩ rằng Oil giảm sẽ gây thiệt hại tương đối lớn với nền kinh tế Anh và trong tương lai kinh tế Anh sẽ suy yếu, điều này khiến họ lo ngại rằng việc BOE nâng lãi suất là không thể thực hiện, do vậy người ta sẽ bán đồng GBP. Vậy cái cần rút ra ở đây là gì: sự kỳ vọng việc giá dầu giảm sẽ kéo GDP của Anh xuống, các tập đoàn năng lượng của Anh trên khắp thế giới sẽ chịu tổn thất và thiệt hại tương đối nhiều, điều này khiến cho triển vọng kinh tế Anh đi xuống, mà nền kinh tế suy yếu thì việc nhà đầu tư cảm thấy bất an khi giữ đồng GBP là điều chắc chắn. Do vậy mà những ngày sau đó đồng GBP liên tục bị bán. Trong ví dụ này Oil đóng vai trò dẫn dắt đồng GBP.



Hình 6.16: Đồng GBP và CAD liên tục bị bán sau khi OPEC thông báo sẽ không cắt giảm sản lượng khai thác khiến cho giá dầu giảm mạnh sau đó. (Hình vẽ ghép các chart vào nếu khó quan sát các bạn có thể kiểm chứng lại).

Vùng đánh dấu đầu tiên là thời điểm OPEC công bố chính sách khiến Oil giảm mạnh, thế nhưng cặp USDCAD và GBPUSD không hề phản ứng mạnh, nếu là một IA Trader thì sẽ nhân cơ hội này mà short đồng CAD và GBP, thì ngay lúc này mức stop loss sẽ rất ngắn. Về phân tích kỹ thuật Tôi sẽ chỉ nói sơ qua mô hình hình thành trong khung H1, cá nhân Tôi nghĩ về Phân tích kỹ thuật là mỗi người một quan điểm cho nên Tôi sẽ không đi sâu quá vào phân tích kỹ thuật, mà sẽ chỉ nói tới những mô hình và các tín hiệu cơ bản nhất ai cũng biết. Trên hình vẽ Tôi thể hiện 2 mô hình chart parttern với 2 cặp GBPUSD và USDCAD, mô hình thể hiện xu hướng sắp có một break out xảy ra. Và khi mang cái phân tích cơ bản đã nêu ở trên áp vào chart cùng với mô hình thể hiện ra như vậy thì đó là một thời điểm tốt để Tôi vào lệnh với mức Stop Loss chấp nhận là rất ngắn (các giao dịch của Tôi Stop Loss giao động từ 20-60 pips). Và vùng tô màu thứ 2 là kết quả của việc kỳ vọng đồng GBP và CAD giảm. Các bạn có thể thấy việc phân tích liên thị trường không nhất thiết là dài hạn. Và ví dụ trên để chứng minh cho cái lập luận về mối tương quan giữa giá Oil và đồng GBP như trong bức hình tương quan dài hạn ở trên.

Ví dụ 2: Oil tăng mạnh trong một khoảng thời gian dài trước đó là chỉ báo xu hướng cho đồng GBP từ ngày 18/3-15/5/2015.

Trong ví dụ lần này là giá dầu tăng mạnh trong suốt quãng thời gian từ 18/3 đến 20/4/2015. Trong suốt quãng thời gian này giá dầu liên tục tăng cao sau khi chạm đáy thấp nhất kể từ khủng hoảng 2008, các quốc gia xuất khẩu dầu bắt đầu nhìn thấy được giá dầu giảm sâu sẽ tác động rất lớn đến GDP và tăng trưởng kinh tế của mình, thời điểm này xung đột tại Yemen leo thang cho nên sản lượng khai thác dầu giảm mạnh, cùng với đó là nhu cầu dầu tăng lên, sự khởi sắc trên thị trường chứng khoán, sản lượng dầu khai thác của Mỹ giảm xuống, lượng dầu tồn đọng trong kho của Mỹ giảm xuống thấp hơn dự báo cho nên giá dầu được hỗ trợ tăng mạnh vào dịp cuối tháng 3 đến đầu tháng 4 năm 2015. Tạm gác lại nguyên nhân giá dầu tăng, mục đích của ví dụ này là giá dầu tăng sẽ là chỉ báo sớm cho đồng GBP. Suốt quãng thời gian dài từ cuối tháng 3 đến ngày 18/4 giá dầu liên tục tăng và cặp tiền GBPUSD cũng có những tín hiệu tốt, tăng nhẹ lên mức 1,490. Trên chart các bạn có thể thấy rõ là sau giá đoạn này chart GBPUSD xuất hiện mô hình chart parttern là mô

hình 2 đáy, cùng với đó là sự kiện giá dầu liên tục tăng cao cho nên dấy lên trong lòng market một sự kỳ vọng là đồng GBP sẽ tăng mạnh trong tương lai. Sự kỳ vọng đó càng được hỗ trợ hơn khi các thông tin được công bố vào thời điểm từ ngày 17/4 đến 20/4 là rất tốt.

9:00pm 15/04/2015	CAD	BOC Monetary Policy Report			
	CAD	BOC Rate Statement			
	CAD	Overnight Rate	0.75%	0.75%	0.75%
	USD	NAHB Housing Market Index	56	55	52
9:30pm	USD	Crude Oil Inventories	1.3M	3.5M	10.9M

Hình 6.17: BOC giữ nguyên lãi suất trong giai đoạn Oil tăng mạnh, lượng dầu tồn kho của Mỹ giảm mạnh thấp hơn dự báo khiến cho giá dầu tăng lên cao.

Mặc dù trong suốt quãng thời gian rất dài kể từ ngày 15/3 cho đến hết 30/4/2015 không có nhiều tin tức quan trọng tác động đến đồng Bảng, thế nhưng trong quãng thời gian này đồng GBP lại tăng rất mạnh so với các đồng tiền khác. Lý do là vì giá dầu đã tăng rất mạnh trước đó, cộng thêm việc kinh tế Anh tăng trưởng tương đối tốt và giai đoạn này đồng USD giảm do người ta mất niềm tin vào việc FED nâng lãi suất khi cuộc họp chính sách trước đó FED vẫn duy trì mức lãi suất 0,25% mặc dù luôn nói là sẽ nâng lãi suất, thế nhưng lại không hề nâng, thời điểm này Mỹ đang phải đối mặt với việc giảm phát cho nên FED không thể nào mạo hiểm nâng lãi suất được. Trong quãng thời gian này giá dầu tăng mạnh đã giúp cho các công ty năng lượng và khai thác dầu của Anh thu về nguồn lợi rất lớn và qua đó cổ phiếu các công ty này tăng cao đã kéo thị trường chứng khoán Anh đạt đỉnh vào ngày 16/4/2015.

Đem cái suy luận trên áp vào chart kỹ thuật các bạn sẽ thấy được rằng thời điểm dầu tăng lên mức trên 58$/thùng vào ngày 18/4 thì lúc này đây cặp tiền GBPUSD cũng đã tăng lên lại mức cản kháng cự 1,49 và trong bối cảnh lúc này khi giá dầu tăng cao và chứng khoán Anh tăng mạnh (chỉ số FTSE tăng lên mức đỉnh năm 2015), cùng với đó là chart GBPUSD xuất hiện mô hình 2 đáy là mô hình chart parttern đảo chiều, vậy thì thời điểm tốt nhất để vào lệnh cặp tiền này chính là lúc giá break out qua mức cản 1,49 đó và cũng là thời điểm mà mức stop loss theo Tôi là rất nhỏ.



Hình 6.18: Giá dầu tăng cao trong suốt quãng thời gian dài trong khi cặp tiền GBPUSD đang có dấu hiệu phá vỡ ngưỡng kháng cự (3), các thông tin cơ bản tác động mạnh đến đồng GBP không có nên việc giá dầu tăng cao chính là cơ hội rất tốt để vào lệnh Long đồng Bảng sau đó.

Trong ví dụ trên và dựa vào mối tương quan mật thiết giữa Oil và đồng Bảng thì việc xác định thời điểm vào lệnh với cặp tiền GBPUSD thời điểm cặp tiền này phá qua mức kháng cự 1,49 sẽ là thời điểm tương đối tốt khi mức stop loss là rất ngắn. Vùng đánh dấu thứ 2 sau thời điểm vào lệnh đó giá dầu bắt đầu chững lại và không có dấu hiệu tăng cao thế nhưng cặp tiền GBPUSD vẫn tăng rất mạnh sau đó. Vào thời điểm ngày 29/4 các số liệu của Mỹ công bố là tương đối xấu và FED vẫn quyết định không tăng lãi suất cùng với đó là số liệu GDP sơ bộ q/q quá tệ nên đã khiến đồng USD giảm trong ngày 29/4, cùng với đó là việc lượng dầu tồn kho giảm mạnh nên giá dầu tăng cao. Ngày 29/4 giá dầu tăng cao và USD giảm đã đẩy cặp tiền GBPUSD tăng lên mức cao 1,547. Tuy nhiên sau đó ngày 30/4 thì cặp tiền này lại giảm lại tương đối mạnh do số liệu Manufacturing PMI của Anh công bố là quá tệ. Thế nhưng việc đồng Bảng bị bán chỉ xảy ra trong khoảng thời gian ngắn do phản ứng tức thì của thị trường với số liệu công bố quá tệ mà thôi. Có thể sẽ nhiều bạn lầm tưởng rằng xu hướng giảm bởi vì trên chart H4 cặp tiền đã phá qua đường trendline, thế nhưng về phương diện cơ bản thì vẫn hỗ trợ cặp này tăng, cho nên đây là một dạng bear trap, cái này các bạn sẽ gặp rất nhiều trong quá trình giao dịch, nếu không nắm vững cơ bản mà chỉ dựa vào các công cụ kỹ thuật thuần thì chắc chắn sẽ rất dễ bị đánh lừa bởi những trường hợp như thế này.

Trong ví dụ này Tôi không nhắc đến các cặp tiền khác của đồng GBP, với các cặp tiền khác các bạn cũng phân tích tương tự, nhưng cần chú ý đặc điểm của đồng tiền đi cùng. Giả sử với cặp GBPJPY thì các bạn cần chú ý đồng JPY là một đồng tiền đặc biệt, cũng như là một thứ tài sản an toàn mỗi khi có biến động vậy. Đặc điểm và các ví dụ của đồng JPY Tôi sẽ nói sau.

Ví dụ 3: Oil và đồng GBP biến động ngược chiều nhau trong một vài thời điểm nhất định. (từ ngày 19/06 đến 07/08/2015)

Trong giai đoạn này Tôi sẽ chia ra 3 thời điểm mà ở mỗi thời điểm giá Oil và cặp GBPUSD biến động khác nhau, sẽ có nhiều bạn thắc mắc là vì sao mà có những thời điểm ngắn hạn thì GBP lại biến động ngược chiều với Oil và có những thời điểm mà Oil sẽ giao động trước và sau đó một thời gian tương đối khoảng vài ngày thì cặp tiền liên quan đồng Bảng mới giao động theo chiều của Oil trước đó. Vậy thì đó chính là thời điểm mà chúng ta cần quan sát để tiên đoán xu hướng đồng GBP chính xác hơn, và sẽ có thể xảy ra trường hợp Oil giảm trước nhưng chỉ là giảm do những thông tin không thật sự có tác động dài hạn, thì thời điểm đó cặp tiền đi với Bảng Anh chưa kịp có những thay đổi thì giá Oil đã tăng trở lại hoặc trường hợp ngược lại khi giá Oil tăng ngắn hạn… Những trường hợp như thế cũng giống như là các giai đoạn Bull Trap hay Bear Trap mà chúng ta thường thấy khi phân tích kỹ thuật vậy. Và không nhất thiết lúc nào cũng phải tuân thủ theo nguyên tắc này mà sẽ dựa vào những thông tin cơ bản nhận được. Rồi từ đó tiền đoán xu hướng chính của giá Oil trước và phải tin chắc vào những lập luận thì mới có thể trade thành công với cặp tiền đồng GBP được.

Trong bức hình phía dưới các bạn có thể hình dung thế này: giai đoạn đầu tiên là thời điểm giá dầu giảm và những căng thẳng từ việc giá dầu giảm đã kéo cặp tiền GBPUSD giảm xuống, giai đoạn thứ 2 là thời điểm mà Oil liên tục giảm thế nhưng cặp tiền GBPUSD lại tăng, giai đoạn thứ 3 là giai đoạn mà giá Oil đã bắt đầu chững lại sau khi giảm xuống mức thấp và hạn mức chịu đựng của các quốc gia xuất khẩu dầu mở và lúc này cặp tiền GBPUSD mới thật sự bước và down trend. Thế nhưng khi xâu chuỗi từng sự kiện trong giai đoạn này thì lại có mối liên hệ rất mật thiết . Tôi sẽ lần lượt đi qua từng giai đoạn được chia trong hình dưới đây để các bạn nắm vững thêm.



Hình 6.20: Trong suốt giai đoạn Oil giảm thế nhưng biến động của cặp GBPUSD lại tương đối khó chịu và có thời điểm GBPUSD ngược chiều với Oil.

Trong vùng đánh dấu (1) các bạn cần nắm vững đó là thời điểm này không hề có tin tức thật sự quan trọng với đồng GBP mà chủ yếu thời điểm đó là những tin tức liên quan đến Mỹ và giá dầu cho nên đồng GBP chịu sự tác động. Vào ngày 1/7/2015 khá nhiều tin tức quan trọng với Mỹ và tin về lượng dầu tồn kho của Mỹ trong tháng trước đó.

Wed Jul 1 01/07/2015	3:30pm	GBP	Manufacturing PMI	51.4	52.6	51.9
	4:30pm	GBP	BOE Gov Carney Speaks			
		GBP	BOE Financial Stability Report			
		GBP	FPC Statement			
	6:30pm	USD	Challenger Job Cuts y/y	42.7%		-22.5%
	7:15pm	USD	ADP Non-Farm Employment Change	237K	219K	203K
	8:45pm	USD	Final Manufacturing PMI	53.6	53.4	53.4
	9:00pm	USD	ISM Manufacturing PMI	53.5	53.2	52.8
		USD	Construction Spending m/m	0.8%	0.4%	2.1%
		USD	ISM Manufacturing Prices	49.5	51.1	49.5
	9:30pm	USD	Crude Oil Inventories	2.4M	-1.9M	-4.9M
	All Day	USD	Total Vehicle Sales	17.2M	17.2M	17.8M

Hình 6.21: Một số tin tức quan trọng được công bố vào ngày 1/7/2015 đã khiến cho giá dầu giảm mạnh kéo theo đó là đồng USD tăng dã đẩy cặp GBPUSD giảm mạnh sau đó.

Ngay sau khi công bố tin tức số liệu PMI sản xuất là không được tốt thì đồng GBP đã bắt đầu có những dấu hiệu bị bán rồi, cùng trong ngày hôm đó sau khi số liệu ADP của Mỹ được công bố là tốt thì ngay lúc này trong lòng market xuất hiện luồng suy luận và kỳ vọng rằng số liệu NFP được công bố vài ngày sau đó cũng sẽ tốt, do vậy mà trader họ đã đi tiền cho cái sự kiện NFP kia trước và long đồng USD giữ đó rồi, điều này lại càng khiến cho xu hướng bearish của cặp GBPUSD càng thêm củng cố hơn. Cũng trong ngày hôm đó vào lúc 9h30 giờ Việt Nam số liệu lượng dầu tồn kho của Mỹ là cao hơn nhiều so với dự kiến khiến cho market nghĩ rằng nhu cầu tiêu thụ của Mỹ giảm xuống và giá dầu ngay lập tức giảm rất mạnh. Khi giá dầu giảm mạnh thì lúc này cặp tiền GBPUSD cũng giảm luôn và phá qua mức cản hỗ trợ Tôi vẽ trong bức hình dưới đây ở vùng đánh dấu (a). Trong trường hợp này khi cặp tiền này phá qua mức cản đó cũng chính là tín hiệu rất tốt để vào lệnh và mức stop loss của Tôi lúc đó cũng tương đối nhỏ: điểm vào lện là vùng đánh dấu (a) 1,562 và mức Stop loss của Tôi lúc đó là 1,568 ở ngay cái đáy của cặp tiền này trước đó. Trong trường hợp này nếu như giá đã phá qua mức cản và bật ngược lên lại thì Tôi cũng chỉ mất

một lượng tiền rất nhỏ. Cái mà Tôi muốn nhấn mạnh ở đây chính là sự kỳ vọng về NFP sắp được công bố ngày 2/7 kia và cái sự kiện giá dầu giảm mạnh đó, chính cái đó là những tin tức để Tôi quyết định đi tiền trước với kỳ vọng đồng USD tăng và giá Oil giảm kỳ vọng đồng GBP cũng sẽ giảm theo sau đó. Vậy là về phân tích cơ bản Tôi đã có được, việc tiếp theo là Tôi mang cái sự kỳ vọng đó đặt lên biểu đồ và thật sự điểm vào tốt là khi giá phá qua mức cản 1.562 đó, và trên chart cũng xuất hiện một Bearish falling wedge, một mô hình chart parttern củng cố cho xu hướng giảm. Như vậy là công việc của Tôi còn lại chỉ là chờ đợi thời điểm thật sự an toàn để vào lệnh với mức stop loss chấp nhận là tương đối nhỏ, cùng với mức lợi nhuận là khá lớn.

Và sự kỳ vọng đồng USD tăng đó đã được hiện thực hóa khi mà ngày hôm sau đó số liệu NFP được công bố là 223k, con số tuy xấu hơn dự đoán là 231k thế nhưng con số trên không quá tệ và vẫn nằm trong vùng chấp nhận được, cũng trong lúc đó con số tỉ lệ thất nghiệp giảm xuống 5,3% so với dự đoán là 5,4% là rất tốt, vậy cho nên sau khi tin tức được công bố thì đồng USD đã biến động rất khó lường khiến cho cặp tiền GBPUSD cũng giật lên xuống khá nhiều trong thời điểm đó. Thế nhưng sang ngày 3/7 thì cặp tiền này đã giảm rất mạnh về mức 1.553, vùng giá mà tương đối an toàn với lệnh của Tôi lúc trước.

Thu Jul 2 02/07/2015	1:00pm	GBP	Nationwide HPI m/m	-0.2%	0.6%	0.2%
	3:30pm	GBP	Construction PMI	58.1	56.6	55.9
	7:30pm	USD	Non-Farm Employment Change	223K	231K	254K
		USD	Unemployment Rate	5.3%	5.4%	5.5%
		USD	Average Hourly Earnings m/m	0.0%	0.2%	0.2%
		USD	Unemployment Claims	281K	270K	271K
	9:00pm	USD	Factory Orders m/m	-1.0%	-0.5%	-0.7%
	9:30pm	USD	Natural Gas Storage	69B	74B	75B

Hình 6.22: Tin tức NFP được công bố không quá tệ so với dự đoán và tỉ lệ thất nghiệp giảm xuống cho nên đồng USD đã tăng tương đối mạnh những ngày sau đó.

Và dưới đây là kết quả lệnh short cặp GBPUSD sau khi có được thông tin khiến giá dầu giảm mạnh và tin tức hỗ trợ đồng USD tăng.



Hình 6.23: Kết quả lệnh short cặp GBPUSD sau khi có được những tin tức khiến cho giá dầu giảm mạnh và đồng USD được hỗ trợ tăng sau những tin tức tương đối tốt từ số liệu lao động được công bố.

Trong giai đoạn thứ (2) Tôi nêu ra ở bức hình 6.20 đó các bạn có thể thấy là cặp tiền GBPUSD lại tăng tương đối mạnh trong khi Oil thì vẫn giảm, lý do là vào cuối tháng 7 khi mà FED công bố không nâng lãi suất, cùng với đó là GDP sơ bộ q/q của Mỹ được công bố là quá tệ, lượng dầu tồn kho của Mỹ bất ngờ giảm mạnh khiến giá dầu tăng ngay trong thời điểm lúc đó.

29/07/2015	9:00pm	USD	Pending Home Sales m/m	-1.8%	1.0%	0.6%
	9:30pm	USD	Crude Oil Inventories	-4.2M	-0.1M	2.5M
Thu Jul 30 30/07/2015	1:00am	USD	FOMC Statement			
		USD	Federal Funds Rate	<0.25%	<0.25%	<0.25%
	7:30pm	USD	Advance GDP q/q	2.3%	2.6%	-0.2%
		USD	Unemployment Claims	267K	268K	255K
		USD	Advance GDP Price Index q/q	2.0%	1.5%	0.0%
	7:37pm	USD	Goods Trade Balance	-62.3B		
	9:30pm	USD	Natural Gas Storage	52B	53B	61B

Hình 6.24: Số liệu lượng dầu tồn kho của Mỹ giảm xuống thấp đẩy giá dầu tăng lên, FED công bố không tăng lãi suất và Advance GDP q/q công bố là khá tệ.

Sau khi các số liệu trên được công bố thì giá dầu đã tăng tương đối mạnh kéo cặp GBPUSD cũng tăng lên tương đối mạnh lúc đó (Hình vẽ 6.26 vùng tô màu đầu tiên).

Cũng trong ngày 6/8 Bank of England Governor Mark Carney đã phát biểu về những triển vọng kinh tế Anh và kỳ vọng vào việc giá dầu sẽ tăng vào cuối năm, thế nhưng ông vẫn không quên bày tỏ quan điểm lạm phát hiện đang quá thấp cho nên khả năng nâng lãi suất sớm của BOE sẽ chưa thể áp dụng. Cũng trong ngày hôm đó cuộc họp báo ghi nhận số phiếu vote cho khả năng nâng lãi suất giảm về 1-0-8 khiến cho đồng GBP bị bán tương đối mạnh ngay lúc đó. Tuy nhiên chỉ vài ngày sau thì sự kỳ vọng về việc kinh tế Anh phục hồi là tốt hơn và sự kiện NFP của Mỹ công bố sau đó ta xấu hơn dự báo cho nên cặp tiền này đã tăng lên mức tương đối cao 1.580 trước khi bước vào chu kỳ giảm rất mạnh bắt đầu từ ngày 26/8 được Tôi đánh dấu (3). Nguyên văn bài phát biểu của Bank of England Governor Mark Carney: http://www.reuters.com/article/us-britain-economy-highlights-idUSKCN0QB1DL20150806#z1zwxLWUcTGlWo7G.97.

Thu Aug 6 06/08/2015	2:00pm	GBP	Halifax HPI m/m	-0.6%	0.5%	1.6%
	3:30pm	GBP	Manufacturing Production m/m	0.2%	0.2%	-0.6%
		GBP	Industrial Production m/m	-0.4%	0.1%	0.3%
	6:00pm	GBP	BOE Inflation Report			
		GBP	MPC Official Bank Rate Votes	1-0-8	2-0-7	0-0-9
		GBP	Monetary Policy Summary			
		GBP	Official Bank Rate	0.50%	0.50%	0.50%
		GBP	Asset Purchase Facility	375B	375B	375B
		GBP	MPC Asset Purchase Facility Votes	0-0-9	0-0-9	0-0-9
	6:30pm	USD	Challenger Job Cuts y/y	125.4%		42.7%
	6:45pm	GBP	BOE Gov Carney Speaks			

Hình 6.25: Một số tin tức quan trọng của Anh được công bố, trong đó có bài phát biểu của Bank of England Governor Mark Carney và vote giảm xuống 1-0-8 khiến cho đồng GBP giảm tương đối mạnh ngày hôm đó.

Các tin tức trên ngay sau khi được công bố đã khiến cho đồng GBP giảm tương đối mạnh, nếu là Tôi trong trường hợp này Tôi sẽ short cặp GBPUSD vì giá dầu cũng đang giảm, và không ngần ngại chia sẻ thời điểm đó sự kỳ vọng của Tôi đã sai và phải chấp nhận cut loss. Thế nhưng mức stop loss của Tôi là tương đối nhỏ và không ảnh hưởng đến tài khoản nhiều, nếu như sự kỳ vọng đó của Tôi đến muộn hơn một vài ngày thì mới là thời điểm make $ tốt nhất khi lực mua lên cặp GBPUSD đã hết và giá dầu thì cứ giảm sâu đến ngưỡng giới hạn chịu đựng của các quốc gia xuất khẩu dầu và các công ty dầu mỏ của Anh cũng phải tiến hành những biện pháp cắt giảm để hạn chế những chi phí phát sinh xuống trong bối cảnh giá dầu giảm sâu. Vùng đánh dấu (3) thể hiện tâm lý lo sợ khi nắm giữ đồng GBP trong giai đoạn giá dầu chạm đáy và kỳ vọng nâng lãi suất của Anh đã không còn cao như trước, cùng với đó là mối lo tăng trưởng thật sự của kinh tế Anh cho nên smart $ đã bán đồng GBP giảm xuống mức rất thấp dưới 1.516. Đường trendline thứ 2 Tôi vẽ khi cặp tiền này đã phá vỡ và thực sự là Tôi không có đủ can đảm để vào lệnh short lại cặp GBPUSD khi trước đó đã bị stop loss. Còn với những trader có thể nhìn nhận ra được cơ hội khi giá break out đường trendline thì quả thực đó là cái trade tuyệt vời. Trong quá trình phân tích cặp tiền này với mối tương quan với Oil các bạn cần lưu ý thời điểm công bố chính sách tiền tệ của cả FED và BOE.



Hình 6.26: Cặp tiền GBPUSD và Oil biến động ngược chiều trong giai đoạn có rất nhiều tin tức về chính sách tiền tệ của FED và BOE được công bố.

III- ĐỒNG CHF ĐƯỢC XEM LÀ TÀI SẢN AN TOÀN NHỮNG LÚC CÓ BIẾN ĐỘNG TRÊN THỊ TRƯỜNG HAY KHI CÓ CHIẾN TRANH.

Như các bạn đã biết đồng CHF được xem là một thứ tài sản an toàn mỗi khi có biến động trên thị trường hoặc những giai đoạn chiến tranh, minh chứng rõ nhất đó chính là 2 cuộc chiến tranh thế giới diễn ra thế kỷ 20. Các bạn sẽ được hiểu rõ về những đặc điểm khiến cho Thụy Sĩ trở thành túi tiền của các nhà tư bản và đồng CHF đương nhiên trở thành đồng tiền mà người ta tìm đến mỗi khi có khủng hoảng niềm tin hoặc chiến tranh xảy ra. Do vậy không có gì khó hiểu khi Tôi xếp đồng CHF vào chương các lớp tài sản an toàn, và dù là tài sản gì đi nữa thì sẽ có những thời điểm không còn an toàn nữa, giả sử trong thời điểm nền kinh tế tăng trưởng tốt thì các lớp tài sản an toàn sẽ không còn được các nhà đầu tư hay các quỹ quan tâm nhiều, mà thay vào đó dòng tiền sẽ chạy sang các lớp tài sản khác như chứng khoán hay bất động sản…

Sở dĩ Tôi tách riêng từng thứ hàng hóa thế này để các bạn dễ dàng hình dung hơn, tuy nhiên trong quá trình phân tích và giao dịch thì các bạn phải thật nhạy bén, tức là lượng kiến thức phải đủ nhiều để chỉ cần biết qua một vài tin tức là có thể tiên đoán được cần phải chú ý tới món hàng nào rồi. Và hơn hết là các bạn phải nắm được khi có sự kiện nào đó diễn ra thì dòng tiền sẽ chạy từ món hàng nào sang món hàng nào, từ đó mới có thể tiên đoán được những món hàng dễ dàng make $ nhất để mà đưa ra những quyết định một cách sáng suốt.

Để các bạn hiểu rõ hơn và đặc biệt là các giao dịch thực tiễn ngắn hạn thì Tôi sẽ lấy một vài ví dụ thực tế trong quá trình phân tích luôn, từng bước áp dụng những lý thuyết học được vào thực tế, điều đó sẽ mang lại cho các bạn những cái nhìn tốt nhất cũng như có thể áp dụng trực tiếp luôn vào giao dịch hàng ngày của bản thân.

Ví dụ 1: Đồng CHF trở thành hàng hóa an toàn trong quãng thời gian thị trường chứng khoán toàn cầu sụp đổ hồi tháng 8/2015.

Trong các chương trước Tôi cũng đã từng đi qua sự kiện này rồi, tuy nhiên để hiểu sâu nguyên nhân và tiên đoán được thời điểm thị trường chứng khoán sụp đổ để mà vào lệnh với đồng CHF thì lại là một câu chuyện khác, đó là lý do mà Tôi phải phân ra cùng một sự kiện nhưng nói ở nhiều phần khác nhau. Nếu gộp chung thì sẽ khiến các bạn cảm thấy rối và không thật sự hiểu được những vận động ở các lớp tài sản trong thời điểm diễn ra sự kiện trên.

Nguyên nhân việc thị trường chứng khoán toàn cầu sụp đổ giai đoạn này bắt nguồn từ việc thị trường chứng khoán Trung Quốc bốc hơi hơn 50% trước đó. Tâm lý hoảng loạn trên thị trường chứng khoán Trung Quốc đã lan rộng sang các nền kinh tế lớn khác, cũng trong thời điểm này những lo ngại về tăng trưởng kinh tế toàn cầu đã khiến cho nhà đầu tư cảm thấy bất an khi mang tiền đi đầu tư, giá dầu giảm mạnh khiến cho các tập đoàn dầu mỏ và các công ty năng lượng thiệt hại rất lớn, tác động đến toàn cảnh nền kinh tế toàn cầu. Cùng với đó là mối lo giảm phát khắp các quốc gia trên thế giới, và mối lo giảm phát này cũng là nguyên nhân khiến cho FED liên tục trì hoãn việc nâng lãi suất trong suốt 2 năm qua. Khác với các thị trường khác, thị trường chứng khoán là đầu tư giá trị, tức là góp vốn làm ăn cho nên khi có những thông tin tiêu cực thì các nhà đầu tư sẽ cảm thấy bất an và chỉ cần một vài nhà đầu tư lớn bán tháo thôi thì ngay lập tức làn sóng sẽ lan rộng. Cái này gọi là hiệu ứng đám đông hay còn gọi là tâm lý lo sợ trước áp lực giá giảm khiến cho người ta đồng loạt bán tháo cổ phiếu. Mà một khi thị trường chứng khoán đã bị bán tháo thì lúc này không có gì cứu nổi, mà chỉ chờ vào thời điểm người ta cảm thấy ổn định lại và tiếp tục mua lên thì lúc đó thị trường mới hết lực bán tháo.

Trong trường hợp này các bạn cần quan sát lợi tức trái phiếu, từ đó mới tiên đoán được là dòng tiền có đang chạy sang tài sản an toàn không. Khi thị trường trái phiếu đột ngột tăng và lợi tức trái phiều giảm thì ngay lúc đó các bạn quan sát biến động trên thị trường chứng khoán mà lấy ví dụ là chỉ số chứng khoán Mỹ S&P 500.



Hình 6.27: Lợi tức trái phiếu kỳ hạn 10 năm của Mỹ US 10 Years Bond Yield giảm mạnh báo hiệu trước sự sụp đổ của thị tường chứng khoán Mỹ. Nhu cầu tìm đến các tài sản an toàn tăng cao.

Trong bức hình trên các bạn có thể thấy rõ lợi tức trái phiếu giảm mạnh đột ngột thể hiện nỗi sợ trong lòng market đã tăng lên, dòng tiền đã bắt đầu tìm đến với các lớp tài sản an toàn để trú ẩn. Điều này đồng nghĩa với dòng tiền trên thị trường chứng khoán sẽ giảm và người ta sẽ đồng loạt bán tháo cổ phiếu để tìm đến với những tài sản an toàn mà trong đó thị trường trái phiếu, vàng và đồng CHF chính là những thứ tài sản rất an toàn vào những thời điểm như thế này. Xét về lý thuyết thì là như vậy, thế nhưng làm sao có thể tiên đoán được thời điểm như thế để mà vào lệnh? Các bạn hãy quan sát bức hình Tôi vẽ ở trên, chỉ số SP500 bắt đầu tạo mô hình chart parttern Bearish falling wedge trong quãng thời gian trước đó lợi tức trái phiếu liên tục giảm, mà khi lợi tức trái phiếu giảm thì không lâu sau đó thị trường chứng khoán cũng sẽ giảm theo. Và như có nói ở trên đó, mối tương quan liên thị trường này là một trong những mối tương quan cần thiết và quan trọng nhất trong các quy tắc liên thị trường, khi sự kiện như thế xảy ra trong bối cảnh lo ngại rủi ro từ thị trường chứng khoán Trung Quốc giảm, lo ngại tăng trưởng toàn cầu giảm và mối lo giảm phát toàn cầu thì đương nhiên là người ta sẽ lo sợ mà tìm đến những lớp tài sản an toàn khác rồi. Trong khuôn khổ mục này Tôi sẽ chỉ nói đến dòng tiền chạy sang đồng CHF như là lớp tài sản an toàn nhất lúc đó.

Quay trở lại với cặp tiền USDCHF, các bạn có thể lật lại các chỉ số kinh tế được thống kê vào ngày 15-20/8/2015 trong số đó có những chỉ số kinh tế quan trọng đó là CPI của Mỹ và cuộc họp FOMC. Riêng về các chỉ số kinh tế thể hiện tăng trưởng kinh tế của Mỹ đã chậm lại và con số CPI quá tệ khiến cho nhà đầu tư lo ngại rằng lạm phát trong tương lai sẽ không tăng sẽ khiến cho lộ trình nâng lãi suất của FED không thể thực hiện được. Và điều gì đến cũng đã đến khi cuộc họp FOMC chính là giọt nước tràn ly khi các phát biểu trong cuộc họp đều khiến nhà đầu tư cảm thấy bất ổn và việc họ bán tháo cổ phiếu chỉ còn là vấn đề thời gian. Chính những áp lực trên mà đồng CHF trở nên an toàn hơn lúc nào hết. Vì bản chất CHF có thể là thứ tài sản an toàn bậc nhất nhì có lẽ chỉ sau vàng trong những thời điểm có biến động liên quan đến niềm tin của nhà đầu tư, cho nên việc họ chạy vào đồng CHF là hiển nhiên, cũng trong giai đoạn này đồng USD giảm mạnh cho nên mối lo của các nhà đầu tư ở càng nhân rộng thêm.



Hình 6.28: Lệnh short cặp tiền USDCHF trong giai đoạn khủng hoảng niềm tin lan rộng, mối lo giảm phát toàn cầu khiến cho FED không thể nâng lãi suất và tác động từ việc thị trường chứng khoán Trung Quốc sụp đổ.

Ví dụ 2: Thị trường chứng khoán phục hồi đã kéo theo đó là nhu cầu tìm đến đồng CHF trú ẩn giảm mạnh.

Trong các ví dụ với việc giao dịch với đồng CHF Tôi sẽ lấy ví dụ là chỉ số S&P 500 để đơn giản hơn việc phân tích vào lệnh, hơn nữa việc nhìn mối tương quan giữa các thị trường người ta thường dùng chỉ số chứng khoán Mỹ S&P 500 để đại diện cho các chỉ số chứng khoán trên toàn cầu cho nên những biện động của chỉ số này thường là những chỉ báo sớm nhất cho market. Ở ví dụ dưới đây các bạn sẽ thấy sau cú sốc thị trường chứng khoán giảm mà Tôi nhắc ở ví dụ trên thì cặp tiền USDCHF lại tăng mạnh trở lại chỉ ngay sau khi thị trường chứng khoán phục hồi ít lâu. Nhưng để chính xác hơn trong các nhận định thì các bạn cũng cần quan sát sang thị trường hàng hóa, ở ví dụ này thị trường hàng hóa có bước phục hồi tăng tương đối ấn tượng khi chỉ số CRB Index tăng từ 191,5 lên 293,6 từ ngày 1/10 đến ngày 9/10. Thị trường hàng hóa phục hồi thể hiện nhu cầu tiêu dùng và niềm tin vào các công ty sản xuất tăng lên cao, kỳ vọng lạm phát trong tương lai sẽ tốt lên và khả năng nâng lãi suất của FED sẽ vẫn được duy trì. Như vậy trong ví dụ lần này thì các bạn cần phải hiểu khi niềm tin của nhà đầu tư phục hồi và giá cả các món hàng hóa tăng thì đương nhiên là kỳ vọng lạm phát trong tương lai sẽ tăng rồi, đây cũng là một quy tắc liên thị trường mà các bạn cần nhớ kỹ.

Khi thị trường hàng hóa tăng, thị trường chứng khoán cũng tăng theo thì lúc này đây cái kỳ vọng việc FED nâng lãi suất hiện hữu hơn bao giờ hết và do dó cho nên người ta sẽ kỳ vọng đồng USD tăng, khi mà đồng USD tăng cộng với niềm tin vào các khoản đầu tư của người dân tăng lên thì lúc này đồng CHF sẽ không còn là đồng tiền an toàn nữa. Vì bản chất là một đồng tiền thả nổi cho nên các biến động của nó sẽ phải tuân theo các sự kiện HOT NHẤT, điều này cũng tương tự như với các thứ hàng hóa an toàn khác như trái phiếu hay vàng… Trong bức hình dưới đây các bạn có thể thấy thị trường chứng khoán tăng tương đối mạnh trước đó chính là chỉ báo quan trọng rằng đồng USD sẽ tăng với kỳ vọng FED giữ nguyên lộ trình nâng lãi suất và đồng USD vì thể được các nhà đầu tư quan tâm.



Hình 6.29: Thị trường chứng khoán Mỹ tăng mạnh minh chứng chỉ số S&P 500 tăng tương đối ấn tượng đã kéo theo đó là sự kỳ vọng FED sẽ sớm nâng lãi suất, chính những kỳ vọng trên đã kéo đồng USD tăng cao. Chỉ số USD Index tăng mạnh.

Trong bức hình trên các bạn cần lưu ý đó là thị trường chứng khoán đóng vai trò dẫn dắt bởi vì trong giai đoạn này tâm điểm của nhà đầu tư chính là thị trường chứng khoán, các bạn có thể thấy các tờ báo cho đến các tin tức ngoài lề cũng đều nói rất nhiều tới việc thị trường chứng khoán sụp đổ, chính vì vậy cho nên nhà đầu tư họ cũng rất nhạy cảm và dồn tâm điểm vào nhưng biến động của chúng khoán, và khi mà thị trường chứng khoán tăng điểm trở lại thì niềm tin của nhà đầu tư sẽ tốt lên, khi họ tin vào sự phục hồi của nền kinh tế thì đương nhiên là người ta sẽ không muốn để tiền của mình nằm an toàn nữa mà thay vào đó người ta sẽ dùng số tiền trên để đầu tư, phần cũng vì muốn gỡ lại những gì đã mất. Trong các trường hợp khác nhau thì sẽ có các thị trường đóng vai trò dẫn dắt các thị trường khác, những ví dụ như thế này sẽ còn xảy ra rất nhiều lần nữa trong quãng thời gian cho tới sau này, vậy nên khi các bạn nắm vững được các quy tắc này thì sẽ hỗ trợ rất nhiều trong quá trình phân tích vào giao dịch.

Các bạn có thể quan sát thấy là trong những ngày từ 15-25/10 thì các tin tức đều hỗ trợ đồng USD tăng, thêm vào việc thị trường hàng hóa tăng và chứng khoán cũng tăng mạnh cho nên việc vào lệnh buy cặp USDCHF sẽ là một lựa chọn không tồi chút nào. Điều Tôi muốn nhấn mạnh ở đây là khả năng tiên đoán được dòng tiền chạy về lớp tài sản nào, và sau đó mang cái kỳ vọng đó áp lên chart. Trong ví dụ này các bạn có thấy rằng chỉ một lực break out qua đường trendline kháng cự thôi mà cặp tiền USDCHF đã tăng rất mạnh sau đó. Các bạn quan sát biểu đồ có nhận thấy rằng thị trường chứng khoán tạo đáy trước, vì là trong giai đoạn dòng tiền tìm đền CHF thì người ta cũng cần phải thận trọng, và chỉ khi chứng khoán phục hồi ấn tượng người ta mới tin rằng thị trường đã đến giai đoạn tăng trở lại và người ta lo sợ đồng CHF sẽ giảm cho nên người ta kỳ vọng short đồng CHF là điều dễ nhận thấy. Mấu chốt ở đây chính là phải quan sát và thời gian "canh me giá trên biểu đồ" phải thấy chuẩn và đòi hỏi các bạn phải trải nghiệm nhiều mới có thể đủ tự tin xử lý lệnh được. Các bạn quan sát chỉ báo Ichimoku Tôi đưa vào chart sẽ thấy được mẫu nến đảo chiều hình thành ở vùng tô màu đỏ, giá đóng trong đám mây và 2 sợi dây Kijun và Tenkan cắt nhau hướng lên. Điều này củng cổ thêm cái kỳ vọng cặp tiền này sẽ tăng trong tương lai.



Hình 6.30: Thị trường chứng khoán phục hồi tương đối ấn tượng trước đó đã kéo theo đó là đồng CHF giảm tương đối mạnh, nhu cầu tìm đến đồng CHF giảm trong giai đoạn thị trường chứng khoán phục hồi.

Các bạn nếu giao dịch ngắn hạn thì cũng có thể make được $ tương đối nhiều trong trend lần này, với phần lớn trong chúng ta là những nhà đầu cơ ngắn hạn cho nên việc kiên trì giữ lệnh là rất khó, vậy cho nên các bạn khi gặp lại trường hợp như thế này chỉ cần kiếm lãi ở khúc giữa thôi, như thế cũng đủ làm giàu rồi. Trong phương pháp này các bạn không nên dự đoán đỉnh và đáy nhé, chỉ vào lệnh khi hội tụ đủ các yếu tố cơ bản và các thông tin hỗ trợ cho phân tích của mình là hợp lý, thêm vào đó là sự xác nhận bằng các mô hình… trên chart kỹ thuật, tín hiệu vào lệnh phải thật rõ ràng và cho chúng ta cái mức stop loss là nhỏ nhất thì hãy vào. Vậy cho nên không có gì khó khi Tôi luôn nói là phần lớn thời gian trade chính là ngồi ngoài quan sát thị trường. Có một điều mà theo kinh nghiệm cá nhân Tôi thì không cần phải trade quá nhiều, cũng không phải là lúc nào cũng chăm chăm vào cái chart và cứ loay hoay trong cùng một vài cặp tiền cố định, phong cách trade của Tôi tương đối linh hoạt, khi sự kiện nào đó hỗ trợ cho cặp nào, cho món hàng nào… thì Tôi sẽ tập trung chú ý vào đó, và phải thật sự linh hoạt trong quá trình xử lý lệnh. Không phải như nhiều bạn quan niệm là cứ tập trung vào một vài cặp tiền cụ thể hay vài món hàng cụ thể thì sẽ hạn chế rủi ro, mà theo cá nhân Tôi thì rủi ro là khi chúng ta vào lệnh mà không có được tư duy lập trường hợp lý, tức là những phân tích đó không có cơ sở chắc chắn…, và rủi ro cũng được Tôi định nghĩa đó là thời gian ngồi lại trong market mà.

Còn rất nhiều ví dụ khác nữa mà Tôi không thể nói hết trong khuôn khổ cuốn sách này được, các bạn nào quan tâm thì hãy thường xuyên truy cập website của Tôi để theo dõi các bài nhận định thực tiễn khách quan update theo từng cái trade HOT NHẤT. Những bài viết thực tiễn bằng chính những lệnh giao dịch sẽ là những cái mà các bạn cần thiết để thực hành và giao dịch. Chắc chắn rằng sẽ phải đánh đổi bằng những giao dịch thua lỗ, những lần phân tích sai, thế nhưng nếu sợ sai và không giám nói lên chính kiến thì chắc chắn các bạn sẽ khó mà tiến bộ với nghiệp trade này được. Các bạn hãy nhớ là chỉ có thực hành và viết ra những cái gì các bạn nghĩ và chấp nhận sai, lúc đó các bạn sẽ tiến bộ rất nhanh, thậm chí nếu các bạn học trade cho đúng quy trình thì chỉ một vài tháng là đủ khả năng kiếm lợi nhuận đều đặn từ nghiệp trade này rồi.

IV- ĐỒNG USD CŨNG ĐƯỢC XEM LÀ THỨ TÀI SẢN AN TOÀN.

Có lẽ các bạn sẽ thắc mắc là tại sao mà đồng USD lại được xem là tài sản an toàn đúng không? Trong suốt quá trình phát triển của lịch sử tiền pháp định cho đến tận ngày nay, sự vươn lên mạnh mẽ và vị thế bá chủ của Mỹ được tất cả mọi người thừa nhận. Trải qua hàng trăm năm lịch sử, nhiều cuộc chiến tranh tàn khốc, hầu hết các quốc gia khác phải đối mặt với những tổn thất nặng nề, kinh tế suy yếu thì nước Mỹ lại nhân cơ hội đó thể hiện sự bành trướng và ngôi vương của mình. Trở thành cường quốc giàu mạnh nhất cả về kinh tế và quân sự. Cũng chính vì thế mà đồng USD nghiễm nhiên trở thành đồng tiền có quyền lực nhất trên thế giới ngày nay. Nó được xem là đồng tiền dự trữ bắt buộc mà central bank nào cũng phải có để phòng những trường hợp có biến động xảy ra.

Nói thêm một chút về lý do Tôi đưa USD vào chương các lớp tài sản an toàn và rủi ro là vì tầm quan trọng của USD hiện tại là không cần phải bàn cãi, thế nhưng cái hay ở chỗ là khi nào thì USD là thứ tài sản an toàn mà người ta sẽ ôm khư khư nó chứ nhất quyết không đổi sang đồng nội tệ, khi nào thì người ta cảm thấy bất an với đồng USD nhất và buộc phải bán USD để chuyển sang một thứ tài sản khác? Các bạn thử đặt một câu hỏi thế này: Nếu như có biến động liên quan đến giá trị đồng VND chẳng hạn, như là vừa rồi Ngân Hàng Nhà Nước thông báo cắt giảm lãi suất tiền gửi USD và người dân phải trả thêm tiền để gửi USD nữa kia, cộng với đó là NHNN phá giá đồng VND và nới rộng biên độ tỉ giá USDVND thì người dân sẽ phản ứng thế nào? Có phải người ta sẽ lo sợ thêm không, người ta sẽ càng cảm thấy bất an khi giữ đồng VND trong người, sợ rằng VND sẽ mất giá trị thêm và để phản ứng lại với những điều trên thì người ta sẽ càng giữ chặt USD hơn, thà mang nó sang nước ngoài giữ để hưởng lãi suất cao hơn, thà là bỏ USD trong két sắt hoặc mua tài sản cố định để bảo toàn số tiền mặt hiện có chứ ai dại gì nắm giữ đồng VND.

Một ví dụ khác là Trung Quốc rơi vào khủng hoảng, thị trường chứng khoán sụp đổ, chính phủ Trung Quốc buộc phải sử dụng hình thức phá giá CNY để kích thích xuất khẩu, đẩy nhanh tốc độ tiêu thụ hàng hóa ra nước ngoài. Làm như thế thì chỉ có lợi cho xuất khẩu thôi, người dân Trung Quốc sẽ phải gành hậu quả khi giá cả các mặt hàng đồng loạt tăng,

tiêu dùng trong nước sẽ giảm. Thế nhưng vì sao Chính phủ Trung Quốc phải làm vậy? Bởi vì nền kinh tế Trung Quốc phân hóa không đồng đều, các khu công nghiệp không được dàn trải đều trên khắp lãnh thổ, một đại bộ phận dân Trung Quốc giàu có thôi còn phần lớn dân vẫn phải chịu cảnh nghèo đói, tiêu dùng trong nước quá thấp… vì thế nên để kích thích nền kinh tế phát triển chóng mặt như hiện nay thì Trung Quốc chỉ còn cách là phải xuất cảng thật nhiều. Do đó biện pháp phá giá đồng CNY là phương án tốt nhất mà PBOC có thể làm để can thiệp vào thị trường. Thế nhưng càng phá giá CNY thì người dân lại càng mất niềm tin vào chính phủ, mất niềm tin vào đồng CNY… Người ta sẽ không giữ đồng CNY nữa mà sẽ đổi sang USD và các tài sản cố định, dễ dàng nhận thấy nhất là người ta sẽ chạy sang Nhật Bản dầu tiên, đồng JPY tăng là vì thế nữa. Trong giai đoạn khủng hoảng này để tránh lượng tiền thất thoát sang nước ngoài, tránh đồng CNY sẽ mất đi giá trị thì chính phủ Trung Quốc lại thực hiện thêm một biện pháp là bán USD dự trữ để đổi lấy tài sản được định giá bằng CNY. Điều này để thấy tầm quan trọng của việc dự trữ USD của các central bank lớn như thế nào.

Thêm một ý nữa là nhiều người thắc mắc tại sao không để EUR, AUD, JPY … mà cứ phải là USD? Đơn giản vì vị thế của nước Mỹ là bá chủ, hiện tại và có lẽ hàng trăm năm nữa hoặc là không bao giờ có quốc gia nào có thể lật đổ được vị thế này của nước Mỹ. Bởi vì sự hùng mạnh đó cho nên giữ đồng USD sẽ có "cảm giác" an toàn hơn khi giữ một đồng tiền nào khác. Bởi vì dù USD có mất giá thế nào, xảy ra cơ sự gì đi nữa thì giá trị của nó cũng không suy giảm nhiều, vì sự đảm bảo đó mà các central bank phải làm sao đó giữ được càng nhiều USD càng tốt để khi nào có biến động thì phải dùng USD để cứu lấy nền kinh tế và cứu lấy chính đồng tiền của họ.

Tại sao các quốc gia lớn mạnh, càng giàu có lại càng phải dự trữ nhiều USD? Theo cá nhân Tôi thì các quốc gia càng giàu mạnh thì đồng tiền của họ càng có giá trị, họ lại càng phải giữ giá trị của đồng tiền không bị mất giá và đảm bảo rằng nền kinh tế được duy trì ổn định tăng trưởng. Và nền kinh tế càng lớn mạnh thì các chi phí trong nền kinh tế sẽ càng cao, vậy cho nên khi dự trữ nhiều USD các quốc gia đó sẽ tự tin mỗi khi có biến động trên thị trường là sẽ tung ra lượng USD cần thiết để duy trì không để cho đồng nội tệ mất giá.

Ví dụ điển hình là Nga đó: trong thời gian qua Nga phải hứng nhịu đòn trừng phạt kinh tế từ phương Tây và Mỹ, hứng chịu tổn thất khi giá Dầu giảm sâu… Chính phủ Nga đã phải thức hiện chính sách bán USD và Vàng để cứu lấy đồng RUB khỏi mất giá. Sự sụp đổ của đồng RUB đã khiến cho kinh tế Nga suy yếu rất nhiều, và nếu như không có lượng USD và Vàng dự trữ nhiều thì có lẽ bây giờ đồng RUB đã trở thành mớ giấy lộn không có bao nhiêu giá trị nữa rồi.

Có lẽ người ta mặc định trong tư tưởng là ai dự trữ nhiều USD hơn thì đó là cường quốc, là một quốc gia giàu mạnh và có đủ khả năng đương đầu với những sóng gió trên thị trường tài chính. Rõ ràng nhất là các bạn theo dõi bức hình ở dưới sẽ thấy Trung Quốc, Nhật và nguyên khối EU cộng lại đang chia nhau 3 vị trí dẫn đầu trong dự trữ USD. Các quốc gia càng giàu thì dự trữ càng nhiều ngoại hối, đương nhiên là thế rồi, đánh giá tình hình sức khỏe của một nền kinh tế người ta cũng phải xem thử nền kinh tế đó có bao nhiêu USD để có thể sử dụng những lúc cần nhất mà bình ổn thị trường, giữ giá đồng nội tệ lúc cần thiết. Giả sử nếu đồng nội tệ bốc hơi, mất giá hàng trăm % đi thì chuyện gì xảy ra, nền kinh tế suy yếu thì liệu rằng đất nước còn đủ sức chống chọi với các thế lực bên ngoài không, còn đủ sức để bảo vệ an toàn quốc gia không, có thể đảm bảo chế độ quốc gia tồn tại hay không. Đồng nội tệ chính là trái tim của một quốc gia là vì thế đó. Trái tim có khỏe thì mới có sức mà đề kháng lại các tác động từ bên ngoài, từ chính nội tại của đất nước mà đúng không.

Rank	Country	Foreign exchange reserves (Millions of US$)	Figures as of
1	China[2]	3,294,002	Feb 2016[1][2]
2	Japan	1,248,107	Jan 2016[3]
-	Europe (Eurozone)	720,159	Jan 2016[4]
3	Switzerland	604,911	Jan 2016[5]
4	Saudi Arabia	602,032	Jan 2016[6][7][8]
5	Republic of China (Taiwan)	425,978	Jan 2016[6][9][10]
6	Russia	386,900	Mar 18, 2016[11][12][13]
7	South Korea	365,760	Feb 2016[6][14][15]
-	Hong Kong	359,900	Feb 2016[16]
8	Brazil	358,689	Mar 23, 2016[17][18]
9	India	355,947	Mar 18, 2016[19]
10	Singapore	244,013	Feb 2016[6][20]
11	Germany	193,716	Feb 2016[21]
12	Mexico	176,321	Jan 2016[6][22][23]
13	Thailand	172,800	Mar 25, 2016[6][24][25]
14	United Kingdom	159,349	Jan 2016[26]
15	Algeria	155,700	Dec 31, 2015[6]
16	France	138,588	Jan 2016[27]
17	Italy	134,460	Jan 2016[28]
18	United States	118,609	Mar 11, 2016[29]
19	Turkey	111,357	Jan 2016[6][30][31]
20	Indonesia	104,544	Feb 2016[6][32][33]
21	Poland	99,745	Jan 2016[6][34]
22	Malaysia	95,538	Jan 31, 2016[6][35][36]
23	Iran[3]	93,950	Dec 31, 2015[6]
24	Israel	90,417	Jan 2016[6][37][38]
25	Philippines	81,301	Feb 2016[6][39][40][41]
26	Canada	81,290	Feb 2016[42]
27	United Arab Emirates	79,920	Dec 31, 2015[6]
28	Czech Republic	70,402	Feb 2016[6][43]
-	Europe (ECB)	71,113	Jan 2016[44]
29	Denmark	63,524	Jan 2016[6][45]
30	Libya	61,630	Dec 31, 2015[6]

Hình 6.31: Bảng thống kê dự trữ USD của một số quốc gia trên thế giới. Nguồn: https://en.wikipedia.org/wiki/List_of_countries_by_foreign-exchange_reserves.

Đó là những lập luận cơ bản nhất về tầm quan trọng của đồng USD cũng như vai trò của nó đối với bất kỳ một quốc gia nào. Nhưng đồng USD là tài sản an toàn thì không có nghĩa rằng nó không phải là tài sản rủi ro nhé. Khi nào thì USD trở thành tài sản an toàn và khi nào nó lại là tài sản rủi ro? Tôi sẽ lấy những ví dụ ngắn hạn để các bạn dựa theo đó mà trade các món hàng định giá bằng USD nhé.

Khi các nền kinh tế khác rơi vào khủng hoảng, lạm phát tăng cao, giá trị các thứ hàng hóa giảm mạnh thì người ta sẽ tìm tới USD với mong muốn là giá trị USD sẽ không giảm mạnh, tiền của họ sẽ không mất thêm giá trị. Hơn nữa trong một số thời điểm dòng tiền tìm về với trái phiếu tăng mạnh thì buộc người ta phải dùng USD để mua trái phiếu, vì thế đồng USD trở thành tài sản, giá trị USD tăng nên một cái tâm lý hiện hữu là nên mua những cái gì an toàn được định giá bằng USD, hoặc dự trữ chính USD để đảm bảo sự an toàn đó.

Theo Wikipedia: Mục đích dự trữ ngoại hối của các quốc gia trên thế giới là vì:

Chính sách dự trữ các tài sản quốc tế cho phép một ngân hàng trung ương có thể sử dụng nguồn ngoại tệ đó để mua đồng nội tệ, được coi là một trách nhiệm đối với các ngân hàng trung ương. Như vậy, lượng dự trữ ngoại hối có thể thay đổi khi một ngân hàng trung ương thực hiện các chính sách tiền tệ, nhưng sự linh hoạt này cần được phân tích kỹ lưỡng trong bối cảnh mức độ luân chuyển dòng vốn, các tỉ lệ trao đổi và những yếu tố khác. Nhưng với một quốc gia có tỉ giá hối đoái cố định sẽ không thể thực hiện được chính sách tiền tệ độc lập.

Một ngân hàng trung ương mà thực hiện chính sách tỉ giá hối đoái cố định có thể phải đối mặt với một tình huống mà nguồn cung cấp và nhu cầu sẽ có xu hướng đẩy giá trị của đồng tiền xuống thấp hơn hoặc cao hơn (tăng trong nhu cầu tiền tệ có thể đẩy giá trị của nó cao hơn) và do đó các ngân hàng trung ương sẽ phải sử dụng nguồn dự trữ ngoại hối để duy trì tỉ giá hối đoái cố định đó. Dưới sự linh hoạt trong cơ chế, thay đổi trong dự trữ ngoại hối là một biện pháp tạm thời, do tỉ giá hối đoái gắn các chính sách tiền tệ trong nước với các nước khác về các chính sách tiền tệ cơ bản. Do đó về lâu dài chính sách tiền tệ đã

được điều chỉnh phù hợp với tình hình của đất nước, nếu không có điều đó thì các quốc gia này sẽ phải vay tiền nhiều hơn, nợ công nhiều hơn và sẽ phải tìm cách thu hút dòng vốn đầu tư nhiều hơn nữa… Giữ tỉ giá cố định cũng được xem là một hình thức chính sách tiền tệ linh hoạt, sẽ đảm bảo chắc chắn rằng đồng tiền nội tệ sẽ không mất giá quá nhanh, với bối cảnh là một nền kinh tế mới nổi thì đương nhiên sẽ không đủ tiềm lực để mà chống chọi lại được với những đợt biến động trên thị trường được, vì thế buộc các quốc gia này phải giữ cố định tỉ giá.

Trong một chế độ tỉ giá linh hoạt hoặc thả nổi tỉ giá hối đoái, các ngân hàng trung ương không can thiệp vào động lực tỉ giá hối đoái, do đó tỉ giá được xác định bằng lực thị trường. Về mặt lý thuyết, trong trường hợp này dự trữ là không cần thiết. Công cụ khác của chính sách tiền tệ thường được sử dụng chẳng hạn như lãi suất trong bối cảnh cần hướng đến một mức lạm phát mục tiêu.

Cơ chế tỉ giá hối đoái hỗn hợp có thể yêu cầu sử dụng của các hoạt động ngoại hối để duy trì tỉ giá mục tiêu trong thời gian quy định, chẳng hạn như cơ chế tỉ giá hối đoái quy định. Như đã thấy ở trên, có một mối quan hệ mật thiết giữa các chính sách tỉ giá hối đoái và chính sách tiền tệ.

Ví dụ để duy trì tỉ giá hối đoái nếu có nhu cầu gia tăng, các ngân hàng trung ương có thể phát hành thêm đồng nội tệ và mua lại ngoại tệ, như vậy sẽ làm tăng tổng dự trữ ngoại hối nhưng lại phải đối mặt với vấn nạn lạm phát đồng nội tệ, càng tung ra nhiều tiền thì đồng tiền nội tệ sẽ càng suy yếu, tiềm lực của đất nước sẽ giảm đi. Vì thế mà không thể nào in thêm tiền được, buộc các central bank phải tìm cách huy động lượng kiều hối, huy động ngoại hối trong dân, nhưng huy động thế nào thì lại phải sử dụng các chính sách tiền tệ phù hợp để kích thích việc gửi tiết kiệm USD của người dân…

Vì lượng dự trữ ngoại tệ sẵn có đó sẽ là lượng tiền được dùng để bảo vệ một đồng nội tệ yếu, một cuộc khủng hoảng tiền tệ hoặc giảm giá có thể là kết quả cuối cùng. Đối với một đồng tiền có nhu cầu rất cao và đang tăng, dự trữ ngoại hối có thể được tích lũy liên tục trên lý thuyết, nếu can thiệp được thông qua nghiệp vụ thị trường mở để ngăn chặn lạm

phát tăng cao. Mặt khác, điều này rất tốn kém, vì việc này được thực hiện bởi công cụ Nợ (ở một số quốc gia các central bank không được phép phát hành ra nợ bằng trái phiếu). Trong thực tế rất ít ngân hàng trung ương hoặc các chế độ tiền tệ hoạt động trên một mức độ đơn giản như vậy, sẽ có thêm nhiều yếu tố khác (nhu cầu trong nước, sản xuất và năng suất, nhập khẩu và xuất khẩu, giá cả tương đối của các hàng hóa và dịch vụ…) sẽ ảnh hưởng đến kết quả cuối cùng. Bên cạnh đó giả thuyết rằng các nền kinh tế trên thế giới hoạt động dưới sự linh hoạt trong nguồn vốn chưa thực sự hoàn hảo và đó là thiếu sót.

Như một hệ quả, ngay cả những ngân hàng trung ương mà hạn chế nghiêm ngặt các can thiệp ngoại hối thường nhận ra rằng thị trường tiền tệ có thể dễ bay hơi (ý nói là không ổn định về giá trị) và có thể can thiệp để chống lại các tác động trong ngắn hạn (có thể bao gồm các cuộc tấn công đầu cơ). Như vậy sự can thiệp không có nghĩa là họ đang bảo vệ một mức tỉ giá xác định. Do đó những điều này cao hơn năng lực của các ngân hàng trung ương để làm ổn định các biến động của cán cân thanh toán và đảm bảo trong thời gian dài. Các bạn có thể tham khảo thêm ở đây:

https://en.wikipedia.org/wiki/Foreign-exchange_reserves.

Bên cạnh là một thứ tài sản được xem là an toàn trong một số thời điểm thì USD cũng trở thành một thứ tài sản rất rủi ro trong những giai đoạn mà nền kinh tế các quốc gia khác đang phát triển, hàng hóa tăng và niềm tin vào các món hàng đầu tư khác tăng lên, USD sẽ không được người ta cất giữ nữa. Hoặc trong một vài trường hợp khi các central bank đồng loạt bán đồng USD để cứu lấy đồng tiền nước họ thì lúc đó USD cũng sẽ giảm và cái tâm lý sợ đồng USD tiếp tục giảm đó sẽ khiến cho giá trị USD càng giảm thêm.

V- SỰ LUÂN CHUYỂN GIỮA CÁC LỚP TÀI SẢN AN TOÀN VÀ RỦI RO TRONG CÁC GIAO DỊCH NGẮN HẠN.

Thực sự thì trong suốt cuốn sách này nói riêng và phân tích liên thị trường nói chung cũng đã là so sánh tương quan sự luân chuyên giữa các món hàng với nhau rồi. Nhưng để chi tiết hơn thì phải phân chia nó thành các lớp tài sản an toàn và rủi ro, để theo dõi sự luân chuyển giữa các lớp tài sản đó trong ngắn hạn. Từ đó sẽ có thể tiên đoán được xu hướng của các mặt hàng cần giao dịch. Trong dài hạn thì cuốn sách của John Murphy cũng có nói về sự luân chuyển này, nhưng đó chỉ là để hiểu về bản chất của sử luân chuyển giữa các lớp tài sản thôi, nếu chỉ dựa vào đó để giao dịch thì chết chắc. Bởi vì sao? Những quy tắc luân chuyển mà Murphy nói chỉ là những cái đã xảy ra trong quá khứ, nó là trong một xu hướng dài hạn, mà thực sự đối với trader thì không thể nào chỉ dựa vào đó được.

Sự luân chuyển trong ngắn hạn được lý giải thế này. Trong một sự kiện diễn ra thì sẽ có những dòng tiền lưu động trong thời điểm đó là thực sự chạy vào các lớp tài sản và cũng trong thời điểm đó dòng tiền sẽ chạy ra khỏi những tài sản mà người ta sợ rằng nó rủi ro lớn. Ví dụ như sự kiện thị trường chứng khoán giảm điểm thì dòng tiền đương nhiên phải chạy ra khỏi chứng khoán mà tìm đến các lớp tài sản an toàn hơn rồi, những lớp tài sản an toàn đó chắc chắn là trái phiếu, vàng, các đồng tiền đóng vai trò là tài sản trú ẩn… Nhưng trong một sự kiện khác, có thể là những tin tức tích cực khiến cho tâm lý nhà đầu tư thoải mái hơn, họ sẵn sàng dùng tiền để đầu tư vào các tài sản có độ rủi ro cao hơn như chứng khoán, bất động sản… thì lúc này những thứ tài sản an đóng vai trò là an toàn trong những thời điểm diễn ra khủng hoảng niềm tin đó sẽ không còn là tài sản an toàn nữa mà nó sẽ ít được quan tâm hơn, cho nên giá trị của nó sẽ giảm xuống. Giá trị giảm xuống không có nghĩa là nó không phải là tài sản an toàn nữa mà chỉ đơn giản là người ta không còn muốn để tiền nằm một chỗ nữa, mà sẽ dùng tiền đó đầu tư sinh lợi.

Sự luân chuyển giữa các thứ tài sản là có quy luật, và trong ngắn hạn cũng thế. Các bạn quan sát bức hình dưới đây sẽ thấy rõ.



Hình 6.32: Sự luân chuyển trong ngắn hạn giữa các lớp tài sản an toàn và rủi ro. Thị trường chứng khoán và cặp USDJPY gần như có biến động như nhau. Vàng và đồng CHF thường được xem là tài sản an toàn mỗi khi có khủng hoảng niềm tin.

Trong bức hình trên các bạn có thể thấy rằng thị trường chứng khoán chính là thị trường dẫn dắt cho những tài sản khác. Ở đây là Gold, JPY và CHF, đại diện cho 3 thứ tài sản được xem là an toàn mỗi khi có khủng hoảng niềm tin diễn ra. Riêng với Gold thì sẽ khó phân tích hơn bởi vì Gold còn phụ thuộc vào rất nhiều yếu tố khác. Tóm lại kinh nghiệm cho những bạn nào thích trade vàng là hãy xem thử thị trường chứng khoán thế nào, và phải chắc chắn rằng thị trường chứng khoán giảm hãy tính tới mua vàng. Trong ngắn hạn, tức là những cái trade dành cho speculator thì các bạn cũng cần phải thật nhanh nhạy để nhìn xem thử diễn biến trên các thị trường thế nào. Thực sự nhiều bạn sẽ thắc mắc là dường như các biến động đến cùng lúc, vậy làm thế nào để biết mà vào lệnh. Điều này nằm ở tâm lý thị trường, hay còn gọi là những suy nghĩ gì mà đại đa số trader đều đang nghĩ, có nhiều thời điểm các biến động sẽ đến cùng một lúc và khó có thể kịp để vào lệnh, nhưng một điều cần phải lưu ý đó là thị trường chứng khoán có những đặc điểm riêng của nó, khi tăng thị trường chứng khoán thường tăng rất từ tốn, và các bạn đủ khả năng để bắt nhịp sóng tăng của chứng khoán, thế còn khi nó đã giảm thì giảm rất mau lẹ, giảm nhanh đến mức mà người ta ồ ạt bán tháo khiến cho tâm lý lo sợ lại càng thêm trầm trọng hơn.

Trong bức hình trên các bạn thấy đó, thị trường chứng khoán sụp đổ rất nhanh, trong giai đoạn đó các bạn có thể vào lệnh với Gold và CHF khá dễ dàng. Có cái đặc biệt là Gold rất nhạy cảm với các tin tức đến từ đồng USD, nhạy cảm với những suy luận kiểu như là thị trường đã phục hồi, chứng khoán có thể sẽ bắt đáy trong một khoảng thời gian ngắn. Những suy luận như thế khiến Gold bị bán rất nhanh, giảm mau lẹ. Một kinh nghiệm nhỏ nữa là mỗi khi thị trường chứng khoán giảm mạnh thì sẽ có giai đoạn rebounce, hay còn gọi là sự phục hội ngắn hạn, trong thời gian có thể chỉ vài giờ hoặc lâu hơn thì 1 vài ngày đó thường vàng sẽ giảm trở lại, và lực giảm sẽ tương đối mạnh như là lúc nó tăng vì người ta tìm đến vàng trú ẩn vậy.

Một ví dụ thực tiễn về sự luân chuyển giữa các lớp tài sản:

Sự kiện mở đầu phiên giao dịch của năm 2016, các quan chức FED phát biểu rằng kinh tế có thể ổn định và FED sẽ tiến hành thắt chất tiền tệ tiếp trong năm 2016 này, khả năng

cao là sẽ nâng lãi suất trong 4 lần. Cái bình luận đó khiến cho nhà đầu tư tin rằng kinh tế Mỹ sẽ phục hồi mạnh mẽ, đồng USD vì thế mà tăng mạnh sau khi mở phiên. Bên cạnh đó những số liệu kinh tế của Trung Quốc được công bố vào buổi sáng phiên giao dịch đầu năm 2016 đó là quá tệ, áp lực bán tháo chứng khoán diễn ra rất nhanh, chỉ sau một thời gian ngắn thị trường chứng khoán Trung Quốc đã bốc hơi đến ngưỡng giới hạn và hệ thống ngắt mạch đã tự động đóng cửa thị trường.

Điều đáng nói ở đây là chỉ trong vòng thời gian ngắn như vậy khi thị trường chứng khoán Trung Quốc sụp đổ thì người ta sẽ nghĩ điều gì và phản ứng của thị trường sau đó sẽ thế nào. Lúc đó Tôi nhìn quanh các cặp tiền với USD chợt nhận ra đồng USD đang quá mạnh, cùng với đó là sự sụp đổ của thị trường chứng khoán khiến cho người ta giấy lên một mối nghi ngờ rằng các mặt hàng mà Trung Quốc nhập khẩu sẽ giảm giá mạnh. Bởi vì Trung Quốc là công xưởng của thế giới, là nơi tập trung của sản xuất và xuất cảng. Khi kinh tế Trung Quốc suy yếu thì nhu cầu tiêu thụ hàng hóa sẽ giảm, giá cả hàng quá vì thế giảm theo. Các quốc gia xuất khẩu hàng hóa như Australia, New Zealand, Canada… là những quốc gia đầu tiên phải hứng chịu tổn thất. Giá dầu ngay lúc đó cũng giảm rất mạnh bởi vì nhu cầu tiêu thụ dầu của Trung Quốc giảm, cộng với các thỏa thuận dầu mỏ khu vực Trung Đông, OPEC duy trì khai thác dầu mặc nguồn cung dư thừa… đã châm ngòi cho sự sụp đổ của giá dầu ngay sau đó.

Sự nhanh nhạy trong lúc này tức là các bạn hãy quay sang go long đồng USD, bởi vì những phát biểu trên của các quan chức FED đã khiến cho đồng USD tăng rất mạnh, hơn nữa sự sụp đổ của thị trường chứng khoán Trung Quốc khiến cho nhu cầu tìm đến USD tăng cao, đồng USD nghiễm nhiên trở thành thứ tài sản an toàn. Go long đồng JPY vì sao? JPY là một thứ tài sản an toàn mỗi khi thị trường chứng khoán sụp đổ kia mà, hơn nữa Nhật là cường quốc ở gần Trung Quốc nhất, thương mại giữa 2 quốc gia là rất lớn. Dòng tiền từ Trung Quốc sẽ chạy sang JPY trước tiên bởi vì nó an toàn với họ. Cái sự kiện PBOC phá giá CNY ngay sau khi thị trường chứng khoán sụp đổ đó cũng chính là giọt nước tràn ly khiến cho cái mối lo càng trở nên trầm trọng hơn, người ta lại càng tìm về JPY nhiều hơn.



Hình 6.33: Sự sụp đổ nhanh chóng của thị trường chứng khoán Trung Quốc đã châm ngòi cho sự sụp đổ của các thị trường chứng khoán khác, điển hình là chứng khoán Mỹ và Nhật.

Sự luân chuyển giữa các tài sản diễn ra trong giai đoạn này như sau: khi thị trường chứng khoán Trung Quốc giảm mạnh thì ngay lúc đó nhìn sang thị trường chứng khoán Mỹ, Nhật, Âu … cũng đồng loạt giảm nhưng sự suy giảm chưa mạnh, đó là một dấu hiệu rất tốt để chúng ta nhận biết rằng sự lo sợ đang diễn ra trong lòng market, các nhà đầu tư khôn ngoan đã thoát ra sớm trước khi sự sụp đổ diễn ra. Và khi mà đại bộ phận nhà đầu tư rút khỏi thị trường thì cũng là lúc mà sự lo sợ lên đến đỉnh điểm. Chứng khoán bắt đầu lao dốc, với một IA Trader thì đó là một tín hiệu rất tốt để vào lệnh với các chỉ số Indices, Vàng và đồng JPY. Dù là USD tăng nhưng sự sụp đổ của thị trường chứng khoán Mỹ cũng đã kéo theo đó là sự suy yếu của đồng USD. Các bạn xem lại chart sẽ thấy vào thời điểm đó đồng USD bất ngờ tăng ngay khi mở phiên giao dịch, kéo các cặp tiền AUDUSD, NZDUSD giảm rất mạnh, USDCAD tăng vọt… phần lớn các cặp tiền với USD đều biến động, đồng USD tăng so với hầu hết các cặp tiền đó. Có thể nói tuần giao dịch đầu tiên của năm 2016 là ác mộng với những nhà đầu tư chứng khoán nhưng đó lại là thời điểm tốt nhất để các trader trên các thị trường khác make $. Quá dễ để make $ trong tuần đó nếu như các bạn bắt được xu hướng sụp đổ của chứng khoán, đó là khủng hoảng trong niềm tin nên dòng tiền sẽ chạy sang các tài sản an toàn.

Sở dĩ hôm đó Tôi dự đoán được thị trường chứng khoán toàn cầu sụp đổ. USD, vàng và JPY tăng, các đồng tiền hàng hóa giảm là bởi vì nhìn thấy sự sụp đổ quá nhanh của chứng khoán Trung Quốc khiến cho hệ thống phải tự động ngắt mạch. Cái hay ở đây là những nhà đầu tư thị trường chứng khoán Trung Quốc cũng bao gồm rất nhiều là ở các quốc gia khác, trong đó nhà đầu tư Nhật rất nhiều. Vậy nên khi thị trường chứng khoán Trung Quốc tự động đóng thì lúc này người ta sẽ quay sang bán tống bán tháo các cổ phiếu trên sàn chứng khoán Nhật trước tiên, sự sụp đổ đó kéo dài tương đối lâu, trong suốt mấy ngày sau đó. Nguyên ngày 4/1 đó là một formation rất tốt để vào lệnh rồi, đợi sang ngày 5/1 thì các phân tích market sentiment mới chính thức được confirm.

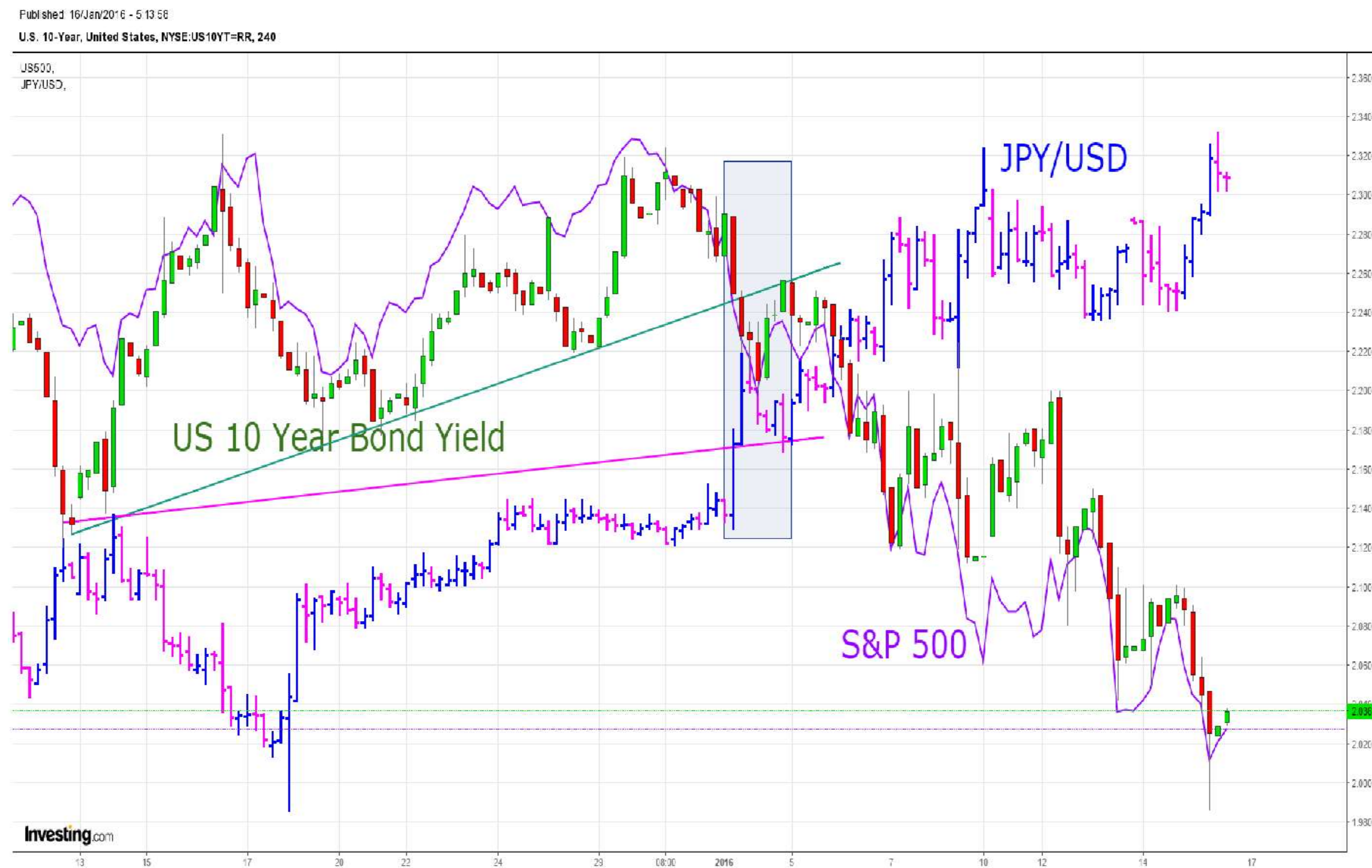


Hình 6.34: Dòng tiền tìm về với vàng tăng cao trong giai đoạn chứng khoán giảm. Sự luân chuyển của dòng tiền từ lớp tài sản rủi ro là chứng khoán sang lớp tài sản an toàn là Vàng tăng cao.

Trong bức hình trên có các giai đoạn khác nhau, xu hướng tăng hay giảm cũng sẽ có những thời điểm rebounce lại, trong một sự kiện lớn khiến thị trường chứng khoán lao dốc thì sự rebounce đó sẽ là thời điểm để chúng ta tiếp tục vào lệnh. Một kinh nghiệm cá nhân Tôi là thường trong một xu hướng sẽ có khoảng 2 lần rebounce, tức là đi đúng theo dạng mô hình sóng Elliot. Mặc dù bản thân Tôi cũng không mặn mà gì với lý thuyết sóng Elliot đó lắm nhưng cũng thỉnh thoảng áp dụng vào những trường hợp hiện hữu là chắc chắn.

Trên đó là sự luân chuyển dòng tiền từ chứng khoán sang Vàng, thế còn sự luân chuyển sang các dạng tài sản khác thì thế nào. Đồng JPY, CHF và trái phiếu sẽ là những thứ tài sản an toàn nhất được người ta để tâm. Khi biến cố đó xảy ra thì dòng tiền nó sẽ chạy rất mau về với các lớp tài sản khác nhau, trong đó trái phiếu là cái đầu tiên. Trong bức hình 6.35 dưới đây Tôi lấy JPY/USD để các bạn dễ hình dung rằng đồng JPY tăng mạnh thế nào sau khi thị trường chứng khoán giảm, và theo phân tích kỹ thuật thì khi giá phá qua đường base line trên hình đó chính là một formation để vào lệnh rất tốt. Một kinh nghiệm nhỏ để kết hợp giữa phân tích cơ bản và kỹ thuật được tốt đó là những formation phải được confirm trong một xu hướng rõ ràng và các tin tức cơ bản phải hỗ trợ cho cái formation đó. Lúc đó mới là thời điểm tốt nhất để vào lệnh.

Trong bức hình 6.36 là sự luân chuyển dòng tiền từ chứng khoán sang đồng CHF và USD. Sở dĩ mà Tôi phải tách đồng CHF ra bởi vì sự luân chuyển vào CHF thường không mạnh bằng sự luân chuyển vào Vàng và JPY. Do vậy Tôi cũng rất ít khi giao dịch với đồng CHF, riêng với vàng theo quan điểm của Tôi là chỉ nên giao dịch khi có những biến cố lớn xảy ra trên thị trường chứng khoán và xác xuất phân tích là chính xác cao thì hãy trade vàng. Trong thời điểm diễn ra biến cố thị trường chứng khoán giảm điểm đó đồng USD tăng tương đối mạnh nhưng do thị trường chứng khoán giảm nên sức mạnh của đồng USD cũng suy yếu nhiều, vậy nên chỉ số USD Index phản ảnh sức mạnh của đồng USD không tăng nhiều.



Hình 6.35: Sự luân chuyển dòng tiền từ thị trường chứng khoán sang đồng JPY và trái phiếu Mỹ tăng mạnh. Formation được xác nhận sau ngày 4/1/2016 đó chính là thời điểm tốt nhất để vào lệnh.



Hình 6.36: Sự luân chuyển dòng tiền từ thị trường chứng khoán sang đồng CHF và USD tăng cao.



Hình 6.37: Giá Oil giảm mạnh chỉ sau khi thị trường chứng khoán đã confirm sẽ giảm mạnh và bước vào giai đoạn sụp đổ. Ngay sau đó thì Oil lao dốc mạnh tương quan chặt chẽ với thị trường chứng khoán.

Sự luân chuyển giữa các lớp tài sản trong từng giai đoạn của chu kỳ kinh tế, hay ngắn hạn hơn là sự luân chuyển của các lớp tài sản trong các sự kiện diễn ra ngay tại thời điểm chúng ta giao dịch là một phạm trù rất rộng lớn, trong một chứng sách này Tôi không thể nói hết dược mà đành phải để sang cuốn sau vậy. Dự kiến cuốn sách sau Tôi sẽ viết thật chi tiết sự luân chuyển này trong từng sự kiện cụ thế một, sẽ có rất nhiều ví dụ trực quan trong ừng giao dịch ngắn hạn cho các bạn dễ hình dung luôn. Hi vọng sẽ nhận được những hồi âm từ phía độc giả để Tôi có thêm ý tưởng cho cuốn sách sau này được tốt hơn.

VI- QUỸ ETFs VÀ HÌNH THỨC ĐẦU TƯ VÀO QUỸ ETFs.

Ngày này các quỹ đầu tư ETFs phát triển rất mạnh và dường như một phần xu hướng của thị trường cũng bị chi phối bởi những hành động của các quỹ đầu tư này. Hơn nữa ngày nay người ta có xu hướng đầu tư vào các quỹ ETFs này rất nhiều Do vậy thật là thiếu sót nếu như chúng ta không để tâm đến những hành động mua bán của các quỹ như thế này. Theo Investopedia thì ETFs được định nghĩa như sau:

- *Exchange-Traded Fund (ETF):*

ETF tức là quỹ giao dịch trao đổi, là một quỹ đầu tư an toàn, mà theo dõi các chỉ số, hàng hóa, trái phiếu, hoặc một rổ các tài sản như một quỹ chỉ số. Không giống như các quỹ tương hỗ, ETF đưuọc giao dịch như một cổ phiếu phổ thông trên thị trường chứng khoán. ETFs có kinh nghiệm thay đổi giá trong suốt cả ngày khi chúng được mua và bán. ETFs thường có thanh khoản hàng ngày cao hơn và mức phí thấp hơn so với cổ phiếu quỹ, tạo thành một sự thay thế hấp dẫn cho các nhà đầu tư cá nhân.

Bởi vì nó kinh doanh như một chứng khoán, ETF không có giá trị tài sản ròng (NAV) tính toán một lần vào cuối mỗi ngày giống như một quỹ tương hỗ.

DEFINITION of 'Exchange-Traded Fund (ETF)'

An ETF, or exchange traded fund, is a marketable security that tracks an index, a commodity, bonds, or a basket of assets like an index fund. Unlike mutual funds, an ETF trades like a common stock on a stock exchange. ETFs experience price changes throughout the day as they are bought and sold. ETFs typically have higher daily liquidity and lower fees than mutual fund shares, making them an attractive alternative for individual investors.

Because it trades like a stock, an ETF does not have its net asset value (NAV) calculated once at the end of every day like a mutual fund does.

Theo Đề án tổ chức và quản lý giao dịch chứng chỉ quỹ ETF tại Sở GDCK Hà Nội và gần đây nhất là Dự thảo Thông tư Hướng dẫn thành lập và quản lý quỹ hoán đổi danh mục (ETF) của UBCKNN, ETF đầu tiên của Việt Nam sẽ sử dụng kỹ thuật spot-market replication để mô phỏng chỉ số chứng khoán và sẽ chính thức ra đời vào năm 2013.

Để giúp NĐT hiểu rõ hơn về sản phẩm này, chúng tôi giới thiệu cùng bạn đọc chi tiết về ETF, phân tích lợi ích và rủi ro khi đầu tư vào ETF. Đồng thời cũng đưa ra bức tranh thực tế về việc triển khai ETF tại Việt Nam trong giai đoạn hiện nay.

ETF là gì?

Exchange Traded Fund hay ETF là một hình thức quỹ đầu tư thụ động mô phỏng theo một chỉ số cụ thể. Danh mục của ETF gồm một rổ chứng khoán có cơ cấu như cơ cấu của chỉ số mà nó mô phỏng.

Theo đó, nhà quản lý quỹ không cần tích cực tái cơ cấu danh mục của quỹ mà chỉ cần bám sát theo rổ chứng khoán của chỉ số mục tiêu.

Có hai kỹ thuật mô phỏng chỉ số cơ sở của một ETF: mô phỏng dựa vào thị trường giao ngay (spot-market based replication) và mô phỏng dựa vào giao dịch hoán đổi (swap-based replication).

Nếu theo thị trường giao ngay, việc mô phỏng được thực hiện chủ yếu bằng cách mua toàn bộ chứng khoán theo cơ cấu của chỉ số cơ sở (gọi là mô phỏng hoàn toàn – full relpication). Trong trường hợp không thể mua toàn bộ chứng khoán cơ sở (có thể do chi phí quá cao hay do một số chứng khoán cơ sở không có tính thanh khoản), việc mô phỏng có thể được thực hiện bằng cách lấy mẫu (sampling replication) hoặc tối ưu hóa (optimization replication) để nắm giữ một phần danh mục chứng khoán cơ sở sao cho vẫn đạt được mục tiêu tối thiểu hóa sai số mô phỏng của ETF.

Việc mô phỏng chỉ số cơ sở còn có thể được thực hiện dựa vào giao dịch hoán đổi. Bằng cách này, một hợp đồng hoán đổi sẽ được thực hiện giữa quỹ ETF và một đối tác (thường là một ngân hàng đầu tư), theo đó, quỹ chấp nhận trả cho đối tác mức sinh lợi của

rổ chứng khoán mà quỹ đang nắm giữ và nhận lại từ phía đối tác mức sinh lợi của chỉ số cơ sở. Trong trường hợp này, rổ chứng khoán mà quỹ nắm giữ sẽ không bao gồm tất cả các chứng khoán của chỉ số cơ sở mà danh mục của rổ sẽ được mô tả trong hợp đồng hoán đổi. Kỹ thuật mô phỏng dựa vào giao dịch hoán đổi này có thể xem như là quỹ ETF thực hiện thuê ngoài (outsourcing) bằng cách nhờ đối tác của mình mô phỏng thay. Ví dụ sau sẽ minh họa một cách đơn giản nhất kỹ thuật này.

Ví dụ: Kỹ thuật mô phỏng dựa vào giao dịch hoán đổi

Giá trị của rổ chứng khoán mà ETF đang nắm giữ tăng từ $100 lên $105 trong một kỳ nhất định, trong khi đó, chỉ số mà nó mô phỏng lại tăng từ $100 lên $107. Việc thanh toán sẽ diễn ra như sau:

1) ETF trả $5 – lợi nhuận của rổ chứng khoán – cho ngân hàng đầu tư

2) ETF nhận được $7 – lợi nhuận của chỉ số – từ ngân hàng đầu tư

Sau khi cấn trừ, số tiền ETF nhận được là $2, làm cho NAV của ETF tăng lên thành $107. Kết quả này phản ánh chính xác theo kết quả của chỉ số mà nó mô phỏng.

Nguồn: Luxembourg Agency for Development Cooperation, 2009

Các loại hình ETF rất đa dạng và phong phú. Do mục tiêu chính của ETF là theo sát biểu hiện của một chỉ số nào đó, nên bất kỳ chỉ số nào được tạo ra thì sẽ có từng ấy loại ETF có thể được hình thành.

Ban đầu, thị trường chứng khoán chỉ biết tới ETF mô phỏng chỉ số cổ phiếu (gọi là ETF Equity, mô phỏng chỉ số cổ phiếu theo mức vốn hóa, theo ngành hay theo khu vực địa lý). Sau này, đã có thêm nhiều loại ETF mới ra đời mô phỏng chỉ số các công cụ nợ (gọi là ETF Fixed Income, mô phỏng chỉ số trái phiếu chính phủ), chỉ số hàng hóa (gọi là ETF Commodity, mô phỏng chỉ số vàng, nông sản), chỉ số tiền tệ (gọi là ETF Currency, mô phỏng chỉ số đồng tiền của các nước đã phát triển) và rất nhiều loại chỉ số khác.

'ETF cũng giống như bất cứ loại hình đầu tư nào: lợi ích luôn đi kèm với rủi ro. Vấn đề quan trọng là nhà đầu tư cần phải hiểu rõ về đặc điểm của sản phẩm mà mình đầu tư để có thể có được kết quả như kỳ vọng.

ETF không hoàn toàn là một công cụ đầu tư an toàn với lợi nhuận thấp và chắc chắn, nhưng cũng không phải là một sản phẩm rủi ro hứa hẹn lợi nhuận cao. Đây là một dạng đầu tư tương tự như đầu tư danh mục nhưng có chi phí thấp và suất sinh lời ngang với mức sinh lời của thị trường. Nhà đầu tư cần cân nhắc về mục tiêu đầu tư để lựa chọn sản phẩm phù hợp.'

Có Những Loại ETF nào?

Quỹ Chỉ Số Chứng Khoán (Index Funds)

Hầu hết các quỹ ETFs là những Quỹ Đầu Tư Chỉ Số mô phỏng theo một chỉ số chứng khoán nhất định như Dow Jone, S&P 500, FTSE 100.

Ví dụ: trên sàn Y có 4 cổ phiếu A,B,C, D với số lượng cổ phiếu phát hành lần lượt là 5 triệu, 10 triệu, 5 triệu, 15 triệu. Quĩ Z, đầu tư theo "Y index" tức là họ có thể xây dựng danh mục đầu tư của mình theo tỉ lệ 1:2:1:3, tương đương với việc có thể họ sẽ mua 400.000 cổ phiếu A, 800.000 cổ phiếu B và 400.000 cổ phiếu C và 12.000 cổ phiếu D.

Nguyên nhân của việc các quỹ phải xây dựng danh mục đầu tư của mình theo tỉ lệ trên đây là do tầm ảnh hưởng theo tỉ lệ của từng loại cổ phiếu với chỉ số chung. Như trong trường hợp trên, tầm ảnh hưởng của từng cổ phiếu lên chỉ số chung có thể theo đúng tỉ lệ 1:2:1:3 nên các quỹ đầu tư chỉ số chọn tỉ lệ này để sự tăng hay giảm của một loại cổ phiếu cũng không gây ảnh hưởng đến chỉ số của toàn sàn giao dịch Y và giá trị quỹ của họ cũng không bị ảnh hưởng.

Tính đến tháng 2/2008, nước Mỹ có tới 415 quỹ chứng khoán tổng hợp ETFs trong nước với tổng tài sản lên đến 350 tỉ USD; 160 quỹ ETFs quốc tế với tài sản lên đến 169 tỉ USD, và 35 quỹ ETF trái phiếu với tổng tài sản lên tới 40 tỉ USD.

Một số quỹ đầu tư chỉ số ETF đầu tư 100% tài sản của họ theo tỉ lệ đã nêu trên vào tất cả các cổ phiếu thuộc một chỉ số nhất định. Ví dụ như nếu một quỹ đầu tư chọn đầu tư hoàn toàn vào một chỉ số là S&P 500 thì có nghĩa là ETF đó sẽ đầu tư vào cổ phiếu của 500 công ty lớn nhất của thị trường chúng khoán Hoa Kỳ do đó theo sát sự biến chuyển của chỉ số S&P 500. Một số quỹ đầu tư khác thì lại dùng phương pháp "mẫu đại diện", có nghĩa là họ sẽ đầu tư từ 80% đến 95% tài sản của họ vào những cổ phiếu thuộc một chỉ số họ đã chọn. Còn từ 5%-20% còn lại sẽ được đầu tư vào những tài sản khác như các hợp đồng tương lai, quyền chọn, các hợp đồng hoán đổi hoặc các cổ phiếu không thuộc chỉ số họ đã chọn. Tất cả đều tùy thuộc vào mục tiêu của những người quản lý quỹ.

Quỹ Đầu Tư Hàng Hóa (Commodity ETFs)

Quỹ Đầu Tư Chỉ Số Hàng Hóa đầu tư vào một số hàng hóa nhất định như các kim loại quý, ví dụ như vàng và dầu hoặc một rổ các hàng hóa bằng cách nắm giữ thực sự loại hàng hóa đó hoặc dùng các hợp đồng tương lai. Các Quỹ Đầu Tư Hàng Hóa thường theo dõi giá của các loại hàng hóa này và kiếm lời từ những biến đổi này.

Các Quỹ ETFs Quản Lý Chủ Động (Actively managed ETFs)

Các Quỹ ETFs tích cực thực ra vừa mới ra đời kể từ 25/03/2008 ở Mỹ. Cho tới nay, tất cả các quỹ đã được cấp phép đều có các thông tin về quỹ của mình một cách hoàn toàn minh bạch. Điều này có nghĩa là các quỹ này phải công bố những thông tin về những loại cổ phiếu họ đầu tư trên website của họ hàng ngày. Tuy nhiên, các cơ quan quản lý cũng đã cho rằng có thể họ sẽ cho phép những quỹ này không cần phải cung cấp hoàn toàn những thông tin lên website nữa. Nguyên nhân là do việc minh bạch hóa toàn bộ thông tin của các quỹ này sẽ khiến những quỹ này phải đối mặt với những rủi ro trước những đối thủ cạnh tranh trong việc đi trước đón đầu.

SPDR là gì?

Từ năm 2003 đã có khoảng 8 loại ETF dùng vàng, được ghi tên trên các thị trường chứng khoán thế giới. Trong những loại ETF đó, StreetTrack Gold Trust là quỹ ETF đầu

tư vàng lớn nhất thế giới. Hiện nay, quỹ này nắm giữ tới 597, 73 tấn vàng, tương đương với 19,217,748 ounces vàng, đạt giá trị 17,062,471,801.62 USD.

Ngày 25/4/2008, khi quỹ đầu tư StreetTrack Gold Trust bán ra 20,5 tấn vàng, giá vàng trên thế giới đã bị đẩy xuống mức thấp nhất trong vòng một tháng trước đó khi dao động trên thị trường quốc tế ở mức 884 – 890 USD/ounce. Giá vàng SJC tại Việt Nam tụt tới 200.000 một lượng so với ngày trước đó, đứng ở mức 17,75 triệu đồng/lượng, tụt gần 2 triệu đồng một lượng so với đỉnh cao của SJC hơn một tháng trước.

Nhìn vào thực tế trên đây, chúng ta có thể thấy rõ sức mạnh của StreetTrack Gold Trust như thế nào!

StreetTracks Gold Share là chứng chỉ của Quỹ StreetTrack Gold Trust, do Hội Đồng Vàng Thế Giới Bảo Trợ. Chứng chỉ này đã được niêm yết trên Sàn Chứng Khoán Newyork vào ngày 18/11/2004 với mã là GLD. Mỗi chứng chỉ có giá trị tương đương với 1/10 ounce vàng đảm bảo nằm dưới hầm chứa vàng tại Luân Đôn của HSBC Bank USA hoặc dưới hầm của những ngân hàng bảo trợ chi nhánh của HSBC khác dưới dạng các thỏi vàng 400 oz.

Ngày 20/5/2009, quỹ StreetTRACKS® Gold Trust đã được đổi tên thành SPDR® Gold Trust

Mỗi ngày, trung bình có khoảng 8 triệu chứng chỉ GLD được giao dịch, cao hơn cả số lượng 7 triệu cổ phiếu của Google. Tổng giá trị các cổ phiếu ETF do Hội Đồng Vàng Thế Giới sở hữu lên tới 16.8 tỉ USD.

Hiện nay, 8 quỹ ETF đang làm chủ > 128 tấn vàng(tính tới ngày 24-4-2012), là kho vàng lớn thứ bảy thế giới. Với vị trí như vậy, có thể nói rằng các quỹ ETF nói chung và SPDR® Gold Trust có tầm ảnh hưởng đáng kể đến nguồn cung vàng của thị trường. Trong những trường hợp nhạy cảm, khi những biến đổi của USD khá nhạy cảm, cộng với những biến động khó lường của dầu thì những động thái từ các quỹ ETF sẽ rất được chú ý.

Vì sao nhà đầu tư nên chọn ETF?

Giữa các loại quỹ như quỹ tương hỗ, quỹ đóng hay quỹ mở, đâu là những ưu điểm nổi trội mà ETF sẽ thu hút nhà đầu tư?

Khi đầu tư vào cổ phiếu, nhà đầu tư (NĐT) thường đối mặt với hai vấn đề lớn: (i) chọn đúng cổ phiếu và đúng thời điểm, và (ii) phân tán rủi ro.

Việc chọn đúng cổ phiếu để đầu tư đòi hỏi NĐT khá nhiều kiến thức và kỹ năng phân tích, đồng thời cũng là công việc tốn kém thời gian. Hơn nữa, không phải NĐT nào cũng có thể tiếp cận đầy đủ thông tin về doanh nghiệp.

Ngay cả khi đã chọn được cổ phiếu có cơ bản tốt, nhưng nếu mua vào lúc giá quá cao thì vẫn có thể bị lỗ. Ngược lại, có những cổ phiếu có cơ bản không tốt nhưng lại được bán ra lúc thị trường định giá cao thì NĐT vẫn có lời.

Như vậy, vấn đề thời điểm đóng vai trò vô cùng quan trọng trong đầu tư, nhưng nó lại tùy thuộc nhiều vào tình hình thị trường, cái mà NĐT không thể kiểm soát được. Tương tự, việc đa dạng hóa danh mục để hạn chế rủi ro phi hệ thống cũng khá phức tạp và tốn kém, đặc biệt là đối với các NĐT cá nhân. Nó đòi hỏi phải có một hệ thống hỗ trợ phân tích thật hiệu quả cùng với một nguồn lực tài chính lớn vì phải phân tán rủi ro bằng cách đầu tư vào nhiều loại cổ phiếu khác nhau hoặc vào các loại tài sản khác nhau.

Chính vì các hạn chế đó, NĐT thường giải quyết bài toán bằng cách mua các chứng chỉ quỹ tương hỗ.

Quỹ tương hỗ vốn được xem là một hình thức đầu tư phù hợp với nhà đầu tư cá nhân. Thông thường, các quỹ này được điều hành bởi những chuyên gia giàu kinh nghiệm. Do đó, họ được kỳ vọng là sẽ sử dụng vốn hiệu quả, thường xuyên tái cơ cấu danh mục (quản lý chủ động) và đầu tư vào các tài sản, lĩnh vực có tỷ suất sinh lợi cao. Ngoài ra, các quỹ tương hỗ cũng có thêm lợi thế nhờ quy mô do tập hợp một lượng lớn vốn từ nhiều NĐT nhỏ. Về mặt lý thuyết, mua các chứng chỉ quỹ (CCQ) là một hình thức đầu tư phù hợp cho các NĐT không chuyên nghiệp.

Tuy nhiên, không phải quỹ tương hỗ nào cũng có kết quả như mong đợi. Theo CMoney và Fubon Securities Trust (Taiwan Stock Exchange, 2010), theo dõi kết quả hoạt động của 154 quỹ tương hỗ suốt từ giai đoạn 2003 – 2007, trong suốt 5 năm liên tục, không có quỹ tương hỗ nào thắng được thị trường. Điều này cho thấy, mô hình quản lý quỹ theo kiểu chủ động chưa hẳn đã đem lại lợi nhuận cao cho nhà đầu tư. Đó là chưa tính đến việc do quản lý theo kiểu chủ động, nên chi phí quản lý mà các nhà đầu tư phải trả cho Công ty Quản lý quỹ (CTQLQ) thường khá cao.

Bảng 1: Biểu hiện của quỹ tương hỗ so với thị trường

	Số lượng Quỹ tương hỗ có kết quả cao hơn kết quả chỉ số
2 năm liên tục	68
3 năm liên tục	37
4 năm liên tục	4
5 năm liên tục	0

Nguồn: CMoney, Fubon Securities Trust

Đối với loại hình quỹ mở, NĐT lại gặp phải vấn đề thông tin bất cân xứng. Do có cơ chế tạo và mua lại, quy mô của quỹ mở thường xuyên thay đổi. Bất cứ lúc nào NĐT đều có quyền yêu cầu CTQLQ mua lại CCQ mà họ đang nắm giữ, do vậy, CTQLQ vừa phải duy trì một lượng tiền mặt nhất định trong cơ cấu tài sản của quỹ, vừa thường xuyên chủ động tái cơ cấu danh mục để có được lợi suất đầu tư cao nhất có thể. Chính vì vậy, NĐT không dễ gì biết được danh mục tài sản của quỹ tại mọi thời điểm mà chỉ biết được NAV do CTQLQ công bố vào lúc tạo ra hay mua lại CCQ của NĐT.

Một vấn đề khác mà NĐT vào các CCQ thường gặp là “giá hợp lý” (fair price). Đối với loại hình quỹ đóng, với quy mô cố định, được niêm yết và giao dịch trên thị trường giao dịch tập trung, giá cả của CCQ do cung cầu trên thị trường quyết định. Trong nhiều thời điểm, do những khiếm khuyết của thị trường, thị giá của CCQ lại khác biệt xa so với NAV của quỹ. Điều này rất bất lợi cho NĐT vì giá của tài sản mà họ mua, bán hoặc nắm giữ không phản ánh đúng giá trị thực sự của nó.

Với những bất cập trong việc đầu tư vào cổ phiếu và quỹ tương hỗ như đã phân tích, ETF được xem là một sản phẩm tài chính có thể giải quyết được những vấn đề đó với nhiều lợi ích:

(i) Đa dạng hóa danh mục (với chi phí thấp): do ETF được cơ cấu bởi một rổ cổ phiếu, khi NĐT nắm giữ chứng chỉ ETF, cũng có nghĩa là họ nắm một rổ cổ phiếu có tỷ trọng giống như chỉ số mà ETF mô phỏng;

(ii) Đạt được lợi suất bình quân của thị trường: với đặc điểm quan trọng của ETF là bám sát biểu hiện của chỉ số mà nó mô phỏng, NĐT yên tâm là tỷ suất sinh lợi mà họ có được khi đầu tư vào ETF sẽ không sai biệt nhiều so với tỷ suất lợi nhuận bình quân của thị trường;

(iii) Thông tin minh bạch: như cổ phiếu được niêm yết và giao dịch trên Sở giao dịch tập trung, mọi thông tin liên quan đến ETF (khối lượng giao dịch, giá thị trường, NAV, cơ cấu tài sản của quỹ…) đều được công khai minh bạch và bất cứ ai cũng đều dễ dàng có được thông tin. NĐT có thể dễ dàng tham gia và rút lui ra khỏi thị trường do ETF được áp dụng cùng một nguyên tắc giao dịch như các cổ phiếu niêm yết;

(iv) Chi phí thấp: do quản lý bị động, chi phí quản lý của ETF thấp hơn nhiều so với các quỹ đầu tư khác. Đặc biệt, trong cơ chế tạo và hoàn trả của ETF, chỉ có NĐT là các tổ chức được cấp phép (thường là các công ty chứng khoán) mới được thực hiện việc tạo và hoàn trả ETF với CTQLQ.

Ngoài ra, khối lượng CCQ tính theo lô dùng để tạo và mua lại trên thị trường sơ cấp cũng tương đối lớn (trung bình 1 lô gồm 50,000 CCQ hoặc thậm chí 500,000 CCQ) nên đối tượng tham gia vào việc tạo và mua lại CCQ bị hạn chế. Do đó, quỹ ETF không phải duy trì một lượng tiền mặt lớn và cũng không gặp áp lực mua lại CCQ như các quỹ mở thông thường;

(v) Chênh lệch NAV và giá thị trường thấp: điều này có được nhờ vào cơ chế kinh doanh chênh lệch giá (arbitrage) rất riêng của ETF. ETF có hai loại giá đặc trưng là giá

ETF do cung cầu trên thị trường quyết định và giá của rổ chứng khoán mà quỹ ETF nắm giữ. Bất cứ lúc nào có sự khác biệt giữa hai loại giá này, NĐT sẽ kinh doanh chênh lệch giá, từ đó làm cho giá của ETF không khác biệt nhiều so với giá trị tài sản mà nó nắm giữ.

Những rủi ro cần cân nhắc khi đầu tư vào ETF

Bên cạnh các lợi ích mà ETF mang lại như đã đề cập trong bài trước, giao dịch ETF cũng chứa đựng nhiều rủi ro mà NĐT cần cân nhắc kỹ.

1. Rủi ro khác biệt giá trước khi niêm yết

Trước khi được phát hành, quỹ ETF huy động vốn từ các NĐT tổ chức để hình thành nên vốn mồi (seed fund). Vốn mồi được sử dụng để tập hợp các chứng khoán cơ cấu và sau đó sẽ đổi thành CCQ để bán ra công chúng.

Như vậy, từ lúc góp vốn cho đến lúc quỹ được phát hành và niêm yết thì cần một khoảng thời gian nhất định. Trong khoảng thời gian đó, NĐT phải đối mặt với rủi ro biến động giá của tài sản cơ cấu và của ETF.

2. Biểu hiện không vượt trội chỉ số

Do ETF mô phỏng chỉ số nên ngay cả khi thị trường trong giai đoạn tăng trưởng mạnh thì ETF cũng không thể thu được mức lợi nhuận vượt trội chỉ số mà nó mô phỏng.

Đây có lẽ cũng là yếu điểm lớn nhất của quỹ ETF.

3. Rủi ro hệ thống đối với chỉ số mục tiêu

Về mặt lý thuyết, đầu tư vào một danh mục sẽ giảm được mức biến động giá và tác động của từng chứng khoán riêng lẻ lên toàn bộ danh mục. Tuy nhiên, bản thân của chính danh mục đầu tư cũng không thể tránh khỏi rủi ro hệ thống.

Do ETF là một dạng đầu tư chỉ số, rủi ro hệ thống của ETF cũng tương đương với rủi ro biến động của thị trường.

Khi thị trường giảm, chỉ số giảm và NĐT phải gánh chịu thua lỗ.

4. Các quyền khác với cổ phiếu thường

Đối với ETF, NĐT phải thông qua CTQLQ để mua CCQ.

Nắm giữ CCQ ETF cũng giống như nắm một rổ chứng khoán cơ cấu. Tuy nhiên, do các chứng khoán thành phần vẫn thuộc về CTQLQ, các NĐT nắm giữ ETF không có các quyền đối với chứng khoán thành phần mà chính CTQLQ mới đóng vai trò là cổ đông của các cổ phiếu cơ cấu và có được các quyền liên quan (như tham dự đại hội cổ đông, nhận cổ tức, cổ phiếu thưởng…).

5. Sai số trong mô phỏng

Sai số mô phỏng là độ lệch chuẩn giữa tỷ suất sinh lợi của ETF và tỷ suất sinh lợi của chỉ số cơ sở. ETF có sai số mô phỏng càng nhỏ thì càng thu hút được NĐT.

Đối với nhà quản lý quỹ ETF, chức năng chính và quan trọng nhất là duy trì sai số mô phỏng càng nhỏ càng tốt bằng cách cơ cấu lại danh mục của quỹ.

Trong thực tế, do sự biến động của thị trường và nhiều yếu tố khác như các hoạt động chia, tách, sáp nhập doanh nghiệp hay phát hành cổ phiếu thưởng… làm cho nhiệm vụ giảm thiểu sai số mô phỏng trở nên khó khăn hơn, đặc biệt trong trường hợp thị trường thiếu thanh khoản.

6. Tình trạng chênh lệch giá

Giống như cổ phiếu, ETF chịu ảnh hưởng bởi khối lượng giao dịch. Khi khối lượng giao dịch tăng lên nhanh chóng trong thời gian ngắn, hoặc giảm xuống một cách đáng kể sẽ tạo ra chênh lệch giữa giá giao dịch và NAV.

Mặc dù ETF có cơ chế giao dịch đặc biệt từ thị trường sơ cấp và thứ cấp, tình trạng Gia tăng (premium) hoặc Khấu trừ (discount) vẫn có thể diễn ra và sẽ gây bất lợi cho NĐT.

7. Rủi ro tỷ giá đối với các ETF nước ngoài

Biểu hiện dễ thấy nhất của rủi ro này là trong trường hợp ETF được niêm yết ở thị trường nước ngoài còn rổ chứng khoán cơ cấu được niêm yết ở thị trường trong nước, nếu nội tệ bị mất giá so với ngoại tệ, NAV của ETF cũng giảm theo và NĐT phải gánh chịu mức lỗ này.

‘ ETF cũng giống như bất cứ loại hình đầu tư nào: lợi ích luôn đi kèm với rủi ro. Vấn đề quan trọng là nhà đầu tư cần phải hiểu rõ về đặc điểm của sản phẩm mà mình đầu tư để có thể có được kết quả như kỳ vọng.

ETF không hoàn toàn là một công cụ đầu tư an toàn với lợi nhuận thấp và chắc chắn, nhưng cũng không phải là một sản phẩm rủi ro hứa hẹn lợi nhuận cao. Đây là một dạng đầu tư tương tự như đầu tư danh mục nhưng có chi phí thấp và suất sinh lời ngang với mức sinh lời của thị trường. Nhà đầu tư cần cân nhắc về mục tiêu đầu tư để lựa chọn sản phẩm phù hợp.’

http://vietstock.vn/.

Về chuyên sâu hơn nữa về quỹ ETFs này Tôi sẽ dành cho cuốn sách sau, các bạn nào muốn tìm hiểu kỹ hơn thì có thể tìm đọc ở các nguồn trên Internet.

Mặc dù còn rất nhiều hàng hóa khác cũng được xếp vào lớp tài sản an toàn như đồng vàng, bạc, kim loại quý, trái phiếu… nhưng trong khuôn khổ cuốn sách này Tôi chỉ có thể nói những thứ tài sản chính được xem là an toàn trong những giai đoạn khủng hoảng hoặc có biến động của thị trường… và những biến động các lớp tài sản đó trong từng giai đoạn, có những thời điểm món hàng đó sẽ trở thành hàng hóa an toàn, có những thời điểm nó sẽ là hàng hóa không còn an toàn nữa. Vậy nên những gì Tôi chia sẻ chỉ là một phần rất nhỏ và một chương sách không thể nào nói hết. Trong những cuốn sách sau này Tôi sẽ đi sâu vào các lớp tài sản này, hi vọng các bạn sẽ học được những kiến thức cần thiết để có thể giao dịch được tốt nhất. Về phần sự vận động giữa các lớp tài sản an toàn và rủi ro trong nền kinh tế thì còn nhiều vấn đề khác, Tôi dự định sẽ viết riêng một cuốn về sự vận động này trong ngắn hạn, theo từng sự kiện thực tế và phù hợp với trader ngắn hạn.

Để có thể nói rõ được dòng tiền đang chạy vào lớp tài sản nào, và trong những sự kiện riêng biệt thì dòng tiền sẽ chạy từ lớp tài sản này sang lớp tài sản khác như thế nào và làm thế nào để có thể nhận định thật chính xác thời điểm mà biến động xảy ra để mà vào lệnh… những điều đó sẽ cần phải viết riêng thành một cuốn sách khác, và Tôi hi vọng các bạn sẽ thành công trong nghiệp Trading. Kiến thức tài chính là vô cùng rộng lớn, và để đạt được thành công thì chắc chắn phải đánh đổi, phải kiên trì theo đuổi và thật sự đam mê với thị trường tài chính.

Bắt đầu từ chương sau chúng ta sẽ đi sâu vào các quy tắc liên thị trường, các mối tương quan khác nữa mà những gì ở các phần trước Tôi chia sẻ chỉ là phần rất nhỏ. Trong các chương sau sẽ là các phương pháp phân tích kỹ thuật thường được Trader áp dụng và Tôi sẽ cố gắng dành 1 chương nói về sự kết hợp các yếu tố phân tích cơ bản và kỹ thuật để từ đó các bạn có được cái nhìn tốt nhất về thị trường và sẽ có những quyết định hợp lý nhất trong từng giao dịch.

CHƯƠNG VII:

CÁC YẾU TỐ QUAN TRỌNG TRONG PHÂN TÍCH LIÊN THỊ TRƯỜNG, MỐI TƯƠNG QUAN GIỮA CÁC THỊ TRƯỜNG TRONG TỪNG GIAI ĐOẠN CỦA CHU KỲ KINH TẾ

Các quy tắc liên thị trường luôn luôn hiện hữu, không chỉ trong các phân tích dài hạn mà ngay cả những giao dịch ngắn hạn hang ngày cũng cần phải biết rõ về các quy tắc liên thị trường mà tác giả John Murphy đã nhắc đến. Tôi sẽ cố gắng phân tích sâu hơn các quy tắc trên, bên cạnh đó sẽ là giải thích chi tiết từng giai đoạn của một chu kỳ kinh tế. Dù có phân tích cái gì thì cũng mục đích là tiên đoán đúng xu hướng của thị trường, vậy cho nên Tôi sẽ cố gắng nói rõ các bước để phân tích các thông tin cơ bản và qua đó biết được market đang kỳ vọng điều gì, đó chính là đọc hiểu tâm lý market đó. Không phải đơn thuần nhìn vào cái chart vô hồn mà đoán biết được tâm lý thị trường đâu, các bạn nhớ là chart phản ảnh những gì market đang nghĩ, thế nhưng cái gì chi phối những kỳ vọng đó? Có phải chính là những tin tức cơ bản không? Khi đọc hiểu được các tin tức cơ bản và biết được dòng tiền đang chạy vào thứ hàng hóa nào và market đang kỳ vọng điều gì ở đó thì có phải là các bạn đã nắm chắc được đến 80% cơ hội make $ trong xu hướng đó dúng không? Và khi nắm vững được những cái đó thì phần còn lại chỉ là áp dụng những kiến thức phân tích kỹ thuật học được để xác định thời điểm vào lệnh mà có thể hạn chế mức Stop Loss bé nhất đúng không? Những gì Tôi nói có thể khiến nhiều bạn đọc nghĩ là Tôi đang “chém gió”,

nhưng các bạn thử nghĩ xem nếu chỉ nhìn vào cái chart vô hồn đó thì xác xuất các bạn giao dịch thành công là bao nhiêu %. Điều này chính các bạn là người hiểu rõ nhất!

Như các bạn đã biết bốn bộ phận chính cấu thành nên thị trường tài chính trong chương trước, cùng với đó là một số quy tắc liên thị trường chi tiết, thế nhưng những quy tắc liên thị trường riêng biệt đó nếu như không có sự kết hợp và hiểu rõ được bản chất cũng như mối tương quan chính thì sẽ rất khó trong quá trình phân tích, vì dù sao đi nữa tất cả các mối tương quan riêng lẻ đó cũng đều xuất phát từ những quy tắc tổng quát mà ra. Và trước khi tìm hiểu chi tiết các mối tương quan thì chúng ta cần hiểu rõ một vài khái niệm cơ bản như lạm phát, lãi suất, chu kỳ kinh tế. Các số liệu kinh tế Tôi sẽ không nhắc lại nữa, những điều này các bạn có thể tìm hiểu ở các nguồn trên internet, và cũng rất nhiều cuốn sách viết khá chi tiết rồi, và hiểu các chỉ số kinh tế là điều tiên quyết trước khi tiến hành phân tích liên thị trường. Cùng với đó là các đặc điểm chính của những đồng tiền chính, những cái này cũng rất dễ tìm thấy trên internet…

Để trading thực sự thành công thì sẽ phải chấp nhận đánh đổi, sẽ phải trả những học phí rất cao và thực sự là nếu không tìm ra một phương pháp phù hợp thì chắc có lẽ sẽ rất khó để trụ lại với nghiệp trading này được. Tôi không tự tin khẳng định là phương pháp phân tích liên thị trường là đúng, thế nhưng trong những gì Tôi trải nghiệm thì với Tôi đó là phương pháp tốt nhất và Tôi cảm thấy tự tin mỗi khi phân tích và vào lệnh. Dù có sai phải chấp nhận cut loss nhưng thường những lần sai sót đó của Tôi sẽ không ảnh hưởng quá nhiều đến tài khoản và dù sai thì Tôi vẫn có thể hiểu được nguyên nhân vì sao mình lại phân tích sai, từ đó Tôi sẽ đúc rút được những kinh nghiệm tốt hơn trong nghiệp trading của mình. Với mỗi người sẽ có những phương pháp giao dịch cho riêng bản thân, và những gì Tôi chia sẻ ở trong cuốn sách này không phải là nhiều và cũng chỉ là những hạt cát nhỏ bé trên sa mạc rộng lớn mà thôi, vậy nên cả Tôi và Các Bạn sẽ phải cố gắng không ngừng, tích lũy kinh nghiệm, kiến thức nhiều hơn nữa, biển học là mênh mông mà…

Tiếp đây Tôi sẽ lần lượt đi qua những khái niệm cần thiết nhất trước khi tiến tới các quy luật liên thị trường phổ biến và các mối tương quan chính giữa các thị trường với nhau.

I- LẠM PHÁT

Lạm phát là khái niệm không còn xa lạ gì với hầu hết mọi người, tuy nhiên để thật sự hiểu về lạm phát và những tác động của lạm phát đến việc thực hiện các chính sách của các ngân hàng trung ương thì không phải ai cũng nắm rõ.

- *Theo Investopedia định nghĩa: "Lạm phát"*

  Lạm phát là tỉ lệ mà tại đó mức chung của giá cả hàng hóa và dịch vụ đang tăng, và do đó sức mua của tiền tệ đang giảm. Ngân hàng trung ương cố gắng để hạn chế lạm phát và tránh tình trang giảm phát, từ đó giữ cho nền kinh tế vận hành ổn định.

  Definition of Inflation:

  Inflation is the rate at which the general level of prices for goods and services is rising and, consequently, the purchasing power of currency is falling. Central banks attempt to limit inflation, and avoid deflation, in order to keep the economy running smoothly.

Trong kinh tế học, lạm phát là một sự gia tăng liên tục của tổng mức giá của hàng hóa và dịch vụ trong một nền kinh tế trong một khoảng thời gian. Khi giá cả tăng, mỗi đơn vị tiền tệ mua được ít hàng hóa và dịch vụ hơn. Do đó, lạm phát phản ánh sự giảm sức mua của một đơn vị tiền. Một sự mất giá trị thực trong các phương tiện trao đổi và đơn vị tính toán trong nền kinh tế. Một thước đo chính của lạm phát giá cả là tỉ lệ lạm phát, phần trăm thay đổi hàng năm trong tổng số giá (thông thường là chỉ số giá tiêu dùng) theo thời gian. Sự đối lập với lạm phát là giảm phát.

Lạm phát ảnh hưởng đến một nền kinh tế theo những cách khác nhau, cả tích cực và tiêu cực. Tác động tiêu cực của lạm phát bao gồm sự gia tăng chi phí cơ hội của việc nắm giữ tiền bạc, sự không chắc chắn về lạm phát trong tương lai có thể không khuyến khích đầu tư và tiết kiệm, và nếu lạm phát đã tăng nhanh, tình trạng thiếu hàng hóa do người tiêu dùng tích trữ vì lo lắng giá sẽ tăng mạnh nữa trong tương lai. Tuy nhiên tác động tích cực

bao gồm việc giảm gánh nặng thực sự của nợ công và nợ tư nhân, giữ lãi suất danh nghĩa ở trên không để các ngân hàng trung ương có thể điều chỉnh lãi suất để ổn định nền kinh tế, và giảm tỉ lệ thất nghiệp với mức lương danh nghĩa cứng nhắc.

Các nhà kinh tế thường tin rằng tỉ lệ lạm phát cao và lạm phát phi mã được gây ra bởi sự tăng trưởng quá mức của cung tiền. Tuy nhiên tăng trưởng cung tiền không nhất thiết gây ra lạm phát. Lạm phát thấp hoặc vừa phải có thể là do biến động trong thực tế nhu cầu đối với hàng hóa và dịch vụ. Tuy nhiên quan điểm đồng thuận là một khoảng thời gian dài duy trì lạm phát là do cung tiền tăng nhanh hơn tốc độ tăng trưởng kinh tế.

Thuật ngữ lạm phát ban đầu được gọi là tăng lượng tiền trong lưu thông. Tuy nhiên hiện nay hầu hết đều sử dụng thuật ngữ lạm phát để đề cập đến một sự gia tăng của mức giá. Một sự gia tăng cung tiền có thể được gọi là lạm phát tiền tệ, để phân biệt với lạm phát giá cả tăng cao (lạm phát giá tiêu dùng). Các nhà kinh tế nói chung đồng ý rằng về lâu dài, lạm phát được gây ra bởi sự gia tăng về cung tiền.

Về mặt khái niệm, lạm phát đề cập đến xu hướng chung của giá cả, chứ không nói riêng cho bất kỳ giá cụ thể nào. Ví dụ, nếu cùng một món hàng đó, nhiều người muốn mua cùng một thời điểm thì sẽ khiến cho lượng hàng hóa đó trở nên khan hiếm, và chính vì khan hiếm cho nên chủ sở hữu sẽ có thể nâng giá của sản phẩm đó lên, cũng tương tự như thời điểm đó người ta ưu chuộng sản phẩm (a) hơn sản phẩm (b) thì lúc này đây giá của sản phẩm (a) sẽ có xu hướng tăng cao hơn so với sản phẩm (b). Những thay đổi này không liên quan đến lạm phát, chúng phản ánh sự thay đổi trong thị hiếu nhu cầu của con người. Lạm phát có liên quan đến giá trị của đồng tiền riêng của mình. Khi tiền tệ đã được liên kết với vàng, nếu như các mỏ vàng được tìm thấy nhiều hơn dẫn đến sản lượng vàng khai thác tăng lên, giá vàng và giá trị của đồng tiền sẽ giảm, và do đó giá cả các hàng hóa khác sẽ trở nên cao hơn.

Vì có rất nhiều biện pháp có thể có của các mức giá, có rất nhiều biện pháp có thể có của lạm phát giá cả. Thường xuyên nhất, thuật ngữ lạm phát đề cập đến một sự gia tăng chỉ số giá đại diện cho mức giá chung cho hàng hóa và dịch vụ trong nền kinh tế. Các chỉ số

giá tiêu dùng (CPI), Chỉ số giá các khoản chi tiêu tiêu dùng cá nhân (PCEPI) và giảm phát GDP là một số ví dụ về các chỉ số giá. Tuy nhiên lạm phát cũng có thể được sử dụng để mô tả một mức tăng giá trong một tập hợp hẹp của tài sản, hàng hóa, dịch vụ trong nền kinh tế, chẳng hạn như hàng hóa (bao gồm thực phẩm, nhiên liệu, kim loại), tài sản hữu hình (như bất động sản), tài sản tài chính (như cổ phiếu, trái phiếu), dịch vụ (chẳng hạn như giải trí và chăm sóc sức khỏe), hoặc lao động. Mặc dù giá trị của tài sản vốn thường được thổi phồng lên, điều này không nên nhầm lẫn với lạm phát như thời hạn quy định, một mô tả chính xác hơn cho sự gia tăng giá trị của một lớp tài sản vốn là sự đánh giá cao. Reuters-CRB Index (CCI), chỉ số giá sản xuất và chỉ số việc làm (ECI) là những ví dụ của chỉ số giá được sử dụng để đo lường lạm phát giá cả trong các lĩnh vực cụ thể của nền kinh tế. Lạm phát lõi là thước đo lạm phát cho một tập hợp con của giá tiêu dùng rằng không bao gồm giá thực phẩm và năng lượng. Cục Dự trữ liên bang đặc biệt chú ý đến tỉ lệ lạm phát cơ bản để có được một ước tính tốt hơn vè xu hướng lạm phát chung trong tương lai.

Các chỉ số giá khác được sử dụng rộng rãi cho việc tính toán lạm phát giá cả bao gồm:

Chỉ số giá sản xuất (PPI) đo lường sự thay đổi trung bình trong giá nhà sản xuất trong nước nhận được cho đầu ra của họ. Điều này khác với chỉ số CPI trong đó trợ cấp giá, lợi nhuận và thuế có thể làm cho số tiền nhận của nhà sản xuất khác với những gì người tiêu dùng trả. Ngoài ra còn thường có một sự chậm trễ giữa sự gia tăng chỉ số PPI và bất kỳ sự gia tăng cuối cùng nào trong chỉ số CPI. Chỉ số giá sản xuất đo áp lực được đưa vào sản xuất do chi phí nguyên liệu của họ. Điều này có thể được "truyền" cho người tiêu dùng, hoặc nó có thể được hấp thụ bởi lợi nhuận, hoặc được bù đắp bởi năng suất ngày càng tăng. Ở Ấn Độ và Hoa Kỳ, một phiên bản cũ của PPI được gọi là Chỉ số giá bán buôn.

Chỉ số giá hàng hóa, đo lường giá của một lựa chọn các mặt hàng. Hiện nay chỉ số giá hàng hóa được gia quyền bằng tầm quan trọng tương đối của các thành phần đối với chi phí "tất cả trong" một nhân công.

Chỉ số giá cơ bản: vì giá thực phẩm và dầu có thể thay đổi nhanh chóng do sự thay đổi trong điều kiện cung và cầu trong thị trường thực phẩm và dầu, nó có thể khó phát hiện các xu hướng dài hạn trong mức giá khi những giá này được bao gồm. Vì vậy hầu hết cơ quan thống kê cũng báo cáo một đo lường 'lạm phát cơ bản', trong đó loại bỏ các thành phần dễ thay đổi giá thành nhất (như thực phẩm và dầu) khỏi một chỉ số giá rộng như chỉ số CPI. Vì lạm phát cơ bản là ít bị ảnh hưởng bởi nguồn cung ngắn hạn và điều kiện nhu cầu tại các thị trường cụ thể, các ngân hàng trung ương dựa vào nó để đo lường tốt hơn các tác động lạm phát của chính sách tiền tệ hiện tại.

Các đo lường lạm phát phổ biến khác là:

Hệ số giảm phát GDP đo sự tăng hoặc giảm giá của tất cả hàng hóa và dịch vụ mà các doanh nghiệp có quốc tịch khác nhau được sản xuất và phục vụ trong lãnh thổ một quốc gia. Bộ Thương mại Mỹ công bố một loạt số giảm phát GDP của Mỹ, được định nghĩa là số đo GDP danh nghĩa chia cho số đo GDP thực tế của nó.

Lạm phát khu vực Cục Thống kê lao động phân các tính toán CPI-U xuống cho các vùng khác nhau của Mỹ.

Lạm phát lịch sử trước khi thu thập dữ liệu kinh tế phù hợp đã trở thành tiêu chuẩn cho các chính phủ, và với mục đích so sánh tuyệt đối, chứ không phải là tiêu chuẩn tương đối của cuộc sống, nhiều nhà kinh tế đã tính toán con số lạm phát được ban cho. Hầu hết các dữ liệu lạm phát trước đầu thế kỷ 20 được quy gán dựa trên chi phí hàng hóa được biết đến, chứ không phải biên soạn vào thời điểm đó. Nó cũng được sử dụng để điều chỉnh cho sự khác biệt trong tiêu chuẩn thực sự của cuộc sống cho sự hiện diện của công nghệ.

Lạm phát giá tài sản là sự gia tăng quá mức trong giá tài sản thực và tài chính, chẳng hạn như cổ phần (vốn) và bất động sản. Trong khi không có chỉ số chấp nhận rộng rãi của loại hình này, một số ngân hàng trung ương đã cho rằng sẽ là tốt hơn khi nhằm mục đích bình ổn đo lường lạm phát mức giá chung rộng lớn hơn bao gồm một số giá tài sản, thay vì chỉ ổn định CPI và lạm phát cơ bản. Lý do là bằng việc tăng các lãi suất khi giá cổ phiếu

hoặc giá bất động sản tăng, và làm giảm chúng khi giá tài sản giảm, ngân hàng trung ương có thể thành công hơn trong việc tránh bong bóng và bị treo giá tài sản.

Tác động của lạm phát đến nền kinh tế:

Lạm phát có nhiều loại, cho nên cũng có nhiều mức độ ảnh hưởng khác nhau đối với nền kinh tế. Xét trên góc độ tương quan, trong một nền kinh tế mà lạm phát được coi là nỗi lo của toàn xã hội và người ta có thể nhìn thấy tác động của nó.

Đối với lĩnh vực sản xuất:

Đối với nhà sản xuất, tỷ lệ lạm phát cao làm cho giá đầu vào và đầu ra biến động không ngừng, gây ra sự ổn định giả tạo của quá trình sản xuất. Sự mất giá của đồng tiền làm vô hiệu hoá hoạt động hạch toán kinh doanh. Hiệu quả kinh doanh - sản xuất ở một vài doanh nghiệp có thể thay đổi, gây ra những xáo động về kinh tế. Nếu một doanh nghiệp nào đó có tỷ suất lợi nhuận thấp hơn lạm phát sẽ có nguy cơ phá sản rất lớn.

Đối với lĩnh vực lưu thông:

Lạm phát thúc đẩy quá trình đầu cơ tích trữ dẫn đến khan hiếm hàng hoá. Các nhà doanh nghiệp thấy rằng việc đầu tư vốn vào lĩnh vực lưu thông. Thậm chí khi lạm phát trở nên khó phán đoán thì việc đầu tư vốn vào lĩnh vực sản xuất sẽ gặp phải rủi ro cao. Do đó nhiều người tham gia vào lĩnh vực lưu thông nên lĩnh vực này trở nên hỗn loạn. Tiền ở trong tay những người vừa mới bán hàng xong lại nhanh chóng bị đẩy vào kênh lưu thông, tốc độ lưu thông tiền tệ tăng vọt và điều này làm thúc đẩy lạm phát gia tăng.

Đối với lĩnh vực tiền tệ, tín dụng:

Lạm phát làm cho quan hệ tín dụng, thương mại và ngân hàng bị thu hẹp. Số người gửi tiền vào ngân hàng giảm đi rất nhiều. Về phía hệ thống ngân hàng, do lượng tiền gửi vào giảm mạnh nên không đáp ứng được nhu cầu của người đi vay, cộng với việc sụt giá của đồng tiền quá nhanh, sự điều chỉnh lãi suất tiền gửi không làm an tâm những người hiện

có lượng tiền mặt nhàn rỗi trong tay. Về phía người đi vay, họ là những người có lợi lớn nhờ sự mất giá đồng tiền một cách nhanh chóng. Do vậy, hoạt động của hệ thống ngân hàng không còn bình thường nữa. Chức năng kinh doanh tiền tệ bị hạn chế, các chức năng của tiền tệ không còn nguyên vẹn bởi khi có lạm phát thì chẳng có ai tích trữ của cải hình thức tiền mặt.

Đối với chính sách kinh tế tài chính của Nhà nước:

Lạm phát gây ra sự biến động lớn trong giá cả và sản lượng hàng hoá. Khi lạm phát xảy ra những thông tin trong xã hội bị phá huỷ do biến động của giá cả làm cho thị trường bị rối loạn. Người ta khó phân biệt được những doanh nghiệp làm ăn tốt và kém. Đồng thời lạm phát làm cho nhà nước thiếu vốn, do đó nhà nước không còn đủ sức cung cấp tiền cho các khoản dành cho phúc lợi xã hội bị cắt giảm… các ngành, các lĩnh vực dự định được Chính phủ đầu tư và hỗ trợ vốn bị thu hẹp lại hoặc không có gì. Một khi ngân sách nhà nước bị thâm hụt thì các mục tiêu cải thiện và nâng cao đời sống kinh tế xã hội sẽ không có điều kiện thực hiện được.

1. Tác động tiêu cực:

a. Lạm phát và lãi suất:

Lạm phát của các quốc gia trên thế giới khi xảy ra cao và triền miên có ảnh hưởng xấu đến mọi mặt của đời sống kinh tế, chính trị và xã hội của một quốc gia. Trong đó, tác động đầu tiên của lạm phát là tác động lên lãi suất.

Ta có: Lãi suất thực = lãi suất danh nghĩa - tỷ lệ lạm phát.

Do đó khi tỷ lệ lạm phát tăng cao, nếu muốn cho lãi suất thật ổn định và thực dương thì lãi suất sanh nghĩa phải tăng lên theo tỷ lệ lạm phát. Việc tăng lãi suất danh nghĩa sẽ dẫn đến hậu quả mà nền kinh tế phải gánh chịu là suy thoái kinh tế và thất nghiệp gia tăng.

Đây chính là điều quan trọng nhất mà chúng ta cần nắm vững, giữa lạm phát và lãi suất là hai mặt của một vấn đề là ở chỗ đó, và trong quá trình phân tích những thời điểm thị trường đồn đoán về khả năng nâng lãi suất, ví dụ như giai đoạn FED luôn nói duy trì lộ trình nâng lãi suất đó, thì trong những thời điểm như thế này người ta sẽ nhìn vào lạm phát đầu tiên. Như các bạn thấy đó trong suốt hơn 1 năm FED lên tiếng việc nang lãi suất thì trong cuộc họp nào cũng nhấn mạnh là kỳ vọng lạm phát sẽ tăng trong tương lai và đạt mục tiêu 2%... có nghĩa là FED lo ngại rằng lạm phát quá thấp mà lại nâng lãi suất nữa thì sẽ là con dao 2 lưỡi, và có thể sẽ có những tác động xấu đến nền kinh tế.

b. *Lạm phát và thu nhập thực tế:*

Giữa thu nhập thực tế và thu nhập danh nghĩa của người lao động có quan hệ với nhau qua tỷ lệ lạm phát. Khi lạm phát tăng lên mà thu nhập danh nghĩa không thay đổi thì làm cho thu nhập thực tế của người lao động giảm xuống.

Lạm phát không chỉ làm giảm giá trị thật của những tài sản không có lãi mà nó còn làm hao mòn giá trị của những tài sản có lãi, tức là làm giảm thu nhập thực từ các khoản lãi, các khoản lợi tức. Đó là do chính sách thuế của nhà nước được tính trên cơ sở của thu nhập danh nghĩa. Khi lạm phát tăng cao, những người đi vay tăng lãi suất danh nghĩa để bù vào tỷ lệ lạm phát tăng cao mặc dù thuế suất vẫn không tăng.

Từ đó, thu nhập ròng (thực) của người cho vay bằng thu nhập danh nghĩa trừ đi tỷ lệ lạm phát bị giảm xuống sẽ ảnh hưởng rất lớn đến nền kinh tế xã hội. Như suy thoái kinh tế, thất nghiệp gia tăng, đời sống của người lao động trở nên khó khăn hơn sẽ làm giảm lòng tin của dân chúng đối với Chính phủ ...

c. *Lạm phát và phân phối thu nhập không bình đẳng:*

Khi lạm phát tăng lên, giá trị của đồng tiền giảm xuống, người đi vay sẽ có lợi trong việc vay vốn để đầu cơ kiếm lợi. Do vậy càng tăng thêm nhu cầu tiền vay trong nền kinh tế, đẩy lãi suất lên cao.

Lạm phát tăng cao còn khiến những người thừa tiền và giàu có, dùng tiền của mình vơ vét và thu gom hàng hoá, tài sản, nạn đầu cơ xuất hiện, tình trạng này càng làm mất cân đối nghiêm trọng quan hệ cung - cầu hàng hoá trên thị trường, giá cả hàng hoá cũng lên cơn sốt cao hơn. Cuối cùng, những người dân nghèo vốn đã nghèo càng trở nên khốn khó hơn. Họ thậm chí không mua nổi những hàng hoá tiêu dùng thiết yếu, trong khi đó, những kẻ đầu cơ đã vơ vét sạch hàng hoá và trở nên càng giàu có hơn. Tình trạng lạm phát như vậy sẽ có thể gây những rối loạn trong nền kinh tế và tạo ra khoảng cách lớn về thu nhập, về mức sống giữa người giàu và người nghèo.

d. Lạm phát và nợ quốc gia:

Lạm phát cao làm cho Chính phủ được lợi do thuế thu nhập đánh vào người dân, nhưng những khoản nợ nước ngoài sẽ trở nên trầm trọng hơn. Chính phủ được lợi trong nước nhưng sẽ bị thiệt với nợ nước ngoài. Lý do là vì: lạm phát đã làm tỷ giá tăng và đồng tiền trong nước trở nên mất giá nhanh hơn so với đồng tiền nước ngoài tính trên cá khoản nợ.

2. Tác động tích cực:

Lạm phát không phải bao giờ cũng gây nên những tác hại cho nền kinh tế. Khi tốc độ lạm phát vừa phải đó là từ 2-5% ở các nước phát triển và dưới 10% ở các nước đang phát triển sẽ mang lại một số lợi ích cho nền kinh tế như sau:

+ Kích thích tiêu dùng, vay nợ, đầu tư … giảm bớt thất nghiệp trong xã hội.

+ Cho phép chính phủ có thêm khả năng lựa chọn các công cụ kích thích đầu tư vào những lĩnh vực kém ưu tiên thông qua mở rộng tín dụng, giúp phân phối lại thu nhập và các nguồn lực trong xã hội theo các định hướng mục tiêu và trong khoảng thời gian nhất định có chọn lọc. Tuy nhiên, đây là công việc khó và đầy mạo hiểm nếu không chủ động thì sẽ gây nên hậu quả xấu.

Tóm lại, lạm phát là căn bệnh mãn tính của nền kinh tế thị trường, nó vừa có tác hại lẫn lợi ích. Khi nền kinh tế có thể duy trì, kiềm chế và điều tiết được lạm phát ở tốc độ vừa phải thì nó thúc đẩy tăng trưởng kinh tế.

Kiểm soát lạm phát:

Có nhiều phương pháp và chính sách đã và đang được sử dụng để kiểm soát lạm phát.

Kích thích tăng trưởng kinh tế:

Nếu tăng trưởng kinh tế phù hợp với sự tăng trưởng của cung tiền, lạm phát sẽ có thể không xảy ra khi các nhân tố khác cũng cân bằng nhau. Một số lượng lớn các yếu tố có thể ảnh hưởng đến tốc độ của cả hai. Ví dụ: đầu tư trong sản xuất thị trường, cơ sở hạ tầng, giáo dục, và chăm sóc y tế dự phòng tất cả có thể tăng trưởng một nền kinh tế với số lượng lớn hơn chi tiêu đầu tư.

Chính sách tiền tệ:

Ngày nay, công cụ chính để kiểm soát lạm phát là chính sách tiền tệ. Hầu hết các ngân hàng trung ương được giao nhiệm vụ giữ lãi suất cho vay liên ngân hàng ở mức thấp, thường là cho một tỷ lệ mục tiêu khoảng 2% đến 3% mỗi năm, và trong một phạm vi lạm phát mục tiêu thấp, ở đâu đó trong khoảng từ 2% đến 6% mỗi năm. Một lạm phát dương thấp thường là mục tiêu, do các điều kiện giảm phát được xem là nguy hiểm cho sức khỏe của nền kinh tế.

Có một số phương pháp đã được đề xuất để kiểm soát lạm phát. Các ngân hàng Trung ương như Cục Dự trữ Liên bang Mỹ có thể ảnh hưởng đến lạm phát ở một mức độ đáng kể thông qua thiết lập lãi suất và thông qua các hoạt động khác. Các lãi suất cao và tốc độ tăng trưởng cung tiền chậm chạp là những cách truyền thống thông qua đó ngân hàng trung ương chống lại hoặc ngăn chặn lạm phát, mặc dù chúng có cách tiếp cận khác nhau. Ví dụ, một số theo một mục tiêu lạm phát đối xứng trong khi những phương pháp khác chỉ kiểm soát lạm phát khi nó lên trên một mục tiêu, cho dù rõ ràng hay ngụ ý.

Những người theo chủ nghĩa tiền tệ nhấn mạnh việc duy trì tốc độ tăng trưởng tiền ổn định, và sử dụng chính sách tiền tệ để kiểm soát lạm phát (tăng lãi suất, làm chậm sự gia tăng cung tiền). Những người theo học thuyết Keynes nhấn mạnh việc giảm tổng cầu trong quá trình mở rộng kinh tế và việc gia tăng nhu cầu trong thời kỳ suy thoái để giữ lạm phát

ổn định. Kiểm soát tổng cầu có thể đạt được bằng cách sử dụng cả chính sách tiền tệ và chính sách tài khóa (tăng thuế hoặc giảm chi tiêu của chính phủ để giảm cầu).

Tỷ giá hối đoái cố định:

Dưới một chế độ tỷ giá hối đoái cố định, đồng tiền của một quốc gia được gắn về giá trị với một đồng tiền khác hoặc một rổ tiền tệ khác (hoặc đôi khi đến một thước đo giá trị, chẳng hạn như vàng). Một tỷ giá hối đoái cố định thường được sử dụng để ổn định giá trị đồng tiền, đối diện đồng tiền mà nó cố định vào. Nó cũng có thể được sử dụng như một phương tiện để kiểm soát lạm phát. Tuy nhiên, vì giá trị của đồng tiền tham chiếu tăng lên và hạ xuống, do đó, đồng tiền không ổn định so với nó. Điều này về cơ bản có nghĩa là tỷ lệ lạm phát của nước có chế độ tỷ giá hối đoái cố định bị xác định bởi tỷ lệ lạm phát của nước mà đồng tiền này cố định vào. Ngoài ra, tỷ giá hối đoái cố định ngăn chặn chính phủ trong việc sử dụng chính sách tiền tệ trong nước để đạt được sự ổn định kinh tế vĩ mô.

Theo thỏa thuận Bretton Woods, hầu hết các nước trên thế giới đã có đồng tiền được cố định với đồng đô-la Mỹ. Lạm phát hạn chế này tại các quốc gia, nhưng cũng đẩy họ đến việc tiếp xúc với nguy cơ của các tấn công đầu cơ. Sau khi thỏa thuận Bretton Woods bị phá vỡ trong những năm 1970, các quốc gia dần dần chuyển sang tỷ giá hối đoái thả nổi. Tuy nhiên, trong phần sau của thế kỷ 20, một số nước trở lại tỷ giá hối đoái cố định như một phần của một nỗ lực để kiềm chế lạm phát. Chính sách sử dụng một tỷ giá hối đoái cố định để kiểm soát lạm phát này đã được sử dụng ở nhiều quốc gia ở Nam Mỹ trong phần sau của thế kỷ 20 (ví dụ: Argentina (1991-2002), Bolivia, Brazil và Chile

Bản vị vàng:

Dưới một bản vị vàng, tiền giấy có thể chuyển đổi thành các lượng vàng cố định được xác định từ trước.

Bản vị vàng là một hệ thống tiền tệ trong đó phương tiện trao đổi phổ biến của một vùng là tiền giấy mà thường có thể chuyển đổi tự do với một lượng cố định được đặt ra từ trước của vàng. Bản vị này quy định cụ thể cách mà sự ủng hộ vàng sẽ được thực hiện, bao

gồm cả số lượng tiền vàng trên một đơn vị tiền tệ. Loại tiền tệ chính nó không có giá trị bẩm sinh, nhưng được chấp nhận bởi các thương nhân vì nó có thể được hoàn trả lại cho tiền vàng tương đương. Mỹ chứng nhận bạc, ví dụ, có thể được hoàn trả cho một phần bạc thực tế.

Bản vị vàng đã bị bỏ rơi một phần thông qua việc áp dụng quốc tế của Hệ thống Bretton Woods. Theo hệ thống này tất cả các loại tiền tệ chính khác bị buộc ở mức giá cố định với đồng đô-la Mỹ, mà bản thân nó đã gắn liền với vàng ở mức 35 USD một ounce. Hệ thống Bretton Woods bị phá vỡ vào năm 1971, làm cho hầu hết các nước chuyển sang tiền tệ sắc lệnh - tiền tệ được hỗ trợ chỉ bởi luật pháp của đất nước đó.

Theo Lawrence H. White, một Giáo sư Lịch sử kinh tế F.A. Hayek "người làm nên giá trị cho truyền thống Áo", các nền kinh tế dựa trên bản vị vàng hiếm khi gặp lạm phát trên 2 phần trăm mỗi năm. Tuy nhiên, trong lịch sử, Mỹ đã nhìn thấy lạm phát hơn 2% vài lần và đỉnh điểm lạm phát cao hơn theo bản vị vàng khi so sánh với lạm phát sau bản vị vàng. Dưới một bản vị vàng, tỷ lệ lạm phát (hoặc giảm phát) dài hạn sẽ có thể bị xác định bởi tốc độ tăng trưởng của nguồn cung vàng so với tổng sản lượng. Các phê bình cho rằng điều này sẽ gây ra biến động tùy ý trong tỷ lệ lạm phát và chính sách tiền tệ về cơ bản sẽ được xác định bằng việc khai thác vàng.

Kiểm soát tiền lương và giá cả:

Một phương pháp khác đã được thử trong quá khứ là kiểm soát tiền lương và giá cả (chính sách thu nhập). Việc kiểm soát tiền lương và giá cả kết hợp với phân phối đã thành công trong môi trường chiến tranh. Tuy nhiên, việc sử dụng chúng trong các bối cảnh khác là hỗn hợp hơn rất nhiều. Thất bại đáng chú ý của việc sử dụng bao gồm áp đặt kiểm soát tiền lương và giá cả năm 1972 bởi Richard Nixon. Ví dụ thành công hơn bao gồm Hòa ước giá cả và thu nhập tại Úc và Thỏa hiệp Wassenaar tại Hà Lan.

Nói chung, kiểm soát tiền lương và giá cả được coi là một biện pháp tạm thời và đặc biệt, chỉ có hiệu quả khi kết hợp với các chính sách được thiết kế để làm giảm những nguyên nhân cơ bản của lạm phát trong chế độ kiểm soát tiền lương và giá cả, ví dụ, chiến

thắng cuộc chiến đang chiến đấu. Chúng thường có tác dụng hư hỏng, do các tín hiệu méo mó mà chúng gửi cho thị trường. Giá thấp giả tạo thường gây ra phân phối và sự thiếu hụt và khuyến khích đầu tư trong tương lai, dẫn đến tình trạng thiếu nhưng xa hơn. Phân tích kinh tế thông thường là bất kỳ sản phẩm hoặc dịch vụ mà dưới giá đều được tiêu thụ quá nhiều. Ví dụ, nếu giá chính thức của bánh mì là quá thấp, sẽ có quá ít bánh mì với giá chính thức, và có quá ít đầu tư trong việc làm bánh mì của thị trường để đáp ứng nhu cầu trong tương lai, do đó làm trầm trọng thêm các vấn đề trong lâu dài.

Kiểm soát tạm thời có thể bổ sung cho một cuộc suy thoái như là một cách để chống lạm phát: điều khiển làm cho suy thoái kinh tế hiệu quả hơn như một cách để chống lạm phát (làm giảm sự cần thiết phải tăng tỷ lệ thất nghiệp), trong khi suy thoái kinh tế ngăn chặn các loại biến dạng mà kiểm soát gây ra khi nhu cầu cao. Tuy nhiên, nói chung những lời khuyên của các nhà kinh tế không phải là áp đặt kiểm soát giá cả mà là tự do hóa giá cả bằng cách giả định rằng nền kinh tế sẽ điều chỉnh và từ bỏ hoạt động kinh tế mang lại lợi nhuận. Hoạt động thấp hơn sẽ đặt nhu cầu ít hơn bất cứ điều gì trên mặt hàng được dẫn dắt lạm phát, cho dù lao động, tài nguyên, và lạm phát sẽ giảm với tổng sản lượng kinh tế. Điều này thường tạo ra một cuộc suy thoái nghiêm trọng, như năng lực sản xuất được phân bổ lại và do đó thường rất phổ biến với những người mà sinh kế bị phá hủy.

Trợ cấp chi phí sinh hoạt:

Sức mua thực tế của các khoản thanh toán cố định đang bị xói mòn bởi lạm phát trừ khi chúng được điều chỉnh lạm phát để giữ giá trị thực sự không đổi. Ở nhiều nước, hợp đồng lao động, trợ cấp hưu trí, và các quyền lợi của chính phủ (ví dụ như an sinh xã hội) được gắn với một chỉ số chi phí sinh hoạt, thường đến chỉ số giá tiêu dùng. Một trợ cấp chi phí sinh hoạt (COLA) điều chỉnh lương dựa trên những thay đổi trong chỉ số chi phí sinh hoạt. Tiền lương thường được điều chỉnh hàng năm trong nền kinh tế lạm phát thấp. Trong khi lạm phát phi mã nó được điều chỉnh thường xuyên hơn. Chúng cũng có thể được gắn với một chỉ số giá sinh hoạt mà thay đổi theo vị trí địa lý khi di chuyển nhân viên.

Khoản điều chỉnh hàng năm trong hợp đồng lao động có thể chỉ định hồi tố hoặc tăng tỷ lệ phần trăm tương lai trong lương công nhân mà không bị ràng buộc với bất kỳ chỉ số nào. Những gia tăng trả tiền được đàm phán này được gọi một cách thông tục là các điều chỉnh chi phí sinh hoạt ("COLA") hoặc gia tăng chi phí sinh hoạt vì sự tương đồng của chúng với các gia tăng gắn liền với các chỉ số được xác định bên ngoài.

Một ví dụ thực tiễn: TẠI SAO NHÀ NƯỚC KHÔNG IN THẬT NHIỀU TIỀN ?

1) Bạn và 10 người nữa bị lạc trôi dạt vào một đảo hoang trên biển, trên đảo chỉ là bãi cát. Thức ăn, thứ uống không có. Lúc này bạn ước có quả dưa hấu trôi qua hay ước có cục đô la trôi qua => Nhà nước có nên in tiền trong lúc này không?

Trường hợp, trên đảo này có vùng dưa hấu đủ để 11 người này (có bạn trong đó) sống cho đến khi có cứu trợ tìm thấy. Gần đó có 3 người cũng bị kẹt trên một đảo không có gì hết ngoài cái bì tiền, và họ mang tiền sang mua dưa hấu nơi bạn, vậy bạn có bán dưa để lấy tiền không.

Như vậy, khi không có giá trị của cải được tạo ra thì đồng tiền có in ra nhiều mấy cũng không có giá trị.

2) Trong quan hệ tài chính quốc tế:

Xét 2 quốc gia Việt Nam và Mỹ, tỷ giá hiện tại 20,000 VND/$. Giả sử Việt Nam in thêm rất nhiều tiền, trong khi các yếu tố khác không đổi. Điều này làm cho hàng hóa Việt Nam trở nên rất đắt đỏ. Người dân Việt Nam có nhiều VNĐ sẽ thấy được lợi ích khi mua hàng hóa ở Mỹ do rẻ hơn tương đối (lúc trước mua 1 bánh mì=1$ và bây giờ vẫn vậy), nhưng để mua được hàng Mỹ thì họ phải đổi VND lấy $ => nhu cầu $ tăng, nghĩa là $ sẽ tăng giá. Lúc này giá quy đổi 1$> 20,000VND, có thể là 30,000VND chẳng hạn.

Nói chung là người Việt Nam không tìm thấy được lợi ích gì từ việc phát hành thêm tiền cả.

TÓM LẠI: Hãy hình dung, mỗi ngày nền kinh tế chỉ sản xuất ra được 1 cái bánh, trong khi nhà nước in ra lượng tiền quá nhiều. Điều này làm cho cái bánh trở nên đắt đỏ, nói khác hơn những đồng tiền mới sẽ làm mất giá trị những đồng tiền cũ. Bản thân tiền chỉ là một tờ giấy có giá trị quy đổi chứ không có giá trị thật sự như vàng/bạc hay kim cương nên tình trạng mất giá rất dễ xảy ra nếu Ngân hàng Trung ương không tính toán tốt. Ngắn gọn, tăng gấp đôi lượng tiền lưu thông trong khi sức mua giữ nguyên sẽ làm giảm giá trị đồng tiền xuống 1/2. Người dân sẽ mất lòng tin vào đồng tiền.

Ngày nay, với việc phát triển thương mại quốc tế và tài chính quốc tế, việc phát hành tiền nhiều hay ít phụ thuộc vào sức mạnh kinh tế của quốc gia và cách mà chính phủ của quốc gia đó điều khiển nền kinh tế.

Vậy là chúng ta đã tìm hiểu khá chi tiết về lạm phát, và điều mà Tôi muốn nhấn mạnh ở đây là tầm quan trọng của giá cả hàng hóa và những diễn biến trên thị trường hàng hóa sẽ chính là thước đó sớm nhất để biết được lạm phát, cùng với đó là nhận thấy được tầm quan trọng của việc theo dõi biến động giá cả của các món hàng các bạn sử dụng hàng ngày. Và những quan sát này, những nhận xét mang tính khách quan này sẽ là những nền tảng cho những phân tích liên thị trường sau này. Phương cách điều hành của các ngân hàng trung ương trên thế giới ngày nay đều dựa vào những dấu hiệu của lạm phát để có những quyết định lãi suất ngắn hạn hợp lý. Khi lạm phát cao thì các ngân hàng trung ương sẽ nâng lãi suất, khi lạm phát không có hoặc đối mặt với giảm phát thì các ngân hàng trung ương sẽ tiền hành cắt giảm lãi suất cho phù hợp, và cho đến khi nhận thấy lạm phát trong tương lai có thể tăng thì các ngân hàng trung ương sẽ ngừng việc giảm lãi suất.

II- LÃI SUẤT, LÃI SUẤT NGẮN HẠN.

Lãi suất là phần không thể thiếu trong bất cứ phân tích tài chính nào, và thông thường các tin tức liên quan đến lãi suất thường sẽ khiến thị trường phản ứng rất mạnh và ngay khi công bố lãi suất thì hầu hết các thị trường sẽ giao động khó kiểm soát nhất và luôn khiến cho thị trường bất ngờ. Và lãi suất ngắn hạn cũng chính là cái mà đa phần trader cần phải hiểu và nắm vững, điều gì khiến ngân hàng trung ương cắt giảm hoặc nâng lãi suất… và tại sao có nhiều thời điểm các thị trường đều có phản ứng trước, tức là các nhà đầu tư đã kỳ vọng được về sự kiện lãi suất đó, vậy thì lý do gì và làm thế nào để tiên đoán và đưa ra được các nhận định kỳ vọng tốt nhất. "Mua tin đồn, bán sự thật" chính là đọc hiểu được tâm lý thị trường khi mà tin tức chưa được công bố, và khi tin tức sắp được công bố thì là thời điểm mà các trader nhà nghề sẽ thoát hết lệnh.

- *Theo Investopedia định nghĩa: "Lãi suất":*

  Số tiền chi trả, tính theo phần trăm của người cho vay, bởi người cho vay để cung cấp cho người mượn tiền đó cho việc sử dụng tài sản. Lãi suất thường được ghi trên một cơ sở hàng năm, được gọi là tỉ lệ phần trăm hàng năm (APR). Tài sản mượn có thể bao gồm: tiền mặt, hàng tiêu dùng, tài sản lớn chẳng hạn như một chiếc xe hơi hoặc tài sản cố định khác. Lãi suất cơ bản là một chi phí thuê cho bên mượn, sử dụng tài sản. Trong trường hợp một tài sản lớn, giống như một chiếc xe hoặc tài sản xây dựng, lãi suất đôi khi sẽ được gọi là "tỉ lệ cho thuê". Khi người vay ít đi, tức là lượng người cần vay tiền không nhiều thì thường họ sẽ phải trả mức lãi suất thấp hơn, nếu như bên cho vay ít đi (tức là lượng tài sản cho vay ít đi) thì lúc này lãi suất mà bên vay sẽ phải trả là cao hơn, điều này cũng tương tự quy luật cung cầu vậy.

  DEFINITION of 'Interest Rate'

  The amount charged, expressed as a percentage of principal, by a lender to a borrower for the use of assets. Interest rates are typically noted on an annual basis, known as the annual percentage rate (APR). The assets borrowed could include, cash, consumer goods, large assets, such as a vehicle or building.

Interest is essentially a rental, or leasing charge to the borrower, for the asset's use. In the case of a large asset, like a vehicle or building, the interest rate is sometimes known as the "lease rate". When the borrower is a low-risk party, they will usually be charged a low interest rate; if the borrower is considered high risk, the interest rate that they are charged will be higher.

Một mức lãi suất là tỉ lệ mà tại đó lãi suất được trả bởi người đi vay (con nợ) đối với việc sử dụng tiền mà họ vay từ người cho vay (chủ nợ). Cụ thể lãi suất là một tỉ lệ % của người đi vay trả một lần nhất định mỗi chu kỳ cho tất cả các giai đoạn trong quá trình vay của khoản vay hoặc tín dụng. Lãi suất thông thường được thể hiện như là một tỉ lệ % của khoản vay trong thời hạn 1 năm, đôi khi chúng được thể hiện trong từng thời kỳ như một tháng hay một ngày. Lãi suất khác nhau tồn tại song song với các khoảng thời gian tương tự hoặc tương đương, tùy thuộc vào xác xuất mặc định của khách hàng vay, thời hạn còn lại, đồng tiền hoàn vốn và nhiều yếu tố quyết định nhiều hơn một khoản vay hoặc tín dụng. Ví dụ, một công ty vay vốn từ ngân hàng để mua tài sản mới cho doanh nghiệp của mình, và ngược lại người cho vay nhận quyền về tài sản mới như tài sản thế chấp và lãi suất theo lãi suất quy định.

Mục tiêu lãi suất là một công cụ quan trọng của chính sách tiền tệ và được đưa vào tài khoản khi giao dịch với các biến số như đầu tư, lạm phát và thất nghiệp. Các ngân hàng trung ương của các nước nói chung có xu hướng giảm lãi suất khi họ muốn tăng cường đầu tư và tiêu dùng trong nền kinh tế của đất nước. Tuy nhiên mức lãi suất thấp như là một chính sách kinh tế vĩ mô có thể là nguy hiểm và có thể dẫn đến bong bóng kinh tế. Minh chứng rõ ràng nhất chính là giai đoạn hậu khủng hoảng Dotcom mà FED thực hiện lãi suất thấp nên đã dẫn đến bong bóng bất động sản , tín dụng năm 2008 đó. Trong nền kinh tế phát triển, điều chỉnh lãi suất là như vậy, thực hiện đẻ giữ lạm phát trong một phạm vi mục tiêu cho sức khỏe của các hoạt động kinh tế hoặc đồng thời làm tăng trưởng kinh tế.

Lý do thay đổi lãi suất:

- **Lợi ích chính trị ngắn hạn:** Việc hạ thấp lãi suất có thể cung cấp cho nền kinh tế sự tăng trưởng ngắn hạn. Trong điều kiện bình thường, hầu hết các nhà kinh tế cho rằng cắt giảm lãi suất sẽ chỉ cung cấp cho một sự tăng trưởng ngắn hạn trong hoạt động kinh tế sẽ sớm bù đắp bởi lạm phát. Sự gia tăng lãi suất nhanh chóng có thể ảnh hưởng đến cuộc bầu cử. Hầu hết các nhà kinh tế ủng hộ các ngân hàng trung ương hoạt động độc lập để hạn chế ảnh hưởng của các vấn đề chính trị đến lãi suất.
- **Tiêu dùng bị trì trệ:** Khi tiền được vay mượn thì người cho vay trì hoãn việc chi tiêu tiền vào các hàng hóa tiêu dùng. Theo thuyết ưu tiên thời gian thì mọi người thích hàng hóa hiện nay hơn là hàng hoá về sau, vì thế trong một thị trường tự do sẽ có một lãi suất dương.
- **Kỳ vọng lạm phát:** Hầu hết các nền kinh tế nói chung biểu lộ sự lạm phát, có nghĩa là một số lượng tiền nhất định mua được ít hàng hóa hơn trong tương lai so với nó mua được trong hiện tại. Người vay cần phải bù đắp cho người cho vay vì việc này.
- **Đầu tư thay thế:** Người cho vay có thể lựa chọn việc sử dụng tiền của mình trong các đầu tư khác nhau. Nếu anh ta chọn một kiểu đầu tư, anh ta bỏ qua các hoàn vốn từ tất cả những đầu tư khác. Các đầu tư khác nhau cạnh tranh thực sự để giành nguồn tiền bạc.
- **Rủi ro đầu tư:** Luôn luôn có một rủi ro là người vay sẽ phá sản, bỏ trốn, chết, hoặc vỡ nợ khoản vay… Điều này có nghĩa là một người cho vay thường tính một phí bù đắp rủi ro để đảm bảo rằng, xuyên suốt các đầu tư của mình, anh ta được bồi thường cho những khoản đầu tư thất bại.
- **Ưu tiên thanh khoản:** Mọi người đều muốn các nguồn lực sẵn có của họ dưới hình thức ngay lập tức có thể trao đổi, chứ không phải dưới hình thức cần có thời gian để thực hiện.
- **Thuế:** Vì một số thu nhập từ tiền lãi có thể phải chịu thuế, người cho vay có thể đòi hỏi một lãi suất cao hơn để bù đắp cho sự mất mát này.

- **Ngân hàng:** Ngân hàng có thể có xu hướng thay đổi lãi suất hoặc là làm chậm tốc độ tăng trưởng kinh tế. Điều này liên quan đến việc tăng lãi suất để lạm chậm lại nền kinh tế, hoặc hạ lãi suất để thúc đẩy tăng trưởng kinh tế.
- **Nền kinh tế:** Lãi suất có thể thay đổi theo tình trạng của nền kinh tế. Nó nói chung sẽ được tìm thấy rằng nếu nền kinh tế đang mạnh sau đó lãi suất sẽ tăng cao, nếu nền kinh tế là yếu thì lãi suất sẽ giảm thấp.

Lãi suất danh nghĩa là số lượng, theo tỷ lệ phần trăm, của tiền lãi phải trả: Ví dụ, giả sử một hộ gia đình gửi tiền 100 USD với một ngân hàng trong vòng 1 năm và họ nhận được tiền lãi 10 USD. Vào cuối năm số dư của họ là 110 USD. Trong trường hợp này, lãi suất danh nghĩa là 10% mỗi năm.

Lãi suất thực tế: đo lường sức mua của biên lai tiền lãi, được tính bằng cách điều chỉnh lãi suất danh nghĩa được tính để đưa lạm phát vào hạch toán. Nếu lạm phát trong nền kinh tế đã là 10% trong năm, thì 110 USD trong tài khoản vào cuối năm mua số lượng tương tự như 100 USD đã làm một năm trước. Lãi suất thực tế, trong trường hợp này, là con số không.

Lãi suất thị trường: Có một thị trường cho các đầu tư mà cuối cùng bao gồm thị trường tiền tệ, thị trường trái phiếu, thị trường cổ phiếu và thị trường hàng hóa cũng như các tổ chức tài chính nhỏ lẻ như ngân hàng. Chức năng chính xác của các thị trường này như thế nào đôi khi phức tạp. Tuy nhiên, các nhà kinh tế đều đồng ý rằng các lãi suất được tạo ra bởi một đầu tư bất kỳ tính tới những điểm sau:

- Chi phí vốn không rủi ro.
- Kỳ vọng lạm phát.
- Mức độ rủi ro trong đầu tư.
- Các chi phí giao dịch.

Lãi suất này kết hợp các yếu tố tiêu dùng trì hoãn và đầu tư thay thế của tiền lãi.

Chính sách lãi suất âm: Lãi suất danh nghĩa thường dương, nhưng không phải lúc nào cũng vậy. Dựa vào sự thay thế là nắm giữ tiền mặt (và do đó thu nhập là 0%), thay vì cho vay thì những người cho vay tìm kiếm lợi nhuận sẽ không cho vay dưới 0%, vì làm như thế sẽ đảm bảo một sự thua lỗ, và một ngân hàng cung cấp một lãi suất tiền gửi âm sẽ tìm thấy ít người chấp nhận, do những người gửi tiết kiệm thay vì thế sẽ nắm giữ tiền mặt.

Tuy nhiên, trên thực tế, lãi suất ngân hàng trung ương có thể âm; vào tháng 7 năm 2009 Riksbank của Thụy Điển là ngân hàng trung ương đầu tiên sử dụng tiền lãi âm trên dự trữ dư thừa, bằng cách giảm lãi suất tiền gửi của nó tới -0,25%, một chính sách được Phó thống đốc Lars EO Svensson ủng hộ.

Trong khủng hoảng nợ công châu Âu, các trái phiếu chính phủ của một số nước (Thụy Sĩ, Đan Mạch, Đức, Phần Lan, Hà Lan và Áo) đã được bán với lợi suất âm. Các giải thích được đề nghị bao gồm mong muốn về an toàn và bảo vệ chống lại tan vỡ khu vực đồng euro (trong trường hợp một số quốc gia khu vực đồng euro có thể tái định ngạch nợ của họ sang một đồng tiền mạnh hơn).

Thường xuyên hơn, lãi suất thực có thể âm, khi lãi suất danh nghĩa nhỏ hơn mức lạm phát. Khi điều này được thực hiện thông qua chính sách của chính phủ (ví dụ, thông qua dự trữ bắt buộc), đây được coi là áp chế tài chính, và đã được thực hiện bởi các quốc gia như Hoa Kỳ và Vương quốc Anh sau Chiến tranh thế giới II (từ năm 1945) cho đến cuối những năm 1970 hoặc đầu năm 1980 (trong khi và sau khi phát triển kinh tế sau Thế chiến II). Trong cuối những năm 1970, các Chứng khoán Kho bạc Hoa Kỳ với lãi suất thực âm bị coi là các chứng nhận tịch thu.

Lãi suất âm đã được đề xuất trong quá khứ, đặc biệt là trong những năm cuối thế kỷ 19 bởi Silvio Gesell. Một mức lãi suất âm có thể được mô tả (như bởi Gesell) như một "thuế nắm giữ tiền"; ông đề xuất nó như là thành phần Freigeld (tiền tự do) của hệ thống Freiwirtschaft (nền kinh tế tự do) của mình. Để ngăn chặn mọi người nắm giữ tiền mặt (và do đó thu nhập 0%), Gesell đề nghị phát hành tiền trong một thời gian hạn chế, sau đó nó phải được đổi lấy giấy bạc mới; các cố gắng nắm giữ tiền do đó dẫn nó đến hết hạn và trở

thành vô giá trị. Theo hướng tương tự, John Maynard Keynes đã đồng tình trích dẫn ý tưởng về đánh thuế tiền bạc, (1936, Lý thuyết tổng quát về việc làm, lãi suất và tiền tệ) nhưng bác bỏ nó vì những khó khăn hành chính. Gần đây hơn, thuế tích trữ tiền đã được một nhân viên Cục Dự trữ Liên bang (Marvin Goodfriend) đề xuất năm 1999, để được thực hiện thông qua các dải từ tính trên giấy bạc, khấu trừ thuế tích trữ tiền trên tiền gửi, thuế này được tính toán dựa trên việc giấy bạc này đã được nắm giữ trong bao lâu.

Người ta cũng từng đề xuất một lãi suất âm về nguyên tắc có thể được áp dụng đối với tiền giấy hiện hành thông qua quay xổ số số sêri: chẳng hạn bằng cách chọn một số ngẫu nhiên từ 0 đến 9 và tuyên bố rằng những tờ giấy bạc nào mà số sêri của nó kết thúc bằng con số đó là vô giá trị sẽ mang lại lãi suất âm 10% (chọn hai chữ số cuối cùng sẽ cho phép một mức lãi suất âm 1%, v.v.). Điều này đã được một sinh viên vô danh của N. Gregory Mankiw đề xuất, mặc dù như một thử nghiệm ý tưởng hơn là một đề xuất chính thức.

Một phương pháp đơn giản hơn nhiều đối với các chính phủ để đạt được một cách cơ bản lãi suất âm và không khuyến khích nắm giữ tiền mặt là theo đuổi các chính sách tiền tệ lạm phát.

Trước khi đi vào chi tiết phân tích liên thị trường chúng ta sẽ tìm hiểu về chu kỳ kinh tế, phân tích liên thị trường thực chất là xác định chu kỳ kinh tế và thời điểm chuyển giao giữa các giai đoạn của chu kỳ kinh tế, bằng việc quan sát những thay đổi trong các mối tương quan trên những bộ phận khác nhau của thị trường mà chúng ta có thể đoán biết được hiện tại chu kỳ kinh tế đang ở giai đoạn nào. Và khi biết được giai đoạn của chu kỳ kinh tế thì phân tích sẽ trở nên đơn giản hơn nhiều.

III- CHU KỲ KINH TẾ.

Trong các chương trước Tôi cũng đã nhấn mạnh rất nhiều mối tương quan và cách nhận biết một số giai đoạn của chu kỳ kinh tế, tuy nhiên từng đó mới chỉ là những mối tương quan cơ bản, chúng ta cần phải hệ thống một cách khoa học tất cả những mối tương quan chính, sau đó sẽ đi chi tiết vào từng mối tương quan. Nếu các bạn chỉ giao dịch với những đồng tiền chính thì việc có thể chỉ cần hiểu một vài mối tương quan cơ bản là có thể giao dịch tốt rồi. Trong phần này khi giới thiệu về chu kỳ kinh tế sẽ chủ yếu là những vận động trên 3 bộ phận chính là Bond, Commodity, Stock. Bởi vì 3 bộ phận đó đại diện cho những hàng hóa hữu hình, tài sản thực. Còn với Currency được hiểu đó là cộng cụ tài chính, vật ngang giá và những tài sản không phải là hữu hình cho nên nó biến động không tuân theo quy luật mà sẽ phụ thuộc nhiều vào chính sách tiền tệ, cùng với đó là tùy vào thời điểm của tình hình kinh tế mà các đồng tiền sẽ biến động khó lường hơn.

- *Theo Investopedia định nghĩa: "business cycle"*

  Những biến động trong hoạt động kinh tế mà một nền kinh tế trải qua trong một khoảng thời gian. Một chu kỳ kinh tế là cơ bản được quy định tại các điều khoản của các giai đoạn của việc mở rộng hoặc suy thoái kinh tế. Trong thời gian mở rộng, nền kinh tế đang phát triển trong điều kiện thực tế (tức là trừ lạm phát), được minh chứng bằng sự gia tăng các chỉ số như việc làm, sản xuất công nghiệp, doanh thu và thu nhập cá nhân. Trong thời kỳ suy thoái, nền kinh tế co cụm lại, được thể hiện qua các chỉ số kinh tế. Chu kỳ mở rộng kinh tế được đo từ đánh của chu kỳ kinh tế trước đó với mức đỉnh của chu kỳ hiện tại, trong khi suy thoái kinh tế được đo từ đỉnh đến đáy. Tại Hoa Kỳ, the National Bureau of Economic Research (NBER) xác định ngày chính thức cho chu kỳ kinh tế.

  DEFINITION of 'Business Cycle'

  The fluctuations in economic activity that an economy experiences over a period of time. A business cycle is basically defined in terms of periods of expansion or recession. During expansions, the economy is growing in real terms (i.e. excluding inflation), as evidenced by increases in indicators like employment, industrial

production, sales and personal incomes. During recessions, the economy is contracting, as measured by decreases in the above indicators. Expansion is measured from the trough (or bottom) of the previous business cycle to the peak of the current cycle, while recession is measured from the peak to the trough. In the United States, the National Bureau of Economic Research (NBER) determines the official dates for business cycles.

Chu kỳ kinh tế, còn gọi là chu kỳ kinh doanh, là sự biến động của GDP thực tế theo trình tự ba pha lần lượt là suy thoái, phục hồi và hưng thịnh (bùng nổ). Cũng có quan điểm coi pha phục hồi là thứ yếu nên chu kỳ kinh doanh chỉ gồm hai pha chính là suy thoái và hưng thịnh (hay mở rộng).

Các pha của chu kỳ kinh tế:

Suy thoái là pha trong đó GDP thực tế giảm đi. Ở Mỹ và Nhật Bản, người ta quy định rằng, khi tốc độ tăng trưởng GDP thực tế mang giá trị âm suốt hai quý liên tiếp thì mới gọi là suy thoái.

Phục hồi là pha trong đó GDP thực tế tăng trở lại bằng mức ngay trước suy thoái. Điểm ngoặt giữa hai pha này là đáy của chu kỳ kinh tế.

Khi GDP thực tế tiếp tục tăng và bắt đầu lớn hơn mức ngay trước lúc suy thoái, nền kinh tế đang ở pha hưng thịnh (hay còn gọi là pha bùng nổ). Kết thúc pha hưng thịnh lại bắt đầu pha suy thoái mới. Điểm ngoặt từ pha hưng thịnh sang pha suy thoái mới gọi là đỉnh của chu kỳ kinh tế.

Thông thường, người ta chỉ nhận ra hai điểm đáy và đỉnh của chu kỳ kinh tế khi nền kinh tế đã sang pha tiếp sau điểm ngoặt với dấu hiệu là tốc độ tăng trưởng GDP thực tế đổi chiều giữa mức âm và mức dương. Trong thực tế, các nhà kinh tế học cố tìm cách nhận biết dấu hiệu của suy thoái vì nó tác động tiêu cực đến mọi mặt kinh tế, xã hội. Một số đặc điểm thường gặp của suy thoái là:

Tiêu dùng giảm mạnh, hàng tồn kho của các loại hàng hóa lâu bền trong các doanh nghiệp tăng lên ngoài dự kiến. Việc này dẫn đến nhà sản xuất cắt giảm sản lượng kéo theo đầu tư vào trang thiết bị, nhà xưởng cũng giảm và kết quả là GDP thực tế giảm sút.

Cầu về lao động giảm, đầu tiên là số ngày làm việc của người lao động giảm xuống tiếp theo là hiện tượng cắt giảm nhân công và tỷ lệ thất nghiệp tăng cao.

Khi sản lượng giảm thì lạm phát sẽ chậm lại do giá đầu vào của sản xuất giảm bởi nguyên nhân cầu sút kém. Giá cả dịch vụ khó giảm nhưng cũng tăng không nhanh trong giai đoạn kinh tế suy thoái.

Lợi nhuận của các doanh nghiệp giảm mạnh và giá chứng khoán thường giảm theo khi các nhà đầu tư cảm nhận được pha đi xuống của chu kỳ kinh doanh. Cầu về vốn cũng giảm đi làm cho lãi suất giảm xuống trong thời kỳ suy thoái.

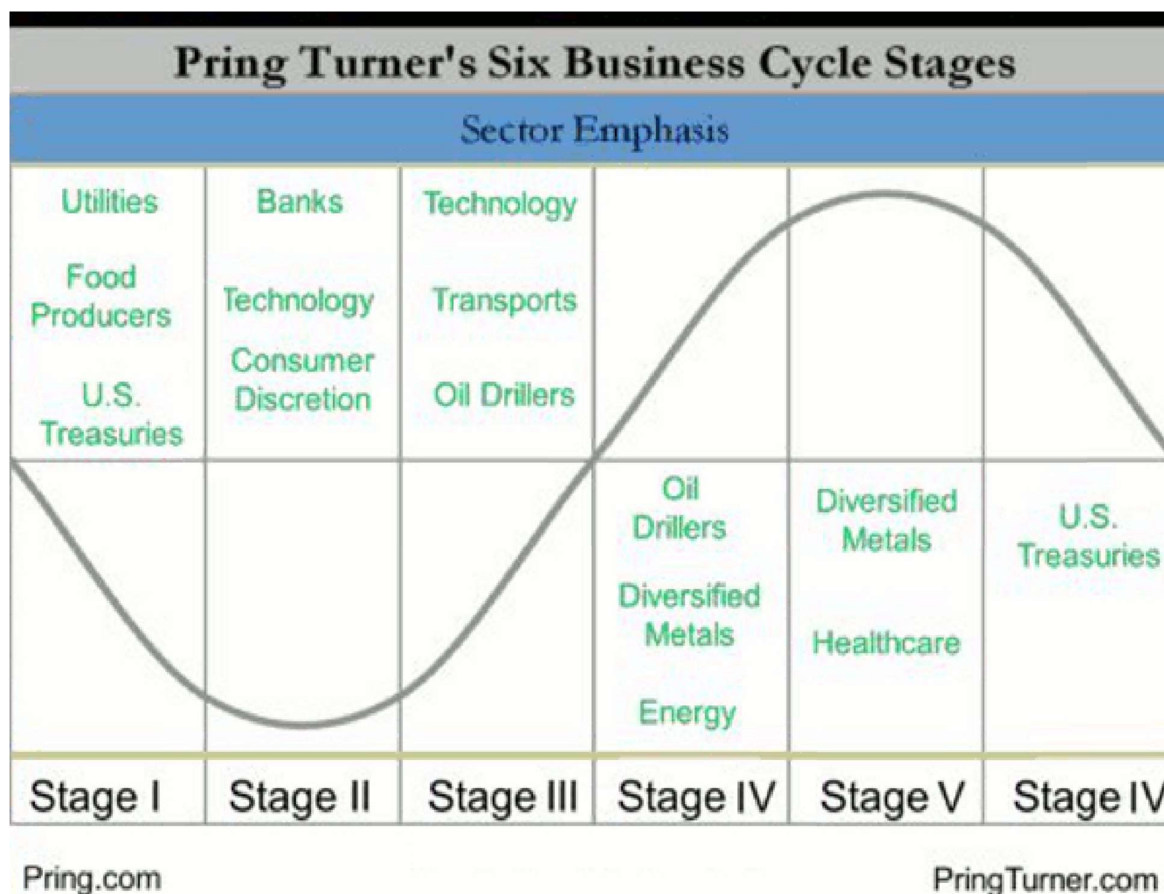
Còn khi nền kinh tế hưng thịnh thì các dấu hiệu trên biến thiên theo chiều ngược lại.

Trước đây, một chu kỳ kinh doanh thường được cho là có bốn pha lần lượt là suy thoái, khủng hoảng, phục hồi và hưng thịnh. Ở Việt Nam, trong một số sách về kinh tế các nước tư bản chủ nghĩa, khi nói về chu kỳ kinh tế thường gọi tên bốn pha này là khủng hoảng, tiêu điều, phục hồi và hưng thịnh.

Tuy nhiên, trong nền kinh tế hiện đại, khủng hoảng theo nghĩa nền kinh tế trở nên tiêu điều, thất nghiệp tràn lan, các nhà máy đóng cửa hàng loạt, v.v… hiếm khi xảy ra do những biện pháp can thiệp của chính phủ để giảm nhẹ hậu quả. Vì thế, một số lý thuyết mới chỉ nói về 3 pha là suy thoái-phục hồi-hưng thịnh. Toàn bộ giai đoạn GDP giảm đi, tức là giai đoạn nền kinh tế thu hẹp lại, được gọi duy nhất là suy thoái.

Trong cuốn sách Asset Allocation Review, tác giả Martin Pring đã chia chu kỳ kinh tế thành sáu giai đoạn. Và trong số các bạn chắc hẳn cũng đã biết đến quy luật hình SIN trong chu kỳ kinh tế rồi đúng không. Vậy thì trong chu kỳ kinh tế được chia ra thành sáu giai đoạn đó cũng tuân theo quy luật đó và nó được lập đi lập lại trong suốt hàng trăm năm qua cho tới tận bây giờ. Và việc áp dụng các quy luật trong chu kỳ kinh tế sẽ giúp cho các bạn

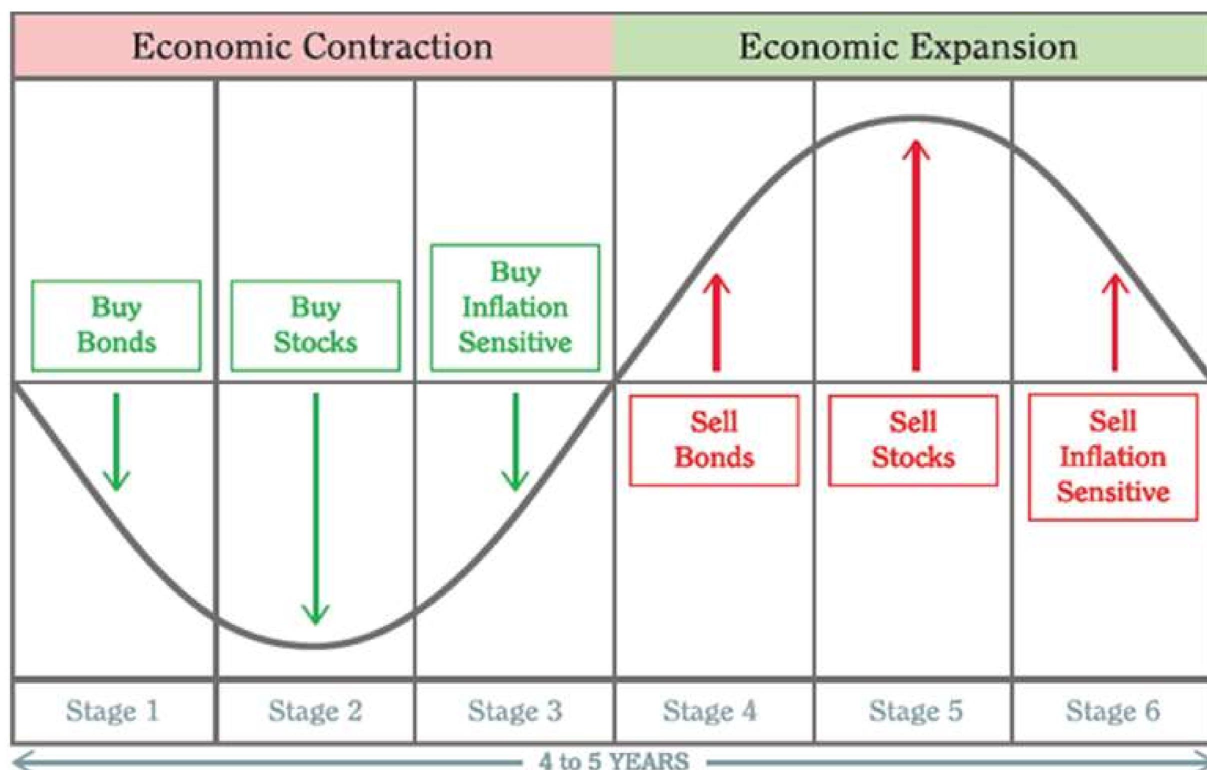
có cái nhìn một cách tổng quát nhất và nắm được thời điểm hiện tại của chúng ta đang là giai đoạn nào của chu kỳ kinh tế.



Hình 7.1: Chu kỳ kinh tế - Martin Pring.

Trong sáu giai đoạn của chu kỳ kinh tế thường diễn ra trong vòng 4-5 năm hoặc hơn một chút, và trong mỗi một chu kỳ kinh tế như vậy thì chúng ta sẽ biết được là nên đầu tư vào cái gì, và không nên đầu tư vào cái gì. Hiểu một cách đơn giản thì khi kinh tế rơi vào suy thoái thì nhà đầu tư có xu hướng chuyển sang các tài sản an toàn như trái phiếu, vàng… và đến thời điểm kinh tế tăng trưởng thì lúc đó nhà đầu tư có xu hướng sử dụng tiền vào các danh mục đầu tư khác, ví dụ như cổ phiếu, nhà đất… Trong bức hình dưới đây mô phỏng xu hướng đầu tư của đại bộ phận nhà đầu tư trong suốt chu kỳ kinh tế diễn ra. Đây chính là những giao dịch dễ nhận thấy nhất, và cái chúng ta cần quan tâm chính là theo dõi xem diễn biến trên thị trường hiện tại đang ở trong các giai đoạn nào của chu kỳ kinh tế.

Nếu như các bạn quan sát thấy có những thay đổi bất thường trong các lớp tài sản như trái phiếu, cổ phiếu hay hàng hóa… thì đó là lúc các bạn vận dụng những kiến thức học được và xem xét thời điểm đó có sự kiện nào đang được market quan tâm. Biết được điều này sẽ giúp các bạn có được cái nhìn tốt hơn về market hiện tại và sẽ giúp cho các bạn trong quá trình phân tích.



Hình 7.2: Diễn biến của thị trường trong chu kỳ kinh tế (thường chu kỳ kinh tế diễn ra trong khoảng 4-5 năm).

Với trái phiếu là dễ dàng nhận thấy nhất khi các bạn quan sát lợi tức trái phiếu tăng hoặc giảm, thường thì trái phiếu sẽ là chỉ báo sớm nhất để nhận ra giai đoạn của chu kỳ kinh tế. Và bức hình phía trên cũng cho thấy rằng những biến động của trái phiếu sẽ đi trước, sau đó sẽ đến stock và tiếp đến sẽ là những hàng hóa nhạy cảm với lạm phát… Diễn biến rõ ràng nhất đó là vào cuộc khủng hoảng 2008 mà các bạn thấy đó.

Dưới góc nhìn phân tích liên thị trường thì chu kỳ kinh tế được chia thành những giai đoạn như sau.

Giai đoạn 1: Trái phiếu tăng (lợi tức trái phiếu, cổ phiếu, hàng hóa giảm)

Giai đoạn 2: Cổ phiếu tăng (trái phiếu vẫn đang giai đoạn tăng, trong khi hàng hóa vẫn đang chu kỳ giảm)

Giai đoạn 3: Hàng hóa tăng (trái phiếu, cổ phiếu, hàng hóa cùng tăng)

Giai đoạn 4: Trái phiếu giảm (lợi tức trái phiếu, cổ phiếu và hàng hóa vẫn tăng)

Giai đoạn 5: Cổ phiếu giảm (trái phiếu giảm và hàng hóa tăng)

Giai đoạn 6: Trái phiếu, cổ phiếu và hàng hóa cùng giảm

Trên đây là 6 giai đoạn của một chu kỳ kinh tế, và sau khi hoàn thành thì lại quay về với giai đoạn 1. Điều Tôi muốn nhấn mạnh ở đây là những giai đoạn đó là hiện hữu, và làm thế nào chúng ta phán đoán được hiện tại đang ở giai đoạn nào. Điều đó dễ dàng được nhận thấy qua việc quan sát biến động trên 3 bộ phận chính là trái phiếu, hàng hóa và cổ phiếu. Các bạn có thể tinh ý nhìn ra được bộ phận nào đang tăng, bộ phận nào giảm và quan sát xem thời điểm nào các bộ phận đó sẽ đạt đỉnh và đáy. Các bạn đừng lầm tưởng là chỉ có những nhà đầu tư dài hạn mới cần quan sát diễn biến thị trường nhé, bản thân Tôi cũng chỉ là 1 trader giao dịch trong ngày và swing trade, thế nhưng Tôi vẫn phải quan sát thật chi tiết diễn biến của các bộ phận trên để tiên đoán xem hiện tại đang là giai đoạn nào. Khi nắm được cái đó rồi Tôi sẽ tự tin hơn mỗi khi giao dịch theo các sự kiện ngắn hạn.

Một kinh nghiệm nữa là các bạn nên tìm hiểu các báo cáo về hàng hóa tồn kho, sức tiêu thụ hàng hóa, từ đó tiên đoán được xu hướng giá cả hàng hóa trong tương lai. Xu hướng giá cả hàng hóa sẽ giúp chúng ta tiên đoán xem thử lạm phát trong tương lai có tăng hay không, lạm phát và lãi suất là hai mặt của một vấn đề là như thế.

Để hiểu rõ hơn về những biến động của các lớp tài sản trong từng giai đoạn của chu kỳ kinh tế các bạn tìm đọc cuốn "Inter Market Analysis" của tác giả John Murphy tái bản năm 2013. Trong cuốn đó Murphy sẽ nói rất chi tiết những biến động trong từng giai đoạn của chu kỳ kinh tế.

IV- NHỮNG MỐI TƯƠNG QUAN CHÍNH GIỮA BỐN BỘ PHẬN CẤU THÀNH THỊ TRƯỜNG TÀI CHÍNH.

Sở dĩ Tôi dành khá nhiều giấy bút để nói về lạm phát và lãi suất là bởi vì hai cái này chính là sợi dây xuyên suốt trong bốn bộ phận cấu thành của financial market. Và trong hầu hết các phân tích liên thị trường đều xoay quanh hai vấn đề chính trên, trong bất cứ giai đoạn nào của chu kỳ kinh tế cũng đều không thể tách rời lạm phát và lãi suất được. Trong khi đó, linh hồn của thị trường trái phiếu (bonds) lại chính là lợi tức (yield). Danh từ Lợi tức ở đây chỉ là một hình thái tổng thể, một tên gọi khác của lãi suất, bao gồm trong đó là lãi suất ngắn hạn (cho các trái phiếu kỳ hạn ngắn- thường dưới 2 năm) và lãi suất dài hạn (cho các trái phiếu có kỳ hạn dài- thường trên 7 năm). Trong khi lãi suất ngắn hạn thường do các Central bank quy định thì lãi suất dài hạn thường được hình thành thông qua phương thức đấu giá bond (danh từ nhà nghề gọi là bond aution trong forexfactory đó). Khi các bạn theo dõi lãi suất ngắn hạn mà FED hay các ngân hàng trung ương khác quyết định chẳng hạn, các bạn hãy theo dõi xem chỉ số bond aution nó thay đổi thế nào, vì bản chất lãi suất ngắn hạn được FED và các central bank kia quyết định đều dựa vào những thay đổi trên thị trường trái phiếu và những thay đổi lợi tức trái phiếu đó chính là thước đo và là kim chỉ nam cho lãi suất ngắn hạn, hay còn được gọi đó chính là lãi suất dài hạn. Những vận động của lãi suất về cơ bản sẽ gây ra những xáo trộn trên các thị trường vốn và tiền tệ. Do đó, trader dù là sống trong thị trường nào cũng cần phải theo dõi sát sao những vận động của lãi suất. Để làm được việc này thì không gì chính xác hơn là dõi theo diễn biến trên thị trường hàng hóa và trái phiếu. Đó chính là lý do tôi bắt đầu nghiên cứu các quy tắc liên thị trường dưới đây bằng việc xét mối quan hệ liên thị trường giữa hàng hóa và trái phiếu. Điểm khó nhất trong thực hiện phân tích liên thị trường là người phân tích thường không biết phải bắt đầu từ đâu. Với bốn bộ phận cấu thành, bond, currency, commondity và stock, câu hỏi đặt ra là nên bắt đầu từ thị trường nào thì hợp lý. Đây không phải là một câu hỏi khó mà là một câu hỏi không thể trả lời. Nó làm nhức đầu phần lớn những người mới tiếp cận theo cách thức phân tích này. Lý do không thể trả là vì nó không có câu trả lời duy nhất. Một IA- Trader (trader theo phân tích liên thị trường) phải có khả

năng tìm ra được câu chuyện (cơ bản) đang ăn khách nhất hiện thời. Từ câu chuyện cơ bản đó người trader mới có thể xác định đâu là động lực thật sự đang dịch chuyển thị trường, và đây chính là cơ sở để xác định điểm bắt đầu trong phân tích liên thị trường. Rất nhiều Bạn có hỏi Tôi là bắt đầu với phân tích cơ bản thế nào?

Trên phương diện Liên thị trường những mối quan hệ mật thiết giữa bốn bộ phận cấu thành trên được tóm gọn trong sáu mối tương quan chính như sau:

- *Trái phiếu và hàng hóa có mối tương quan mất thiết và không thể tách rời.*
- *Hàng hóa và tiền tệ có mối quan hệ nghịch đảo với nhau.*
- *Lợi tức trái phiếu Yield và Cổ phiếu có mối quan hệ mật thiết.*
- *Tiền tệ và thị trường cổ phiếu có mối tương quan với nhau.*
- *Hàng hóa và cổ phiếu là mối tương quan không thể thiếu khi phân tích.*
- *Thị trường trái phiếu và tiền tệ cũng tương quan mật thiết.*

Trong 6 mối tương quan kể trên, thì có 3 mối tương quan cực kỳ quan trọng mà các bạn cần phải nắm vững: Trái phiếu và hàng hóa, Hàng hóa và tiền tệ, Trái phiếu và cổ phiếu. Và trong bất cứ thời điểm nào của chu kỳ kinh tế chúng ta cũng cần phải để tâm đến 3 mối tương quan này. Bởi vì những mối tương quan mà chúng ta thường sử dụng để phân tích đều được phát triển ra từ những mối tương quan chính này và điều đầu tiên các bạn cần nắm vững chính là hiểu rõ những mối quan hệ chính đó. Từ đó sẽ phát triển ra những mối tương quan cụ thể khác, vì tùy thuộc vào đặc điểm của từng món hàng/đồng tiền khác nhau nữa.

Trong phần tới đây Tôi sẽ lần lượt đi qua cả 6 mối tương quan trên và sẽ có ví dụ cụ thể trong từng giao dịch với những mối tương quan đó. Và sau khi đã đi qua cả 6 mối tương quan đó thì Tôi sẽ hệ thống lại bằng các ví dụ thực tiễn kết hợp tất cả những mối tương quan trên để từ đó đưa ra những quyết định giao dịch với những món hàng/cặp tiền chúng ta đang quan tâm.

1- Trái phiếu và hàng hóa có mối tương quan mật thiết và không thể tách rời.

Các bạn đã biết được là trái phiếu tỉ lệ nghịch với lợi tức của nó rồi. Lợi tức chính là mặt trái của lạm phát, trong khi giá cả hàng hóa lại là chỉ báo sớm nhất cho biết lạm phát trong tương lai. Điều này giải thích như sau: trái phiếu tăng thì có nghĩa là lợi tức giảm, mà lợi tức giảm thì cho biết được lạm phát trong tương lai không tăng, điều này có nghĩa là giá trái phiếu và hàng hóa tỉ lệ nghịch với nhau. Nếu như các bạn đặt lợi tức trái phiếu Mỹ lên cùng biểu đồ với chỉ số CRB index sẽ thấy rõ, thường lợi tức trái phiếu sẽ là chỉ báo sớm cho xu hướng giá cả hàng hóa. Và vì mối quan hệ nghịch đảo giữa giá trái phiếu và lợi tức của nó cho nên trong các phân tích liên thị trường người ta sẽ sử dụng lợi tức để phân tích thay thế cho giá trái phiếu. Tuy nhiên không phải trong tất cả mọi trường hợp mà lợi tức cùng chiều với giá hàng hóa. Tôi sẽ lấy ví dụ cụ thể ngắn hạn sau.

Đặc điểm của quy tắc này là nó thường đúng với dài hạn hơn là ngắn hạn. Và thực tế là nếu chỉ nhìn cho từng ngày thì có thể nó không đúng. Tuy nhiên khi phân tích xu hướng chúng ta cũng cần phải để tâm tới mối quan hệ này, nó sẽ giúp chúng ta tự tin hơn mỗi khi phân tích xu hướng của các hàng hóa chính và từ đó tiên đoán được xu hướng của các đồng tiền hàng hóa được tốt hơn. Tôi không khẳng định là dựa vào những phân tích này sẽ mang lại kết quả tốt như mong muốn, tuy nhiên khi hiểu được mối tương quan này thì nó sẽ hỗ trợ cho các bạn tương đối tốt, đặc biệt là thêm tự tin với phân tích của mình và tự tin vào lệnh hơn. Mối quan hệ này là một mối quan hệ nền tảng dùng để xác định các mối tương quan đơn lẻ khác. Và có thể nói rằng mối quan hệ này đóng vai trò là mối quan hệ nhằm xác định xu hướng của toàn thị trường nói chung, trong ngắn hạn có thể các biến động sẽ đi ngược với quy luật này, tuy nhiên xét về dài hạn thì nó luôn có xu hướng quay lại đúng với mối quan hệ giữa hàng hóa và trái phiếu nói chung.

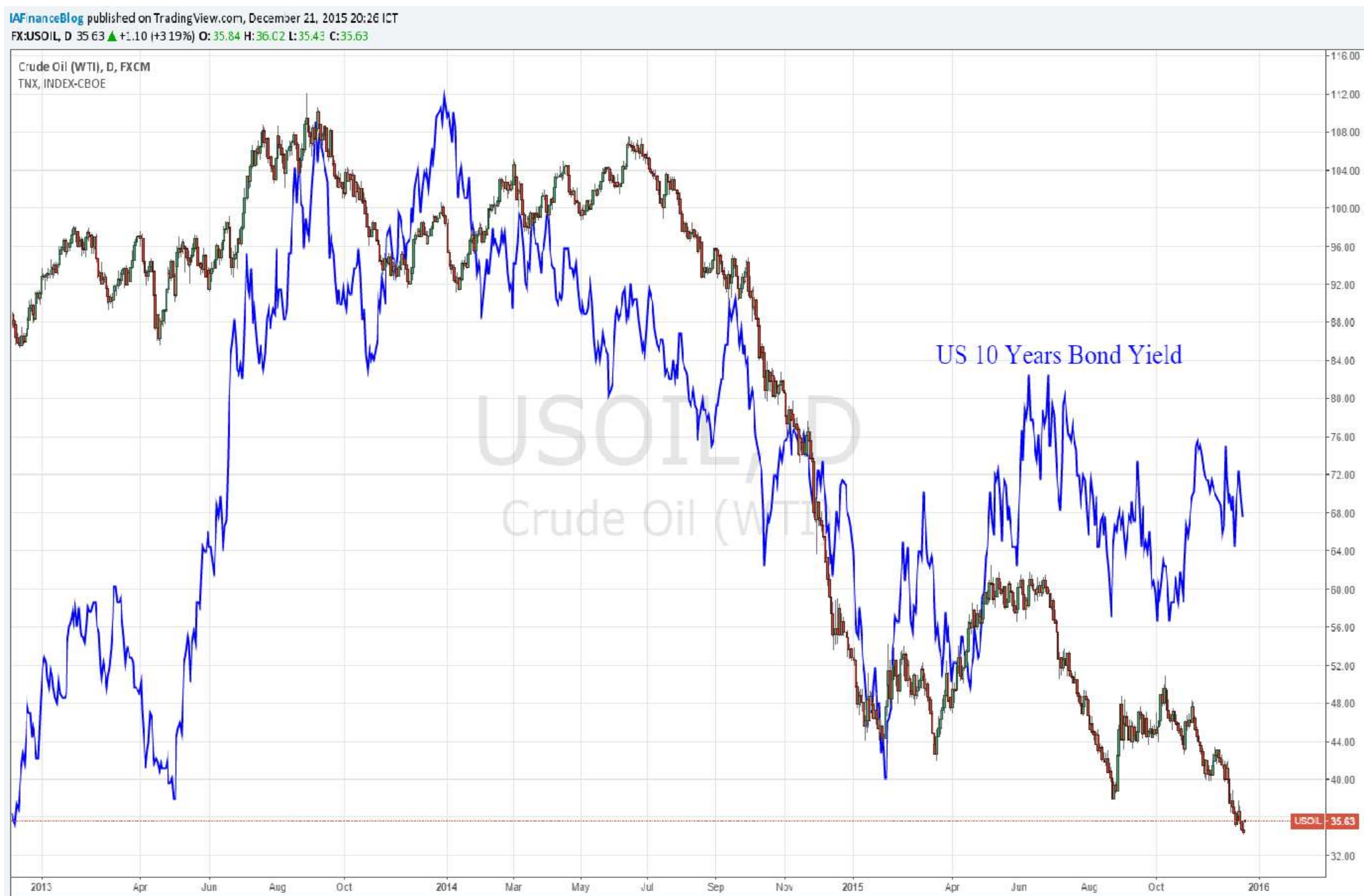


Hình 7.3: Mối quan hệ mật thiết giữa lợi tức trái phiếu kỳ hạn 10 năm của Mỹ và chỉ số giá hàng hóa CRB Index.

Đây là một trong những mối quan hệ liên thị trường căn bản nhất, cũng chính từ sự tương quan của trái phiếu và hàng hóa mà sau đó hình thành nên những mối quan hệ khác. Điểm quan trọng trong khi phân tích mối tương quan này là các bạn theo dõi lợi tức trái phiếu Mỹ trên chart real time, với một speculator thì các bạn có thể mở real time ở khung H1 (trong phần phụ lục Tôi sẽ hướng dẫn cách mở khung real time để xem). Trong trường hợp giá hàng hóa đang đi xuống mà khung real time của Yield lại đang tăng, thì đó có thể là một dấu hiệu để tiên đoán hàng hóa có thể tăng trong tương lai. Hơn thế nữa tâm tư của Trader hàng hóa rất nhạy cảm khi thấy lợi tức trái phiếu biến động. Giả sử như trường hợp đang nói khi real time lợi tức trái phiếu tăng thì có nghĩa là giá trái phiếu đang giảm, điều này sẽ tạo một tâm lý rằng thị trường đang kỳ vọng nền kinh tế phát triển, giá các mặt hàng hóa thiết yếu sẽ tăng, các mặt hàng như Oil, Đồng… cũng vì thế có thể tăng trong tương lai. Vậy cho nên nhà đầu tư họ sẽ nghĩ ngay đến việc mua các thứ hàng hóa đó hoặc go long 3 đồng tiền hàng hóa AUD, NZD, CAD. Bởi vì là tâm lý thoải mái và tin tưởng rằng kinh tế đang phát triển, thị trường chứng khoán tăng cho nên trái phiếu mới giảm, và khi trái phiếu giảm thì các món hàng được nhà đầu tư xem là tài sản trú ẩn lại ít được quan tâm, một ví dụ dễ thấy đó là khi trái phiếu giảm thì các đồng tiền CHF, JPY cũng giảm theo.

Trong hình vẽ trên ở thời điểm hiện tại khi mà thị trường trái phiếu đang giảm, lợi tức trái phiếu tăng và hàng hóa giảm mạnh thì mối quan hệ này có phần không đúng nữa. Tuy nhiên nếu là Tôi sẽ kỳ vọng rằng thị trường hàng hóa sang năm 2016 sẽ khởi sắc hơn. Giá dầu hiện tại đã giảm quá thấp rồi cho nên là sự kỳ vọng hàng hóa sẽ phục hồi vào năm 2016 là điều dễ hiểu. Và hiện tại cũng chưa thể kết luận chính xác vì thị trường trái phiếu còn phụ thuộc vào rất nhiều yếu tố. Mối tương quan giữa chứng khoán và trái phiếu sẽ giải thích thêm cho suy luận này.

Để hiểu một cách đơn giản hơn các bạn có thể thấy mối tương quan giữa trái phiếu Mỹ với giá dầu và vàng. Hai thứ hàng hóa này được xem là hàng hóa đặc biệt, và riêng với vàng thì Tôi sẽ có ví dụ thực tiễn trong giao dịch sau đây. Mối tương quan giữa Oil và US bond thể hiện qua biểu đồ rất rõ ràng dưới đây.



Hình 7.4: Mối tương quan giữa giá Dầu và lợi tức trái phiếu kỳ hạn 10 năm của Mỹ.

Trong chương 2 khi giới thiệu về các bộ phận chính của thị trường tài chính Tôi cũng đã nói về chỉ số CRB rất kỹ, đặc trưng dầu chiếm % tương đối cao trong chỉ số CRB cho nên không có gì khó nhận thấy giá dầu biến động sẽ tác động rất nhiều đến chỉ số CRB Index.

Dựa vào mối tương quan trái phiếu và hàng hóa trong giao dịch Gold

Gold spot là một trong những hàng hóa mà Trader Việt rất thích giao dịch nhất. Ở chương trước Tôi cũng đã có vài ví dụ về giao dịch Gold. Thế những để hiểu sâu hơn các bạn cần quan sát thêm lợi tức trái phiếu. Sở dĩ là vì Gold là thứ hàng hóa phản ứng nhanh nhất với lạm phát, và lợi tức trái phiếu cũng như vậy. Tuy nhiên nếu các bạn suy luận là Yield đang tăng để mà go long Gold thì lại không hoàn toàn đúng, ngược lại khi Yield đang giảm mà go short Gold thì cũng thế. Có nghĩa là tùy từng trường hợp mà chúng ta kỳ vọng Gold tăng do lạm phát tăng hay là Gold tăng do người ta lo sợ, cảm thấy bất an khi chứng khoán giảm… mà họ tìm đến với Gold. Trong trường hợp có biến động khủng hoảng hay niềm tin thì lúc này Gold và trái phiếu lại là bạn đồng hành, và đương nhiên Gold và lợi tức trái phiếu sẽ nghịch đảo với nhau. Vì thế cho nên Tôi rất ít khi giao dịch Gold và chỉ dùng Gold để tiên đoán những món hàng/cặp tiền khác thôi. Bởi vì trong quan niệm cá nhân Tôi giao dịch Gold sẽ mạo hiểm và khó hơn nhiều so với các mặt hàng khác, hơn nữa Gold lại là thứ hàng hóa đặc biệt và rất nhạy cảm với những biến động trên thị trường cho nên Tôi sử dụng Gold để lồng ghép vào các chart khác, và xem Gold như là một Indicator động và tốt nhất để tiên đoán hướng đi của những món hàng đó. Trong giai đoạn mà mối lo lạm phát gia tăng, yield tăng thì lúc này nhà đầu tư họ sẽ tìm đến với Gold như là một thứ tài sản an toàn để tránh lạm phát, mối tương quan này thường xảy ra trong dài hạn và thường xảy ra vào những giai đoạn hậu khủng hoảng kinh tế khi mà các chính sách nới lỏng đã khiến cho đồng tiền mất giá, giá cả hàng hóa leo thang.

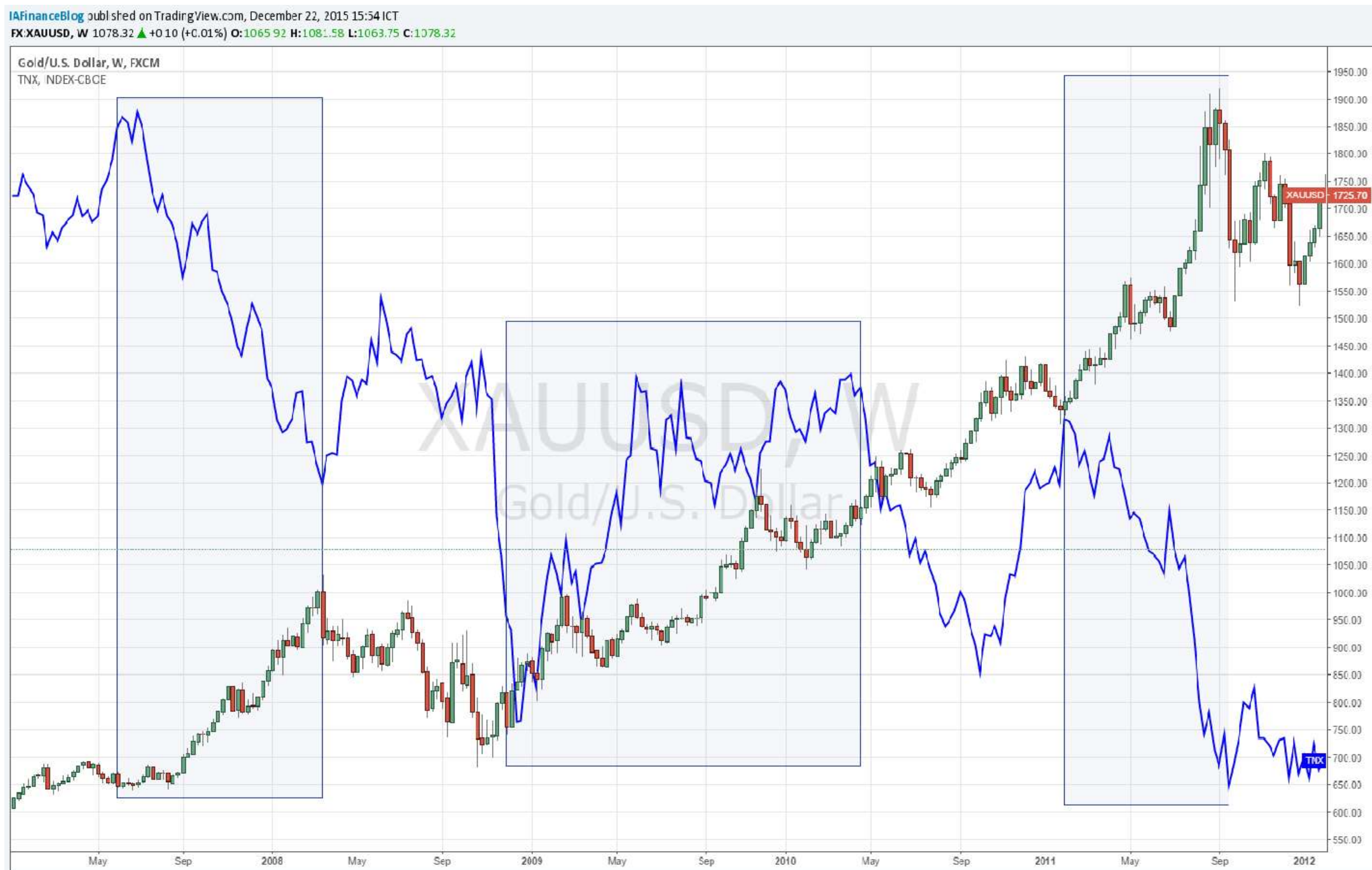
Để minh chứng rõ hơn các bạn hãy nhìn lại trong khoảng thời gian dài hạn một chút ở thời điểm diễn ra cuộc khủng hoảng 2008 và hậu khủng hoảng. Để có thể hiểu được câu

chuyện ẩn đằng sau cái chart và sự kiện nào đang là tâm điểm thì không có cách nào khác là trang bị lượng kiến thức tốt, và trải nghiệm theo thời gian, thực hành áp dụng hàng ngày và thực sự là phải đam mê với tài chính thì mới có thể theo đuổi phương pháp phân tích liên thị trường tốt được. Quay trở lại với sự kiện năm 2008, khoảng thời gian từ tháng 6/2007 đến 3/2008 giá vàng tăng mạnh trong khi trái phiếu cũng tăng đẩy lợi tức trái phiếu giảm mạnh lúc đó. Trong giai đoạn này là thời điểm mà bong bóng nhà đất, tín dụng thức sự bùng nổ và khiến cho nhà đầu tư lo sợ nhất, mối lo về khủng hoảng tài chính toàn cầu đẩy dòng tiền tìm về với trái phiếu Mỹ trú ẩn như là một bức tương thành cuối cùng, hơn nữa trong thời gian này người ta lo ngại khủng hoảng sẽ khiến thị trường chứng khoán sụp đổ theo và lo sợ các ngân hàng phá sản và hồi chuông cảnh tỉnh chính là vụ việc Lehnam Brother phá sản cho nên phần lớn nhà đầu tư đã tìm về với vàng như là thứ tài sản an toàn nhất với họ lúc này. Khác với trái phiếu ở chỗ khi họ mua vàng tức là họ đang đầu tư, cho nên khả năng kiếm lợi nhuận cao hơn là đem tiền gửi tiết kiếm và mua trái phiếu. Vậy trong trường hợp này vàng và trái phiếu cùng tăng vì người ta lo ngại khủng hoảng kinh tế, hay nói ngắn gọi là người ta đang lo sợ khủng hoảng niềm tin (mất hết niềm tin vào các chính sách, vào chứng khoán, vào các khoản đầu tư bất động sản…).

Đến cuốn năm 2008 khi FED thực hiện chính sách QE1 để vực dậy nền kinh tế. Lúc này khi mà FOMC đang họp bàn chính sách thì nhà đầu tư họ đã đoán biết chắc chắn phải có QE. Cùng tương tự như sự kiện FED nâng rate phải đến tháng 12/2015 mới nâng thế nhưng từ giữa năm 2014 market đã đồn đoán và đã đi tiền cho sự kiện này từ lúc đó rồi. Một điều mà các gói QE gây ra đó chính là lạm phát, cái này Tôi đã nhắc trong chương khủng hoảng 2008. Khi cái mối lo lạm phát gia tăng thì những nhà đầu tư trái phiếu lại lo ngại rằng khoản tiền họ mua trái phiếu đó sẽ mất giá trị và cái khoản lợi tức họ nhận được sau khi trừ đi lạm phát đồng tiền USD đi thì chả còn lại bao nhiêu… Vậy cho nên lúc này người ta sẽ không mua trái phiếu nữa mà thay vào đó là dùng số tiền đó đầu tư, minh chứng là thị trường chứng khoán tăng mạnh sau khi QE1 được thông qua. Cũng trong giai đoạn này khi mà mối lo lạm phát gia tăng thì người ta tìm đến vàng như là thứ tài sản chống lại lạm phát. Như có nói là khi mối lo lạm phát gia tăng sẽ làm mất giá đồng tiền thì người ta

sẽ tìm đến tài sản an toàn thay vì để tiền mặt trong người. Và đó là lý do mà trong giai đoạn này vàng tăng trong khi trái phiếu lại giảm. Phân tích vàng có vẻ khó đúng không các bạn, vì để nhận ra được khi nào market lo ngại lạm phát và khi nào thì những sự kiện tác động khiến người ta lo sợ và khủng hoảng niềm tin… Mặc dù khó nhưng mà dường như Trader Việt rất khoái giao dịch vàng, có lẽ vì nó biến động mạnh, lợi nhuận thu được nhanh và rất nhiều cho nên người ta thích.

Gold là một thứ hàng hóa, hàng hóa đặc biệt, và cũng được xem là một loại tiền tệ. Người ta có thể sử dụng Gold để thanh toán các hóa đơn… và rất nhiều đặc tính khác nữa mà việc giao dịch Gold phụ thuộc rất nhiều vào tâm lý của nhà đầu tư, phụ thuộc xem thử họ đang nghĩ gì, họ lo sợ điều gì… cho đến việc mối quan hệ của Gold và đồng USD nữa… Vậy nên theo cá nhân Tôi thì nếu sử dụng Gold để tiên đoán xu hướng của các món hàng khác sẽ dễ hơn là tiên đoán xu hướng của Gold. Giả sử khi có tin tức nào đó tác động đến thị trường chứng khoán, ví dụ như vụ việc bê bối khí thải của Volkswagen đã khiến ngành công nghiệp Ô Tô thế giới một phen lao đao, và đặc biệt hơn cả là thị trường chứng khoán Đức giảm điểm mạnh, kéo theo đó là mối lo ngại gia tăng, cũng trong giai đoạn này thị trường chứng khoán toàn cầu lại vừa mới trải qua những ngày đen tối khi toàn bộ chứng khoán toàn cầu bị bán tháo, áp lực đó khiến cho nhà đầu tư bắt đầu lo ngại và họ tìm đến với vàng như là thứ hàng hóa an toàn lúc đó. Nếu là một nhà phân tích liên thị trường thì sẽ chú ý biến động của giá vàng để tiên đoán xu hướng của các đồng tiền liên quan khác. Trong những trường hợp như thế này Gold thường sẽ là món hàng nhạy cảm nhất và biến động nhanh nhất, cho nên có thể xem Gold là một chỉ báo di động tương đối tốt.



Hình 7.5: Mối tương quan giữa Gold và Trái phiếu Mỹ (Gold và US 10 Years Bond Yield).

Trên đây là những thay đổi về dài hạn và cũng thật là đặc biệt khi trùng với giai đoạn khủng hoảng năm 2008 cho nên không khó để giải thích mối tương quan của Vàng và Trái phiếu. Thế nhưng khi quay trở lại với khung giao dịch nhỏ hơn thì sao.

Một ví dụ nữa về các giao dịch trong ngắn hạn. Trong vùng đánh dấu (1) là thời điểm mà trái phiếu giảm, lợi tức trái phiếu tăng trong khi giá vàng cũng giảm theo. Nếu để mà lý giải cho thật chi tiết thì phải phân tích thêm ở những thị trường khác trong đó có chứng khoán, tuy nhiên ở ví dụ này Tôi chỉ muốn nhấn mạnh rằng khi giao dịch ngắn hạn với Gold cũng cần để ý xem lợi tức trái phiếu đang biến động thế nào. Ở vùng (1) đó là thời điểm mà thị trường chứng khoán phục hồi, giá vàng giảm xuống cùng với đó là trái phiếu Mỹ cũng giảm, điều này được lý giải tương đối dễ. Nếu ở trong thời điểm đó các bạn cần chú ý rằng nếu như tâm lý của market đang là tích cực thì lợi tức trái phiếu tăng có nghĩa là dòng tiền sẽ thoát ra khỏi các lớp tài sản an toàn để đầu tư. Thời điểm vàng break out khỏi cái đường trendline đó các bạn hãy quan sát sang trái phiếu, lợi tức cũng đang có dấu hiệu break out cho nên cũng được xem là một tín hiệu vào lệnh tương đối tốt. Ở vùng đánh dấu thứ (2) có vẻ như mối tương quan trên đã bị phá vỡ, tất nhiên là không phải bất cứ lúc nào mối tương quan này cũng đúng, tuy nhiên căn cứ vào tâm lý market hiện thời lúc đó để tiên đoán xem là lý do mà lợi tức giảm trong khi vàng vẫn tiếp tục đi xuống. Còn trong vùng đánh dấu (3) vàng tăng do kỳ vọng lạm phát sẽ tăng sau khi FED nâng lãi suất, và trái phiếu hiện đang có dấu hiệu giảm lại, trong giai đoạn này giá hàng hóa đang tăng và đồng USD đang giảm cho nên tôi mới kỳ vọng như vậy. Chắc hẳn các bạn sẽ thắc mắc tại sao FED nâng lãi suất mà USD lại giảm đúng không, điều này thì phải phân tích sâu hơn ở cả 4 bộ phận cấu thành market và đọc hiểu tâm lý qua sự kiện hiện thời. Mà cái sự kiện lúc Tôi viết nhận định này là kỳ vọng GDP q/q của Mỹ được công bố. Tôi không nói rõ các phân tích ở đây mà chỉ nêu lên mối tương quan giữa vàng và lợi tức trái phiếu Mỹ thôi, vậy nên bức hình trên là những kỳ vọng mà Tôi sẽ hệ thống lại sau khi đã đi qua tất cả các phân tích này. Các bạn hãy kiếm chứng lại kỳ vọng trên nhé. Gold lúc đó là giá 1074 $/oz, điểm mà Tôi kỳ vọng là 1068-1070 $/oz để vào lệnh buy với mức stop loss chấp nhận là tương đối nhỏ.



Hình 7.6: Mối tương quan giữa Gold và Lợi tức trái phiếu kỳ hạn 10 năm của Mỹ trong ngắn hạn. Ở trên là một kỳ vọng buy Gold khi nhìn lợi tức trái phiếu đang tăng trong trường hợp mà kỳ vọng lạm phát đang tăng cao sau khi FED nâng lãi suất và giá hàng hóa đang tăng, hơn nữa thời điểm Gold tăng đó là vì thị trường chứng khoán giảm mạnh cùng lúc đó.

2- **Hàng hóa và tiền tệ có mối quan hệ nghịch đảo với nhau.**

Mối tương quan này có lẽ là dễ dàng nhận thấy nhất, các bạn cũng biết là giá trị của đồng tiền của một quốc gia thể hiện sức mạnh của nền kinh tế quốc gia đó. Diều này dễ hiểu thôi, Mỹ vốn là quốc gia lớn mạnh và vị thế số 1 hiện nay và giá trị của đồng USD luôn rất cao so với các quốc gia đang phát triển khác, chẳng hạn như Việt Nam. Một nền kinh tế tăng trưởng tốt sẽ khiến tiêu dùng tăng cao, nhu cầu chi tiêu của người dân sẽ cao hơn và những yêu cầu trong chất lượng cũng cao hơn… do vậy việc sinh ra lạm phát cao trong nền kinh tế là đương nhiên. Khi lạm phát tăng cao thì các ngân hàng trung ương sẽ có xu hướng nâng lãi suất, lạm phát tăng cao thì đồng tiền mất giá cho nên người ta có xu hướng tìm đến các lớp tài sản khác thay vì mua trái phiếu, do vậy lợi tức trái phiếu sẽ tăng lên. Khi lãi suất, phân lời tăng cao thì về cơ bản là giá trị đồng tiền sẽ tăng. Điều này mâu thuẫn với cái ý trước đúng không, nhưng đó chính là chu kỳ kinh tế, và khi mà giá trị đồng tiền tăng cao thì sẽ tác động tiêu cực đến xuất khẩu. Một quốc gia bất kỳ nào cũng phải cân đối giữa xuất khẩu và nhập khẩu, khi mà giá trị đồng tiền quốc nội tăng quá cao thì sẽ bóp chết xuất khẩu và kinh tế sẽ trì trệ. Kinh tế đi xuống thì đương nhiên là chi tiêu của người dân cũng đi xuống, lạm phát cũng sẽ giảm theo…khi mà lạm phát giảm thì các ngân hàng trung ương lại giảm lãi suất theo. Lãi suất giảm thì người ta có xu hướng vay nhiều hơn để đầu tư kinh doanh, từ đó mà kinh tế phục hồi, lạm phát lại tăng… Chu kỳ kinh tế và việc xác định quy luật của vòng tuần hoàn này không phải là khó, tuy nhiên nó thiên về những nhận định dài hạn hơn, vì vậy việc của chúng ta là phân tích dựa vào những dữ liệu đã có để xem thử thời điểm hiện tại là giai đoạn nào của chu kỳ kinh tế, để từ đó tiên đoán được các ngân hàng trung ương sẽ hành động gì.

Như Tôi có nhấn mạnh mấu chốt trong phân tích cơ bản chính là hiểu được sợi dây liên kết giữa lạm phát và lãi suất, vì chính lạm phát và lãi suất sẽ quyết định những chính sách khác nữa và cũng chính vì sợi dây này mà mỗi khi có những sự kiện nào đó diễn ra liên quan đến các quyết định chính sách kinh tế người ta lại đem ra bàn luận rất nhiều. Một minh chứng dễ thấy là trong các bài phát biểu của đương kim chủ tịch FED Janet Yellen hầu hết đều kèm theo một câu là "chúng tôi đang theo dõi sát lạm phát và kỳ vọng sẽ đạt

mức mục tiêu 2%, bên cạnh đó theo dõi sát thị trường lao động để quyết định nâng lãi suất trong năm nay…" đại ý là như thế.

Theo lý thuyết kinh tế học thì mỗi khi một đồng tiền quốc nội nào đó mất giá thì giá cả hàng hóa ở quốc gia đó sẽ tăng lên, một nền kinh tế như vậy được gọi là lạm phát và mất giá đồng tiền. Tuy nhiên về mặt học thuật thì nguyên lý này là hợp lý, thế nhưng chúng ta là Trader cho nên cần phải hiểu được nguyên lý này dưới một góc nhìn khác. Các bạn có để ý một minh chứng rõ ràng nhất đó là sự kiện FED liên tục nói là sẽ nâng lãi suất không, và kỳ thực là họ không cần nâng mà giới đầu tư vẫn kỳ vọng điều đó, đồng USD tăng cao trong suốt quãng thời gian rất dài lúc mà FED liên tục biểu sẽ giữ nguyên lộ trình nâng lãi suất đó. Trading đôi khi như vậy, lý do bởi vì xu hướng của đồng tiền trong ngắn hạn sẽ tương quan với lãi suất, khi lãi suất tăng thì đồng tiền sẽ có xu hướng tăng theo. Và sự thật là mỗi khi lạm phát tăng cao thì các ngân hàng trung ương sẽ có xu hướng nâng lãi suất theo, thế nhưng có những trường hợp như ví dụ về FED đó, central bank không cần nâng lãi suất mà chỉ cần có những động thái nhằm kích thích sự kỳ vọng đó của market thôi, và khi market đã để tâm và kỳ vọng điều đó thì có nghĩa là người ta sẽ đặt cược cho xu hướng tăng lãi suất cao hơn, điều này đồng nghĩa với việc đồng tiền cũng sẽ có xu hướng tăng theo. Tôi cũng từng nói là có 2 cách mà tôi trade đó là kỳ vọng vào những gì market đang thể hiện, từ những gì nền kinh tế thể hiện qua các số liệu để tiên đoán và kỳ vọng những sự kiện diễn ra trong tương lai, và thứ 2 là nương theo market, điều này có nghĩa là đợi khi nào market đã rõ ràng xu hướng mới nương theo. Hai phương pháp này nói thì dễ nhưng để hiểu và thực hành theo rất khó: các bạn cần phải học và tự rút ra những kinh nghiệm cho riêng bản thân là khi nào thì áp dụng phương pháp kỳ vọng, tức là sự kiện nào thì chúng ta kỳ vọng vào market, và khi nào chúng ta phải nương theo. Đơn cử nhé sự kiện FED luôn nói sẽ nâng lãi suất đó, thì cái tư duy nâng lãi suất kia đã hiện hữu trong lòng market, vậy cho nên chúng ta cần phải kỳ vọng mỗi khi FED có cuộc họp chính sách. Thế nhưng khi mà FED đã chính thức công bố chính sách thì lúc đó chúng ta lại phải thay đổi cách nghĩ, chuyển từ kỳ vọng sang nương theo market.

Một mối tương quan dễ dàng nhận thấy nhất đó là đồng USD và chỉ số CRB Index.



Hình 7.7: Mối tương quan nghịch đảo giữa hàng hóa và tiền tệ (Mối tương quan giữa chỉ số CRB Index và đồng USD).

Trên đây mới chỉ là một mối tương quan đơn giản nhất khi so sánh mối tương quan giữa hàng hóa và tiền tệ, trên thức tế sẽ còn nhiều mối tương quan khác nữa. Một tiểu xảo khi tiến hành phân tích liên thị trường giữa hàng hóa và tiền tệ là không nên xét chỉ số giá hàng hóa toàn thị trường chung mà chỉ nên tập trung vào một số nhóm hàng hóa tiên phong. Tùy thuộc vào mỗi chu kỳ kinh tế mà sẽ có những món hàng tăng giảm giá nhiều hơn những món hàng khác. Gold và oil là hai trong số những hàng hóa tiên phong nhất trong toàn thị trường hàng hóa nói chung, nên khi tiến hành phân tích liên thị trường chúng ta nên thực hành riêng một phân tích hai món hàng này. Nhưng Oil là một mặt hàng có vai trò quan trọng hơn nữa trong bức tranh kinh tế tổng thể. Câu chuyện của Oil luôn gắn liền với sự phát triển kinh tế. Cho nên sự tăng giảm của giá dầu nên được xem xét cẩn trọng trong bất cứ tình huống nào. Ngoài ra sẽ có những trường hợp đặc biệt với những đồng tiền hàng hóa như CAD, AUD, NZD… Với những đồng tiền này thì khi các mặt hàng các đóng góp GDP nhiều của các quốc trên mà tăng thì các đồng tiền đó cũng tăng theo.

Nếu muốn nói chi tiết hơn về mối tương quan này thì có thể lấy ví dụ về đồng CAD, GBP với Oil mà Tôi đã nhắc trong chương trước, hay là mối tương quan giữa giá cả các mặt hàng kim khoáng quặng với đồng AUD. Riêng mối tương quan nghịch đảo giữa hàng hóa và tiền tệ là xét trên phương diện tổng quát và lấy đồng USD làm ví dụ, còn để trade thì cần phải nắm vững bản chất của từng đồng tiền cơ bản mà trong cuốn sách của tác giả Việt Trader cũng đã nói. Vì các món hàng được định giá là đồng USD cho nên các ban sẽ dễ dàng nhận thấy mối tương quan nghịch đảo giữa USD và các món hàng đó, thế nhưng khi xét về những cái trade ngắn hạn các bạn cần nhớ kỹ những đặc điểm khác và những tin tức tác động. Không phải lúc nào giao dịch với khung ngắn hạn cũng đều áp dụng mối tương quan này, thế nhưng nếu như các bạn muốn mua hàng hóa chẳng hạn thì điều đầu tiên là cần phải chắc chắn rằng đồng USD sẽ giảm và ngược lại. Một ví dụ dễ hiểu đó chính là Oil và Vàng, khi các bạn muốn mua Gold và Oil thì phải phân tích được rằng đồng USD sẽ giảm và trong tương lai nó không tăng, tùy thuộc vào giao dịch ngắn hạn hay dài hạn nhé. Vậy chốt lại là khi giao dịch với các món hàng hóa nào đó thì phải quan sát đồng USD sẽ như thế nào trong tương lai.

3- Lợi tức trái phiếu Yield và Cổ phiếu có mối quan hệ mật thiết.

Giữa thị trường trái phiếu và cổ phiếu có những mối tương quan không phải đồng nhất, và cũng tương tự như những mối tương quan khác, xét về mặt tổng thể dài hạn thì những mối tương quan trên sẽ đúng. Thế nhưng trong những sự kiện riêng biệt và những thời điểm khác nhau thì những mối tương quan trên có thể không còn đúng nữa. Giữa lợi tức trái phiếu và cổ phiếu cũng thế, hai thứ này có những đặc điểm hoàn toàn khác nhau. Trong khi trái phiếu đóng vai trò là món hàng trú ẩn mỗi khi có biến động khủng hoảng niềm tin hay chiến tranh thì chứng khoán lại là một kênh đầu tư giá trị, người ta đầu tư vào cổ phiếu với mong muốn kiếm thật nhiều tiền… Có một điều mà xuyên suốt cuốn sách này Tôi luôn nhắc đến đó là mỗi khi có những thông tin hay sự kiện gì đó khiến người ta cảm thấy bất an thì ngay lúc đó các bạn sẽ thấy trái phiếu sẽ tăng trước và lợi tức giảm rồi sau đó không lâu thì thị trường chứng khoán cũng giảm. Vậy thì mấu chốt ở đây là gì? Có phải là chúng ta đang tìm kiếm cái sự kiện, tiên đoán nó va nương theo nó không? Vậy có nghĩa là trong bất cứ trường hợp nào hãy quan sát biến động của trái phiếu thể hiện qua lợi tức trái phiếu để tiên đoán xu hướng của các thị trường khác.

Điều này được lý giải như sau: Thị trường chứng khoán luôn sợ một lãi suất cao, dễ hiểu thôi, khi lãi suất cao thì các công ty sẽ phải hạn chế vay vốn, hạn chế các khoản vay phát triển công ty, thay vào đó họ sẽ phải tiết giảm tối đa những khoản không cần thiết… vậy cho nên khi phân lời cao thì các công ty có xu hướng co cụm lại. Các bạn cứ theo sát quá trình FED nâng giảm lãi suất đó thì biết thôi. Khi lãi suất ở mức thấp thì người ta sẽ tích cực vay vốn để phát triển mở rộng công ty hơn. Khi lợi tức tăng lên, giá trái phiếu giảm xuống nếu xét về dài hạn thì nó là một tín hiệu không tốt với thị tường chứng khoán. Không biết trước đó Tôi đã từng nói đến lợi tức trái phiếu thường sẽ là "chỉ báo" để các central bank quyết định lãi suất ngắn hạn hay chưa. Mặc dù lợi tức trái phiếu tức là những gì phân lời mà chính phủ (tổ chức phát hành trái phiếu) phải trả cho người mua trái phiếu nó khác hoàn toàn so với lãi suất cho vay của các central bank. Thế nhưng nếu các bạn tư duy một chút rằng mối tương quan giữa hai mức lãi suất đó có gì gắn kết hay không. Chính phủ trả lãi và người vay vốn ngân hàng phải trả lãi sẽ bù trừ lẫn nhau như thế nào. Sẽ không

có một tổ chức nào không tính toán phân lời này kỹ lưỡng cả. Vậy cho nên xét về mặt dài hạn thì lợi tức trái phiếu sẽ quyết định lãi suất cho vay trong ngắn hạn của các central bank. Vậy cho nên Tôi mới nói là Lợi tức trái phiếu tăng cao quá sẽ là một tín hiệu bearish với thị trường chứng khoán là vì thế. Thế nhưng có điều là trong ngắn hạn thì sao, và trong các thời điểm có thể diễn ra các cuộc khủng hoảng hay chiến tranh chẳng hạn… thì lợi tức giảm mạnh lại chính là tín hiệu brearish với chứng khoán. Tại sao lại như vậy? Như đã nói ở trên đó, bản chất trái phiếu là một bức tường thành trú ẩn mỗi khi có biến động liên quan đến khủng hoảng niềm tin và chiến tranh mà. Vậy cho nên khi giá trái phiếu tăng tức là nhu cầu tìm đến trái phiếu tăng lên, lợi tức trái phiếu vì thế cũng giảm theo.

Quy luật kinh tế mà các bạn cần nắm vững nhất đó chính là QUY LUẬT CUNG CẦU. Sẽ chẳng có cái quy luật nào tồn tại nếu như không có cung cầu cùng tồn tại. Vậy cho nên có rất nhiều học thuyết được viết ra, trong đó có không ít các học thuyết về luật cung cầu này. Một lời khuyên với các bạn là hãy đọc thêm các tài liệu sách báo nói về các học thuyết cung cầu này, khi nắm được các học thuyết này tốt thì việc xác định các mức hỗ trợ và kháng cự theo Tôi nghĩ sẽ đơn giản hơn rất nhiều.

Như ở trên có nói mối quan hệ này có thể là gây nhiều tranh cãi nhất, bởi vì sao? Các ví dụ ở trên đã nói đó, với những đặc điểm đặc biệt đó mà trái phiếu là thứ tài sản đặc biệt và có thể là thứ tài sản biến động sớm nhất và nhạy nhất với thị trường. Và cũng là thị trường tiên phong, khó giao dịch nhất, để giao dịch mua bán trái phiếu thì sẽ cần phải có tương đối nhiều tiền. Vì thế cho nên không có nổ khi nói đầu tư trái phiếu phần lớn là những bậc thầy trên thị trường tài chính. Chúng ta đa phần là những trader nhỏ lẻ cho nên ít có ai mà giao dịch với trái phiếu Mỹ được, cho nên cái mà chúng ta cần quan tâm là nhìn hướng đi của lợi tức trái phiếu để tiên đoán xu hướng của món hàng chúng ta quan tâm kia. Ở đây thì là cổ phiếu, các bạn theo dõi diễn biến của lợi tức trái phiếu Mỹ với chỉ số chứng khoán Mỹ sẽ thấy mối tương quan rất rõ. Và hầu hết khi lợi tức trái phiếu giảm thì ngay sau đó thị trường trái phiếu cũng giảm theo. Trong bức hình dưới đây có những thời điểm lợi tức trái phiếu giảm lại là tín hiệu tốt với chứng khoán, cũng có giai đoạn lợi tức trái phiếu giảm là chỉ báo sớm cho sự sụp đổ của chứng khoán.



Hình 7.8: Mối tương quan giữa lợi tức trái phiếu và chứng khoán Mỹ. Trong 2 thập niên gần đây thì lợi tức trái phiếu thường là chỉ báo sớm cho xu hướng của thị trường chứng khoán.

Trên phương diện dài hạn thì là như vậy, thế còn trong những giao dịch ngắn hạn thì sao. Mối tương quan trên có còn phù hợp hay không? Và lợi tức trái phiếu có còn là chỉ báo sớm cho thị trường cổ phiếu hay không? Với ý kiến cá nhân Tôi khi giao dịch các chỉ số Indices thì điều đầu tiên là tôi quan sát xem lợi tức trái phiếu thế nào, quan sát tổng thể thị trường cùng với những tin tức kinh tế vĩ mô… Các sự kiện tác động thực sự đến cổ phiếu, nhóm cổ phiếu rồi từ đó mới đi tới tiên đoán xu hướng của các chỉ số Indices. Phân tích liên thị trường bao la mênh mông lắm, các mối tương quan, các sự kiện xảy ra đều có thể nhìn nhận dưới góc độ mới, tùy vào tư duy của từng cá nhân, và không có một sự ràng buộc nào cả. Chỉ là những quy tắc cơ bản phải nắm vững thôi, còn lại những tư duy phân tích và suy luận là tùy vào từng người. Cùng một sự kiện nhưng không phải tất cả đều suy luận giống nhau. Nhưng tất nhiên là phải bám sát các quy tắc cơ bản, để từ đó đưa ra các suy luận hợp logic.

Trong biểu đồ dưới đây Tôi sẽ chỉ ra một vài thời điểm lợi tức trái phiếu sẽ là chỉ báo sớm cho việc trade chỉ số Indices của Mỹ: Trong vùng (1) là thời điểm mà thị lợi tức trái phiếu giảm là một điều tích cực với thị trường chứng khoán, giai đoạn này FED đang cắt dần gói QE3, và tâm lý market lúc này đang rất tích cực khi nhìn thấy nền kinh tế phục hồi, trong trường hợp tâm lý thị trường tốt lên thì thị trường chứng khoán sẽ tăng, nhưng còn lợi tức thì tại sao lại giảm. Có thể tâm lý lo sợ việc FED rút dần QE3 sẽ khiến thị trường chịu nhiều cú sốc cho nên vẫn có lượng tiền tương đối lớn chạy vào trái phiếu Mỹ, nhưng giai đoạn đó các bạn thấy là lợi tức vẫn không giảm quá nhiều. Còn vùng (2) (3) thì lại hoàn toàn khác. Giai đoạn này FED đã cắt hết QE3 và đang liên tục phát biểu mang tính tích cực rằng sẽ nâng lãi suất sớm. Tuy nhiên trong suốt quãng thời gian dài đó vẫn có những thời điểm thị trường có những cú sốc tài chính nhỏ, trong những lúc đó sẽ có một vài tin tức không tốt hoặc tâm lý nhà đầu tư không tốt sẽ khiến cho thị trường chứng khoán giảm. Trong hai vùng đánh dấu này lợi tức trái phiếu giảm trước thể hiện mối lo đang dâng cao, sau đó không lâu thị trường chứng khoán mới giảm. Vùng tô màu (3) đó thì có lẽ Tôi không cần nói nhiều, ở chương trước Tôi cũng đã có bài phân tích về sự kiện chứng khoán sụp đổ hồi tháng 8/2015 rồi.



Hình 7.9: Mối tương quan giữa lợi tức trái phiếu kỳ hạn 10 năm của Mỹ và chỉ số chứng khoán S&P 500. Trong nhiều trường hợp lợi tức trái phiếu sẽ là chỉ báo sớm cho thị trường chứng khoán.

Còn rất nhiều mối tương quan khác giữa thi trường trái phiếu và cổ phiếu nữa, không riêng gì lợi tức trái phiếu của Mỹ và chỉ số chứng khoán Mỹ mà bên cạnh đó còn rất nhiều mối tương quan khác. Nhưng trong khuôn khổ cuốn sách này Tôi sẽ chỉ để cập đến các chỉ số chứng khoán Mỹ là chủ yếu.

4- Tiền tệ và thị trường cổ phiếu có mối tương quan với nhau.

Một mối tương quan rất quan trọng nữa mà cần phải nắm vững, giữa thị trường chứng khoán và tỉ giá đồng nội tệ của một quốc gia có tầm quan trọng với nhau rất mật thiết. Một ví dụ đơn giản thế này: với một quốc gia lấy xuất cảng làm trọng như Nhật Bản chẳng hạn, nếu như đồng nội tệ tức là JPY tăng cao quá so với USD (có nghĩa là cặp USDJPY giảm mạnh đó) thì điều gì sẽ xảy ra? Nhật Bản xuất khẩu món hàng A chẳng hạn với số chi phí tính ra đồng JPY là 1 triệu Yên chẳng hạn. Nếu như đồng JPY tăng cao quá thì tức là người nào đó muốn nhập khẩu món hàng A đó của Nhật thì sẽ phải trả một khoản phí là 1 triệu Yên kia. Nhưng mà có điều là khi quy đổi sang tiền JPY thì họ sẽ phải dùng đồng tiền khác để mua, chẳng hạn như USD. Vậy thì bên nhập khẩu họ sẽ cần một lượng USD lớn hơn để quy đổi sang đồng JPY. Vậy thì bên nhập khẩu họ sẽ phải hạn chế chi phí lại, có nghĩa là nhập khẩu cùng lượng tiền đó mà sẽ được ít hàng hóa hơn. Như vậy thì ai sẽ thiệt trong trường hợp này? Đương nhiên là cả hai bên rồi. Vậy nếu như đồng JPY giảm thấp hơn so với đồng USD thì sao. Người nhập khẩu họ sẽ cần một lượng USD ít hơn để quy đổi sang JPY, có nghĩa là với 1 triệu USD chẳng hạn họ có thể đổi được nhiều JPY hơn. Điều này có nghĩa là họ sẽ mua được nhiều hàng hóa hơn từ Nhật Bản. Vậy sẽ có thắc mắc là làm như thế thì Nhật sẽ thiệt hại hơn, giá trị món hàng của Nhật sẽ giảm đi…, đúng vậy, giá trị món hàng sẽ giảm, nhưng thương mại sẽ tăng lên, Nhật sẽ bán được nhiều hàng hóa hơn và từ đó mang về được nguồn lợi lớn hơn, GDP sẽ tăng cao hơn… Những điều này thì có liên quan gì đến thị trường chứng khoán? Khi hàng hóa bán ra được nhiều thì có phải các doanh nghiệp của Nhật sẽ tăng doanh thu cao hơn, mở rộng kinh doanh hơn, mang về nguồn lợi cao hơn … như vậy thì có phải là thị trường sẽ tốt hơn, giá trị cổ phiếu vì thế cũng tăng cao.

Thế ngược lại thì sao? Với một quốc gia nhập siêu, nhập các mặt hàng tinh chế như Việt Nam chúng ta chẳng hạn. Nếu đồng VND của chúng ta mất giá quá nhiều so với USD (như hiện tại năm 2015 này đã mất giá tương đối nhiều so với đồng USD) thì chuyện gì sẽ xảy ra. Việt Nam chúng ta là một quốc gia đang phát triển, chúng ta là một quốc gia thuần nông nghiệp và đang từng bước tiến lên công nghiệp hóa. Mấu chốt ở đây là chúng ta phải

nhập khẩu các món hàng tinh chế, những món hàng chất lượng cao… và xuất khẩu các sản phẩm thô, nông nghiệp. Mà giá thành các món hàng tinh chế thì bao giờ cũng mắc hơn các món hàng thô. Với một quốc gia nhập siêu thì việc đồng nội tệ mất giá quá nhiều so với USD sẽ tác động rất tiêu cực (trong trường hợp này là đồng VND mất giá quá nhiều so với USD, hiện tại 1 USD = 22,550 VND), khi chúng ta nhập khẩu thì không thể dùng đồng VND để mua hàng của Mỹ, châu Âu… được, mà phải quy đổi nó ra đồng USD. Và khi mà đồng VND giảm thì có nghĩa là chúng ta phải trả một khoản tiền cao hơn để quy đổi sang USD, từ đó mới có thể mua được những món hàng tinh chế kia. Điều này có nghĩa là giá thành nhập khẩu sẽ tăng cao, cho nên giá bán ra các mặt hàng đó ở trong nước sẽ cao hơn rất nhiều so với ở các quốc gia phát triển. Câu hỏi đặt ra ở đây là việc đồng VND mất giá thì có tác động như thế nào đến thị trường chứng khoán? Cấu trúc thị trường chứng khoán là đầu tư vốn hợp tác cùng làm ăn với các công ty, nghĩa là khi đồng VND mất giá thì giá trị thực của vốn hóa trên thị trường chứng khoán sẽ giảm xuống. Điều này được giải thích như sau: vốn hóa trên thị trường chứng khoán là giá trị thị trường, và công ty huy động vốn đó được một khoản tiền 1 tỉ VND chẳng hạn, cách đây 1 tháng số tiền đó có giá trị cao hơn khi quy đổi ra được nhiều USD hơn, nhưng hôm nay nó chỉ đổi được có một lượng USD ít hơn, giá trị thực tế của đồng VND đã giảm đáng kể, có nghĩa là cùng là khoản tiền 1 tỉ VND đó nhưng giá trị thực sử dụng ngày hôm nay đã giảm đi. Điều này sẽ khiến giá trị thị trường của công ty đó giảm xuống, giá trị cổ phiếu vì thế cũng giảm theo. Nhưng đó là trên phương điện nhập khẩu, thế còn xuất khẩu thì sao? Tùy vào từng đặc điểm kinh tế của từng quốc gia, quốc gia nào lấy xuất cảng làm trọng, quốc gia nào cân đối giữa xuất nhập khẩu, và quốc gia nào nhập siêu để từ đó mà tiên đoán được rằng đồng tiền nội tệ tăng hay giảm tác động thế nào đến giá trị cổ phiếu trên thị trường.

Những gì Tôi viết kể trên có thể không hợp lý trong nhiều trường hợp, lý giải có thể không chuyên sâu, thế nhưng mối tương quan giữa giá trị đồng tiền với thị trường chứng khoán là rất quan trọng. Xét riêng với Mỹ các bạn có thể nhận thấy đồng USD tăng giảm cũng tác động rất lớn đến thị trường chứng khoán. Vậy cho nên rất nhiều trường hợp phân tích xu hướng của các chỉ số chứng khoán Mỹ Tôi đều compare USD Index vào cùng.



Hình 7.10: Mối tương quan giữa chỉ số chứng khoán Mỹ S&P 500 Index và chỉ số sức mạnh đồng USD (USD Index).

Các bạn dễ dàng nhận thấy đồng USD tăng sẽ tác động tích cực tới thị trường chứng khoán Mỹ. Điều này được lý giải như sau: Mỹ là quốc gia ở vị thế cường quốc, vị thế số 1 thế giới, và đồng USD là đồng tiền được sử dụng rộng khắp trên thế giới, vậy cho nên Mỹ luôn muốn dồng USD tăng cao để thu hút dòng tiền chạy về Mỹ đầu tư. Khi đồng USD tăng cao thì có nghĩa là vị thế của Mỹ đang tăng lên, dòng tiền sẽ tìm về Mỹ nhiều hơn, kéo thị trường chứng khoán tăng, hơn thế nữa Mỹ là một cường quốc công nghiệp, hơn 70% GDP của Mỹ đến từ các dịch vụ, tiêu dùng trong nước. Vậy cho nên đồng USD tăng sẽ là tích cực hơn, người ta sẽ có xu hướng tích trữ USD nhiều hơn, các central bank trên thế giới sẽ dự trữ nhiều USD hơn.

Phân tích cơ bản quá khó đúng không các bạn? Những mối tương quan, những lập luận một cách máy móc đôi khi không đúng, những tư duy theo lối mòn cũ có thể sẽ khiến bạn phải trả giá đó. Một câu nói mà Tôi rất tâm đắc "Trading is flexible", trong phân tích và vào lệnh, xử lý lệnh đôi khi không như mình kỳ vọng, sẽ phải thật sự linh hoạt để xử lý các giao dịch làm sao để không thua lỗ nhiều khi dự đoán sai xu hướng, và tối ưu lợi nhuận khi đúng. Có rất nhiều lần Tôi vào lệnh, khoảng thời gian đầu giá sẽ chạy theo kỳ vọng nhưng sau một lúc thì quay ngược trở lại và không ít lần Tôi phải chấp nhận cắt khi giá sắp quay lại điểm vào lệnh, cũng có nhiều trường hợp không kịp cắt lại phải ngậm ngùi cắt lỗ và điều đáng buồn hơn cả vẫn là cắt lỗ xong thì giá đi đúng phân tích… những trường hợp thế này diễn ra quá bình thường với một trader đúng nghĩa danh từ. Thường thì sau khi gặp phải những trường hợp như thế Tôi sẽ nghỉ ngơi một vài ngày, một câu nói khá hay là đừng bao giờ cãi nhau với market, đừng bao giờ tức giận với nó làm gì, nó có biết mình là ai đâu, tức giận nó chả khác nào đang tự dày vò bản thân cả.

Quay trở lại với một ví dụ về mối tương quan giữa đồng USD và chỉ số chứng khoán S&P500 (sở dĩ Tôi chọn các chỉ số chứng khoán Mỹ và đồng USD là vì phiên Mỹ vào sau các phiên khác, sẽ có nhiều thời gian để quan sát diễn biến trên cả bốn bộ phận và diễn biến của các phiên giao dịch cũng như các chỉ số chứng khoán khác, hơn nữa trong quan niệm cá nhân Tôi thì giao dịch các chỉ số Futures Indices của Mỹ đơn giản hơn vì việc xác định cấu trúc GDP và ngành nghề của Mỹ dễ hơn các quốc gia khác…). Ngoài những điều

Tôi đã nói ở trên thì còn một vấn đề cần quan tâm nữa, đó là khi mà chứng khoán tăng thì động nội tệ sẽ phản ứng như thế nào.

Ở đây Tôi xét riêng cho chỉ số USD Index và chỉ số chứng khoán S&P 500, trong một số trường hợp thì khi thị trường chứng khoán tăng thì sau đó đồng USD cũng tăng theo. Điều này được lý giải là khi thị trường chứng khoán tăng thì dòng tiền tìm về với Mỹ tăng lên, nhu cầu sử dụng đồng USD để đầu tư vào các tài sản ở Mỹ tăng cao… cho nên sau đó đồng USD mới tăng. Xét về mặt dài hạn thì như thế, còn trong các giao dịch ngắn hạn thì sao. Nếu các bạn quan sát thị trường chứng khoán Mỹ tăng thì điều các bạn nên chú ý đó là kỳ vọng rằng đồng USD sẽ tăng trong tương lai, và ngược lại khi thị trường chứng khoán giảm thì sẽ kỳ vọng đồng USD giảm trong tương lai. Tuy nhiên lối suy luận kia không phải lúc nào cũng rập khuôn theo, mà các bạn cần nhớ thêm là điều gì tác động đến USD, đặc điểm của đồng USD là gì, cái sự kiện hiện thời đang là bearish hay bullish với đồng USD, để rồi từ đó mang cái kỳ vọng đó qua chart với chỉ số chứng khoán S&P 500 xem thử là chỉ số chứng khoán hiện thời thế nào. Trong bức hình dưới đây các bạn có để ý là thị trường chứng khoán tăng tương đối bạnh ở vùng (1), trong khi đó đồng USD vẫn đang ở mức thấp và nhìn sang mô hình kỹ thuật xuất hiện mô hình chart parttern, chart USD Index tạo 3 đáy trước khi tăng mạnh sau đó. Ở cái thời điểm này thị trường tạm thời vượt qua cú sốc sụp đổ hồi tháng 8 đó, trường hợp này thị trường chứng khoán tăng thu hút dòng tiền tìm về đầu tư ở Mỹ, cũng trong giai đoạn này các bạn có còn nhớ là FED liên tục khiến cho thị trường phải chờ đợi cái quyết định nâng lãi suất, mà trong khi trước đó FED luôn phát biểu khiến cho thị trường phải chú ý và chính cái tâm tư trên đã kéo đồng USD tăng mạnh trước khi cuộc họp FOMC diễn ra. Ở vùng (2) đó là thời điểm mà đồng USD tăng mạnh ngay sau khi chứng khoán Mỹ tăng trước đó không lâu. Như vậy ở ví dụ này sẽ hệ thống cho các bạn lý do kỳ vọng đồng USD tăng, mà chắc các bạn cũng còn nhớ là giai đoạn đó đồng EUR giảm rất mạnh sau khi ECB phát tín hiệu sẽ tăng thêm lượng QE vào nền kinh tế, và chính cái phát biểu này mà đồng EUR sau đó đã bị bán rất mạnh (EUR chiếm tỉ trọng gần 50% trong chỉ số USD index), vậy cho nên sẽ thêm một hỗ trợ nữa cho đồng USD tăng.

Cái sự linh hoạt ở đây thể hiện qua cách nhìn nhận market mà Tôi nghĩ là sau thời gian kiên trì chắc chắn các bạn sẽ xử lý rất FLEXIBLE.

Trong vùng (3) đó là thời điểm hiện tại khi Tôi đang viết phân tích này, trong cái kỳ vọng đồng USD giảm và thị trường chứng khoán tăng trở lại vì lý do giá dầu tăng đã kéo theo đó là giá cả các mặt hàng cũng tăng theo, cổ phiếu một vài công ty năng lượng, khai thác dầu tăng. Nếu đem cái sự kiện hiện thời thì cái Tôi đang nghĩ là đồng USD giảm kéo theo đó là thị trường chứng khoán cũng giảm theo. Với một trader ngắn hạn thì cái trade tiếp theo như Tôi đang chờ đợi đó là short chỉ số S&P 500 Future Indices. Trong bức hình Tôi đã thể hiện xu hướng chỉ số S&P 500, các bạn hãy kiểm chứng lại nhé. Mối tương quan giữa dầu mỏ và các chỉ số chứng khoán có thể nói là rất quan trọng, mà để nói sâu hơn, chi tiết hơn thì trước tiên Tôi sẽ hệ thống lại đặc điểm, cấu trúc của các chỉ số chứng khoán Mỹ, các chỉ số đo lượng biến động của thị trường chứng khoán.



Hình 7.11: Mối tương quan giữa chỉ số USD Index và S&P 500 Future Indices trong ngắn hạn với khung thời gian real time. Trong nhiều thời điểm khác nhau và các sự kiện cơ bản khác nhau mà các bạn phải linh hoạt trong việc sử dụng chỉ số S&P 500 để kỳ vọng cho USD hay là sử dụng đồng USD để kỳ vọng cho xu hướng chỉ số S&P 500.

5- ***Hàng hóa và cổ phiếu là mối tương quan không thể thiếu khi phân tích.***

Hàng hóa được sản xuất từ các công ty, và các công ty đó muốn phát triển thêm nhiều chi nhánh, mở rộng quy mô công ty… thì các công ty đó sẽ phát hành thêm cổ phiếu và được "thế chấp" bằng chính giá trị thực tế của công ty. Khi phát hành cổ phiếu ra như vậy thì mỗi bước thăng trầm của giá cổ phiếu sẽ tác động trực tiếp đến "sức khỏe" của công ty đó. Vậy cho nên mối tương quan giữa giá cả hàng hóa và cổ phiếu là mối tương quan rất quan trọng. Khi hàng hóa sản xuất ra bán được nhiều, có nghĩa là nhu cầu tăng cao, giá cả sẽ tăng lên… và mang về nguồn lợi nhuận lớn hơn cho công ty, nhu cầu tiêu thụ tăng thì các công ty sẽ đẩy nhanh tiến độ sản xuất, cung ứng ra thị trường nhiều hàng hóa hơn, từ đó quy mô công ty sẽ tăng cao. Lý thuyết thì là vậy, và công ty nào thì cũng muốn bán được nhiều hàng hóa và thu hút được nhu cầu của khách hàng. Trong khuôn khổ phần này chúng ta sẽ không đi sâu vào tìm hiểu chi tiết từng ngành hàng mà cái chúng ta cần quan tâm đó là một vài mối tương quan đặc biết giữa các chỉ số chứng khoán và một vài hàng hóa đặc biệt. Nổi bật nhất đó là mối tương quan giữa các chỉ số chứng khoán của Mỹ và Oil. Ngoài Oil ra chúng ta cũng cần quan sát thêm cả giá cả các mặt hàng khác, những kim khoáng quặng khác nữa. Giả sử như giao dịch với chỉ số chứng khoán Úc AUS20 thì tất nhiên phải chú ý đến biểu đồ giá đồng, sắt… kim khoảng quặng nói chung. Hay là giao dịch với chỉ số FTSE thì chắc chắn phải quan tâm tới giá dầu. Xét về mặt tổng thể có thể theo dõi chỉ số CRB Index để dự đoán xu hướng của các chỉ số chứng khoán chính thường được trader giao dịch (S&P 500, NASDAQ, DOW JONES, AUS200, FTSE, DAX, JPN225…). Về dài hạn thường khi giá dầu giảm mạnh thì thị trường chứng khoán sẽ có xu hướng giảm theo. Mối tương quan giữa chỉ số chứng khoán S&P 500 và chỉ số CRB Index không thật sự rõ ràng và nếu chỉ nhìn vào mối tương quan này thì rất khó để đưa ra được các quyết định mua bán chính xác được. Vậy nên Tôi sẽ phân chia riêng lẻ mối tương quan giữa giá dầu và chỉ số chứng khoán S&P 500, như vậy sẽ dễ dàng phân tích hơn.



Hình 7.12: Mối tương quan giữa chỉ số chứng khoán S&P 500 và chỉ số hàng hóa CRB Index. Xét về mặt dài hạn chỉ số chứng khoán S&P 500 có xu hướng giảm sau khi giá hàng hóa giảm mạnh trước đó.

Phía trên là một bức hình so sánh mối tương quan giữa hàng hóa và chứng khoán, sẽ còn rất nhiều mối tương quan giữa hàng hóa và các chỉ số chứng khoán khác nữa mà các bạn có thể tham khảo thêm. Một ví dụ đơn giản dễ hiểu nhất là mối tương quan giữa chỉ số chứng khoán Mỹ và Oil. Ví dụ giao dịch Tôi sẽ viết trong phần tổng hợp các quy tắc tương quan này. Nếu xét riêng về mối tương quan giữa Oil và S&P 500 các bạn cần chú ý là quan sát bộ phận cấu thành của chỉ số S&P 500, nó bao gồm những nhóm ngành hàng nào, và phải đặc biệt chú ý đến nhóm ngành năng lượng, khai thác dầu mỏ, giao thông vận tải. Những nhóm ngành trên là những nhóm ngành phản ứng trước tiên với những biến động của giá dầu, và thường dầu giảm thì ngay lập tức cổ phiếu các nhóm ngành trên cũng giảm theo. Và khi mà các nhóm ngành trên giảm thì sẽ kéo theo hệ lụy chỉ số chứng khoán cũng sẽ giảm theo.

Những điều này cũng được lý giải như sau: khi giá dầu giảm thì sẽ khiến cho các nguồn lợi của các công ty khai thác dầu và năng lượng mất đi nguồn lợi nhận rất lớn, họ sẽ phải tính tới cắt giảm khai thác và tiết giảm chi tiêu trong sản xuất… nói chung là họ sẽ có xu hướng thu hẹp quy mô lại. Bên cạnh đó các công ty giao thông vận tải cũng thế, mặc dù sẽ có luồng tư tưởng là khi giá dầu giảm thì chi phí nhiên liệu sẽ giảm theo, do đó lợi nhuận của các công ty này sẽ tăng lên, điều này hoàn toàn đúng, tuy nhiên khi giá dầu giảm thì họ cũng phải tiết giảm giá thành vận tải xuống. Khi giá thành vận tải giảm xuống thì các công ty này cũng phải chịu những thiệt hại nhất định, do vậy mà giá dầu tăng hay giảm đều sẽ rất nhạy cảm với các công ty này. Một ví dụ dễ nhận thấy khi ghép các chỉ số chứng khoán Mỹ vào cùng với chart Oil. Các bạn quan sát sẽ thấy giá Oil giảm trước thì một thời gian sau đó các chỉ số chứng khoán cũng giảm theo. Các bạn sẽ phải khá vất vả khi lục lọi các chỉ số cho từng nhóm ngành riêng lẻ, nhưng để đơn giản hơn thì có thể quan sát cho các chỉ số chứng khoán luôn, nhưng chắc chắn là phải nhìn thêm các thông tin ở các thị trường khác, trái phiếu và tiền tệ nữa.



Hình 7.13: Mối tương quan giữa Oil và chỉ số chứng khoán Mỹ S&P 500 Index (Các chỉ số chứng khoán khác cũng tương tự, các bạn có thể tự kiểm chứng).

6- Thị trường trái phiếu và tiền tệ cũng tương quan mật thiết.

Mối tương quan cuối cùng trong chuỗi 6 mối tương quan chính giữa các thị trường với nhau, mặc dù trader Việt ít quan tâm tới thị trường trái phiếu tuy nhiên khi xét đến các yếu tố liên thị trường thì chắc chắn không thể thiếu những biến động trên thị trường trái phiếu được. Và ngay cả khi phân tích các cặp tiền chẳng hạn các bạn cũng cần phải nhìn xem dòng tiền có chạy vào thị trường trái phiếu hay không, thể hiện qua sự tăng giảm của lợi tức trái phiếu. Trong tất cả các mối tương quan không thể mà tách rời theo từng mối tương quan đơn lẻ thế này được mà cần phải có cái nhìn tổng thể trên cả bốn bộ phận. Sở dĩ mà Tôi quyết định chia nhỏ các mối tương quan là để các bạn có cái nhìn đơn giản hơn về các mối tương quan, để khi chúng ta kết hợp các mối tương quan thì sẽ dễ dàng hơn và hình thành một kỹ năng phân tích mà cái này Tôi gọi là sự nhạy bén trong từng sự kiện.

Một ví dụ trong phân tích dài hạn giữa sự chênh lệch lợi tức trái phiếu để tiên đoán cho xu hướng của cặp tiền tương ứng. Các bạn còn nhớ ví dụ về GBPUSD mà Tôi đã nhắc đến trong cuốn sách này chứ. Đó chính là một ví dụ dễ nhận thấy nhất giữa sự chênh lệch lợi tức trái phiếu. Nhưng đó là xét trên mặt giao dịch riêng cho từng cặp tiền, vậy xét về giao động của chỉ số USD Index với lợi tức trái phiếu Mỹ thì sao. Xét riêng USD Index và US 10 Years Bond Yield thì không được, các bạn sẽ cảm thấy rối vì có những thời điểm lợi tức trái phiếu ngược chiều với đồng USD, cũng có thời điểm lợi tức trái phiếu lại là chỉ báo sớm cho đồng USD. Điều này được lý giải như sau: Trường hợp lợi tức giảm mà USD lại tăng là những giai đoạn đó có khủng hoảng niềm tin diễn ra, dòng tiền sẽ tìm về với trái phiếu Mỹ tăng cao khiến cho lợi tức giảm, mà để mua trái phiếu Mỹ thì phải dùng đến USD chứ không thể dùng đồng tiền khác được, do vậy mà dòng tiền tìm về với USD tăng cao, đẩy đồng USD lên, ngoài ra còn nhiều lý giải khác nữa. Còn trong trường hợp lợi tức trái phiếu cùng chiều với USD, giả sử lợi tức trái phiếu giảm và đồng USD cũng giảm theo, trong trường hợp này thì người ta tìm đến trái phiếu Mỹ không phải vì khủng hoảng niềm tin nữa mà là người ta muốn tìm đến thứ tài sản an toàn trong khi thị trường hiện thời chưa rõ xu hướng. Đồng USD giảm có thể do nhiều nguyên nhân khác, như là EUR tăng quá mạnh cũng khiến cho USD giảm.



Hình 7.14: Mối tương quan giữa lợi tức trái phiếu kỳ hạn 10 năm của Mỹ và chỉ số USD Index. Trong nhiều trường hợp khác nhau mà diễn biến của mối tương quan này sẽ khác nhau. (US 10 Years Bond Yield và USD Index).

Trong bức hình trên là 3 trường hợp diễn biến của lợi tức trái phiếu và USD index với những phản ứng trái ngược nhau, tuy nhiên trong xu hướng dài hạn thì các diễn biến này đều có quy luật, và mỗi một giai đoạn mà chúng ta có cái nhìn khác về mối tương quan này. Còn rất nhiều sự so sánh tương quan khác nữa các bạn có thể tự tìm hiểu thêm, với các chỉ số chứng khoán khác nhau và các lợi tức trái phiếu ở các kỳ hạn khác nhau cũng như ở các quốc gia khác. Ở vùng (1) là giai đoạn mà thị trường chứng khoán toàn cầu tăng rất ấn tượng, cùng thời điểm đó là dòng tiền tìm về USD tăng mạnh, kỳ vọng FED rút dần QE3 và nâng lãi suất đã khiến cho đồng USD liên tục tăng cao, thế nhưng một mối lo không kém khi mà thị trường chứng khoán tăng trong khi giá cả hàng hóa lại giảm, và những lo ngại trên đã khiến cho người ta tìm về với Trái phiếu Mỹ như một nơi an toàn để cất giữ tiền. Vùng (2) đó là giai đoạn mà niềm tin của nhà đầu tư vào quyết sách của FED giảm xuống khi mà FED luôn miệng nói sẽ nâng lãi suất nhưng không hề nâng, cái đòn gió này phát huy hiệu quả trong suốt hơn nửa năm sau khi FED quyết định rút hết QE3 ra khỏi thị trường, và cũng chính vì thế cho nên đồng USD đi ngang trong suốt năm 2015, giá hàng hóa giảm quá mạnh đã kéo theo đó là lạm phát giảm và tệ hại hơn khi phải đối mặt với giảm phát. Cái thời điểm này lợi tức trái phiếu tăng, giá trái phiếu giảm vì nhà đầu tư họ có được niềm tin vào các khoán đầu tư, thực ra thì trong suốt thời gian này trái phiếu không có biến động đột biến mà chỉ giao động trong phạm vi nhỏ, vậy nên cũng không thể tiên đoán được là có khủng hoảng niềm tin hay người ta chạy khỏi trái phiếu để đầu tư vào mặt hàng khác. Còn trong (3) đó là thời điểm hiện tại, đồng USD giảm sau khi FED nâng lãi suất, bởi vì nhà đầu tư biết được FED nâng lãi suất lần này là rơi vào tình thế không còn cách nào khác, cái kỳ vọng nâng đó đã quá lâu và nếu như FED không nâng vào cuối năm 2015 thì sang năm 2016 đồng USD khó mà giữ được vị thế sức mạnh trước cuộc bầu cử tổng thống quan trọng được. Vì là người ta biết được lạm phát quá thấp, thị trường hàng hóa giảm mạnh và thị trường trái phiếu đang có dấu hiệu bong bóng cho nên người ta nghĩ đến sự kiện FED nâng lãi suất chỉ là để kéo đồng USD lên, để cho nhà đầu tư cảm thấy tin tưởng vào những quyết định của FED hơn, từ đó mà kéo dòng tiền đầu tư vào Mỹ tăng lên, nâng vị thế của nước Mỹ tăng cao trước thềm bầu cử tổng thống.

V- MỘT SỐ MỐI TƯƠNG QUAN ĐƠN LẺ QUAN TRỌNG KHÁC.

Ở trên chúng ta đã tìm hiểu về những mối tương quan chính giữa các thị trường với nhau, tuy nhiên đó mới chỉ là những bước tổng quát, cái quan trọng nhất vẫn là áp dụng những mối tương quan đơn lẻ để tiên đoán xu hướng của cặp tiền/món hàng riêng lẻ. Trong suốt cuốn sách này Tôi cũng đã nêu lên khá nhiều mối tương quan chính, trong phần này Tôi sẽ nêu ra những mối tương quan giữa các mặt hàng đơn lẻ còn lại, mà những mối tương quan này Trader thường hay quan tâm nhất.

1- *Cấu trúc của các chỉ số chứng khoán Mỹ và những mối tương quan giữa chứng khoán Mỹ với các thị trường khác.*

a) *Standard & Poor's 500 Index - S&P 500 Index.*

Chỉ số chứng khoán S&P 500 Index có lẽ là chỉ số được giới trader và investor quan tâm nhiều nhất, có lẽ vì tầm quan trọng của chỉ số này mà người ta luôn theo dõi rất kỹ. Chỉ số S&P 500 Index còn được xem là thước đo nhịp tim của nền kinh tế Hoa Kỳ, sẽ là thiếu sót nếu khi phân tích các cặp tiền chính với USD mà lại không để ý đến chỉ số chứng khoán này, và không chỉ riêng với các cặp tiền với USD mà bên cạnh đó còn là các mặt hàng khác, những tài sản đặc biệt khác. Trader Việt rất thích giao dịch với Vàng, điều này hoàn toàn dễ hiểu, có lẽ Tôi cũng không cần phải giải thích nhiều. Nhưng để phân tích tốt xu hướng của Vàng mà không nhìn thước đo nhịp tim của kinh tế Hoa Kỳ thì sẽ cực kỳ thiếu sót và rất khó tiên đoán đúng xu hướng của Vàng.

- *Theo Investopedia định nghĩa: "Standard & Poor's 500 Index - S&P 500 Index"*

  Một chỉ số của 500 cổ phiếu được lựa chọn cho quy mô thị trường, thanh khoản và nhóm ngành công nghiệp, trong các yếu tố khác. Chỉ số S&P 500 được thiết kế là một chỉ số hàng đầu của chứng khoán Mỹ và có ý nghĩa phản ánh đặc tính rủi ro/return của những công ty có vốn hóa lớn.

Các công ty trong chỉ số được lựa chọn bởi Ủy ban chỉ số S&P, một nhóm các nhà phân tích và các nhà kinh tế tại Standard & Poor. Chỉ số S&P 500 là một chỉ số đo giá trị thị trường – trọng lượng của mỗi cổ phiếu là tương xứng với giá trị thị trường của nó.

DEFINITION of 'Standard & Poor's 500 Index - S&P 500'

An index of 500 stocks chosen for market size, liquidity and industry grouping, among other factors. The S&P 500 is designed to be a leading indicator of U.S. equities and is meant to reflect the risk/return characteristics of the large cap universe.

Companies included in the index are selected by the S&P Index Committee, a team of analysts and economists at Standard & Poor's. The S&P 500 is a market value weighted index - each stock's weight is proportionate to its market value.

Chỉ số S&P 500 Index là một trong những chỉ số phổ biến nhất và là tiêu chuẩn cho tổng thể thị trường chứng khoán Mỹ. Chỉ số Dow Jones Industrial Average (DJIA) đã từng được xem là chỉ số nổi tiếng nhất với chứng khoán Mỹ, nhưng vì chỉ số DJIA chỉ có 30 công ty, hầu hết mọi người đều đồng ý rằng chỉ số S&P500 là một đại diện tốt hơn của thị trường Mỹ, vậy nên Tôi mới nhấn mạnh S&P 500 được xem là thước đo Nhịp Tim của nền kinh tế Hoa Kỳ.

Tiêu chí lựa chọn nhóm cổ phiếu của chỉ số S&P 500 Index.

Các thành phần của chỉ số S&P 500 được lựa chọn bởi Ủy ban chỉ số S&P. Khi xem xét tính hợp lệ của một bổ sung mới, ủy ban đánh giá của công ty sử dụng tám tiêu chí chính: Vốn hóa thị trường, thanh khoản, nơi cư trú, hoạt động, phân loại lĩnh vực, khả năng tài chính, thời gian giao dịch công khai và niêm yết tỉ giá hối đoái.

Ủy ban lựa chọn các công ty trong chỉ số S&P 500, họ là đại diện của ngành công nghiệp trong nền kinh tế Hoa Kỳ. Để được thêm vào chỉ số này một công ty phải đáp ứng các yêu cầu quy mô thanh khoản dựa trên:

- Vốn hóa thị trường là lớn hơn hoặc bằng 5,3 tỉ USD.
- Giá trị đồng USD hàng năm được giao dịch với phao điều chỉnh vốn hóa thị trường là lớn hơn 1.0
- Khối lượng giao dịch tối thiểu hàng tháng phải là 250.000 cổ phiếu trong suốt 6 tháng liên tiếp khi sắp đến ngày thẩm định.

Các chứng khoán phải được niêm yết công khai trên một trong hai sàn: NYSE (bao gồm cả NYSE Arca hoặc NYSE MKT) hoặc NASDAQ (NASDAQ Global Select Market, NASDAQ Select Market or the NASDAQ Capital Market). Chứng khoán không đủ điều kiện đưa vào các chỉ số là quan hệ đối tác hạn chế, quan hệ đối tác hữu hạn, vẫn để bảng thông báo OTC, các quỹ đóng, quỹ ETF, ETNs, quỹ tín thác bản quyền, cổ phiếu theo dõi, cổ phiếu ưu đãi, đơn vị ủy thác, tài sản bảo đảm, trái phiếu chuyển đổi, đầu tư quỹ tín thác, ADRs, ADSS và đơn vị MLP IT.

Để giữ cho chỉ số S&P 500 phù hợp theo thời gian, nó được điều chỉnh để nắm bắt các hoạt động của công ty có ảnh hưởng đến vốn hóa thị trường, chẳng hạn như phát hành thêm cổ phiếu, cổ tức và sự kiện tái cơ cấu như sáp nhập hoặc tách rời. Ngoài ra, vẫn còn dấu hiệu của thị trường chứng khoán Mỹ, các cổ phiếu đang thay đổi theo thời gian. Trong khoảng giai đoạn 1/1/2005 đến 1/1/2015 đã có 188 cổ phiếu được thay thế. Để ngăn chặn các giá trị của các chỉ số từ việc thay đổi chỉ đơn thuần là kết quả của các hành động chính của công ty, tất cả các hành động như vậy có ảnh hưởng đến giá trị thị trường của các chỉ số. Ngoài ra khi một công ty được loại bỏ và thay thế bằng các chỉ số khác với mức vốn hóa thị trường khác nhau, cần phải được điều chỉnh theo cách như vậy mà chỉ số S&P 500 Index vẫn không đổi. Tất cả các điều chỉnh số chia được thể hiện sau khi đóng cửa giao dịch và sau khi tính toán giá trị đóng cửa của chỉ số S&P 500. Có một phạm vi rộng lớn của các hành động của công ty khác nhau mà có thể yêu cầu số chia phải được điều chỉnh.

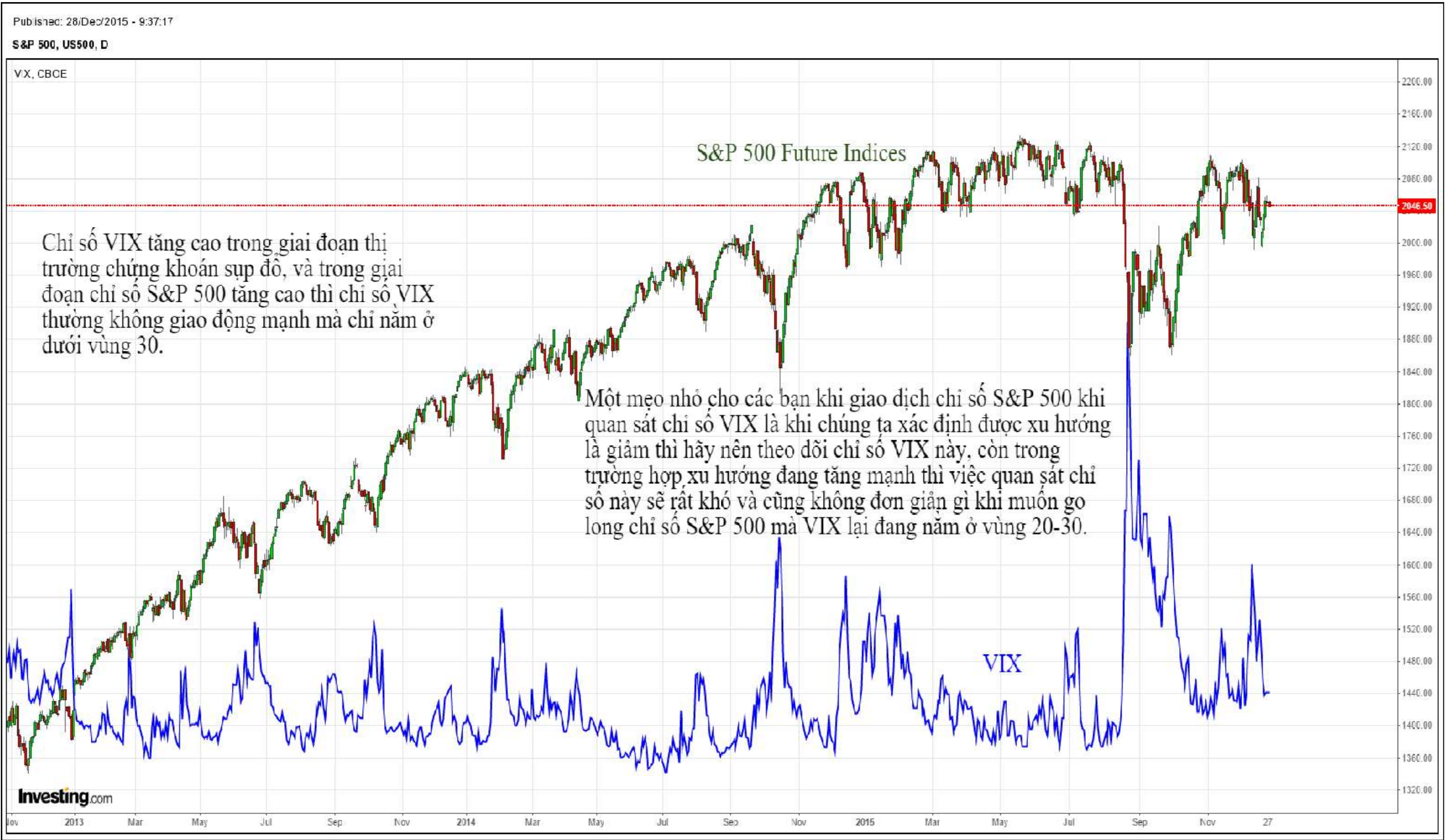
<u>Sử dụng chỉ số VIX - CBOE Volatility Index trong quá trình phân tích chỉ số S&P 500.</u>

Khi phân tích xu hướng của chỉ số chứng khoán S&P 500 để từ đó đưa ra quyết định giao dịch với chỉ số S&P 500 Futures Indices thì các bạn cần phải quan sát rất kỹ giao động của chỉ số VIX này. Trong phần phụ lục Tôi sẽ hướng dẫn cách theo dõi chỉ số này kết hợp cùng S&P 500 Future Indices trong khung thời gian real time trực tiếp, như thế mới có thể giao dịch tốt được.

VIX là một chỉ số biểu tượng cho CBOE Volatility Index, thước đo phổ biến của các biến động với chỉ số S&P 500, Chicago Board Options Exchange (CBOE). Thường được gọi là chỉ số sợ hãi hoặc đo sự sợ hãi, VIX đại diện cho một thước đo của sự mong đợi của thị trường về biến động của thị trường chứng khoán trong thời gian 30 ngày tiếp theo.

Khi quan sát chỉ số VIX có vài lưu ý thế này: khi các bạn thấy chỉ số VIX nằm dưới 20 thường cho thấy sự sợ hãi trong lòng market là không cao, và lúc này họ cảm thấy bình tĩnh hơn, trong những trường hợp chỉ số ở dưới mức này thì người ta có tâm lý tin tưởng khi đầu tư vào cổ phiếu và thường thì giá cổ phiếu sẽ tăng. Còn trong trường hợp VIX tăng cao hơn 30 thì tức là một sự sợ hãi thật sự đang hình thành trong tâm tư của nhà đầu tư, họ có xu hướng bán các cổ phiếu đi và trong trường hợp VIX đột ngột tăng cao thì cũng là thời điểm mà chỉ số S&P 500 sụp đổ rất nhanh. Sự sợ hãi ở đây là một phạm trù khá trừu tượng, cho nên nhiều trường hợp các bạn sẽ bị chỉ số này đánh lừa. Vì thực sự không thể đo tâm lý con người thông qua một chỉ số được, nhưng với việc quan sát chỉ số này sẽ giúp chúng ta có cái nhìn tốt hơn về tâm lý market hiện thời. Còn một điều nữa đó là chúng ta giao dịch với chỉ số S&P 500 Future Indices cho nên các bạn cũng cần nhanh nhạy trong việc quan sát chỉ số VIX này, trên khung thời gian real time VIX thường sẽ giao động tương đối khó đoán và nó giao động mạnh không kém gì S&P500 và những cặp tiền… Chỉ số VIX cũng có 2 dạng dành cho chỉ số INDEX và INDICES mà các bạn cần lưu ý:





Hình 7.15: Sử dụng chỉ số VIX xác định xu hướng của S&P 500 Future Indices. Trong quá trình giao dịch các bạn nên theo dõi VIX thường xuyên và hình thành một thói quen quan sát đồng thời VIX và S&P 500 Future Indices trong cùng khung thời gian real time.



Hình 7.16: Quan sát chỉ số VIX và S&P 500 trên khung thời gian H4 real time khi giao dịch trực tiếp chỉ số S&P 500 Future Indices. Các khung real time sẽ cho chúng ta cái nhìn tương đối dễ hơn với chỉ số VIX.

Thêm một vài kinh nghiệm khi quan sát VIX của cá nhân Tôi là phân tích tương tự như việc phân tích kỹ thuật các món hàng chúng ta giao dịch khác, xét trên phương diện livetrade ngắn hạn thì chỉ số VIX cũng giao động tương tự như những biến động trên chỉ só S&P 500 Future Indices thôi. Nó cũng có các ngưỡng hỗ trợ và kháng cự tương tự, từ đó mà chúng ta tiên đoán được xu hướng của chỉ số S&P 500 tốt hơn.

b) Dow Jones Industrial Average – DJIA.

Chỉ số Dow Jones Industrial Average còn gọi là DJIA, là chỉ số trung bình công nghiệp của Hoa kỳ. Các chỉ số Dow Jones, Dow Jones Industrial, DJIA, Dow 30 hoặc chỉ đơn giản là Dow là những tên gọi của chỉ số này, đây là một chỉ số chứng khoán. Chỉ số Dow Jones Industrial Average là mức trung bình của 30 cổ phiếu quan trọng được giao dịch trên sàn chứng khoán New York và Nasdaq. DJIA đã được phát minh bởi Charles Dow vào năm 1896.

DJIA là chỉ số lâu đời thứ hai của Mỹ, sau Dow Jones Transportation Average (DJTA), cũng được tạo bởi Charles Dow. Chỉ số Dow Jones Industrial Average ban đầu được dự định để đo chuyển động của các công ty trong ngành công nghiệp nặng, như các công ty xây dựng. Hiện nay, các công ty trong số 30 công ty đều ít hoạt động trong lĩnh vực công nghiệp nặng.

30 công ty bluechip được coi là những công ty tiên phong của nền kinh tế, được lựa chọn bởi các chuyên gia Wall Street Journal. Các cổ phiếu có giá cao hơn thì có tác động cao hơn tới chỉ số Dow, giá trị hàng ngày của Dow không phải là trung bình thực sự của giá 30 cổ phiếu, nhưng thực tế là tổng các giá chia cho số chia Dow, được điều chỉnh trong trường hợp cổ phần chia nhỏ, phiên bản phụ và thay đổi cấu trúc khác để giữ không đối trọng và duy trì tình liên tục. Chỉ số Dow là một trong những chỉ số theo dõi chặt chẽ nhất thị trường chứng khoán đang hoạt động. Mặc dù nó đã được tạo ra để theo dõi các hoạt động của ngành công nghiệp của Mỹ, hiện được coi như một sự ủy quyền cho các điều kiện thị trường nói chung.

Các cổ phiếu của DJIA ngày nay:

Company	Ticker	Subsector	Year Added
3M	NYSE: MMM	Diversified Industrials	1976
Alcoa	NYSE: AA	Aluminum	1959
American Express	NYSE: AXP	Credit Services	1982
AT&T	NYSE: T	Telecommunications	1999
Bank of America	NYSE: BAC	Banking	2008
Boeing	NYSE: BA	Aerospace/Defense	1987
Caterpillar	NYSE: CAT	Farm & Construction Equipment	1991
Chevron	NYSE: CVX	Oil & Gas	2008
Cisco Systems	Nasdaq: CSCO	Computer Systems	2009
Coca-Cola	NYSE: KO	Beverages	1987
Disney	NYSE: DIS	Media/Entertainment	1991
DuPont	NYSE: DD	Commodity Chemicals	1935
ExxonMobil	NYSE: XOM	Oil & Gas	1928
General Electric	NYSE: GE	Diversified Industrials	1907
Hewlett-Packard	NYSE: HPQ	Computers/Technology	1997
Home Depot	NYSE: HD	Home Improvement/Retail	1999
IBM	NYSE: IBM	Computers/Technology	1979
Intel	Nasdaq: INTC	Semiconductors	1999
Johnson & Johnson	NYSE: JNJ	Pharmaceuticals	1997
JPMorgan Chase	NYSE: JPM	Banking	1991
McDonald's	NYSE: MCD	Fast Food/Restaurants	1985
Merck	NYSE: MRK	Pharmaceuticals	1979
Microsoft	Nasdaq: MSFT	Software/Technology	1999
Pfizer	NYSE: PFE	Pharmaceuticals	2004
Procter & Gamble	NYSE: PG	Household Consumer Goods	1932
Travelers	NYSE: TRV	Property/Casualty Insurance	2009
UnitedHealth Group	NYSE: UNH	Managed Health Care	2012
United Technologies	NYSE: UTX	Diversified Industrials	1939
Verizon	NYSE: VZ	Telecommunication	2004
Wal-Mart	NYSE: WMT	Discount Retail	1997

Hình 7.17: Bảng thống kê các công ty thành phần cấu thành chỉ số Dow Jones Industrial Average (DJIA). (Tính đến cuối 2015)

Sử dụng chỉ số CBOE Dow Jones Volatility Index (VXD) trong quá trình phân tích và giao dịch chỉ số Dow Jones Industrial Average Future Indices (Dow Jones 30).

Cũng tương tự như với chỉ số VIX thì chỉ số VXD cũng được sử dụng để theo dõi mức độ sợ hãi của nhà đầu tư. Về cơ bản chỉ số này cũng tương tự VIX và cách thức sử dụng chỉ số này cũng như quá trình phân tích cũng tương tự. Các bạn nào muốn tìm hiểu sâu hơn có thể vào đường link này: https://www.cboe.com/micro/volatility/introduction.aspx.

Trên phương diện là một trader ngắn hạn theo ý kiến cá nhân Tôi việc quan sát chỉ số đo lường biến động của sự sợ hãi thì nên theo dõi ở các khung real time H1 và H4, như vậy các bạn sẽ thấy mức độ biến động trực tiếp của chỉ số Dow Jones tốt hơn.

Một ví dụ để thấy rõ việc kết hợp sử dụng chỉ số VXD trong quá trình phân tích và giao dịch với chỉ số Dow Jones như sau: Điều tiên quyết là các bạn phải hiểu được động lực tác động lên thị trường, mức độ biến động của thị trường ngay thời điểm hiện tại và sự kiện nào khiến cho thị trường chứng khoán biến động. Phân tích kỹ thuật trên chart DJIA và các phân tích liên thị trường là điều chắc chắn phải có trước khi tiến tới theo dõi biến động của chỉ số VXD để xem hiện tại nhà đầu tư có đang lo sợ hay cảm thấy phấn khích hay không. Mức độ biến động của VXD sẽ không như VIX, cũng vì bản chất chỉ số Dow không phải là chỉ số được nhiều người quan tâm, việc phân tích chỉ số Dow có thể đơn giản với những người thường xuyên theo dõi diễn biến của các cổ phiếu trong nhóm 30 công ty đó, thế nhưng để mà giao dịch tốt với một trader không chuyên thì sẽ khó hơn. Cũng bởi lý do đó mà các bài phân tích Tôi đều lấy chỉ số S&P 500 thay vì phân tích thêm Dow Jones và Nasdaq.



Hình 7.18: Sử dụng chỉ số CBOE Dow Jones Volatility Index (VXD) trong quá trình phân tích và giao dịch chỉ số Dow Jones Industrial Average Future Indices (Dow Jones 30).

c) Nasdaq 100 Index (http://www.nasdaq.com/)

NASDAQ 100 là một chỉ số thị trường chứng khoán tạo thành từ 107 cổ phiếu vốn được phát hành bởi 100 công ty phi tài chính lớn nhất niêm yết trên NASDAQ. Nó là một biến đổi chỉ số vốn hóa quan trọng, trong các cổ phiếu được dựa trên vốn hóa thị trường, với quy tắc nhất định trong các ảnh hưởng của các thành phần lớn nhất trong chỉ số. Nó được dựa trên trao đổi, và không phải là một chỉ số của công ty tại Mỹ. Nó không có bất kỳ công tỳ tài chính, kể từ khi được tách thành chỉ số riêng biệt.

NASDAQ 100 thường được viết tắt là NDX trong thị trường phái sinh. Tương ứng với nó hợp đồng tương lai được giao dịch trên sàn giao dịch Chicago.

Chỉ số NASDAQ đã trả qua nhiều năm đưa ra một loạt các tiêu chuẩn nghiêm ngặt mà các công ty phải đáp ứng trước khi được đưa vào chỉ số này. Các chuẩn mức này bao gồm những điều sau:

- Được niêm yết trên sàn NASDAQ độc quyền toàn cầu hoặc trong các thị trường toàn cầu.
- Được công khai cung cấp trên thị trường Mỹ và thời gian thành lập trên 3 tháng.
- Có khối lượng trung bình hàng ngày là 200.000 cổ phiếu.
- Liên quan đến các báo cáo hàng quý và hàng năm.
- Không nằm trong luật thủ tục phá sản tố tụng.

Ngoài ra kể từ năm 2014, công ty có nhiều loại chứng khoán được phép có nhiều lớp bao gồm trong chỉ mục, miễn là họ đáp ứng các tiêu chí của NASDAQ. Nếu bạn nào muốn tìm hiểu sâu hơn về các cổ phiểu thành phần của NASDAQ 100 thì có thể tham khảo ở đây: http://www.nasdaq.com/quotes/nasdaq-100-stocks.aspx.

Cũng tương tự thì NASDAQ100 cũng có một chỉ số volatility riêng, và cách sử dụng cũng tương tự VIX và VXD như chúng ta tìm hiểu trước. Với NASDAQ 100 thì sẽ sử dụng chỉ số CBOE NASDAQ 100 VOLATILITY INDEX (VNX). Và khi trade với chỉ số NASDAQ 100 Future Indices thì chúng ta cũng cần theo dõi VNX ở khung real time.



Hình 7.19: Sử dụng chỉ số CBOE NASDAQ 100 VOLATILITY INDEX (VNX) trong phân tích và giao dịch với chỉ số chứng khoán NASDAQ 100 Future Indices.

2- ***Mối tương quan giữa lợi tức trái phiếu Mỹ với cặp tiền USDJPY và Vàng.***

Một mối tương quan nữa mà khi giao dịch với cặp tiền USDJPY và Vàng cần phải chú ý là quan sát diễn biến lợi tức trái phiếu kỳ hạn 2 năm của Mỹ. Sở dĩ xét chung mối tương quan này vào bởi vì đặc tính của cả 3 món hàng trên. Gold và trái phiếu thì Tôi cũng đã nói rất nhiều rồi, riêng với USDJPY thì sao: Tại sao USDJPY lại biến động cùng chiều với lợi tức trái phiếu Mỹ. Đặc điểm của đồng JPY cũng được xem là một thứ tài sản an toàn mà, vì đặc trưng như thế nên mỗi khi trái phiếu Mỹ tăng tức là nỗi sợ của nhà đầu tư dâng cao, hối thúc họ tìm về với lớp tài sản an toàn này, và chính vì thế nên lợi tức trái phiếu Mỹ giảm theo. Nhưng có một điều cần lưu ý đó là tại sao lợi tức trái phiếu giảm mà đồng USD lại giảm? Quá mâu thuẫn đúng không, đương nhiên rồi, trong suốt cuốn sách này Tôi cũng có nói về những lý do khiến cho USD biến động ngược chiều với lợi tức trái phiếu và có trường hợp nó lại biến động cùng chiều. Câu chuyện ở đây là diễn biến hiện tại như thế nào, và đương nhiên là Lạm Phát vẫn là mấu chốt trong mối tương quan này. USDJPY thường sẽ giảm mỗi khi thị trường chứng khoán giảm, và trong khi chứng khoán giảm thì dòng tiền đã tìm về với trái phiếu Mỹ.

Nhưng tại sao lại là lợi tức trái phiếu 2 năm mà không phải là kỳ hạn khác? Với kỳ hạn càng dài hạn thì mức độ an toàn sẽ càng giảm xuống, lợi tức sẽ càng cao, và cũng vì kỳ hạn quá lâu cho nên thường những trader ngăn hạn họ sẽ quan tâm tới lợi tức 2 năm, vì nó thể hiện dòng tiền một cách tương đối nhanh, phù hợp với diễn biến của từng sự kiện hiện thời. Trong một xu hướng dài hạn có thể các bạn sẽ cảm thấy mối tương quan này rất rõ ràng, thế nhưng nếu lúc nào cũng giữ quan niệm US 2 Year Bond Yield để dự đoán xu hướng của USDJPY thì các bạn sẽ phải trả giá đó. Trong các trường hợp khác nhau giả sử như thời điểm mối lo giảm phát tăng cao thì lúc này USDJPY sẽ đóng vai trò là chỉ báo cho lợi tức trái phiếu, còn trong các trường hợp lạm phát không phải là mối lo chính mà diễn biến thị trường phản ảnh bằng tâm lý lo sợ hay hưng phấn của nhà đầu tư thì lợi tức trái phiếu có xu hướng biến động trước và kéo theo cặp USDJPY.



Hình 7.20: Mối tương quan giữa Lợi tức trái phiếu kỳ hạn 2 năm của Mỹ US 2 Year Bond Yield và cặp tiền USDJPY.

Xét trong ngắn hạn thì mối tương quan này có thể sẽ nghịch đảo nhau. Một ví dụ ở ngay thời điểm hiện tại khi FED vừa mới nâng lãi suất. Tại sao sau hi FED nâng lãi suất không lâu thì USD lại quay đầu giảm? Câu hỏi này Tôi đã trả lời ở phần trước rồi đó, vấn đề ở đây là sau khi FED nâng lãi suất thì người ta lại quan tâm tới các quyết định chính sách của Nhật Bản.

Thu Dec 17	2:00am	USD	FOMC Economic Projections			
		USD	FOMC Statement			
		USD	Federal Funds Rate	<0.50%	<0.50%	<0.25%
	2:30am	USD	FOMC Press Conference			

Hình 7.21: FED quyết định nâng lãi suất cơ bản ngắn hạn lên 0.5% sau hơn một thập niên duy trì chính sách lãi suất siêu thấp. (ngày 17/12/2015).

Câu hỏi đặt ra ở đây là FED nâng lãi suất thì tác động thế nào đến Nhật bản, và sau đó ít ngày thì BOJ sẽ quyết định thế nào với chính sách tiền tệ hiện tại. Người ta sẽ đặt một số nghi ngờ rằng tại sao FED lại quyết định thắt chắt tiền tệ trong khi lạm phát gần như bằng 0, một mối lo giảm phát dâng cao khi giá cả hàng hóa liên tục lao dốc. Liệu quyết định nâng lãi suất đó có phải là một canh bạc mà FED đang chơi, bởi vì nếu không nâng trong năm nay để sang 2016 khi cuộc bầu cử tổng thống gần kề thì sẽ càng khó khăn hơn. Với lại thị trường chứng khoán hiện tại đang có dấu hiệu đạt đỉnh và không ai giám chắc chứng khoán sẽ không sụp đổ vào năm 2016, và nếu như không nâng lúc này thì đến lúc thị trường chứng khoán sụp đổ thì đó sẽ lại càng khiến FED không thể nâng lãi suất, và vị thế đồng USD sẽ lại giảm xuống. Vậy nên nâng lãi suất vào cuối năm 2015 là một quyết định mà theo Tôi là khá hợp lý khi để duy trì niềm tin của nhà đầu tư vào chính sách của FED, từ đó kéo đồng USD tiếp tục tăng trong năm 2016 và thu hút thêm dòng tiền đổ về Mỹ, từ đó duy trì thị trường chứng khoán không sụp đổ quá sớm. Việc giá cả hàng hóa giảm mạnh, tiêu dùng Mỹ không tăng mà thị trường chứng khoán lại tăng một cách đột biến như thế thì ai cũng có thể nhìn thấy một quả bong bóng đã được hình thành và chỉ một thời gian nữa thôi thị trường chứng khoán sẽ phải giảm về với giá trị thực. Theo lý thuyết chu kỳ kinh tế thì lúc này thị trường sẽ bước sang chu kỳ brearish thật sự. Và chính cái mối lo đó mà chỉ sau ít ngày thôi đồng USD đã giảm lại, vì GDP q/q vừa được công bố chỉ tăng 2.0%, một

con số quá tệ so với cùng kỳ năm 2014 và những năm trước. Câu chuyện chúng ta đang kỳ vọng ở đây là BOJ sẽ làm gì? Và có thể người ta đã nghĩ đến việc BOJ tiếp tục nới lỏng hơn, hoặc một chính sách nào đó có lợi trong việc xuất cảng, vì thế cho nên trong suốt mấy ngày từ khi FED nâng lãi suất đến lúc BOJ công bố chính sách thì USDJPY liên tục tăng, và chỉ sau khi BOJ công bố chính sách như trước thì cặp tiền này giật lên rất mạnh và sau đó đảo chiều vì dòng tiền tìm về với đồng JPY tăng cao, mà sự việc này người ta gọi là dòng tiền hồi hương về đầu tư tại Nhật sau khi nhìn thấy các thị trường khác không đáp ứng được lợi nhuận cũng như mục đích của các nhà đầu tư Nhật. Vì thế cho nên chỉ khoảng 30 phút sau khi công bố giữ nguyên chính sách siêu nới lỏng mà đồng JPY đã tăng lên rất mạnh. Cái mà nhà đầu tư đang nghĩ đến lúc đó là BOJ giữ nguyên chính sách thì có nghĩa là niềm tin vào kinh tế Nhật tiến triển tốt hơn, lạm phát trong tương lai sẽ tăng và chính phủ không cần phải sử dụng thêm một chương trình nới lỏng hơn nữa. Thế nhưng chứng khoán Nhật lại giảm? Bởi vì đồng JPY tăng thì xuất cảng của Nhật sẽ khó khăn hơn, trong bối cảnh mà kinh tế đang chậm lại, mối lo già hóa dân số tăng cao. Đồng JPY tăng quá cao khiến cho nhà đầu tư lo ngại rằng xuất cảng gặp khó khăn thì thị trường chứng khoán sẽ không được hỗ trợ, do vậy mà người ta ồ ạt bán các cổ phiếu ngay sau đó để giữ lấy đồng Yên.

Fri Dec 18	7:00am	NZD	ANZ Business Confidence	23.0	14.6
	10:50am	JPY	Monetary Policy Statement		
	1:30pm	JPY	BOJ Press Conference		

Hình 7.22: BOJ công bố giữ nguyên chính sách tiền tệ chỉ vài ngày sau khi FED nâng lãi suất lần đầu tiên sau hơn 11 năm. (báo cáo cuộc họp chính sách các bạn tham khảo ở đây: http://www.boj.or.jp/en/announcements/release_2015/k151218a.pdf)

Đó là những lý do mà lợi tức trái phiếu kỳ hạn 2 năm của Mỹ liên tục tăng trong khi cặp USDJPY và JPN225 lại giảm. Mấu chốt ở đây chính là mối lo giảm phát tăng cao trong bối cảnh FED nâng lãi suất. Trong trường hợp này Tôi vẫn giữ kỳ vọng USDJPY và JPN225 sẽ chưa thể giảm liền được mà sẽ có bước phục hồi theo chiều hướng của lợi tức trái phiếu Mỹ, xu hướng chính Tôi vẫn kỳ vọng USDJPY và JPN225 sẽ giảm và lợi tức

trái phiếu Mỹ sẽ giảm theo. Tuy nhiều đó chỉ là trong ngắn hạn, nếu muốn thị trường chứng khoán giảm thì phải có một lý do gì đó đặc biệt hơn nữa để tạo tâm lý sợ hãi thật sự.



Hình 7.23: Lợi tức trái phiếu kỳ hạn 2 năm của Mỹ US 2 Year Bond Yield tăng cao trong khi đồng USD giảm, cặp USDJPY và JPN225 giảm trong bối cảnh mối lo giảm phát tăng cao.

3- Giao dịch Vàng và những mối tương quan bổ sung khi giao dịch Vàng.

Ngoài những ví dụ về giao dịch vàng mà Tôi đã từng nhắc đến thì còn có một vài mối tương quan nữa mà có thể bổ sung. Giữa Vàng và USDJPY có một mối tương quan mà Tôi biết là rất nhiều Trader cũng đã sử dụng. Trong quan điểm của nhiều người nhìn vào biến động của USDJPY để trade vàng, nhưng theo cá nhân Tôi thì không phải lúc nào cũng thế. Tôi sẽ dùng Vàng để trade USDJPY thì đúng hơn, bởi vì Vàng là thứ tài sản đặc biệt nên nó không phụ thuộc vào hướng đi của cặp USDJPY được. Nhưng tất nhiên là không phải lúc nào Vàng và USDJPY cũng là ngược chiều với nhau, có nhiều trường hợp nó cũng là bạn đồng hành.

Lý giải cho những thời điểm Vàng và USDJPY nghịch đảo thì phần lớn các bạn cũng đã biết cả rồi, vì tính chất của Vàng và đồng JPY là những thứ tài sản an toàn mối khi có biến động khủng hoảng niềm tin và những lúc không có sự kiện khiến tâm lý người ta thay đổi thì vàng và JPY lại là những thứ tài sản không an toàn và ít được người ta quan tâm, cùng với đó là mối tương quan nghịch đảo của Vàng và USD mà Tôi cũng đã nói trước đó. Còn lý giải thời điểm mà Vàng và USDJPY là bạn đồng hành thì sao: Những thời điểm đó thường chỉ trong ngắn hạn khi mà Vàng tăng là mối lo lạm phát gia tăng khi hàng hóa tăng cao, nhưng thời điểm đó thị trường chứng khoán vẫn tăng, đồng USD tăng và JPY không phải là đồng tiền được người ta quan tâm cho nên đồng JPY sẽ giảm và cặp USDJPY cũng tăng theo. Và ngược lại trong trường hợp cả Gold và USDJPY cùng giảm thì cũng có nhiều nguyên nhân. Những ý kiến trên cũng chỉ là một phần rất nhỏ trong những nguyên nhân khiến cho giá vàng và cặp USDJPY có mối tương quan cùng chiều hoặc ngược chiều. Trong từng thời điểm sẽ có những nguyên nhân khác tác động, hoặc có thể các chính sách tiền tệ của Mỹ và Nhật trong thời điểm đó hay những số liệu kinh tế gây tác động nhiều tới sức mạnh của đồng USD và JPY.



Hình 7.24: Mối tương quan giữa USDJPY và Gold trong một vài thời điểm ngắn hạn.

Trong bức hình trên là 3 trường hợp khác nhau mà mối tương quan giữa Gold Và USDJPY thẻ hiện tương đối rõ . Ở (1) là thời điểm cặp USDJPY đóng vai trò dẫn dắt khi mà thời điểm này thị trường chứng khoán tăng mạnh. Đồng JPY sẽ giảm, mối tương quan giữa JPY và chứng khoán Nhật cùng với lợi tức trái phiếu MỸ cũng nên được xét đến trong những trường hợp thế này. Với một IA Trader thì Tôi sẽ quan sát xem dòng tiền đang chạy về lớp tài sản nào, và trong trường hợp này thì USDJPY đóng vai trò dẫn dắt cho xu hướng của Gold. USD JPY tăng mạnh trong khi Gold tạo mô hình bearish, khi giá beark out khỏi cái trendline đó có thể sẽ là một cái formation để vào lệnh sell Gold mà ở trong (2) đó chính là kết quả. Theo kinh nghiệm cá nhân Tôi trừ những trường hợp tin tức thật sự mạnh khiến giá break out quá nhanh thì mới không chờ giá hồi, còn trong đa số trường hợp khi giá break out khỏi mô hình nào đó thì sẽ có một khoảng thời gian để xác nhận, và với một speculator như Tôi thì sẽ kiến nhẫn đợi điểm vào đẹp nhất và hạn chế Stop Loss là bé nhất có thể. Ở (3) đó Tôi cũng đã có nhận định giá Gold sẽ tăng, tuy nhiên giá chỉ tăng từ 1068 lên 1077 là giảm lại, cùng thời điểm đó chỉ số chứng khoán S&P 500 tăng mạnh, niềm tin vào đồng USD cũng tăng, vậy nên trong phân tích này giá không đạt được kỳ vọng của Tôi là 1090. Trong lệnh buy Gold lần này Tôi chỉ không lỗ, khi giá tăng lên tôi cũng kịp dời stop loss. Lúc Tôi viết nhận định này cũng có nêu ở trong phần trên khi lợi tức trái phiếu kỳ hạn 2 năm của Mỹ tăng, và do nếu theo đúng nguyên tắc liên thị trường thì USDJPY và JPN225 sẽ có xu hướng tăng lên theo, thế nhưng hiện tại khi giá Oil đang phục hồi thì câu chuyện hiện thời đã khác, mà lý do vì sao thì ở mục dưới đây Tôi sẽ nói về mối tương quan giữa Oil và kinh tế Nhật Bản. Hơn nữa BOJ mới công bố giữ nguyên chính sách tiền tệ cho nên nhà đầu tư tin rằng kinh tế Nhật đã có những phản ứng tích cực với chương trình nới lỏng bấy lâu nay, đồng JPY tăng trong khi mối lo ngại giảm phát và sự việc FED phải nâng lãi suất là bất đắc dĩ đã kéo đồng USD giảm, vậy nên trong trường hợp này USDJPY sẽ kéo yield giảm theo. Trong quá trình giao dịch Gold sẽ có rất nhiều mối tương quan mà các bạn cần phải ghép vào. Trong khuôn khổ cuốn sách này Tôi chưa nói về các hoạt động của các quỹ ETFs, hay quỹ SPDR… cho tới các hợp đồng tương lai, đặt cược cho giá tăng hay giảm, những cái đó Tôi sẽ viết trong một cuốn sách khác.

4- ***Mối tương quan giữa Oil và kinh tế Nhật Bản.***

Sẽ có nhiều bạn thắc mắc là giá oil và kinh tế Nhật thì có liên quan gì đến nhau, và tác động của giá oil đến sản xuất của Nhật thế nào, mối tương quan giữa oil và chỉ số chứng khoán Nhật sẽ như thế nào… Mối tương quan giữa Oil và thị trường chứng khoán đã là một mối tương quan rất mật thiết rồi, ở phần trên Tôi cũng đã nhấn mạnh, thế nhưng riêng với Nhật Bản thì cần phải chú ý thêm một vài yếu tố khác. Vì bản chất Nhật bản là nền kinh tế công nghiệp, sản xuất vậy nên lượng dầu tiêu thụ cũng rất lớn. Thế nhưng thiên nhiên lại không ưu ái cho Nhật Bản nhiều về tài nguyên và năng lượng, vậy nên Nhật sẽ phải nhập khẩu rất nhiều dầu. Theo thống kê thì lượng dầu tiêu thụ của Nhật chỉ đứng sau Mỹ và China. Với một nền kinh tế tiêu thụ dầu nhiều như thế thì không quá khó để nhận ra biến động của giá Oil sẽ tác động rất lớn đến kinh tế Nhật Bản. Và trong một vài sự kiện các bạn cũng nên quan sát giá Oil trước khi nghĩ đến việc giao dịch với đồng JPY và chỉ số JPN225.

Một lý giải đơn giản hơn thế này: Với một quốc gia xuất khẩu dầu như Canada thì khi oil giảm sẽ khiến GDP thâm hụt, các công ty khai thác dầu sẽ mất đi những nguồn lợi khổng lồ… điều này khiến cho kinh tế suy yếu và đồng nội tệ sẽ giảm theo. Thế nhưng với một quốc gia nhập khẩu dầu nhiều như Nhật thì lại hoàn toàn khác, chắc chắn Nhật sẽ muốn mua dầu với giá thành rẻ đúng không? Giá dầu càng thấp thì chi phí mà Nhật phải bỏ ra là càng nhỏ, vì thế các chi phí trong sản xuất sẽ giảm đi, trong giao thông vận tải cũng thế… Một minh chứng dễ nhận thấy nhất đó là khi giá Oil giảm thì thị trường chứng khoán Nhật tăng tương đối ấn tượng, tất nhiên trong số đó sẽ có các công ty về giao thông vận tải và năng lượng sẽ phải cắt giảm giá thành, lợi nhuận cũng có thể phải giảm theo. Nhưng điều quan trọng nhất trong mối tương quan này đó là thường giá Oil giảm sẽ là động thái tích cực với thị trường chứng khoán Nhật và vì thế nên đồng JPY cũng giảm theo. Giải thích cho vấn đề này sẽ rất mâu thuẫn với những gì trước đây đã từng nhắc đến, với đồng JPY là một câu chuyện khác nữa khi giá trị đồng JPY phụ thuộc vào chính sách tiền tệ của BOJ và cả những tác động từ hoạt động carry trade, cả những đặc điểm là đồng tiền trú ẩn mỗi khi có biến động nữa…



Hình 7.25: Mối tương quan giữa Oil với USDJPY và JPN225.

Trong giao dịch ngắn hạn với cặp đồng JPY và chỉ số chứng khoán Nhật cũng nên chú ý xu hướng của Oil. Trong nhiều trường hợp khác nhau mà xu hướng của Oil sẽ tác động trực tiếp đến Nhật Bản, nếu quan sát kỹ những giai đoạn mà không có các tin tức quan trọng của Nhật thì thường giá Oil sẽ đóng vai trò dẫn dắt cho thị trường chứng khoán Nhật và đồng JPY. Trong bức hình so sánh tương quan trong khung H4 dưới đây các bạn có thể thấy vào mỗi thời điểm khác nhau mà giá Oil đóng vai trò dẫn dắt như ở (1), hoặc sẽ biến động ngược chiều nhau như ở trong (2). Trong khi Oil giảm trước ở (2) thì mãi sang vùng (3) USDJPY và JPN225 mới giảm mạnh sau đó, kéo theo đó là một khoảng thời gian tương đối dài mối tương quan này là bạn đồng hành. Còn (4) đó là hôm BOJ công bố chính sách tiền tệ sau khi FED nâng lãi suất ít ngày, ngay sau khi công bố giữ nguyên chính sách thì đồng JPY tăng mạnh, kéo theo đó là thị trường chứng khoán Nhật cũng giảm theo. Đơn giản là vì khi kinh tế Nhật dang rất yếu và vấn dề già hóa dân số là mối lo thì chính phủ Nhật sẽ phải tăng cường kích thích, nới lỏng trong các chính sách tài chính. Thế nhưng khi BOJ quyết định không tăng cường thêm chương trình kích thích thì thị trường chứng khoán phản ứng tiêu cực lại với quyết định trên, đồng JPY tăng vì người ta tin rằng kinh tế Nhật đang có những dấu hiệu tốt lên, và hơn hết là kinh tế toàn cầu đang suy yếu nên nhân thời điểm này nhà đầu tư Nhật sẽ hồi hương và quay trở lại đầu tư vào đất nước. Đồng USD giảm ngay sau khi FED nâng lãi suất và cả khi GDP q/q final được công bố là tốt hơn dự báo nhưng USD vẫn giảm, cũng chính vì nguyên nhân này nữa mà dòng tiền tìm về đầu tư ở Nhật tăng lên, kéo đồng JPY tăng cao.

Trong thực tế các giao dịch ngắn hạn không phải lúc nào mối tương quan này cũng đúng. Dù là giá Oil giảm thì có lợi cho sản xuất của Nhật nhưng nếu nó giảm sâu quá thì các công ty năng lượng trên thế giới sẽ phá sản, kéo theo đó là hệ lụy kinh tế toàn cầu đi xuống, nhu cầu sử dụng hàng hóa sẽ giảm, vậy thì sẽ không có lợi cho kinh tế Nhật. Hi vọng các bạn sẽ thật sự linh hoạt trong các nhận định ngắn hạn để tránh những sai lầm không đáng có.



Hình 7.26: Mối tương quan giữa Oil vơi USDJPY và JPN225 trong ngắn hạn. Mỗi biến động của đồng JPY và JPN225 trong ngắn hạn có thể chịu tác động từ những biến động của giá Oil, và thường Oil sẽ đóng vai trò dẫn dắt.



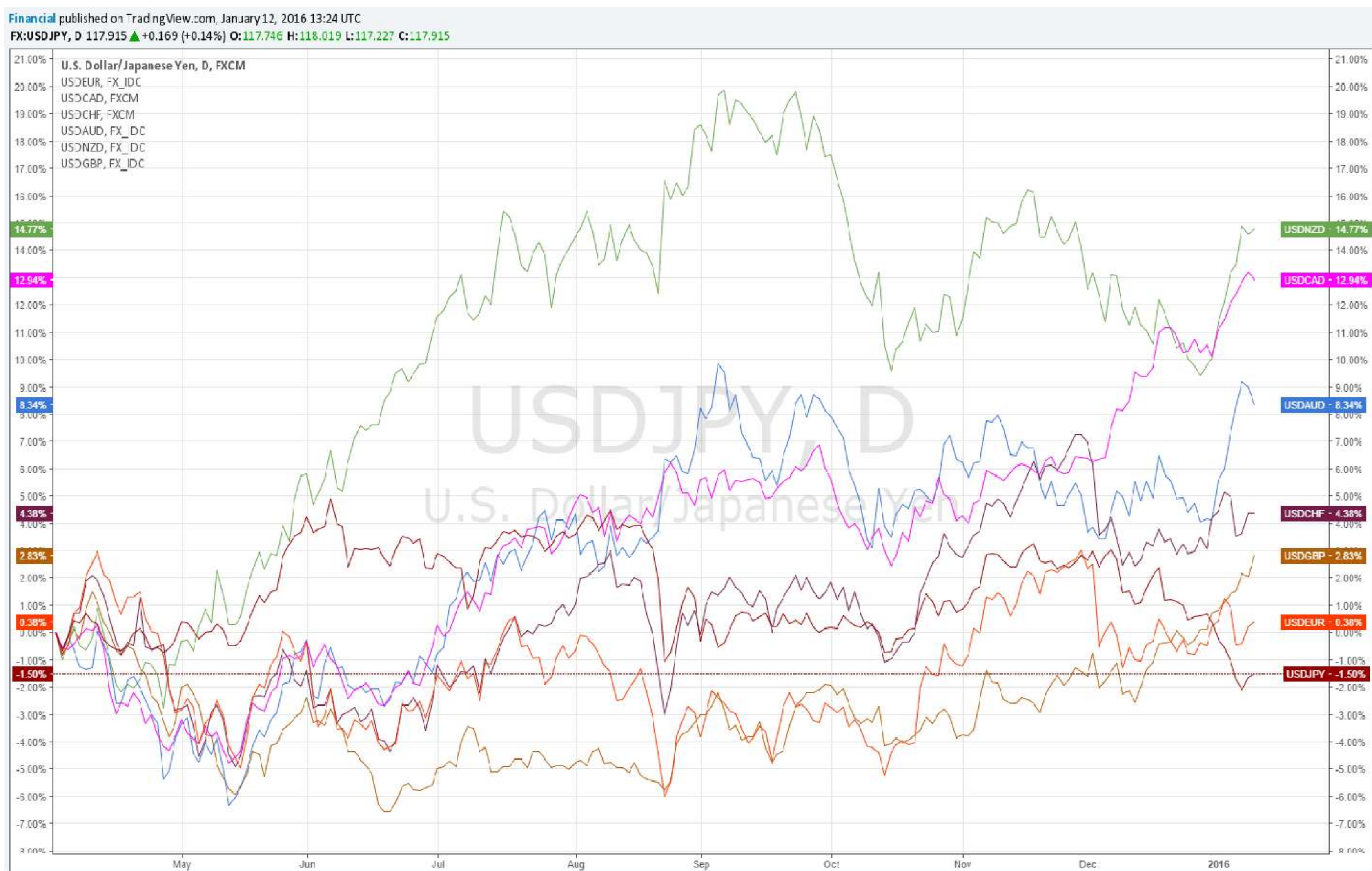
Hình 7.27: Trong ngắn hạn tùy vào từng thời điểm mà giá Oil giảm lại khiến tâm lý nhà đầu tư thêm lo ngại, đồng JPY trở thành tài sản an toàn, thị trường chứng khoán Nhật giảm.

5- So sánh sức mạnh của các đồng tiền và các hàng hóa, chỉ số chứng khoán.

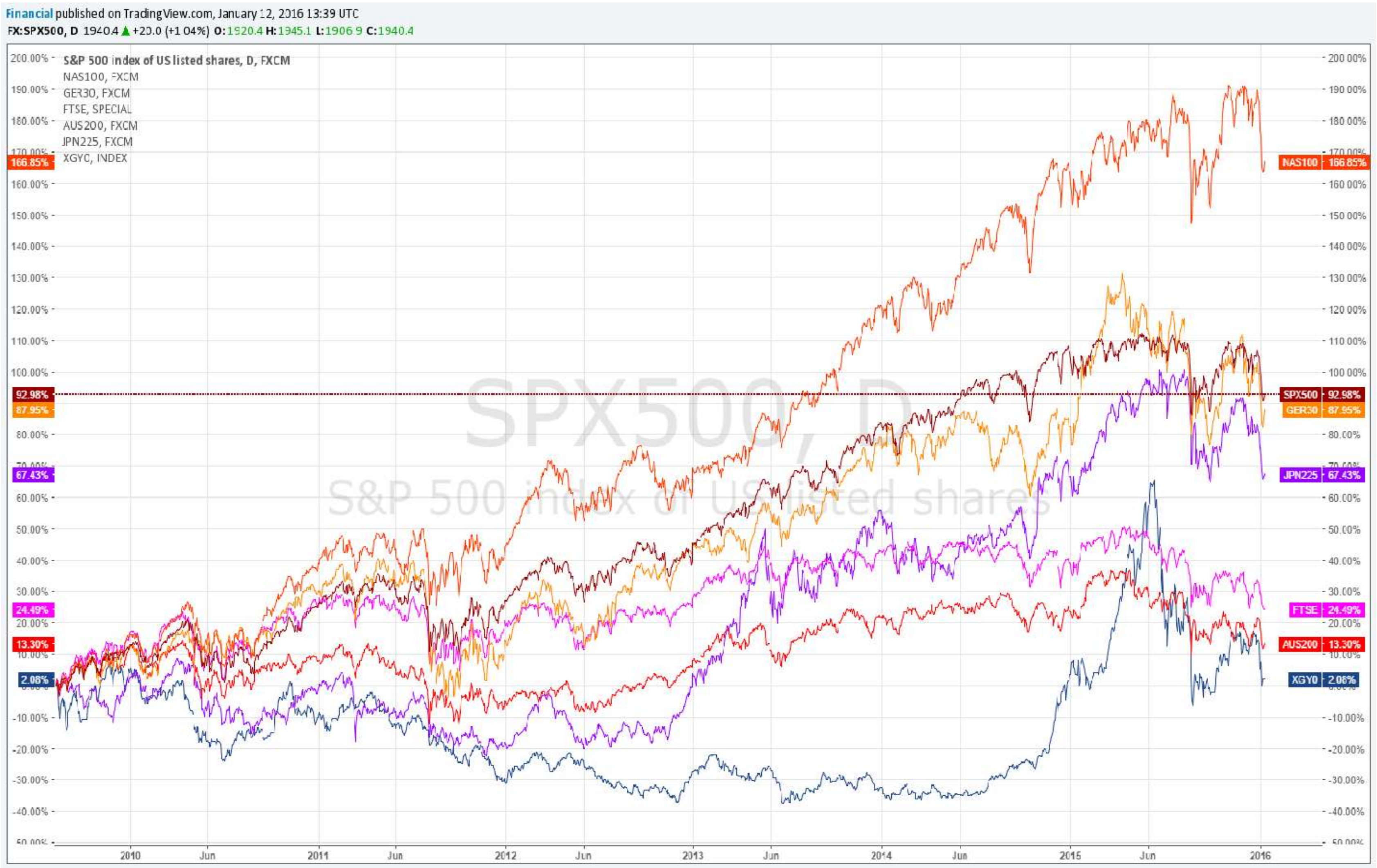
Còn một yếu tố ngoài lề nữa mà Tôi muốn nhắc đến đó là so sánh sức mạnh của các đồng tiền so với USD. Cũng tương tự như so sánh sức mạnh của các đồng tiền so với vàng chẳng hạn, thì trong trườn hợp so sánh này chúng ta cũng cần phải sử dụng thường xuyên, bởi vì có những sự kiện chính xoay quanh đồng USD thì việc xem xét đồng tiền nào đang yếu nhất trong những đồng tiền chính khác so với đồng USD, để từ đó có thể biết mà lựa chọn cặp tiền phù hợp. Hơn nữa việc so sánh này sẽ giúp các bạn hiểu được sức mạnh các đồng tiền chéo với nhau. Trong khi giao dịch với các đồng tiền chéo sẽ tương đối khó phân tích nếu như không nắm vững tình hình kinh tế của từng đồng tiền đó, cùng với đó là hiểu được các tin tức về kinh tế Mỹ thì sẽ không thuận lợi trong phân tích cặp tiền chéo. Khi sử dụng cách so sánh này các bạn sẽ dễ dàng nhận thấy trong dài hạn hay ngắn hạn các đồng tiền đó mạnh hay yếu để mà có quyết định nương theo hợp lý.

Ngoài ra còn có phương pháp so sánh sức mạnh của các chỉ số chứng khoán với nhau. Riêng mục so sánh sức mạnh của các món hàng này thì có rất nhiều cái để so sánh, không bó hẹp trong bất cứ món hàng nào. Về mục đích so sánh sức mạnh các chỉ số chứng khoán trên thế giới xem được rằng trong cùng thời gian đó thị trường chứng khoán nước nào tăng trưởng tốt hơn. Mục đích để so sánh sức mạnh của mỗi nền kinh tế, cái này có vẻ hơi quá lời mà nói đúng hơn là so sánh nhịp tim của mỗi nền kinh tế. Chứng khoán tăng thì sức khỏe nền kinh tế ổn, chứng khoán sụp đổ thì nền kinh tế suy yếu…

Các bạn lưu ý hình thức so sánh này tức là đồng quy về cùng một mốc thời gian và nó so sánh xem tỉ lệ tăng trưởng hay sức mạnh của các món hàng so với thời điểm so sánh chứ không phải là tính theo giá trị thị trường nhé. Mốc so sánh thường là lấy theo năm, quý, tháng… cũng không có ràng buộc gì trong phương thức so sánh này thế nhưng nếu các bạn so sánh có quy luật của riêng các bạn thì sẽ tốt hơn. Với cá nhân Tôi thì thường sẽ lấy chẵn thời gian. Ví dụ so sánh từ đầu năm 2014 đến nay, từ quý 2/2015 đến nay, so sánh trong vài ngày gần đây… Các bạn cần nhớ kỹ là tùy vào khung thời gian, mốc thời gian nhé chứ không phải là lấy lung tung là được, chọn mốc thời gian phải có căn cứ.



Hình 7.27: Sử dụng USD để so sánh sức mạnh của các đồng tiền khác, trong bức hình này JPYUSD nằm dưới cùng tức là đồng JPY hiện tại đang trở thành đồng tiền mạnh nhất trong rổ các đồng tiền chính khi so sánh với USD.



Hình 7.28: So sánh sức mạnh của các chỉ số chứng khoán với nhau. Trong bức hình trên Shanghai Composite ở dưới cùng có nghĩa là thị trường chứng khoán China tăng trưởng yếu nhất trong số tất cả các chỉ số trên kể từ đầu 2010 đến nay.

VI- QUY LUẬT CUNG CẦU TRONG GIAO DỊCH TÀI CHÍNH NÓI CHUNG.

Nguyên lý cung - cầu, hay quy luật cung cầu, phát biểu rằng thông qua sự điều chỉnh của thị trường, một mức giá cân bằng (còn gọi là mức giá thị trường) và một lượng giao dịch hàng cân bằng (lượng cung cấp bằng lượng nhu cầu) sẽ được xác định.

1- Nhu cầu

Nhu cầu, trong kinh tế học thường được hiểu là nhu cầu tiêu dùng hay còn được gọi là sở thích tiêu dùng. Trong kinh tế học, nhu cầu nếu không có khả năng tài chính để đáp ứng sở thích tiêu dùng đó, thì không thể gọi tắt nhu cầu là cầu.

Cầu là nhu cầu cộng với khả năng thanh toán cho nhu cầu đó; là sự cần thiết của một cá thể về một hàng hóa hay dịch vụ nào đó mà cá thể sẵn sàng có khả năng thanh toán cho hàng hóa hay dịch vụ đó. Khi cầu của toàn thể các cá thể đối với một mặt hàng trong một nền kinh tế gộp lại, ta có cầu thị trường. Khi cầu của toàn thể các cá thể đối với tất cả các mặt hàng gộp lại, ta có tổng cầu.

Thực chất, Cầu là một thuật ngữ dùng để diễn đạt thái độ của người mua và khả năng mua về một loại hàng hóa.

Khi chúng ta gia nhập thị trường hàng hóa, có hai yếu tố xác định chúng ta có thể trở thành người mua (có nhu cầu) chứ không phải người đi ngắm hàng:

Yếu tố đầu tiên: khẩu vị và sự ưa thích. Yếu tố này quyết định, chúng ta có sẵn sàng chi tiền để mua món hàng đó hay không. Nếu món hàng đó rẻ thì có thể mua chúng hoặc cũng có thể không thèm đếm xỉa nếu được cho không, vậy cầu trong trường hợp này bằng không.

Yếu tố thứ hai: khả năng tài chính. Khẩu vị và sự ưa thích chưa đủ để thúc đẩy ta trở thành người mua hàng. Món hàng hợp khẩu vị mà ta rất thích, nhưng lại quá nhiều tiền; vậy cầu trong trường hợp này cũng là số không.

Như vậy, cầu xoay quanh hai yếu tố: ý muốn sẵn sàng mua và khả năng tài chính mà ta có. Lưu ý rằng số lượng cầu hàng hóa tùy thuộc vào hai yếu tố kể trên mà còn tùy thuộc vào thời giá nữa, vì nếu giá cả thay đổi thì khối lượng hàng hóa cầu cũng sẽ thay đổi.

Số Lượng cầu

Số lượng cầu về hàng hóa là số lượng mà người mua sẵn sàng mua trong một thời kỳ nào đó.

Sẵn sàng mua có nghĩa là người mua sẽ thực sự sẵn sàng trả tiền cho số lượng cầu nếu nó là có sẵn. Điều này rất quan trọng để phân biệt giữa số lượng cầu và số lượng thực sự mua.

Lượng một mặt hàng nào đó mà một cá thể có nhu cầu, khi có đủ ngân sách để mua tại một thời điểm nhất định với mức giá cả xác định của nó và mức giá cả xác định của các hàng hóa khác gọi là lượng cầu. Như vậy, có thể thấy số lượng cầu một mặt hàng phụ thuộc vào giá cả thị trường của chính nó, mức thu nhập của mỗi cá thể, và vào giá cả của các mặt hàng khác (nhất là các mặt hàng thay thế hoặc bổ sung cho nó), thậm chí vào cả thời điểm, thị hiếu của khách hàng, kỳ vọng giá trong tương lai, quy mô dân số và thời tiết.

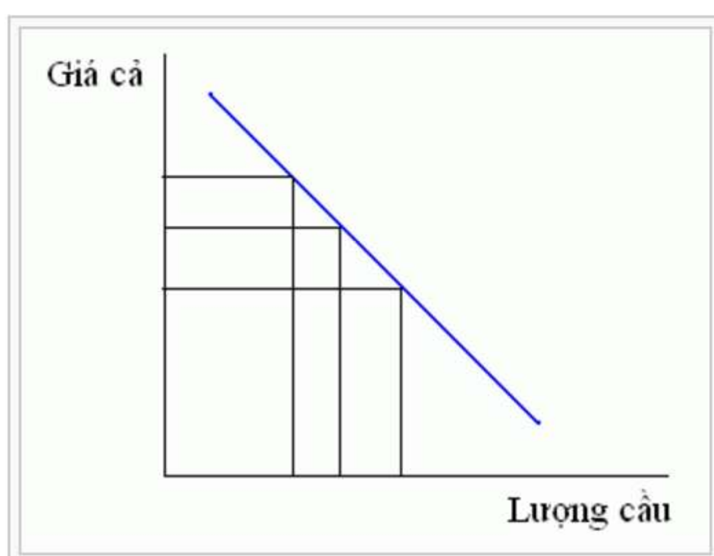
Đường cong cầu

Trong kinh tế học nhập môn, để cho đơn giản, người ta thường cố định các yếu tố như giá cả các mặt hàng khác, mức thu nhập của người tiêu dùng, thời tiết, v.v... và chỉ tập trung vào xem xét quan hệ giữa giá cả một mặt hàng với lượng cầu về nó rồi biểu diễn quan hệ này bằng đường cong cầu. Đường này được đặt trong một trục tọa độ hai chiều với trục tung là mức giá và trục hoành là lượng cầu. Đường cong cầu của một mặt hàng bình thường sẽ là một đường dốc xuống phía phải, bởi vì quan hệ giữa giá cả và lượng cầu là quan hệ nghịch. Giá cả tăng thì lượng cầu giảm, còn khi giá cả giảm thì lượng cầu sẽ tăng lên. Kinh tế học gọi đó là sự dịch chuyển dọc theo đường cầu. Quan hệ bình thường này đôi khi được gọi là quy tắc cầu.

Tuy nhiên, hàng hóa Giffen hoặc hàng hóa Veblen như xe hơi cao cấp sẽ không tuân theo quy tắc này. Khi giá cả của chúng tăng, người ta sẽ mua chúng nhiều hơn.

Mức độ nhạy cảm trong thay đổi lượng cầu của một mặt hàng khi giá cả của chính nó thay đổi gọi là độ co dãn của cầu theo giá cả.

Nếu như sự dịch chuyển dọc theo đường cầu là do mức giá thay đổi trong khi các yếu tố khác không đổi, thì với mức giá cố định còn các yếu tố khác (thu nhập và sở thích của người tiêu dùng, giá cả các hàng hóa khác) thay đổi, cả đường cầu sẽ dịch chuyển.



Đường cong cầu dốc xuống. Giá cả tăng, lượng cầu giảm. Đây là sự dịch chuyển dọc theo đường cầu.

Đường cong cung cấp dốc lên. Khi mức giá thay đổi, lượng cung sẽ thay đổi. Đây là một sự dịch chuyển dọc theo đường cung

Quan hệ giữa lượng cầu và thu nhập của người tiêu dùng

Nếu mặt hàng mà người mua có nhu cầu là hàng hóa thông thường hoặc hàng hóa xa xỉ hay hàng hóa cao cấp, thì khi thu nhập của anh ta tăng, lượng cầu mặt hàng này cũng tăng.

Nếu là Hàng hóa thứ cấp, thì khi thu nhập của người mua tăng, lượng cầu mặt hàng lại giảm vì anh ta khá giả hơn nên sở thích thay đổi.

Mức độ nhạy cảm của thay đổi về lượng cầu của một mặt hàng khi thu nhập của người mua thay đổi gọi là độ co dãn của nhu cầu theo thu nhập.

Quan hệ giữa lượng cầu hàng hóa này với giá cả hàng hóa khác.

Lượng cầu một mặt hàng không chỉ chịu tác động từ giá cả của chính nó, mà còn từ giá cả của các mặt hàng khác. Giả định các yếu tố khác không thay đổi.

Lượng cầu một mặt hàng sẽ giảm, khi giá cả của những mặt hàng thay thế cho nó hạ xuống. Ví dụ, lượng cầu về rượu có thể giảm, nếu giá bia hạ xuống.

Lượng cầu một mặt hàng sẽ giảm, khi giá cả của những mặt hàng bổ sung cho nó tăng lên. Ví dụ, lượng cầu về máy in có thể giảm, nếu giá mực in, giấy in, v.v... tăng lên.

Mức độ nhạy cảm trong thay đổi lượng cầu của một mặt hàng khi giá cả các mặt hàng khác thay đổi, gọi là độ co dãn chéo của nhu cầu theo giá cả.

Quan hệ giữa lượng cầu với sở thích của người tiêu dùng.

Giả định các yếu tố khác không thay đổi, khi người tiêu dùng thay đổi sở thích của mình đối với mặt hàng nào đó, thì lượng cầu của hàng hóa đó sẽ thay đổi theo. Ví dụ, nếu người tiêu dùng trở nên không thích đồ uống có ga, và giả định các yếu tố khác trong đó có giá cả mặt hàng này không đổi, thì lượng cầu về đồ uống có ga sẽ giảm đi.

2- Cung.

Cung là một thuật ngữ dùng để chỉ thái độ của người bán và khả năng bán về một loại hàng hóa nào đó.

Số lượng cung

Số lượng cung là số lượng hàng hóa mà người bán sẵn sàng bán trong một thời kỳ nhất định.

Sẵn sàng bán ở đây nghĩa là người bán sẽ sẵn sàng cung cấp số lượng cung nếu có đủ người mua hết số hàng đó. Điều này rất quan trọng để phân biệt giữa số lượng cung và số lượng thực sự bán.

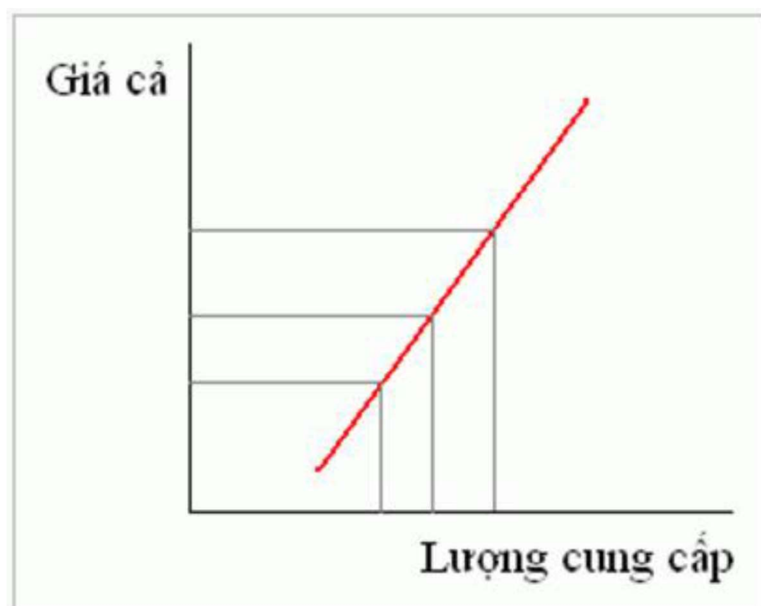
Cung ứng, trong kinh tế học, chỉ việc chào bán hàng hóa hay dịch vụ nào đó. Lượng của một mặt hàng được chào bán với một mức giá cả thị trường hiện hành, ở mức giá nhất định của các yếu tố sản xuất và trình độ kỹ thuật nhất định, với những quy chế nhất định

của chính phủ, kì vọng về giá, thời tiết gọi là lượng cung ứng, hay lượng cung. Tổng tất cả các lượng cung về một mặt hàng bởi tất cả những người bán trong một nền kinh tế gọi là cung thị trường. Tổng tất cả những lượng cung của các hàng hóa và dịch vụ bởi tất cả các nhà sản xuất trong một nền kinh tế gọi là tổng cung.

Đường cung

Quan hệ giữa lượng cung và giá cả có thể thể hiện thông qua đường cong cung ứng (hay đường cung). Đây là một đường dốc lên phía phải trong một hệ trục tọa độ với trục tung là các mức giá cả và trục hoành là các lượng cung cấp. Khi giá cả tăng lên, nhà sản xuất sẽ tăng lượng cung hàng hóa (sản lượng). Như hình vẽ cho thấy, sự thay đổi này diễn ra dọc theo đường cung. Kinh tế học gọi đó là sự dịch chuyển dọc theo đường cung.

Mức độ nhạy cảm trong thay đổi của lượng cung khi giá cả thay đổi gọi là độ co dãn của cung theo giá cả. Đây chính là độ dốc của đường cung. Độ co giãn càng lớn thì độ dốc của đường cung càng nhỏ.

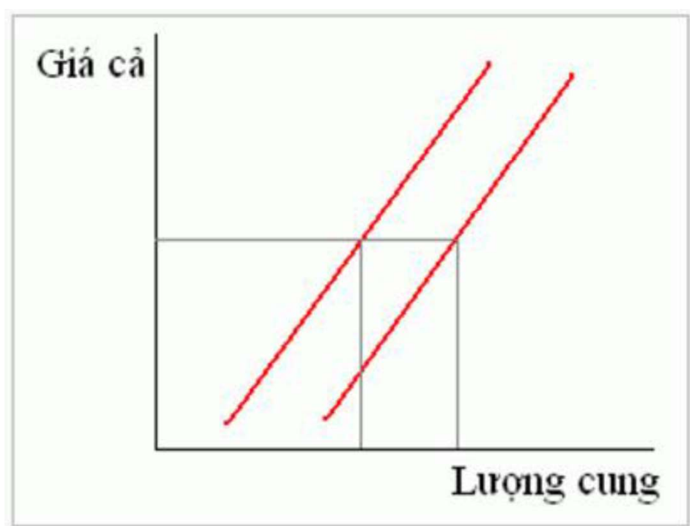


Đường cong cung cấp dốc lên. Khi mức giá thay đổi, lượng cung sẽ thay đổi. Đây là một sự dịch chuyển dọc theo đường cung

Đường cung được xây dựng trên cơ sở giả định là chi phí bình quân sản xuất mặt hàng của xí nghiệp không thay đổi. Song, nếu chi phí bình quân thay đổi, cả đường cung sẽ dịch

chuyển (lúc này lại giả định mức giá không thay đổi). Nếu chi phí bình quân giảm, đường cung sẽ dịch song song sang phải. Ta thấy lượng cung ở một mức giá cho trước sẽ tăng lên.

Tuy nhiên, không phải lúc nào đường cong cung cấp cũng là một đường dốc lên. Đôi khi nó thẳng đứng (vuông góc với trục hoành). Đây là lúc lượng cung không có phản ứng với thay đổi trong mức giá (độ co giãn bằng 0). Nguyên nhân có thể là xí nghiệp không kịp điều chỉnh cơ sở sản xuất của mình để tăng sản lượng. Trong kinh tế học vĩ mô, đường tổng cung trong dài hạn là một đường thẳng đứng. Đường cung cũng có thể là một đường dốc xuống.



Khi chi phí bình quân giảm, cả đường cung sẽ dịch chuyển sang phải. Dù mức giá không đổi thì lượng cung vẫn tăng.

3- Nguyên lý cung cầu

Nguyên lý cung - cầu, hay quy luật cung cầu, phát biểu rằng thông qua sự điều chỉnh của thị trường, một mức giá cân bằng (còn gọi là mức giá thị trường) và một lượng giao dịch hàng cân bằng sẽ được xác định. Mức giá và lượng hàng đó tương ứng với giao điểm của đường cung và đường cầu. Trạng thái cân bằng của một mặt hàng như thế gọi là cân bằng bộ phận. Khi đạt trạng thái cân bằng của cùng lúc tất cả các mặt hàng, kinh tế học gọi đó là cân bằng tổng thể hay cân bằng chung. Ở trạng thái cân bằng, sẽ không có dư cung (lượng cung lớn hơn lượng cầu) hay dư cầu (lượng cầu lớn hơn lượng cung).

Giá cân bằng.

Giá cân bằng là mức giá mà ở đó số lượng cung bằng số lượng cầu, ứng với số lượng này gọi là số lượng cân bằng.

Điều chỉnh lượng giao dịch.

Alfred Marshall cho rằng khi một mặt hàng ở trạng thái dư cầu thì giá của người mua sẽ cao hơn giá của người bán; người sản xuất sẽ tăng lượng cung. Ngược lại, khi mặt hàng ở trạng thái dư cung, thì giá của người mua sẽ thấp hơn giá của người bán; người sản xuất sẽ giảm lượng cung.

Điều chỉnh giá cả.

Trái với Marshall, Leon Walras cho rằng thị trường đạt trạng thái cân bằng không phải bởi sự điều chỉnh lượng cung cấp, mà bởi sự điều chỉnh giá cả. Khi một mức giá được nêu ra cao hơn mức giá cân bằng cần có khiến cho lượng cung sẵn sàng nhiều hơn lượng cầu sẵn sàng, thì giá cả sẽ giảm xuống mức cân bằng để thị trường không còn dư cung. Còn khi mức giá nêu ra thấp hơn mức giá cân bằng, thì lượng cầu sẵn sàng cao hơn lượng cung sẵn sàng (thị trường dư cầu), thì giá cả sẽ tăng lên.

Điều chỉnh kiểu mạng nhện.

Điều chỉnh mạng nhện là sự điều chỉnh đồng thời cả giá cả lẫn lượng hàng để đạt tới trạng thái cân bằng. Sự điều chỉnh diễn ra qua nhiều kỳ. Giá cả thay đổi trong kỳ này sẽ dẫn tới phản ứng của lượng cung trong kỳ tiếp theo.

Sự linh hoạt trong phân tích liên thị trường thực sự rất khó diễn tả, các sự kiện diễn ra không có cái nào giống cái nào, các sự kiện cũng không có sự trùng hợp nào và các tư duy của người phân tích cũng không phải lúc nào cũng rập khuôn được. Đương nhiên là đó cũng chỉ là những phân tích và có đúng có sai.

Tổng kết năm nguyên tắc giao dịch liên thị trường của John Murphy:

Phân tích liên thị trường là một dạng nghiên cứu phân tích dựa vào mối quan hệ giữa 4 thị trường tài chính thế giới gồm trái phiếu, cổ phiếu, tiền tệ và hàng hóa. Nó thường là "bàn đạp" cho các nhà phân tích trước khi phân tích một thị trường riêng lẻ nào đó. Tuy nhiên, nhiều trader hiện nay lại chưa chú ý đến điều này, trước khi đi vào phân tích thị trường riêng lẻ, họ thường không phân tích xu hướng thị trường chính của 3 thị trường còn lại. Việc nắm bắt được những xu hướng này sẽ giúp bạn hiểu được chúng đã thật sự tác động như thế nào đến thị trường chính mà bạn đang đầu tư. Những . Lời kết chương này tôi xin trích dẫn 5 nguyên tắc chủ đạo về sự tác động qua lại của các loại tài sản khác nhau của John Murphy:

Nguyên tắc đầu tiên : Hàng hóa và đồng USD là mối tương quan nghịch đảo.

Có một sự đối lập giữa thị trường hàng hóa và giá Dollar, nếu bạn đang dự định mua hàng hóa, hãy chắc rằng đồng dollar đang giảm giá trước đã. Cách tốt nhất để nhận diện điều này là theo dõi các biểu đồ chỉ số đồng Dollar trên 6 loại ngoại tệ khác nhau (VD: USD/CAD, USD/JPY, …) Điều này đồng nghĩa với việc giá hàng hóa cũng sẽ tăng khi giá các loại ngoại tệ khác dollar tăng, đặc biệt là đồng Dollar Úc và Dollar Canada. Tương tự như vậy, các trader trên thị trường tiền tệ cũng nên để ý đến xu hướng của thị trường hàng hóa, sẽ thật sai lầm nếu chỉ phân tích riêng lẻ một trong hai thị trường trên mà không quan tâm đến cái còn lại. Mỹ là nền kinh tế lớn nhất thế giời, tỉ lệ sử dụng đồng USD trong giao dịch tiền tệ trên thế giới là rất cao, mức độ tác động của sức mạnh đồng USD hay còn được biết là sức mạnh của nền kinh tế Hoa Kỳ, giá cả hàng hóa chính là thước đo sớm nhất để nhận biết mức độ lạm phát trong nền kinh tế. Hơn nữa giữa giá trị đồng USD và mức độ

lạm phát cũng được xem là yếu tố quan trọng, khi giá cả hàng hóa cao thì lạm phát trong tương lai vì thế cũng sẽ tăng cao, lạm phát càng cao thì central bank sẽ phải nâng lãi suất, trong ngắn hạn khi lãi suất ở mức vừa phải thì USD sẽ tăng, nhưng khi lãi suất quá cao thì nền kinh tế Mỹ sẽ suy yếu, tiêu dùng trong nước sẽ thu hẹp lại, đồng USD vì thế sẽ suy yếu theo. Trong tất cả các loại hàng hóa, thì đồng Dollar nhạy cảm nhất đối với Vàng. Tất nhiên bạn có thể sẽ phải trả giá rất đắt nếu bạn có ý định mua Vàng trong lúc Dollar đang tăng. Tóm lại hãy chắc chắn rằng bạn đã nhận định được xu hướng của đồng USD rồi từ đó quan sát giá cả hàng hóa, nếu như các bạn không phải là một trader giao dịch với các món hàng hóa mà chủ yếu là các cặp tiền thì cũng cần phải chắc chắn xu hướng của đồng USD trước khi phân tích tới giá cả các hàng hóa đặc biệt quan trọng tới nền kinh tế của một vài quốc gia (ví dụ: Canada, Úc, New Zealand…). Khi hiểu được xu hướng các mặt hàng hóa rồi thì lúc đó các giao dịch với những đồng tiền hàng hóa sẽ đơn giản hơn rất nhiều.

Nguyên tắc thứ hai : Mua hàng hóa khi cổ phiếu tăng.

Giá cổ phiếu và hàng hóa có xu hướng chuyển động cùng chiều trong suốt một thập kỉ vừa qua, đặc biệt là từ năm 2008. Đó là bởi vì cổ phiếu và hàng hóa đều có thể đo lường được sức mạnh của nền kinh tế, một sự gia tăng về cầu của hàng hóa hay cổ phiếu cũng đồng nghĩa với sự hiện diện mạnh mẽ của nền kinh tế đó. Các hàng hóa như Đồng hay Dầu rất nhạy cảm với nền kinh tế toàn cầu. Trong khi vật liệu, năng lượng và kim loại quý thậm chí còn có tương quan mạnh mẽ hơn với thị trường cổ phiếu. Do đó có thể thấy được rằng, thời điểm tốt nhất để mua hàng hóa là khi giá cố phiếu đang trong xu hướng tăng và ngược lại. Một sự sụt giảm đồng Dollar sẽ tiếp thêm "sức mạnh" cho cả 2 thị trường này. Những lập luận này không phải lúc nào cũng đúng, sẽ có nhiều thời điểm hàng hóa sẽ giảm trong khi thị trường chứng khoán tăng. Theo cá nhân Tôi thì thị trường chứng khoán là thị trường của sự góp vốn làm ăn, giá trị cổ phiếu khác với giá trị thực tế của công ty. Hơn nữa sự tăng trưởng của thị trường chứng khoán thể hiện sức khỏe của nền kinh tế, còn hàng hóa thể hiện rằng sức tiêu thụ và mức độ lạm phát trong nền kinh tế. Giữa hai thị trường này đương nhiên có mối tương quan với nhau, nó được kiểm chứng qua lịch sử thị trường và

được John Murphy đúc kết lại, điều đó hoàn toàn đúng, nhưng nếu chỉ rập khuôn thì các bán sẽ phải trả giá đó (ví dụ: từ đầu 2014 đến giữa 2015 thị trường chứng khoán liên tục tăng, trong khi giá cả hàng hóa lại giảm cùng bối cảnh đồng USD tăng mạnh).

Nguyên tắc thứ ba : Mua cổ phiếu khi trái phiếu giảm.

Cổ phiếu và trái phiếu thường có xu hướng trái ngược nhau và điều này đã được chứng minh trong suốt những thập kỷ qua. Việc xác định giá trái phiếu có đang giảm hay không là rất quan trọng khi một nhà đầu tư tiến hành mua cổ phiếu, cả trái phiếu và cổ phiếu đều là những phần không thể thiếu trong danh mục đầu tư của họ. Trader mua cổ phiếu khi họ cảm thấy lạc quan về nền kinh tế, mua trái phiếu khi cảm thấy nền kinh tế bi quan hoặc do cổ phiếu đang giảm giá. Một tín hiệu bán tin tưởng của trái phiếu thường cũng chính là một tín hiệu mua tốt của cổ phiếu (và ngược lại). Kể từ khi 2 thị trường này có một mối tương quan chặt chẽ, sẽ là sai lầm khi nhà đầu tư tiến hành giao dịch trên một trong hai thị trường mà không quan tâm đến thị trường còn lại. Thị trường trái phiếu là sân chơi của những đại gia, những bậc thầy trong giới đầu tư. Bởi vì những người nhìn ra được hướng đi của trái phiếu thì có nghĩa là họ đã thuộc nằm lòng tâm lý của market rồi, người ta đủ khả năng để đoán biết những gì sắp xảy ra với market rồi. Vậy nên khi các bạn giao dịch với các chỉ số Indices và các mã cổ phiếu thì điều đầu tiên là quan sát xem trái phiếu biến động thế nào.

Nguyên tắc thứ tư : Sử dụng tỷ số Cổ phiếu/ Trái phiếu khi "dịch chuyển"ngành.

Thị trường chứng khoán được phân thành 10 ngành chính với độ hấp dẫn khác nhau tùy theo cổ phiếu hay trái phiếu cái nào đang tốt hơn. Khi cổ phiếu hấp dẫn hơn trái phiếu, những ngành mang tính chu kỳ (như tiêu dùng không thiết yếu, công nghiệp, và kỹ thuật) thường dẫn đầu thị trường. Ngược lại khi trái phiếu hấp dẫn hơn cổ phiếu, những ngành có cổ phiếu phòng vệ như tiêu dùng thiết yếu, y tế, và công ích lại dẫn đầu thị trường. Sử dụng tỉ số S&P500 chia cho Lợi suất trái phiếu 10 năm là cách tốt nhất để so sánh mối tương quan giữa hai thị trường. Khi tỉ số Cổ phiếu/ Trái phiếu tăng, hãy nhìn vào các ngành tăng trưởng, còn khi tỉ số này giảm, hãy chú tâm đến các ngành mang tính "phòng vệ". Những ngành có liên quan tới thị trường hàng hóa cũng sẽ tăng khi tỉ số này tăng.

Nguyên tắc thứ năm : Dành sự chú ý đến thị trường chứng khoán nước ngoài.

Các thị trường chứng khoán trên thế giới có mối liên kết rất mạnh mẽ. Đó là lý do tại sao phải xem xét đến chúng, vì nó cũng sẽ gần như cùng hướng với thị trường chứng khoán Mỹ. Một sự sụp giảm thị trường chứng khoán toàn cầu sẽ gây tổn hại đến tất cả mọi người. Xu hướng của thị trường chung châu Âu giúp ta biết được tình hình nợ xấu tại đó đang diễn biến như thế nào, từ đó ảnh hưởng đến thị trường Mỹ ra sao. Cũng cần chú ý nhiều hơn tới những thị trường mới nổi, chúng có mối quan hệ rất mật thiết với thị trường hàng hóa. Kể đến là sự ảnh hưởng rất lớn từ thị trường chứng khoán Trung Quốc đến thị trường chứng khoán và hàng hóa toàn cầu. Sự xuất diện của các quỹ ETFs sẽ giúp ta dễ hơn rất nhiều trong việc nhận biết được xu hướng của các thị trường nước ngoài.

CHƯƠNG VIII:

PHÂN TÍCH KỸ THUẬT LIÊN THỊ TRƯỜNG. SỰ KẾT HỢP CÁC YẾU TỐ FORMATION, MARKET SENTIMENT, MOMENTUM TRONG PHÂN TÍCH VÀ GIAO DỊCH

Phân tích kỹ thuật là đề tài có thể nói là rất rộng lớn và không ít các nhân tài đã tìm rất nhiều cách để nghiên cứu, tìm ra một công cụ, chỉ báo "tốt nhất" để tiên đoán xu hướng của thị trường. Bài học quan trọng nhất trong phân tích kỹ thuật là Trend (xu hướng) của thị trường. Và bước đầu xác định trend chính là tìm một formation để xác định nó, Trend thường bắt đầu và kết thúc bởi một Formation chứ không phải là một tín hiệu từ indicator nào đó. Vì đơn giản các Indicator là những chỉ báo được con người viết ra dựa vào những thống kê của lịch sử giá chứ không phải là hành động giá trong tâm lý của nhà đầu tư, và những gì phản ảnh trên indicator thường trễ hơn rất nhiều so với xu hướng hiện tại. Không ít các bạn tham gia vào thị trường vẫn còn những lầm tưởng rằng các indicotor chính là những công cụ phát hiện ra xu hướng, và không ít các trader đã phải trả những cái giá rất đắt khi chỉ dựa vào những Indicator đó để giao dịch. Vì bản chất các indicator là từ giá mà ra cho nên chỉ khi giá đã có rồi và lịch sử giá hình thành thì mới hình thành được các chỉ báo. Tuy nhiên không phủ nhận tầm quan trọng của các Indicator trong phân tích kỹ thuật được, và thực tế rằng những indicator đơn giản nhất và phổ biến nhất lại chính là những

indicator phát huy tốt hiệu quả nhất. Giải thích đơn giản thì vì người ta dùng nhiều, và ai cũng biết cách dùng cho nên phần lớn sẽ có cùng suy nghĩ khi sử dụng cùng indicator đó, và khi mà phần lớn niềm tin của nhà đầu tư vào một số indicator tăng lên thì có nghĩa là tỉ lệ phản ứng tâm lý của họ tại thời điểm đó giống nhau là sẽ cao hơn. Sử dụng Indicator trong từng thời điểm, từng trường hợp cụ thể và từng món hàng riêng biệt là một nghệ thuật, mà theo quan niệm của Tôi là sẽ phải linh hoạt trong cách sử dụng indicator cho phù hợp.

Trend is your friend. Tôi không biết ai đã nói câu này, nhưng với Tôi đó là chân lý trong trading. Trend chính là tấm gương phản chiếu rõ nét nhất hiện trạng của market. Muốn trading cho thành công bạn phải học cách xác định và đi theo trend. Công việc này nói nghe có vẻ đơn giản, nhưng nó là một trong những việc khó nhất của trading (có lẽ chỉ sau việc đọc hiểu market sentiment). Trend có khi kéo dài thật lâu nhưng cũng có khi diễn ra thật ngắn, trend thường được bắt đầu và kết thúc bởi một candlestick formation. Cho nên việc đầu tiên khi học về trend là đi học về nến (candlestick), hay chính xác hơn là các mẫu hình nến. Khả năng nhận biết chính xác, sử dụng linh hoạt các candlestick pattern kết hợp với đọc hiểu market sentiment sẽ cho bạn cái nhìn sớm nhất về hiện trạng của xu hướng thị trường. Ngoài các mẫu hình candlestick ra thì còn có khá nhiều mẫu hình chart parttern.

Nguyên lý trong phân tích kỹ thuật đó là xác định xu hướng của thị trường, dựa vào những formation của giá để định trend. Sau khi định được trend thì sẽ sử dụng những indicator cần thiết để xác nhận lại xu hướng đó có mạnh hay không, và cái formation hiện thời đó có phải là một formation tốt nhất để vào lệnh hay không. Trong quan niệm của anh Viet Currency có đề cập tới 3 yếu tố chính trước khi đặt lệnh mua bán trên thị trường. Ba yếu tố đó bao gồm: FORMATION (Chính là những yếu tố trên chart, các mẫu hình nến, mô hình chart parttern…), MARKET SENTIMENT (Đây chính là những yếu tố cơ bản liên thị trường, là những yếu tố giúp chúng ta đoán biết được cái tâm tư hiện thời của market, cái mà chúng ra đã tìm hiểu ở những mục trước cuốn sách này), MOMENTUM (Hàm ý là những xung lực được thể hiện qua những indicator đo lượng xung lượng, VD: MACD, RSI…). Và việc kết hợp tất cả các yếu tố trên là một việc không phải đơn giản,

ngoài những kiến thức cơ bản liên thị trường học được đó thì kết hợp nó với phân tích kỹ thuật cũng là một nghệ thuật.

Formation là một phạm trù rất rộng, và một chương sách không thể nào nói hết được, trong cuốn sách của tác giả Việt Trader cũng đã nói khá nhiều mẫu hình candlestick và chart parttern rồi, và với kiến thức của Tôi cũng có hạn nên không thể nào nói hết những gì về phân tích kỹ thuật, vậy nên trong chương sách này Tôi chỉ giám nêu lên một vài formation cơ bản và một vài indicator cơ bản. Trong thế giới Phân tích kỹ thuật này rất bao la rộng lớn và thực sự là có rất nhiều trader kiến thức tốt hơn Tôi rất nhiều, những gì Tôi chia sẻ cũng chỉ là những kiến thức Tôi đúc rút được trong quá trình học hỏi, nghiên cứu thị trường, vậy nên sẽ không thể nào tránh khỏi những sai sót. Hi vọng các bạn sẽ có những góp ý với Tôi qua email hoặc contact trực tiếp với Tôi.

"Giá là một khái niệm, và khái niệm lại dựa vào TÂM TÌNH người trong cuộc. Chính xác hơn là dựa vào hai lực FEAR & GREED. Cả hai lực này đều được thấy rất rõ trong giai đoạn CỰC ĐỘ (extremes) của giá. Và cái extremes đó được thấy rất rõ qua hai sự kiện: T/A & Market Sentiment. T/A thì formation của nó là PARABOLIC TOP; market sentiment là cực bullish. Nghĩa là đi đâu cũng thấy toàn là những bài "phân tích" rất logical về cái fundamentals cho việc giá tăng hiện và, QUAN TRỌNG HƠN, là giá sẽ tăng KINH KHIẾP trong tương lai. Hơn 300 năm về trước hiện tượng Tulip Mania tại the Netherland cũng không qua khỏi nguyên lý này; 70 năm về trước tại Mỹ qua sự kiện market crash cũng thế; 10 năm về trước là hiện tượng của dotcom trong Nasdaq, và gần đây nhất là là hiện tượng của dầu (oil 2008) và housing market tại Mỹ đều có những cá tính tương tự, nếu không nói là giống y (exactly)" ***Theo Viet Currency.***

"Lấy thí dụ gần nhất để cho ai cũng hiểu. Đó là oil của 7/2008. Riêng về dầu thì nó hiện ra rõ nhất. US market crashed vào tháng 10 cùng với cái chết của Lehman Bros. Trước đó vào khoảng tháng 7 thì oil lên đến 159/barrel. Song song với việc giá dầu lên cao đó, là cả một loạt bài phân tích được tung ra tiên đoán rằng oil sẽ hit 200 vào cuối năm 2008. Sau đó thì oil rất có thể lên đến 500/barrel vào cuối thập niên này. Lý do? Well...lý do thì có

vạn cái. Từ Saudi Arabia "cooked their oil book" bằng cách nói láo về số dầu dự trữ thật sự của họ. Sau đến là cái COST để kiếm dầu trong tương lai. Người ta còn đi xa hơn nữa để phủ nhận những bài research của các đại học danh tiếng về lượng dầu dự trữ của thế giới. Boon Pickens (đại bàng hạng nặng của oild market) ngày ngày leo lên CNBC ra rả tuyên bố cần xây thêm wind farms (tạo điện ra từ gió) vì giá dầu sẽ không thể xuống. Alternative fuel ra đời....Nói chung lại là người ta đưa ra hàng vạn lý do để chứng minh rằng dầu không thể nào xuống. Brian Hunter thắng 1 tỷ trong oil market trước tháng 7 để rồi banh gáo vào tháng 10. Dầu rớt từ 159 xuống 35 không phanh. Trước đó dầu không có để mua. 4 tháng sau, nghĩa là vào 11 và Christmas của 08 dầu nhiều đến mức không còn chỗ chứa, phải nằm trên các tàu vốn được dùng để chuyên chở dầu.

Câu hỏi vào thời điểm đó là tại sao? Demand cho dầu có thể rớt nhanh vậy à? Ngườ ta vẫn chạy xe mỗi ngày tuy có ít đi hơn tí. China vẫn còn mua dầu hằng ngày. Nhưng nếu nói rằng demand vốn là lực đã đẩy dầu lên đến đỉnh của 159 thì suply nào có thể đè nó xuống từ 159 đến 35? Giá là 1 khái niệm từ chỗ đó. Tuy nhiên, cũng vì 1 khái niệm cho nên người trader phải hiểu rằng khi đến mức độ cùng cực thì giá không rớt 1 cách bình thường, mà là CRASH theo đúng nghĩa danh từ. Và khi nó crash rồi thì coi như xong. "Xong 1 đời hoa." Hiện tượng đại bàng gẫy cánh là có thật sau khi 1 hot commodity CRASHED & BURNED. Điều tôi muốn nói ở đây là những sự kiện đã và đang xảy ra với vàng hiện tại có 1 nét rất giống những MANIA đã xảy ra trước đây. Các loạt bài "phân tích" được tung ra trên internet vừa mang tính cách phân tích, vừa lồng vào đó 1 chút ẢO TƯỞNG sẽ thu hút rất nhiều khách.

Hầu hết các loạt bài đó sau này khi nhìn ngược về đều là JUNKS. Vào đầu năm 2009 khi the Fed mới tung ra QE, thiếu gì các bài viết trên internet tiên đoán là HYPER INFLATION. Bác hẳn còn nhớ. Fast forward gần 3 năm sau. Hiện tượng hyper inflation không thấy mà chỉ thấy the FED chơi thêm 1 cái QE nữa, và còn hăm he chơi thêm cái thứ 3 cho đủ bộ. Lý luận hyper inflation chìm dần vào dĩ vãng. USD xuống mạnh, tạo nên cái 30-yr low (please check) thì bài học cũ lại xuất hiện. Vàng được tiên đoán là hít 2K or 5K trong tương lai. Nếu financial market là 1 cái bánh xe của lịch sử thì việc người ta tuyên

bố chuyện "trên Trời dưới Đất" kiểu này thường là 1 dấu hiệu the end is near. How near thì tôi không biết, nhưng tôi biết rằng khi gold bubble mà FINALLY POP thì sẽ cả trăm Brian Hunter, chứ không phải 1. Rất nhiều retail investors sẽ banh gáo suốt đời. Người ta thường nói. Lịch sử là cái bánh xe. Người nào không học thì rất có thể sẽ bị bánh xe lịch sử cán. Tôi không biết bác thế nào. Nhưng nếu là tôi thì tôi rất SKEPTICAL với các loại news mà bác post phía trên. Hầu hết các chú publish những newsletters kiểu này chỉ muốn kiếm khách hơn là make $$$$ in trading." ***Theo Viet Currency.***

Trên Website Tôi cũng đã up tất cả những tài liệu thu thập được của anh Viet Currency, các bạn quan tâm có thể tìm đọc, hi vọng những tư duy phân tích đó sẽ giúp các bạn giao dịch tốt hơn.

Theo anh Viet Currency: Một trading signal phải có ÍT NHẤT là 3 điều:

- **Formation**
- **Momentum**
- **Market Sentiment**

Và phải kết hợp tốt cả 3 thì xác xuất thành công mới cao. Khi nào đủ 3 yếu tố đó thì mới xuất chiêu. Ra chiêu sớm khi chưa đủ công lực (3 yếu tố chính phía trên) thì khó mà dứt điểm đối thủ lắm. Trong các derivative markets như Vàng, Oil, Currency toàn là cao thủ của TA nằm trong đó.

Nếu bác thấy được cái này thì họ cũng ĐÃ THẤY rồi. Cho nên không dễ ăn như bên stocks đâu. Sự thắng thua trong các markets này thường xuất phát từ lý do thứ 3: MARKET SENTIMENT. Chứ không phải từ charts. Đó là tại sao phần lớn traders thua trong derivative markets. Lý do thứ 3 đòi hỏi một sự phân tích xuyên market để thấy the real $ đang, hay có thể, sẽ làm gì.

Giá trên thị trường là 2-dimensional object. Đó là tại sao trên chart có hai cột X & Y. Tại vì giá gồm có thời gian. Take a first derivative of price (theo toán học) sẽ là momentum. Hay nói chính xác hơn thì momentum là RATE OF CHANGE OF PRICE. Hay chính xác

hơn là mỗi ngày qua sự thay đổi của giá có TĂNG so với ngày hôm trước hay không? Rate of change là vật SLOW DOWN trước khi giá thật sự slow down.

Trong TA nó có 3 loại phân tích: Formation, Trend, Momentum. Formations là hình dáng mà bạn phải nhận ra để nhớ. Sau đó là bạn xài trend indicators để dò hướng đi. Cuối cùng là bạn xác nhận hướng đi đó với momentum. Momentum là sức mạnh của hướng đi.

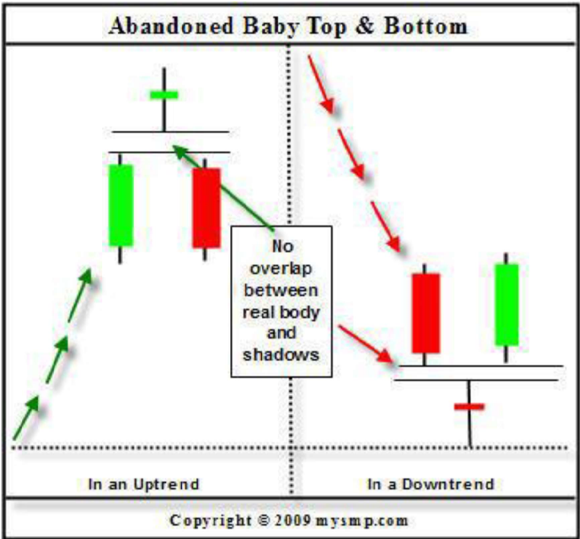
Đó là 3 điều cơ bản mà bạn cần biết trước khi phân tích chart.

Formation được tăng thêm tín nhiệm (credibility) khi nó được hai loại indicators trend & momentum xác định. Thí dụ như bạn thấy một break out mà bạn nghi là a bull trap thì bạn có thể xài hai loại indicators ở trên mà gạn lọc nó. Nếu gạn lọc được rồi thì bạn mới quả quyết nó là gì. Bằng không thì bạn rất sẽ khó biết cho đến khi nó xảy ra.

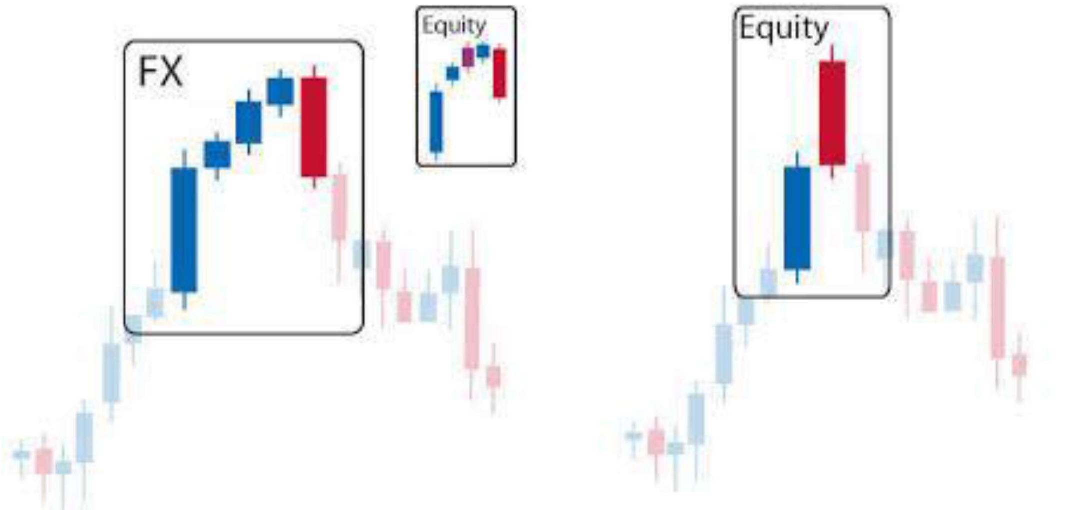
I- FORMATION.

Tổng hợp một vài mẫu candlestick parttern formation:

Phần dưới đây Tôi sẽ liệt kê một vài mẫu candlestick parttern thông thường và dễ nhận thấy nhất. Những mẫu nến dưới đây có thể thường gặp nhưng không phải lúc nào cũng đúng, phân tích kỹ thuật chỉ là một phần nhỏ hỗ trợ chúng ta thêm trong việc tiên đoán xu hướng của market, cái quan trọng nhất vẫn là hiểu được market sentiment, tức là đọc hiểu được tâm lý market qua từng sự kiện, như vậy mới có thể trade tốt và hạn chế được những rủi ro không đáng có.

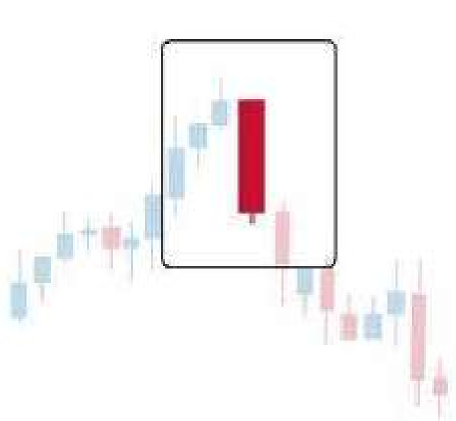


Hình 8.1: Abandon baby



Hình 8.3: Bearish Breakaway

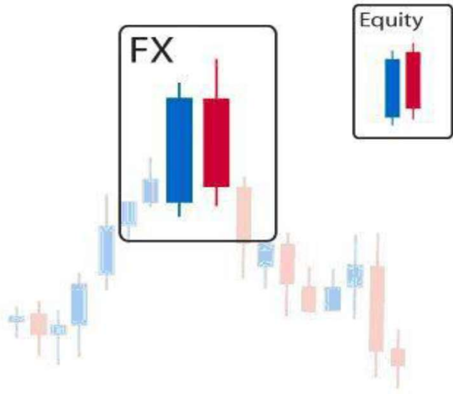
Hình 8.5: Meeting line



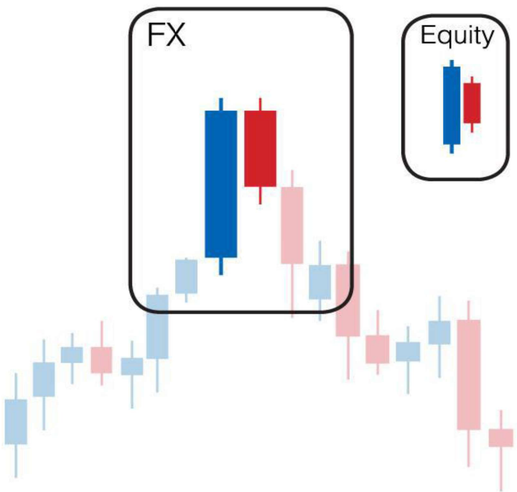
Hình 8.2: Bearish belt hold



Hình 8.4: Gravestone Doji



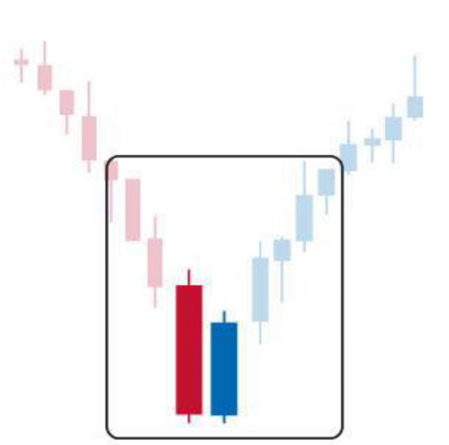
Hình 8.6: Dark cloude cover



Hình 8.7: Bearish Harami



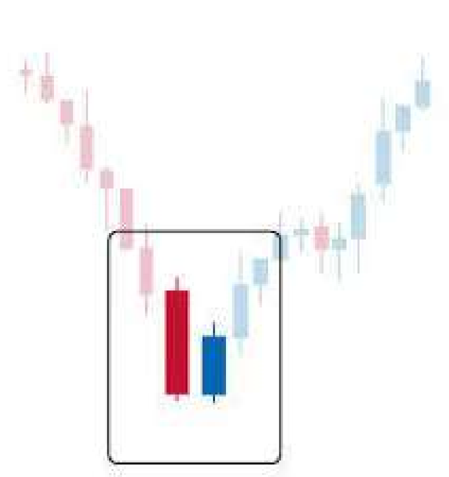
Hình 8.9: Bullish delibration



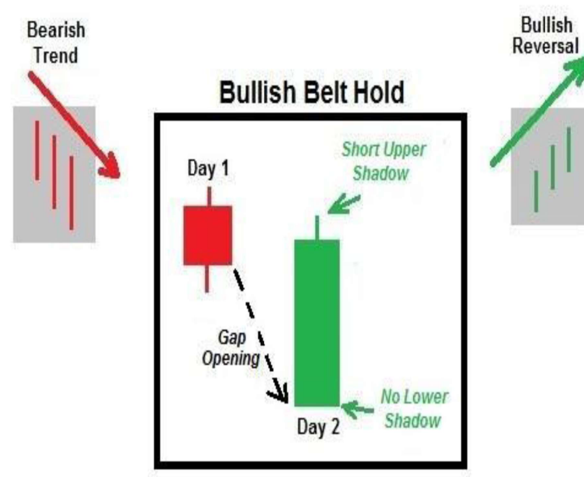
Hình 8.11: Bullish Piercing line



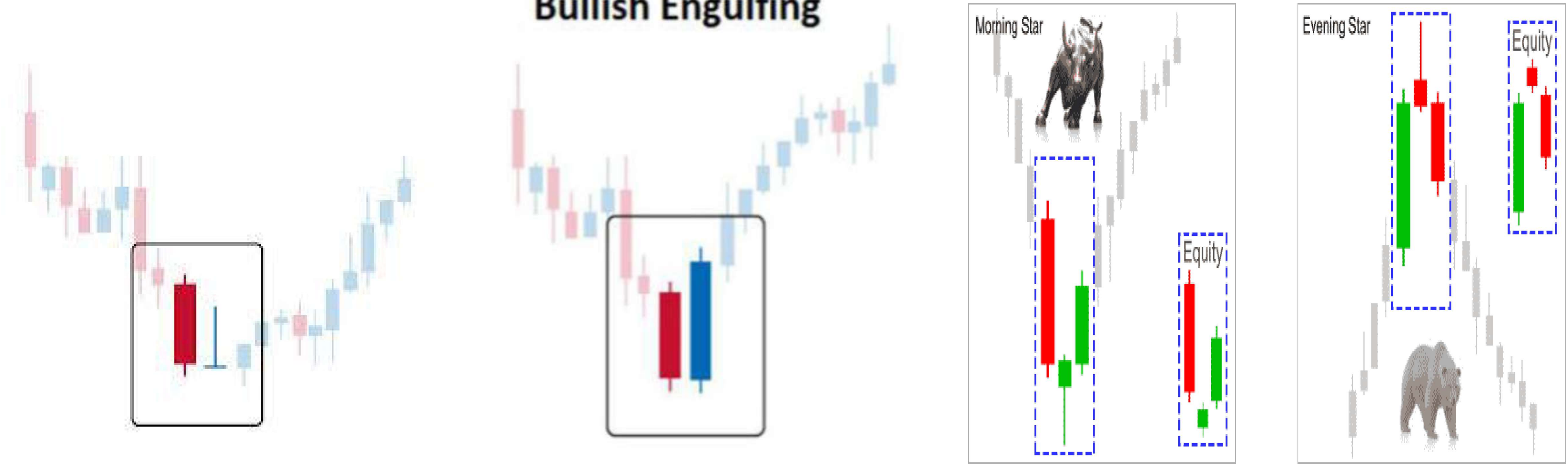
Hình 8.8: Bullish breakaway



Hình 8.10: Bullish Harami



Hình 8.12: Bullish belt hold



Hình 8.13: Bullish Gravestone Doji *Hình 8.15: Bullish engulfing* *Hình 8.17: Morning & Evening star*



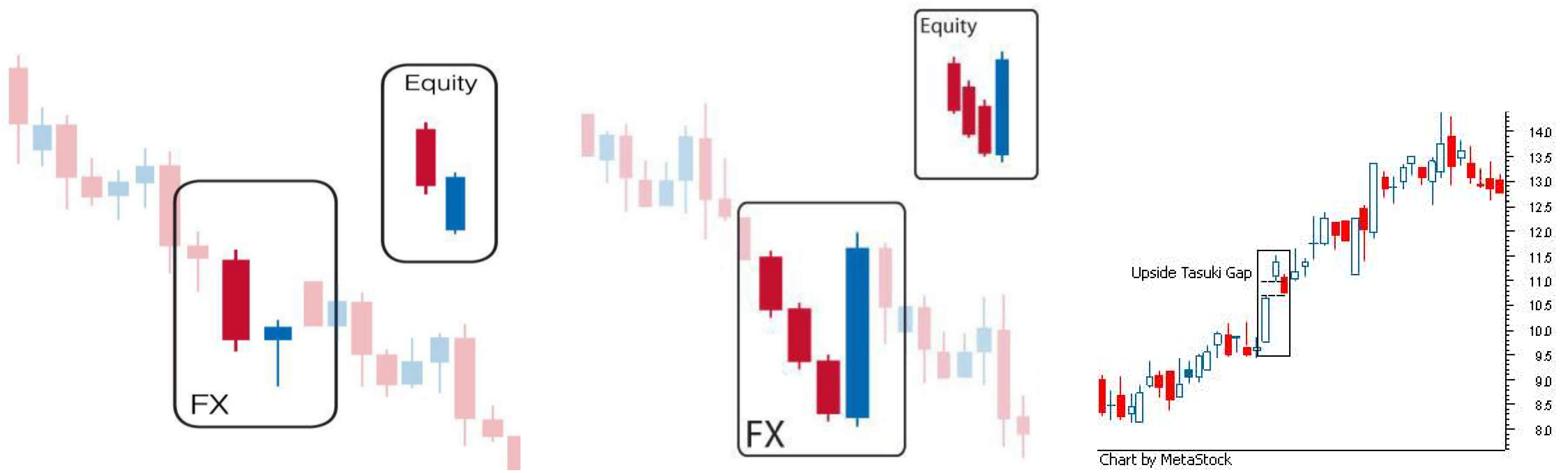
Hình 8.14: Bearish delibration *Hình 8.16: Bearish engulfing* *Hình 8.18: Advance Block*



Hình 8.19: Falling three method

Hình 8.21: Downside tasuki gap

Hình 8.23: Side by side white line



Hình 8.20: Continuation on neck

Hình 8.22: Three line strike

Hình 8.24: Upside tasuki gap

<u>Tổng hợp các Chart Parttern xác định trend:</u>

Điều kiện tiên quyết khi xác định các formation là nó cần phải được hình thành sau một trend trước đó. Up trend or down trend đều được. Trend trước đó là điều kiện cần phải có để cho formation, pattern hiện thời làm công việc của nó là dự báo giá sẽ tiếp diễn or đảo ngược trend cũ. Khi các bạn hiểu dược câu chuyện ẩn dằng sau cái chart đó rồi thì nhìn lại chart mà xuất hiện những mô hình như thế này thì xác xuất make $ trong nhận định là sẽ rất cao. Bạn nào muốn tìm hiểu sâu hơn thì có thể vào trực tiếp website của Thomas N. Bulkowski: http://thepatternsite.com/. Hoặc bạn nào muốn có cuốn sách tổng hợp tất cả các chart parttern thì contact với Tôi.

Thêm một lưu ý mà Tôi đã nhắc ở trên về các mô hình chart parttern này, đó là giá sẽ break out vào thời điểm chúng ta không thể ngờ tới, và thường sau đó sẽ có chút hồi lại, cái thời điểm nó hồi đó gọi là một bull trap hay bear trap mà rất nhiều bạn sẽ bị đánh lừa. Với kinh nghiệm cá nhân Tôi sẽ không vào lệnh lúc đó mà sẽ đợi giá hồi lại đường trendline đã break out đó rồi mới vào lệnh. Sở dĩ Tôi nhắc đi nhắc lại nhiều lần bởi vì kiên nhẫn chờ đợi sẽ cho chúng ta điểm vào mà Stop Loss là Bé Nhất.

- *<u>Bullish rising wedge</u>*

Chart parttern này hình thành sau một down trend. Giá theo đó lần lượt hình thành các đáy mới với đáy sau cao hơn đáy trước. Số lượng các đáy trong formation này thông thường là từ hai đến ba đáy. Điểm lưu ý ở formation này là các đỉnh hình thành với đặc điểm đỉnh sau bằng hoặc thấp hơn đỉnh trước một chút xíu. Cốt ý của điều này là biểu hiện của việc volatility (độ biến động) trong giá đang giảm. Volatility giảm là thể hiện tâm tư người trong cuộc đã dần thay đổi. Từ một trạng thái cực kỳ bearish chuyển dần sang ít bearish hơn (= độ biến động ngày càng co rút lại) trước khi chuyển sang giai đoạn hai là giai đoạn giá break và đi lên đảo ngược hoàn toàn trend trước đó.



Hình 8.25: Bullish rising wedge.

Liên quan đến các mô hình của giá là khái niệm measure move. Đây là cách thức để trader tính ra giá mục tiêu sau khi đã có pattern. Đối với mô hình cờ tăng giá này thì measure move được tính bằng cách lấy giá tại điểm break (điểm 6 trong hình vẽ) cộng với "độ lớn" của cái wedge (lá cờ). Độ lớn này được xác định bằng cách lấy giá tại đáy 1 cộng với giá của đường cơ bản (base line) là mức giá tại đỉnh số 2 trên hình. Theo ví dụ trong chart bên trên thì target xác định được là 1125, và giá này đã đạt chỉ trong ba ngày sau đó. Đây chính là điểm hay của formation này. Nó cần thời gian khá dài để hoàn thành nhưng một khi đã complete thì giá chạy rất mau tới mục tiêu. Cái hay là khi các bạn đọc hiểu được market sentiment mà mang nó đặt lên chart xuất hiện mô hình này thì đúng là một cơ hội rất tốt để make $.

➢ *Bearish falling wedge:*

Về bản chất mô hình này hoàn toàn giống với bullish rising wedge. Đặc khác biệt duy nhất nằm ở điều kiện market mà nó xuất hiện. Bullish wedge xuất hiện sau một down trend trong khi bearish wedge xuất hiện sau một up-trend.

Measure move với formation này được tính bằng cách lấy giá tại điểm break đường base line trừ đi độ rộng của cái wedge (lá cờ). Độ rộng đó được tính bằng cách lấy giá tại đỉnh cao nhất của cái wedge (đỉnh 1) trừ đi giá tại đáy thấp nhất tròn wedge (đáy hai) nơi hình thành đường base line.



Hình 8.26: Bearish falling wedge

➢ *Head and Shoulder pattern.*

Đây là một trong những mẫu hình phổ biến nhất và đáng tin cậy trong các mẫu hình phân tích kỹ thuật. Sở dĩ có tên gọi là Vai- đầu- vai là bởi vì pattern này có dạng giống như hình vai đầu vai của một con người.

H&S thường là một mẫu hình đảo chiều, báo hiệu chứng khoán sẽ di chuyển ngược lại xu hướng trước đó. Pattern này tồn tại dưới hai dạng. Cái thứ nhất gọi là H&S xuôi báo hiệu giá chứng khoán sẽ giảm xuống khi mẫu hình đã hoàn tất và thường được hình thành ở tại đỉnh của một xu hướng tăng giá. Cái thứ hai là H&S ngược (đầu và vai bị đảo ngược) báo hiệu rằng giá chứng khoán được sẽ tăng lên và thường được hình thành ở một xu hướng giảm giá.

Cả hai mẫu hình vai – đầu – vai này có một cấu thành giống nhau, trong đó có 4 phần chính của mẫu hình là: 2 vai, 1 đầu và đường viền cổ. Các mẫu hình được xác nhận khi đường viền cổ bị phá vỡ, sau khi hình thành của vai thứ 2. Vì có bốn phần chính nên mẫu hình cần trải qua 4 bước để hoàn thành. Bước đầu tiên là hình thành vai trái. Vai trái được hình thành khi giá cổ phiếu vươn đến mức giá cao mới và bắt đầu thoái giảm đến một mức thấp mới. Bước hai là sự hình thành đầu. Đầu được hình thành khi giá đạt đến một mức cao hơn so với vai trái, sau đó thoái lui trở lại gần mức thấp khi hình thành vai trái. Bước thứ ba là sự hình thành vai phải, giá chứng khoán tăng đến một mức cao mới nhưng phải thấp hơn đỉnh được hình thành ở đầu nhưng theo sau đó là sự kháng cự đi xuống đến gần mức thấp của vai trái. Mẫu hình hoàn tất khi giá giảm xuống dưới đường viền cổ. Đường viền cổ là một đường hỗ trợ được hình thành bởi những điểm thấp nhất được đề cập ở 3 bước trên. Với mô hình này đôi khi điểm vào lệnh không nhất thiết phải là break out mà nó hình thành vai phải thì đa phần nhà đầu tư cũng đã đoán ra được và thường họ sẽ vào lệnh ngay tại đỉnh vai phải nếu như các phân tích hỗ trợ.

Nguyên lý cân bằng (symetry) được áp dụng vào mô hình này. Tức khoảng thời gian để hình thành vai phải thường bằng (or gần bằng) khoảng thời gian để giá hình thành vai trái trước đó. Áp dụng nguyên lý, trader có thể tiên đoán vùng đất nào là đỉnh của vai phải.



Hình 8.27: Head & Shoulder parttern ngược.

Measure move với mô hình được tính bằng mức giá tại điểm break đường neckline cộng (nếu là mẫu hình ngược) hoặc trừ (nếu là mẫu hình xuôi) đi độ rộng của formation. Độ rộng được định nghĩa bằng mức giá tại điểm Head (H) trừ đi giá tại điểm đường neckline bị phá vỡ.

Một đặc điểm cần lưu ý là quá trình giá test lại đường neckline rất thường xảy ra. Điểm để người trader phân biệt giữa một quá trình giá chỉ là test neckline với một mô hình failure là mức giá test lại không vượt quá đỉnh của vai phải vừa hình thành trước đó. Điều này Tôi đã lưu ý với các bạn trước khi tìm hiểu chart parttern rồi đó.

Cũng tương tự như *Head & Shoulder parttern ngược* thì cách tính Measure move với mô hình này cũng tương tự được tính bằng mức giá tại điểm break đường neckline cộng (nếu là mẫu hình ngược) hoặc trừ (nếu là mẫu hình xuôi) đi độ rộng của formation. Độ rộng được định nghĩa bằng mức giá tại điểm Head (H) trừ đi giá tại điểm đường neckline bị phá vỡ.

Và dù có là H&S thuận hay ngược thì vẫn cần phải hình thành điểm break out mới là một mô hình hoàn chỉnh, thế những sẽ rất ít trader kiên trì đợi nó beark out mà thường sẽ vào lệnh ở ngay đỉnh của Shoulder phải.



Hình 8.28: Head & Shoulder parttern.

- *Double bottom chart parttern.*

Pattern này hình thành khi giá tạo thành hai điểm đáy liên tiếp sau một xu hướng giảm hoặc tăng trước đó. Tương tự các chart parttern khác thì parttern này cũng có hai mẫu đảo chiều tăng và giảm, mô hình này chỉ hoàn thành sau khi giá đã hình thành đáy thứ nhất và sau đó có chút phục hồi tăng lên và rồi đảo chiều hình thành đáy thứ 2, đáy thứ hai này thường sẽ bằng với đáy đầu tiên hoặc trong một vài trường hợp đặc biệt thì sẽ cao hơn hoặc thấp hơn đáy thứ nhất nhưng thường không quá 50% của đoạn phục hồi từ đáy thứ nhất. Dấu hiệu nhận biết tốt nhất là thời điểm giá break out khỏi đỉnh của đoạn phục hồi từ đáy thứ nhất. Mô hình hai đáy là thời kỳ chuyển đổi xu thế giảm giá thành xu thế tăng giá hoặc ngược lại xu hướng tăng thành xu hướng giảm, nó mang tính đảo chiều. Đây là một trong những mô hình dễ nhận biết nhất trong tất cả các mẫu hình của TA, nhưng cũng chính vì thế mà nó khiến cho trader rất dễ rơi vào trạng thái trade nóng vội. Tức là trade dựa trên ngay khi giá đến vùng giá của đáy thứ nhất . Thực tế thống kê cho thấy nếu trader nóng vội tham gia ngay từ đầu thì xác xuất thất bại là 64% còn nếu họ cố gắng đợi đến khi xuất hiện "breakout" (đảo chiều) thật sự thì xác xuất thất bại chỉ còn 3%*.

Để có thể nhận diện chính xác mô hình, các bác nên chú ý đến một số vấn đề: đáy thứ hai không nên xuống vượt quá đáy thứ nhất; khoảng thời gian giữa hai đáy cũng là một dấu hiệu quan trọng-thời gian càng dài thì độ chính xác càng cao-ít nhất phải là một tháng và có thể kéo dài nhiều tháng.

Measure move đối với pattern này cũng được tính toán dựa trên một nguyên lý chung là "the length of the move is the height of the base" tức là mục tiêu của cái move sau mỗi formation bằng chính cái độ cao của formation đó. Áp dụng vào mẫu hình này, mức giá kỳ vọng được tính bằng giá tại điểm break base line cộng vơi độ cao của mô hình (xem hình).

(*)Ghi chú: Theo Encyclopedia of the Chart Patterns của tác giả Thomas N.Bulkowski.

Dạng đối ngược của mẫu hình này, nhưng có các đặc điểm tương tự là mẫu hình Double top. Xuất hiện sau một up- trend, double top cũng là một mô hình thường xuyên xuất hiện nhất và khá chính xác trong các patterns của TA nói chung.



Hình 8.29: Double Top parttern.

Measure move của mô hình này cũng được tính bằng cách lấy mức giá của điểm đỉnh double top trừ đi giá của điểm break out, mà khoảng chênh lệch này chính là khoảng mà target mục tiêu tính từ điểm break out (trên hình vẽ chính là khoảng a)

Trên thực tế không phải lúc nào giá cũng thuận theo parttern này, mà sẽ có nhiều thời điểm giá hồi lại hay còn gọi là vùng đánh lừa như trong hình bên, đó là lý do mà Tôi luôn nhấn mạnh phải kiên trì đợi giá hồi lại tại điểm break out hãy vào lệnh, lúc đó sẽ hạn chế stop loss rất ngắn.

Cũng tương tự như Double top parttern thì measure move của double bottom parttern cũng được tính bằng cách lấy giá của điểm break out trừ đi giá của đáy thứ hai, mà khoảng chênh lệch này chính là khoảng mà target mục tiêu tính từ điểm break out (trên hình vẽ chính là khoảng a)



Hình 8.30: Double bottom parttern.

➢ *Broadening top and bottom reversal.*

Đây là một formation tương đối phổ biến trong TA và cũng là một trong những pattern khó nhận biết nhất. Hình dạng của nó giống một cái loa và nó thường mất nhiều thời gian để thành hình hơn so với những pattern khác.

Mesuare move đối mô hình này được tính bằng giá tại điểm break (xem hình dưới) trừ (nếu là broadening top- BT) hoặc cộng (nếu là broadening bottom- BB) với độ cao của mẫu hình. Độ cao của mẫu hình được tính bằng mức giá tại đỉnh cao nhất của fomation trừ đi mức giá tại điểm break (nếu là BT) hoặc bằng mức giá tại đáy thấp nhất trừ đi mức giá tại điểm break (nếu là BB).



Hình 8.31: Broadening Top Parttern.

➢ *Triple top and bottom.*

Triple pattern là một mẫu hình tồn tại dưới hai hình thái. Cái thứ nhất hình thành sau một up trend, người ta gọi ba đỉnh; cái thứ hai hình thành sau một down trend người ta gọi

là ba đáy. Đặc điểm của ba đỉnh, ba đáy là nó được tạo nên bởi 3 đỉnh nhọn, ở cùng một mức giá. Mô hình 3 đỉnh được áp dụng khi thị trường đang lên. Giá tăng đến một mức kháng cự nhất định thì giảm xuống, sau đó lại tăng lên, chạm mức cản một lần nữa rồi lại giảm lần thứ hai, và cuối cùng tăng đến mức cản lần thứ 3 trước khi giảm. Lần giảm giá thứ ba này có thể chính là bắt đầu của một giai đoạn thị trường đi xuống. Mô hình ba đáy thì ngược lại của tiến trình trên.

Sự tồn tại của mô hình này để nhắc nhở người ta không nên nóng vội giao dịch khi chart có dạng của mô hình double top or bottom đã nói bên trên. Lý do là bởi vì nếu giá chưa break base line thì rất có thể mẫu hình hai đỉnh, đáy đó chỉ là một triple pattern đang thành hình mà thôi.

Triple pattern cũng có thể được coi là một biến thể của mô hình đầu và vai (SHS). Điểm khác biệt duy nhất là 3 đỉnh của mô hình này ở cùng một mức giá, chứ không có một đỉnh vượt hẳn lên như mô hình S-H-S. Cũng giống như double pattern, mô hình này được coi là hoàn thành khi nó break đường base line. Measure move cũng được tính giống với cách tính của mô hình hai đỉnh, đáy. Tức là tính bằng chiều cao của chính nó.



Hình 8.32: Triple bottom parttern.

➢ *Flags.*

Đây là dạng parttern phổ biến, và có thể nói là thường gặp nhất. Parttern này hình thành sau một xu hướng tăng hoặc giảm, và sau khi hoàn thành first leg xong thì giá sẽ có xu hướng tạo mô hình một cái lá cờ, là cờ này có thể là thuận theo xu hướng hoặc có thể là ngược lại xu hướng first leg trước đó. Và cũng như các dạng parttern khác thì flag sau khi tạo xong sẽ cần một cái break out, và khi giá break out khỏi cái flag thì cũng sẽ có một đoạn mà người ta gọi là bull trap or bear trap đó.

Cách tính measure move của mô hình này cũng tương tự các dạng parttern khác, đó chính bằng độ rộng của first leg.



Hình 8.33: Flag parttern (ở đây là dạng parttern tiếp diễn của cái first leg trước đó).

➢ *Cup with handle.*

Mô hình này cũng được xem là một dạng parttern quan trọng, thế nhưng thời gian để hoàn thành parttern này thường rất lâu, và tỉ lệ thành công khi hình thành là không cao

bằng các parttern khác. Như tên gọi thì parttern này là một dạng hình giống một cái ly (tách) uống nước. Và điểm nhận biết là khi giá break out khỏi cái tay cầm của ly. Parttern này cũng có hai dạng, thường thấy nhất là hình cái tách để bình thường và dạng tách để up xuống (dạng parttern này là để xác nhận xu hướng giá beark out giảm).

Measure move của parttern này cũng tương tự như các dạng parttern khác, target sẽ chính bằng độ rộng của parttern.



Hình 8.34: Cup with handle.

Các dạng chart parttern còn rất nhiều, nhưng về cơ bản thì các bạn chỉ cần quan tâm những dạng mô hình phổ biến này, thường thì các dạng parttern khác được hình thành và phát triển từ chính những dạng parttern này. Điều quan trọng nhất vẫn là hiểu được câu chuyện ẩn đằng sau cái chart rồi từ đó mang câu chuyện đó gắn lên chart để tìm ra đáp số.

Formation về cơ bản Tôi đã nêu lên đây. Phần tiếp theo sẽ là Momentum mà được hiểu đó chính là những xung lực trên chart, được phản ảnh qua lực tăng hoặc giảm của thị trường.

II- MOMENTUM.

Một yếu tố quan trọng cũng không kém trong phân tích và vào lệnh mà anh Viet Currency đã nhắc đến, trong ba yếu tố thì Market Sentiment được xem như là linh hồn của phân tích, và Formation được xem như là công cụ hay còn gọi là thứ vũ khí của người lính khi ra trận, còn Momentum được ví như là nội lực hay là tinh thần và thể trạng của người lính vậy. Ba yếu tố này một khi được kết hợp một cách nhuần nhuyễn và tốt nhất thì sẽ giúp cho người Trader có thể nhìn bao quát toàn bộ market cộng với sự chắc chắn trong từng lệnh giao dịch, nhờ đó mà tỉ lệ thắng sẽ cao hơn rất nhiều. Tất nhiên là không thể phủ nhận tầm quan trọng của một trong ba yếu tố đó và cũng khó để mà đặt lên bàn cân so sánh đơn lẻ được. Trong quan niệm của cá nhân tôi thì Market Sentiment chính là linh hồn và là cái quan trọng nhất, phải có được cái tư duy phân tích, phải đọc hiểu được tâm lý market qua từng sự kiện thì khi đó mới cần áp dụng tới hai yếu tố trên.

Momentum là một phạm trù rất rộng lớn, ở trong khuôn khổ cuốn sách này Tôi sẽ chỉ nêu một vài Indicator phổ biến nhất dùng để quan sát và đo xung lực của thị trường. Trong hàng trăm indicator hiện có thì có 4 indicator phổ biến mà Tôi nghĩ là Trader nào cũng từng biết đến và đã có sử dụng qua: MACD, RSI, Stochastic, ADX. Thực sự còn rất nhiều các indicator khác nữa và những kiến thức về các indicator này đã có rất nhiều trên internet. Tôi sẽ không nhắc lại nữa. Phần ứng dụng Tôi sẽ gộp vào chương các ví dụ tổng hợp. Trong các indicator đó thì sẽ phải thật sự linh hoạt để biết khi nào nên sử dụng chỉ số nào, và từng sự kiện cụ thể, từng biến động trên chart để mà linh hoạt trong sử dụng.

Về phân tích kỹ thuật hiện tại có rất nhiều tài liệu, rất nhiều nguồn và cũng khá nhiều tác giả viết sách rồi, các bạn có thể tham khảo thêm.

III- MARKET SENTIMENT.

Yếu tố này chính là những gì chúng ta tìm hiểu xuyên suốt cả cuốn sách này, việc đọc hiểu tâm lý market chính là đọc hiểu các tin tức cơ bản, các sự kiện tác động đến market… đó chính là những phân tích liên thị trường mà Tôi nhắc đến.

IV- DEAD CAT BOUNCE, BULL TRAP VÀ BEAR TRAP, TIMING TRONG GIAO DỊCH.

1- *Dead cat bounce.*

Thuật ngữ này được sử dụng khá nhiều trong thị trường tài chính, và đặc biệt là thị trường chứng khoán và trao đổi tiền tệ. Trong quá trình giao dịch chắc chắn sẽ gặp rất nhiều thời điểm thị trường lao dốc nhanh chóng, và sau đó sẽ có một cú hồi lại. Thì cú hồi giá lại đó được gọi là một dead cat bounce, cú hồi giá lại thế này có thể diễn ra rất nhanh, và cũng có thể diễn ra tương đối lâu, tùy thuộc vào khung thời gian và xung lực của thị trường lúc đó. Thường thì những trường hợp dead cat bounce này xảy ra vào thời điểm và vùng giá mà chúng ta không ngờ tới nhất, và đến khi nó đã diễn ra thì chúng ta mới có thể nhận ra được. Có rất nhiều người lầm tưởng rằng dead cat bounce là một sóng hồi và họ thường sử dụng những công cụ như fibonacci… để đo được bước phục hồi đó, tuy nhiên đó là một phần nhỏ, tức là chỉ là bề nổi của hiện tượng này thôi.

- *Theo Investopedia định nghĩa: "Dead Cat Bounce"*

  Sự phục hồi tạm thời từ một sự suy giảm ngắn hoặc dài hạn tùy thuộc vào thời điểm và sự kiện diễn ra trên thị trường, tiếp theo của sự phục hồi đó sẽ là sự sụt giảm mạnh mẽ hơn và thị trường tiếp tục xu hướng giảm. Một con mèo bị rớt xuống sau đó bật nhảy lên lần nữa để tiếp tục rơi xuống lại, sự hồi phục ngắn ngủi nhỏ trong giá của chứng khoán hay các món hàng khác. Thường xuyên xảy ra hiện tượng này và thị trường sẽ bị gián đoạn một khoảng nhất định – hoặc các cuộc biểu tình nhỏ - nơi giá tạm thời tăng lên. Đây có thể là một kết quả của một sự chốt lời hoặc cắt lỗ trong ngắn hạn, ngay sau khi thị trường lao dốc thì sẽ có những tâm lý lo sợ giá giảm sâu nữa, và bên cạnh đó là một tâm lý chốt lời đối với những trader đặt cược xu hướng giảm, và chính những áp lực từ việc thoát khỏi thị trường đó đã khiến cho giá có chút hồi lại, cũng trong giai đoạn đó sẽ có không ít nhà đầu tư tìm mức giá thấp để mua lên, hay còn gọi là bắt đáy. Một con mèo nhảy lên để sau đó bị thả rớt lại là một mô hình giá thường được xác định trong các

phân tích có phần trễ so với những gì market phản ứng. Các nhà phân tích có thể cố gắng để dự đoán rằng sự phục hồi sẽ chỉ là tạm thời bằng cách sử dụng một số công cụ kỹ thuật để dự đoán.

DEFINITION of 'Dead Cat Bounce'

A temporary recovery from a prolonged decline or bear market, followed by the continuation of the downtrend. A dead cat bounce is a small, short-lived recovery in the price of a declining security, such as a stock. Frequently, downtrends are interrupted by brief periods of recovery - or small rallies - where prices temporarily rise. This can be a result of traders or investors closing out short positions or buying on the assumption that the security has reached a bottom. A dead cat bounce is a price pattern that is usually identified in hindsight. Analysts may attempt to predict that the recovery will be only temporary by using certain technical and fundamental analysis tools.

Hiện tượng Dead cat bounce chỉ xảy ra trong trường hợp thị trường giảm điểm, tức là một cuộc bán tháo, và sẽ có nhiều trường hợp nhầm tưởng dead cat bounce với một bull trap (phần tới Tôi sẽ nói về bull trap và bear trap). Việc sử dụng các indicator để xác định vùng giá sẽ hồi lên để từ đó tiếp tục xu hướng giảm là một việc làm tương đối khó, chúng ta chỉ có thể lựa điểm vào hợp lý với mức stop loss bé nhất mà thôi. Thường trong một xu hướng giảm và các tin tức là cực kỳ bearish thì đa phần người ta sẽ chờ điểm hồi cao một chút để vào lệnh short tiếp, và xác xuất thành công trong những lệnh này tương đối cao, thay vì bắt đáy của thị trường chỉ để kiếm chác một vài pips, vài chục pips thì các bạn có thể kiên nhẫn tìm điểm hồi giá để có thể make được nhiều $ hơn trong khoảng thời gian ngắn hơn. Hình thành dead cat buonce này là một phản ứng của tâm lý nhà đầu tư, mà ở định nghĩa ở trên Tôi cũng đã giải thích rồi. Bản thân Tôi trước đây cũng thường hay “bắt đáy” của thị trường, và thường thì xác xuất thua trên 80%, trải qua nhiều sai lầm khi thực hiện những giao dịch bắt dao rơi mạo hiểm đó Tôi đã quyết định là sẽ Follow the market chứ không chống lại market nữa.



Hình 8.35: Ví dụ về dead cat bounce với chỉ số chứng khoán S&P500 Future Indices.

Dead cat bounce có thể diễn ra trong thời gian rất ngắn hoặc cũng tương đối dài.



Hình 8.36: Ví dụ về dead cat bounce với Gold.

2- **Bull trap và Bear trap.**

Khái niệm về Bull Trap và Bear Trap có lẽ còn khá mới mẻ với đa số các trader mới bước chân vào thị trường, và cũng chính những cái trap này mà đã đánh lừa biết bao nhiêu con người và cũng chính vì nó mà bao nhiêu nhân tài đã phải vất vả tìm kiếm những system thật hoành tráng để cốt ý làm sao tránh bị những quả lừa như thế. Nhưng rồi tất cả đều vô vọng, bởi vì những cái động lực thật sự phía sau cái trap dó chính là đọc hiểu market sentiment, có thể nói nó là cái khó nhất trong tất cả các phần. Việc trong quãng đời trading gặp phải những cái trap như thế là chuyện quá bình thường và chắc chắn rằng ai cũng gặp phải những cái trap đó nhiều lần nữa.

"Theo anh Viet Currency:

Bull Trap có nghĩa là nó có cái dạng như break down, nhưng thật sự thì không. Sau vài ngày "break down" tự nhiên nó xoay chiều đi lên lại, làm cho người ta hố vì nghĩ nó sẽ đi xuống luôn, vì thế mới sinh ra danh từ TRAP. Đó là định nghĩa của chữ TRAP (cái bẩy). Bull là vì hướng đi của nó là UP. Bull trap xảy ra trong một DOWN TREND và tới một mức nào đó, thường thường là trong một consolidation phase (stock đi ngang). Sau đó nó pop up lên, làm cho người ta tưởng là the selling đã hết nên nhảy vào. Sau đó vài ngày thì nó quay đầu đi xuống lại, làm cho những người nhảy vào kẹt chân, hay sập bẩy. Những người nhảy vào lúc đó là bullish cho nên mới gọi là bull. Còn bị kẹt chân vì sập bẩy nên gọi là trap. Hai cái nhập lại gọi là bull trap.

Bear trap thì ngược lại, thường xảy ra trong một UP TREND. Giá stock đang lên, rồi consolidate(củng cố). Đột nhiên rớt xuống. Cái rớt đó làm cho mấy chú bên ngoài tưởng là một down trend đã bắt đầu nên nhẩy vào short, vì họ là bear. Sau vài ngày giá nhẩy lên lại. Mấy chú đó cũng bị kẹt chân. Và cũng là một cái trap. Cho nên tên nó là bear trap."

Bull trap và bear trap có nhiều dạng chứ không nhất thiết phải như những gì đã nói ở trên, theo quan điểm này là của cá nhân Tôi: Bull trap là một dạng đánh lừa khi giá tăng lên, và bear trap là một dạng đánh lừa khi giá giảm xuống. Bull trap có thể là một xu hướng giảm mạnh, sau đó giá hồi lại tương tự như dead cat bounce, và sau đó giá tăng lên vượt

ngưỡng kháng cự nên người ta lầm tưởng là đã đảo chiều, một trường hợp khác là giá đã tăng mạnh và sau đó tạo một mô hình (formation) xác nhận là sẽ tiếp tục xu hướng tăng nữa nhưng mà sau đó thì tạo một cái bull trap và giá đảo chiều giảm mạnh.

Còn bear trap cũng thế, có hai trường hợp theo Tôi: một là khi giá giảm mạnh và có điều chỉnh lại gọi là bounce rồi sau đó tạo một formation break out giảm tiếp làm cho trader lầm tưởng đó là một xu hướng giảm tiếp diễn, lúc này người ta sẽ tiếp tục vào lệnh short nhưng sau đó không lâu thì giá đảo chiều tăng mạnh, thứ hai là trường hợp giá tăng mạnh và tạo một formation giảm, cũng hình thành một vùng break out giảm nhưng chỉ sau đó không lâu thì giá lại tiếp tục đảo chiều tăng, khiến cho không ít trader bị đánh lừa.

- *Theo Investopedia định nghĩa: "Bull Trap"*

  Là một tín hiệu giả cho thấy một xu hướng giảm trong một tín hiệu đảo chiều của thị trường, trong một bull trap thì giá sẽ có những tín hiệu đảo chiều tăng, nhưng thực tế là giá chỉ tăng tới một ngưỡng kháng cự và tiếp tục xu hướng giảm, và dạng bull trap này xảy ra khi các mô hình hoặc tín hiệu đảo chiều tăng là rõ ràng.

  DEFINITION of 'Bull Trap'

  A false signal indicating that a declining trend in a stock or index has reversed and is heading upwards when, in fact, the security will continue to decline. A bull trap often causes some investors to buy the stock, but because the stock continues to decline after the initial signal, those who bought in are "trapped" in a bad investment.

  Theo Investopedia định nghĩa: "Bear Trap"

  Một tín hiệu sai rằng xu hướng tăng của một cổ phiếu hay các thị trường khác trong một tín hiệu đảo chiều của thị trường. Một cái bẫy giảm giá khi các trader đang đặt lệnh short trên thị trường, nhưng thực tế là giá chỉ giảm

trong một thời điểm nhất định sau khi đã tạo mô hình đảo chiều để đánh lừa các trader, sau đó giá tiếp tục xu hướng tăng trở lại.

Nhà đầu tư luôn nên xem xét một lệnh dừng lỗ khi thực hiện giao dịch, để tránh những tổn thất nặng nề, có thể đi xa khỏi một cái bẫy giảm giá. Hầu hết các nhà đầu tư đã rơi vào một cái bẫy giảm giá sớm trong các phiên giao dịch, và phân tích rằng đó là một xu hướng giảm đã được xác nhận, những trường hợp như thế này xảy ra khá nhiều lần.

DEFINITION of 'Bear Trap'

A false signal that the rising trend of a stock or index has reversed when it has not. A bear trap prompts traders to place shorts on the stock or index, since they expect the underlying to decline in value. Instead of declining further, the investment stays flat, or slightly recovers.

Investors should always consider a stop-loss order when executing trades, in order to avoid the heavy losses that can come out of a bear trap trade. Most investors who fall into a bear trap do so early in the trading session, and analyzing opening bell trends should indicate how often a particular investment falls in value early in the day, compared to later on.

Dưới đây là một vài ví dụ về Bull trap và Bear trap mà các bạn thường gặp, trong nghiệp trading chắc chắn sẽ phải gặp rất nhiều lần. Cho nên tầm quan trọng của đọc hiểu market sentiment và đặt stop loss là một điều không thể thiếu khi phân tích để vào lệnh.



Hình 8.37: Bear trap trong một xu hướng giảm trước đó.



Hình 8.38: Bear trap trong một xu hướng tăng trước đó, đây là một dạng tiếp diễn của xu hướng đã hình thành trước.



Hình 8.39: Bull trap trong một xu hướng giảm trước đó. Đây là một dạng tiếp diễn của mô xu hướng giảm, nhiều trader sẽ bị đánh lừa khi giá break out khỏi formation.



Hình 8.40: Bull trap trong một xu hướng tăng trước đó, dạng đảo chiều của thị trường.

3- ***Timing trong giao dịch.***

Đây có thể được xem là phần rất khó mà có lẽ chỉ sau đọc hiểu market sentiment. Tôi cũng không biết phải lý giải thế nào với thuật ngữ này, timing là một phạm trù khá là trừu tượng theo cá nhân Tôi. Đọc hiểu được market sentiment cộng với đó là kết hợp cả các formation và biết được xung lực của thị trường rồi nhưng phần không thể thiếu đó là thời điểm nào tốt nhất để vào lệnh. Có thể các bạn dự đoán đúng xu hướng và vào được điểm vào tốt, nhưng thời điểm vào chưa hợp lý thì cái khoảng thời gian ngồi lại trong thị trường sẽ lâu hơn và do đó sẽ tác động đến tâm lý trong quá trình trade của các bạn. Trong suốt quãng đời làm trader chắc chắn các bạn sẽ không thể nào đoán đúng timing liên tục được, mà may mắn thì chỉ một số ít lần làm được. Việc xác định Timing này cũng được nhiều người cố gắng tìm hiểu, nghiên cứu làm thành những bộ system hoành tráng. Trong quan niệm của Tôi xác định timing trong giao dịch ngoài những phân tích liên thị trường kết hợp với các yếu tố formation thì còn có những kỹ năng phải tôi luyện theo thời gian. Sẽ có nhiều thời điểm các bạn sẽ hình thành được một kỹ năng liên kết news được công bố với sự kiện hiện thời, có thể sẽ là con số này được công bố thì market sẽ chuyển hướng quan tâm sang một con số khác, và do vậy người ta sẽ kỳ vọng cái tương lai đó dựa trên những data đã có được.

Có lẽ cái câu hỏi KHI NÀO giá sẽ chạy là câu hỏi khó nhất trong trading, trong khi TA là nghệ thuật giúp chúng ta tiên đoán thời điểm vào lệnh và thoát lệnh, FA là giúp chúng ta đọc hiểu được market sentiment. Tất cả cũng chỉ mang tính tương đối và không có ai có thể đoán biết thành công được. Nếu là một day trader hay swing trader thì việc xác định Timing sẽ càng trở nên quan trọng hơn, chắc chắn trong đời trading của các bạn có rất nhiều lần vào lệnh và hit stop loss xong thì đảo chiều theo đúng phân tích, có quá nhiều lần luôn ấy chứ, thành ra khái niệm Timing này là một phạm trù rất khó có thể giải thích, chỉ là may mắn và kỹ năng của mỗi trader thôi.

"Trading không khó, Timing mới thật sự là khó hơn nhiều"

V- KỸ NĂNG KẾT HỢP TỐT CẢ 3 YẾU TỐ TRÊN CỘNG VỚI TIMING TỐT NHẤT CÓ THỂ.

Kỹ năng này đòi hỏi phải kiên trì theo thời gian, chăm chỉ đọc sách, đọc các tin tức và viết ra các nhận định của cá nhân. Không sợ phân tích sai, chỉ sợ không giám nói lên ý kiến của bản thân mà thôi. Tôi cũng không biết phải nói thế nào, vì những kỹ năng này hình thành trong tư duy của Tôi và Tôi cũng cố gắng viết nó ra thành các bài phân tích với điểm vào cho Tôi cái stop loss là bé nhất rồi. Các ví dụ xuyên suốt từ đầu cuốn sách tới giờ Tôi lấy cũng khá nhiều, cộng với đó là trong chương thực hành sau đây Tôi sẽ lấy thêm nhiều ví dụ khác nữa. Về kiến thức phân tích và các mối tương quan Tôi cũng đã hệ thống lại, tuy là chưa thể nào hoàn hảo nhưng các bạn có thể dựa vào những mối tương quan đó để hình thành nên kỹ năng phân tích cho riêng mình. Kiên trì và ham học hỏi, nỗ lực và không ngừng phấn đấu thì chắc chắn các bạn sẽ thành công trong nghiệp trading này.

Chương tiếp theo sẽ là chương thực hành áp dụng những kiến thức cơ bản và kỹ thuật học được vào giao dịch thực tiễn, bên cạnh đó Tôi cũng sẽ hướng dẫn cách đọc hiểu tin tức và hình dung được từng sự kiện được market quan tâm. Một phần khá quan trọng đó là phương pháp lập kế hoạch giao dịch trong từng sự kiện diễn ra trong tuần sắp tới, những kinh nghiệm này là của riêng cá nhân Tôi, có thể nó chỉ phù hợp với bản thân Tôi và phương pháp giao dịch này thích hợp với riêng Tôi hơn, các bạn hãy cân nhắc kỹ khi thực hành theo phương pháp lập kế hoạch giao dịch này!

CHƯƠNG IX:

KẾT HỢP PHÂN TÍCH CƠ BẢN VÀ KỸ THUẬT, PHƯƠNG PHÁP LẬP KẾ HOẠCH GIAO DỊCH THEO TỪNG SỰ KIỆN HOT NHẤT CỦA MARKET VÀ NHỮNG VÍ DỤ THỰC TIỄN

Trading là một chuỗi ngày dài học hỏi, đúc rút kinh nghiệm từ chính những sai lầm của bản thân! Câu nói này chính là nguồn cảm hứng để Tôi cố gắng hơn nữa, kiến thức của Tôi cũng như kinh nghiệm có thể còn quá kém so với nhiều trader khác, thế nhưng Tôi vẫn rất muốn cống hiến những gì mình học được, những trải nghiệm thực tế của bản thân và những kỹ năng trong phân tích đến với tất cả các bạn, với mong muốn là cộng đồng Trader Việt sẽ phát triển lớn mạnh, tất cả các trader đều có thể kiếm được tiền từ market hung bạo này.

Phân tích liên thị trường là rất bao la rộng lớn, không có một sự kiện nào giống sự kiện nào, và cho dù cùng một sự kiện như thế nhưng bối cảnh khác nhau, thời điểm khác nhau thì cái kỳ vọng cũng sẽ khác nhau luôn. Cho nên các bạn cũng cần phải thật sự linh hoạt trong từng nhận định, các quyết định nương theo market hay kỳ vọng sự kiện diễn ra trong tương lai sẽ phụ thuộc vào khả năng của mỗi trader, cùng với đó là niềm đam mê với thị trường tài chính này của các bạn lớn đến mức nào. Riêng cá nhân Tôi có lẽ là dành khoảng trên 14h mỗi ngày ngồi bên market đó.

Với mục đích giúp cho các bạn đọc có thể tự thực hành kết hợp các yếu tố phân tích cơ bản và kỹ thuật trong từng nhận định liên thị trường thì chương sách này Tôi sẽ chia làm 2 phần: Phần đầu tiên là hướng dẫn đọc hiểu tin tức và kỹ năng lập kế hoạch giao dịch theo từng sự kiện HOT NHẤT của market, phần thứ hai là những ví dụ thực tiễn trong từng giao dịch ngắn hạn đối với day trader và swing trader.

I- HƯỚNG DẪN ĐỌC HIỂU TIN TỨC VÀ KỸ NĂNG LẬP KẾ HOẠCH GIAO DỊCH THEO TỪNG SỰ KIỆN HOT NHẤT CỦA MARKET.

Trước khi đi đến phần đọc hiểu tin tức được công bố thì các bạn hãy chắc chắn rằng đã nắm vững các chỉ số kinh tế quan trọng, những chỉ số được công bố trên: http://www.forexfactory.com/calendar.php. Những cái này thuộc về những yếu tố nền tảng và bắt buộc phải có trong quá trình phân tích, cho nên các bạn cần phải tìm ở các nguồn tài liệu khác để chắc chắn rằng đã hiểu những tin tức này là gì và tác động thế nào đến thị trường. Nếu bạn nào đam mê có thể tìm đọc cuốn: "The secret of economic indicator" của tác giả Bernard Baumohl để tìm hiểu sâu hơn các chỉ số kinh tế của Mỹ và từ đó sẽ hình dung được các chỉ số tương tự với các nền kinh tế khác. Ngoài ra những kiến thức cơ bản như là các chính sách tiền tệ của các quốc gia và phương thức thực hiện các chính sách đó như thế nào thì các bạn cần tìm hiểu ở các nguồn khác, Tôi sẽ không nhắc lại nữa. Thêm một kinh nghiệm cá nhân Tôi đó là các chính sách tiền tệ của các central bank khác sẽ xoay quanh FED, có nghĩa là những central bank kia có xu hướng nương theo những chính sách mà FED đã đưa ra. Lý do vì sao thì các bạn trao đổi riêng với Tôi.

Mối liên hệ giữa các số liệu được xem là một kỹ năng quan trọng trong phân tích liên thị trường, sẽ có một vài số liệu các bạn phải so sánh với cùng kỳ năm ngoái hoặc cũng có những số liệu chỉ cần so sánh với số phát hành trước đó. Tôi lấy một ví dụ nhé: Báo cáo NFP chẳng hạn, trong báo cáo về thị trường lao động về cơ bản là có 3 con số:

8:30pm	CAD	Building Permits m/m	-3.2%	9.1%
	CAD	Employment Change	10.4K	-35.7K
	CAD	Unemployment Rate	7.1%	7.1%
	USD	Average Hourly Earnings m/m	0.2%	0.2%
	USD	Non-Farm Employment Change	202K	211K
	USD	Unemployment Rate	5.0%	5.0%
10:00pm	USD	Wholesale Inventories m/m	0.0%	-0.1%

Hình 9.1: Báo cáo việc làm phi nông nghiệp của Mỹ.

Trong báo cáo này có 3 thông số chính là thay đổi việc làm phi nông nghiệp, tỉ lệ thất nghiệp và tăng trưởng mức lương theo giờ trong tháng trước đó. Tôi không có ý nói các

bạn không chịu đọc hiểu tin tức nhưng Tôi giám chắc 90% trader không đào sâu các con số trong báo cáo này mà chỉ nhìn sơ qua cái số liệu được công bố trên forexfactory. Các con số này khi được công bố chỉ mới là bề nổi của những số liệu đó, tức là chỉ mới là con số tổng quát, nó chưa nói lên được điều mà các trader nhà nghề mong muốn. Điều mà Tôi muốn nhấn mạnh ở đây là sẽ có nhiều thời điểm báo cáo NFP được công bố và chỉ sau đó chừng 15-30 phút là đồng USD đảo chiều quay ngược lại, tại sao lại như thế? Câu hỏi này có lẽ là tương đối khó và mới mẻ với đa phần các bạn, bởi vì sao? Khi báo cáo này được công bố thì các IA trader và các trader nhà nghề sẽ tìm đọc báo cáo gốc của nó, đào bới tơi bời trong đó xem các con số chi tiết cho từng ngành nghề, từng phân nhóm ngành hàng của Mỹ. Tại sao lại phải làm như vậy? Bởi vì nền kinh tế Mỹ tiêu dùng trong nước chiếm 70% tổng GDP, và người dân Mỹ chủ yếu vay tiền để mua nhà (theo thống kê người dân Mỹ vay 80% giá trị căn nhà và dùng chính căn nhà đó để thế chấp), bên cạnh đó các dịch vụ y tế, sức khỏe… là những nhóm ngành hàng quan trọng nhất, là những phân khúc quan trọng nhất trong nền kinh tế Mỹ. Và khi họ lục tung cái báo cáo đó thì có thể trong một vài nhóm ngành hàng cụ thể con số thị trường lao động là không như những gì báo cáo NFP tổng hợp đưa ra (có thể nhiều trường hợp xảy ra như là số liệu NFP tốt nhưng các con số thật sự trong từng hạng mục lại có một vài điểm nghi ngờ khiến cho tâm lý của nhà đầu tư thay đổi, hoặc có thể báo cáo NFP không tốt nhưng khi đào sâu các số liệu trong đó người ta phát hiện ra số liệu việc làm của các ngành hàng chủ chốt lại tốt chẳng hạn thì ngay sau đó đồng USD sẽ quay đầu ngay). Mấu chốt ở đây là khi nào thì chúng ta cần đào sâu báo cáo, và khi nào thì không cần? Câu hỏi này tương đối khó, thế nhưng đòi hỏi một chút kỹ năng, với riêng cá nhân Tôi thì trong từng bối cảnh mà Tôi sẽ quyết định có cần phải lục lọi báo cáo chi tiết hay không: ví dụ như trường hợp kinh tế Mỹ đang suy yếu, thị trường chứng khoán giảm, lạm phát không tăng và các số liệu khác không tốt thì khi báo cáo NFP ra xấu hơn kỳ vọng, lúc này con số đó là thật và cũng chả cần phải kiểm chứng làm gì, thế nhưng trong trường hợp khác khi kinh tế đang có dấu hiệu tốt lên mà báo cáo NFP là tệ hơn nhiều so với dự báo thì lúc này rất cần phải đào sâu báo cáo đó để xem số liệu ngành nghề nào xấu và số liệu những ngành chủ chốt của kinh tế Mỹ thế nào. Đó là một chút kinh nghiệm nhỏ trong cách nhìn nhận về chỉ số NFP, sẽ còn nhiều trường hợp khác nữa chứ không bó

hẹp trong phạm vi này được. Bạn nào muốn tìm hiểu về thành phần % tỉ trọng của GDP Mỹ thì có thể đọc ở bài viết này: http://intermarketanalysisblog.com/2015/10/14/cach-thuc-theo-doi-cac-chi-so-kinh-te-cua-nen-kinh-te-hoa-ky/. Việc tìm kiếm báo cáo các bạn có thể vào Google search là sẽ có cho bất cứ báo cáo nào.

Trên đây chỉ mới là một ví dụ nhỏ của báo cáo NFP thôi, sẽ còn rất nhiều con số khác cần phải thực hiện việc đào bới báo cáo chi tiết, và kinh nghiệm đọc báo cáo thì tùy thuộc vào khả năng và kiến thức của mỗi Trader.

Kỹ năng đọc tin tức trên Forexfactory:

Về kỹ năng đọc hiểu tin tức được công bố trên forexfactory cũng đòi hỏi các bạn phải giỏi trong phân tích, hiểu rõ được bản chất của các chỉ số đó và mối liên kết giữa các chỉ số với nhau và giữa những chỉ số đó với các số liệu của quốc gia khác nữa. Những cái này nằm trong phạm trù kinh nghiệm và kiến thức của mỗi trader, Tôi không biết phải nói sao, chỉ có thể hướng dẫn những cái cơ bản trong từng bước để đọc tin tức và những tin tức nào nên chú ý.

Ví dụ những tin tức về cuộc họp của FOMC: Các bạn nên hình thành một thói quen quan sát các số liệu kinh tế tổng quát vào đầu mỗi tuần, hoặc có thể quan sát số liệu kinh tế trong vài tuần tới. Cuộc họp FOMC thường diễn ra vào thời điểm nào và đặc điểm chung của các cuộc họp này là gì? Các cuộc họp chính thức của FOMC diễn ra vào 8 lần/năm, thế nhưng các cuộc họp phụ và những phát biểu của các quan chức khác thì lại thường xuyên diễn ra. Và chắc chắn những bình luận đó của họ sẽ có tác động rất lớn tới market. Sự kiện gần nhất diễn ra là phiên đầu tiên của năm 2016 (ngày 4/1/2016) thành viên FED Fischer lên tiếng về triển vọng kinh tế Mỹ và khả năng sẽ tiếp tục nâng lãi suất trong năm 2016, bên cạnh đó ông cũng nói là các quan chức FED đồng ý việc thắt chặt tiền tệ tiếp, cùng với đó là phát biểu của Loretta J. Mester - President and Chief Executive Officer về tình hình kinh tế tốt lên, triển vọng lạm phát đạt mục tiêu là rất cao và bà ta không quên nhắc là sẽ có thể nâng lãi suất 4 lần trong năm 2016 này… Những phát biểu đó ngay lập tức truyền đến tai của market có nghĩa là FED sẽ nâng lãi suất tiếp, và kinh tế Mỹ đang tốt

lên, lãi suất tăng cao thì sẽ là một mối lo đối với các nhà đầu tư chứng khoán, bởi vì thế cho nên chỉ mới mở cửa thị trường thôi mà đồng USD đã bất ngờ tăng mạnh, thị trường chứng khoán Trung Quốc rơi vào hoảng loạn và nhà đầu tư ồ ạt bán tháo, kéo theo đó là thị trường chứng khoán toàn cầu giảm theo.

Mon Jan 4	1:15am	USD	FOMC Member Fischer Speaks			
	All Day	NZD	Bank Holiday			
	5:30am	AUD	AIG Manufacturing Index	51.9		52.5
		USD	FOMC Member Mester Speaks			
	8:35am	JPY	Final Manufacturing PMI	52.6	52.5	52.5
	8:45am	CNY	Caixin Manufacturing PMI	48.2	48.9	48.6

Hình 9.2: Phát biểu của quan chức FOMC đầu năm 2016.

Nhiều bạn sẽ thắc mắc là những tin này không phải màu đỏ mà sao lại khiến market phản ứng như thế? Xem tin tức không cứ phải tin màu đỏ mới là quan trọng, các bạn nên hiểu đây không phải là số liệu kinh tế mà là những phát biểu về chính sách tiền tệ và triển vọng kinh tế của các quan chức FOMC, vậy cho nên khi tin tức thế này được công bố thì các bạn phải vào đọc xem báo cáo đó nói cái gì và hiểu được ý nghĩa của tin tức đó, mà những phát biểu này truyền đến tai market sẽ chính là cái kỳ vọng trong tương lai là chính sách tiền tệ sẽ như thế. Thế nhưng làm thế nào để biết những phát biểu này nói gì? Các bạn quan sát trên forexfactory sẽ có mục “NEWS” ngay bên cạnh “CALENDAR” hoặc có thể nhấp chuột vào phần “DETAIL”.

Hình 9.3: Hướng dẫn đọc tin tức vừa được công bố trên Forexfactory.

Thêm một lưu ý: thực ra việc xem tin tức này là nó thuộc vào kỹ năng của mỗi trader, không phải lúc nào cũng theo dõi tin tức, và cũng không phải tin nào cũng quan trọng. Nhiều tin tức sẽ không có trong mục CALENDAR cho nên các bạn sẽ phải sử dụng những kỹ năng của bản thân để tiên đoán thời gian nào có tin tức được công bố ở mục NEWS. Một kinh nghiệm của bản thân Tôi là lúc nào cũng mở 3 trình duyệt với 3 cửa số Forexfactory, 3 cửa số Tradingview, 3 cửa sổ Investing khác nhau để cùng một lúc có thể quan sát được toàn cảnh market mà không phải tốn nhiều công sức. Riêng Forexfactory lúc nào Tôi cũng mở cùng lúc cả mục NEWS và CALENDAR, thường xuyên reload.



Hình 9.4: Cách xem mục NEWS và CALENDAR trên forexfactory.

Có những tin tức không phải là màu đỏ, nhưng nó là có tác động rất lớn đến kinh tế và tiền tệ, ví dụ như New Home Sales của Mỹ, vì sao chỉ số này lại quan trọng? Bởi vì doanh số bán nhà của Mỹ đóng góp rất nhiều vào GDP và hơn nữa là chi tiêu vào bất động sản ở Mỹ phần lớn là vay mượn từ ngân hàng, cho nên con số doanh số bán nhà mới sẽ tác động rất lớn đến sức mạnh của đồng USD. Hay là con số lượng dầu tồn kho vậy, nhiều người không quan tâm đến nó nhưng con số đó lại cực kỳ quan trọng, giá dầu thường sẽ biến động rất nhiều mỗi khi số liệu này được công bố.

Một sai lầm khi xem tin tức mà Tôi thường thấy đó là các bạn chỉ quan tâm đến tin trong ngày, cứ cái nào màu đỏ thì chú ý, rồi tới sát giờ ra tin thì hùa nhau là canh tin ra để trade… Đó là một sai lầm rất phổ biến và tai hại cực kỳ, không khác gì đang đánh bạc với

may rủi, các bạn hiểu rằng với những tin tức quan trọng được công bố thì lúc đó đã có sẵn rất nhiều trader và cả robot chờ sẵn, chỉ cần 1 biến động nhỏ thôi là robot và các trader đó sẽ vào lệnh, giá lúc đó sẽ rất lộn xộn, vì kẻ buy người sell loạn xạ. Vậy nên nếu vào lệnh những lúc đó tỉ lệ thắng sẽ không cao, trừ một số tin tức đặc biệt quan trọng khiến cho market chạy theo một chiều. Cách giao dịch của Tôi là không đoán tin mà là kỳ vọng dựa trên những gì đã có và vốn kiến thức phân tích, khi tin sắp được công bố thì thường Tôi sẽ đóng hết tất cả các lệnh, cái này được gọi là một trader nhà nghề, nhà nghề ở đây nghĩa là sẽ luôn đến dự bữa tiệc sớm nhất và không bao giờ là người cuối cùng rớt bữa tiệc tàn. Cũng không cần phải ăn nguyên sóng, chỉ cần ăn khúc giữa thôi, làm đều đặn như vậy là đủ giàu rồi. Một phương pháp trade theo tin nữa là Follow, tức là với một số tin tức chẳng hạn như lãi suất, chính sách tiền tệ… sẽ là thời điểm tốt nhất để Follow the market, bởi vì những tin tức có tác động mạnh như vậy thị trường sẽ chạy theo một chiều, và đó là thời cơ tốt nhất để một speculator nhảy vào đuổi theo market, nương theo market là như vậy.

Các tin tức đều có sự liên kết với nhau, mấu chốt ở đây là kiến thức của các bạn có đủ để nhận ra được mối liên kết đó hay không. Chẳng hạn như con số CPI, PPI được công bố thì có thể phần nào tiên đoán được mức độ lạm phát và tiên đoán được người ta đang lo ngại giảm phát hay kỳ vọng vào lạm phát sẽ tăng lên mức mục tiêu… còn nhiều cái nữa, hay là khi nhìn vào số liệu ADP Non farm được công bố thì phải áp dụng những kiến thức đã có để tổng hợp những số liệu khác của thị trường… để tiên đoán xem đồng USD đang biến động thế nào và trader nhà nghề đang kỳ vọng con số Non farm thực tế được công bố thế nào để từ đó mà có quyết định follow theo cho hợp lý.

Kỹ năng đọc hiểu tin và sử dụng trang web forexfactory Tôi cũng không biết phải nói gì thêm, nó thuộc vào kỹ năng và nhạy bén trong cách sử dụng để đọc tin tức rồi, các bài viết của Tôi đều không bao giờ có sự dự đoán tin sẽ tốt hay xấu, mà là đọc hiểu market sentiment thời điểm trước khi tin ra xem dòng tiền đang chạy vào thứ tài sản nào để mà tiên đoán được xu hướng của món hàng đang quan tâm. Để biết được trong tuần tới có sự kiện gì đáng chú ý hoặc các smart $ đang kỳ vọng điều gì ở những sự kiện đó và món hàng nào dễ make $ nhất Tôi sẽ cố gắng giải thích dưới đây.

Hướng dẫn lập kế hoạch giao dịch theo từng sự kiện HOT NHẤT của market:

Phương pháp giao dịch của Tôi không phải cố định là trade cặp EURUSD, Vàng hay GBPUSD… như nhiều người vẫn đang làm. Mà là Tôi sẽ trade theo market, tức là hiện thời câu chuyện Hot nhất kia là cái gì và món hàng nào dễ make $ nhất thì Tôi sẽ tập trung vào nó để kiếm cái Timing (thời điểm) tốt nhất mà ra tay. Ví dụ dễ hiểu là vào cuối mỗi tuần sẽ có 2 ngày nghỉ của market, thời điểm đó Tôi sẽ scan lại toàn bộ market để xem thử trong tuần tới có sự kiện gì nổi bật, các tin tức quan trọng là gì và thời điểm này các thông tin có được kia đang nhắn nhủ điều gì với sự kiện/tin tức trên. Sau khi đã tổng hợp xong tất cả thì Tôi sẽ lập ra một bảng kế hoạch chọn những món hàng dễ dàng make $ nhất trong tuần tới, từ đó sẽ chú tâm vào những món hàng đó nhiều hơn. Xác xuất thành công khi tập trung vào một con mồi sẽ cao hơn rất nhiều lần khi con mồi nào đi ngang qua cũng ngứa mắt muốn chộp lấy. Trading cũng giống như con báo đang đi săn mồi vậy, nó nằm im trong lùm cây chờ đợi, nó chờ cho cả bầy cừu gặm cỏ no nê, trong thời gian đó nó quan sát tất cả xem con nào YẾU nhất bầy, nó chỉ tập trung vào một con mồi duy nhất đó thôi, bởi vì sao? Khi nó tập trung vào con mồi đó thì nó sẽ nhận biết được điểm yếu và mạnh của con mồi, để khi thấy thời điểm con mồi lơ là nhất là nó sẽ lao thật nhanh ra tóm lấy con mồi đó, mặc cho xung quanh nó có rất nhiều con mồi khác ngon hơn, to béo hơn và có thể chạy gần nó hơn. Nhưng nó không thèm, nó chỉ quan tâm và tập trung vào rượt cái con mồi nó chấm từ trước thôi, nó rượt cho đến khi bắt được thì thôi và xác xuất thành công của các cuộc đi săn này là rất cao. Trading cũng thế thôi, kiên nhẫn chờ đợi và lựa chọn món hàng dễ make $ nhất để trade là cả một nghệ thuật, ai làm được điều này thường xuyên tức là xác xuất kiếm được nhiều tiền từ market sẽ cao hơn rất nhiều và quan trọng là hạn chế Stop Loss đến mức thấp nhất có thể, hạn chế tối đa những rủi ro không đáng có trong quá trình giao dịch.

Một ví dụ trực quan cho các bạn dễ hiểu: Tuần này từ ngày 4/1/2016-8/1/2016 (thời điểm lúc Tôi đang viết) market có các sự kiện quan trọng đó là báo cáo việc làm phi nông nghiệp của Mỹ, trước đó hôm thứ 2 là những phát biểu của quan chức FOMC, cuộc họp của FOMC vào 2h sáng ngày 7/1 theo giờ Việt Nam.

	4:30pm	GBP	Services PMI	55.6	55.9
06/01/2016	5:00pm	EUR	PPI m/m	-0.2%	-0.3%
	8:15pm	USD	ADP Non-Farm Employment Change	193K	217K
	8:30pm	CAD	Trade Balance	-2.6B	-2.8B
		USD	Trade Balance	-44.0B	-43.9B
	9:45pm	USD	Final Services PMI	55.1	53.7
	10:00pm	USD	ISM Non-Manufacturing PMI	56.0	55.9
		USD	Factory Orders m/m	-0.2%	1.5%
	10:30pm	USD	Crude Oil Inventories	0.7M	2.6M
Thu Jan 7	2:00am	USD	FOMC Meeting Minutes		
	7:30am	AUD	Building Approvals m/m	-2.8%	3.9%
		AUD	Trade Balance	-2.98B	-3.31B

Hình 9.5: Một số tin tức quan trọng được công bố trong tuần 4/1 – 8/1/2016.

	8:30pm	CAD	Building Permits m/m	-3.2%	9.1%
08/01/2016		CAD	Employment Change	10.4K	-35.7K
		CAD	Unemployment Rate	7.1%	7.1%
		USD	Average Hourly Earnings m/m	0.2%	0.2%
		USD	Non-Farm Employment Change	202K	211K
		USD	Unemployment Rate	5.0%	5.0%
	10:00pm	USD	Wholesale Inventories m/m	0.0%	-0.1%
Sat Jan 9	3:00am	USD	Consumer Credit m/m	18.7B	16.0B
	8:30am	CNY	CPI y/y	1.7%	1.5%
		CNY	PPI y/y	-5.8%	-5.9%

Hình 9.6: Báo cáo việc làm phi nông nghiệp Non Farm, một trong những báo cáo khiến thị trường biến động nhiều nhất.

Vậy là một IA Trader thì Tôi sẽ quan sát các tin tức này từ tuần trước khi mà thị trường đang trong thời gian nghỉ lễ, lúc đó Tôi sẽ tổng hợp toàn bộ data và cùng với đó là những kỳ vọng về đồng USD, thế nhưng trong trường hợp này thì có một chút thay đổi là ở bức hình 9.2 phía trên đó, là những phát biểu trước khi phát biểu chính thức của chủ tịch FED Yellen nói vào 2h sáng ngày 7/1. Khi hai phát biểu kia được công bố thì trader nhà nghề đã biết được là mục đích của FED là kéo đồng USD lên bằng những phát biểu mang tính "đòn gió" là sẽ nâng lãi suất, và triển vọng kinh tế đang tốt lên, lạm phát sẽ sớm đạt mục tiêu 2%... những phát biểu đó phần nào giúp Tôi tiên đoán được đồng USD sẽ còn tăng cho đến khi Chủ tịch FED Janet Yellen phát biểu, chính cái kỳ vọng đó mà đồng USD liên tục tăng trong suốt những ngày qua và sẽ còn tăng nữa, những kỳ vọng đó sẽ được hỗ trợ rất

tốt khi những phát biểu hình 9.2 lại được thốt ra từ chính những người có quyền lực của FED là Chủ tịch, giám đốc điều hành chính sách tiền tệ của FED Loretta J. Mester. Đó là một ví dụ về kỳ vọng sự kiện diễn ra trong tương lai đó.

Hơn thế nữa báo cáo NFP vào ngày thứ 6 (08/01/2016) lại là một báo cáo hết sức quan trọng để nhận biết được là kinh tế Mỹ hiện thời thế nào, và khả năng nâng lãi suất trong những cuộc họp chính sách tiền tệ sắp tới là gì. Theo kinh nghiệm của Tôi thì Yellen sẽ nói trong cuộc họp báo sắp tới của FOMC (hình 9.5) sẽ là chờ đợi kinh tế tốt hơn, chờ đợi số liệu thị trường lao động, về lạm phát trong tương lai và triển vọng kinh tế, sẽ tiếp tục duy trì lộ trình nâng lãi suất và có thể sẽ nâng lãi suất 4 lần trong năm 2016 như các vị quan chức khác đã nói, và hơn thế nữa khi hầu hết các quan chức FOMC đều đồng ý chu kỳ thắt chặt tiền tệ của FED. Và sau cái phát biểu đó đồng USD sẽ tăng rất mạnh, sau cái tin này thì sẽ là tâm điểm dồn vào báo cáo NFP. Sau những tin tức này thì tuần tới tâm điểm sẽ là cái gì? Hãy nhìn sang mục CALENDAR cho tuần tới các bạn sẽ thấy có cuộc họp chính sách tiền tệ của Anh, các phát biểu của quan chức BOC, ECB. Và hơn hết đó là sự kỳ vọng về chính sách tiền tệ của BOJ và PBOC trong tương lai kìa. Đó mới chính là những câu chuyện ăn tiền HOT NHẤT của market sau khi FOMC họp báo và báo cáo NFP được công bố trong tuần này. Kỹ năng quan sát các mối tương quan trong quá trình phân tích là khái niệm khá khó để giải thích, Tôi chỉ có thể lấy những ví dụ trực quan thế này để hướng dẫn các bạn thôi, phần còn lại tùy vào khả năng và cơ duyên của mỗi người.

11/01/2016	10:00pm	USD	Labor Market Conditions Index m/m		0.5
	10:30pm	CAD	BOC Business Outlook Survey		
Tue Jan 12	6:50am	JPY	Current Account		1.49T
		JPY	Bank Lending y/y		2.3%

Hình 9.7: Phát biểu của một quan chức BOC sau khi FOMC họp chính sách vào ngày 7/1/2016.

Một kinh nghiệm trong quan sát và hướng cái trade đến với phát biểu này sẽ là gì? Tôi đã từng nhắc là các chính sách của các central bank khác đều xoay quanh tâm điểm là chính sách của FED, tức là phải xem thử FOMC họp nói cái gì, sau đó mới kỳ vọng vào những cái mà BOC đang muốn hướng đến, từ đó biết để kỳ vọng đồng CAD sẽ tăng hay giảm.

Bên cạnh đó là sự kiện công bố lãi suất của Anh và vote cho khả năng nâng lãi suất của các quan chức Anh.

Jan 14	2:00am	USD	Beige Book		
		USD	Federal Budget Balance		-64.6B
	6:50am	JPY	Core Machinery Orders m/m		10.7%
		JPY	PPI y/y		-3.6%
	7:30am	AUD	Employment Change		71.4K
		AUD	Unemployment Rate		5.8%
	1:00pm	JPY	Prelim Machine Tool Orders y/y		-17.7%
14/01/2016	4:00pm	EUR	ECB Monetary Policy Meeting Accounts		
		EUR	Italian Industrial Production m/m		0.5%
	Tentative	EUR	Spanish 10-y Bond Auction		
	7:00pm	GBP	MPC Official Bank Rate Votes	1-0-8	1-0-8
		GBP	Monetary Policy Summary		
		GBP	Official Bank Rate	0.50%	0.50%
		GBP	Asset Purchase Facility	375B	375B
		GBP	MPC Asset Purchase Facility Votes	0-0-9	0-0-9
	8:30pm	CAD	NHPI m/m		0.3%
		USD	Unemployment Claims		
		USD	Import Prices m/m		-0.4%
	10:30pm	USD	Natural Gas Storage		

Hình 9.8: Sự kiện công bố lãi suất của Anh và vote khả năng nâng lãi suất.

Qua bức hình này Tôi muốn nói cho các bạn hiểu là sau khi FOMC họp về chính sách tiền tệ thì xu hướng đồng USD là thế nào, kinh tế của các quốc gia khác ra sao, và đặc biệt các sự kiện được Tôi khoanh vùng đó sẽ như thế nào, những cái này các bạn hãy vận dụng kiến thức có được để phân tích. Sau đó lập kế hoạch trade ở đây tức là xoay quanh những đồng tiền được quan tâm nhất đó. Còn với cặp tiền nào thì phải phân tích xem đồng nào yếu nhất, đồng nào mạnh nhất. Ngoài ra còn xem xét thêm các món hàng khác như các chỉ số indices… Khi xác định được món hàng nào dễ make $ nhất rồi thì các bạn hãy lập cho mình một kế hoạch trade xoay quanh những món hàng đó. Chỉ tập trung vào nó thôi, đừng phân tâm mà thấy món hàng khác xuất hiện tín hiệu buy sell rồi thì táy máy tay chân muốn vào lệnh liền. Khi các bạn tập trung vào những món hàng đó thì tỉ lệ các bạn canh được điểm vào tốt là rất cao. Ví dụ này có vẻ hơi trừu tượng, thêm một ví dụ khác đơn giản hơn trong thời gian trước.

Lập kế hoạch giao dịch theo sự kiện HOT NHẤT.

Tôi lấy một ví dụ từ ngày 13/12-18/12/2016. Trong tuần này có rất nhiều tin tức được công bố. Trong 2 ngày nghỉ của market sẽ là khoảng thời gian để ngồi lại xem thử trong tuần tới có sự kiện gì, và khi xem mục CALENDAR Tôi nhận thấy có những tin tức như thế này sẽ tác động rất lớn đến thị trường.

14/12/2015	6:00pm	EUR	ECB President Draghi Speaks			
	7:00pm	GBP	MPC Member Shafik Speaks			
Tue Dec 15	7:30am	AUD	Monetary Policy Meeting Minutes			

Hình 9.9: Phát biểu chính sách tiền tệ của chủ tịch ECB, cùng với các phát biểu của quan chức BOE, RBA.

15/12/2015	11:00pm	CAD	BOC Financial System Review			
	11:45pm	CAD	BOC Gov Poloz Speaks			
Wed Dec 16	4:00am	USD	TIC Long-Term Purchases	-16.6B	32.4B	33.6B
	4:45am	NZD	Current Account	-4.75B	-4.85B	-1.17B
	6:30am	AUD	RBA Assist Gov Debelle Speaks			

Hình 9.10: Phát biểu của quan chức BOC, RBA về chính sách tiền tệ.

	10:30pm	USD	Crude Oil Inventories	4.8M	-0.3M	-3.6M
Thu Dec 17	2:00am	USD	FOMC Economic Projections			
		USD	FOMC Statement			
		USD	Federal Funds Rate	<0.50%	<0.50%	<0.25%
	2:30am	USD	FOMC Press Conference			
	4:45am	NZD	GDP q/q	0.9%		0.3%

Hình 9.11: Cuộc họp chính sách tiền tệ của FOMC và quyết định lãi suất của FED, báo cáo GDP q/q của New Zealand.

Fri Dec 18	7:00am	NZD	ANZ Business Confidence	23.0		14.6
	10:50am	JPY	Monetary Policy Statement			
	1:30pm	JPY	BOJ Press Conference			

Hình 9.12: Cuộc họp công bố chính sách tiền tệ của BOJ là tâm điểm của thị trường sau khi FED nâng lãi suất.

Trên đây là những tin tức HOT NHẤT của market trong tuần từ 13-18/12/2015 mà Tôi liệt kê ra. Là một IA trader các bạn hãy biết quan sát toàn cảnh market trong tuần trước đó,

những dữ liệu gì cần thiết để xem sức mạnh nền kinh tế hiện tại thế nào. Các bạn có thể thấy trong tuần này thì tâm điểm sẽ là cuộc họp chính sách của FOMC và quyết định lãi suất của FED trong tháng cuối cùng của năm 2015, bên cạnh đó là chính sách tiền tệ của BOJ và phát biểu của chủ tịch ECB về chính sách tiền tệ của ECB. Đó mới là những tâm điểm chính phải quan tâm. Vậy thì kế hoạch trade của Tôi trong tuần này được lập ra sẽ xoay quanh đồng EUR, USD và JPY, tất nhiên là sẽ có chỉ số chứng khoán Mỹ và Nhật.

Trong khi cách đó không lâu ECB đã lên tiếng rằng không cần một chương trình kích thích lớn hơn cộng với đó là cắt giảm lãi suất huy động cho nên đã khiến cho đồng EUR tăng rất mạnh. Cho tới tình hình kinh tế Mỹ không mấy sáng sủa, lạm phát trong hầu hết các nền kinh tế lớn trên thế giới là không có, giá cả hàng hóa giảm mạnh. Các số liệu kinh tế không khả quan… Kinh tế Nhật cũng đang rất suy yếu. Vậy thì cái kỳ vọng của trader nhà nghề ở đây là gì? Riêng với ECB người ta sẽ nghĩ ngay đến khả năng ECB sẽ phát biểu về khả năng tăng thêm kích thích trong nền kinh tế, bởi vì sao? Khi trước đó ECB tuyên bố gây sốc cho market đã khiến đồng EUR tăng quá cao, điều này khiến cho việc xuất cảng khó khăn hơn, EU đang cần một đồng EUR giảm để vực dậy nền kinh tế, kích thích tiêu dùng vì hiện tại lạm phát đang rất thấp… Còn với chính sách tiền tệ của FED thì sao, trước khi tin tức chính thức công bố thì người ta đang kỳ vọng vào triển vọng kinh tế Mỹ và FED nâng lãi suất, điều này khiến cho đồng USD tăng, những phát biểu mang tính thắt chặt tiền tệ trước đó và những đồn đoán của market về khả năng nâng lãi suất đã có từ rất lâu, vậy nên không quá khó để nhận ra lúc này người ta cũng đang kỳ vọng điều đó. Còn với BOJ, chính sách tiền tệ siêu nới lỏng hiện tại vẫn chưa phát huy hết hiệu quả và người ta đang mong chờ BOJ sẽ có một chương trình kích thích lớn hơn, điều này được minh chứng đồng JPY giảm, thị trường chứng khoán tăng vì kỳ vọng sẽ được chính phủ hỗ trợ trong khoảng thời gian trước khi BOJ công bố chính sách…

Trên đây chỉ là những lập luận ngắn gọn, để hướng đến một cái kế hoạch trade trong tuần này xoay quanh những sự kiện trên. Khi đã xác định được những kỳ vọng trên rồi thì các bạn hãy tìm xem cặp tiền nào đi chung với 3 đồng tiền trên dễ make $ nhất. Hàng hóa giảm, giá dầu giảm thì đồng nào sẽ suy yếu? Có phải là AUD, NZD, CAD và GBP không.

Việc còn lại là xác định xem nên trade cặp tiền nào, để xác định được thì các bạn cần quan sát trên chart kỹ thuật, lúc này mới là lúc sử dụng vốn kiến thức phân tích kỹ thuật có được để quan sát xem trên những cặp tiền liên quan đó có xuất hiện formation gì hay không (đương nhiên là nên xem ở chart Daily và Weekly). Sau khi lựa chọn ra những cặp tiền dễ dàng make $ nhất đối với cá nhân các bạn nhé, thì hãy thật chú tâm vào nó, và tốt nhất là không nên trade các cặp khác (quan sát nhiều cặp để so sánh sức mạnh của các đồng tiền cũng được). Để chắc chắn hơn các bạn hãy lập biểu đồ so sánh sức mạnh đồng tiền so với Gold như Tôi đã từng nhắc đến đó, so sánh như vậy trong từng khoảng thời gian khác nhau, từng timeframe khác nhau để có bức tranh tổng quát nhất.

Việc quan sát xem tuần tới có sự kiện gì nổi bật và được market quan tâm là một việc làm khá phức tạp, cả việc đọc tin tức trên Forexfactory nữa, khi các bạn có được vốn kiến thức tốt rồi thì tự khắc sẽ biết cần phải quan tâm tới sự kiện nào nhất và lập kế hoạch trade như thế nào là phù hợp nhất. Mỗi một tuần sẽ có một vài sự kiện chính, không có tuần nào giống tuần nào, và kế hoạch trade cũng sẽ phải liên tục thay đổi.

Phân tích thị trường sẽ không có khái niệm chính xác tuyệt đối, chắc chắn phải có lúc đúng lúc sai. Cái quan trọng là lúc sai các bạn sẽ học được điều gì, dù có phân tích sai nhưng cái tư duy trong trading chắc chắn phải có, phải biết được sai vì sao và nhận định đó của mình còn thiếu sót cái gì. Ngay bản thân Tôi khi đọc lại các bài viết cũng nhận thấy rất nhiều thiếu sót, nhưng nếu không chấp nhận sai, sợ sai thì làm sao có thể tiến bộ được. Có việc gì trên đời này là không phải trả phí đâu.

II- NHỮNG VÍ DỤ GIAO DỊCH THỰC TIỄN ĐỐI VỚI DAY TRADER VÀ SWING TRADER.

Trong một cuốn sách này không thể nào nói hết được tất cả các sự kiện, các ví dụ giao dịch được, các bạn nào quan tâm có thể theo dõi các bài viết trên website của Tôi để cập nhật theo từng sự kiện. Trong phần này Tôi sẽ lấy thêm một vài ví dụ khác, xuyên suốt trong cuốn sách này Tôi cũng đã lấy khá nhiều ví dụ rồi, phần này sẽ là tổng hợp tất cả những kiến thức trong các mối tương quan liên thị trường để tiên đoán cho một vài món hàng/cặp tiền. Các ví dụ có thể là những sự kiện đã xảy ra trong quá khứ và tôi đã biết trước kết quả, nhưng sẽ nêu lên lại và giải thích lý do vì sao giá lại biến động như thế để giúp các bạn có được kỹ năng phân tích độc lập tốt hơn, cũng có một vài ví dụ Tôi đã nhận định đúng trong những bài viết trước đây, và giờ bổ sung thêm các lý do khác cho bài viết hoàn chỉnh hơn. Các bạn quan tâm có thể theo dõi thêm các bài viết ở website cá nhân của Tôi để có thể theo dõi các bài viết khác.

Ví dụ 1: Short đồng EUR ngay thời điểm Chủ tịch ECB Mario Draghi công bố sẽ cần thêm một chương trình kích thích trong thời gian tới. (từ giữa tháng 10 – đầu tháng 12/2015).

Suốt thời gian từ ngày 14/10-21/10/2015 đồng EUR giảm tương đối mạnh so với các đồng tiền khác, đặc biệt là với đồng USD. Có lẽ như cái sự kỳ vọng của market về khả năng nâng lãi suất của FED đang lên rất cao, đồng USD liên tục tăng trong suốt quãng thời gian tương đối dài trước đó. Tuy nhiên ở đối tác thương mại lớn nhất của Mỹ là liên minh EU thì lại là một bộ mặt hoàn toàn khác, hầu hết các quốc gia đang phải gồng mình chống chọi lại với mối lo giảm phát và khối EU cũng không ngoại lệ. Đặc biệt hơn là những lệnh trừng phạt từ phía Nga cùng với căng thẳng trong mối lo nợ công đang lớn dần bên trong chính nội bộ của liên minh, cùng với đó là kinh tế suy yếu, xuất khẩu giảm sút… Những mối lo đó càng khiến cho ECB phải sớm thực hiện thêm một biện pháp can thiệp lớn hơn cái chương trình QE hiện thời.

Mua tin đồn – bán sự thật! Câu nói trên nghe có vẻ đơn giản nhưng để mà hiểu cho đúng và áp dụng được vào đúng bối cảnh hiện thời thì quả thực không hề đơn giản tí nào. Tin đồn là thứ có trước, và các trader on the street sẽ trade dựa trên cái tin đồn đó chứ không phải dựa trên cái sự thật hiện hữu. Tôi không biết với nhiều học giả khác thì sao nhưng riêng với một trader thì việc đọc hiểu tâm lý market để cảm nhận được sự kiện kinh tế vĩ mô quan trọng hơn là đọc hiểu sự kiện đó sau khi nó đã diễn ra. Khi thị trường đã phản ứng, giá đã chạy thì người ta có thể vạch ra hàng trăm cái lý giải khác nhau, nào là vì cái này, vì cái kia… Nhưng đó là chỉ dành cho các học giả, các "chuyên gia" chứ không phải dành cho trader. Nếu bạn dựa vào những cái đó để trade thì Tôi đảm bảo bạn sẽ khó mà thắng được market, hoặc là may mắn thì có thể bám trụ được với nó chứ khó lòng make được nhiều $. Các trader nhà nghề sẽ không bao giờ nhảy vào thị trường ngay khi sự kiện được công bố mà họ là những người đã có kinh nghiệm đọc hiểu được tâm lý của market trước khi công bố.

Theo như kỳ vọng từ chính những gì đã nói về sự kiện ECB mập mờ khả năng tăng thêm lượng QE vào nền kinh tế thì trong khoảng thời gian hơn một tuần trước khi ECB họp công bố chính sách tiền tệ dòng tiền đã chạy vào với kỳ vọng short đồng EUR rồi, minh chứng là ngày 15/10 khi các số liệu kinh tế của Mỹ là tương đối tốt, cộng thêm bài phát biểu của quan chức FOMC Dubley về khả năng bắt đầu một chu kỳ chính sách tiền tệ mới, mà cái phát biểu này được các trader on the street hiểu là FED sẽ cần phải có biện pháp thắt chặt tiền tệ. Vậy nên ngay khi phát biểu này ra thì đồng USD đã tăng tương đối mạnh, kéo cặp EURUSD giảm xuống mức đáy của ngày 14/10. Một tín hiệu tương đối tốt với các trader khi người ta đang kỳ vọng vào một chính sách nới lỏng hơn nữa của ECB cộng thêm việc FED đang hé mở dần bức màn lãi suất. Trong những ngày sau đó tuy thị trường đã ổn định trở lại nhưng cái kỳ vọng về ECB vẫn còn đó, vì thế nên cặp EURUSD vẫn tiếp tục giảm. Mặc dù phải đến ngày 22/10 chủ tịch ECB mới có bài phát biểu về chính sách tiền tệ, thế nhưng khi mà những con số biết nói đang phản ảnh rằng kinh tế EU đang rất yếu, và nếu như không có biện pháp nào can thiệp thì sẽ khó có thể vực dậy nền kinh tế được, hơn nữa cú sốc của thị trường chứng khoán hồi tháng 8 đó còn chưa nguôi ngoai thì

chứng khoán Đức lại phải đối mặt với một áp lực giảm trong vụ bê bối khí thải của hãng xe hơi lớn nhất Đức.

Trong tình thế hiện thời khi mà cả Đức là quốc gia dẫn đầu của EU cũng đang phải hứng chịu những tổn thất lớn từ thị trường chứng khoán, các số liệu kinh tế được công bố cũng không tốt. Đối với một quốc gia nói chung, khi đối mặt với nguy cơ giảm phát thì các central bank sẽ sử dụng phương án hạ lãi suất cơ bản xuống thấp, nhưng hiện tại khi mà lãi suất đang ở mức âm 0.05% như hiện tại và ECB cũng đã phải sử dụng đến biện pháp QE, thế nhưng tình hình kinh tế vẫn không mấy khả quan, lạm phát vẫn không có, kinh tế trì trệ kéo theo đó là xuất khẩu yếu kém…Những điều này khiến cho cái lo ngại triển vọng kinh tế của ECB trở nên hiện hữu hơn bao giờ hết, khi cái mối lo đó đang đến gần thì ECB sẽ phải tính đến biện pháp can thiệp vào thị trường, thế nhưng can thiệp thế nào đây? Nếu tiếp tục tung thêm QE thì lượng tiền cung vào thị trường sẽ quá nhiều, điều này sẽ gây ra nhiều tác động không tốt với nền kinh tế, lượng cung tiền QE hiện tại đã là rất nhiều rồi, tăng thêm nữa thì đồng tiền sẽ càng mất giá và khả năng thu hồi lượng tiền sau khi nền kinh tế phục hồi sẽ khó hơn nhiều. Vậy thì phương án đưa ra là gì để mà có thể vực dậy nền kinh tế, kéo thị trường chứng khoán đi lên và hạ tỉ giá đồng EUR xuống để kích thích xuất khẩu? Hẳn cái chiêu "đòn gió" mà FED thực hiện trong nguyên cái năm 2014-2015 đó vẫn còn nguyên giá trị, và ECB không có cái lý do gì để mà không áp dụng lại chiêu đó cả. Vừa không cần phải tăng thêm QE vào nền kinh tế, vừa có thể đạt được các mục tiêu về tăng trưởng và vực dậy nền kinh tế.

Ngày 22/10/2015 trong cuộc họp về chính sách tiền tệ chủ tịch ECB Mario Draghi đã lên tiếng rằng "Most importantly, he noted that "monetary accommodation" — or QE — will be "re-examined" in December. That's dovish. The euro is pretty much took that as a sign that the bazooka is being primed." Câu nói này sau khi được Draghi nói ra và truyền đến tai của các nhà đầu tư on the market thì được hiểu là nền kinh tế đang có dấu hiệu suy yếu, các chính sách tiền tệ vẫn đang phát huy tác dụng nhưng ECB cần xem xét lại khả năng kích thích kinh tế hơn nữa, có thể là QE sẽ được xem xét trong tháng 12 sắp tới. Chính cái suy nghĩ này mà chỉ sau vài phút phát biểu của đương kim chủ tịch ECB thốt ra thì

đồng EUR đã bị bán rất mạnh, bên cạnh đó là chỉ số chứng khoán Đức cũng tăng mạnh. Lý do vì sao chứng khoán lại tăng? Câu trả lời đơn giản là khi chủ tịch ECB phát biểu như thế thì market sẽ ngầm hiểu rằng kích thích kinh tế thêm là dòng tiền sẽ chạy vào các khối tài sản trong đó có chứng khoán nhiều hơn, kích thích tăng trưởng và đồng EUR suy yếu sẽ là điều kiện thuận lợi để xuất khẩu được đẩy mạnh. Bài viết đầy đủ bài phát biểu của chủ tịch ECB: http://www.businessinsider.com/european-central-bank-decisions-and-press-conference-october-2015-10.

Dù hiện tại chương trình QE đang phát huy tác dụng và lượng tiền ECB bơm ra thị trường đã đảm bảo mức độ HÀI HÒA với các quốc gia thành viên khác hay đúng hơn là cho các ngân hàng trung ương mỗi nước. Nhưng vẫn cần phải nói thêm là lượng QE bơm thêm mà ECB đã nói đó "nếu có" thì sẽ được phân chia thế nào, liệu có đảm bảo sẽ bình đẳng và không gây mất đoàn kết của khối khiến cho quốc gia nào đó bất mãn đòi tách khỏi liên minh.

Về yếu tố phân tích kỹ thuật, trong trường hợp này để chắc chắn phải đợi khi phát biểu được chính thức công bố, cái kỳ vọng mà Tôi nói ở trên là trước khi công bố tin, các bạn có thể hiểu là sắp đến thời điểm công bố tin thì sẽ đóng hết các lệnh, đợi khi phát biểu của chủ tịch ECB xong thì thị trường sẽ đổ theo một chiều, lúc đó sẽ là cơ hội để vào lệnh tiếp. Trong hình dưới đây là thời điểm khi tin tức công bố, cặp EURUSD giảm mạnh về lại ngưỡng hỗ trợ tuần tương đối vững, nhưng với một big news như trên thì đồng EUR sẽ còn bị bán dài hạn nữa, vậy nên có thể tiếp tục chờ đợi giá hồi lên một chút. Kỹ năng trong trường hợp này là khi quan sát một khoảng thời gian tương đối dài nhưng cặp EURUSD vẫn không hề tăng lên nhiều thì điều này có nghĩa là market đang lo ngại, họ không đặt cược vào việc đồng EUR tăng. Và chỉ cần một cú hích nhỏ thôi là trader nhà nghề sẽ vào sell lại EURUSD ở ngay mức giá thị trường đứng im suốt nhiều giờ. Ví dụ này với mục đích để các bạn hiểu về kết hợp phân tích cơ bản và kỹ thuật, kỹ năng quan sát các thông tin thị trường và kỳ vọng của market vào sự kiện cuộc họp chính sách của ECB.



Hình 9.13: Kỳ vọng short tiếp cặp EURUSD trong khoảng thời gian tương đối dài sau khi chủ tịch ECB Mario Draghi công bố chương trình chính sách tiền tệ và khả năng tăng cường thêm QE trong tháng 12/2015.

Không chỉ riêng EURUSD mà còn rất nhiều cặp tiền khác, ví dụ với EURUSD là để các bạn hiểu rằng đồng USD đang mạnh với kỳ vọng FED sớm nâng lãi suất, EUR đang quá yếu và short cặp EURUSD sẽ là một cái trade xác xuất thắng cao hơn. Bên cạnh đó còn khá nhiều đồng tiền khác cũng đang khá mạnh, và mấu chốt ở đây là chọn ra cặp tiền mà có một đồng tiền đang mạnh và một đồng đang yếu nhất.

Với mối tương quan giữa cặp EURUSD và chỉ số chứng khoán Đức DAX các bạn có thể linh hoạt trong cách quan sát như thế này: Đức là nền kinh tế lớn nhất liên minh EU và là quốc gia đóng vai trò chủ chốt trong nền kinh tế EU, vậy cho nên không có gì khó để dự đoán tác động của chính sách tiền tệ của ECB sẽ tác động trực tiếp tới chương khoán Đức, mối tương quan giữa đồng EUR và DAX khá mật thiết với nhau. Đây là một mối tương quan đơn lẻ mà trong chương trước Tôi có nhắc về mối tương quan giữa chứng khoán và tiền tệ rồi. Vùng (1) đó là thời điểm vụ bê bối khí thải của Volkswagen gây chấn động ngành công nghiệp Ô Tô của thế giới, khiến cho thị trường chứng khoán Đức bị bán tháo liên tiếp trong vài ngày sau đó. Chính vì sự suy yếu của thị trường chứng khoán mà đã góp thêm một phần vào quyết định phải sử dụng thêm một vài biện pháp mà ECB đã nói. Vùng (2) đó là thời điểm ECB công bố chính sách, thị trường chứng khoán Đức được hỗ trợ và tăng tương đối mạnh, cùng thời điểm đó đồng EUR liên tục bị bán.

Hình dưới đây là kết quả kỳ vọng go long chỉ số DAX trong suốt quãng thời gian đồng EUR suy yếu. Cũng trong suốt quãng thời gian đó các bạn cần quan sát kỹ hơn các cuộc họp chính sách khác của ECB, nhưng phần lớn người ta kỳ vọng ECB sẽ tăng thêm QE nên thị trường chứng khoán liên tục tăng và đồng EUR giảm.

Các lý do nêu lên có thể chưa đầy đủ, nhưng hi vọng đó sẽ là những kiên thức làm nền tảng cho những phân tích của các bạn sau này.



Hình 9.14: Mối tương quan giữa chỉ số chứng khoán Đức DAX và cặp EURUSD. Thị trường chứng khoán Đức được hỗ trợ tương đối tốt ngay sau khi chủ tịch ECB phát biểu về viễn cảnh sẽ cần đến một chương trình mở rộng QE hơn nữa.

Ví dụ 2: Kỳ vọng go long cặp USDJPY trong giai đoạn thị trường chứng khoán khởi sắc, kỳ vọng FED nâng lãi suất tăng cao. (15/10-10/11/2015).

Một ví dụ nữa về mối tương quan giữa thị trường chứng khoán và tiền tệ. Ở đây đồng JPY đóng vai trò là thứ tài sản an toàn mỗi lúc thị trường chứng khoán sụp đổ, khủng hoảng niềm tin. Hơn nữa trong những giai đoạn kỳ vọng nâng lãi suất của FED lên cao thì đồng USD lại trở thành từ tài sản mà người ta muốn nắm giữ, đơn giản vì nó an toàn, vị thế của nước Mỹ đảm bảo rằng đồng USD sẽ không mất giá. Tại thời điểm cuối tháng 10 này lãi suất của đồng USD là rất thấp, về cơ bản thì nó sẽ không mang lại nhiều lợi ích cho nhà đầu tư khi giữ đồng USD trong người, thế nhưng nhìn quanh lúc này có đồng nào an toàn hơn USD? Muốn biết thì các bạn sử dụng phương pháp so sánh sức mạnh đồng tiền với vàng trong time frame ngắn hạn, đó là câu trả lời tương đối sát thực và dễ hình dung nhất.

Trong giai đoạn này khi mà ECB họp có nhắc đến khả năng mở rộng gói kích thích tiền tệ vào ngày 22/10, EUR giảm thì có nghĩa là USD sẽ tăng vì EUR chiếm tỉ trọng hơn 50% trong chỉ số sức mạnh đồng USD. Trong khi các central bank khác đang phải vật lộn với các chính sách nới lỏng thì FED lại tích cực thổi vào tư duy của market là sẽ sớm thắt chặt tiền tệ, cái luồng tư tưởng đó khiến người ta nghĩ rằng kinh tế Mỹ đã ổn, lạm phát sẽ đạt được mục tiêu sớm, triển vọng kinh tế là điều mà không ai chắc chắn được hết, chỉ là người ta phân tích dựa trên những số liệu kinh tế, cũng chính vì điều này mà FED có thể thỏa sức tung đòn gió về viễn cảnh trong tương lai.

Trong khi đó vào ngày 16/10 BOJ đã có cuộc họp chính sách và phát biểu của một quan chức như sau: BOJ's Kuroda says they will continue easing until 2% inflation is stable. Câu nói này được dịch lại là BOJ sẽ tiếp tục nới lỏng cho đến khi lạm phát đạt được mục tiêu 2%. Sau khi truyền đến tai các trader và investor thì được hiểu là kinh tế Nhật đang suy yếu, đồng JPY sẽ giảm tiếp và Nhật sẽ cần phải duy trì các chính sách nới lỏng trong dài hạn. Điều này có nghĩa là thị trường chứng khoán sẽ được hỗ trợ tốt vì các chương trình kích thích này có lợi cho tăng trưởng và thị trường chứng khoán. Ngay sau khi phát biểu này ra thì những ngày sau đó chỉ số chứng khoán Nhật NIKKEI 225 đã có bước phục hồi

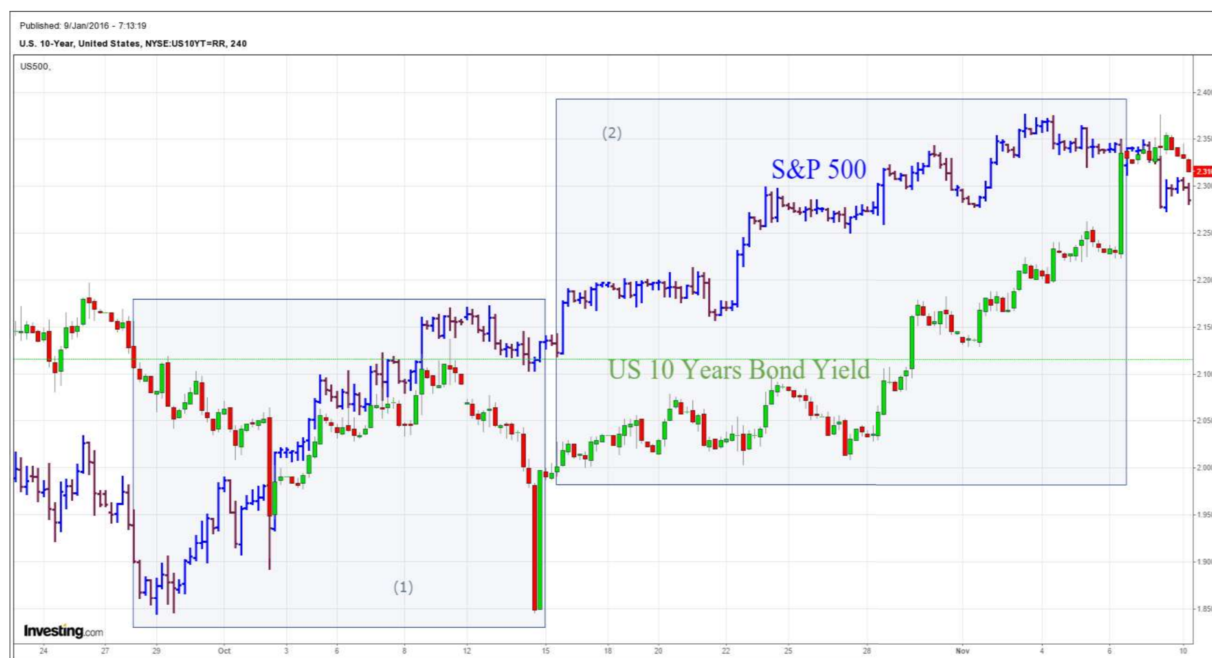
tăng rất đáng kể. Với một phát biểu mang tính nới lỏng như vậy thì không có lý do gì người ta không go short đồng JPY tiếp. Khi thị trường chứng khoán phục hồi thì là lúc dòng tiền sẽ chạy khỏi đồng JPY thay vì cần một sự an toàn, người ta sẽ dùng đồng tiền đó đầu tư vào chứng khoán, vào tài sản khác. Bởi vì thị trường chứng khoán sẽ được hỗ trợ mà.

Ngoài những tin tức trên đóng vai trò quan trọng trong phân tích thì còn có các số liệu kinh tế nữa, hầu hết các số liệu kinh tế của Mỹ đều tương đối ổn, vì thế nên cái kỳ vọng nâng lãi suất kia lại càng được hỗ trợ hơn. Tuy là phải đến 29/10 thì FED mới chính thức công bố lãi suất cơ bản, thế nhưng trong khoảng thời gian từ giữa tháng 10 đến khi công bố đồng USD luôn tăng tương đối mạnh, phần vì yếu tố đồng EUR giảm, phần vì cái kỳ vọng nâng lãi suất kia. Để hiểu rõ hơn các bạn hãy so sánh lợi tức trái phiếu 10 năm của Mỹ và chỉ số S&P500 trong thời điểm mà kỳ vọng nâng lãi suất của FED lên cao, đồng USD tăng kéo theo đó là dòng tiền đầu tư vào Mỹ sẽ tăng lên, khi thị trường chứng khoán Mỹ phục hồi thì các thị trường chứng khoán khác cũng sẽ có những phản ứng tích cực.

Trong ví dụ này và ví dụ 1 nêu trên có cùng thời điểm, do vậy sẽ có những mối tương quan với nhau, các bạn hãy xem xét và nêu lên những điểm cơ bản trong từng ví dụ để áp dụng cho các bài phân tích khác. Mặc dù số liệu việc làm được công bố hồi đầu tháng 10 là không mấy khả quan, tuy nhiên với một lượng việc lạm được tạo ra như vậy cũng đủ để FED mạnh mồm rằng kinh tế vẫn rất tốt, tỉ lệ thất nghiệp vẫn duy trì ở 5.1%, con số tăng trưởng bảng lương là 0%, điều này làm giấy lên một mối nghi ngờ rằng lạm phát trong tương lai liệu có đạt được mục tiêu hay không? Thực tế con số quan trọng nhất trong báo cáo NFPs hiện thời là con số Average Hourly Earnings cơ. Lý do? Vấn đề mà FED quan tâm nhất lúc này là GIẢM PHÁT. Mức thu nhập bình quân theo giờ cuả người lao động giảm có nghĩa là sức mua của người ta cũng sẽ giảm theo. Tiêu dùng vì đó mà ko tăng nổi, cầu tiêu dùng ko tăng thì lạm phát sẽ ko có, hay đúng hơn với tình huống hiện tại là GIẢM PHÁT sẽ càng ngày càng trầm trọng. Đó là lý do ngay khi tin ra, market nhìn con số việc làm đẩy USDx bật cao nhưng sau đó traders đi đào sâu vào báo cáo NFPs. Cụ thể là con số thu nhập kia thì họ suy luận rằng khả năng tăng rate tiếp theo sẽ bị trì hoãn hơn do mối lo GIẢM PHÁT ngày càng tăng.

Một câu hỏi đặt ra ở đây là tại sao tin tức được công bố là như thế và cái mối lo của market về viễn cảnh lạm phát là thấp thì tại sao FED vẫn cứng miệng nói là kinh tế vẫn ổn và tiếp tục duy trì lộ trình nâng lãi suất? Điều này Tôi đã nói khá là nhiều lần rồi các bạn cũng đã biết. Sau khi có được câu trả lời đó thì mấu chốt là lựa một thời điểm tốt nhất để go long USDJPY. Thực tế trong suốt quãng thời gian từ cuối năm 2014 đến tận thời điểm viết bài này thì USD vẫn là đồng tiền mạnh nhất trong rổ 8 đồng tiền chính.

Trong trường hợp này thị trường chứng khoán đóng vai trò dẫn dắt khi đạt đáy trước kéo theo đó lợi tức trái phiếu tăng lên.



Hình 9.15: Chứng khoán Mỹ tăng kéo theo lợi tức tăng trong bối cảnh kỳ vọng FED nâng lãi suất trong tháng 10 lên cao. Đồng USD vì thế cũng được hỗ trợ.

Khi nhìn US stock tăng cao thì điều đầu tiên Tôi nghĩ đến đó là Gold và JPY sẽ biến động thế nào, vì những mối tương quan mật thiết đó mà những cái trade khi US stock đóng vai trò là thị trường dẫn dắt cho nên qua nhìn chart Gold sẽ biết được thời điểm hiện tại dòng tiền đang chạy về đâu. Cũng chính vì cái mối tương quan mật thiết giữa Gold và đồng JPY mà phần lớn trader vẫn đang áp dụng đó. Trong bức hình trên vùng (1) đó là thời điểm để nhận biết xu hướng, là một IA trader sẽ đủ độ nhạy bén để biết rằng khi thị trường chứng

khoán Mỹ tăng thì chứng khoán Nhật cũng sẽ được hỗ trợ (bản chất thương mại của 2 nền kinh tế lớn thứ 1 và thứ 4 thế giới này là như vậy). Cây nến tăng trên chart lợi tức trái phiếu Mỹ đó là một signal báo hiệu xu hướng tăng của lợi tức trái phiếu Mỹ, nhìn sang chỉ số chứng khoán Mỹ đã tăng từ trước đó vài ngày, vậy là một speculator thì có thể quan sát thời điểm này mà vào lệnh với cặp USDJPY. Bởi vì cái kỳ vọng đồng USD tăng đã được xác nhận.

Số liệu kinh tế được công bố ngày 14/10 là tệ hơn so với kỳ vọng, bên cạnh đó là con số GDP được công bố là 6,9% nhưng thị trường chứng khoán China vẫn không tăng. Điều này cho thấy rằng kinh tế China đang rất yếu, mà khi kinh tế China suy yếu thì người ta sẽ nghĩ ngay đến việc quay sang short đồng JPY, bởi vì sao? Nhật và China là 2 nền kinh tế lớn trên thế giới, thương mại của 2 quốc gia này với nhau là cực lớn. Một khi tiêu dùng China suy yếu, kinh tế trì trệ và đặc biệt là thị trường chứng khoán sụp đổ thì người ta sẽ nghĩ ngay đến việc Chính phủ Nhật sẽ phải thực hiện các biện pháp nới lỏng hơn nữa, điều này khiến cho cuộc họp của BOJ diễn ra vào ngày 16/10 đã nhắc đến ở phía trên.

Mon Oct 19	6:01am	GBP	Rightmove HPI m/m		0.6%		0.9%
	9:00am	CNY	GDP q/y		6.9%	6.8%	7.0%
		CNY	Industrial Production y/y		5.7%	6.0%	6.1%
		CNY	Fixed Asset Investment ytd/y		10.3%	10.8%	10.9%
		CNY	NBS Press Conference				
		CNY	Retail Sales y/y		10.9%	10.8%	10.8%

Hình 9.16: Số liệu kinh tế không tốt của China đã khiến cho đồng JPY giảm mạnh sau đó.

Xét trên biểu đồ kỹ thuật, thời điểm ngày 16/10/2015 khi mà BOJ có cuộc họp chính sách là lúc mà các bạn thấy đồng JPY giảm tương đối mạnh trước đó, cặp USDJPY đã phá qua ngưỡng kháng cự tương đối vững. Sau khi giá break out khỏi đường kháng cự đó thì cũng là lúc các tín hiệu xác nhận rằng đã đến thời điểm go long cặp USDJPY. Vùng (1) đó là những formation cộng với các tin tức cơ bản đã phân tích ở trên, vùng (2) đó là kết quả của kỳ vọng go long cặp USDJPY. Tại vùng (2) có xuất hiện mô hình chart parttern double bottom để xác nhận lại xu hướng tăng. Mục đích của ví dụ này là để giải thích cho các bạn hiểu về kỹ năng kết hợp phân tích cơ bản và kỹ thuật trong ngắn hạn.



Hình 9.17: Kết quả kỳ vọng go long cặp USDJPY trong trường hợp thị trường chứng khoán tăng mạnh, đồng USD được hỗ trợ tăng với kỳ vọng FED sớm nâng lãi suất, ECB có phát biểu sẽ gia tăng một chương trình nới lỏng vào tháng 12/2015.

Ví dụ 3: Short cặp AUDUSD với kỳ vọng RBA sẽ phải cắt giảm lãi suất trong bối cảnh thị trường hàng hóa giảm mạnh. (đầu tháng 8/2015 - đầu tháng 9/2015)

Trong ví dụ này với kỳ vọng là short đồng AUD, bên cạnh đó đồng NZD cũng chính là đồng tiền tương quan nhiều nhất với AUD, vậy cho nên ví dụ này Tôi sẽ lấy short cặp AUDUSD làm đại diện. Như các bạn cũng đã biết là giá trị đồng AUD sẽ phụ thuộc rất nhiều vào giá cả các món hàng kim khoáng quặng chính. Tuần đầu tiên tháng 8 này sẽ có rất nhiều số liệu quan trọng được công bố, trong đó chúng ta đang hướng đến việc RBA sẽ cut rate xuống 1.75% và báo cáo việc làm của Mỹ cũng như Canada, và cũng rất quan trọng nữa đó là việc ngân hàng trung ương Anh BoE sẽ có cuộc họp về việc nâng rate sớm trong năm nay hay không. Những tin tức đó sẽ tạo thành 1 tuần đầy những biến động.

Trước tiên Tôi sẽ nhắc lại một số thông tin trong việc RBA giảm lãi suất: Như những phân tích đã nêu ở bài viết trước Tôi có nhấn mạnh rằng nếu như chỉ số CPI không tốt thì buộc RBA sẽ phải cắt giảm lãi suất trong tuần này, vậy thì sau khi số liệu được công bố và việc BoC cũng như RBNZ đã giảm lãi suất, thêm vào đó kinh tế China đang khủng hoảng, chỉ số Shanghai Composite đã giảm rất mạnh trong tuần vừa qua, giá vàng và các loại kim khoáng quặng khác giảm rất mạnh do như cầu của người dân không còn, một áp lực bán tháo đã diễn ra, cùng với đó là giá dầu tìm lại với mức giá thấp nhất kể từ tháng 3/2015. Những thông tin trên sẽ tạo một áp lực rất lớn lên việc RBA sẽ phải cut rate thêm một lần nữa. Minh chứng cho việc đó là kỳ vọng cut giảm lãi suất đã khiến cho đồng AUD giảm rất mạnh về mức thấp nhất kể từ 2009. Vậy thì điều gì đang chờ đợi cặp tiền này trong dài hạn? Có phải rằng tỉ giá giảm lại quá sâu về mức đáy của năm 2009 là một điều được dự báo. Trong khi nền kinh tế Mỹ đang tăng trưởng ở mức độ tốt và FED sẽ cân nhắc việc nâng lãi suất trong năm nay. Ngày 4/8/2015 RBA sẽ công bố lãi suất, tuy nhiên trước đó đồng AUD giảm tuy là không nhiều vì người ta vẫn còn nghi ngờ khả năng cắt giảm lãi suất của RBA. Đáng ra với một IA trader thì sau khi quan sát thấy RBNZ cắt giảm lãi suất vào ngày 23/7 từ 3.25% xuống còn 3%, cùng với đó là ngày 15/7 BOC cũng phải cắt giảm lãi suất từ 0.75% xuống 0.5% sau khi chứng kiến giá hàng hóa liên tục giảm thì lúc này cái trade hướng đến là short đồng AUD, quả thực trong suốt quãng thời gian từ giữa tháng 7

đến đầu tháng 8 đồng AUD liên tục giảm. Đà giảm mạnh của thị trường hàng hóa đã lại càng trở nên trầm trọng hơn khi các số liệu kinh tế của China quá tệ, sự sụp đổ của thị trường chứng khoán China là một đòn mạnh tác động trực tiếp đến tăng trưởng của các quốc gia đối tác thương mại lớn với China. Một khi sự sợ hãi đã lấn át trong nhà đầu tư China thì họ sẽ không giám đầu tư thêm nữa, có nghĩa là họ thà ôm tiền hoặc mua tài sản an toàn chứ không đầu tư vào thị trường chứng khoán, các công ty sản xuất của China buộc phải cắt giảm quy mô sản xuất, tiêu dùng yếu kém cũng chính là nguyên nhân gây ra lạm phát thấp và giá cả hàng hóa đi xuống, nhu cầu tiêu dùng không tăng khiến cho các khoản thâm hụt trong sản xuất tăng lên. Để chính xác hơn các bạn xem chỉ số CRB Index.



Hình 9.18: Chỉ số CRB Index giảm mạnh trong suốt quãng thời gian từ 14-31/7/2015.

Khi quan sát chỉ số CRB Index giảm mạnh và các tin tức không mấy khả quan từ nền kinh tế China thì điều kỳ vọng bây giờ là RBA sẽ phải thực hiện cắt giảm lãi suất vào ngày 4/8/2015 để thúc đẩy xuất khẩu, giảm chi phí món hàng kim khoáng quặng xuống và giảm giá trị đồng AUD xuống để kích thích xuất khẩu.

8:30am 04/08/2015	AUD	Retail Sales m/m	0.7%	0.5%	0.4%
	AUD	Trade Balance	-2.93B	-3.06B	-2.68B
	JPY	Average Cash Earnings y/y	-2.4%	0.9%	0.7%
10:45am	JPY	10-y Bond Auction	0.40|2.8		0.51|2.6
11:30am	AUD	Cash Rate	2.00%	2.00%	2.00%
	AUD	RBA Rate Statement			

Hình 9.19: RBA công bố lãi suất vào ngày 04/08/2015.



Hình 9.20: Kỳ vọng short cặp AUDUSD nói riêng và đồng AUD nói chung trước khi RBA công bố lãi suất ngày 4/8/2015. Đồng AUD đang trở nên rất bearish với mọi tin tức tác động và giá cả hàng hóa giảm mạnh chính là nguyên nhân chính.

Sau khi công bố lãi suất không đổi đồng AUD lập tức tăng trong ngắn hạn, thế nhưng cái tư duy của market bây giờ là rất bearish với đồng AUD, bởi vì sao? Giá cả hàng hóa giảm mạnh, tiêu dùng giảm, tăng trưởng kinh tế không cao, khủng hoảng kinh tế ở China và tăng trưởng chậm lại của nền kinh tế toàn cầu, hơn nữa đồng USD lại được hỗ trợ rất tốt trong kỳ vọng nâng lãi suất vào tháng 9 của FED. Vậy nên khi công bố lãi suất không đổi thì nhóm đầu cơ giá AUD lên liền mua vào nhưng chỉ là một hành động đầu cơ giá cho nên đồng AUD vẫn chưa thoát khỏi tâm lý bearish được. Là một trader nhà nghề sẽ lựa lúc giá dip lên cao tại vùng kháng cự 0.737-0.740 như Tôi có nói trong hình đó để tiếp tục vào lệnh short AUDUSD.

Về phân tích kỹ thuật thì theo cá nhân Tôi giá đang hồi lên tạo sóng điều chính 4 và đó trùng với market sentiment short AUDUSD. Cái vùng Tôi đánh dấu ở trên hình đó thể hiện sự cân bằng trong lực mua bán thị trường. Điểm cuối sóng 3 đó trùng với mức fibonacci mở rộng 161.8%. Vùng giá phục hồi lên sóng thứ 4 đó chính là thời điểm tương đối tốt để vào lệnh short AUDUSD với mức stop loss tương đối bé.

Thực ra với đồng AUD thì chúng ta không cần thiết phải quan sát chỉ số CRB Index mà có thể quan sát biến động của các hàng hóa chính đóng góp nhiều nhất vào xuất khẩu của Úc, thương mại của Úc với quốc gia nào nhiều nhất…Đặc biệt là những biến động của kinh tế China, Nhật, Mỹ sẽ tác động mạnh nhất tới Úc. Mặc dù cuộc họp chính sách ngày 4/8 RBA không cắt giảm lãi suất thế nhưng trong khoảng thời gian từ lúc đó đến suốt tháng 8 người ta vẫn đang lo ngại hàng hóa sẽ còn giảm mạnh, kinh tế China vẫn đang rơi vào khủng hoảng và cùng thời điểm này các central bank khác như ECB, BOJ đều đang phải thực hiện các chính sách nới lỏng để vực dậy nền kinh tế, cái lo ngại đó mới chính là động lực move đồng AUD xuống trong suốt tháng 8. Chưa nói đâu xa, chỉ cần quan sát giá cả hàng hóa giảm mạnh là đoán biết được nền kinh tế Úc đang yếu như thế nào rồi.



Hình 9.21: Kết quả kỳ vọng short cặp AUDUSD trong suốt tháng 8 và mối tương quan giữa giá đồng COPPER với cặp AUDUSD. Giá kim khoáng quặng đóng góp nhiều vào xuất khẩu của Úc sẽ đóng vai trò dẫn dắt cho xu hướng đồng AUD.

Ví dụ 4: Kỳ vọng short các chỉ số chứng khoán Indices sau khi thị trường chứng khoán Trung Quốc sụp đổ hồi tháng 6/2016 đến cuối tháng 8/2015.

Trong thời điểm này sau khi chứng khoán China sụp đổ hồi tháng 6 đã thực sự tạo nên một cú sốc rất lớn mà không phải chỉ riêng nền kinh tế Trung Quốc mà nó có tác động tiêu cực lên tâm lý của các nhà đầu tư trên toàn thế giới, cùng với đó là căng thẳng trong việc cứu trợ Hy Lạp. Ắt hẳn cái tâm lý nhà đầu tư lúc này là rất bearish, người ta sẵn sàng bán tháo cổ phiếu đang nắm giữ chỉ trong vòng thời gian ngắn.

Trong suốt mấy tháng qua phần lớn trader đều hướng đến tâm điểm là các cuộc trưng cầu dân ý về vấn đề Hy Lạp, tuy rằng đã 2 lần đạt được thỏa thuận cứu trợ từ phía liên minh châu Âu nhưng món nợ thì vẫn là một vấn đề khiến chính phủ HL sẽ phải tiếp tục đàm phán, cả chính phủ và người dân hiểu rõ rằng chấp nhận các điều khoản của gói cứu trợ đồng nghĩa với việc sẽ phải chấp nhận các yêu cầu thắt lưng buộc bụng. Cái gì mà thắt lưng với buộc bụng chứ! chung quy lại là đẩy HL vào thế không thể trả hết các món nợ đó, và cái chính là tạo nên một cuộc khủng hoảng mà bắt nguồn từ việc vỡ nợ của vài quốc gia ở châu Âu. EU hiểu rằng HL vỡ nợ và tách khỏi khối thì tiếp theo đó sẽ là Bồ Đào Nha... và ai đảm bảo rằng các quốc gia khác trong khối không tách ra. Như hầu hết các bạn đều thấy rõ trong các cuộc họp của EU mới đây thì sự đối nghịch trong quan điểm của 2 cường quốc Pháp và Đức là thấy rõ. Đương nhiên chả có quốc gia nào muốn đứng ở vị thế cửa dưới cả. Do vậy việc khiến tình hình chung của khối gặp nhiều khó khăn như lúc này sẽ là bất lợi cho toàn khối. Vừa rồi việc bơm tiền cứu các ngân hàng HL không vỡ nợ và phải đóng cửa đó là điều phải làm với EU.

Và mới đây khi tiếp tục thỏa thuận cải cách lần thứ 2, là một bước đầu thuận lợi cho các cuộc đàm phán cứu trợ tiếp theo. Mang tiếng là cứu trợ nhưng kỳ thực là cho vay nhiều hơn, và gánh nặng lại đổ lên dầu dân: Cái gì mà đàm phán để đạt được một thỏa thuận dễ dàng hơn chứ, sau cuộc đàm phán đầu tiên là về Thuế VAT và hưu trí đã được cắt giảm, và đợt đàm phán thứ 2 này có ai đảm bảo được là sẽ thay đổi các yếu tố trong việc tái cấu trúc ngân hàng và những thay đổi của bộ tư pháp để mang đến điều tốt đẹp hơn cho những

người dân tiết kiệm khoản tiền của họ. Và bên cạnh đó là những biện pháp tăng thuế (không tăng thì lấy gì bù vào khoản thâm hụt và cục nợ to tướng đó) và cả việc giảm các khoản đãi ngộ khi về hưu của người dân.

Cả ECB và IMF tin rằng việc giảm nợ cho HL là cần thiết nhưng Đức lại muốn đưa ra một hướng giải quyết tốt hơn và chính những rào cản này nên việc đàm phán có thể sẽ chưa đi đến hồi kết. ECB có thể xem xét gia hạn đáo nợ của HL, tháng 8 tới đây là một tháng rất quan trọng với HL vì quốc hội không cần chấp nhận tất cả các điều khoản cải cách, và ECB sẽ phải chấp nhận gói cứu trợ thứ 3 cho HL trước khi phải trả nợ 3.4 tỉ trái phiếu của ECB. Và vấn đề bầu cử sớm sẽ dẫn tới bất ổn chính trị đó là bất lợi cho nền kinh tế vào lúc này. Quan trọng là HL sẽ vẫn ở lại khối.

Trong cuộc trưng cầu dân ý ngày 5/7/2015 về việc người dân có đồng ý gói cứu trợ thì kết quả không ngoài dự đoán là đến 51.5% người dân không đồng ý. Vì sao? Đơn giản vì người ta biết các gói cứu trợ đó chỉ là những mỹ danh từ của cho vay nặng lãi, tức là sau khi dồng ý các gói cứu trợ thì người dân Hy Lạp sẽ phải thắt lưng buộc bụng, cắt giảm chi tiêu và gánh thêm rất nhiều thứ thuế khác nữa... điều này sẽ khiến cuộc sống của họ thêm khốn khó hơn thôi, Hy Lạp muốn vỡ nợ lắm chứ, nhưng mà ai cho vỡ đây, nợ công là vấn nạn không chỉ riêng HL mà bất cứ quốc gia nào cũng đều không muốn, thế nhưng vẫn phải nợ, bởi vì muốn tăng trưởng kinh tế nhanh mà không cần phải in nội tệ ra thì chỉ còn cách vay tiền nước ngoài. In nội tệ ra quá nhiều thì sẽ gây nên lạm phát trong nền kinh tế, đồng tiền quốc gia sẽ mất dần giá trị, kinh tế suy yếu và niềm tin của người dân vào chính phủ sẽ không còn… điều này cực kỳ tai hại.

Sun Jul 5	All Day	EUR		Greek Bailout Vote	No

Hình 9.22: Trưng cầu dân ý ngày 5/7/2015, người dân Hy Lạp không đồng ý gói cứu trợ.

Ngay sau khi cuộc trưng cầu dân ý diễn ra và kết quả là NO thì sang phiên giao dịch ngày 6/7 đồng EUR đã giảm rất mạnh. Bởi vì người ta lo ngại HL không đồng ý gói cứu trợ thì lấy cái gì ra mà trả nợ đây, rồi không thể trả được nợ thì sẽ phải chấp nhận vỡ nợ,

buộc phải tác khỏi liên minh EU. Nền kinh tế EU đang rơi vào khủng hoảng, nếu mà HL đòi tách khỏi khối vì những bất đồng thì sau đó sẽ là đến các quốc gia khác. Liên minh EU sẽ sụp đổ, đó là điều mà không ai muốn, thế giới sẽ rơi vào suy thoái nếu điều đó xảy ra.

Chính cái mối lo đó mà liên tục trong suốt nhiều ngày sau đó đồng EUR liên tục giảm, nhưng thị trường chứng khoán Đức lại tăng, trong khi thị trường chứng khoán toàn cầu đang phải đối mặt với một đợt bán tháo lớn. Bởi vì người ta ai cũng đã nhìn thấy viễn cảnh đó rồi, khi thị trường chứng khoán Trung Quốc sụp đổ. Mối liên hệ giữa thị trường chứng khoán China và thế giới ngày nay càng được quan tâm nhiều hơn khi sự vươn lên mạnh mẽ một cách nhanh chóng của China. Thực sự trong đầu tư chứng khoán người ta lo ngại nhất là tâm lý sợ hãi, phản ứng sẽ xảy ra rất nhanh và khó kiểm soát, lúc này đây những nhà đầu tư lớn đã bắt đầu rút dần các khoản đầu tư và tìm về với thị trường trái phiếu trước tiên. Chỉ không lâu sau đó thị trường chứng khoán toàn cầu rơi vào những ngày đen tối, áp lực bán tháo khắp các chỉ số lớn. Đức đóng vai trò là nền kinh tế đầu tàu của EU, một khi nền kinh tế Đức suy yếu thì người ta sẽ rất lo ngại, những số liệu kinh tế được công bố không thật sự tốt: Và một điều đáng lo ngại niềm tin kinh tế Đức liên tục giảm chứng tỏ sức khỏe nền kinh đã yếu đi tương đối, tuy rằng so sánh với những năm trước đó thì ở mùa này đang thời tiết khắc nghiệt nên không quá lo lắng khi GDP và niềm tin kinh tế có suy yếu nhưng vẫn đảm bảo được kinh tế vẫn chưa quá tệ. So với cùng kỳ những năm trước đó thì chỉ số này cho thấy niềm tin vào tăng trưởng đã tốt hơn rất nhiều. Nếu như GDP q/q được công bố tháng tiếp theo đây của Đức vẫn thấp hơn 0.3% thì việc đồng EUR tiếp tục suy yếu là điều được dự đoán.

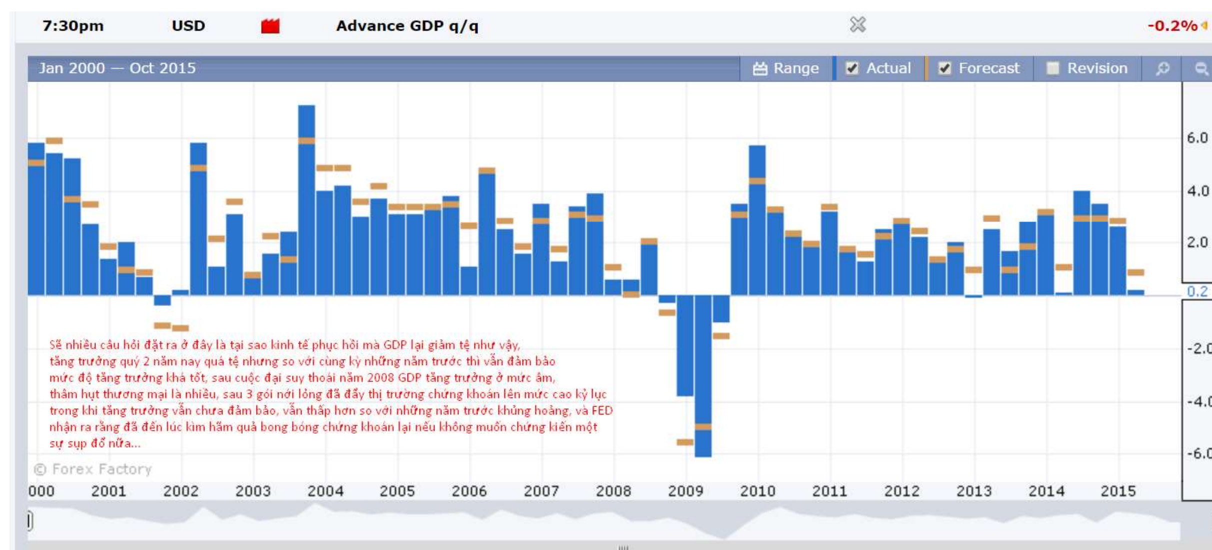
Về phương diện kỹ thuật chart DAX đang là một xu hướng tăng phục hồi sau chuỗi ngày dài giảm điểm, nhưng cái tâm lý bearish thì vẫn còn đó, người ta lo ngại sớm muộn gì thị trường chứng khoán cũng sẽ sụp đổ, vậy nên các nhà đầu tư bắt đầu rút dần các khoản đầu tư. Chart daily DAX thể hiện áp lực chốt lời trong 3 phiên liên tiếp và đó là lý do mà Tôi nhận thấy tâm lý của nhà đầu tư lúc này đang không chắc chắn. kỳ vọng short chỉ số DAX lúc này sẽ hạn chế mức stop loss tương đối nhỏ.



Hình 9.23: Kỳ vọng short chỉ số Indices Đức DAX trong bối cảnh trưng cầu dân ý các gói cứu trợ của HL không đạt được, sự sụp đổ của thị trường chứng khoán Trung Quốc là một giọt nước tràn ly, kinh tế EU đang rất yếu.

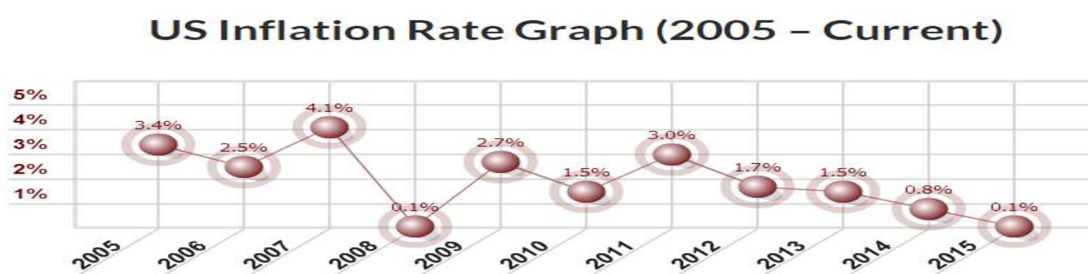
Đối với nền kinh tế Mỹ: năm nay nền kinh tế đã phục hồi đáng kể, tăng trưởng GDP đã đạt được những mốc quan trọng và niềm tin vào việc FED sẽ sớm nâng lãi suất trong năm nay là điều được nhắc tới khá nhiều, vậy thì cái kỳ vọng đó đã khiến đồng USD liên tục tăng trong suốt từ năm 2014 đến nay, chứng khoán đã được đẩy lên mức cao kỷ lục, và FED thừa hiểu đó là 1 quả bong bóng, nếu như không sớm nâng lãi suất thì khi thị trường chứng khoán được đẩy lên cao hơn nữa sẽ là một bất lợi, để khi nâng sẽ tạo một cú sốc lên thị trường. Biết được điều này nên chắc hẳn FED đã cân nhắc sẽ nâng từ từ trong tháng 9 và trong bối cảnh thị trường chứng khoán đã chững lại. Thời điểm này đang là mùa đông ở Mỹ và không khó nhận ra tăng trưởng GDP là quá tệ, sự giảm sút quá nhiều cũng là điều mà FED cảm thấy lo ngại về vấn đề nâng rate. Nếu tháng 9 này nâng và GDP vẫn thấp hơn so với cùng kỳ năm ngoái thì đó mới là điều đáng lo ngại. Sự thâm hụt nghiêm trọng trong cán cân thương mại suốt mấy năm qua cũng khiến cho FED phải cân nhắc, dầu liên tục

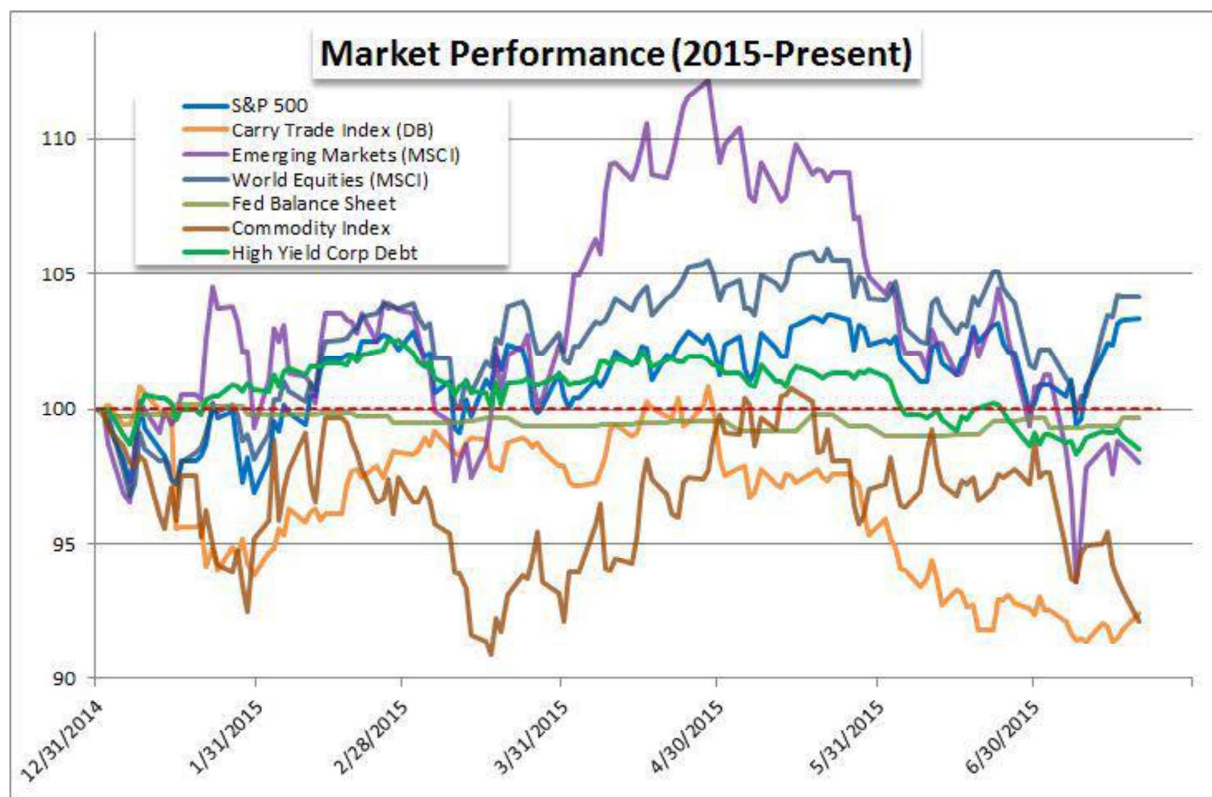
giảm và doanh số xuất khẩu ô tô đã giảm rất nhiều. Và nếu như kỳ tới đây cán cân thương mại vẫn thâm hụt ở mức lớn hơn 40B thì sẽ là một điều đáng lo ngại.



Hình 9.24: Tăng trưởng GDP sơ bộ theo quý của Mỹ.

Nhưng bên cạnh những số liệu không khả quan đó thì CPI và bảng lương phi nông nghiệp đã được cải thiện rất đáng kể, chứng tỏ nền kinh tế đã phục hồi khá tốt tuy chưa đạt được như sự kỳ vọng của FED. Tỉ lệ thất nghiệp được giảm xuống dưới mức 5.3%, một con số quá ấn tượng. Bên cạnh đó là lạm phát đang ở mức thấp đáng báo động, và FED không thể nào nới lỏng thêm cũng như hạ lãi suất được nữa, vậy thì làm thế nào để kéo tỉ lệ lạm phát quay trở lại mức 2%. Nâng rate lúc này sẽ không phải là phương án tốt nhất, vậy thì chỉ có thúc đẩy kinh tế và tăng cường các ngành công nghiệp sản xuất, khi nguồn cung được đảm bảo thì mới có thể khiến nền kinh tế đi lên và kéo tỉ lệ lạm phát quay trở lại mức kỳ vọng.





Hình 9.26: So sánh hiệu suất thị trường của nền kinh tế Mỹ.

Ở cái bức hình này các bạn có nhận ra chứng khoán đã tăng quá mạnh trong khi mức chênh lệch lãi suất và lượng tài sản của FED thì giảm sút, tỉ lệ nợ của các tập đoàn tuy chỉ mới giảm nhẹ và hàng hóa thì giao dịch ở mức giá quá thấp, điển hình là dầu và vàng cũng những kim loại quý và các sản phẩm kim khoáng quặng liên tục giảm, đó có phải là một mối lo mà FED đã biết trước về thị trường chứng khoán?

Mang những kỳ vọng đó đặt lên chart S&P500 và USD Index thì nhận thấy rằng chỉ số chứng khoán đã tăng quá mạnh, trong khi tăng trưởng kinh tế thật sự là không cao, chỉ số S&P 500 liên tục tạo đỉnh trong những thời gian trước đó, áp lực chốt lời thể hiện trong 3 phiên liên tiếp, đó dường như là dấu hiệu để đoán biết rằng nhà đầu tư đang lo sợ. S&P500 tạo mô hình 3 đỉnh liên tiếp, sự lo ngại từ thị trường chứng khoán China vẫn còn đó. Trong phân tích lần này kỳ vọng sẽ là short các chỉ số Indices trong dài hạn. Có điều là hầu hết các chỉ số Indices của các nền kinh tế lớn trên thế giới đều có mối tương quan rất mật thiết và thường khi sụp đổ sẽ là sự sụp đổ có dây chuyền.



Hình 9.27: Kỳ vọng short chỉ số S&P500 trong dài hạn.



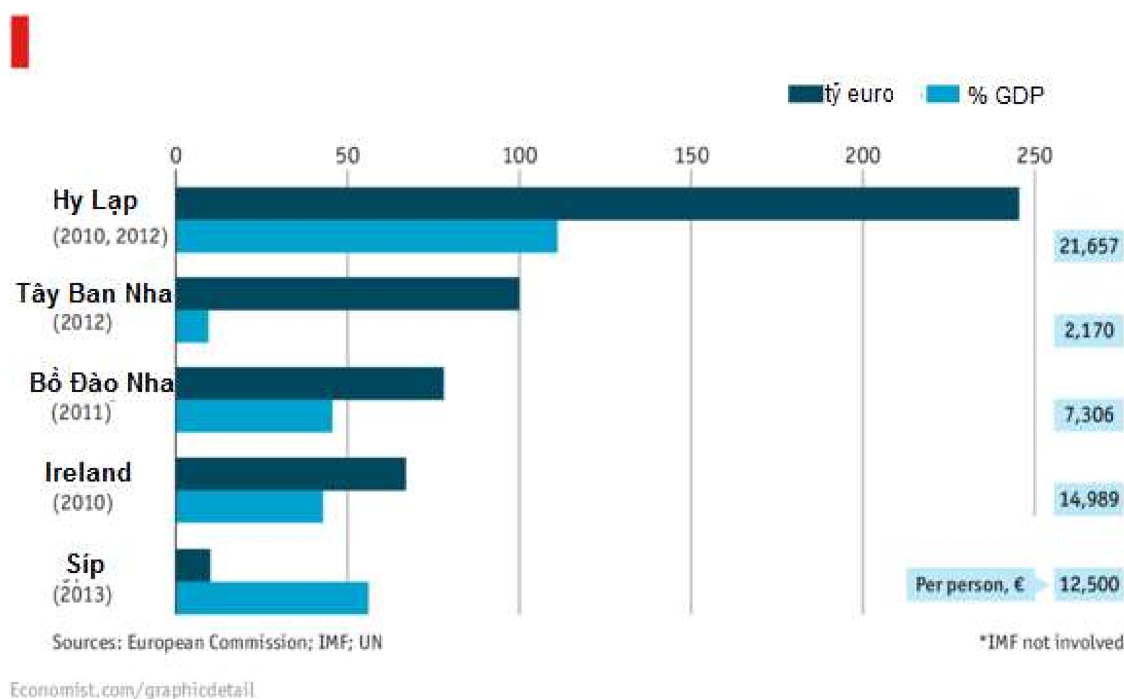
Hình 9.28: Kết quả kỳ vọng short chỉ số chứng khoán Đức DAX.



Hình 9.29: Kết quả kỳ vọng short chỉ số chứng khoán Mỹ S&P500.

Ví dụ 5: Kỳ vọng go long cặp EURUSD trong giai đoạn mối lo nợ công khu vực EU lên cao, thỏa thuận nợ công Hy Lạp và triển vọng kinh tế EU lên cao.

Vừa qua Tổng giám đốc IMF cho biết sẽ không mua thêm trái phiếu chính phủ Hi Lạp nữa cũng như nới hạn trả nợ cho nước này, và cũng khẳng định thêm rằng Hi Lạp sẽ phải thanh toán đầy đủ các khoản nợ. Như vậy trong diễn biến lúc này thì việc Hi Lạp trả được khoản nợ đó là gần như không thể, và trường hợp xấu nhất xảy ra là Hi Lạp sẽ phải tuyên bố vỡ nợ và đương nhiên sẽ tách ra khỏi Eurozone. Tôi thì lại nghĩ nếu Hi Lạp vỡ nợ thì không chỉ riêng quốc gia này mà sẽ gây ảnh hưởng trực tiếp đến toàn khối, điển hình trong đó Italy (132,1%), Bồ Đào Nha (130,2%), Ireland (109,7%), Cyprus (107,5%) và Bỉ (106,5%). Ý là quốc gia chủ lực trong khối và điều hiển nhiên nếu Ý cũng rơi vào hoàn cảnh tương tự Hi Lạp thì sự sụp đổ của đồng EUR là điều được dự báo trước.



Hình 9.30: Nợ công của một số quốc gia khối EU.

Với luận điệu vừa đấm vừa xoa theo kiểu một mặt dứt khoát không xóa nợ cũng như nới hạn thời gian trả nợ cho Hi Lạp, mặt khác khuyên chính phủ Hi Lạp nên tiếp tục tập trung cải cách kinh tế hợp lý hơn là trong chờ vào những cuộc đàm phán cứu trợ với các

chủ nợ. Nếu Hi Lạp vỡ nợ thì sẽ là một rủi ro lớn trong phát triển kinh tế toàn cầu, còn nhớ năm trước đó Tây Ban Nha cũng từng rơi vào trường hợp tương tự Hi Lạp, nhưng để đảm bảo sự ổn định trong khối và đương nhiên là Tây Ban Nha là quốc gia đóng góp % GDP toàn khối là lớn hơn nhiều so với quốc gia nhỏ bé Hi Lạp, do vậy sự ưu ái sẽ vẫn là điều người ta đoán biết được.

Trong một báo cáo gần đây số liệu do Cơ quan thống kê của Liên minh châu Âu (Eurostat) công bố ngày 21/4 cho biết tính đến cuối năm 2014, nợ công ở Khu vực đồng tiền chung châu Âu (Eurozone) lên tới 91,9% Tổng sản phẩm nội khối (GDP), mức cao nhất kể từ khi lưu hành đồng euro được vào năm 1999. (Gafin.vn). Mặc dù các chính phủ đã có nhiều nỗ lực trong việc kìm chế chi tiêu công, song với nhịp độ tăng trưởng như hiện nay ở mức thấp và nhu cầu tiêu dùng thấp vẫn khiến tỉ lệ nợ công tiếp tục tăng cao. Đúng là trong lúc này đây vấn nạn nợ công là một trong những vấn đề cấp bách nhất mà không chỉ Eurozone mà hầu hết các quốc gia phát triển đang phải đương đầu, điển hình là Nhật Bản, mặc dù là quốc qua có tỉ lệ nợ cao nhất thế giới, nhưng khác với các quốc gia khác chính phủ Nhật nợ chính người dân của mình, là một quốc gia xuất khẩu là trọng yếu, nên chính phủ Nhật sẽ không mong muốn đồng tiền của mình tăng giá quá cao, tuy là nước nợ rất nhiều nhưng Nhật lại là quốc gia an toàn nhất nếu xảy ra biến động nợ công toàn cầu, lý do vì sao, chính phủ Nhật có thể in tiền để trả cho người dân của mình mà không cần phải vay mượn, khác với các quốc gia khác, nợ của Nhật hầu hết là quốc nội. Quay trở lại tình hình nợ Eurozone Tôi nhận thấy rằng nếu bây giờ Hi Lạp vỡ nợ và không có khả năng chi trả thì sẽ kéo theo hệ lụy rất khó kiểm soát, ai giám đảm bảo rằng các quốc gia khác có tỉ lệ nợ cao như đã nêu trên không rơi vào tình cảnh như vậy, bong bóng nợ sẽ khiến cho nền kinh tế trở nên lệ thuộc và có thể rơi vào tình trạng khủng hoảng triền miên.

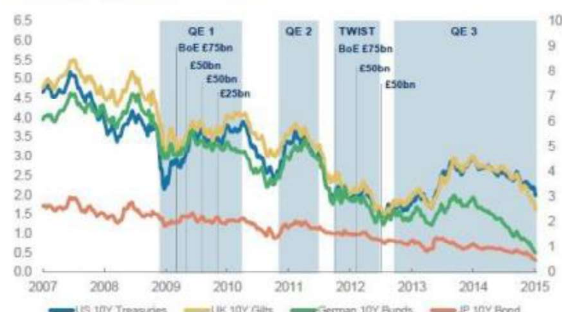
Để đơn giản hơn trong việc hình dung những tác động mà 3 gói QE của Mỹ mang lại và từ đó tiên đoán về những gì mà QE của ECB sẽ mang lại trong tương lai các bạn quan sát bức hình sau.

TÁC ĐỘNG CỦA GÓI QE LÊN CÁC THỊ TRƯỜNG

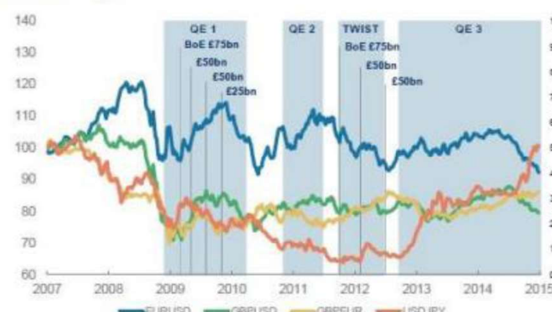


Gói QE của Mỹ đã tác động rất lớn đến TTCK toàn cầu và gói QE của ECB khiến giới đầu tư kỳ vọng khả năng tăng trưởng của TTCK Châu Âu nói chung và các thị trường chứng khoán khác

Government Bond Yields



Exchange Rates



Equity Markets



Bank Stocks (relative performance, 2007=100)



Hình 9.31: Tác động của 3 gói QE tới nền linh tế Mỹ và thế giới, từ đó sẽ tiên đoán được những gì mà QE của ECB sẽ mang lại trong tương lai.

Đàm phán xóa một phần nợ và hoãn thời gian trả nợ không đi đến hồi kết buộc chính phủ Hi Lạp phải huy động lượng tiền trong dân để có thể trả phần nợ, tuy nhiên theo một nguồn tin mới nhận được thì lượng huy động đó cũng chỉ đủ để chi trả một phần nợ 770 triệu EUR và thanh toán lương cho công chức. Với hi vọng sẽ giảm bớt gánh nặng cho Eurozone trong ngắn hạn và không phải tuyên bố vỡ nợ cũng như rời khỏi khối là mong muốn không chỉ riêng Hi Lạp mà Tôi nghĩ các quốc gia khác trong khối cũng không muốn điều này xảy ra, nó sẽ gây tác động rất xấu đến nền kinh tế toàn khu vực và gây thiệt hại rất lớn cho khu vực đồng tiền chung.

Trên đây là những nhận xét của cá nhân Tôi, Tôi nghĩ rằng vào ngày mai khi đến kỳ hạn trả nợ Hi Lạp sẽ có thể đàm phán để trả được phần nào đó trong khoản nợ khổng lồ,

và có thể đàm phán hoãn thời gian trả nợ thêm, trong khi đó ECB sẽ tiếp tục mua thêm trái phiếu để duy trì hoạt động cho chính phủ Hi Lạp và tránh trường hợp xấu Hi Lạp buộc phải tách khỏi khối, có thể trong quan điểm của nhiều trader khác Hi Lạp tách khỏi khối sẽ là trút bỏ bớt gánh nặng cho toàn khối. Kết thúc phiên họp ngày 15/4, ECB quyết định giữ lãi suất ở mức thấp kỷ lục và cam kết sẽ tiếp tục thực hiện QE theo đúng lộ trình. Ngoài ra, ECB cho biết sẽ tiếp tục hỗ trợ các ngân hàng Hy Lạp thông qua chương trình hỗ trợ thanh khoản khẩn cấp (ELA) miễn là họ còn khả năng trả nợ và có đủ tài sản để thế chấp. Như vậy tại phiên họp vừa qua ECB quyết định sẽ giúp Hi Lạp trong trường hợp nước này còn đủ khả năng thế chấp.

Một điều cần nhắc đến là trong giai đoạn này sau khi đã thực hiện chương trình QE được một khoảng thời gian tương đối dài thì những dấu hiệu tích cực đang nhận thấy rõ trong nền kinh tế EU. Về các số liệu kinh tế các bạn vui lòng check lại chứ Tôi không liệt kê ra nữa. Mục đích của QE cũng là để vực dậy nền kinh tế, kéo thị trường chứng khoán đi lên, kích thích giới đầu tư… thế nhưng QE lại gây nên mất giá đồng tiền, lạm phát tăng cao. Vậy nên ECB sẽ phải lường trước được những điều này trước khi thực hiện QE. Trong một khoảng thời gian dài đó lạm phát vẫn không hề tăng, đó cũng mà một mối lo không chỉ riêng gì ECB mà hầu hết các quốc gia trên thế giới. Dù vậy trong buổi họp báo sau đó, Chủ tịch Mario Draghi khẳng định ngân hàng trung ương không có ý định rút ngắn thời gian hay cắt giảm quy mô của QE. Ông Draghi nói: "Trong bất kỳ trường hợp nào, chương trình mua trái phiếu vẫn sẽ kéo dài đến cuối tháng 9/2016 như dự kiến, cho đến khi tỷ lệ lạm phát tăng ổn định lên 2% trong trung hạn". Thậm chí, ông Draghi rất ngạc nhiên khi có đồn đoán cho rằng, ECB sẽ sớm rút lui khỏi QE khi kinh tế phục hồi. (gafin.vn).

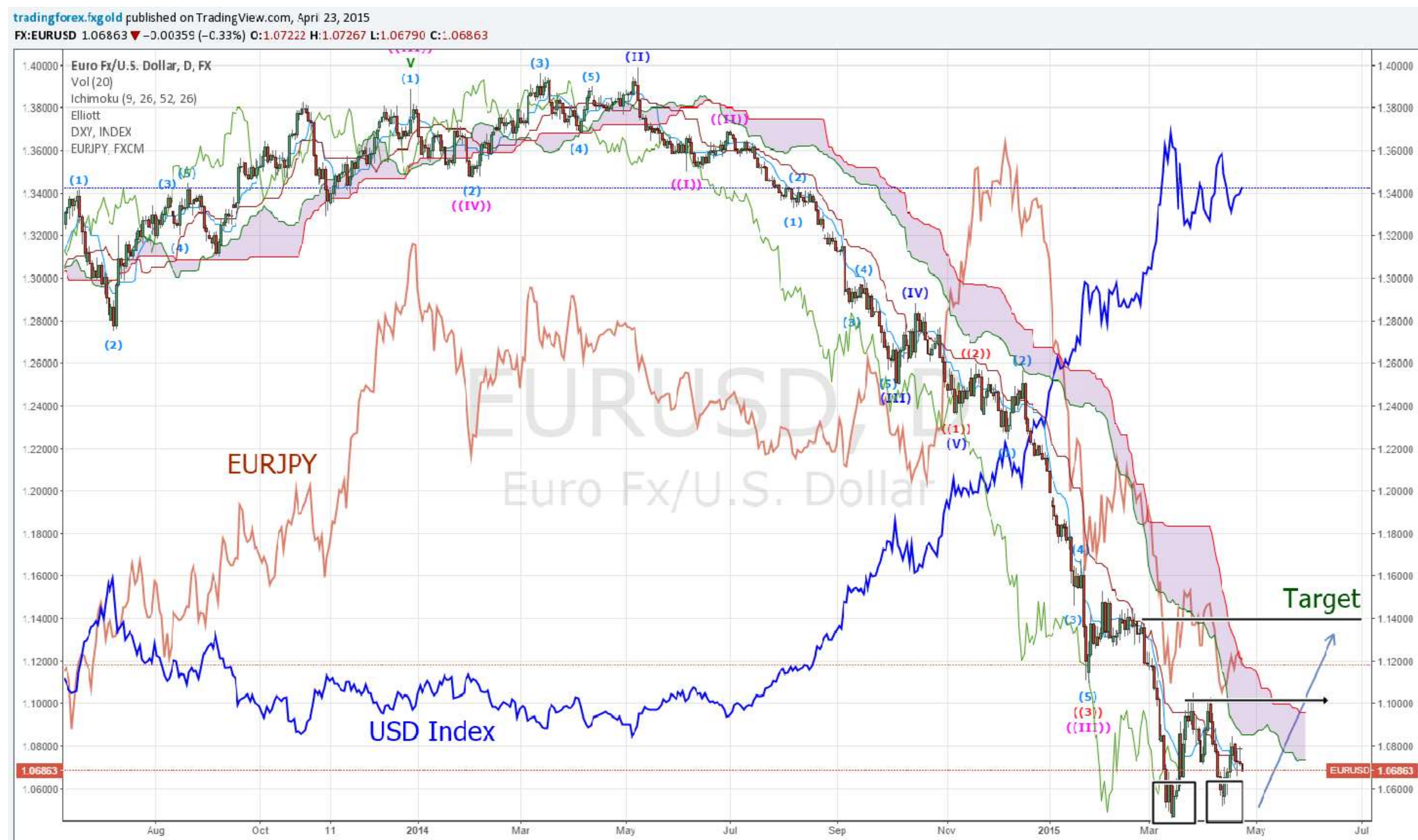
Thêm một chút tình hình kinh tế Mỹ thời gian qua, sau những số liệu đáng thất vọng về công nghiệp và nguyên nhân là do USD tăng giá quá mạnh tác động xấu đến xuất khẩu của Mỹ và thêm nguyên nhân nữa là giá dầu giảm sâu khiến cho các doanh nghiệp phải cắt giảm đầu tư vào thiết bị mới. Do vậy khả năng nâng lãi suất vào lúc này có thể sẽ vẫn còn là dấu hỏi. Một mặt FED không muốn nâng lãi suất sớm, mặt khác lại muốn đồng USD tăng để thu hút đầu tư vào Mỹ, thu hút lượng USD chảy về Mỹ nhiều hơn. Thế nhưng cái

kỳ vọng đó không thực sự khiến cho nhà đầu tư an tâm, bởi vì người ta nhìn các số liệu kinh tế của Mỹ không thật sự tốt, những phát biểu của FED rằng kinh tế Mỹ đang phục hồi thực chất là để trấn an nhà đầu tư.

Đồng EUR đã suy yếu quá nhiều so với đồng USD trong suốt từ năm 2014 đến bây giờ và điều đó cho thấy rằng kinh tế EU đang khủng hoảng như thế nào, các lệnh trừng phạt mà Nga áp dụng với EU cũng là một đòn đau mà EU đang phải hứng chịu. Dù các biện pháp kích thích kinh tế được áp dụng đó đã phần nào giúp cho nền kinh tế phục hồi, các hoạt động thương mại với những đối tác quan trọng đã được cải thiện. Cặp EURUSD chạm đáy thấp nhất với USD kể từ 2002, đó dường như là một mối lo mà những người nắm giữ EUR đang lo ngại.

Trên phương diện kỹ thuật cặp EURUSD đã chạm đáy thấp nhất kể từ 2002 và phục hồi lên lại sau khi chương trình QE được thông qua một thời gian. trên chart lúc này đang tạo mô hình double bottom. Cũng chính vì tỉ trọng của EUR trong chỉ số USD Index là hơn 50% cho nên tương quan cặp EURUSD và USD Index là gần như giống nhau. Cũng trong chart dưới đây cặp EURJPY có bước phục hồi tương đối tốt. Đồng JPY giảm mạnh trong giai đoạn mà các central bank thực hiện kích thích kinh tế, các chỉ số chứng khoán đều tăng trưởng rất ấn tượng, đặc biệt là China, Mỹ và Nhật. Với giao dịch này thì không phải dành cho một speculator mà là với một investor dài hạn.

Với thời điểm như trong hình vẽ thì điểm vào hợp lý sẽ là 1.060-1.066. Stop loss sẽ là dưới đáy thấp nhất trước đó.



Hình 9.32: Kỳ vọng go long cặp EURUSD trong dài hạn sau khi gói QE của ECB đã mang lại những khởi sắc trong nền kinh tế, thỏa thuận cứu trợ Hi Lạp có thể thực hiện được và đồng USD đang có dấu hiệu suy yếu sau những chuỗi ngày dài FED mập mờ nâng lãi suất nhưng không hề nâng, lo ngại về tăng trưởng thật sự của nền kinh tế Mỹ không đạt kỳ vọng.



Hình 9.33: Kết quả go long cặp EURUSD.

Ví dụ 6: Kỳ vọng short cặp EURCAD trong bối cảnh giá dầu phục hồi, đồng CAD tăng và đồng EUR giảm mạnh sau khi ECB phát biểu về khả năng sẽ cần phải gia tăng hơn nữa trong chương trình QE hiện thời vào tháng 12. (19/10-25/11/2015)

Trong phương thức phân tích liên thị trường có rất nhiều cách, tuy nhiên với Tôi thì kỳ vọng theo sự kiện tương lai dựa vào những yếu tố cơ bản hiện hữu, mặc dù là kỳ vọng theo những sự kiện đó nhưng cũng phải có cơ sở chắc chắn để mà tiên đoán chứ không phải là đoán mò và follow the market có lẽ là phù hợp nhất, bởi vì Tôi quan niệm nó tạo cho Tôi cảm giác chắc chắn và an toàn mỗi khi vào lệnh, dù có sai thì mức stop loss cho mỗi lệnh cũng không cao. Nghệ thuật trade của mỗi người một khác, cùng là những tư duy phân tích như thế này nhưng cách vào lệnh của Tôi rất linh hoạt, không cứ phải là phân tích thế là trade cũng phải thế. Các nhận định liên thị trường sẽ giúp Tôi cảm thấy chắc chắn trong mỗi khi đặt tiền vào market.

Với sự kiện hiện thời có thể nói là follow the market, sau khi giá dầu phục hồi thì đồng CAD sẽ là đồng tiền được hưởng lợi đầu tiên và cũng dễ dàng tiên đoán nhất. Chắc hẳn trong suốt 2 tuần qua khi các cuộc xung đột của Nga nhằm vào nhà nước hồi giáo IS, Mỹ tiến hành cắt giảm số lượng giàn khoan dầu và thêm vào đó là những thỏa thuận về hạt nhân Iran đạt được… đã đẩy giá dầu lên mức cao hơn 50$/ thùng.

Tuy nhiên trong vài phiên gần đây do những động thái từ OPEC khi tuyên bố sẽ kiên quyết không cắt giảm sản lượng khai thác vào năm 2016, những thông tin trên đã tạo nên một tuần đầy biến động của giá dầu. Đồng CAD vì thế mà cũng đã tăng rất mạnh trong vòng 2 tuần qua về lại mức gần với thời điểm BOC cut rate ngày 15/7 vừa qua. Có phải nỗ lực cut giảm lãi suất để thúc đẩy xuất khẩu của Canada đã thất bại, không hẳn như thế, khi BOC thực hiện chính sách cut giảm lãi suất trong bối cảnh giá dầu đang ở mức rất thấp, bong bóng chứng khoán đang trở thành tâm điểm khi thị trường chứng khoán Mỹ giảm điểm kỷ lục trong 2 phiên giao dịch. Sự kiện trên đã buộc BOC phải cut rate bởi vì thị trường lớn nhất của Canada là Mỹ, lúc bấy giờ tiêu dùng của Mỹ giảm đáng kể, lạm phát tiêu dùng hầu như không có, các khoản chi tiêu của người dân giảm đi rất nhiều và chắc

chắn cú shock chứng khoán đã khiến tâm lý của một đại bộ phận nhà đầu tư trở nên mong manh và đẩy họ vào tâm thái hoang mang lo sợ. Khi sức chịu đựng đã đạt đến cực điểm thì cũng là lúc mà những đồn đoán về việc nâng lãi suất của FED lên cao nhất, nhưng thử hỏi trong một nền kinh tế đang khủng hoảng, lạm phát không có thì FED có giám nâng lãi suất không?

Chính vì FED lo ngại rằng nâng lãi suất sẽ không những không kéo đồng USD, thị trường chứng khoán đang rơi vào vùng con gấu mà lại nâng lãi suất nữa thì sẽ càng trở nên bearish hơn, bởi vì tâm lý của các nhà đầu tư chứng khoán rất là bearsih với các sự kiện nâng lãi suất mà. Cũng không phải là không thể nâng, bởi vì lãi suất hiện tại của FED là đang rất thấp, dù có nâng lên 0.5% thì cũng không quá đáng ngại với đại bộ phận nhà đầu tư. Các số liệu kinh tế cũng chưa thật sự tốt cho nên FED sẽ không mạo hiểm hike rate đâu.

Nói thêm về các lý do chọn go long đồng CAD: ngoài việc giá dầu phục hồi thì các số liệu kinh tế Canada công bố là tương đối tốt, đặc biệt là số liệu lao động rất tốt. Kinh tế chưa rơi vào suy thoái nên sự kiện lãi suất của BOC không không gây bất ngờ cho giới đầu tư, mà ngược lại quyết định giữ nguyên lãi suất cơ bản hiện thời chính là minh chứng rằng đồng CAD sẽ có được sự hỗ trợ trong khoảng thời gian vài tuần tới, nếu như giá dầu vẫn được giao dịch ở mức trung bình như hiện tại.

Ngay sau sự kiện lãi suất của BOC sẽ là những tin tức rất quan trọng của ECB, trong tuần vừa qua ECB đã lên tiếng rằng sẽ có thể phải sử dụng một biện pháp tác động vào kinh tế mạnh hơn, kỳ thực là market đang nghĩ rằng khi nào ECB sẽ tăng thêm lượng QE vào thị trường. Trong bối cảnh hiện tại việc ECB nới lỏng sẽ kích thích kinh tế tăng trưởng, nhưng mặt khác thị trường chứng khoán đang trên đà phục hồi tốt như vậy thì chắc hẳn ECB cũng như các central bank khác sẽ kiên nhẫn chờ đợi và có thể là sẽ kỳ vọng rằng lạm phát trong tương lai sẽ tăng lên. Trên chart USD Index là một flag parttern đang hình thành và xu hướng vẫn chưa thật sự chính xác khi những đồn đoán về vấn đề lãi suất của FED chưa thật sự rõ ràng, có thể tin rằng khi có một market sentiment thật sự mạnh thì sẽ là tín hiệu phá vỡ parttern này. Với riêng cá nhân Tôi thì tôi vẫn kỳ vọng rằng kinh tế Mỹ sẽ

được cải thiện, đồng USD sẽ tăng lên tiếp nếu như ECB quyết định tăng lượng QE vào thị trường và FED có những tác động tích cực hoặc sẽ chờ đợi thêm thời gian và những biến chuyển tích cực của thị trường lao động để quyết định rằng có nâng lãi suất hay không.

20/01/2015	8:00pm	USD	FOMC Member Dudley Speaks			
	8:15pm	USD	FOMC Member Powell Speaks			
	10:00pm	USD	Fed Chair Yellen Speaks			
Wed Oct 21	9:00pm	CAD	BOC Monetary Policy Report			
		CAD	BOC Rate Statement			
		CAD	Overnight Rate	0.50%	0.50%	0.50%
	9:30pm	USD	Crude Oil Inventories	8.0M	3.5M	7.6M
	10:15pm	CAD	BOC Press Conference			
Thu Oct 22	12:30am	USD	FOMC Member Powell Speaks			
	2:00pm	EUR	Spanish Unemployment Rate	21.2%	21.9%	22.4%
	6:45pm	EUR	Minimum Bid Rate	0.05%	0.05%	0.05%
	7:30pm	CAD	Core Retail Sales m/m	0.0%	0.2%	0.1%
		CAD	Retail Sales m/m	0.5%	0.1%	0.6%
		EUR	ECB Press Conference			
		USD	Unemployment Claims	259K	266K	256K

Hình 9.34: Những số liệu kinh tế quan trọng khiến cho đồng CAD mạnh lên và đồng EUR suy yếu với phát biểu của chủ tịch ECB về việc gia tăng chương trình QE vào tháng 12.



Hình 9.35: Đồng USD suy yếu, nhưng vẫn đang nằm trong kênh xu hướng tăng, EUR có dấu hiệu giảm trở lại vì những lý do cơ bản ở trên. EURUSD chạm ngưỡng kháng cự quan trọng vào giảm trở lại, là một formation tốt để short EURCAD.



Hình 9.36: Những kỳ vọng short cặp EURCAD trong dài hạn trên khung daily sau khi ECB phát biểu sẽ cần đến một chương trình mở rộng QE trong tháng 12. Kinh tế Canada phục hồi khi giá dầu phục hồi, đồng CAD cũng vì thế tăng lên.



Hình 9.37: Kết quả Go short cặp EURCAD trong dài hạn. Đối với giao dịch này thực hiện là nương theo market sau những tin tức chính sách tiền tệ được công bố.

Tôi xin được dừng phần ví dụ ở đây, các ví dụ như thế này sẽ còn rất nhiều trong những bài viết theo từng sự kiện trên website và trang cá nhân của Tôi. Các ví dụ là để các bạn nắm vững hơn các kiến thức và biết vận dụng vào trading, điều quan trọng là các bạn phải tự mình phân tích được, hiểu được những cái nền tảng đã học được để áp dụng vào trong thực tiễn.

CHƯƠNG PHỤ LỤC:

HƯỚNG DẪN KHAI THÁC VÀ XỬ LÝ DỮ LIỆU TỪ MỘT SỐ WEBSITE UY TÍN, TỔNG KẾT CÁC QUY TẮC TRONG TRADING

Trong suốt tất cả các chương cuốn sách này Tôi đã sử dụng rất nhiều hình ảnh, tin tức và các data mà chắc chắn sẽ có nhiều bạn thắc mắc tại sao có thể có được những biểu đồ so sánh như vậy, tại sao lại có thể biết các khai thác dữ liệu nhanh và chính xác… Trong phần phụ lục này Tôi sẽ cố gắng hướng dẫn các bạn cách thức để sử dụng các tính năng của những trang web giúp chúng ta có thể so sánh được các mối tương quan và có được những biểu đồ mà trên các phần mềm trading không có được.

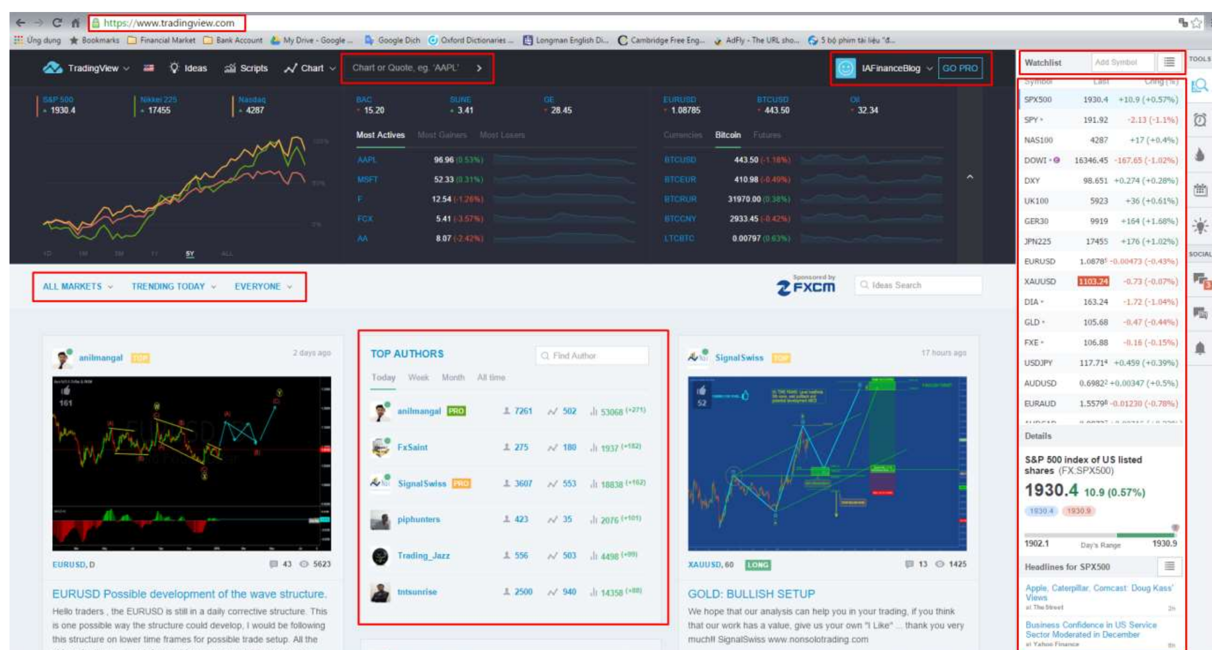
Với mong muốn giúp các bạn sử dụng thành thạo các trang web dùng để phân tích như là Forexfactory, Investing, Tradingview… cùng một số trang web tổng hợp tin tức nổi tiếng như Bloomberg, Reuters… Phương thức phân tích của Tôi cũng tương đối dễ là chỉ cần sử dụng 3 website chính Forexfactory, Investing, Tradingview là có thể thực hiện được tất cả những phân tích để tiên đoán xu hướng thị trường được rồi. Trong cuốn sách của tác giả Việt Trader có hướng dẫn các bạn tổng hợp số liệu rồi dùng excel để vẽ nên các biểu đồ, nhưng cách làm đó quá là thô sơ, biểu đồ cho ra không sát với thực tiễn, và phải mất rất nhiều thời gian để tổng hợp số liệu rồi mới có thể vẽ được… Thì trong phần này Tôi sẽ hướng dẫn cách làm đơn giản hơn là chỉ cần sử dụng 2 website Tradingview và Investing thôi là có thể thực hiện được tất cả các hình vẽ cần thiết trên các khung thời gian mà không cần phải tổng hợp data làm gì cả.

I- Hướng dẫn sử dụng Website Tradingview và Investing trong công việc so sách các mối tương quan và xử lý số liệu.

1- Hướng dẫn sử dụng website Tradingview.

Website https://www.tradingview.com/ là một trong những trang web cho phép chúng ta sử dụng các biểu đồ FREE tốt nhất hiện nay, các biểu đồ với đa khung thời gian và real time. Quá thuận tiện để sử dụng trong phân tích. Hơn thế nữa hầu hết tất cả các món hàng chúng ta cần đều có và rất dễ dàng để tìm kiếm.

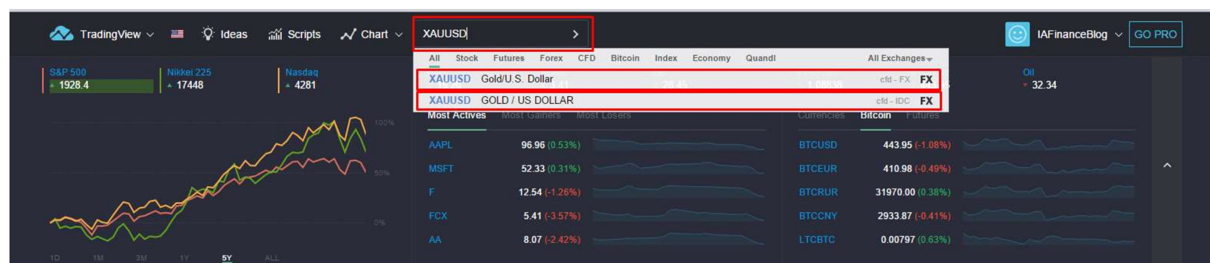
Đầu tiên là làm quen với giao diện của trang web chính, Trading view giống như là một trang mạng xã hội chia sẻ các ý tưởng trading của tất cả mọi người vậy, các bạn có thể tham khảo các ý kiến và nhận định của các trader khác cũng như có thể tự share những ý tưởng của bản thân lên đó.



Hình 0.1: Giao diện chính website Tradingview.

Có lẽ Tôi cũng không cần phải nói nhiều vì các bạn vào website này cũng biết là nó bao gồm những mục gì rồi, nếu ai chưa biết thì chỉ mất chừng 30p là sẽ biết thôi mà. Mục đích chính khi Tôi vào website này không phải là để ngó xem các ý tưởng của người khác

mà là để theo dõi các chart cần thiết, và đặc biệt là nó cho phép Tôi compare thêm nhiều chart khác vào cùng một biểu đồ để tiện cho việc so sánh. Trước tiên các bạn cần phải tạo một tài khoản hoặc login bằng cách nào đó tùy các bạn. Sau khi đã login vào thì các bạn tiến tới mở chart bằng cách gõ tên món hàng các bạn muốn vào ô tìm kiếm " Chart or quote, eg. 'AAPL' "



Hình 0.2: Cách tìm kiếm chart của những món hàng cần quan tâm.

Sau khi mở được chart thì sẽ có những công cụ nằm ở thanh bên trái, đó chính là những công cụ giúp chúng ta phân tích (tương tự trong các phần mềm trading). Thanh bên phải chính là list những món hàng mà chúng ta quan tâm nhất (tùy vào mục đích mỗi người mà chọn những món hàng phù hợp). Thực ra cũng chỉ cần như vậy là đủ, không nhất thiết phải quá chi tiết, cái chính là có thể sử dụng chart và compare được các chart vào với nhau trong quá trình so sánh tương quan. Nếu bạn nào muốn demo trading luôn trên trang web này thì cũng OK luôn, Tradingview hiện cho phép các bạn thực hành demo trên website đó.

Về phần nghiên cứu các công cụ, giao diện và cách thêm indicator Tôi không nhắc lại, các bạn cứ tự vào tìm hiểu chừng 30p là biết hết ấy mà.

Tiếp đến là phần COMPARE, tức là kết hợp nhiều chart vào với nhau và cũng là phần quan trọng nhất trong phân tích liên thị trường.

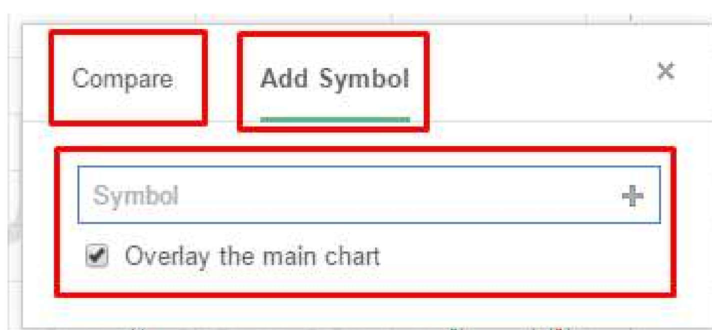
Trong mục COMPARE sẽ có 2 phần Compare khác nhau và mục đích của nó cũng khác nhau luôn. Nhiệm vụ của chúng ta là tìm hiểu công dụng và chức năng của 2 cách Compare đó như thế nào trong quá trình phân tích, trong trường hợp nào thì cần sử dụng một trong hai hình thức compare và trong trường hợp nào thì phải sử dụng cả hai hình thức đó.



Hình 0.3: Hướng dẫn sử dụng chart trên Tradingview.

Trong bức hình trên có các vùng Tôi đánh dấu là những mục chúng ta thường xuyên sử dụng nhất. (1) đó chính là dùng để lựa chọn món hàng cần hiển thị chart và lựa chọn các khung thời gian, mẫu chart là nến hay đường line… (2) đó chính là mục COMPARE (mục này rất quan trọng), (3) là mục add các indicator (có rất nhiều Indicator và các bạn có thể lụa chọn những indicator phù hợp với mình nhất), (4) là mục đặt lệnh demo trực tiếp trên website này, (5) là phần list các món hàng chúng ta quan tâm nhất và một vài công cụ cần thiết hơn bên, (6) chính là các công cụ phân tích để giúp chúng ta tự vẽ lên biểu đồ và thực hiện các thao tác phân tích của cá nhân.

Trong mục Compare các bạn sẽ thấy xuất hiện khung như sau:



Trong bức hình trên có hai hình thức Compare:

- Compare: Đây là hình thức giúp chúng ta so sánh sức mạnh của các món hàng cần kết hợp với nhau. Giống như bức hình so sánh sức mạnh đồng tiền với Vàng đó. Hình thức này sẽ quy đồng tất cả món hàng chúng ta so sánh về cùng một mốc 0% và khi quan sát các bạn sẽ thấy món hàng nào nằm trên và cái nào nằm dưới trong đa khung thời gian để đoán biết sức mạnh hiện tại của từng món hàng.
- Add Symbol: Hình thức này là hình thức so sánh tương quan biến động của các món hàng với nhau (giả sử như so sánh biểu đồ giá Vàng và cặp AUDUSD). Hình thức này là phổ biến nhất và thường hay sử dụng nhất. Bởi vì mỗi khi cần so sánh mối tương quan giữa các mặt hàng thì chúng ta phải sử dụng hình thức này để có cái nhìn khách quan nhất trong từng sự kiện hay từng thời điểm.

Mục Symbol là để add những món hàng cần so sánh (mã của các món hàng các bạn phải tự tìm và nhớ lấy, VD: EURUSD, SPX500, JPN225, DXY…). Kỹ năng tìm kiếm các mã sản phẩm cần chỉ đơn giản là hỏi Google thôi: các bạn muốn tìm chỉ số chứng khoán Trung Quốc chẳng hạn thì hãy gõ vào tìm kiếm " Shanghai Composite Index Chart Tradingview ". Quá đơn giản phải không nào.

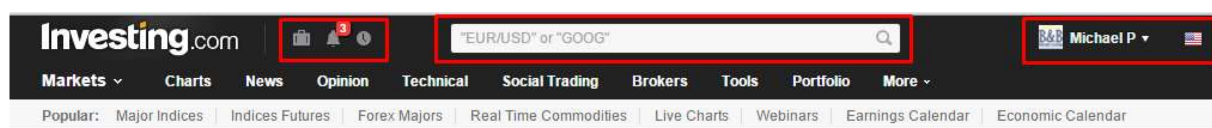
Trong một số trường hợp các bạn sẽ cần phải sử dụng hình thức so sánh chênh lệnh, hay còn gọi là spead giữa 2 chỉ số để tiên đoán xu hướng của món hàng khác chẳng hạn (ví dụ như spread giữa US 10 Years Bond Yield và UK 10 Years Bond Yield với cặp GBPUSD). Trong trường hợp này các phần mềm và website tradingview không làm được mà buộc các bạn phải sử dụng excel để vẽ. Hay đơn cử là các bức hình quan trọng khác. Bật mí cho các bạn một người chuyên tổng hợp các data thành video và các bài phân tích thị trường của anh ấy tương đối chính xác:

John Kicklighter: https://www4.dailyfx.com/authors/bio/John_Kicklighter và link trang cá nhân https://twitter.com/JohnKicklighter. Các bạn hãy theo dõi thường xuyên các Videos của anh ấy, chắc chắn sẽ có được những thông tin bổ ích đó. Một số hình vẽ trong cuốn sách này Tôi có sử dụng từ chính những videos này của John Kicklighter.

2- *Hướng dẫn sử dụng website Investing.*

Với website Investing.com thì chúng ta sẽ có rất nhiều tài nguyên và cách thức theo dõi chart cũng có nhiều điểm mới và đầy đủ hơn. Nếu bạn nào chịu khó tìm kiếm các data trên Investing thôi thì cũng đã rất đầy đủ rồi. Đầu tiên Tôi sẽ hướng dẫn xem chart trên Investing trước, khai thác dữ liệu và một số kỹ năng khác sau đó.

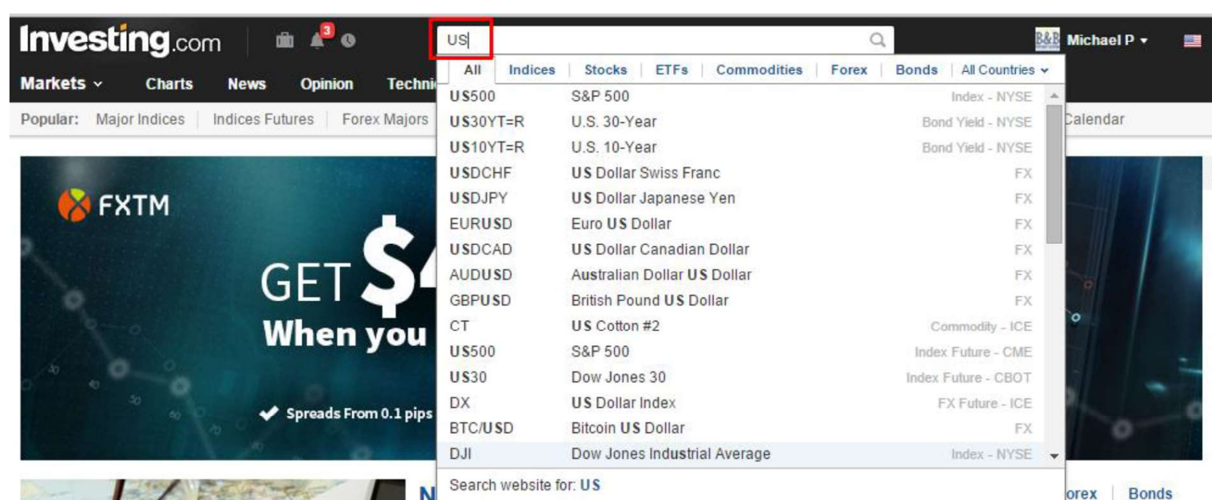
Đầu tiên các bạn truy cập vào địa chỉ: http://www.investing.com/ và tiến hành đăng nhập bình thường bằng cách nào đó tùy các bạn.



Hình 0.5: Trang web Investing.com.

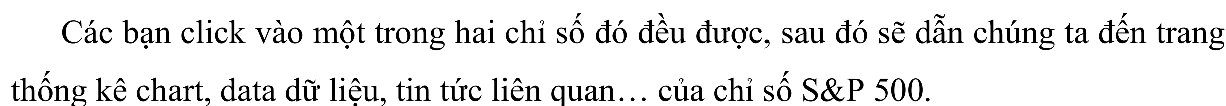
Có 3 vùng Tôi khoanh lại đó là những cái đầu tiên mà các bạn cần làm quen. Đầu tiên là vùng mà khi các bạn đăng nhập vào thì sẽ có hiển thị những thông báo, những tin tức quan trọng mới được công bố. Vùng tìm kiếm đó chính là để chúng ta search những món hàng cần thông tin, xem chart…Vùng ngoài cùng là mục đăng nhập, để có thể sử dụng nhiều tính năng hơn thì các bạn cần phải đăng nhập vào Investing.

Ví dụ các bạn gõ vào là "US" thì sẽ hiển thị khá nhiều thông tin như sau:



Hình 0.6: Hướng dẫn tìm kiếm trên Investing.

Trong ví dụ trên Tôi muốn tìm kiếm chỉ số chứng khoán Mỹ S&P500 chẳng hạn thì sẽ có 2 chỉ số đó là S&P 500 Index chính là chỉ số thực tế của chứng khoán Mỹ và chỉ số S&P 500 Futures Indices chính là chỉ số giao dịch tương lai mà chúng ta cần theo dõi để trade.



Các bạn click vào một trong hai chỉ số đó đều được, sau đó sẽ dẫn chúng ta đến trang thống kê chart, data dữ liệu, tin tức liên quan… của chỉ số S&P 500.



Trong bức hình trên (1) là hiển thị mã chỉ số/món hàng chúng ta đang xem, và khung xem hiện tại đó là real time, có nghĩa là chúng ta đang xem chỉ số CFD S&P 500 Future Indices hoặc có thể chọn xem chỉ số Index thực tế cũng được. (2) là mục quan trọng nhất, chúng ta sẽ xem được các tin tức, các báo cáo kinh tế, các nhận định và phân tích của những chuyên gia khác, tham gia vào diễn đàn…, nhưng mục quan trọng nhất với Tôi là "Chart": khi các bạn vào mục chart sẽ có 2 dạng biểu đồ là "Streaming Chart" và "Interactive Chart". "Streaming Chart" chính là chart real time tương tự như trên Tradingview mà Tôi đã hướng dẫn trên kia. Với một Trader thì các bạn chỉ cần quan tâm "Streaming Chart" này thôi, nó sẽ là khung real time để chúng ta biết được ngay thời điểm đó các biến động là thế nào. "Interactive Chart" cũng là một dạng biểu đổ real time, nhưng sử dụng khó hơn và ít công cụ hơn, cái này tùy mục đích sử dụng của các bạn mà lựa chọn cho phù hợp. Cách sử dụng Investing xem chart cũng không quá khó, các bạn tìm hiểu chừng 30p là xong ngay thôi. Nếu có chỉ số nào các bạn không tìm ra mã thì cứ vào Google gõ vào là xong, ví dụ "CRB Index chart investing.com"

Bên cạnh đó trang web Investing.com còn cho phép chúng ta theo dõi bảng tin tức tương tự như Forexfactory. Hiệu quả của bảng tin này cũng rất tốt, bên cạnh đó là bảng báo cáo "EARNING" của những công ty lớn nhất trên thế giới, các bạn nếu giao dịch với các chỉ số Indices thì hãy học cách theo dõi các báo cao này, nó rất quan trọng và trong những công ty bluechip đó nếu như báo cáo ra tốt hoặc không tốt thì sẽ tác động trực tiếp lên chỉ số chứng khoán. Đầu tiên là các bạn vào địa chỉ sau: http://www.investing.com/economic-calendar/.

Economic Calendar | Holidays | Earnings | Dividends | Splits

Yesterday | Today | Tomorrow | This Week | Next Week | Filters

Current Time: 00:30 (GMT -5:00)
All data are streaming and updated automatically.

Time	Cur.	Imp.	Event	Actual	Forecast	Previous
			Tuesday, January 12, 2016			
00:00	JPY		Economy Watchers Current Index (Dec)		46.7	46.1
00:00	JPY		Household Confidence (Dec)		42.3	42.6

Mục "ECONOMIC INDICATOR" quá quen thuộc với các bạn rồi, cái này có thể theo dõi ở FOREXFACTORY cũng được, "EARNINGS" là báo cáo doanh thu, lợi nhuận trên một cổ phiếu và vốn hóa thị trường của những công ty lớn, cái này các bạn hãy tự tìm hiểu xem công ty nào là bluechip của các nền kinh tế lớn như Mỹ, Nhật, Âu, China… để từ đó mà biết nên xem báo cáo của công ty nào.

Economic Calendar | Holidays | Earnings | Dividends | Splits

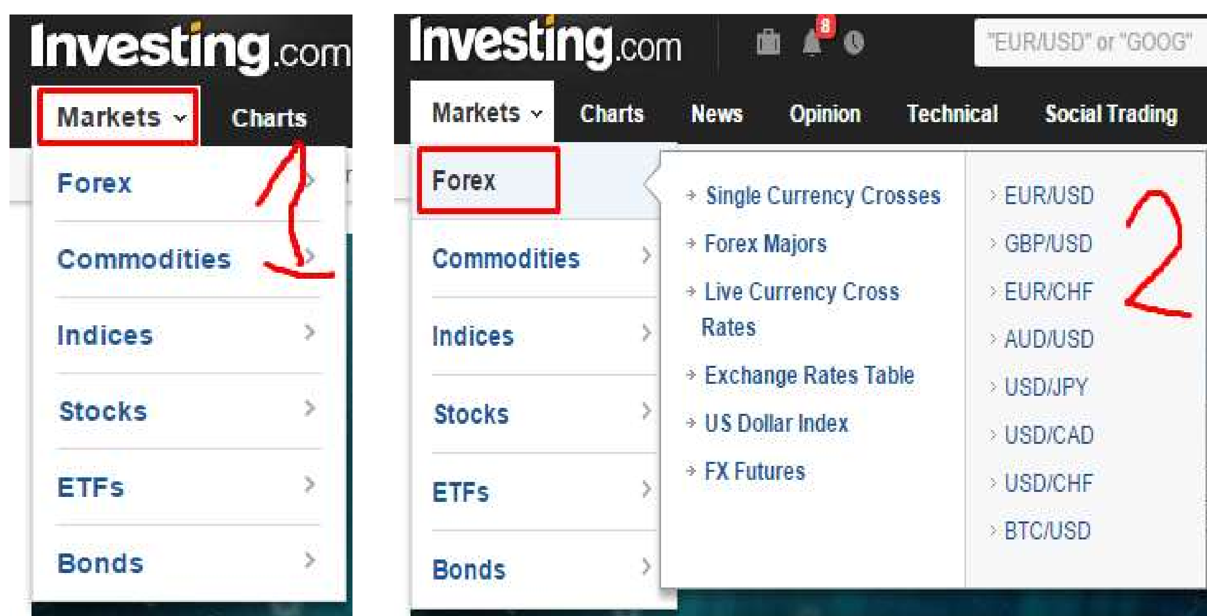
Yesterday | Today | Tomorrow | This Week | Next Week | Filters

Company	EPS / Forecast	Revenue / Forecast	Market Cap	Time
Tuesday, January 12, 2016				
Amica Mature Lifestyles Inc. (ACC)	-- / --	-- / --	583.42M	
CSX (CSX)	-- / 0.46	-- / 2.92B	22.89B	
Ceres (CERE)	-- / --	-- / --	3.01M	
Cogeco Cable Inc. (CCA)	-- / 1.26	-- / 495.3M	2.05B	
Cogeco Inc. (CGO)	-- / 1.57	-- / --	751.12M	
Create SD Holdings (3148)	-- / --	-- / --	185.09B	
Gulliver International (7599)	-- / --	-- / 48.79B	122.07B	
IHS (IHS)	-- / 1.56	-- / 600.2M	7.50B	
JIN Co Ltd (3046)	-- / --	-- / --	104.79B	
Jastec Co Ltd (9717)	-- / --	-- / --	18.71B	

Ngoài ra còn phương thức khai thác dữ liệu thì các bạn vào địa chỉ sau: http://intermarketanalysisblog.com/2015/09/20/huong-dan-download-so-lieu-va-thuc-hanh-phan-tich-tren-excel-viet-trader/. Mục menu của Investing có rất nhiều thông tin quan trọng, những cái này các bạn cứ tự tìm hiểu là sẽ xong thôi.

Về cơ bản cách sử dụng thì đơn giản, cái quan trọng là ở chính các bạn vận dụng thế nào, cái nào cần xem, và xem như thế nào… đó là kinh nghiệm rồi. Tôi cũng không biết phải chia sẻ thế nào vì nó ở trong tư duy trading của Tôi, đôi khi chỉ lướt qua thôi là đoán biết cần phải xem cái gì rồi, các bài viết nhận định và tư duy được thể hiện qua nhưng phân tích và vào lệnh của Tôi. Trên mục Menu của website này còn có rất nhiều mục khác mà Tôi nghĩ là sẽ quan trọng với các bạn.

Dữ liệu và những thứ các bạn khai thác trên Investing sẽ rất rộng lớn, các mục Menu chính trên đó các bạn có thể tự tìm hiểu thêm, cũng không quá khó để khai thác đâu. Mục "MARKET" là phần mà theo Tôi nghĩ là rất hữu ích, các biểu đồ và những thống kê trên đó sẽ giúp cho các bạn nhiều đó.



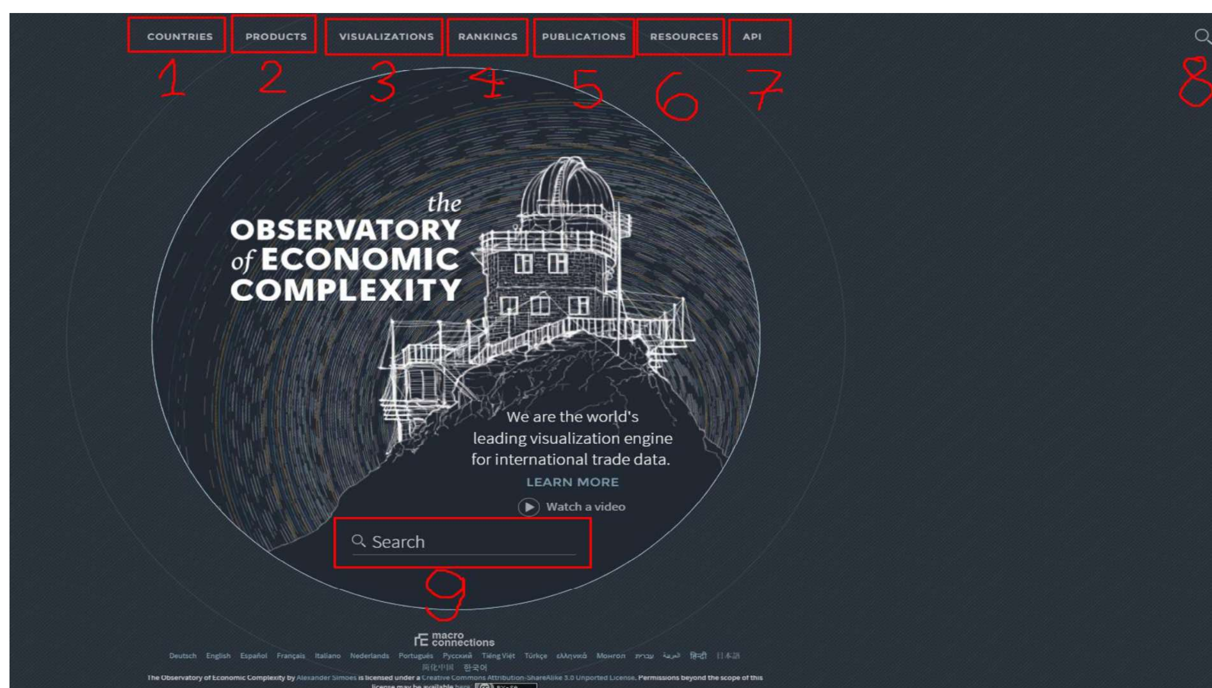
Hình 0.11: Cách theo dõi mục MARKET trên Investing.

Trong mục này sẽ hệ thống cho các bạn gần như tất cả những món hàng chính, quan trọng và cần thiết nhất với các bạn trong quá trình phân tích liên thị trường. Có những biểu đồ về đường cong lợi tức của tất cả các quốc gia trên thế giới ở mục này mà có thể các bạn sẽ khó mà tìm được ở nơi khác hoặc sẽ mất nhiều thời gian để tìm thấy đó.

II- Hướng dẫn sử dụng website: http://atlas.media.mit.edu/en/ để tiến hành so sánh và phân tích tình hình thương mại của các quốc gia trên thế giới.

Trong các chương trước Tôi có nói rất nhiều về tình hình thương mại của các quốc gia trên thế giới, đối tác thương mại của những quốc gia đó và các mặt hàng xuất nhập khẩu chủ lực của từng quốc gia… Những yếu tố này cực kỳ quan trọng nếu như các bạn muốn giao dịch với các đồng tiền của các quốc gia trên. Các đối tác thương mại giữa các quốc gia đóng vai trò rất quan trọng trong từng phân tích liên thị trường đó các bạn. Giả sử Tôi lấy một ví dụ là giá Oil hiện tại đang giảm mạnh thì các bạn nghĩ quốc gia nào chịu thiệt hại và quốc gia nào hưởng lợi? Nếu các bạn khai thác website này thì sẽ có ngay câu trả lời. Hơn nữa giá Oil giảm thì tác động thế nào tới các ngành nghề khác, và những ngành nghề đó có phải là chủ lực của những quốc gia chúng ta đang phân tích hay không?... Từ đó sẽ đưa ra những lập luận mỗi khi giá cả những mặt hàng đó biến động sẽ tác động thế nào tới sức khỏe nền kinh tế của quốc gia chúng ta đang phân tích, qua đó sẽ tiên đoán được xu hướng của đồng tiền quốc gia đó sẽ như thế nào trong tương lai. Sẽ còn rất nhiều điều phải nói về những dữ liệu trong website này đó.

Đầu tiên là truy cập vào Website: ***http://atlas.media.mit.edu/en/***.



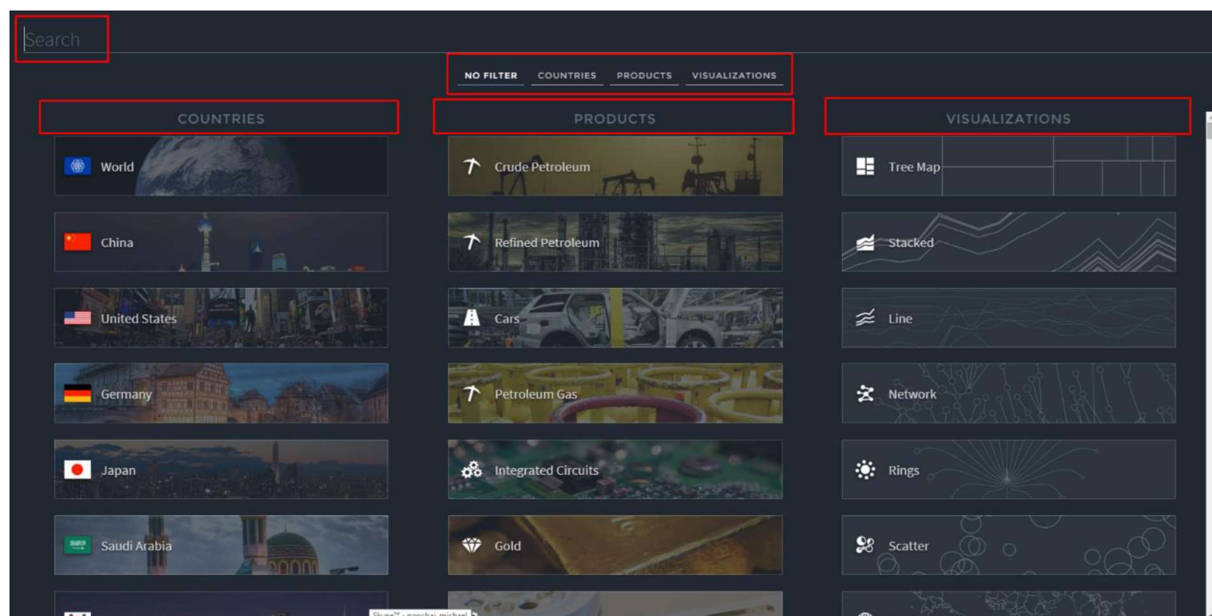
Các MENU chính bao gồm:

- COUNTRIES: Mục này giúp chúng ta theo dõi được toàn cảnh tình hình kinh tế của một quốc gia nào đó trên toàn thế giới. Hầu hết các số liệu thống kê thương mại đều được thống kê rất đầy đủ.
- PRODUCTS: Mục này sẽ thống kê chính xác từng hạng mục sản phẩm riêng biệt, hay chính xác hơn là thống kê tổng sản phẩm hàng hóa trên toàn thế giới và phân chia theo tỉ lệ % sản phẩm đó với từng quốc gia. Tức là thống kê xem thử một mặt hàng cụ thể nào đó được sản xuất và tiêu thụ ở quốc gia nào nhiều nhất…
- VISUALIZATIONS: Mục này sẽ thống kê chi tiết hơn mục CUONTRIES và thống kê luôn đối tác thương mại với từng quốc gia cụ thể (giả sử các bạn muốn tìm hiểu xem China với Australia có thương mại với nhau những gì, tỉ lệ % bao nhiêu và thống kê xem China xuất khẩu và nhập khẩu những mặt hàng gì với các quốc gia khác trên thê giới, tỉ lệ % bao nhiêu…)
- RANKINGS: Mục này sẽ thống kê thứ hạng của tất cả các quốc gia trên thế giới theo những món hàng cụ thể, theo tổng sản phẩm xuất khẩu và nhập khẩu… Thống kê mức độ phức tạp của các nền kinh tế trên thế giới.
- PUBLICATIONS: Mục này các bạn nào cần thì có thể tìm hiểu thêm, nó bao gồm nhiều tài nguyên, sách báo …
- RESOURCES: Mục này cũng thế, bao gồm nhiều tài nguyên, thông tin của những chuyên gia kinh tế khác trên thế giới…
- API: Mục này chỉ dành cho những người chuyên về IT, Tôi cũng không rành lắm.
- SEARCH: Các bạn muốn tìm cái gì thì hãy điền vào đó.

Tiếp đây Tôi sẽ đi vào chi tiết từng mục trong website này:

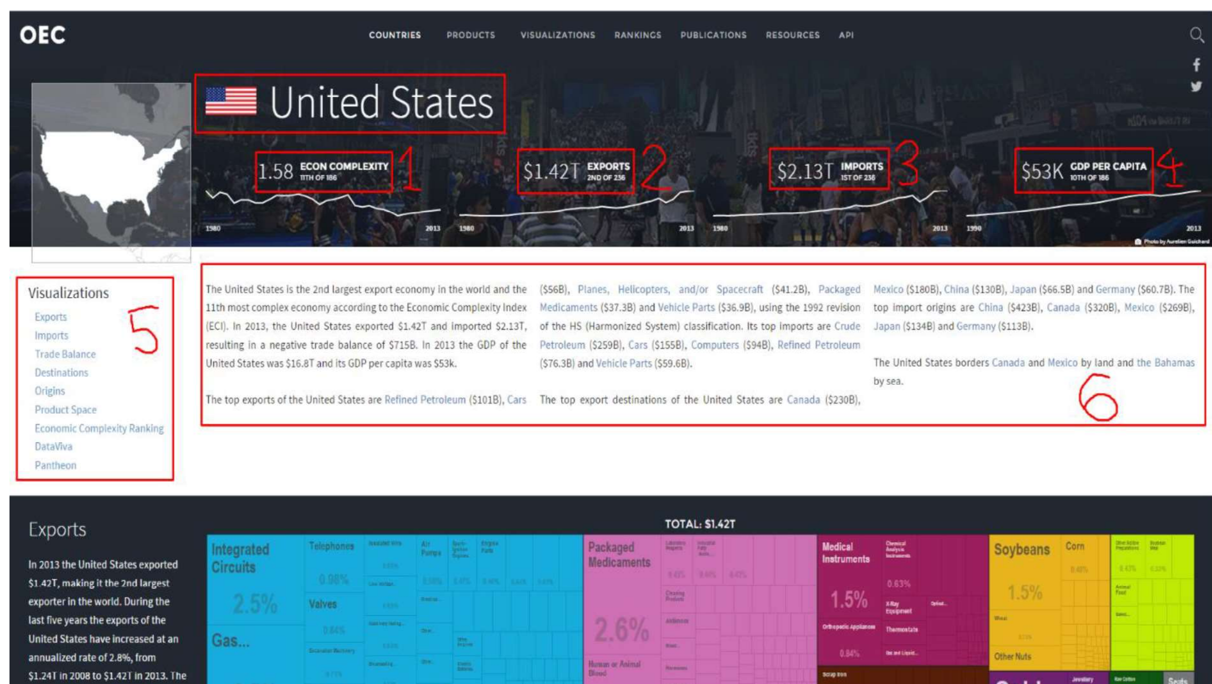
a) COUNTRIES.

Đầu tiên là lựa chọn quốc gia nào các bạn muốn xem báo cáo thương mại. Click vào ô tìm kiếm sẽ hiển thị bảng dưới đây, các bạn hãy lựa chọn COUNTRIES, rồi sau đó chọn quốc gia muốn theo dõi (Ví dụ Hoa Kỳ như trong hình chẳng hạn).



Hình 0.12: Lựa chọn danh mục muốn theo dõi. Với mục COUNTRIES này thì các bạn lựa chọn là trên toàn thế giới hoặc từng quốc gia cụ thể tùy mục đích.

Ví dụ Tôi sẽ lựa chọn là Hoa Kỳ - United States: Sẽ ra một giao diện như sau.

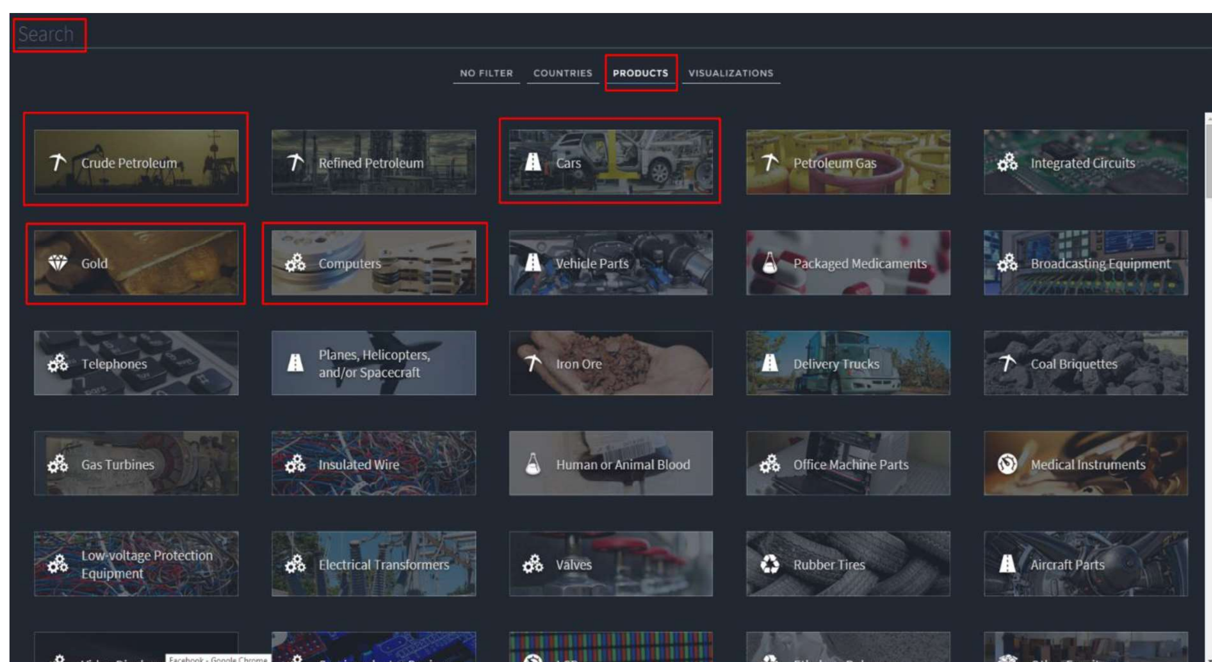


Hình 0.13: Giao diện theo dõi tình hình thương mại của Hoa Kỳ.

Trong hình 0.13 trên mục (1) đó chính là mức độ phức tạp của nền kinh tế, tức là sự liên kết giữa các ngành nghề trong nền kinh tế nó phức tạp… đại loại là mạng lưới các sản phẩm trong nền kinh tế là phức tạp (Hoa Kỳ xếp thứ 11/186 nền kinh tế trên thế giới về mức độ phức tạp). (2) là tổng sản phẩm xuất khẩu của Mỹ, tính bằng tỉ $. (3) là tổng sản phẩm nhập khẩu, tính bằng tỉ $. (4) là GDP bình quân đầu người của quốc gia đó và thứ hạn so với tất cả các nền kinh tế trên thế giới. (5) là mục menu chi tiết theo dõi thống kê xuất nhập khẩu, cán cân thương mại, đối tác thương mại, cùng với đó là thống kê xem quốc gia chúng ta đang theo dõi đó giao thương xuất khẩu và nhập khẩu với các quốc gia nào và tỉ lệ bao nhiêu %, thống kê chi tiết các sản phẩm và ngành hàng, mức độ phức tạp của nền kinh tế… Các bạn cứ kéo website đi xuống là sẽ thấy hết những mục đó được thống kê rõ ràng. (6) là những thông tin chính về nền kinh tế của quốc gia đang theo dõi, tức là bức tranh tổng thể về nền kinh tế đó.

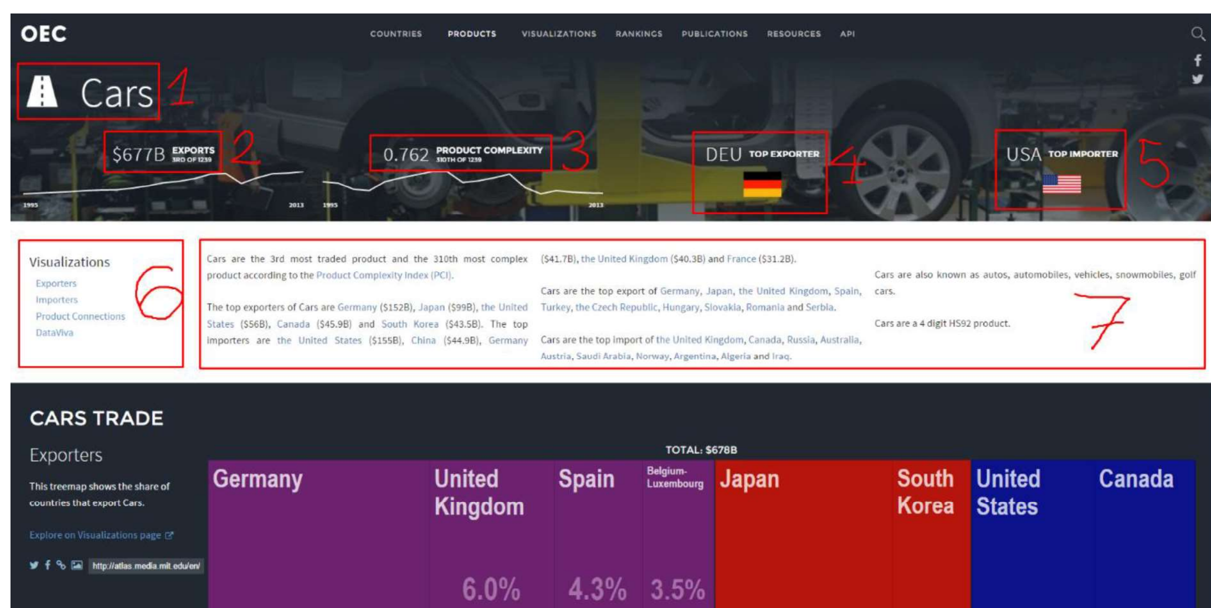
b) <u>PRODUCTS.</u>

Tự bức hình 0.12 đó các bạn nhấp chuột vào mục PRODUCTS nó sẽ hiện ra bảng sau:



Hình 0.14: Hướng dẫn theo dõi theo từng sản phẩm cụ thể cả về xuất và nhập khẩu trên toàn thế giới và với từng quốc gia cụ thể.

Giả sử Tôi chọn là CAR thì sẽ hiện ra bảng thống kê như sau:



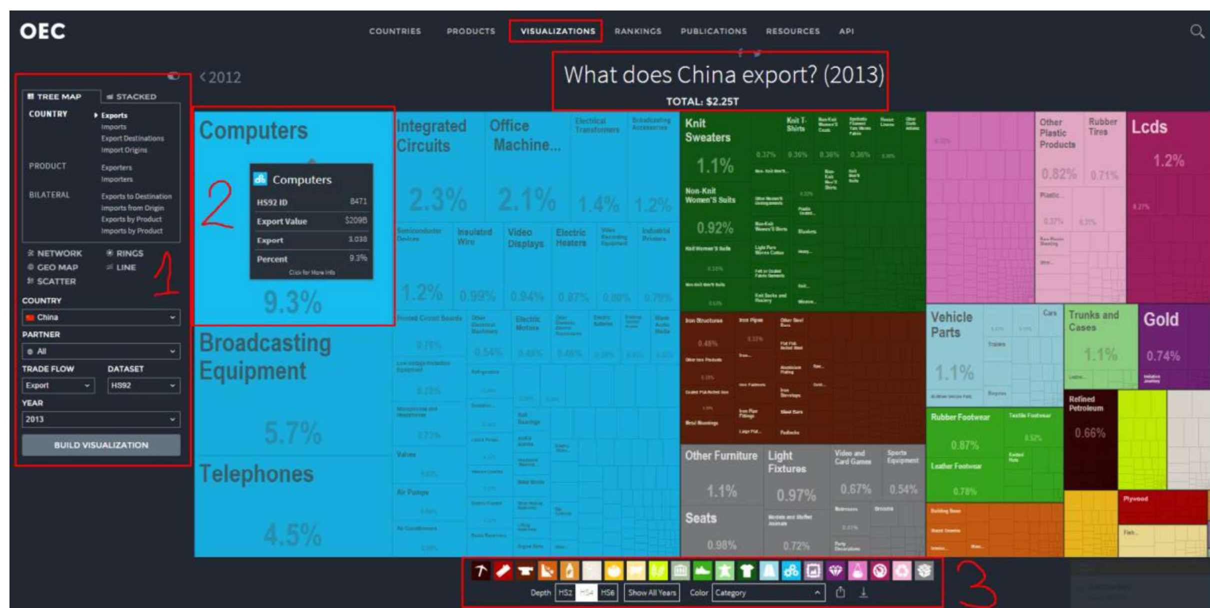
Hình 0.15: Bảng thống kê từng mặt hàng cụ thể cả về xuất khẩu và nhập khẩu.

Mục (1) là lựa chọn món hàng muốn theo dõi. (2) là tổng giá trị tạo ra, hay là tổng giá trị xuất khẩu của mặt hàng CAR và thứ hạng của nó trên toàn bộ các mặt hàng. (3) là mức độ phức tạp của ngành hàng, tức là mức độ liên kết với các hàng hóa khác là phức tạp như thế nào. (4) là phần so sánh quốc gia nào xuất khẩu mặt hàng trên nhiều nhất. (5) là so sánh quốc gia nào nhập khẩu nhiều mặt hàng trên nhất. (6) là menu mà các bạn cứ kéo xuống phía dưới trang web là sẽ biết hết. (7) là đặc điểm mặt hàng và thống kê tổng sản phẩm tạo ra trên một số quốc gia hàng đầu cả về nhập khẩu và xuất khẩu.

Tôi cũng không biết phải nói gì thêm, nhìn vào những thống kê này để phân tích xem thử khi giá cả các mặt hàng tăng giảm thì tác động thế nào tới nền kinh tế của các quốc gia xuất nhập khẩu món hàng đó nhiều nhất…

c) ***<u>VISUALIZATIONS.</u>***

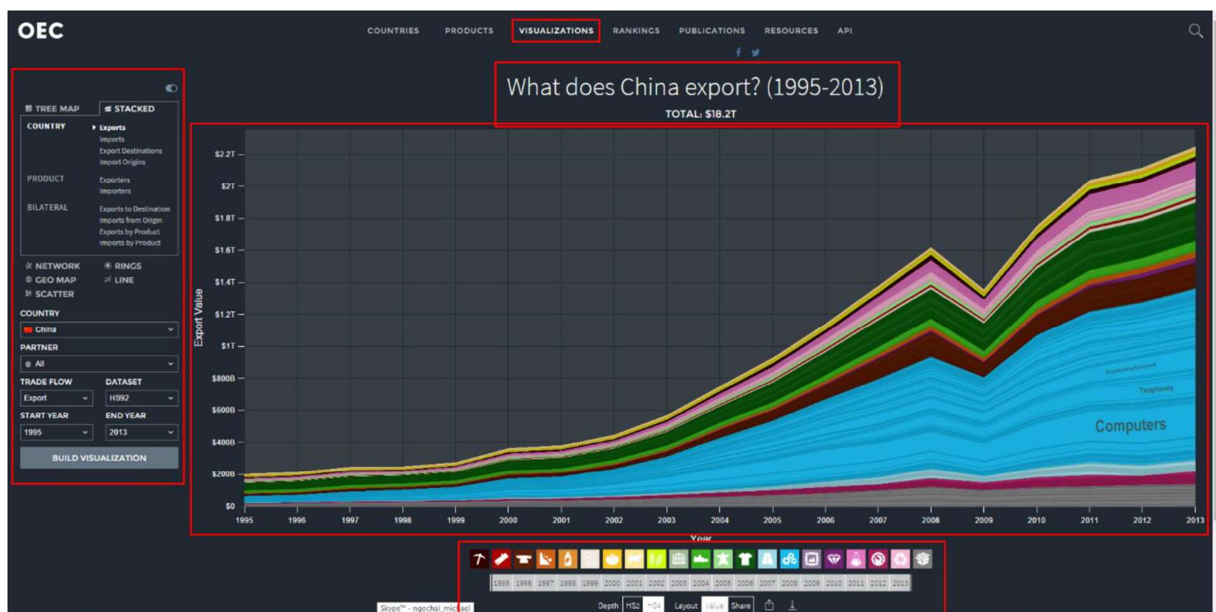
Khi các bạn vào mục này nó sẽ hiện lên bảng thống kê chi tiết, nhưng trước đó các bạn phải chọn quốc gia nào mình muốn tìm hiểu đã. Ví dụ Tôi lấy trong bức hình dưới đây là China nhé.



Hình 0.16: Bảng thống kê xuất khẩu của China trong năm 2013.

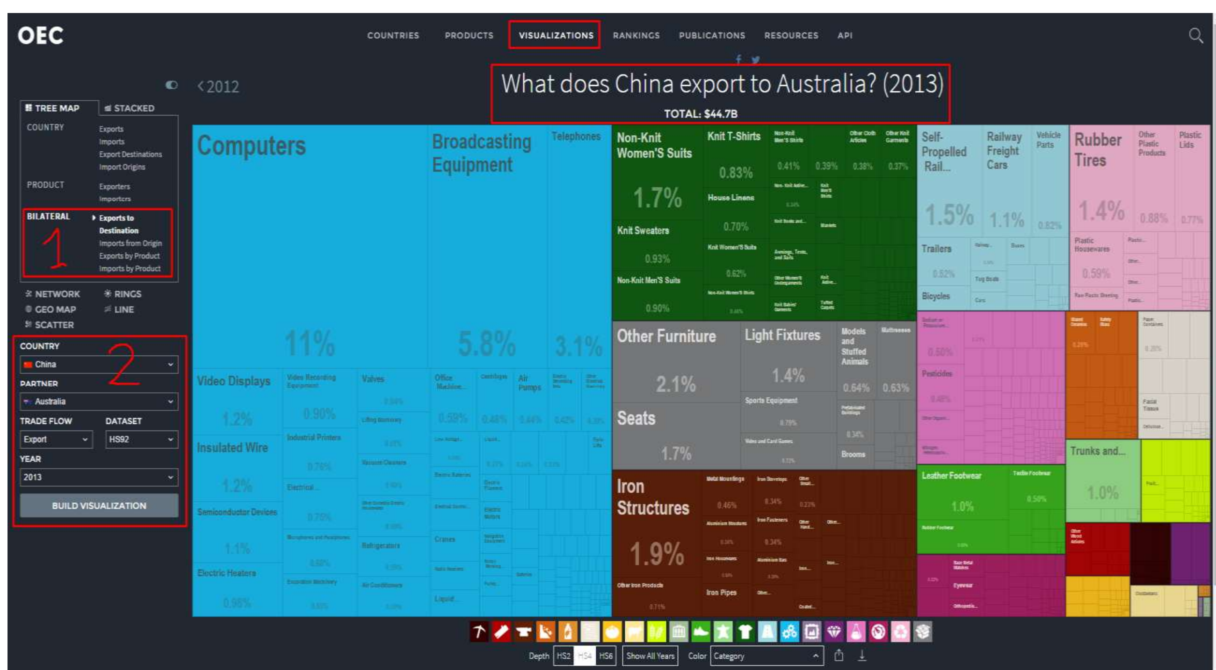
Trong hình vẽ trên là lấy đại diện kinh tế China, mục (1) đó là bảng menu những cái các bạn cần xem, có thể xem thương mại của China với một quốc gia nào đó thế nào…Có 2 mục là TREE MAPS và STACKED. TREE MAPS tức là bản đồ chi tiết như trên hình, tức là thống kê trong một năm như hiện tại là 2013, STACKED là thống kê theo tỉ lệ % và được vẽ trên biểu đồ đường line, tức là giúp chúng ta thấy tốc độ tăng trưởng trong thương mại của một quốc gia. Một nhược điểm là chúng ta chỉ thống kê được trễ 2 năm so với hiện tại, nhưng thực sự không quá quan trọng, bởi vì thương mại dù có thay đổi thì cũng cần thời gian và có chu kỳ chứ không thể thay đổi liền trong 2 năm được. (2) đó chính là thống kê chi tiết, các bạn đưa trỏ chuột vào ô nào thì nó sẽ hiển thị thống kê rõ cho mặt hàng đó. (3) là ký hiệu của các nhóm ngành hàng, và một vài thông số khác các bạn có thể tự tìm hiểu.

Mục STACKED đó các bạn có thể theo dõi bức hình dưới đây.

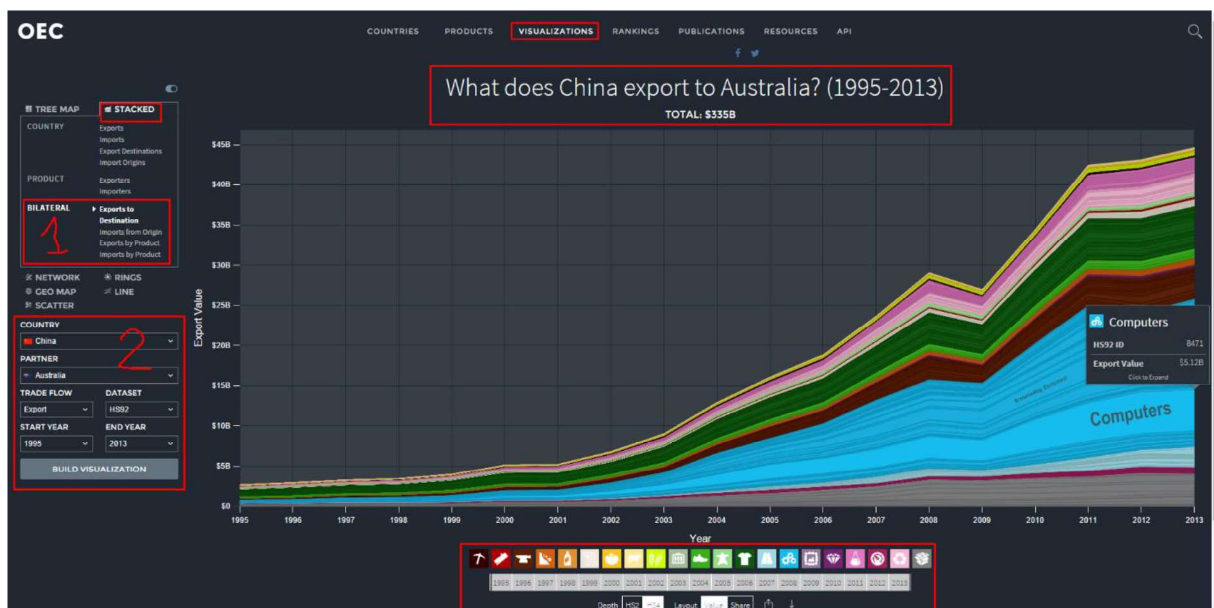


Hình 0.17: Bảng thống kê thương mại của một quốc gia theo mức độ tăng trưởng.

Nhưng trong 2 bức hình trên chỉ mới là so sánh thương mại của China và toàn thế giới. Để theo dõi chi tiết hơn thương mại của China so với một quốc gia cụ thể thì các bạn thực hiện các bước sau:



Hình 0.18: Thống kê thương mại giữa hai quốc gia với nhau.



Hình 0.19: Thống kê tăng trưởng thương mại giữa hai quốc gia với nhau.

d) ***<u>RANKINGS.</u>***

Mục này các bạn có thể theo dõi thông kê từ trên xuống theo tổng giá trị thương mại của các quốc gia trên thế giới, nó sẽ sắp xếp theo quốc gia và theo sản phẩm, thống kê theo mức độ phức tạp của các nền kinh tế và của từng mặt hàng cụ thể.

COUNTRIES PRODUCTS VISUALIZATIONS RANKINGS PUBLICATIONS RESOURCES API

< 2012

Product Complexity Rankings (2013)

DATASET: HS92
YEAR: 2013
DEPTH: 4 Digit | 6 Digit
Download Current Year
Download All Years

Rank		ID	Product	PCI
1	▲45	8456	Non-Mechanical Removal Machinery	2.2
2	▲2	3705	Developed Exposed Photographic Material	2.18
3	▲27	9022	X-Ray Equipment	2.17
4	▼2	9010	Photo Lab Equipment	2.14
5	▲12	9027	Chemical Analysis Instruments	2.09
6	▼3	3707	Photographic Chemicals	2.08
7	▲6	8479	Machinery Having Individual Functions	2.05
8	▲1	7507	Nickel Pipes	1.99
9	▲2	8457	Metalworking Transfer Machines	1.98
10	▼9	8209	Tool Plates	1.97

TỔNG KẾT CÁC VẤN ĐỀ TRONG GIAO DỊCH TÀI CHÍNH NÓI CHUNG.

10 QUY TẮC VÀNG TRONG PHÂN TÍCH KỸ THUẬT CỦA JOHN MURPHY.

John Murphy được xem là một trong những bậc thầy về phân tích kỹ thuật hiện nay của thế giới.

John Murphy còn là tác giả nổi tiếng chuyên viết về các đề tài phân tích kỹ thuật, với các tác phẩm bán chạy (best seller) như Technical of the Financial Markets, Trading with Intermarket , và The Visual Investor.

Ông hiện là Giám đốc Phân tích Kỹ thuật (Chief Technical Analyst) của StockCharts.com ,10 quy tắc vàng trong giao dịch dưới đây của John Murphy đã trở nên nổi tiếng trong giới trader trên toàn thế giới.

1. Phân tích biểu đồ dài hạn để có bức tranh toàn cảnh về xu hướng thị trường. Hãy bắt đầu phân tích với biểu đồ tháng và biểu đồ tuần trong vài năm liên tục. Bức tranh toàn cảnh trong một giai đoạn dài hơn sẽ giúp tăng khả năng nhận biết và thấu hiểu về triển vọng dài hạn của thị trường. Sau khi đã có quan điểm về xu hướng dài hạn của thị trường, hãy phân tích biểu đồ giao dịch ngày (daily) và trong phiên (intra-day).Cần lưu ý là bạn có thể phạm sai lầm nếu chỉ phân tích xu hướng thị trường ngắn hạn. Thậm chí nếu bạn giao dịch trong khung thời gian cực ngắn thì cũng sẽ hiệu quả hơn nếu bạn giao dịch cùng hướng với xu hướng trung hạn và dài hạn của thị trường.

2. Xác định xu hướng và đi theo nó. Xu hướng thị trường có thể là dài hạn, trung hạn hay ngắn hạn. Đầu tiên, hãy xác định khung thời gian mà bạn sẽ giao dịch và sử dụng biểu đồ thích hợp. Hãy chắc chắn rằng bạn đang giao dịch theo đúng hướng của xu hướng đó. Mua vào lúc thị trường giảm khi xu hướng đang là tăng giá, và bán vào lúc thị trường tăng khi xu hướng đang là giảm giá. Nếu bạn đang giao dịch theo trung hạn, thì nên sử dụng biểu đồ ngày và tuần. Nếu bạn là người giao dịch trong ngày, thì nên dùng biểu đồ ngày và trong ngày. Nhưng cần lưu ý rằng trong mọi trường hợp, hãy xác định xu hướng bằng biểu

đồ dài hạn hơn, rồi sau đó sử dụng biểu đồ ngắn hạn hơn để xác định thời điểm giao dịch (timing).

3. Tìm đỉnh/đáy hay là ngưỡng hỗ trợ/kháng cự. Điểm tốt nhất để mua vào là gần ngưỡng hỗ trợ, ngưỡng này thường là đáy liền trước đó. Ngược lại, điểm tốt nhất để bán ra là gần ngưỡng kháng cự, thường là đỉnh liền trước đó. Sau khi đỉnh kháng cự bị phá vỡ thì thông thường nó sẽ tạo (trở thành ngưỡng) hỗ trợ cho những đợt hồi phục sau đó. Nói cách khác, đỉnh cũ sẽ trở thành đáy mới. Tương tự, khi ngưỡng hỗ trợ bị phá vỡ thì thông thường nó sẽ khiến người ta đẩy mạnh bán ra trong những đợt phục hồi trở lại sau đó; và đỉnh cũ có thể trở thành đáy mới.

4. Tỷ lệ % "dội ngược" trở lại (Retracement). Sau khi thị trường điều chỉnh tăng hoặc giảm thì thường diễn ra một đợt "dội ngược" trở lại của xu hướng trước đó. Chúng ta có thể đo sự điều chỉnh "dội ngược" trong xu hướng hiện tại của thị trường theo tỷ lệ phần trăm. Mức 50% của xu hướng trước là phổ biến nhất. Mức tối thiểu thường là 1/3 của xu hướng trước, trong khi mức tối đa thường là 2/3. Cũng cần theo dõi các mức retracement theo các mốc Fibonacci 38% và 62%. Vì vậy, có thể thấy trong quá trình điều chỉnh giảm của một xu hướng tăng giá, điểm mua ban đầu thường nằm trong khu vực retracement 33%-38%.

5. Vẽ đường xu hướng (Trendline). Đường xu hướng là một trong những công cụ phân tích đơn giản nhưng có hiệu quả nhất. Tất cả những gì bạn cần là một đường thẳng và 2 điểm trên đồ thị.Đường xu hướng đi lên được vẽ qua 2 điểm thấp nhất kế tiếp. Đường xu hướng đi xuống được vẽ qua 2 điểm cao nhất kế tiếp.Giá thường quay trở lại các đường xu hướng trước khi tiếp tục xu hướng của nó.Việc giá phá vỡ đường xu hướng thường báo hiệu sự thay đổi về xu hướng. Một xu hướng đúng khi đường xu hướng được chạm (test) ít nhất là 3 lần.Đường xu hướng tồn tại càng lâu và được test nhiều lần thì càng trở nên quan trọng (tức là cho tín hiệu đúng).

6. Theo sát các chỉ báo trung bình động (Moving average). Trung bình động (MA) có thể đưa ra các tín hiệu mua hoặc bán khách quan. MA cho bạn biết liệu xu hướng hiện tại

có còn tiếp diễn hay không, và giúp xác nhận sự thay đổi trong xu hướng. Tuy nhiên, MA không cho bạn biết trước rằng sự thay đổi xu hướng sẽ diễn ra, nói cách khác MA là một chỉ báo cho tín hiệu trễ (lagging indicator). Một trong những cách phổ biến nhất để tìm tín hiệu giao dịch là kết hợp 2 MA. Một số cặp MA được sử dụng phổ biến trong giao dịch thị trường tương lai là MA 4 ngày và MA 9 ngày, MA 9 ngày và MA 18 ngày, MA 5 ngày và MA 20 ngày.

Tín hiệu xuất hiện khi đường MA ngắn hạn hơn giao cắt với đường MA dài hạn hơn. Giá cắt lên trên hoặc xuống dưới đường MA 40 ngày cũng tạo ra những tín hiệu giao dịch hiệu quả. Vì MA là chỉ báo giao dịch theo xu hướng nên chúng chỉ hoạt động tốt nhất trong thị trường có xu hướng rõ ràng (trending market).

7. Nhận biết điểm đảo chiều bằng cách theo dõi các chỉ báo dao động (oscillators). Các chỉ báo dao động giúp nhận diện liệu thị trường có đang trong tình trạng quá mua (overbought) hay quá bán (oversold) hay không. Trong khi MA giúp xác nhận sự thay đổi xu hướng thì các chỉ báo dao động thường giúp cảnh báo trước rằng thị trường đã tăng giá hoặc giảm giá quá mức và sẽ sớm quay đầu. Hai chỉ báo dao động phổ biến nhất là RSI (Relative Strength Index) và Stochasics. Hai chỉ báo này dao động trong phạm vi từ 0 đến 100. RSI trên mức 70 báo hiệu ở vùng quá mua, trong khi dưới mức 30 thì ở vùng quá bán. Các giá trị quá mua và quá của Stochastics lần lượt là 80 và 20. Phần lớn các nhà giao dịch sử dụng 14 ngày hoặc tuần đối với Stochastics, và 9 hoặc 14 ngày hoặc tuần đối với RSI. Sự phân kỳ (divergence) của chỉ báo dao động thường cảnh báo sự đảo chiều thị trường. Những công cụ này hoạt động tốt nhất trong thị trường dao động với biên độ hẹp. Các tín hiệu tuần có thể sử dụng làm bộ lọc cho các tín hiệu ngày. Các tín hiệu ngày có thể sử dụng làm bộ lọc cho đồ thị trong ngày.

8. Nhận biết tín hiệu cảnh báo – Giao dịch theo MACD. Chỉ báo Trung bình động Hội tụ – Phân kỳ (Moving Average Convergence Divergence, MACD) do Gerald Appel phát triển là kết hợp của hệ thống giao cắt các MA với các yếu tố quá mua/quá bán của một chỉ báo dao động. Tín hiệu mua xuất hiện khi đường chạy nhanh hơn giao cắt lên trên đường chạy chậm hơn và cả hai đường nằm dưới mức 0. Tín hiệu bán xuất hiện khi đường chạy

nhanh hơn giao cắt xuống dưới đường chạy chậm hơn từ trên đường số 0. Các tín hiệu tuần ưu tiên hơn các tín hiệu ngày. Chỉ báo MACD Histogram biểu thị sự chênh lệch giữa 2 đường MA này và cho những cảnh báo sớm hơn về sự thay đổi xu hướng. Nó được gọi là "Histogram" bởi vì các thanh dọc được sử dụng để biểu thị sự chênh lệch giữa 2 đường MA trên đồ thị.

9. Thị trường có xu hướng hay không. Đường chỉ số xu hướng trung bình (Average Directional Movement Index, ADX) giúp xác định thị trường đang có xu hướng hay không. ADX đo mức độ và hướng của xu hướng trong thị trường. Đường ADX tăng lên cho thấy sự hiện diện của một xu hướng mạnh. Đường ADX giảm xuống cho thấy thị trường không có xu hướng rõ ràng. Bằng cách đánh dấu hướng của đường ADX, trader có thể xác định cách giao dịch và bộ chỉ báo nào là phù hợp nhất đối với hoàn cảnh thị trường hiện tại.

10. Nhận biết các tín hiệu xác nhận (Confirming Sign), bao gồm khối lượng (volume) và hợp đồng tương lai đang hiệu lực (open interest). Khối lượng và hợp đồng tương lai đang hiệu lực là những chỉ báo xác nhận quan trọng trong các thị trường tương lai. Khối lượng giao dịch đi trước giá. Cần phải chắc chắn rằng khối lượng giao dịch cao hơn xuất hiện theo hướng của xu hướng chi phối. Trong một xu hướng tăng giá, khối lượng giao dịch cao hơn phải xuất hiện vào những ngày tăng giá. Số hợp đồng tương lai đang hiệu lực tăng lên xác nhận rằng lượng tiền mới vào thị trường đang hỗ trợ xu hướng chi phối. Ngược lại, hợp đồng tương lai đang hiệu lực giảm thường là một cảnh báo cho biết xu hướng gần kết thúc. Một xu hướng tăng giá vững chắc cần được đi kèm theo bằng khối lượng tăng và hợp đồng tương lai đang hiệu lực tăng.

TỔNG KẾT 10 QUY TẮC SỐNG CÒN TRONG TRADING!

Trader Rule 01: Plan Your Trades; Trade Your Plan -Lập kế hoạch trade

Nghiên cứu cho thật kỹ, rồi hãy trade. Đừng trade xong rồi mới nghiên cứu. Đây là một lỗi rất thông thường cho những người mới học trade. Đối với họ, cái hào hứng khi nhập cuộc chơi quyến rủ nhiều hơn là ngồi ngoài, dò xét, học hỏi về thị trường. Tâm lý của người trong cuộc là ai cũng muốn thắng, hay là ai cũng nghĩ đến mình sẽ thắng. Nhưng ít ai lại chịu suy nghĩ làm sao thắng. Trading trong các markets như currency, futures, options là a zero-sum game. Zero-sum game có nghĩa là phải có trong cuộc chơi này tổng số tiền của thị trường không thay đổi (zero sum). Nhưng sẽ có người thua và người thắng. Tiền của người thắng đến từ túi người thua, chứ không phải đến từ thị trường.

Trader Rule 02: Cutloss confused – tự thêm vào !!!

John Murphy dạy rằng không nên châm tiền vào (meeting a margin call), hay nói theo tiếng lóng của traders là THROWING MONEY AFTER BAD STOCKS. Lập luận này có nghĩa là anh đã sai khi anh mua cái stock đó rồi (stock rớt = anh sai). Nếu anh đã sai thì tại sao anh còn muốn sai thêm nữa? Đó là chủ ý của câu nói: Don't throw good money after bad stocks. Ý nghĩa của câu này cũng như cutting loss thôi. Trong trường hợp này anh không bán, nhưng broker bán dùm anh. Nhà bank chỉ cho anh mượn tiền, chứ không có đầu tư hay trade chung với anh. Thành ra, khi stock anh mà rớt thì chuyện đầu tiên nhà bank muốn làm là bảo vệ vốn họ đã bỏ ra. Khi họ thấy vốn anh mỏng dần vì stock rớt là họ kêu anh bỏ thêm vào. Dần dần các anh thấy rằng cutloss là một hành động tối cần thiết để giữ vốn, và cũng là một việc làm CỰC KỲ khó khăn của một người traders. Người ta không ai thích cut loss cả. Họ nuôi mải hy vọng. Thậm chí khi nói đến cutting loss là người quạu liền. Nhưng đó là bề trái của trading.

Không học cutting loss thì ĐỪNG NÊN TRADE. Thói thường của đời là thấy stocks xuống thì mong cho nó lên. Cutting loss thì sợ mất nó. Hôm nay stock rớt xuống còn bao nhiêu đó. Cutting loss ngay bây giờ thì anh biết chắc chắn là anh còn bấy nhiêu đấy. Anh bình an trong nhức buốt của cái thua. Nhưng điều anh còn là mạng sống. Cuộc chơi vẫn

còn đối với anh. Không cut loss ngồi đó liếm hoài vết thương. Mỗi khi stock rớt xuống thêm thì vốn càng teo lại hơn nữa. Thói đời thường là lúc cần cut ngay thì người ta chần chừ. Nhưng đến lúc quá mệt mỏi vì áp lực tâm lý hay đến lúc cạn kiệt thì họ mới cut. Lúc đó lại là lúc nên mua, vì đó lại là bottom. Đời nó có cái quái đản thế đó. Và dường như nó chỉ xảy ra với mình mà thôi !!!.Tâm trạng này ai cũng có qua hết. Không ít thì nhiều. Chú nào nói chưa có là xạo, hay chưa nếm đủ hương vị "ngọt ngào" của trading. Bởi thế tại sao người ta đặt một số % nhất định khi bước vào. Trật là ra không hối tiếc. Làm một vài lần sẽ quen thôi. Quen rồi, nhớ lại lúc xưa sao mình ngu dể sợ. Cứ ôm hoài một niềm đau nhức buốt của trading.

Trader Rule 03: TREND – xu hướng

Bài học chính của trading, trong tất cả các market, là đi theo hướng chính của thị trường đã và đang đi. Đó gọi là TREND. Trend nhiều khi có từng đợt, giống như đợt sóng. Up trend và down trend. Mỗi một đợt sóng nhiều khi kéo dài thật lâu, nhưng nhiều khi cũng thật ngắn. Không đợt sóng nào giống nhau. Công việc chính của bạn trong thị trường là dò các cơn sóng, và đi theo nó. Đơn giản vậy thôi. Tuy nói ra thì nghe rất đơn giản, nhưng trên thực tế thì không đơn giản tí nào. Nhưng nếu bạn quyết định chọn nghề này để làm kế sinh nhai thì bạn phải ráng tìm các đợt sóng của thị trường mà đi theo, nếu bạn muốn sống còn với nó. Điều thứ nhì mà bạn nên biết là đừng bao giờ cố gắng tìm kiếm hai điểm quan trọng nhất của thị trường. Đó là hai điểm cao nhất (top) và điểm thấp nhất (bottom). Từ lúc thị trường tài chánh được trao đổi mua bán đến nay cũng ít gì hơn 100 năm. Trong khoảng thời gian dài hơn một thế kỹ này đã có không biết bao nhiêu nhân tài bỏ công, bỏ sức ra đi tìm hai cực này. Tất cả đều là vô vọng. Bạn có thể may mắn kiếm được nó một vài lần trong cuộc đời trading của mình, nhưng đừng nghĩ là bạn có thể sống trong thị trường bằng cách đi kiếm hai điểm này. Cho nên bài học thứ 3 trong cuộc chơi, và cũng là bài học để sống còn, là đừng nên kiếm hai điểm cao nhất và thấp nhất để mua và bán. Top và bottom thường xuất hiện vào những lúc bạn không ngờ nhất, và chỉ SAU KHI xuất hiện rồi thì bạn mới biết đó là Top hay Bottom. Thói thường của người là mua thấp bán cao. Thói thường

của thị trường là không mua thấp, và cũng không bán cao. Chỉ cần mua bán khúc chính giữa thôi. Bạn làm được như thế dài hạn thì cũng đủ giàu rồi.

Trader rule 04: Kỷ Luật & Tự Kỷ

Đây là một điều đúng nhất trong tất cả những điều về trading mà bạn sẽ học được. Trading quả thật không có gì khó cả nếu chỉ nhìn trên mặt của vấn đề. Ngược lại, trong chúng ta rất ít ai làm được. Lý do tại vì sao? Câu trả lời này nằm trong mỗi chúng ta. Trading là một phản ảnh của tính tình người trong cuộc chơi. Người mới trade thường chỉ chú ý vào việc mua bán, ít khi tự suy xét về hành động mua bán của mình. Đối với họ việc mua bán sẽ là quyết định của thành công trong trading. Họ chưa biết đặt câu hỏi ngược lại. Họ chưa biết tự xét mình, tự đánh dấu hỏi về sự phân tích của mình. Họ còn suy nghĩ một chiều. Trong quá trình trading, người trader sẽ thu thập rất nhiều kinh nghiệm cá nhân. Mỗi kinh nghiệm đó là kết quả của một bài học đau thương hay vui mừng. Kinh nghiệm này dần dà sẽ được lưu trữ trong đầu mỗi người. Dựa vào đấy, người trader lập ra cho mình một số luật lệ riêng biệt mà chỉ có cá nhân đó mới áp dụng chính xác được. Đem truyền cái này cho người khác họ sẽ ít thành công hơn. Những luật lệ này là những luật lệ mà từng cá nhân một phải theo cho thật sát. Nếu không thì sẽ thua rất mau.

Những traders khác như thế nào thì tôi không biết, riêng cá nhân tôi, tôi có một số luật bất di bất dịch. Và tôi theo nó như một cái máy. Cái này giúp tôi sống còn trong bao năm tháng của trading. Nhưng không có gì trong đời là tuyệt đối, nhất là trong trading. Cho nên rất nhiều khi tôi bỏ mất cơ hội để thắng vì cái trade đó không có đưa ra signals mà tôi muốn. Những lúc đó, nó đánh một câu hỏi lớn về phương pháp của mình. Tôi có những hoài nghi về phương thức mình đã chọn. Và cũng rất nhiều lần tôi bỏ nó để trade theo cái gì mình thích, trade theo cảm tình. Nhưng dần dà thời gian qua, tôi thấy chỉ có nó là cách thức đem lại cho tôi nhiều thành công nhất. Đọc giả của website này phần lớn, nếu không nói là hầu hết, đều là những người mới học trade. Nhiều lắm là vài năm. Ít lắm thì vài tháng. Các bạn đang và sẽ đi trên con đường tôi đã đi qua. Đó là con đường có khá nhiều chông gai. Trên con đường này các bạn sẽ gặp những khó khăn y như tôi đã gặp. Nhưng tùy theo khả năng hấp thụ của từng người trên đoạn đường này sẽ làm bạn thành một người

trader giỏi, một trader trung bình, hay tệ hơn, là một người thua. Một số lớn các bạn đọc giòng chữ này hôm nay sẽ bỏ cuộc, sẽ chọn một nghề khác. Đường vào Wall St. thênh thang lắm, nhưng rất ít kẻ đi hết đoạn đường.

Trading Rule 05: Stop Loss – Cắt lỗ

Đừng bao giờ hủy bỏ một stop loss order sau khi bạn đã đặt xong. Thông thường thì người mới học trade chưa biết xài stop loss. Họ mua xong rồi bỏ đó. Nếu thấy nó xuống thì lo. Nó lên thì mừng. Nếu nó xuống quá nhiều thì đành chịu vậy. Giai đoạn thứ nhì là tập đặt stop loss. Nhưng rồi khi thấy stocks xuống nhiều quá, họ lại dời stop loss xuống một mức thấp hơn hay có thể hủy bỏ stop loss order luôn. Trading thì không ai muốn thua, nhưng muốn thành công trong trading thì phải chấp nhận rằng THUA là một điều phải có. Không thể nào tránh khỏi được. Điều mình có thể làm khi thua là giảm bớt nó đi. Và phương cách giảm bớt cái thua là stop loss. Và nếu hủy bỏ stop loss thì cái thua sẽ tăng. Một điều mà các bạn nên nhớ rằng là thị trường nó không biết bạn đang thua. Với một hướng đi hiện tại mà nó đang đi (lên/xuống) là kết quả của một lối suy nghĩ của tất cả các người trong cuộc chơi gom lại. Chừng nào họ thay đổi lối suy nghĩ về thị trường hiện tại thì hướng đi của giá mới thay đổi theo. Bằng không thì nó vẫn sẽ đi theo hướng đi hiện tại. Bạn hay bất cứ một người nào khác không thể nào tiên đoán được KHI nào người ta sẽ thay đổi cái nhìn về thị trường, và giá sẽ thay đổi theo. Vì thế phương pháp tự bảo vệ mình là một stop loss.

Trading Rule 06: Buy High & Sell Low – Mua giá cao, bán giá thấp

Đây là một loại momentum trading rất thịnh hành vào những năm trước 2000 ở Hoa Kỳ. Châm ngôn này đúng nhiều hơn sai, nhưng không hẳn là hoàn toàn chính xác. Theo thiển ý của tôi thì hai chữ "buy high" này là thế nào? Buy khi stock hay currency đang lên cao hơn điểm 52-week high, hay là cao hơn một điểm nào đó? Theo kinh nghiệm riêng của tôi thì khi buy high bạn phải xác định lại cái trend của thị trường. Trend càng dài, càng lâu, và đặc biệt nhứt là càng vững. Vững ở đây có nghĩa là chiều dài của trend (6 tháng, 1 năm chẳng hạn) không có giao động nhiều. Nó đi một đường tương đối thẳng thì đó là một dấu

hiệu tốt và nên mua cho dù giá có cao hơn lúc trước. Kinh nghiệm cá nhân của tôi trong định luật này là thị trường oil của gần 2 năm về trước khi oil lên đến 40/barrel. Lúc ấy 40/barrel là một điều không tưởng được vì chỉ 3 năm trước thôi, nó còn giá 15-20. Nhưng nếu nhìn cái chiều dài của cái trend thì thấy nó đi một lần thẳng. Slop (độ cao) và thời gian dài của trend là tôi yên tâm là nó sẽ đi lên nữa. Đây chỉ là kinh nghiệm cá nhân. Các bạn phải thực hành mới có được kinh nghiệm cho cá nhân. Xài kinh nghiệm người khác chỉ là phụ thôi. Trading rất là personal. Kiểu trade của một người khó mà áp dụng cho người khác được.

Sell Low: Cái này tương đối khó hơn buy high. Lý do là phần đông những ai lọt vào vị trí này thường là đang lỗ. Và bán lỗ là một điều ít ai thích làm. Người ta mong sao cho stock hay đồng tiền mình vừa mua lên lại để họ có cơ hội bán ra để tránh lỗ, hay để giảm cái lỗ đi. Tuy nhiên, thị trường rất ít khi làm vừa lòng người. Lúc mình cần nó "cứu bồ" thì nó thường đi xuống luôn, làm cho mình càng thêm tuyệt vọng. Trong chúng ta ai có tí kinh nghiệm xương máu trong trò chơi này đều có cảm giác tuyệt vọng như trên một vài lần trong đời trading. Ngoài ra, một trong những lý do mà người ta khó bán thấp là để giảm cái thua là vì người ta luôn "nhìn ngược dòng thời gian" để biện minh cho sự kiện giá cả của hôm nay. Họ nghĩ rằng giá của hôm nay so với giá của mấy ngày trước quả là "thấp" lắm rùi. Stocks hay đồng tiền vừa mua sẽ khó xuống thêm nữa. Đâu ai biết được rằng vài ngày sau đó thì giá sẽ thấp hơn giá bây giờ luôn. Kinh nghiệm này trong chúng ta ai cũng có, và rất ít người tránh được lúc ban đầu. Selling low là một nghệ thuật, thường đòi hỏi một kỷ luật nghiêm chỉnh mới có thể thực hành được. Theo thiển ý của tôi thì nó còn khó hơn là BUY HIGH nhiều lắm.

Trading Rule 07: Hãy chấp nhận thắng thua một cách bình thường.

Là một người trader, bạn cũng như một người lính ra trận. Không thể nào bạn tránh khỏi bị thương. Vấn đề chỉ là lúc này hay lúc khác thôi. Điểm chính của việc thua lỗ trong trading là thái độ của bạn đối với nó như thế nào. Đừng đặt nặng vấn đề tình cảm vào nó nhiều quá. Tiền dĩ nhiên là rất quan trọng, nhưng quan trọng hơn là tư cách của bạn trong việc thắng thua. Người không cho tình cảm chi phối nhiều thường là người có nhiều cơ hội

thắng hơn. Muốn làm được việc này thì chuyện đầu tiên là trade theo khả năng tài chánh của mình. Vào cuộc chơi đừng vội nghĩ đến mình sẽ thắng. Mà hãy nghĩ đến hậu quả của cái thua. Tự hỏi mình nếu tôi thua thì sao? Wall Street không phải là nơi dể kiếm ăn. Cái thua luôn xảy ra nhiều hơn cái thắng. Nếu không chuẩn bị tinh thần thì khi thắng thua dể làm chao đảo lòng người

***Trading Rule 08: Thành Bại trong trading không phải là do khả năng tiên đoán hướng đi của thị trường trong tương lai, mà là do khả năng thua ít lời nhiều*.**

Có nhiều người lầm tưởng rằng thành công trong trading có nghĩa là tiên đoán hướng đi của thị trường. Dĩ nhiên rằng đó là một điều tiên quyết và đúng nhất. Nhưng thử hỏi mấy ai làm được hoài. Mai mắn lắm là đúng một hai lần. Chúng ta không vào trò chơi trading này với cục xí ngầu trong tay để ngày ngày gieo quẻ đoán hướng đi của thị trường. Ngược lại, chúng ta vào market với mức lỗ thấp HƠN mức lời. Đó mới là chân lý trong trading. Nếu chúng ta có thể thua 5 đồng cho mỗi cái trade, nhưng gở lại 7 đồng cho cái trade sau đó thì coi như chúng ta đã thắng.Bởi thế sự thành bại của cái trade không quan trọng bằng số tiền lời của từng cái trade. Bạn có thể thua 9 trong 10 cái trade. Mỗi lần thua bạn thua 1 đồng, nhưng cái trade cuối cùng bạn lời được 10 đồng. Bạn chọn cái nào?

Trading Rule 09: THÀ MẤT MẶT, CHỨ ĐỪNG ĐỂ MẤT TIỀN.

Traders không có sĩ diện. Tôi không biết ai phán câu này. Nhưng nó là chân lý đấy. Nhiều người nhảy vào một cái position, nhận ra rằng đó là sai, nhưng vẫn quyết định ngồi lỳ trong đó cho đến khi mình thắng. Họ nhất quyết không chấp nhận thua. Họ trọng sĩ diện của mình hơn túi tiền. Đây là một phản ứng rất bình thường của con người. Muốn thành công trong thế giới trading này, người traders phải làm ngược lại. Họ không cần biết sĩ diện, chỉ cần biết là nếu sai là cut loss liền. Sai trong market là một chuyện đương nhiên. Không sai mới là lạ. Bao nhiêu cái accounts đã tan nát trong forex market chỉ vì cái sĩ diện? Rất ít người nhận ra cái này trong lúc trade. Điều mà người traders nên phân biệt giữa cái gọi là sĩ diện và cái gọi là kiên nhẫn chờ đợi để market nó quay về. Nếu sau khi nhảy vào rồi, thấy market hoàn toàn đi ngược lối mình suy luận. Những tin tức đưa ra, cộng thêm

cường độ của giá nhảy v…vvv…làm cho mình biết rằng mình đã sai. Đó là lúc nên bỏ chạy. Còn nếu nhảy vào rồi, nhưng những lúc đầu tiên market chưa hoàn toàn đi theo hướng mình mong muốn, và cái loss không to lắm. Market lúc đó cũng chưa có một hướng đi dứt khoát thì rất có thể cái trade của mình cần chút kiên nhẫn. Khả năng phân biệt được cái nào là cái nào và làm gì, tùy thuộc vào kinh nghiệm cá nhân và sự nhạy bén về market của từng người.

Trading Rule 10: BẠN CÓ BAO GIỜ BỊ LỖ TRONG TRADING CHƯA? NẾU CÓ, HÃY QUÊN NÓ ĐI. NGƯỢC LẠI, BẠN CÓ BAO GIỜ LỜI TRONG TRADING CHƯA? NẾU CÓ, HÃY QUÊN NÓ CÒN NHANH HƠN NỮA.

Traders không có thời giờ ngồi liếm "vết thương lòng" hay vuốt ve tự ái cá nhân. Nghiệp trade là một nghiệp va cham rất nhiều. Nếu bạn để nó trong lòng thì không bao giờ khá được. Bạn nên nhớ rằng tiền vô hay tiền ra là luật tự nhiên của nghề. Công việc chính của bạn là giữ tiền vô nhiều hơn để tiền chạy ra. Bạn cứ nghĩ rằng ai đó vừa mướn bạn canh chừng số tiền của họ. Và công việc của bạn chỉ giữ cho số tiền vào nhiều hơn số tiền ra là được. Đừng buồn khi bị thua, mà cũng đừng mừng khi thắng. Buồn khi thua sẽ làm bạn khó gở. Vui khi thắng dể làm bạn mua thua. Chân lý của trading là thế đấy. Nếu bạn tạm sửa lại cái lối suy nghĩ khi trade, chẳng hạn như đừng xem cái accounts trước mặt là của bạn. Nó là của ai đó đang mướn bạn trong chừng, trade cho người ta. Tự nhiên bạn sẽ thấy cẩn thận và trade theo nguyên tắc mình đặt ra lúc ban đầu. Cái này sẽ giúp bạn thắng nhiều hơn thua. Cái này không hẳn.

Trading nó khác hơn những nghề khác là chỗ này đây. Người ta gọi đó là ASYMMETRIC. Asymmetric tạm dịch là MÉO, không đồng đều. Khi anh chấp nhận 2% loss, anh có thể chấp nhận 10% profit. Có nghĩa là sau khi open a position xong và thua thì anh sẽ cutloss @ 2%. Ngược lại, khi anh nhảy vào và lời khoảng 2% rồi thì anh không hẳn phải đi ra. Anh có thể ngồi đến mức mà anh muốn. Ngồi bao lâu để lời thêm bao nhiêu thì tùy. Giai đoạn này mới là giai đoạn phân biệt giữa người biết trade và người không biết trade. Tại vì lúc mới nhảy vô (long/short) thì xác xuất thắng thua cũng y như nhau thôi (50/50). Người biết trade là người thấy rỏ rằng cái trade mình mới nhảy vô đó đúng là a

good trade. Và khi anh thấy a good trade rồi thì anh làm gì? Anh pound thêm vào nữa. Hành động này giống y như con cá mập sau khi hửi mùi máu. Con cá mập sau khi đánh hơi được con mồi, cái cắn đầu tiên rất nhẹ, vừa đủ để phân biệt được đó là con mồi. Sau khi xác định xong là nó tấn công như vũ bảo. Đó là tại sao người ta thường ví traders như là sharks. Tại vì a good trader khi thấy được mục tiêu là nó đập vào max luôn trong thời gian cực ngắn. Đó là tại sao trên chart anh thấy break out/down. Hiểu không? Tôi gọi phương pháp này là cách đi tiền trong trading. Bởi thế, trên thực tế số % thắng thua chỉ là 50% thôi, nhưng SỐ TIỀN thắng và thua (winning ratio thì rất cao). Người biết trade không phải là người biết sửa cái ratio này. Cha nào viết sách tuyên bố có thể tilt cái ratio này là XẠO. Vì đây là một PROBABILITY không thể thay đổi được. Tại sao nó không thể thay đổi được? Tại vì trên đời này CHƯA CÓ NGƯỜI nhìn thấy tương lai một cách chính xác. Vì chưa thấy chính xác cho nên mỗi lần xuống tay cũng chỉ là 50/50 ăn thua thôi. Nhưng sự kiện phân biệt được a real trader and a ROOKIE là CÁCH ĐI TIỀN trong trading.

Vì thế, khi bác đi vòng vòng trên Net, muốn đánh giá khả năng thật sự của một trader ra sao, bác không cần người ta show trade. Tại vì cái trade không nói được gì. Nó không DEFINE được khả năng người trade. Mà điều bác muốn thấy là lý luận phân tích cùng với cách thức đi tiền trong cái trade đó. Trong đây bác nào cũng biết đánh bài hết, đúng không? Các bác cho tôi biết khả năng sống sót trong một ván bài là khả năng gì? Có phải là cách thức đi tiền không? Bởi thế khi đi lang thang trên NET, bác rất dể nhận diện một chú rookie trader lắm. Dấu hiệu của một rookie trader là gì? Xác xuất trade lúc nào cũng gần 100% là THẮNG!

VIET CURRENCY

Trên đây là những quy tắc trong trading của anh Viet Currency, và các quy tắc thì cũng được nhiều tác giả khác thay đổi và bổ sung thêm, và với mỗi nhà đầu tư thì sẽ có những quy tắc khác nhau. Các quy tắc này nói thì đơn giản nhưng áp dụng và tuân thủ là rất khó, nhưng không có gì là không thể mà!

PHỤ LỤC MỘT SỐ KÝ HIỆU VIẾT TẮT ĐƯỢC SỬ DỤNG TRONG CUỐN SÁCH NÀY.

KÝ HIỆU	Ý NGHĨA
FED	Federal Reserve System – Cục dự trữ liên bang Mỹ
ECB	European Central Bank – Ngân hàng Trung Ương Châu Âu
BoC	Bank Of Canada – Ngân hàng Trung Ương Canada
BoJ	Bank Of Japan – Ngân hàng Trung ương Nhật Bản
RBNZ	Reserve Bank of New Zealand – Ngân hàng Trung Ương New Zealand
SNB	Swiss National Bank – Ngân hàng Trung Ương Thụy Sĩ
BoE	Bank Of England – Ngân hàng Trung Ương Anh
RBA	Reserve Bank of Australia – Ngân hàng Trung Ương Australia
PBOC	People's Bank of China – Ngân hàng Nhân Dân Trung Quốc

GIỚI THIỆU MỘT SỐ WEBSITE UY TÍN TRÊN THẾ GIỚI CÁC BẠN NÊN THAM KHẢO THÊM:

http://www.investing.com/	https://www.tradingview.com/
http://www.bloomberg.com/	http://www.marketwatch.com/
http://www.reuters.com/	http://www.dailyfx.com/
http://www.fxstreet.com/	http://www.forexfactory.com/
http://finance.yahoo.com/	http://atlas.media.mit.edu/
http://www.economist.com/	http://www.investopedia.com/
http://www.traderplanet.com/	http://www.financialpost.com/
http://www.efinancialnews.com/	http://www.tradingeconomics.com/
http://www.timingcharts.com/	http://www.kiplinger.com/
http://www.thestreet.com/	http://money.cnn.com/
https://www.google.com/finance	http://www.bankrate.com/
http://www.elliottwave.com/	http://www.ft.com/
http://www.treasury.gov/	http://www.wsj.com/
http://www.weforum.org/	http://stockcharts.com/

LỜI CẢM ƠN!

Lời đầu tiên Tôi xin chân thành cảm ơn tác giả cuốn sách "Giao dịch thành công với phân tích liên thị trường" Việt Trader đã giúp đỡ Tôi rất nhiều trong quá trình học hỏi, nghiên cứu và hoàn thành cuốn sách này. Rất nhiều ý tưởng trong cuốn sách được chính Việt Trader góp ý và bổ sung để giúp Tôi hoàn thành cuốn sách "Phân tích cơ bản và kỹ thuật Liên thị trường trong giao dịch tài chính" tốt nhất có thể.

CÁC NGUỒN TÀI LIỆU ĐÃ ĐƯỢC THAM KHẢO ĐỂ HOÀN THÀNH CUỐN SÁCH NÀY:

- Cuốn: "Giao dịch thành công với phân tích liên thị trường" – Tác giả: Việt Trader.
- Cuốn: "Trading with inter-market analysis" tái bản năm 2013 – Tác giả: John Murphy.
- Cuốn: "Giao dịch ngoại hối và phân tích liên thị trường" – Tác giả: Ashraf Laidi.
- Những thông tin thu thập được ở website: https://www.wikipedia.org/.
- Một số định nghĩa và những thông tin bổ sung từ: http://www.investopedia.com/.
- Các website được sử dụng và những thông tin thu được từ những website này: http://www.investing.com/ - http://www.forexfactory.com/ - https://www.tradingview.com - https://atlas.media.mit.edu/en/ .
- Một phần những kiến thức trong bộ tài liệu của anh Viet Currency.
- Và một số nguồn tài liệu khác trên Internet…

Tôi xin chân thành cảm ơn các Tác giả trên đã giúp Tôi hoàn thành cuốn sách này, cùng với đó là những nguồn tài liệu tham khảo khác và các thông tin thu thập được từ các website uy tín trên thế giới. Xin gửi lời cảm ơn chân thành nhất!

Cuối cùng Tôi xin chân thành cảm ơn Quý độc giả đã tin tưởng những gì Tôi chia sẻ. Kính chúc Quý độc giả những điều tốt đẹp nhất – giao dịch thành công và mang về những nguồn lợi nhuận tốt nhất!

Author: Tôi là một trader bình thường như bao người khác. Với tôi thị trường tài chính là niềm đam mê. Tôi thích được chia sẻ những tư duy và kỹ năng phân tích của mình với tất cả mọi người. Với mong muốn cộng đồng Trader Việt sẽ giao dịch thành công và mang về những nguồn lợi tối ưu!

Thị trường tài chính căn bản được cấu thành bởi bốn bộ phận chính, đó là bốn thị trường nhỏ hơn trong đó: Bond market (thị trường trái phiếu), Commodity market (thị trường hàng hóa), Currency market (thị trường trao đổi tiền tệ - ngoại hối) và Stock market (thị trường vốn, cổ phiếu). Ở mức độ tổng quát, có thể hiểu phân tích liên thị trường (Inter - market analysis - IA) là việc phân tích, tiên đoán diễn biến tương tại của một thị tường/ món hàng dựa trên những vận động của thị trường/ món hàng khác.

TRÂN TRỌNG VÀ KÍNH CHÚC QUÝ ĐỘC GIẢ GIAO DỊCH THÀNH CÔNG!